

Yann Martel

Cuộc đời của Pi

Dịch giả : Trịnh Lữ

Lời người dịch

Yann Martel

Yann Martel sinh ở Tây Ban Nha nhưng hiện đang sống tại Montréal, Canada. Ông đã nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết Bản ngã và tuyển tập truyện ngắn nhan đề Những sự kiện có thật đằng sau vụ Roccamattios Helsinki. Cuộc đời của Pi là cuốn sách thứ ba của ông, được tặng Giải thưởng Man Booker năm 2002.

Man Booker là giải thưởng văn học lớn trên thế giới đã có từ ba mươi lăm năm nay. Giải được bình chọn hàng năm, và chỉ dành cho các tác giả viết tiểu thuyết là công dân của khối liên hiệp Anh và Cộng hoà Ái Nhĩ Lan. Ban giám khảo gồm các nhà phê bình, nhà văn và các nhà nghiên cứu có uy tín nhất của vương quốc Anh. Giải thưởng này có ảnh hưởng lớn đến nỗi nó làm biến đổi số phận của cả tác giả và nhà xuất bản nào đã in ra tác phẩm được giải. Ngoài số tiền năm mươi ngàn bảng Anh tặng cho tác giả, cuốn Cuộc đời của Pi đã trở thành cuốn sách bán chạy nhất trên khắp thế giới. Nhà xuất bản của năm 2002

Dịch giả: Trịnh Lữ Cuốn sách này được Yann Martel viết vào năm 1996 và được tặng giải thưởng Booker 2002. Nhà Xuất bản Văn Học đã đưa cuốn "Cuộc đời của Pi - Yann Martel" đến với độc giả Việt Nam.

"Cuốn sách là một câu chuyện hiện thực sống động về sự sống sót giữa biển khơi. Một mặt là chuyện thám hiểm, một minh chứng về việc hoàn cảnh cùng quẫn làm thay đổi con người như thế nào. Mặt khác là sự suy ngẫm sâu xa về vai trò của tôn giáo trong đời sống, về bản chất của động vật, thiên nhiên và con người. Ngôn ngữ của ông sống động và ấn tượng. Trí tưởng tượng rộng lớn, khả năng thuyết phục gần như không giới hạn. Yann Martel sẽ trở thành một trong những nhà văn Canada vĩ đại nhất" (The Hamilton Spectator).

Lời người dịch Lúc đầu tôi đã định không nhận dịch cuốn sách này. Tôi hay nghi ngờ các giải thưởng văn học và nhất là danh sách các cuốn sách bán chạy nhất. Nhưng càng dịch, tôi càng thấy mình đã lầm. Bây giờ tôi thấy biết ơn những người đã cố ép tôi làm việc đó. Tôi xin cảm ơn những người xuất bản cuốn sách đã tin tưởng ở tôi.

Lê Quý Đôn viết: “ Đọc sách mà tìm được một ý hay, ví dụ như có được một thuyền hạt ngọc.” Tôi đọc Cuộc đời của Pi, có được rất nhiều thuyền hạt ngọc như thế, những hạt ngọc không biến được cho ai nhưng chính vì vậy mà không bao giờ lo mất, cứ tỏa sáng mãi trong lòng. Cuộc đời của Pi là ngụ ngôn hậu hiện đại chăng? Tôi không dám nói liều. Như tác giả đã viết qua lời một nhân vật, câu chuyện này sẽ khiến cho ta tin vào Thượng Đế. Dịch xong cuốn sách, tôi nhận ra một điều: Thượng Đế ở đây chính là con người biết sống theo lẽ yêu thương và có quyền sáng tạo theo trí tưởng tượng. Giờ đây, khi cả thế giới đang biến thành một cái siêu thị và đạo đức ngày càng lệ thuộc vào qui luật tài chính và thương mại, thông điệp ấy của tác giả càng nên được truyền bá rộng rãi.

Mặc dù đã cố gắng, tôi biết bản dịch thế nào cũng có sai sót, nhất là những chi tiết liên quan đến khoa động vật học. Rất mong được độc giả chỉ giáo. Dù sao, tôi tin rằng cuộc đời của Pi không phải là vì thế mà mất đi các thuyền ngọc trong nguyên bản của nó. Những thuyền ngọc ấy, tôi nghĩ, vẫn được giấu nguyên vẹn giữa những dòng chữ của bản tiếng Việt.

Tôi đã rất thích thú và vỡ òa được nhiều điều ở đời cũng như trong văn chương khi dịch Cuộc đời của Pi. Mong rằng quý độc giả cũng sẽ thấy thế khi đọc nó.

Trịnh Lữ

Cuốn sách này ra đời khi tôi đói. Số là, mùa xuân năm 1996, cuốn thứ hai của tôi, một cuốn tiểu thuyết ra mắt bạn đọc ở Canada. Nó chẳng đi đến đâu. Đám điểm sách lúng túng, hoặc kết án tử hình nó bằng những lời khen nhạt nhẽo. Độc giả phớt lờ nó. Tôi giờ hết các ngón nghề và nhào lộn trong rạp xiếc truyền thông đại chúng, nhưng vẫn chẳng ăn thua gì. Cuốn sách không nhúc nhích được tí nào. Sách xếp trên kệ trong cửa hàng như bọn trẻ đứng chờ để được chơi bóng chày hoặc bóng đá, và cuốn sách của tôi là thằng nhóc oặt oẹ và không ai muốn lấy vào đội của mình. Nó im lìm và nhanh chóng biến mất.

Thất bại ấy cũng không làm tôi nao núng nhiều lắm. Tôi lại bắt tay vào viết một cuốn khác, một tiểu thuyết có khung cảnh tại Bồ Đào Nha thời 1939. Chỉ có điều, trong bụng cứ bứt rứt không yên. Và lại vẫn còn ít tiền.

Thế là tôi đi Bombay. Việc đó cũng không phi lý lắm nếu độc giả hiểu được ba điều: thứ nhất bất cứ sinh linh nào nếu muốn hết bần chòn thì cứ đến Ấn Độ và làm một việc gì đó trong một thời gian nhất định, thứ hai: ở đó có thể sống dài dài với một món tiền ít ỏi; và thứ ba là một tiểu thuyết có khung cảnh Bồ Đào Nha thời 1939 chưa chắc đã phải dính dáng gì đến Bồ Đào Nha thời 1939.

Trước đó tôi đã từng ở Ấn Độ, miền Bắc, năm tháng trời. Tôi hoàn toàn không có chuẩn bị gì cho chuyến đi đầu tiên ấy đến tiểu lục địa. Thực ra, tôi được chuẩn bị có một chữ thôi. Khi tôi hàn huyên về các dự định cho chuyến đi với một người bạn biết nhiều về xứ sở ấy, anh ta thủng thẳng nói, “Ở Ấn Độ người ta nói một thứ tiếng Anh quấy lắm. Họ thích những từ chẳng hạn như là bamboozle.” Tôi nhớ đến câu nói ấy của anh ta khi máy bay bắt đầu giảm độ cao để hạ cánh xuống Dehli, và từ bamboozle trở thành sự chuẩn bị duy nhất của tôi cho cái thế giới điên rồ, âm ỉ, muôn mặt nhưng vẫn đầu ra đũa của Ấn Độ. Tôi đã có dịp dùng đến cái từ ấy, và nói thực tình, nói cũng đặc lực. Tôi bảo một thầy ký ga xe lửa: “Chẳng nhẽ giá vé đắt đến thế kia à. Thầy không định bamboozle tôi đấy chứ? Thầy ký mỉm cười, nói như hát, “Không đâu thưa ngài! Không có bam-bu-zur bam-bu-ziếc gì ở đây cả. Chúng tôi nói đúng giá vé đấy ạ.” Lần thứ hai đi Ấn Độ, tôi biết điều hơn về những gì có thể xảy ra và biết mình muốn gì: tôi sẽ yên vị ở một đồn điền trung du và viết cuốn tiểu thuyết của mình. Tôi mừng rỡ tưởng rằng mình đang ngồi ở bàn trong một hàng hiên rộng, giấy tờ ghi chép ngổn ngang, bên cạnh một tách trà nghi ngút. Những triền đồi xanh mướt dày đặc sương mù trải dài dưới chân, và tiếng kêu lảnh lót của các bầy khi sẽ lấp đầy màng nhĩ tôi. Khi hậu sẽ vừa vận làm sao, chỉ cần một áo len mỏng nhẹ vào buổi sớm mai và chiều tà, còn cả ngày có thể mặc một cái gì đó ngắn tay. Và trong cảnh đó, bút trong tay, vì một chân lý lớn lao hơn, tôi sẽ biến Bồ Đào Nha thành một tác phẩm hư cấu. Tiểu thuyết là như vậy, là việc biến đổi hiện thực một cách có chọn lọc, đúng không nào? Là việc vắn vẹo hiện thực để vắt lấy cái cốt lõi của nó, đúng không nào? Vậy nên tôi có cần gì phải đi Bồ Đào Nha đúng chưa nào?

Bà chủ đồn điền sẽ kể tôi nghe những câu chuyện về cuộc đấu tranh đánh đuổi người Anh. Chúng tôi sẽ chọn món cho bữa trưa và bữa tối ngày hôm sau của tôi. Sau mỗi ngày viết, tôi sẽ đi dạo trên các đồi chè thoải mái lên xuống của đồn điền.

Chẳng may cho tôi, cuốn tiểu thuyết ấy cứ ngắc nga ngắc ngứ, ho lên ho xuống, rồi chết hẳn. Lúc đó tôi đang ở Matheran, không xa Bombay là mấy, một trang trại ở trung du, cũng có vài chú khỉ nhưng không có vườn chè nào. Đối với các văn sĩ chưa thành danh, tình cảnh ấy thật sự khôn khổ. Bạn có chủ đề tốt, câu chữ cũng chẳng kém gì. Các nhân vật bạn dựng lên thật sống động đến mức muốn đi xin giấy khai sinh cho chúng. Diễn biến tình tiết của câu chuyện bạn đã vạch ra hết cả, thật lớn lao, giản dị, và hấp dẫn. Bạn đã nghiên cứu hần hời đâu ra đấy, thu thập đủ cả các dữ liệu lịch sử, xã hội, khí hậu, ẩm thực, những thứ sẽ khiến cho câu chuyện có giá trị đích thực. Những đoạn đối thoại cứ nối nhau thật tự nhiên, lấp lánh, căng thẳng. Những đoạn miêu tả bùng lên đầy màu sắc, tương phản và các chi tiết sắc sảo đầy ý nghĩa. Thực sự là câu chuyện viết ra như vậy chỉ có thể hay mà thôi. Thế mà tất cả những cái đó chẳng hợp thành một cái gì cả. Mặc cho những hứa hẹn sáng lạn và hiển nhiên của câu chuyện, sẽ đến lúc bạn chợt nhận ra những lời thì thầm vẫn luôn thôi thúc bạn viết nó ra bấy lâu nay lại rót vào tai bạn một sự thật rõ ràng và khủng khiếp, rằng câu chuyện hỏng rồi. Nó thiếu một thứ, cái tia lửa có khả năng thổi sự sống vào một câu chuyện, bất kể là các dữ liệu lịch sử hoặc ẩm thực của bạn đúng hay là sai. Câu chuyện của bạn thế là chết hẳn về mặt tình cảm rồi, đó là mấu chốt của vấn đề. Nhận ra sự thật này cũng giống như bị rơi vào một thảm họa tàn hại linh hồn, tôi phải nói với bạn như vậy. Khi tỉnh lại, mình phải sống với cảm giác luôn luôn bị đó, đến thất ruột thất gan.

Từ Matheran, tôi nhét hết các giấy tờ bản thảo của cuốn tiểu thuyết không thành ấy vào phong bì. Tôi gửi chúng đến một địa chỉ hư cấu ở Siberia, với một địa chỉ người gửi cũng hư cấu và quẳng cái phong bì vào thùng chọn thư, tôi ngồi phịch xuống ngay đó, chán nản hết sức. “Sẽ ra sao đây hử Tolstoy?”, tôi tự hỏi, “Mày còn có ý tưởng hay ho nào khác cho cuộc đời của mày không?” Gì thì gì, vẫn còn một ít tiền và vẫn cảm thấy bút rút không yên, tôi đứng dậy, bước ra khỏi nhà bưu điện và quyết định đi thám hiểm miền Nam Ấn Độ.

Với những người hỏi tôi làm nghề gì, tôi đã muốn trả lời: “Tôi là độc-tờ”. Trong tâm trí tôi lúc ấy, bác sĩ là những người phân phát pháp thuật và phép lạ. Nhưng tôi lại tin rằng chỉ qua khỏi chỗ quanh trước mặt kia là chiếc xe buýt sẽ gặp tai nạn, và rồi giữa tiếng kêu la rên rĩ của nạn nhân và các cặp mắt sẽ dán chặt vào tôi kêu cứu, tôi sẽ lại phải giải thích rằng danh vị độc tờ của tôi không phải là bác sĩ y khoa mà là tiến sĩ luật; thế rồi, khi họ xúm vào đề nghị tôi giúp họ kiện chính phủ về vụ tai nạn, tôi sẽ lại phải phân trần rằng bằng cấp của tôi thực sự chỉ là cử nhân triết học mà thôi; tiếp đó, họ sẽ gào thét đòi biết cái tai nạn đâm máu ấy thực sự có ý nghĩa gì không, và tôi sẽ phải thú nhận rằng tôi chưa hề đọc đến Kierkegaard; vân vân và vân vân. Thế là tôi đành thui thủi với danh phận nhà văn, một sự thật tím bầm và tui hủ.

Trên đường, chỗ này chỗ kia, cũng có người đối đáp lại cái danh phận nhà văn ấy. Họ bảo: “Một nhà văn ư? Thật chứ? Tôi có một câu chuyện cho ông đây.” Hầu hết những câu chuyện đó chỉ nhỉnh hơn những mẩu giai thoại chút xíu, đều hụt hơi, thiếu sức sống.

Tôi đến thị trấn Pondicherry, một khu tự trị nhỏ xíu trong Liên hiệp Anh về phía nam Madras, ngay trên bờ biển Tamil Nadu. Về dân số và diện tích, Pondicherry là một phần đất không có nghĩa lý gì của Ấn Độ (so về diện tích thì đảo Price Edward là một lãnh thổ khổng lồ của Canada), nhưng lịch sử đã khiến cho nó nổi bật. Bởi lẽ Pondicherry đã từng là thủ phủ của lãnh thổ Ấn Độ thuộc Pháp, cho dù lãnh thổ này chỉ là một bộ phận khiêm tốn nhất trong các vương quốc thuộc địa ngày xưa. Người Pháp chắc hẳn đã rất muốn cạnh tranh với người Anh, muốn lắm, nhưng cái lãnh thổ mà họ trầy trật mãi mới chiếm lĩnh được chỉ bao gồm một nhúm các hải cảng nho nhỏ. Họ bám vào những hải cảng này trong gần ba trăm năm. Họ rời Pondicherry năm 1954, bỏ lại đó những toà nhà trắng xinh xắn, những đường phố rộng chạy vuông góc với nhau, những tên phố như rue de la Marinne, và Saint Louis, và danh từ kepis, chỉ loại mũ lưỡi trai của cảnh sát.

Tôi ngồi trong quán cà phê có tên Indian Coffee House, phố Nehru. Một gian phòng rộng, tường màu xanh lá cây, trần cao. Quạt trần chạy vù vù trên đầu để lưu thông bầu không khí ẩm ướt. Quán kê chật hết chỗ các bàn hình vuông giống hệt nhau, mỗi bàn bốn ghế. Bạn ngồi được chỗ nào thì ngồi, chung bàn với người nào thì chịu người ấy. Cà phê thì ngon, lại có bán cả bánh mì nướng giòn. Rất dễ bắt chuyện. Và thế là, một ông già quắc thước mắt sáng với những lọn tóc trắng phau đang nói chuyện với tôi. Tôi khẳng định với ông ta rằng Canada đúng là lạnh, rằng có những vùng đúng là nói tiếng Pháp, và rằng tôi đúng là thích Ấn Độ, vân vân và vân vân - một thứ trò chuyện nhẹ nhàng thường thấy giữa những người bản xứ tò mò hiếu khách với dân “balô” ngoại quốc. Nghe tôi nói là nhà văn, ông già tròn mắt, gật đầu. Đến lúc phải đi rồi. Tôi giơ tay, cổ vẫy ra hiệu cho người hầu bàn đem hóa đơn ra tính tiền.

Rồi ông già bảo: “Tôi có một câu chuyện sẽ khiến anh tin vào Thượng đế.” Tôi không vẫy tay nữa. Nhưng vẫn nghi ngại. Biết đâu lại là dòng Thánh Chứng(1) đang gõ cửa? Tôi hỏi: “Chuyện của cụ xảy ra hai nghìn năm trước ở một nơi hẻo lánh trong Vương quốc La Mã phải không ạ?” “Không.”

“Biết đâu ông lão lại là người rao giảng đạo Hồi. “Thế có xảy ra tại Arập vào thế kỷ thứ VII không ạ?”

“Không, không. Câu chuyện bắt đầu ngay ở Pondicherry này mới vài năm trước đây, và kết thúc, tôi xin nói để ông hay, ở ngay chính quê hương của ông.” “Và nó sẽ khiến cho tôi tin vào Thượng đế?” “Đúng như vậy.” “Thế thì cao cấp quá.” “Không cao đến nỗi ông không với tới được.” Người hầu bàn đã đến. Tôi do dự một giây, rồi gọi tiếp hai tách cà phê. Chúng tôi bắt đầu tự giới thiệu làm quen nhau. Tên ông lão là Francis Adirubasamy. Tôi nói. “Nào, cụ làm ơn kể câu chuyện đó đi.” “Anh phải thật chú ý nghe mới được,” ông lão trả lời.

“Vâng.” Tôi lấy bút và sổ ghi chép.

“Vây, anh đã đến thăm vườn bách thảo ở đây chưa?” Ông lão hỏi.

“Tôi vừa mới tới đó hôm qua.” “Anh có thấy cái đường tàu hỏa giải trí ở đó không?” “Dạ có.” “Hiện vẫn còn một tàu chạy vào ngày Chủ nhật cho trẻ con đi chơi. Nhưng trước đây ngày nào cũng có tàu chạy, mỗi giờ hai chuyến. Anh có để ý tên gọi của các trạm đỗ tàu không?” “Có một trạm gọi là Roseville. Ngay cạnh chỗ vườn hồng.” “Đúng rồi. Thế còn trạm kia.” “Tôi không nhớ.” “Họ bỏ cái biển tên đi rồi. Trạm đỗ kia ngày trước gọi là Zootown. Đường tàu ấy có hai trạm đỗ: Roseville và Zootown. Ngày xưa có một vườn thú trong khu vườn bách thảo Pondicherry.” Ông lão kể. Tôi ghi chép các yếu tố của câu

chuyện. “Anh phải nói chuyện với cậu ấy,” ông lão bảo tôi, về nhân vật chính. “Tôi biết cậu ấy. Bây giờ đã là người lớn rồi. Anh phải hỏi chuyện cậu ấy, với tất cả các thắc mắc của anh.” Sau đó, ở Toronto, trong số chín cột liệt kê các chủ hộ mang họ Patel trong danh bạ điện thoại, tôi đã tìm ra người ấy, nhân vật chính của câu chuyện. Tim tôi đập thình thịch khi quay số phone của anh ta. Giọng trả lời rất Canada, nhưng vẫn nghe được âm sắc Ấn Độ, nhẹ nhàng nhưng không thể lẫn vào đâu được, như một thoảng hương nhang trong không khí. “Chuyện đã lâu lắm rồi,” anh nói. Nhưng rồi anh vẫn đồng ý gặp. Chúng tôi đã gặp nhau nhiều lần. Anh cho tôi xem cuốn nhật ký anh viết trong thời gian xảy ra các sự kiện của câu chuyện. Anh cho tôi xem cả những mẫu tin, bài cắt trên báo đã có lúc khiến anh nổi tiếng, cho dù ngắn ngủi và mờ nhạt. Anh kể câu chuyện của mình cho tôi nghe. Còn tôi thì ghi chép. Gần một năm sau, khó khăn mãi tôi mới nhận được một cuốn băng ghi âm và một bản tường trình của Bộ Giao thông vận tải Nhật Bản. Chính khi lắng nghe cuốn băng ghi âm đó tôi thấy đồng ý với ông lão Adirubasamy rằng quả thực đây là câu chuyện sẽ khiến cho bạn đọc phải tin vào Thượng đế.

Lẽ tự nhiên là câu chuyện của ông Patel phải được kể lại chủ yếu là theo ngôi thứ nhất - tức là bằng chính lời kể của ông và theo con mắt nhìn nhận của ông. Còn mọi thứ sai lệch hoặc nhầm lẫn sẽ hoàn toàn là lỗi ở tôi.

Tôi phải mang ơn nhiều người trong việc này. Rõ ràng là tôi phải cảm ơn ông Patel đầu tiên. Lòng biết ơn của tôi đối với ông mệnh mang như Thái Bình Dương và tôi hy vọng rằng việc tôi kể lại câu chuyện của ông sẽ không làm ông thất vọng. Tôi cũng cảm ơn cụ Adirubasamy đã dắt tôi và câu chuyện này. Còn để giúp cho tôi hoàn thành được câu chuyện, tôi phải cảm ơn ba vị quan chức có phẩm chất chuyên nghiệp mẫu mực. Đó là các ông Kazuhiko Oda, từng làm đại sứ quán Nhật ở Ottawa; ông Hiroshi Watanabe của công ty tàu biển Oika; và đặc biệt là ông Tomohiro Okamoto, thuộc Bộ giao thông vận tải Nhật Bản, giờ đã nghỉ hưu. Còn về cái tia lửa thối được sự sống vào cuốn tiểu thuyết, tôi xin mắc nợ ông Moacyr Scliar(2). Cuối cùng, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành của tôi đến với cơ quan vĩ đại, tức là Hội đồng bảo trợ nghệ thuật Canada, vì nếu không có món tiền trợ cấp của Hội Đồng, tôi đã không thể chấp nối được câu chuyện này, vốn chẳng dính dáng gì đến Bồ Đào Nha thời 1939. Nếu chúng ta, những công dân, không hỗ trợ các nghệ sĩ, thì chúng ta sẽ giết trí tưởng tượng của mình làm vật hiến tế cho hiện thực thô thiển để rồi chỉ biết qua ngày đoan thẳng, không biết tin vào cái gì, với rất những giấc mơ vô giá trị.

Ghi chú: (1) Thánh chứng: Tạm dịch chữ Jehova's Witness, tên một dòng đạo Thiên Chúa, chuyên tâm phổ biến tín ngưỡng này dựa trên các câu chuyện chứng minh sự hiện hữu có chứng kiến của Chúa Jesus. (ND) (2) Nhà văn Brazin đương đại, sống và làm việc ở Porto Alegre, thủ phủ tiểu bang Rio Grande do Sul, miền nam Brazil. Đã xuất bản hơn năm mươi tác phẩm, trong đó có những tiểu thuyết nổi tiếng như *Đội quân một người*, *Con Nhân ngư trong vườn nhà*, *Bài ca của Đấng Cứu thế giả hiệu*, *Vũ hội của các loài thú vật*... Xuất thân trong một dòng họ Do Thái – Nga di cư sang Brazil từ cuối thế kỷ trước, từ những năm 1960, ông vừa hành nghề bác sĩ vừa viết tiểu thuyết và là đại biểu xuất sắc của dòng văn học Do Thái – Brazil hiện nay. (ND)

Toronto và Pondicherry

Dần dần, công việc học hành chữ nghĩa và tu tập tín ngưỡng đều đặn cũng khiến tôi vui sống trở lại. Tôi vẫn duy trì cái mà nhiều người có thể coi là những hành vi tín ngưỡng kỳ lạ. Tôi học chương trình phổ thông trung học trong một năm, rồi vào đại học tổng hợp Toronto, lấy hai ngành chính trong chương trình cử nhân, là nghiên cứu tôn giáo và động vật học. Luận văn năm thứ tư về tôn giáo của tôi đề cập đến một số phương diện của lý thuyết vũ trụ tiến hoá của Issac Luria, một tín đồ Kabbalist (1) vĩ đại hồi thế kỉ 16 ở Safed. Luận văn động vật học của tôi là một nghiên cứu phân tích chức năng tuyến nước bọt của loài culi ba móng. Tôi chọn loài cu li bởi tính cách khiêm nhường của nó - bình thản, im lặng và hướng nội - hình như đã có tác dụng an ủi phần nào mảnh hồn tan nát của tôi.

Có loài cu li hai móng và có loài culi ba móng, phân biệt theo chân trước của chúng, vì chân sau của tất cả culi đều có ba móng. Tôi có một may mắn lớn là được nghiên cứu loài culi ba móng ngay tại môi sinh tự nhiên của chúng ở rừng rậm nhiệt đới Brazil trong một kỳ hè. Con vật này quả thật là một sinh linh kỳ bí. Thói quen thật sự duy nhất của nó là thói vô vi. Nó ngủ hoặc nghỉ ngơi trung bình hai mươi tiếng một ngày. Độ nghiên cứu của chúng tôi đã thí nghiệm theo dõi nếp ngủ của năm con culi ba móng bằng cách đặt lên đầu chúng, sau khi chúng đã thiếp đi vào lúc chiều tà, những cái đĩa nhựa màu đỏ tươi đựng đầy nước. Đến sáng hôm sau, những cái đĩa này vẫn y nguyên, đầy nước và đầy các loại côn trùng vùng vẫy trong đó. Con culi chỉ bận rộn vào lúc mặt trời đang lặn, với nghĩa thoải mái nhất của từ bận rộn. Nó bò dọc cành cây trong tư thế lộn ngược điển hình với tốc độ khoảng bốn trăm mét một giờ. Dưới mặt đất, nó bò từ cây này sang cây kia với tốc độ hai trăm hai mươi mét một giờ nếu có lý do chính đáng, bốn trăm bốn mươi lần chậm hơn tốc độ duy chuyển có lý do của loài báo cheetah. Còn nếu không có lý do gì, mỗi giờ chúng chỉ di chuyển được khoảng bốn đến năm mét.

Con culi ba móng không biết gì mấy đến thế giới chung quanh nó. Có thang điểm từ hai đến mười, hai là mức độ lơ mơ bất thường và mười là mức linh hoạt cực điểm, tác giả Beebe (1926) đã đánh giá giác quan của lưỡi, da, mắt và tai của loài culi ở mức hai, còn mũi thì ở mức ba. Nếu ta gặp một con culi đang ngủ trong rừng, ta chọc hoặc lay nó hai ba cái, nó sẽ tỉnh dậy, và cặp mắt ngái ngủ của nó sẽ nhìn quanh, nhưng không thèm nhìn về phía ta. Không biết tại sao nó lại có thói quen nhìn quanh như thế, vì thực ra con culi nhìn cái gì thì cũng như một vệt nhoè nhoẹt mà thôi. Về nghe loài culi cũng không đến nỗi điếc lắm, mà thực ra là không thích nghe. Tác giả Beebe có viết rằng culi đang ngủ hoặc đang ăn mà ta có dí súng bắn ngay bên cạnh thì nó cũng chỉ hơi nhúc nhích mà thôi. Và ta cũng không nên đánh giá quá mức cái khả năng ngủi được cho điểm khá hơn của culi. Người ta tin chúng có khả năng đánh hơi thấy và tránh các cây mục, nhưng tác giả Bullock (1968) lại tường trình rằng ông "thường xuyên" thấy các con culi ngã xuống đất vẫn bám chặt lấy đoạn cành mục mà nó đã bò lên.

Ta có thể hỏi vậy làm sao mà chúng sống được.

Chinh là nhờ sự chạm chạp như vậy. Tính cách ngủ mê ngủ mệt của culi đã giữ cho chúng không bị sa vào vòng nguy hiểm, không rơi vào tầm ngắm của hổ báo, cây cáo, điều quạ. Lông culi là nơi cư trú của một loại tảo có màu nâu trong mùa khô và màu xanh lá cây trong mùa mưa, giúp cho nó lẫn lộn vào rêu lá xung quanh, trông như một tổ kiến hoặc tổ sóc, hoặc chỉ như một phần sần sùi của một cái cây.

Con culi ba móng sống cuộc đời chay tịnh, yên bình trong sự hài hoà hoàn hảo với môi trường. "Với một nụ cười tốt lành thường trực trên môi", tác giả Tirler (1966) đã viết như vậy. Tôi đã tận mắt thấy nụ cười ấy. Tôi không có tính thích gán cho loài vật những tính cách và tình cảm của con người, nhưng đã biết bao lần trong tháng hè đó tại Brazil, khi ngược nhìn những con culi đang trong tư thế nghỉ ngơi, tôi cảm thấy như mình đứng trước những đạo sĩ yoga ở tư thế lộn ngược đang chìm sâu trong suy tưởng, hoặc những ẩn sĩ đang nguyện cầu khẩn thiết, những đáng hiền triết có cuộc sống bay bổng đầy những tưởng tượng hào sáng mà trí lực dò dẫm kiểu khoa học của tôi không thể nào vươn tới được.

Đôi khi tôi bị lẫn lộn hai ngành học của mình. Một số bạn học với tôi trong môn nghiên cứu tôn giáo - những kẻ theo thuyết bất khả tri, không phân biệt được đâu là trên đâu là dưới, luôn ghê tởm lý lẽ vốn là vàng ròng của những người thông sáng - khiến tôi liên tưởng đến loài culi ba móng; còn con culi ba móng, tiêu bản đẹp đẽ của phép lạ cuộc sống, thì lại khiến tôi nghĩ tới Thượng Đế.

Không bao giờ tôi gặp rắc rối với các đồng nghiệp khoa học. Các khoa học gia là một đám người thân thiện, vô thần, chăm chỉ, thích rượu bia và lúc không bận bịu với khoa học thì họ chỉ quan tâm đến tình dục, cờ vua và bóng chày.

Tôi là một sinh viên oách, tôi có thể nói vậy. Tại đại học Thánh Michael, tôi đứng đầu bảng bốn năm liền. Tôi dành được tất cả các phần thưởng cho sinh viên của khoa Động vật học. Nếu như tôi không giành được phần thưởng nào của khoa nghiên cứu tôn giáo thì chỉ đơn giản là khoa này chẳng có một phần thưởng nào dành cho sinh viên (Chúng ta đều biết rằng các phần thưởng cho việc nghiên cứu tín ngưỡng không nằm trong tay đám phàm phu tục tử như chúng ta) Còn tấm Huân chương Học Thuật của ngài Tổng đốc, phần thưởng cao quý nhất của Đại học Toronto cho sinh viên phần lớn chỉ dành cho các công dân Canada xuất sắc; nếu không vì cái thẳng cu ấy, da trắng hồng, ăn thịt bò, cổ to như gốc cây, hơn hớn ăm ỉ rất khó chịu, thì tôi đã dành được nó rồi.

Tôi vẫn còn thấy đau khổ vì những chuyện nhỏ nhặt. Khi người ta đã chịu nhiều đau đớn ở đời, mỗi một nỗi đau mới sẽ vừa nặng trĩu mà cũng lại chẳng là gì....

Cuộc đời tôi cũng giống như một bức tranh mementomori (2) trong nghệ thuật Châu Âu: lúc nào cũng có một chiếc đầu lâu nhe răng cười bên cạnh để nhắc nhở tôi về những phù du của ham muốn nhân sinh. Tôi điều cốt chiếc đầu lâu. Tôi nhìn nó và bảo: " Mày chọn nhầm đối tượng rồi. Mày có quyền không tin vào cuộc đời, nhưng tao lại không tin vào sự chết. Đi chỗ khác!". Chiếc đầu lâu nhúc nhúc rồi nhích lại gần hơn nhưng tôi chẳng ngạc nhiên. Lý do sự chết cứ bám riết lấy sự sống như vậy không phải là vì nhu cầu sinh học - đó là sự ghen tị. Sự sống đẹp đến nỗi sự chết đã phải lòng nó, một mối tình tư vị đầy ghen tuông quắp chặt lấy bất cứ thứ gì nó có thể động đến. Nhưng sự sống nhẹ nhàng bỏ qua, mát mát vài thứ chẳng gì đáng kể, và nỗi u buồn chỉ như một bóng mây bay. Thằng cu trắng hồng lại được thưởng cả học bổng Rhodes. Tôi yêu hấn và mong cho hấn học được thật nhiều thứ tại Oxford. Nếu như Lakshmi, nữ thần tài sản, có ngày nào đó ban phát cho tôi ân sủng của người thì Oxford sẽ đứng thứ năm trong danh sách các thành phố tôi muốn viếng thăm trước khi quá vắng, sau Mecca, Varanasi, Jerusalem và Paris.

Cuộc đời đi làm của tôi chẳng có gì đáng nói, chỉ trừ một nhận xét rằng cà-vạt là một cái thông lộng, và mặc dù lộn ngược, nó sẽ treo cổ người ta đến chết nếu không thận trọng.

Tôi yêu Canada. Tôi nhớ cái nóng của Ấn Độ, nhớ các món ăn, bọn thần lẩn bò trên tường nhà, phim kịch hát trên truyền hình, lũ bò đủng đỉnh ngoài phố, lũ quạ kêu quàng quạc, nhớ đến cả những cuộc bàn tán về các trận đấu cricket (3), nhưng tôi yêu Canada. Một xứ sở vĩ đại tuy có hơi quá lạnh đối với người lành mạnh, nơi cư ngụ của những con người thông minh hăng hái, nhưng đầu tóc để không được đẹp. Dù sao Pondicherry chẳng còn có cái gì để tôi muốn quay về.

Richard Parker vẫn ở bên tôi. Chưa khi nào tôi quên được nó. Có dám nói tôi nhớ nó hay không ư? Có đấy. Tôi có nhớ nó. Vẫn thấy nó trong các giấc mơ. Phần lớn là ác mộng nhưng là ác mộng nhuộm màu tình yêu. Lòng người thật lạ. Tôi vẫn không thể hiểu nổi tại sao nó có thể bỏ tôi đi một cách dửng dưng như thế, không một cử chỉ chia tay nào, không hề ngoái lại lấy một lần. Nỗi đau như thể ai cầm rìu mà bổ vào tận tim vậy.

Các bác sĩ và hộ lý trong bệnh viện tại Mexico thật tốt với tôi hết chỗ nói. Cả các bệnh nhân cũng vậy. Bệnh nhân ung thư và nạn nhân tai nạn xe cộ, một khi đã nghe câu chuyện của tôi, họ chống nạng và lăn xe đến thăm tôi, họ và gia đình họ, mặc dầu không ai nói tiếng Anh, còn tôi thì không biết tiếng Tây Ba Nha. Họ mỉm cười với tôi, bắt tay tôi, vỗ về lên đầu tôi, để các món quà, thức ăn và quần áo lại trên giường tôi. Họ khiến tôi rơi vào những trận khóc trận cười không thể ghìm lại được.

Chỉ trong vòng một ngày là tôi đã đứng lên được, thậm chí còn đi được một hai bước, mặc dù vẫn buồn nôn, chóng mặt và mệt mỏi toàn thân. Xét nghiệm máu cho thấy tôi thiếu hồng cầu nghiêm trọng, lượng muối thì cao mà kiềm thì thấp. Cơ thể tôi bị động dịch, hai chân phù ghê gớm. Trông tôi như một anh bị ghép đôi chân voi vậy. Nước giải thì đục, vàng sẫm gần như nâu. Thế mà sau đó độ 1 tuần, tôi đã có thể đi lại bình thường, và có thể đi giày nếu không buộc giây. Da dẻ tôi lành trở lại, mặc dù có sẹo ở vai và lưng.

Lần đầu tiên tôi vận được vòi máy nước , dòng nước phụt ra thật ăm ỉ, phí phạm và xả láng đến nỗi tôi bị choáng, ngã ngất vào tay người hộ lý.

Lần đầu tôi đến một quán ăn Ấn Độ ở Canada, tôi bốc thức ăn bằng tay. Người hầu bàn nhìn tôi một cách nghiêm nghị và nói: " Vừa dưới tàu mới lên phải không?". Tôi tái người. Những ngón tay tôi, một giây trước đó còn như những búp vị giác đang thưởng thức món ăn trước khi đưa chúng vào miệng, đột nhiên thành ra thật bẩn thỉu dưới ánh mắt của anh ta. Chúng cứng đờ lại như những kẻ tội phạm bị bắt quả tang. Tôi không dám liếm chúng, tôi lau chúng bằng giấy ăn như một kẻ có lỗi. Anh hầu bàn không thể biết câu nói của anh ta đã cửa những vết thương vào lòng tôi sâu đến thế nào. Chúng như những cái đanh nhọn đóng ngập vào ngực tôi. Tôi nhặt con dao và cái đĩa. Tôi thực sự không nhớ mình đã từng dùng những thứ đó bao giờ chưa. Hai bàn tay tôi run bắn. Dịch vị tôi khô kiệt.

(1) Kabala hoặc Cabala: hệ thống lý thuyết thần học bí truyền do các thầy cả Do Thái (rabbi) phát triển và lên tới đỉnh điểm trong các thế kỉ 12,13 có ảnh hưởng phần nào đến tư tưởng của một số triết gia Cơ Đốc giáo thời trung cổ và phục hưng. Cốt lõi của Cabala là phương pháp diễn giải kinh sách rất bí hiểm mà các tín đồ tin rằng giúp họ thâm nhập các bí mật thiêng liêng. Người theo thần học Cabala tin rằng muôn vật đều là biến hình của Thượng Đế và Linh hồn đã tồn tại từ cõi vô cùng. (ND) (2) Memento mori: tiếng Latin, nghĩa là "nhắc ta nhớ đến cái chết" (ND) (3) Cricket: Môn thể thao ngoài trời gần giống như môn bóng chày ở Mỹ, rất phổ biến ở Ấn Độ (ND)

Chương 2 Anh sống ở Scarborough. Một người nhỏ nhắn, mảnh mai, cao không quá một thước sáu. Tóc đen, mắt đen. Bắt đầu hoa râm hai bên thái dương. Trông không thể quá bốn mươi. Nước da màu cà phê dễ chịu. Mới vào tiết thu mà đã khoác áo choàng mùa đông có mũ trùm lót lông để đi ăn tối. Gương mặt biểu cảm. Nói nhanh, hai tay hươ theo lời. Không chuyện vặt. Đã vào chuyện là kể liền.

Chương 3

Tên tôi là tên một cái bể bơi, cũng là chuyện lạ vì cha mẹ tôi chẳng bơi lội bao giờ. Một trong những người có công chuyện sớm nhất với ba tôi là ông Francis Adirubasamy. Ông trở thành người bạn tốt của gia đình. Tôi gọi ông là Mamaji. Tiếng Tamil, mama nghĩa là bác, còn ji là vĩ đại hay dùng ở Ấn Độ để biểu lộ lòng yêu mến và kính trọng. Khi ông còn trẻ nghĩa là rất lâu trước khi tôi ra đời, Mamaji là quán quân bơi lội của toàn vùng Nam Ấn. Cả đời trông ông lúc nào cũng ra một nhà quán quân. Anh Ravi của tôi có lần bảo rằng khi Mamaji lọt lòng mẹ, ông ấy vẫn đòi tiếp tục thở trong nước đến nỗi bác sĩ, để cứu sống ông, đã phải túm lấy hai chân thằng bé rồi quay tròn trên đầu mình một lúc.

"Như thế này này!" Ravi nói, tay quay tít trên đầu. "Thằng bé ho sặc hết nước ra và bắt đầu thở không khí, nhưng máu thịt nó bị quay tròn hết lên phần trên của cơ thể, nên ngực nó mới đầy thế và chân nó mới khăng khịu thế".

Tôi tin Ravi. (Anh Ravi là tên trêu người lười nhon. Lần anh gọi Mamaji là " Ông Cả" ngay vào mặt tôi, tôi đã vút vỏ chuối vào giường anh.) Ngay ở tuổi sáu mươi, khi Mamaji đã hơi còng và thịt ông đã hơi bị trọng lực kéo xuống dưới, ông vẫn hàng sáng bơi đủ 30 lần chiều dài của bể bơi Aurobindo Ashram (1) Ông cố dạy cha mẹ tôi bơi, nhưng chẳng bao giờ cha mẹ tiến bộ quá mức lội xuống nước đến đầu gối ở bãi biển và làm các động tác khoát tròn. Nếu cha mẹ tôi đang tập bơi éch chẳng hạn, thì trông như họ đang đi trong rừng, vừa đi vừa lấy tay vạch cỏ trước mặt. Còn nếu cha mẹ tập bơi sải thì trông như họ đang chạy từ trên đồi xuống và cứ phải vung tay cho khỏi ngã. Anh Ravi thì cũng kém hăng hái chẳng thua gì thế.

Mamaji phải đợi đến khi tôi xuất hiện để có thể có được một môn đệ hăng hái. Ngày tôi đến tuổi bơi lội, tức là lên 7, theo tuyên bố của Mamaji và khiến mẹ tôi phát phì, ông đem tôi xuống bãi biển, khoát tay về phía chân trời và nói: "Đây là món quà của ta cho con."

"Rồi ông ấy suýt để con chết đuối". Mẹ tôi bảo vậy.

Tôi vẫn trung thành với thủy sư phụ của mình. Dưới con mắt canh chừng của ông, tôi nằm trên bãi biển, quẩy chân, quạt tay trên cát, đầu quay bên này bên kia để thở theo mỗi động tác. Chắc hẳn trông tôi như một thằng nhóc đang làm mình làm mẩy một cách chậm chạp rất lạ. Dưới nước, ông giữ cho tôi nổi và tôi hết sức bơi. Khó hơn nhiều so với tập trên cạn. Nhưng Mamaji kiên trì và đầy khích lệ.

Khi ông thấy tôi tiến bộ rồi, chúng tôi bắt đầu chấm dứt những cuộc chạy nhảy nô rồn với những làn sóng xanh biếc sủi bọt của bờ biển và bắt đầu việc luyện tập qui củ (và phải trả tiền) trong cái phẳng phiu nghiêm túc của hồ bơi cư xá.

Mỗi tuần ba lần, vào Thứ Hai, Thứ Tư và Thứ Sáu, trong suốt những năm thơ ấu, tôi đã đi với ông đến bể bơi vào sáng sớm và thực hiện một thứ nghi lễ chính xác và đều đặn như một cỗ máy đồng hồ của bài luyện tập bơi sải. Tôi còn nhớ như in hình ảnh sinh động của ông già đáng kính đang bắt đầu khoả thân bên cạnh tôi, cơ thể ông lộ ra dần, và cuối cùng chỉ hơi quay đi để giữ thể diện với bộ quần bơi của vận động viên chính cống nhập khẩu đẹp tuyệt. Ông đứng thẳng người trong tư thế sẵn sàng. Hình ảnh ấy thật giản dị và hùng tráng. Học bơi, rồi tập bơi, thật cực nhọc nhưng có niềm khoái lạc sâu xa khi cảm thấy mỗi động tác của ta ngày càng nhẹ nhàng và đưa ta lướt tới nhanh chóng hơn, nhanh hơn nữa, cho tới lúc như mê đi, và khối nước nặng như chì trở thành một chất lỏng nhẹ bồng.

Từ ấy tôi lên trở lại biển một mình, một khoái lạc tội lỗi, đáp lại sự mời mọc của những ngọn sóng hùng vĩ ào ạt đổ vào bờ để rồi lại khiêm tốn lặn tẩn chạy đến với tôi, những vòng tay dịu dàng choàng lấy thằng bé Ấn Độ tự nguyện đến với chúng.

Món quà tôi tặng Mamaji một dịp sinh nhật, lúc đó chắc tôi mười ba mười bốn tuổi gì đó, là 2 vòng bơi bướm hoàn chỉnh. Tôi đến đích mệt đến nỗi không giơ nổi tay để chào vẫy ông nữa.

Bên cạnh việc bơi lội còn có việc nói về nó nữa. Cha tôi rất thích nói đến bơi. Cha càng không chịu tập bơi bao nhiêu thì càng thích bơi bấy nhiêu. Bơi lội là chuyện xá hơi của ông mỗi khi ko nói chuyện công

việc hàng ngày của ông tại vườn thú. Nước không có hà mã có vẻ dễ cai quản hơn nhiều so với nước có hà mã.

Mamaji du học Paris hai năm, nhờ có chính sách thực dân. Đó là thời kì đáng nhớ nhất của ông. Đạo ấy là đầu những năm 1930, lúc người Pháp vẫn còn cố đồng hoá Pondichery, cũng như người Anh đang còn cố đồng hoá những vùng còn lại của Ấn Độ. Tôi ko nhớ rõ Mamaji học gì. Hình như có dính dáng đến thương mại. Ông là người kể chuyện tuyệt vời nhưng lại quên sạch các câu chuyện học hành của mình, cũng chẳng nhớ gì đến tháp Eiffel, cung điện Lourve, hoặc các quán cafe dọc đại lộ Champs Elysees. Tất cả các câu chuyện ông kể đều là về các hồ bơi và các cuộc thi bơi. Ví dụ, có Piscine Deigny (2), bể bơi cổ nhất của kinh thành, có từ năm 1796, là một cái xà lan neo tại bến tàu Orsay và là nơi diễn ra các cuộc tranh tài bơi lội trong thể vận hội Olympics 1990. Nhưng không có kỉ lục nào trong bể bơi này được liên đoàn Bơi lội Quốc tế công nhận vì hồ này dài hơn kích thước tiêu chuẩn 6m. Nước trong bể lấy thẳng từ sông Seine, chẳng lọc mà cũng chẳng sưởi. "Vừa lạnh vừa bẩn," Mamaji kể, "nước ấy đã chảy qua khắp thành phố thành ra rất bẩn. Rồi đám người xuống bơi lại làm cho nó bẩn đến phát khiếp lên được." Với giọng thì thầm đầy âm mưu và đưa ra những chi tiết kinh khủng để chứng minh, ông đảm bảo với tôi là người Pháp có những tiêu chuẩn vệ sinh rất thấp. "Deligny đã bẩn thế rồi, mà bể bơi Royal, một cái nhà tiêu nữa trên sông Seine, lại còn bẩn hơn. Dù sao thì ở Deligny người ta cũng chịu khó vớt những con cá chết vớt ra ngoài." Nhưng gì thì gì, một bể bơi Olympic vẫn cứ là một bể bơi Olympic, đã từng được vinh quang bất hủ. Cho nên có bẩn như một cái bể phốt đi chẳng nữa thì Mamaji vẫn nhắc đến Deligny với nụ cười âu yếm.

Dễ chịu hơn là các bể bơi ở Chateau - Landon, Rouvet, hoặc ở đại lộ Nhà ga. Đó là các bể bơi trong nhà có mái, xây trên đất liền, và mở cửa quanh năm. Nước bể lấy từ nguồn ngưng đọng trong các động cơ hơi nước của các nhà máy quanh đó, sạch hơn và ấm hơn. Nhưng chúng vẫn là những bể bơi tối tăm và thường quá đông đúc. "Nước ở đây lênh phênh rất nhiều đờm dãi," Mamaji chắc lưỡi, "cứ như bơi giữa đám sứa."

Các bể bơi Hebert, Ledru-Rollin và Butteuxa-Caillé thì sáng sủa, hiện đại, rộng rãi, và dùng nước từ những giếng khoan sâu. Chúng là tiêu chuẩn cho các bể bơi đô thị. Tất nhiên còn có Piscine des Tourelles, một bể bơi Olympic nữa của thành phố khai trương trong thể vận hội Paris năm 1924. Và còn nhiều bể khác nữa, rất nhiều.

Nhưng trong mắt Mamaji, ko có bể bơi nào sánh được vẻ huy hoàng của Piscine Molitor. Đó là vương miện cho những vinh quang bơi lội của kinh thành Paris, và quả thật, toàn thể nhân loại văn minh.

"Đến các đấng thần linh cũng phải sung sướng khi được bơi ở đây. Molitor có câu lạc bộ thi đấu bơi lội xuất sắc nhất Paris. Có 2 bể, một trong nhà, một ngoài trời. Cả hai đều mênh mông như các tiểu đại dương. Bể trong nhà luôn có hai làn dành riêng cho những người luyện tập bơi đường dài. Nước bể sạch và trong đến độ ta có thể lấy nó pha cafe buổi sáng. Các phòng thay đồ bằng gỗ, sơn xanh nước biển và trắng, nằm xung quanh bể thành 2 tầng. Ta có thể nhìn xuống và thấy toàn cảnh bể bơi, chẳng sót vật gì. Những người phục vụ dùng phấn đánh dấu phòng thay đồ để mọi người biết ta đang ngự trong đó. Họ là các ông già chân đi khập khiễng, thân thiện với một vẻ dễ cáu bẳn. Họ phớt lờ những la hét và hành vi ngốc nghếch của mọi người. Nước tắm từ các vòi hoa sen nóng hổi và dễ chịu vô cùng. Có cả phòng tắm hơi và phòng thể dục. Bể ngoài trời thì mùa đông trở thành sân trượt băng. Có một quầy rượu, một quán cafe, một hiên nằm phơi nắng, thậm chí có cả 2 bãi tắm nhỏ trải cát tự nhiên. Tất cả các viên gạch men, đồ đồng và đồ gỗ đều bóng loáng. Đó là...đó là..."

Đó là bể bơi duy nhất khiến cho Mamaji rơi vào im lặng, kí ức ông phải bơi quá xa để có thể biết hết về nó.

Mamaji nhớ nó. Cha tôi mơ về nó.

Vì vậy mà cuối cùng, khi tôi ra đời, ba năm sau anh Ravi, một thành viên nữa được cả nhà mong mỏi, tôi đã được đặt tên là Piscine Molitor Patel.

Chú thích: (1) Ashram là danh từ chỉ một khu trường trại của những người theo cùng một tín ngưỡng hoặc giáo phái. Aurobindo (1872 -1950) là một học giả và lãnh tụ tôn giáo nổi tiếng của Ấn Độ. (2) Piscine, tiếng Pháp, nghĩa là bể bơi (nhân tạo), độc giả cứ đọc tiếp sẽ hiểu tại sao chúng tôi không dịch từ này ra tiếng Việt (ND)...

Dân tộc già nua và tốt đẹp của chúng tôi được tròn bảy tuổi trong thể chế cộng hoà thì lớn thêm ra với một lãnh thổ nhỏ. Pondicherry gia nhập Liên minh Ấn Độ ngày 1 tháng 11 năm 1954. Thành tựu dân sự này dẫn đến một thành tựu dân sự khác. Một phần đất của vườn bách thảo Pondicherry được chính quyền khoanh riêng ra, tạo một cơ hội làm ăn mới, lại không phải trả thuế thổ trạch, và thế là, như một phép lạ, Ấn Độ lại có một vườn bách thú mới toanh, thiết kế và quản lý theo những nguyên tắc sinh học lành mạnh và hiện đại nhất.

Đó là một vườn bách thú khổng lồ không biết là bao nhiêu diện tích đất, đến nỗi phải có hẳn một đường tàu hỏa để cho người xem đi cho hết, mặc dù khi lớn lên tôi cũng thấy nó cứ nhỏ dần, kể cả đoàn tàu. Giờ thì nó nhỏ đến độ nằm vừa xoắn trong đầu tôi. Hãy tưởng tượng một vùng nóng ẩm tràn ngập ánh nắng và rực rỡ màu sắc. Hoa nở liên miên, ào ạt. Cây cao bụi thấp, và dây leo xoắn xuýt đủ các loại, nếu không có các bảng tên rõ ràng gắn dưới gốc chúng thì chẳng ai có thể biết được chúng là cây gì.

Có những chiếc ghế dài. Trên những chiếc ghế dài ấy ta thấy những người nằm ngủ duỗi dài, hoặc những cặp trai gái, những đôi trẻ măng vẫn còn thẹn thò đầu mày cuối mắt và giật mình khi tay chạm phải tay. Bất thành hình trong đám cây cao mảnh dẻ trước mắt, ta nhận ra một cặp hươu cao cổ đang nhìn ta chăm chú. Chưa hết, chỉ ngay sau đấy thôi, ta giật nảy mình vì những tiếng kêu vẳng óc của một đàn khỉ bắt thần ở đâu ào tới, quện lẫn với những âm thanh lạnh lốt đỉnh tai của các loài chim gì nữa chẳng biết. Ta đến chỗ soát vé, lơ đãng trả một món tiền nhỏ, rồi đi tiếp. Ta thấy một bức tường thấp. Có thể thấy gì sau dãy tường lè tè ấy? Chẳng nhẽ lại là chuồng tê giác? Ấy thế mà là chuồng tê giác thật, hai con tê giác Ấn Độ hùng vĩ trong một hồ đất nông. Khi ta quay sang bên thì thấy ngay một con voi, đã lù lù ở đó từ bao giờ nhưng vì to quá mà ta không nhìn ra. Rồi thì ta nhận ra những con hà mã đang bập bênh ngay dưới ao. Càng nhìn càng thấy. Hết cảnh này đến cảnh khác. Ta thực đang ở vườn bách thú có cái tên Zootown (1).

Trước khi dọn đến Pondicherry, cha tôi quản lý một khách sạn lớn ở Madras. Lòng ưa thích động vật khiến ông chuyển qua nghề vườn thú. Một bước quá độ tự nhiên, ta có thể nghĩ vậy. Nhưng cũng không hẳn thế. Về nhiều phương diện, cai quản một vườn thú là cơn ác mộng của một người quản lý khách sạn. Này nhé: Khách trọ không bao giờ rời phòng đi đâu cả, chúng đòi hỏi không phải chỉ một nơi trú chân, mà thực sự là nơi ăn chốn ở hẳn hoi, chúng lại luôn luôn có khách đến thăm, lắm bọn rất ồn ào và bừa bãi. Muốn dọn chuồng cho chúng, ta phải chờ lúc chúng quá bộ ra ngoài bao lon, rồi lại phải chờ cho chúng chán cảnh ngoài bao lon, quay vào buồng rồi thì mới lại quét dọn bao lon cho chúng được. Phải dọn dẹp liên miên, vì khách trọ đưa nào cũng bần thiêu như bọn nghiện rượu cả. Khác nào cũng đòi hỏi một chế độ ăn uống riêng, suốt ngày kêu ca là phục vụ chậm, và tuyệt đối không bao giờ cho tiền boa. Nói thật tình, nhiều khách trọ còn là bọn bệnh hoạn tình dục, hoặc bị nhin quá mà thỉnh thoảng lại lên những cơn động cựa điên cuồng, hoặc công khai bày bạ khiến những cuộc mây mưa đá lở đất long không khuôn phép gì hết và cả những vụ loạn luân công khai âm ỉ. Có ai làm khách sạn mà muốn có những loại khách như thế không chứ? Vườn bách thú Pondicherry là nguồn vui thú và cũng là nguồn đau đầu của ông Santosh Patel, người sáng lập, chủ sở hữu, giám đốc, ông chủ của năm mươi ba người làm công, và là cha tôi.

Với tôi, nó là chốn địa đàng. Tôi chỉ có những ký ức đáng yêu của quãng đời lớn lên trong vườn bách thú đó. Tôi sống cuộc sống của một ông hoàng. Có đứa con trai nào của một vị vương giả nào có được một sân chơi menh mông và xum xuê như thế? Lâu đài nào mà có được một bày thú nuôi trong nhà như thế? Suốt thời niên thiếu, bày sư tử đã là những chiếc đồng hồ báo thức của tôi. Chẳng cần đến những đồng hồ Thụy Sĩ làm gì. Sáng nào cũng thế, khi bày sư tử cất tiếng gầm vang dội của chúng, ấy là đã đến 5 rưỡi 6 giờ rồi. Bữa điếm tâm diễn ra trong những tiếng kêu lạnh lốt và kéo dài của bày khỉ to mồm, các loài yêng, sáo và lũ vẹt Moluccan. Tiễn tôi đi học không phải chỉ có ánh mắt dịu hiền của mẹ, mà còn có những cái nhìn lưu luyến của bọn rái cá mắt sáng như sao, con bò rừng Châu Mỹ khổng lồ, và đám khỉ độc đang vươn vai duỗi chân và ngáp ngáp dài. Tôi phải trông chừng khi chạy qua dưới đám cây của bày chim công vì chúng rất hay thích phóng uế xuống người tôi. Tốt nhất là chạy qua dưới rặng cây của bọn dơi rừng vì giờ đó sẽ chỉ có tiếng chí choé chói tai của chúng mà thôi. Trên đường ra tôi có thể dừng lại chỗ nuôi các loài trên cạn để ngắm những con ếch như được tráng men xanh biếc, hoặc vàng với xanh nước biển sẫm, hoặc nâu với xanh lá cây nhạt. Cũng có khi bọn chim ở đó khiến tôi phải để mắt đến chúng: những con hồng hạc màu hồng rực, đàn thiên nga đen, bày đà điều một màu, hoặc những con chim

nhỏ hơn như bọn bò câu lông bạc, những con tình điều có bộ mặt giống như trái đào tơ, hoặc đàn vẹt to mồm có những đám lông màu da cam trước ngực.

Rất ít khi thấy đám voi, hổ báo, gấu hoặc hải cẩu dấy vào giờ sáng sớm đó, nhưng khi bọn khi đầu chó, vượn bạc má, vượn đít đỏ, huơu nai, huơu cao cổ và các con lama (2) là những bọn dấy sớm. Sáng nào cũng vậy, tôi bước ra khỏi cổng chính với một ấn tượng cuối cùng vừa bình dị vừa không thể nào quên. Đó có thể là hình ảnh bày rùa xếp lên nhau thành một kim tự tháp, cái mồm óng ánh của một con khi đầu chó, dáng im lìm oai vệ của một con huơu cao cổ, cái miệng béo mồm và vàng óng đang há ra của một con hà mã, một con vẹt macaw đang dùng mỏ và chân từng bước leo lên hàng rào, tiếng chếp miệng lanh lảnh của một con lạc đà. Tất cả những hình ảnh và ấn tượng ấy kéo qua tâm trí tôi thật nhanh chóng. Chỉ lúc từ trường trở về, tôi mới có thời gian khám phá từ từ những cảm giác khi được một chú voi hít người khắp người một cách thân thiện như thể muốn xin một vài củ lạc có thể có trong túi tôi, hoặc khi một chú khi độc vằn vò tìm chấy trên đầu tôi, kết thúc bằng một tiếng thở dài khi chẳng thấy món gì chén được. Giá mà tôi có thể truyền đạt được cái hoàn hảo của một con hải cẩu trườn mình xuống nước hoặc của một con khi nhện tung người đu từ chỗ này sang chỗ kia, hoặc chỉ đơn thuần là cái vẻ quay đầu của một con sư tử. Ngôn ngữ không thể truyền đạt nổi những cái đó. Tốt hơn cả là khi nào người ta muốn cảm lại được sự hoàn hảo ấy, ta hãy tưởng tượng lại đúng những cảnh đó ở trong đầu.

Trong vườn thú cũng như ngoài thiên nhiên, thời gian tốt đẹp nhất để thăm viếng là bình minh và chiều tà. Đó là lúc hầu hết các loài vật trở nên sinh động nhất. Chúng động cựa và rời nơi ẩn nấp của mình để rón rén đến những mép nước. Chúng khoe lông khoe cánh. Chúng hát những khúc hát riêng của mình. Chúng tìm đến nhau và cử hành các nghi lễ của giống loài. Phần thưởng cho những ai biết ngắm nhìn và lắng nghe thật lớn lao. Tôi đã có những giờ phút triền miên không thể đếm được chỉ để im lặng chứng kiến những biểu hiện phong phú và đẹp đẽ cực kỳ của sự sống đã đem phúc lành cho hành tinh của chúng ta. Đó là một cái gì thật tươi sáng, vang dội, kì bí và tinh tế khiến cho các giác quan của ta phải tê dại.

Tôi đã nghe nhiều chuyện phi lí về các vườn thú, cũng nhiều như các chuyện phi lí về Thượng Đế và các tôn giáo. Những người có thiện chí nhưng bị thông tin sai lầm tưởng rằng các loài vật hoang dã ngoài thiên nhiên sống rất "hạnh phúc" bởi vì chúng được "tự do". Khi nói vậy, họ thường nghĩ đến một con thú to lớn và đẹp, ví dụ như sư tử hoặc loài báo cheetah (đời sống của một con sơn dương hoặc một con thú ăn kiến mồm dài thì ??? có ai muốn tượng làm gì). Họ tưởng tượng cảnh con thú hoang dã đó đang thả bộ sau khi đã ăn hết con mồi vừa ngoan ngoãn chấp nhận số phận bị ăn thịt của mình, hoặc đang chạy nhịp nhàng trong tư thế luyện tập để giữ cho cơ thể thon thả sau một bữa ăn quá đà. Họ tưởng tượng như con thú ấy coi sóc bầy con của nó một cách dịu dàng đầy tự hào, cả gia đình đang cùng nằm trên những cành cây và thoải mái ngắm nhìn cảnh mặt trời đang lặn. Cuộc sống của loài vật hoang dã thật giản dị, cao thượng và đầy ý nghĩa, họ tưởng tượng vậy. Thế rồi những con vật ấy bị bọn người xấu bắt nhốt vào những chuồng lồng nhỏ xíu. "Hạnh phúc" của chúng bị tiêu tan. Chúng khao khát "tự do" và tìm đủ mọi cách để chạy trốn. Bị chối bỏ "tự do" quá lâu, chúng trở thành như những cái bóng của chính mình, tinh thần chúng bị bẻ gãy. Một số người đã tưởng tượng thế.

Thực tế không phải vậy.

Các loài thú hoang dã có một đời sống khắc nghiệt để sinh tồn trong một kỉ cương xã hội không khoan nhượng và một môi trường trong đó nguồn sợ hãi thì nhiều mà nguồn thức ăn thì ít, và chúng phải luôn luôn bảo vệ lãnh địa của mình, suốt đời chịu cảnh rĩa ròi của các loài kí sinh. Tự do có nghĩa gì trong hoàn cảnh ấy? Thực tế các loài thú hoang dã không hề được tự do trong không gian, thời gian, và cả trong các quan hệ giữa chúng với nhau. Lý thuyết mà nói, một con vật có thể bỏ bầy đàn mà đi, phớt lờ tất cả những lề thói xã hội và những cương toả vốn có của giống loài. Nhưng chuyện đó hiếm hơn cả khi ta so với chính chúng ta, ví dụ như chuyện một người chủ tiệm chẳng hạn, với tất cả những ràng buộc bình thường- với gia đình, bạn bè, xã hội - tự nhiên bỏ tất cả để ra đi với vài đồng bạc lẻ trong túi và bộ quần áo trên người. Nếu một con người, là loài vật thông minh và mạnh dạn nhất, còn không muốn lang thang làm lữ thứ, làm kẻ lạ mặt trong thiên hạ để chẳng có ai mong ai đợi, thì một con thú hoang dã muốn thể làm gì, nhất là khi ta nghĩ rằng loài vật bao giờ cũng bảo thủ hơn nhiều so với loài người. Quả thật loài vật bảo thủ, còn có thể nói là phản động nữa. Chỉ một thay đổi nhỏ xíu thôi cũng khiến chúng lo sợ rồi. Chúng chỉ mong mọi thứ cứ y nguyên như thế, ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác. Những điều ngạc nhiên trong các quan hệ về không gian của chúng. Một con vật chiếm cái chỗ ở của nó, cho dù trong vườn thú hay ngoài hoang dã, cũng giống như một quân cờ chiếm cái chỗ của mình trên bàn cờ, nghĩa là rất trọng đại. Vị trí của con tướng trên bàn cờ ra sao, thì chỗ ở đó của một con thần lằn, một con gấu hoặc một con huơu cũng như vậy, không hề có tí tự do lựa chọn nào trong việc này. Cả quân cờ

và con vật đều bị ràng buộc bởi tình thế và mục đích. Trong hoang dã, các con vật đi theo những đường nhất định vì những lý do bắt buộc, mùa này qua mùa khác. Trong vườn thú, nếu một con vật không có chỗ bình thường của nó, với dáng điệu mà nó vẫn có vào giờ đó, thì tức là đã có chuyện. Có thể chỉ là những phản ứng của con vật đối với một thay đổi rất nhỏ trong môi trường. Một đoạn ống nước cuộn tròn bị quên ở ngoài kia khiến cho con vật lo sợ. Một vũng nước vừa đọng làm cho nó không yên. Cái bóng của một cái thang. Nhưng cũng có thể là một nguyên nhân gì khác nghiêm trọng hơn. Mà sợ nhất đối với một người chủ vườn thú đó có thể thực sự là một "triệu chứng", phải kiểm tra phân con vật ngay, phải hỏi kĩ người chăm sóc con vật đó về mọi chi tiết, phải mời bác sĩ thú y. Tất cả những cái này chỉ vì một con cò không thấy đứng ở chỗ nó vẫn thường đứng.

Nhưng姑且, hãy cho phép tôi tiếp tục đề cập đến chỉ một khía cạnh của vấn đề mà ta đang bàn bạc. Nếu như ta vào một nhà nọ, phá cửa trước, rồi đuổi mọi người trong nhà ra ngoài phố và nói "Đi đi! Các người được tự do! Tự do như chim trời! Đi! Đi!" - Liệu họ có nhảy nhót vui mừng hay không? Làm gì mà có chuyện đó. Chim chóc đâu có tự do. Những người mà ta vừa giải phóng ấy sẽ cự lại "Các người có quyền gì mà đuổi chúng ta? Đây là nhà ta. Ta sở hữu nó. Ta đã sống ở đây bao nhiêu năm rồi. Ta sẽ gọi cảnh sát. Chúng mày là đồ lưu manh!"

Chúng ta chẳng có câu, Chẳng đâu bằng ở nhà mình đây ư? Đó cũng chính là cảm thức của loài vật. Chúng có ý thức sâu sắc về lãnh thổ. Lãnh thổ là chìa khóa để hiểu các hành vi của chúng. Chỉ có một lãnh thổ quen thuộc mới cho phép chúng đáp ứng được hai đòi hỏi thường trực của cuộc đời hoang dã: né tránh kẻ thù và kiếm được thức ăn nước uống. Một khuôn viên vườn thú lành mạnh về sinh học - cho dù đó là một cái chuồng, một cái hồ, một hòn đảo nhân tạo, một bãi thả, một hồ nước - cũng là một lãnh thổ, chỉ khác về kích thước và sự gần cận với lãnh thổ của loài người. Việc nó rất nhỏ so với hoang dã cũng chẳng có ý nghĩa gì. Các lãnh thổ trong hoang dã rộng lớn không phải do thị hiếu mà là vì bắt buộc. Trong một vườn thú, ta làm cho các con vật điều mà ta làm cho chính chúng ta ở nhà: ta đem vào trong một không gian nhỏ hẹp những thứ nằm rải rác ở khắp thế giới hoang dã. Ngày xưa với chúng ta chẳng hạn, cái hang thì ở đây, dòng sông thì ở đằng kia, chỗ săn bắn thì phải đi hàng dặm, nơi rình mồi ở gần đó, rừng dâu thì lại ở một nơi khác - mà nơi nào cũng đầy rẫy sư tử, rắn rết, kiến, đĩa và lá độc - còn bây giờ thì con sông chảy luôn qua vòi nước có thể với ta là đến và ta có thể tắm rửa ngay cạnh chỗ nằm ngủ, ăn ngay nơi nấu nướng, có thể rào kín tất cả bằng một bức tường bảo vệ, giữ lãnh thổ của ta sạch sẽ và ấm áp. Mỗi ngôi nhà là một lãnh thổ thu nhỏ trong đó các nhu cầu cơ bản của ta được thỏa mãn an toàn và gần gũi. Một khuôn viên trong vườn thú lành mạnh cũng là một ngôi nhà như thế đối với con vật ở trong đó (nhưng không có những thứ như là lò sưởi chẳng hạn). Tìm thấy trong đấy tất cả những gì nó cần - một nơi để canh chừng, một chỗ để nghỉ, để ăn, uống, tắm, chải chuốt... - và thấy không còn cần phải săn mồi nữa vì thức ăn ngày nào cũng có, con vật sẽ chiếm lĩnh một không gian mới trong hoang dã, thăm dò và đánh dấu không gian ấy theo cách thường làm của giống loài mình, chẳng hạn như đánh dấu bằng nước giải. Một khi cái nghi lễ dọn vào đó đã xong và con vật đã ở yên, nó sẽ không cảm thấy như một kẻ thuê nhà hồi hộp, càng không như một tù nhân, mà như một chủ nhà hảnh hoi, và nó sẽ hành xử như hết khi nó ở ngoài hoang dã, nghĩa là sẽ bảo vệ cái lãnh thổ ấy của nó cho đến cùng nếu bị xâm phạm. Chủ quan mà nói, một khuôn viên như thế không tốt hơn mà cũng chẳng tồi hơn so với một lãnh thổ của con vật ngoài hoang dã. Chừng nào còn đáp ứng được các nhu cầu của con vật, thì một lãnh thổ, hoang dã hay nhân tạo, chỉ đơn thuần là một thực tế, không phải đánh giá gì hết, cũng như những chấm đen trên da con báo mà thôi. Ta cũng có thể lí luận rằng nếu một con vật có thể lựa chọn bằng trí khôn, nó nhất định sẽ chọn cuộc sống trong vườn thú, vì cái khác biệt chính giữa một vườn thú và thế giới hoang dã là vườn thú thì vừa không có kẻ thù và kẻ thù lại vừa thừa thãi thức ăn, còn ngoài hoang dã thì ngược lại. Cứ thử nghĩ mà xem, . thà ở khách sạn Ritz với các dịch vụ không mất tiền và tha hồ gọi bác sĩ còn hơn lang thang không nhà và chẳng có ma nào để mất đến mình. Nhưng các con vật thì không có khả năng phân biệt được như thế. Trong những hạn chế của bản chất mình, chúng thỏa mãn với những gì chúng có mà thôi. Một vườn thú tốt là một chung cư được tổ chức chu đáo: nơi mà con vật bảo chúng ta Đừng có vào! bằng dấu hiệu nước giải hoặc bài tiết khác, thì chúng ta cũng bảo Đừng có ra! bằng các loại rào chắn của chúng ta. Trong điều kiện như vậy của một nền ngoại giao hoà bình, tất cả các con vật đều hài lòng và chúng ta có thể yên tâm nhìn ngắm lẫn nhau.

Có rất nhiều những câu chuyện trong sách vở về các con vật có thể trốn chạy khỏi vườn thú mà lại không trốn, hoặc trốn rồi lại quay trở về. Có trường hợp một con khỉ độc, cửa chuồng của nó người ta quên không khóa và để mở toang. Con khỉ lo lắng đến nỗi kêu gào thảm thiết và bắt đầu lấy tay đập cánh cửa ầm ầm, cho đến khi người coi chuồng, được 1 khách thăm gọi, vội chạy đến khóa cửa chuồng lại cho nó.

Một đàn hươu sao trong 1 vườn thú châu Âu kéo nhau ra khỏi khi trại vì cửa rào không đóng. Những người khách làm cho chúng hoảng sợ chạy vào 1 khu rừng gần đó. Trong khu rừng cũng có hươu sao sống và có thể nuôi dưỡng được đàn hươu này. Thế mà đàn hươu vườn thú lại nhanh chóng tìm đường về trại của mình. Trong một vườn thú khác, một người làm công đang đi đến chỗ làm của mình vào lúc sáng sớm, vác theo các tấm gỗ, thì tình linh thấy 1 con gấu từ đám sương mù buổi sớm bước ra và đi thẳng về phía anh ta. Người ấy vác các tấm gỗ xuống và ù té chạy trốn. Lập tức người ta bỏ đi tìm con gấu xổng chuồng. Họ thấy nó đã lại ở trong chuồng, thì ra nó leo ra leo vào nhờ một cành cây mới gãy. Chắc là tiếng các tấm gỗ rơi xuống đất đã làm con gấu sợ và vội quay lại chỗ ở của nó.

Nhưng tôi không dám khẳng định đâu. Tôi không định bảo vệ các vườn thú đâu. Nếu muốn thì ta cứ việc đóng cửa tất tậ chúng lại (và hy vọng là các loài vật hoang dã có thể sống sót trong những gì còn lại của thiên nhiên ngày nay). Tôi biết rằng các vườn thú không còn là niềm vui của con người nữa. Tôn giáo cũng đang đối mặt với vấn đề này. Có những ảo tưởng nhất định về tự do đang giết chết cả hai.

Vườn thú Pondicherry không còn nữa. Người ta đã lấp hết các hồ nuôi, tháo dỡ hết các chuồng trại. Giờ đây, tôi chỉ thăm hiềm nó tại một nơi duy nhất còn lại là kí ức của tôi mà thôi.

(1) Nghĩa là "thành phố bách thú" (ND) (2) Lama: tên một loài lừa có lông giống như lông cừu, cổ dài, đầu nhỏ, gốc gác ở vùng núi cao Peru, Nam Mỹ.

Cái tên tôi chưa phải là kết cục của câu chuyện về cái tên tôi. Khi tên ta là Bob, không ai phải hỏi cái tên ấy viết thế nào. Nhưng với cái tên Piscine Molitor Patel thì là chuyện khác.

Nhiều người tưởng đó là P. Singh (1) và nghĩ tôi là người Sikh, và họ lấy làm lạ sao tôi không đội khăn cuốn lên đầu.

Khi còn học Đại học tôi có đến Montreal 1 lần với mấy người bạn. Có một đêm đến lượt tôi phải đặt mua pizza. Tôi đã phát chán mỗi lần nghe giọng Pháp trên dây nói quát hỏi tên tôi là gì, nên khi người bán hàng hỏi: Thưa ông cho biết tính danh, tôi nói I am who I am. (2) Nửa tiếng sau người ta mang hai cái pizza đến cho ông Ian Hoolihan.

Sự thực là những người ta gặp có thể thay đổi cuộc đời ta, nhiều khi sâu sắc đến mức ta trở thành 1 người khác hẳn, kể cả chính cái tên của ta. Cứ xem thì thấy: Simon trở thành thánh Peter, ông thánh Matthew thì còn có tên là Levi, Nathaniel cũng là Bartholomew, Judas, không phải Iscariot, sau này còn lấy tên là Thaddeus, Simeon thì đổi tên Niger, Saul thì thành ra Paul. (3) Tên lính La Mã của tôi đứng trong sân trường một sáng nọ khi tôi 12 tuổi (4). Tôi vừa mới đến. Hắn thấy tôi và một tia sáng thiên tài ma quỷ chợt lóe lên trong cái trí não đần độn của hắn. Hắn giơ tay chỉ vào tôi và hét lên: Đây là thằng Pissing Patel! (5) Trong giây lát mọi người đều cười văng lên. Người ta chỉ thôi cười khi đã xếp hàng vào lớp. Tôi đi cuối hàng, vòng gai nhọn thít trên đầu. (6) Chẳng ai lạ gì tính tàn ác của trẻ con. Nào tôi có trêu chọc gì chúng, có làm cái gì khiến chúng phải để ý đến tôi đâu, mà sao khắp sân trường chỗ nào tôi cũng nghe thấy chúng hò hét, nào là Thằng Pissing đây rồi, tao phải đi đây, rồi Mày đang đứng úp mặt vào tường thế kia, có phải mày là thằng Pissing không hở?, đại loại thế. Tôi chỉ biết rùm người một chỗ, hoặc phải tảng lờ như không nghe thấy gì. Những tiếng hò hét ấy rồi cũng qua đi, nhưng nỗi đau đọng lại, như mùi khai của bãi nước đái đã khô.

Rồi đến lượt các thầy giáo. Chắc tại trời nóng quá. Càng về chiều, bài địa lí buổi sáng còn chắc gọn như ốc đảo bắt đầu nhào dãi ra như sa mạc Thar; bài lịch sử, sinh động là thế lúc mở đầu nay cũng thành khô nẻ và bốc bụi; bài học toán, lúc đầu chính xác là thế, nay thành be bét lầy lội. Trong cơn mệt mỏi buổi chiều, khi họ mãi dùng khăn tay lau mồ hôi trán và gáy, các thầy quên cả cái âm hưởng đầy nước mắt trong cái tên của tôi, và bắt đầu vô tình xuyên tạc nó thậm tệ. Tôi có thể nghe thấy sự thay đổi trong cách phát âm có những uốn éo hầu như không nghe thấy được của họ. Tưởng chừng như lưỡi các thầy là các chiến binh đang phải cầm cương các cỗ chiến xa do bầy ngựa hoang kéo. Họ có thể phát âm rõ cái âm tiết đầu, âm Pit, nhưng rồi vì nóng nực gia tăng, họ không kiểm soát được lũ ngựa sùi bọt mép kia và không thể kiềm cương để chúng leo lên cái âm tiết thứ hai, âm Xin. Thế là họ đâm nhào xuống âm Xinh, và thế là hết. Mỗi lần tôi giơ tay xin phát biểu, họ sẽ bảo Nào, mời em Pit-xinh. Phần lớn họ cũng chẳng biết vừa gọi tôi là gì nữa. Sau một lúc không thấy tôi nói năng gì, họ sẽ ném vào tôi một cái nhìn mệt mỏi. Và nhiều khi, như thể kiệt sức vì nóng nực, cả lớp cũng chẳng có phản ứng gì. Không ai cười, chẳng ai thì thào trêu người gì hết. Thế mà tôi vẫn luôn luôn nghe thấy một cái gì đó như một lời miệt thị.

Năm cuối cùng ở trường Saint Joseph, tôi cảm thấy như mình là nhà tiên tri Mohammad đang bị hành hạ ở thành Mecca, cầu cho Ngài được yên nghỉ. Nhưng cũng giống như việc Ngài chuẩn bị trốn về vùng Medina, chuyến du hành sẽ trở thành sự khởi đầu của thời đại Hồi giáo, tôi cũng chuẩn bị cho cuộc trốn chạy của mình và khởi đầu một giai đoạn mới cho cuộc đời tôi.

Học xong ở trường Saint Joseph, tôi vào trường Petit Seminaire, trường trung học tư thục dùng tiếng Anh tốt nhất ở Pondicherry. Ravi đang học ở đó, và như số phận của tất cả các đứa em trai khác, tôi phải chịu cực hình của việc noi theo dấu chân của một ông anh nổi tiếng. Ravi là một nhà thể thao của thể hệ anh tại Petit Seminaire, một tay bowler (7) đáng sợ và 1 tay bóng chày khiếp đảm, giữ chân thủ quân của đội tuyển bóng chày hay nhất thành phố. Việc tôi là một tay bơi cừ khôi chẳng gây được tiếng tăm gì hết. Hình như có một thứ quy luật là sống ở biển thì người ta nghi ngờ những ai biết bơi, cũng như sống ở núi thì người ta nghi ngờ những ai biết trèo. Nhưng tôi không tính đến việc trốn chạy bằng một cái tên nào khác với Pit-xinh, thậm chí đổi tên Em thằng Ravi cũng xong. Tôi có một kế hoạch hay hơn thế.

Và tôi triển khai nó ngay ngày đầu ở trường, ngay trong tiết học đầu tiên. Ngồi quanh tôi là những học sinh khác cũng từ Saint Joseph đến. Tiết học bắt đầu như tất cả các tiết học mới khác, nghĩa là bằng việc điểm danh. Chúng tôi lần lượt xưng tên mình tại chỗ.

Ganapathy Kumar, Ganapathy Kumar nói.

Vi pin Nath , Vipin Nath nói.
Shamshool Hudha , Shamshool Hudha nói.
Peter Dharmaraj , Peter Dharmaraj nói.
Mỗi cái tên xướng lên là 1 cái đánh dấu vào danh sách, kéo theo một cái nhìn chòng chọc của ông thầy.
Tôi hồi hộp khủng khiếp.
Ajith Giadson , Ajith Giadson nói, cách tôi bốn bàn...
Sampath Saroja , Sampath Saroja nói, cách ba bàn...
Stanley Kumar , Stanley Kumar nói, còn có hai bàn...
Sylvester Naveen , Sylvester Naveen nói, ngay trước mặt tôi.
Rồi đến lượt tôi. Đã đến lúc giết quỷ Satan. Medina hỡi, ta đến đây rồi.
Tôi đứng dậy và bước vội lên bảng đen. Trước khi ông thầy kịp mở miệng, tôi đã nhặt cục phấn và vừa nói vừa viết:

Tên tôi là Piscine Molitor Patel Thường gọi là
tôi gạch đứt 2 lần hai chữ đầu tiên của tên tôi
Pi Patel
Để cho chắc ăn, tôi viết thêm:

$\pi = 3,14$

rồi tôi vẽ một vòng tròn to tướng, chia một nhát thành hai phần với một đường kính thẳng băng, để nhắc đến bài hình học cơ bản.

Cả lớp im phăng phắc. Ông thầy dán mắt lên bảng. Tôi nín thở, rồi ông nói: Được rồi, Pi, em ngồi xuống. Lần sau phải xin phép trước khi lên bảng. Thưa thầy, vâng ạ. Ông đánh dấu tên tôi. Rồi đưa mắt đến thẳng tiếp theo.

Mansoor Ahamad , Mansoor Ahamad nói.

Tôi thoát rồi.

Gautham Selvaraj , Gautham Selvaraj nói.

Tôi thở được rồi.

Arun Annaji , Arun Annaji nói.

Một sự khởi đầu mới đã đến.

Tôi làm lại cái trò ấy với tất cả các thầy giáo. Lặp đi lặp lại là điều quan trọng trong việc huấn luyện không những với súc vật mà cả với con người. Xen giữa hai thằng học sinh mang những cái tên tầm thường, tôi chạy ào lên bảng và bốc lửa, có khi còn nghe thấy cả tiếng phấn ken két trên bảng, với những chi tiết của cuộc tái sinh cho chính mình. Đến nỗi sau một vài lần như thế, bọn trẻ bắt đầu vào hùa như hát theo sự chỉ huy của tôi, và tiếng chúng vang lên cao trào khi tôi gạch đứt cái nốt chính, và tên tôi được hát lên đẹp để chẳng kém gì niềm vinh hạnh cho bất kì một nhà chỉ huy đồng ca nào khác. Một vài thằng còn theo sát tôi, khấn trượng, Ba! Phầy! Một! Bốn! trong lúc tôi viết con số ấy, và tôi kết thúc bài ca của mình bằng một nét chêm chia đôi vòng tròn, mạnh mẽ đến nỗi vụn phấn bay ra tứ tung.

Ngày hôm đó, khi tôi giơ tay xin phát biểu, và tôi không bỏ sót một cơ hội nào để làm việc đó, các thầy đã cho phép tôi được nói với một âm tiết duy nhất vang lên như âm nhạc trong tai tôi. Kể cả lũ quỷ sứ từ Saint Joseph sang. Sự thực là, cái tên ấy sống rồi. Và hiện tượng này đã khích lệ các thành viên khác của dân tộc thông minh chúng tôi: chẳng mấy chốc, một thằng tên là Omprakash đã tự gọi mình là Omega, một thằng khác bắt đầu đội tên Upsilon, rồi tiếp theo đó là một thằng Gamma, 1Lambda và 1 Delta. Nhưng tôi đã là người đầu tiên và là người Hy Lạp kiên trì nhất ở Petit Seminaire. Thậm chí ông anh tôi, thủ quân đội bóng chày, ông thánh địa phương, cũng tán thưởng tôi. Ravi kéo tôi ra một chỗ:

Này, tao nghe mày mới có tên hiệu gì đó hả? Tôi lặng im. Bởi vì hể phải nghe một lời giễu cợt thì kiểu gì cũng chẳng ngăn chặn nó được. Không thể chạy đi đâu được.

Tao không biết là mày thích màu vàng đến thế. Màu vàng? Tôi nhìn quanh. Lạy trời đừng ai nghe thấy, nhất là bọn tay sai của Ravi. Ravi, anh định nói gì cơ? Tôi thì thầm.

Không sao, chú em. Tên gì thì cũng hơn là Pit-xinh. Kể cả Lemon Pie . (8) Chậm rãi quay gót, Ravi mỉm cười và nói: Mày hơi đỏ mặt rồi đấy. Nhưng không gây sự gì khác.

Và thế là, trong cái con chữ Hy Lạp trông giống như một cái lều có mái tôn ấy, trong cái con số phi lí, không nắm bắt được, mà các nhà khoa học dùng để tìm hiểu vũ trụ ấy, tôi đã tìm thấy nơi ẩn nấp của mình.

Chú thích (1) piscine nghĩa là bể bơi trong tiếng Pháp, và phát âm là pít-xin . Nhưng nhiều người nghe thành pi-xinh (P. Singh), là tên 1 họ phổ biến của người Sikh tại Ấn Độ. Rắc rối nhất là khi người ta gọi nhân vật của chúng ta là pít-xinh , âm của chữ pissing trong tiếng Anh, nghĩa là đang đi đái, đi tiểu tiện (2) I am who I am - Tôi là cái thằng tôi , phát âm là ai-em-hu-ai-em , và người bán hàng nghĩ đây là âm thanh của tên Ian Hoolihan cũng có âm thanh tương tự. Montreal là vùng dân cư Canada nói tiếng Pháp, nên việc nghe nhầm các âm thanh trong tiếng Anh là rất dễ xảy ra.

(3) Tất cả những tên này là của các môn đồ của Chúa Jesus, lúc chưa đi theo Jesus thì có 1 tên, khi đã thành môn đồ thì được đặt tên khác, rồi khi hiển thánh thì lại có tên khác nữa.

(4) Nhân vật của chúng ta có ý ví mình với Jesus một cách hài hước. Jesus bị lính La Mã bắt và đưa đi đóng đinh câu rút với 1 cái biển đề giấu cột tên này là vua của dân Do Thái đây (5) Cũng như thể là Đây là thằng Patel đái dầm , hoặc Patel đang tè , chữ pissing nghĩ là đang đái (6) Jesus bị lính La Mã đội lên đầu 1 vòng gai nhọn, giấu cột là mũ triều thiên của Vua Do Thái . Câu này ám chỉ Patel cảm thấy đau đớn cũng như đội vòng gai nhọn của Jesus.

(7) Bowler: môn bóng lăn trong nhà rất phổ biến ở Âu Mỹ.

(8) Lemon Pie, có nghĩa là 1 món bánh nướng có chanh yên. Lemon là quả chanh có màu vàng. Chữ p trong tiếng Anh thường đọc là pai . Ravi có lẽ nghe gà hóa cuộc và tưởng rằng em mình đã có biệt hiệu như vậy. Chương này có ý vị đặc biệt đối với người nói tiếng Anh, hy vọng cách dịch này không để mất mát nhiều những ẩn ý tôn giáo và hài hước của nguyên tác.

Anh là một người nấu ăn giỏi. Căn nhà luôn sười ầm quá mức của anh lúc nào cũng sực nức mùi thức ăn hấp dẫn. Giá đề gia vị của anh trông giống như tủ thuốc của một nhà bào chế. Khi anh mở tủ lạnh hoặc chạn thức ăn, có nhiều nhãn hiệu mà tôi không hiểu gì cả, thậm chí không biết chúng là tiếng nước nào. Anh nấu các món Âu Mỹ cũng thành thạo như các món Ấn Độ. Anh làm cho tôi món mỳ ống pho-mát ngon và tinh tế chưa từng thấy. Món bánh tráng kẹp nhân rau chay anh làm có thể là nỗi ghen tị của cả xứ Mexico.

Tôi còn để ý thấy một điều: chạn thức ăn của anh đầy ắp. Ngăn nào, khoang nào cũng chất hàng núi các loại hộp và gói giấy. Một kho lương thực có thể sống qua cuộc phong tỏa Leningrad

Tôi có cái may được học một số thầy giáo giỏi trong thừa thiếu thời, những người này, cả đàn ông và đàn bà, đã thâm nhập vào cái đầu tôi và đánh lên một que diêm. Một trong số họ là ông Satish Kumar, thầy dạy môn sinh học ở trường Petit Seminaire và là một người cộng sản tích cực luôn hy vọng Tamil Nadu sẽ thôi bầu các minh tinh màn bạc lên nắm chính quyền và theo gương xứ Kerala. Ông có bề ngoài rất đặc biệt. Đỉnh đầu ông hói và nhọn lại có những ngón sệ dưới cằm rất kì, rồi đôi vai hẹp chạy xuôi xuống cái bụng khổng lồ như cái chân núi, chỉ tội là quả núi ấy lại lơ lửng trên không, vì cái bụng phệ đột ngột biến mất theo chiều ngang vào hai cái ống quần. Điều bí ẩn đối với tôi là không biết đôi chân khẳng khiu ấy chống đỡ cái khối nặng thân hình ông bằng cách gì, nhưng chúng đỡ được, mặc dù đôi lúc chúng chuyển động rất lạ, như thể hai đầu gối ông cứ cong ra cong vào theo các hướng khác nhau. Cơ thể ông cấu tạo theo kỉ hà học: trông ông như hai tam giác, cái nhỏ cái to, thẳng bằng trên hai đường kẻ song song. Nhưng sinh động, còn sần sùi là đằng khác, với những túm lông đen tua tủa đâm ra từ hai lỗ tai. Và thân thiện. Nụ cười ông dường như chiếm hết đáy của cái đầu hình tam giác.

Ông Kumar là người vô thần nhiệt thành đầu tiên mà tôi từng biết. Tôi phát hiện điều này không phải trong lớp học mà là ở vườn thú. Ông ta là vị khách thường xuyên, là người đọc kĩ hết các bảng mô tả và khâm phục tất cả các con vật mà ông đã thấy. Với ông, con vật nào cũng là một chiến thắng của logic và cơ giới, và thiên nhiên nói chung là một minh họa tuyệt hảo của khoa học. Trong tai ông, khi một con vật cảm thấy động lực giao phối, nó nói Gregor Mendel, nhắc đến vị cha đẻ của ngành di truyền học, còn khi đến lúc khoe lông khoe sức của mình thì là Charle Darwin, cha đẻ của thuyết chọn lọc tự nhiên, và những gì mà chúng ta coi là những tiếng hí, gầm, rú, rít, khịt, hót, hét... thì với ông là những âm hưởng của các ngoại ngữ thật sự. Khi ông Kumar đến thăm vườn thú, đó là để bắt mạch vũ trụ, và trí khôn thâm dò của ông luôn luôn khẳng định với ông rằng mọi vật có trật tự, rằng mọi vật là trật tự. Ông rời vườn thú với cảm giác được tươi mới trở lại một cách khoa học.

Lần đầu tiên tôi thấy khuôn hình tam giác của ông đang thao thao bất tuyệt về vườn thú, tôi không dám đến gần ông. Tôi ưa thích ông trong tư cách một thầy giáo bao nhiêu thì tôi cũng e dè ông như thần dân đối với quan phụ mẫu bấy nhiêu. Quả thật tôi có sợ ông chút ít. Tôi quan sát ông từ xa. Ông đã vừa đi đến chỗ hổ nuôi tê giác. Hai con tê giác Ấn Độ là trung tâm thu hút khách đến xem nhờ có lũ dê. Tê giác là loài vật cần có giao tiếp xã hội. Khi chúng tôi có được Peak, một con tê giác đực còn non, nó có biểu hiện buồn chán vì bị cách ly và ngày càng bỏ ăn. Trong khi chưa tìm được một con tê giác cái, cha tôi muốn áp dụng một biện pháp tức thời và nghĩ đến việc thử xem Peak có chịu sống chung với một bầy dê hay không. Nếu nó chịu, chúng tôi sẽ cứu được một con vật quý. Còn không thì cũng chỉ mất một vài con dê. Thật tuyệt vời. Peak và bầy dê không rời nhau nửa bước, ngay cả khi có Summit về sống cùng. Lúc bấy giờ, khi cặp tê giác tắm dưới nước thì bầy dê đứng xung quanh mép hồ, còn khi dê ăn ở góc của chúng, Peak và Summit đứng ngay cạnh như thể canh gác cho bạn. Dân chúng đi xem rất khoái cảnh chung sống này.

Ông Kumar ngẩng lên và thấy tôi. Ông mỉm cười, một tay vịn hàng rào, tay kia vẫy tôi lại gần.

Chào Pi, ông nói.

Chào thầy ạ. Thầy đến thăm vườn thú thế này thật tốt quá. Tôi vẫn thường đến mà. Có thể nói đây là ngôi đền của tôi. Thật là thú vị kia... Ông đang nói về đám tê giác và dê. Nếu chúng ta có các nhà chính trị như những con dê và tê giác kia, đất nước sẽ đỡ linh tinh lắm. Không may là chúng ta lại có một ngài thủ tướng có đủ hết bộ giáp trụ của tê giác nhưng thiếu hết những ý thức tốt đẹp của nó. Tôi có biết gì nhiều về chính trị đâu. Cha với mẹ tôi luôn luôn phàn nàn về bà Gandhi, nhưng chuyện đó chẳng có ý nghĩa gì mấy đối với tôi. Bà Gandhi sống mãi tận miền Bắc, đâu có ở trong vườn thú mà cũng chẳng ở Pondicherry. Dù sao tôi thấy mình cũng phải nói cái gì đó.

Tôn giáo sẽ cứu chúng ta, tôi nói. Từ khi tôi có trí nhớ, tôn giáo đã rất gần gũi trong tôi.

Tôn giáo? Ông Kumar cười ngoác miệng. Tôi không tin vào tôn giáo. Tôn giáo là tầm tối. Tầm tối? Thật khó hiểu. Tôi nghĩ không thể thế được. Tôn giáo là ánh sáng. Liệu ông ta có đang thử tôi không đây? Liệu ông có đang nói Tôn giáo là tầm tối theo kiểu đôi khi ông nói ở trên lớp, ví dụ như Các loài có vú đẻ trứng, chỉ cốt để xem có ai bẻ lại không mà thôi.

Không có lí do gì để đi quá cách giải thích của khoa học và không có lí lẽ lành mạnh nào để tin vào bất kì cái gì ngoài những trải nghiệm giác quan của chúng ta. Chỉ cần một đầu óc sáng sủa một chút, một ý thức

quan sát các chi tiết và một chút hiểu biết khoa học cũng đủ lột trần tôn giáo như một thứ dị đoan vô bổ. Không, làm gì có Thượng đế. Có đúng là ông ấy nói vậy không? Hay là tôi đang nhớ lại những lời của các nhân vật vô thần khác về sau này? Dù sao những lời ấy cũng là một cái đó. Trước đây, tôi chưa bao giờ nghe những thứ tương tự như thế.

Tại sao phải chịu đựng tâm tôi. Mọi vật đều ở ngay đây, rõ ràng, chỉ cần ta nhìn cho cẩn thận. Ông chỉ con Peak. Ấy, dù tôi vẫn rất khâm phục Peak, tôi chưa bao giờ nghĩ rằng một con tê giác cũng là một cái bóng đèn sáng.

Ông nói tiếp: Có người nói Thượng đế đã chết trong thời chia cắt đất nước ta hồi 1947. Ông ấy cũng có thể đã chết trong chiến tranh năm 1971. Hoặc qua đời ngay hôm qua thôi trong một trại mồ côi ở Pondicherry này. Đây là những gì người ta nói, Pi ạ. Khi tôi bằng tuổi em, tôi sống trên giường, mắc bệnh bại liệt. Ngày nào tôi cũng hỏi, Thượng đế ở đâu? Thượng đế ở đâu? Thượng đế ở đâu? Thượng đế chẳng bao giờ đến. Không phải Thượng đế cứu sống tôi, mà là y học. Lí trí là nhà tiên tri của tôi và nó bảo tôi rằng khi chiếc đồng hồ ngừng chạy, là chúng ta chết. Là hết. Nếu chiếc đồng hồ không chạy tốt, phải chữa nó ngay. Một ngày nào đó chúng ta sẽ chiếm hữu được các công cụ sản xuất và sẽ có công lý trên trái đất này. Điều đó hơi quá đối với tôi. Giọng nói thì vừa phải - có tình và can đảm - nhưng các chi tiết có vẻ nhợt nhạt. Tôi lặng thinh. Không phải vì sợ phật lòng ông Kumar. Điều tôi sợ hơn là trong một vài lời thôi ông có thể sẽ phá hủy hết những gì tôi đã yêu. Nhờ những lời ông nói lại khiến cho tôi mắc bệnh bại liệt thì sao nào? Căn bệnh đó hẳn phải khủng khiếp lắm vì nó có thể giết chết cả Thượng đế trong lòng một con người.

Ông bước đi, khắp khả khắp khiêng trên mặt biển hoang dại vốn chỉ là mặt đất yên ổn dưới chân. Đừng quên bài kiểm tra ngày thứ Ba nhé. Học cho tốt, 3.14 nhé! Vâng, thưa thầy Kumar. Ông trở thành thầy giáo tôi ưa thích nhất ở Petit Seminaire và là lí do khiến tôi theo học ngành động vật học Toronto. Tôi cảm thấy có mối thân tình với ông. Đó là cái đầu mối tiên khởi cho tôi hiểu rằng những người vô thần là anh chị em có một niềm tin khác của tôi, rằng mỗi lời họ nói đều là những lời nói của niềm tin. Cũng như tôi, họ đi đến tận cùng trên đôi chân của lí trí - rồi cất bước nhảy theo lòng tin.

Tôi phải trung thực về chuyện này. Những người vô thần không làm tôi khó chịu, mà là những kẻ hoài nghi. Tính hoài nghi cũng có công dụng, nhưng cho một lúc thôi. Chúng ta ai cũng phải qua chỗ Đồi Sợ (1). Nếu Đấng Christ còn phải chơi với hoài nghi, thì chúng ta tất cũng đều phải vậy. Nếu Đấng Christ đã phải qua một đêm cầu nguyện khẩn thiết trong đau khổ, nếu Người đã kêu lên trên thập giá: Cha ơi, Cha ơi, sao Cha nỡ bỏ con? , thì tất nhiên chúng ta ai cũng có quyền nghi hoặc. Nhưng chúng ta phải bước tới. Lấy hoài nghi làm triết lí sống ở đời thì cũng như lấy sự bất động làm phương tiện giao thông vậy.

Tôi đã học được bài học rằng một con vật là một con vật, cơ bản và thực tế là khác hẳn chúng ta, những hai lần: một lần với cha tôi, và một lần với Richard Parker.

Đó là một buổi sáng Chủ Nhật. Tôi đang tha thần chơi một mình thì cha tôi gọi.

“Các con, hãy ra đây.” Có chuyện gì rồi. Giọng nói của cha làm reo một cái chuông báo động tí tẹo trong đầu tôi. Tôi vội kiểm điểm lại lương tâm. Không có gì cả. Chắc hẳn phải là Ravi thôi. Không biết Ravi có chuyện gì đây. Tôi bước vào phòng khách. Mẹ ở đó. Không bình thường chút nào. Việc kỷ luật con cái, cũng giống như việc chăm sóc súc vật, thường chỉ là việc của cha. Ravi vào cuối cùng, mặt đầy vẻ tội lỗi.

“Ravi, Piscine, cha có một bài học rất quan trọng cho các con hôm nay.” “Ồi, có thực cần thiết không mình?” Mẹ nói. Mặt mẹ ửng đỏ.

Tôi nuốt nước bọt. Nếu mẹ, thường bình tĩnh và thản nhiên là thế, mà bây giờ có vẻ lo lắng đến độ bực bội thế kia, thì có nghĩa là có chuyện gì nghiêm trọng thật rồi. Tôi và Ravi lén nhìn nhau.

“Có. Rất cần.” Cha nói, có vẻ khó chịu. “Bài học này có thể sẽ cứu mạng sống của chúng.” Cứu mạng sống của chúng tôi! Cái chuông báo động trong đầu tôi không còn bé tí tẹo nữa, nó trở thành quả chuông không lồ, giống như quả chuông của ngôi nhà thơ Tâm Thiêng của Giáo hội Jesus mà chúng tôi vẫn nghe thấy, không xa vườn thú là mấy.

Mẹ vẫn chưa chịu: “Piscine? Nó mới lên tám.” “Nó là đứa mà tôi lo lắng nhiều nhất.” “Con vô tội!” Tôi òa lên. “Lỗi ở anh Ravi hết, gì cũng là lỗi của anh ấy hết à!” “Cái gì?” Ravi kêu. “Con có làm cái gì sai trái đâu cơ chứ.” Rồi anh nhìn tôi hân học.

“Lặng im nào!” Cha tôi nói, giơ tay lên. Cha đang nhìn thẳng vào mẹ. “Gita, em đã thấy Piscine rồi đấy. Nó đang tuổi với bọn nhóc suốt ngày loăng quăng và thọc mũi vào khắp mọi nơi.” Tôi ư? Một thằng loăng quăng? Một thằng thọc mũi vào khắp mọi nơi? Đâu có phải thế? Không phải thế! Mẹ ơi, hãy bảo vệ con đi mẹ, tôi khẩn khoản trong lòng. Nhưng mẹ chỉ thở dài và gật đầu, dấu hiệu cho thấy cái việc khủng khiếp kia sẽ được thi hành.

"Đi theo cha." Chúng tôi đi như một bọn tử tù ra pháp trường.

Chúng tôi ra khỏi nhà, bước qua cổng, vào vườn thú. Hãy còn sớm và vườn thú còn chưa mở cửa cho công chúng vào.

Những người coi thú và làm vườn đang làm các công việc của họ. Tôi thấy Sitaram, người trông nom bọn khỉ độc, người tôi có cảm tình nhất. Anh đang dùng tay đưa mắt nhìn theo chúng tôi. Chúng tôi đi qua khu chuồng chim, gấu, khỉ độc, khỉ con, tê giác, voi, hươu cao cổ. Chúng tôi đến chỗ hổ, sư tử và báo hoa. Bubu, người chăm sóc chúng, đang chờ ở đó. Chúng tôi đi vòng xuống con đường quanh chuồng, và anh mở khóa cánh cửa dẫn vào chuồng, nằm trên một hòn đảo nhỏ giữa hào nước. Chúng tôi bước vào. Đó là một cái hang xi-măng rộng và tối, hình tròn, nóng và ẩm, sặc mùi nước đái hổ. Khắp xung quanh là những chuồng lớn ngăn với nhau bởi những song sắt to vật sơn xanh lá cây. Một luồng ánh sáng vàng vọt lọt xuống từ những ô cửa trên trần. Qua các lối ra của chuồng, chúng tôi có thể nhìn thấy cây cối trên đảo, tràn ngập ánh mặt trời. Các ngăn chuồng rộng không – trừ một ngăn: Mashisha, con hổ Bengal đầu đàn của chúng tôi, một con vật dài rộng và to lớn, nặng gần hai tạ rưỡi, đang bị nhốt trong chuồng. Đúng lúc chúng tôi bước vào, nó đứng dựa vào các chấn song và bắt đầu gầm gừ rất sâu trong cổ, cặp tai nó ép sát vào đầu và đôi mắt tròn xoe dán chặt vào Babu. Tiếng gầm gừ của nó to và vang đến nỗi tường như làm cả khu chuồng rung lên. Đầu gối tôi bắt đầu run. Tôi nép vào mẹ. Mẹ cũng run. Ngay cha tôi cũng có vẻ đang trấn tĩnh lại. Chỉ có Babu vẫn tĩnh bơ như không trước tiếng gầm và cái nhìn xoáy vào anh ta như lưỡi khoan. Anh đã được thử thách để tin tưởng vào các chấn song sắt. Mashisha bắt đầu đi đi lại lại trong giới hạn của chuồng.

Cha quay sang chúng tôi. "Con vật gì đây?" Cha quát để át được tiếng gầm gừ của Mashisha.

"Dạ, con hổ ạ," Ravi và tôi đồng thanh, ngoan ngoãn chỉ ra điều hiển nhiên không thể nhầm lẫn.

"Hổ có nguy hiểm không?" "Thưa cha có ạ, hổ nguy hiểm ạ." "Hổ rất nguy hiểm," cha hét lên. "Cha muốn các con hiểu rằng không bao giờ, trong bất cứ hoàn cảnh nào, được chạm đến một con hổ, vuốt ve một con hổ, thò tay qua song sắt chuồng hổ, và ngay cả đến gần một cái chuồng hổ. Đã rõ chưa? Ravi?" Ravi gật đầu lia lịa.

"Piscine?" Tôi gật đầu còn lia lịa hơn.

Cha nhìn tôi chăm chú.

Tôi gật đầu mạnh đến nỗi lấy làm ngạc nhiên sao chưa bị gãy cổ và rơi đầu xuống sàn lúc đó.

Tôi muốn có vài lời tự bạch rằng, mặc dù tôi có thể đã nhận cách hóa các con vật đến mức chúng có thể nói trôi chảy được tiếng Anh, với đám chim trĩ than phiền bằng giọng quý phái Anh chính hiệu rằng trà của chúng nguội quá, và bọn khỉ đầu chó bàn bạc kế hoạch chạy trốn sau khi cướp nhà băng bằng giọng găng-tơ Mỹ đặc sệt, nhưng tôi lúc nào cũng tỉnh táo và ý thức được rằng đó chỉ là những huyền hoặc mà thôi. Tôi hoàn toàn cố tình khoắc cho những con vật hoang dã những bộ cánh hiền lành của trí tưởng tượng. Song tôi không bao giờ mù mịt đến hoang tưởng về bản chất thực của chúng. Cái mũi thọc mạch của tôi tinh táo hơn thế. Không hiểu sao mà cha tôi lại nghĩ rằng đứa con út của ông lại có thể ngửa ngáy đến mức bước chân vào chuồng một con thú dữ ăn thịt được kia chứ. Nhưng cho dù nỗi lo lạ lùng ấy của cha có nguồn gốc ở đâu đi nữa – mà cha là người cả lo – rõ ràng là ông đã quyết tâm phải trừ bỏ mối này trong buổi sáng hôm đó.

"Đề cha cho các con thấy loài hổ nguy hiểm đến mức nào," cha tiếp tục nói. "Cha muốn các con ghi nhớ bài học này suốt đời." Cha quay sang gật đầu với Babu. Babu đi ra. Mashisha đưa mắt nhìn theo anh ta và không chịu rời khỏi đầu của mà Babu vừa đi qua. Vài giây sau, Babu trở lại, vác theo một con dê đã trói hết chân vào với nhau. Mẹ ôm lấy tôi từ phía sau. Tiếng gầm gừ của Mashisha biến thành một tiếng tru ầm ào sâu tím bên trong cổ.

Babu mở khoá, mở cửa, bước vào, khép và khóa cửa một ngăn chuồng ngay cạnh chuồng Mashisha. Hai ngăn cách nhau bằng các sập cửa và các chấn song. Mashisha lập tức bám vào hàng chấn song đó, cào cào chúng. Nó bắt đầu thêm vào tiếng gầm gừ kéo dài những tiếng hộc mạnh mẽ như có thuốc nổ. Babu đặt con bê xuống sàn; hai bên sườn con vật phập phồng dữ dội, lưỡi nó thè lê khỏi mồm, và mắt nó trợn ngược. Babu cười trói cho con dê. Nó đứng lên. Babu ra khỏi chuồng cũng thận trọng như khi vào. Ngăn chuồng đó có hai mức sàn, một mức ngang với chỗ chúng tôi đang đứng, một mức nữa ở phía sau, cao hơn độ một thước, dẫn ra phía ngoài đảo. Con dê lập cập trèo lên sàn trên. Mashisha, không để ý gì đến Babu nữa, chuyển động trong căn chuồng của nó theo bước đi của con dê trong một dáng điệu uyển chuyển như nước chảy. Nó phủ phục và nằm im, cái đuôi đung đưa chậm rãi là dấu hiệu căng thẳng duy nhất.

Babu bước lên chỗ cái cửa sập ngăn giữa hai căn chuồng và bắt đầu kéo nó lên. Biết là sắp được thỏa mãn, Mashisha im phăng phắc. Tôi nghe thấy hai thứ vào giây phút đó: cha nói: “Đừng bao giờ quên bài học này” trong khi ông nhìn lên một cách nghiêm nghị; và tiếng kêu be be của con dê. Chắc nó đã kêu lãnh lớt như vậy ngay từ đầu, chỉ có điều đến lúc ấy tôi mới nghe thấy.

Tôi thấy bàn tay mẹ áp chặt lên chỗ tim tôi đang đập thình thịch.

Cái cửa sập kêu rít lên mấy tiếng. Mashisha không tự chủ được nữa – trông có vẻ như sắp nổ tung qua các chấn song sắt. Nó có vẻ lưỡng lự, không biết nên ở nguyên tại chỗ, gần chỗ con mồi nhất nhưng lại không thể với được tới, hay là chuyển xuống sàn dưới, xa con mồi hơn nhưng lại gần cái cửa sập hơn. Nó vờn người lại và bắt đầu gầm gừ.

Con dê bắt đầu nhảy. Nó nhảy cao lạ lùng. Tôi không ngờ dê lại có thể nhảy cao đến thế. Song phía sau căn chuồng là một bức tường xi măng cao và nhẵn nhụi.

Thình lình, cánh cửa sập nhẹ nhàng trượt lên. Rồi yên lặng trở lại, chỉ nghe tiếng con dê kêu và tiếng móng chân nó gõ liên hồi xuống sàn.

Một dòng thác màu đen và da cam chảy ào từ căn chuồng nay sang căn chuồng kia.

Bình thường, người ta không cho hổ báo ăn một ngày mỗi tuần, để mô phỏng theo điều kiện sống của chúng ngoài hoang dã. Về sau chúng tôi được biết là cha đã ra lệnh bỏ đói Mashisha trong 3 ngày liền.

Không biết là tôi có nhìn thấy máu trước khi nhào vào lòng mẹ hay là tôi đã vẽ ra máu trong kí ức mình sau này bằng những nét bút lông to bè. Nhưng mà tôi nghe thấy. Đủ hãi hùng để thổi tắt ngấm những tia sáng của sự sống chỉ biết ăn chạy ra khỏi linh hồn tôi. Mẹ lập cập ôm lùa chúng tôi ra khỏi đó. Chúng tôi sợ phát cuồng. Mẹ tức giận thật sự.

“Sao anh có thể thế được, anh Santosh? Chúng nó chỉ là trẻ con! Anh đã làm chúng sợ hãi đến hết đời!” Giọng mẹ nóng giận và run rẩy. Tôi thấy cả nước mắt đọng trong mắt mẹ. Tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

“Gita, con chim nhỏ của anh, cũng là vì chúng mà thôi. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu Piscine thò tay qua chấn song chuồng hổ một ngày nào đó để vuốt ve bộ lông da cam đẹp đẽ kia? Thà mất con dê còn hơn, phải không nào?” Giọng cha êm, gần như thì thầm. Trông cha rất căng thẳng. Cha chưa khi nào gọi mẹ là “con chim nhỏ của anh” trước mặt chúng tôi.

Anh em tôi quần chặt lấy mẹ. Cha ôm lấy chúng tôi. Nhưng bài học chưa hết, mặc dù phần sau có vẻ nhẹ nhàng hơn.

Cha dẫn chúng tôi tới chỗ sư tử và báo.

“Có một người mất trí ở Australia có võ karate đến hắc đai. Hắn ta muốn chứng tỏ sức mạnh của mình với sư tử. Hắn thua. Thậm tệ. Người ta chỉ tìm thấy một nửa thi thể của hắn vào sáng hôm sau.” “Vâng, thưa cha.” Đến bọn gấu Himalaya và gấu cu li.

“Chỉ một nhát cào của các con vật củ mì củ mì kia cũng đủ ruột gan các con lòi đầy mặt đất.” “Vâng, thưa cha.” Bọn hà mã.

“Với cái mõm mềm mại và mỡ màng kia, chúng sẽ nghiền nát thân thể các con thành một đồng bầy nhầy. Lên cạn, chúng chạy còn nhanh hơn các con.” “Vâng, thưa cha.” Bọn linh cẩu.

“Những bộ hàm khoẻ nhất trong thiên nhiên. Đừng tưởng chúng hèn nhát hoặc chỉ biết ăn thịt chim chóc. Chúng không nhát và không ăn thịt chim! Chúng sẽ ăn ngay các con khi các con vẫn còn sống hằn hoi.”

“Vâng, thưa cha.” Bọn khỉ độc.

“Khỏe bằng mười người. Chúng bẻ xương các con như bẻ que. Cha biết vài con đã từng được nuôi chơi trong nhà và các con đã từng đùa rờn với chúng khi chúng còn bé. Nhưng bây giờ chúng đã lớn, hoang dại và khó lường.” “Vâng, thưa cha.” Bọn đà điểu.

“Trông xơ xác và ngốc nghếch, phải không nào? Hãy nghe đây: chúng là một trong những loài vậy nguy hiểm nhất trong vườn thú. Chỉ một cú đá của chúng thôi là đủ bẻ gãy xương sống sườn của con rồi.” “Vâng, thưa cha.” Bọn hươu sao.

“Thật xinh đẹp, phải không nào? Nếu các con đực cảm thấy cần thiết, nó sẽ tấn công các con và những nhánh sừng ngắn ngủi kia sẽ xuyên thủng các con như dao găm vậy.” “Vâng, thưa cha.” Bọn lạc đà Ả rập.

“Một miếng dóp của nó thôi là các con đi toi mảng thịt xương rồi.” “Vâng, thưa cha.” Bọn thiên nga đen.

“Với những cái mỏ kia, chúng sẽ bẻ vỡ sọ các con. Và sẽ bẻ chân tay các con bằng những đôi cánh của chúng.” “Vâng, thưa cha.” Bọn chim lau nhau.

“Chúng sẽ cắt đứt ngón tay của các con bằng mỏ nhọn như thể tay các con là bơ vậy.” “Vâng, thưa cha.”

Lũ voi.

“Con vật nguy hiểm nhất tất cả. Trong vườn thú voi là con vật đã giết chết nhiều người làm và khách tham quan nhất. Một con voi non sẽ có thể xé rời chân tay và giày xéo thân thể các con thành bẹp gí. Đó

là số phận của một người làm trong một vườn thú bên châu Âu, đã dám trèo vào chuồng voi qua một cửa sổ. Một con voi chín chắn hơn, bình tĩnh hơn, sẽ nghiền nát các con vào tường hoặc ngồi lên các con. Nghe thì buồn cười đấy - những hãy nghĩ mà xem!” “Vâng, thưa cha.” “Còn nhiều các con chúng ta không thể đến được. Đừng tưởng chúng vô hại. Sinh vật nào cũng biết tự vệ, không kể to nhỏ. Con vật nào cũng dữ tợn và nguy hiểm cả. Nó có thể không giết chết các con, nhưng chắc chắn sẽ làm các con thương tổn. Nó sẽ cào cấu, cắn xé và các con chỉ việc đợi đó để bị nhiễm trùng, sưng tấy và đầy mủ, rồi thì sốt cao và mười ngày trong bệnh viện.

“Vâng, thưa cha.” Chúng tôi đến chỗ bọn chuột khoang, loài vật duy nhất bị cha tôi ra lệnh bỏ đói cùng với Mashisha. Chúng không được ăn bữa tối hôm trước. Cha mở khoá chuồng. Ông lấy ra một túi đồ ăn trong túi quần và dốc hết xuống sàn.

“Các con thấy những con chuột khoang này chứ?” “Vâng, thưa cha.” Các chú chuột run rẩy vì mệt khi chúng hồi hải gặm nhấm những hạt ngô.

“Này, này... cha cuối xuống bế một con lên tay. Chúng không nguy hiểm đâu.” Đám chuột chảy tán ra ngay lập tức.

Cha cười. Ông đưa cho tôi con chuột khoang đang còn kêu lí nhí. Ông đã chuẩn bị cho bài học kết thúc một cách nhẹ nhàng.

Con chuột khoang căng thẳng nép mình trong cánh tay tôi. Một con còn non. Tôi bước đến chuồng và thận trọng đặt nó xuống sàn. Nó chạy vụt đến bên mẹ nó. Lí do duy nhất khiến những con chuột khoang này không gây nguy hiểm – nghĩa là không gây đổ máu bằng răng và móng của chúng – là chúng thực sự đã được thuần hóa. Nếu không, tóm một con chuột khoang hoang dã bằng đôi bàn tay trần sẽ giống như tóm một con dao đang lưỡi.

Bài học kết thúc. Ravi và tôi nín lặng và né tránh cha suốt một tuần. Mẹ cũng lờ cha đi. Khi tôi đi qua chỗ bọn tê giác, tôi tưởng tượng rằng chúng đang cúi đầu buồn bã vì đã mất một trong số những bạn bè thân thiết của chúng.

Nhưng biết làm sao được khi ta yêu quý cha? Cuộc sống cứ tiếp tục và ta đừng có mà chạm đến hồ. Chỉ trừ có chuyện là tôi đã trót đổ tội vu vợ cho anh Ravi sáng hôm đó và bây giờ thì coi như đã chết rồi. Trong nhiều năm sau, khi Ravi muốn khùng bố tôi, anh sẽ rít lên khe khẽ vào tận tai tôi, “Hãy cứ đợi cho đến khi chỉ còn mây với tao. Mây sẽ là con dê tiếp theo đấy!”

Chú thích (1): Đồi Sọ, nguyên văn Gethsemane, (theo bản dịch Tân Ước của Phan Khôi) là tên quả đồi nơi Jesus ẩn trốn và cầu nguyện trước khi bị quân La Mã bắt.

(2): Chữ Latinh, nghĩa là con vật mang hình người

Cốt lõi của nghệ thuật và khoa học coi sóc vườn thú là làm sao cho động vật quen với sự có mặt của người. Mục đích chính là rút ngắn khoảng cách bỏ chạy của con vật, cái cự li tối thiểu mà nó dám để cho đối tượng có thể là kẻ thù đến gần. Một con hồng hạc ngoài hoang dã sẽ không để ý đến ta nếu ta ở cách xa nó ba trăm mét. Vượt quá giới hạn đó là nó sẽ căng thẳng ngay. Lại gần nó một chút là nó sẽ bay khỏi chỗ đó cho đến khi khoảng cách ba trăm mét kia lại được lặp lại hoặc bay thẳng cho đến lúc kiệt sức. Mỗi loài vật có khoảng cách bỏ chạy khác nhau và chúng ước lượng khoảng cách đó theo các cách khác nhau. Hổ báo thì nhìn, hươu nai thì nghe, gấu ngủi. Hươu cao cổ sẽ cho phép ta đến gần chúng khoảng ba mươi mét nếu ta đi bằng ô tô, nhưng nếu ta đi bộ thì khoảng một trăm năm mươi mét là chúng bắt đầu bỏ chạy. Những con cua một càng chỉ để ta đến gần chúng khoảng mười mét; khi bạc má sẽ nháo nhác trên cành khi có ai ở cách chúng hai mươi mét; loài trâu nước Châu Phi phản ứng ở cự li bảy mươi mét.

Phương tiện để ta rút ngắn khoảng cách bỏ chạy là những hiểu biết của ta về con vật, là thức ăn và nơi ẩn nấp mà ta cho nó, và những biện pháp bảo vệ khác mà ta có thể áp dụng. Khi thành công, kết quả là ta có một con vật hoang yên tâm và thoải mái không những sẽ ở yên mà còn khoẻ mạnh, sống lâu, ăn uống ngoan ngoãn, hành xử và giao đãi một cách tự nhiên và hay nhất nữa là bắt đầu sinh con đẻ cái. Tôi không dám so sánh vườn thú của chúng tôi với vườn thú ở San Diego hoặc Toronto hoặc Berlin hay Singapore nhưng cũng không thể không tự hào về một vườn thú như thế. Cha tôi đã vào nghề một cách tự nhiên, như thể ông sinh ra để làm việc đó. Thiếu đào tạo chính quy, nhưng bù lại, cha có năng khiếu bẩm sinh và mắt nhìn sắc sảo. Cha có tài chỉ cần nhìn một con vật là có thể đoán được nó đang nghĩ gì. Cha chăm sóc chúng tận tình, và đáp lại, chúng sinh con đẻ cái, có con hơi nhiều quá là đáng khác.

Ấy thế mà vẫn có những con vật tìm đường tẩu thoát. Những con bị nhốt trong các chuồng trại không thích hợp với chúng là những ví dụ rõ hơn cả. Con vật nào cũng có những nhu cầu ăn ở phải được đáp ứng đúng. Nếu chuồng nuôi quá nắng hoặc quá ẩm ướt hoặc quá trống trải, nếu cành đậu quá cao hoặc quá lộ liễu, nếu nền sàn quá nhiều cát, nếu quá ít cành để có thể làm tổ, nếu máng ăn quá thấp, nếu có quá ít bùn để đầm mình – và còn biết bao nhiêu những cái nếu như thế nữa – con vật sẽ không ở yên được. Vấn đề không phải là xây dựng một bản sao cho tất cả các điều kiện tự nhiên ngoài hoang dã, mà là có được cái cốt lõi của điều kiện đó. Mọi thứ trong một khu chuồng phải vừa vặn mà thôi, nghĩa là trong vòng khả năng có thể thích ứng được của con vật. Khổ nạn cho những vườn thú nào mà chuồng trại không tốt! Chúng gây biết bao tai tiếng cho nghề này rồi.

Những con thú hoang bị bắt lúc đã trưởng thành là một ví dụ khác của các con thú có tâm lý bỏ trốn; thường thì chúng đã quá quen với những nếp riêng trong cuộc sống hoang và không còn khả năng thích ứng với môi trường mới.

Nhưng ngay cả các con vật sinh ra và lớn lên trong vườn thú, chưa bao giờ biết thế giới hoang dã, thích nghi hoàn toàn với chuồng trại của mình và không hề căng thẳng với sự có mặt của người, cũng sẽ có những giây phút phấn khích thúc giục chúng tìm cách đào thoát. Hết thấy các loài sống đều mang trong mình một phần tâm lý điên rồ khiến chúng hành xử lạ lùng và đôi khi không thể giải thích nổi. Nhưng cái phần điên rồ này cũng là cứu cánh; nó cũng chính là một phần không thể thiếu của khả năng thích ứng. Không có nó, chẳng có giống loài nào có thể sinh tồn.

Cho dù có lí do muốn trốn là gì đi nữa, điên hay là không điên, những ai vốn chê bai vườn thú nên hiểu rằng thú vật không bỏ chạy đến một nơi nào đó, mà chỉ bỏ chạy khỏi cái gì đó. Có cái gì đấy trong lãnh thổ của chúng đã khiến chúng hoảng sợ - sự đột nhập của kẻ thù, sự tấn công của một con thú đầu đàn, một tiếng động lạ - và gây nên phản ứng trốn chạy. Con vật chạy trốn, hoặc cố chạy trốn. Tôi đã kinh ngạc đọc thấy ở vườn thú Toronto - một vườn thú rất tốt, phải nói ngay thế - những con báo hoa có thể nhảy dựng lên cao tới sáu thước. Chuồng báo hoa của chúng tôi ở Pondicherry có tường ngăn phía sau cao hơn năm thước; tôi đồ rằng Rosie và Copycat đã không nhảy qua tường không phải vì chúng không thể mà vì chúng không muốn mà thôi. Thú vật bỏ trốn từ chỗ quen thuộc ra chỗ lạ - và nếu có một thứ mà loài vật ghét nhất, thì đó là cái lạ lẫm. Những con thú bỏ trốn thường ẩn náu ngay ở chỗ đầu tiên mà nó cảm thấy an toàn, và chúng chỉ nguy hiểm đối với những ai tình cờ xen vào giữa chúng và nơi chúng nghĩ là an toàn đó.

Hãy xem trường hợp hai con báo đen cái đã trốn khỏi vườn thú Zurich hồi mùa đông 1933. Nó là con báo mới ở vườn và dường như đã quần quýt với con báo đực ở đó. Nhưng các vết thương do bị cào cấu đã cho thấy có sự bất hoà trong gia đình. Trước khi người ta quyết định nên phải làm gì thì con báo đã chui tọt qua một kẽ hở trên trần rào và biến mất trong đêm. Dân chúng Zurich hoảng hốt khi nghe tin một con thú dữ đang lẩn quất trong thành phố. Người ta đặt bẫy, thả chó săn. Và chỉ bắt được vài chú chó lạc. Con báo biệt tăm trong mười tuần lễ liền. Cuối cùng, một người lao công tình cờ bắt gặp nó trong một nhà chứa thóc cách thành phố hai mươi lăm dặm và dùng súng bắn chết nó. Người ta thấy xương xẩu của con hươu sao gần chỗ con báo nấp. Hiện tượng một con báo đen nhiệt đới như vậy có thể sống sót trong hơn hai tháng trời giữa mùa băng tuyết Thụy Sĩ mà không ai nhìn thấy, chứ đừng nói đến chuyện nó tấn công ai, đã cho thấy rõ ràng một sự thật là thú vật trốn khỏi các vườn thú không phải là các con vật nguy hiểm có đầu óc tội phạm mà chỉ đơn giản là những sinh linh hoang dã muốn tìm kiếm một nơi thích ứng mà thôi. Đó chỉ là một trong muôn vàn vụ việc tương tự. Nếu ta dốc ngược thành phố Tokyo và lắc nó như đổ rác, ta sẽ phải kinh ngạc vì số lượng các thú vật sẽ rơi ra. Nó sẽ dốc ra không phải chỉ có chó với mèo đâu, tôi cam đoan thế. Trăn, rồng Khôngmodo, cá sấu, cá răng hổ, đà điểu, chó sói, cáo, gấu cây, nhím, khỉ độc, lợn lòi... sẽ rơi như mưa xuống đầu ta. Thế mà họ lại mong tìm thấy. Ha! Giữa rừng rậm nhiệt đới Mexico, thử tưởng tượng xem! Ôi chào! Ha! Ha! Buồn cười thật! Buồn cười quá! Họ nghĩ gì cơ chứ?

CHƯƠNG 12

Đôi khi anh đột nhiên phấn khích. Không phải vì tôi đã nói gì (tôi nói rất ít). Chính câu chuyện của anh khiến anh phấn khích như vậy. Kí ức là một đại dương và anh bập bềnh trên mặt nước. Tôi lo có thể anh sẽ không muốn kể nữa. Nhưng anh muốn tôi nghe hết câu chuyện của anh. Anh tiếp tục. Sau bao nhiêu năm rồi, Richard Parker vẫn còn ám ảnh tâm trí anh.

Anh là người ngọt ngào. Lần nào tôi đến, anh cũng sửa soạn một bữa tiệc chay kiểu miền Nam. Tôi bảo anh tôi thích các món ăn cay. Không hiểu tại sao tôi lại nói một câu ngu ngốc đến thế. Mà đó thật sự là một câu nói dối. Tôi phải thêm sữa chua hết muỗng này đến muỗng khác, mà chẳng hết cay. Lần nào cũng vậy: dịch vị tôi khô kiệt, da lưng lên như củ cải đỏ, nước mắt tôi giàn giụa, đầu quay như thể một con trăn vừa nuốt chửng phải một cái máy cắt cỏ.

CHƯƠNG 13

Ta thấy đấy, nếu ta ngã vào một chuồng nhốt sư tử, cái lí do để một con sư tử sẽ xé xác ta không phải là vì nó đói - vườn thú luôn cho chúng ăn thừa mứa – cũng không phải vì nó là đồ khát máu, mà chỉ vì ta đã xâm phạm lãnh thổ của nó.

Cũng chính vì thế mà người dạy hổ trong rạp xiếc luôn luôn phải vào trong vòng diễn trước, và phải để cho bảy sư tử nhìn thấy hẳn hoi. Làm như vậy, anh ta khẳng định rằng cái vòng diễn ấy là lãnh thổ của anh ta, không phải của chúng, một sự khẳng định được củng cố liên tục bằng những tiếng quát tháo, dậm chân, và quát roi đen đét. Bọn sư tử bị ấn tượng mạnh. Thế yếu đè nặng lên chúng. Cứ để ý mà xem, khi chúng vào vòng diễn, đường đường là “vua của muôn loài”, sức dài vai rộng là thế, mà len lết cụp đuôi bò vào vòng diễn mà cứ dúi và mép vòng, không nơi ẩn náu. Chúng đang phải trình diện trước một con đực đầy thế áp đảo, một con đực siêu quần, và chúng phải phục tòng những nghi thức của con đực ấy. Thế là chúng há miệng cho to, ngồi cho thẳng, nhảy cho lọt vào các vòng tròn phát giấy, bò cho qua những ống, đi giật lùi cho khéo, lặn dưới sàn cho giỏi. “Thật là một tay kỳ lạ,” chúng lơ mơ suy nghĩ. “Chưa thấy một sư tử đầu đàn nào như tay này. Nhưng hẳn thật kỳ vĩ. Túi thức ăn bao giờ cũng đầy và - cứ nói thật đi các cậu – các trò tinh quái của hẳn cũng khiến chúng ta bận rộn đấy chứ. Chí ít thì chúng ta cũng không phải đi xe đạp như bọn gấu dở hơi hoặc đón bắt những cái đĩa bay như bọn khỉ độc.” Chỉ có điều người dạy hổ

lúc nào cũng phải duy trì địa vị độc tôn của mình. Giá phải trả sẽ rất đắt nếu anh ta vô tình để mình tụt xuống hàng thứ hai. Nhiều hành vi thù địch và hung dữ của thú vật chỉ là biểu hiện của tâm lý xã hội không an toàn. Con thú trước mặt ta phải biết rõ nó đứng ở đâu, bên trên hay bên dưới ta. Địa vị xã hội là trung tâm điều khiển cuộc sống của nó. Chỗ đứng quyết định nó có thể giao tiếp với ai và như thế nào, lúc nào và chỗ nào có thể uống nước, vân vân và vân vân. Khi nó chưa biết rõ địa vị xã hội của mình, con thú sống một cuộc đời vô chính phủ không thể chịu nổi. Nó lo lắng, sợ sệt, cáu bẳn và nguy hiểm. Ngay cho người dạy thú ở một điểm là đối với các loài thú bậc cao, địa vị xã hội không phải lúc nào cũng được xác định bởi sức mạnh hung dữ của chúng. Tác giả Hegiger (1950) viết, “Khi hai con thú gặp nhau, con nào có thể đe dọa được đối thủ sẽ được công nhận có địa vị cao hơn, và điều này không phải lúc nào cũng phụ thuộc vào một cuộc đánh nhau; có nhiều khi chỉ cần một cuộc đối mặt là đủ.” Thật là những lời của người nghiên cứu thú vật, thông thái. Ông Hediger làm giám đốc vườn thú trong nhiều năm, đầu tiên là vườn thú Basel rồi sau đó là vườn thú Zurich. Ông là một người thông thạo lối sống của thú vật.

Đó là vấn đề đầu óc cao hơn bắt thịt. Bản chất ưu thế của người dạy thú là ở tâm lý. Khung cảnh lạ lẫm, dáng dấp thẳng thắn của anh ta, thái độ bình thản, cái nhìn thẳng thắn và tập trung, những bước chân quả quyết, những tiếng hét kỳ lạ (ví dụ tiếng roi quất và tiếng còi thổi) – đó là những yếu tố ào ạt tác động vào tâm lý con thú khiến cho nó phải nghi ngại, sợ hãi, khiến cho nó thấy rõ nó đứng ở đâu, là điều mà nó khao khát muốn biết nhất. Biết thế rồi, số Hai sẽ lùi bước và số Một sẽ quay ra phía khán giả và lên tiếng, “Chúng tôi xin bắt đầu buổi diễn! Và bây giờ, thưa quý ông quý bà, qua những vòng lửa thật kia...”

CHƯƠNG 14

Một điều thú vị là con sư tử dễ bảo nhất trong vòng diễn là con có địa vị xã hội thấp nhất trong bầy, là con hạng bét, xếp vào hàng cuối, omega (1). Chỉ có nó là được lợi nhiều nhất trong việc cung cấp thân thiện với người dạy thống soái. Không phải chỉ những phần thưởng thêm nếm. Một quan hệ thân cận còn mang lại cho nó sự bênh vực chống lại các thành viên khác trong bầy. Chính cái con thú thứ bét ngoan ngoãn này, trong mắt công chúng, cũng to lớn và hung dữ như các con khác trong bầy, sẽ là ngôi sao của buổi diễn, trong khi người dạy thú để mặc các con thú thứ nhì và thứ ba trong bầy ngồi châu rìa xung quanh.

Điều đó cũng đúng với tất cả các loài thú làm xiếc và cũng đúng với tình trạng trong các vườn thú. Những con thú thấp hèn nhất về mặt xã hội là những con cố gắng chịu khó nhất để làm thân với những người coi sóc nó. Chúng đã chứng tỏ là những con thú trung thành nhất, cần đến họ nhất, ít thách thức nhất và ít lảng nhảng nhất. Hiện tượng này đã được người ta ghi nhận đối với những loài hổ báo, bò rừng, hươu, cừu hoang, khỉ vượn và nhiều loài khác nữa. Đó là một thực tế ai cũng biết trong nghề vườn thú.

Chú thích:

(1) Omega (Ω) - chữ cái thứ 24 và là cuối cùng trong bảng chữ cái Hy Lạp; cũng có nghĩa là "kết thúc", "cuối cùng". Alpha - (α) - là chữ cái đầu tiên và hay được dùng với nghĩa "khởi đầu", "đứng đầu". (ND)

CHƯƠNG 15

Nhà anh là một ngôi đền. Trong lối vào nhà treo một bức hình Ganesha, người đàn ông đầu voi đóng khung. Ông thần ngồi ngoảnh mặt ra, màu sắc hồng hào, bụng phệ, đội mũ miện và mỉm cười, ba bàn tay cầm các vật khác nhau, bàn tay thứ tư mở lòng ra trong dáng điệu ban phước và chào mừng. Ông là vị thần khắc phục các trở ngại, mang lại may mắn, trí tuệ, và coi sóc việc học hành. Thân thiện và dễ gần vào bậc nhất. Ông thần khiến tôi mỉm cười. Một con chuột ngồi châu dưới chân ông. Cái xe của ông đầy. Vì khi thần Ganesha đi đâu, ông cười chuột. Trên bức tường đối diện với bức hình này có treo một cây thánh giá bằng gỗ giản dị.

Trong phòng khách, trên bàn cạnh cái sofa, có một khung nhỏ lồng ảnh Đức mẹ Đồng trinh Mary vùng Guadalupe, hoa lá tràn ra từ tà áo mở của người. Bên cạnh là một khung khác lồng ảnh thánh Kaaba choàng áo chùng đen, trang phục thiêng liêng nhất của đạo Hồi, với hàng ngàn tín đồ vây quanh như những vòng nước xoáy. Trên mặt cái tivi là một bức tượng đồng vàng thần Shiva trong hóa thân của Nataraja, chúa tể của các vũ điệu, người điều khiển mọi dịch chuyển của vũ trụ và dòng chảy của thời gian. Vị thần đang nhảy múa trên lưng con quỷ ngu dốt, bốn cánh tay đưa ra theo tư thế múa, một bàn chân trên lưng con quỷ, chân kia giơ lên trong không trung. Người ta nói khi Nataraja đặt cái chân ấy xuống, thời gian sẽ ngừng trôi.

Trong bếp có một cái miếu đặt bên trong một cái chạn. Cửa của cái chạn này đã được thay bằng một cái khung vòm chạm trổ. Cái khung vòm có dấu một bóng đèn vàng cứ đến tối thì thấp lên để soi sáng cái miếu. Hai bức hình ở đằng sau một cái ban thờ nhỏ: một bên lại là Ganesha, còn ở giữa, trong cái khung lớn hơn, là hình thần Krishma, mỉm cười, da màu xanh trời, đang thổi sáo. Cả hai bức hình đều có những vệt màu bột đỏ và vàng bôi trên mặt kính, chỗ trán của hai vị thần. Trong cái đĩa đồng nhỏ trên ban thờ là ba hình tượng bằng bạc nhỏ xíu. Anh lấy ngón tay chỉ cho tôi biết mỗi hình tượng này là đại diện cho ai: thần Lakshmi này, Shakti, nữ thần sinh ra các thần, trong hoá thân của Parvati; và Krisma, lần này trong hóa thân của một đứa bé nghịch ngợm đang bò lồm ngồm. Lẫn trong các vị thần ấy là một hình tượng dương vật Shiva bằng đá, trông như nửa trái vú sữa với một mầm dương vật lồi lên ở chính giữa, biểu tượng Hindu của sức sống đực cái trong vũ trụ. Cạnh cái đĩa, phía bên này là một vỏ ốc gắn trên một cái đế, phía bên kia là một cái chuông lắc tay nhỏ bằng bạc. Rơi rải xung quanh đây những hạt gạo, và một đóa hoa vừa bắt đầu tàn. Những đồ vật này phần lớn được xức dầu thơm và có các dầu chấm màu vàng và đỏ.

Trên cái đợt ở phía dưới là nhiều đồ cúng khác nhau: một bình thủy đầy nước, một cái thìa đồng đỏ, cái đèn có bắc cuộn ngậm trong dầu, các bó nhang, và những cái bát nhỏ đựng đầy bột đỏ, bột vàng, gạo và đường cục.

Có một Đức Mẹ Đồng trinh Mary nữa trong phòng ăn.

Trên gác, trong phòng làm việc, có một Ganesha nữa bằng đồng vàng ngồi xếp bằng cạnh máy vi tính, một đấng Christ trên thập tự giá bằng gỗ từ Brazil mang về treo trên tường, và một cái thảm để ngồi cầu nguyện màu xanh lá cây ở góc phòng. Đấng Christ trông rất sinh động. Người đang chịu đau khổ. Cái thảm cầu nguyện nằm ở chỗ của nó rất rõ ràng riêng biệt. Bên cạnh nó, trên một giá sách thấp, là một cuốn sách có phủ vải. Chính giữa tấm vải ấy là một từ Arập duy nhất, thêu rất tinh tế, gồm bốn chữ: một chữ aliph, hai chữ lams và một chữ ha. Đó là từ Thượng Đế trong ngôn ngữ Arập. Cuốn sách trên cái bàn cạnh giường là một cuốn Thánh kinh Cơ đốc.

Tất cả chúng ta sinh ra đều là những người Thiên Chúa giáo cả, có phải không nhỉ? Nghĩa là đều còn trong cõi mờ mịt không tin ngưỡng, cho tới khi một nhân vật nào đó dẫn dắt chúng ta đến với Thượng đế. Sau cuộc gặp gỡ đó, phần lớn chúng ta không còn thắc mắc về Thượng đế nữa. Nếu có thay đổi, thì thường xảy ra với những người ít thắc mắc về chuyện đó mà thôi. Cuốn theo dòng đời, càng ít nghĩ càng dễ quên mất Thượng đế. Nhưng tôi không rơi vào trường hợp này. Nhân vật đưa tôi đến với thượng đế lần đầu tiên trong đời là người chị em của mẹ tôi, người đã mang tôi đến một ngôi đền khi tôi còn bé tí. Bác Rohini rất sung sướng được gặp gỡ đứa cháu mới ra đời và bác nghĩ rằng Đức Thánh mẫu cũng phải được chia sẻ nỗi sung sướng ấy. “Sẽ là chuyến du hành tượng trưng đầu tiên của nó,” bác nói. Quả thật vậy! Chúng tôi lúc ấy đang ở vùng Madurai. Chuyến xe lửa kéo dài bảy tiếng đồng hồ đầu tiên trong đời tôi. Có xá gì. Đó là nghi lễ vào đời theo tín ngưỡng Hindu của tôi. Mẹ bế tôi trên tay. Bác Rohini dìu mẹ đi. Kí ức tôi không thể ghi nhớ rõ chuyến đi vòng quanh trong ngôi đền đó, nhưng một chút hương nhang, một vài tia sáng và bóng tối, một vài ánh lửa, những vệt màu vệt lóe lên, một cái gì đó thâm trầm và bí ẩn của ngôi đền chần đã đọng lại trong tôi. Một hạt giống của niềm hoan lạc tín ngưỡng, chưa bằng một hạt cải, đã được gieo vào và nảy mầm trong tôi. Nó đã không ngừng lớn lên từ ngày ấy.

Tôi là một tín đồ Hindu bởi những thói nhang hình còn nặn bằng bột kumkum màu đỏ và những giỏ trầm vàng, bởi những vòng hoa kết và những mẫu cùi dừa, bởi tiếng chuông ngân dài dọn bước chân người đến với Thượng đế, bởi những âm thanh khắc khoải của cây sáo sậy nadaswaram và tiếng trống đồ đồn, bởi tiếng chân trần bước trên sàn đá những hành lang tối có những tia sáng mặt trời xuyên nghiêng huyền ảo, bởi hương thơm của nhang, bởi lưỡi lửa của các cây đèn arati chấp chờn trong bóng tối, bởi những khúc ca bhajan cất lên ngọt ngào làm vậy, bởi bảy voi đứng chầu quanh đền đợi ban phước lành, bởi những bức tranh tường kể bao câu chuyện lung linh, bởi những vàng trán mang trên chúng những ký hiệu khác nhau của chỉ một từ - niềm tin. Tôi trở nên trung thành với những ấn tượng cảm xúc đó trước cả khi hiểu lí do và ý nghĩa của chúng. Chính là cõi lòng tôi đã xui khiến tôi như thế. Tôi cảm thấy như ở tại nhà mình trong một ngôi đền Hindu. Tôi ý thức được sự hiện diện, không phải như khi ta cảm thấy có ai bên cạnh, mà một cái gì đó lớn lao hơn nhiều. Cho đến nay, tim tôi vẫn thót lại mỗi khi tôi bắt gặp dấu hiệu hiện diện của Thượng đế trong nội cung thiêng liêng của một ngôi đền. Sự thực là tôi đang ở trong bào thai của vũ trụ linh diệu, nơi sinh ra muôn vật, và đang ân hưởng cái may mắn được ngắm nhìn bản thể sinh động của chúng. Hai tay tôi tự nhiên tìm đến nhau trong tư thế nguyện cầu thành tín. Tôi khao khát lộc thánh prasad, món cúng dường ngọt ngào lên Thượng đế và được hóa lộc cho chúng ta như một món ân hưởng thánh thiện. Lòng bàn tay tôi cần được cảm thấy sức nóng của ngọn lửa thiêng liêng, ân sủng của nó tôi xin đem lên cặp mắt và vàng trắng của mình.

Nhưng tôn giáo lớn lao hơn nhiều các nghi lễ đó. Nó là cái mà nghi lễ muốn biểu đạt. Trong chuyện này tôi cũng là một người Hindu. Vũ trụ có nghĩa lí trong cách nhìn Hindu của tôi. Có Brahman, linh hồn của thế giới, cái khung muôn đời trên đó giải lụa sinh tồn được dệt nên muôn hình vạn trạng, với tất cả những điểm trang không gian và thời gian của nó. Rồi có Brahman nirguna, vô tính chất, nằm ngoài tầm biết, không thể mô tả, không thể với tới; với những con chữ nghèo nàn chúng ta đành chỉ biết khâu một bộ quần áo cho nó gọi là Thái cực, là Chân lý, là Cõi một, là Ý niệm tuyệt đối, là Thực tế cuối cùng... Và cổ mặc vừa cho nó, nhưng Brahman nirguna luôn luôn làm bực chỉ những bộ quần áo đó của chúng ta. Chúng ta chẳng biết nói gì nữa. Nhưng rồi lại còn có Brahman saguna, có tính chất, và mặc vừa bộ quần áo. Thế là chúng ta gọi là Shiva, Krishna, Shakti, Ganesha; ta có thể tiếp cận nó với chút hiểu biết; ta có thể phân biệt những thuộc tính của nó – yêu thương, xót xa, sợ hãi – và ta cảm thấy được sức hút dịu dàng của quan hệ. Brahman saguna là Brahman được hiển hiện ra cho những giác quan hạn hẹp của ta, là Brahman được biểu hiện không phải qua thần linh mà là qua người, thú vật, cây cỏ, thậm chí qua cả một dùm đất, vì bất kỳ cái gì cũng có một vệt thánh ở trong nó. Sự thực là Brahman chẳng khác gì Atman, cái sức mạnh tinh thần bên trong ta, cái mà ta có thể gọi là linh hồn. Linh hồn cá thể chạm tới linh hồn thế giới cũng như một cái giếng thông mạch với tầng nước ngầm của nó. Cái có thể duy trì vũ trụ bên ngoài ý nghĩ và lời nói, và cái nằm bên trong cốt lõi của chúng ta và luôn gắng gỏi để tự biểu hiện, chỉ là một mà thôi. Cái nhất định bên trong cái vô cùng, cái vô cùng bên trong cái nhất định. Nếu hỏi ta Brahman và Atman quan hệ với nhau chính xác là như thế nào, ta sẽ nói rằng cũng như cách mà ngôi Cha, Con và Thánh thần quan hệ với nhau, nghĩa là một cách thần bí. Những có một điều rõ rệt: Atman tìm cách để

thực hiện Brahman, để được nhập một với cái Tuyệt đối, và nó du hành trong đời sống như một cuộc hành hương trong đó nó sinh ra rồi chết đi, lại sinh ra rồi chết đi nữa, cứ như thế, như thế mãi, cho đến khi nó trút bỏ được các lớp vỏ bọc đã cầm tù nó. Con đường đi đến giải phóng của mỗi chúng ta được giàu thêm hoặc nghèo đi bằng chính những hành động của chúng ta.

Đó, một cách ngắn gọn, là tư tưởng Hindu, và tôi đã là một người Hindu suốt cả cuộc đời. Với những ý niệm xác tín Hindu tôi nhận biết được chỗ của mình trong vũ trụ.

Nhưng chúng ta chẳng nên bám chặt lấy bất cứ một thứ gì! Khốn nạn thay cho những kẻ cực đoan và những ai kệ kinh nhãng nghĩa! Tôi chợt nhớ đến một câu chuyện về thần Krishna khi ngài còn là một chàng trai chăn bò. Đêm nào chàng cũng mời các cô gái đến nhảy múa với mình ở trong rừng. Họ đến và họ nhảy múa. Đêm tối, ngọn lửa ở giữa họ bùng lên dữ dội, nhạc đệm ngày một nhanh – các cô gái múa và múa và múa với vị chúa tể ngọt ngào của họ, người đã phân thân không mệt mỏi để có thể nằm trong vòng tay tất cả các cô gái. Nhưng khi các cô bắt đầu trở nên ghen tuông, khi mà ai cũng tưởng rằng Krishna là bạn nhảy chỉ của riêng mình, chàng liền biến đi. Cho nên ta không nên đem lòng ghen tị với Thượng đế.

Tôi có quen một người đàn bà ở Toronto này, rất thân thiết với tôi. Bà là mẹ nuôi của tôi. Tôi gọi bà là Auntieji (1) và bà thích thế. Bà là người vùng Quebec. Mặc dù đã sống ở Toronto hơn ba mươi năm, tâm trí nói tiếng Pháp của bà thỉnh thoảng vẫn xen vào cách bà nghe và nhận biết các âm thanh tiếng Anh. Cho nên, khi lần đầu nghe cái danh hiệu Hare Krishnas, bà nghe không ra. Bà nghe thành “Hairless Christians”, và cứ đinh ninh như thế trong nhiều năm(2). Khi tôi cải chính điều đó, tôi nói với bà rằng thực ra bà cũng chẳng nhầm lẫn gì nhiều; rằng những người Hindu, với khả năng yêu thương của họ, thực tế cũng là những người Cơ đốc giáo không có lòng thật, cũng như những người Hồi giáo trong cái cách họ thấy Thượng đế trong mọi vật, chỉ là những người Hindu có râu rậm, còn những người Cơ đốc giáo, trong tinh thần hiến dâng mình cho Thượng đế của họ thì cũng là những người Hồi giáo có thói quen đội mũ mà thôi.

Ghi chú:

(1) Auntieji: nghĩ là cô/ bác thân yêu (2) Hare Krishna: một giáo phái dựa trên kinh Vệ Đà ở Mỹ năm 1966. Tín đồ giáo phái này có tập quán ca ngợi thần Krishna. Bà cụ nghe thành Hairless Christian, nghĩa là người Cơ đốc giáo không có lông. Đoạn văn này giới thiệu quan điểm tôn giáo rất tự do của Pi Patel, chuẩn bị cho các câu chuyện tiếp theo.

Điều kỳ diệu đầu tiên khắc vào lòng ta sâu sắc nhất: những điều kỳ diệu đến sau chỉ vừa khít vào cái ẩn tượng của buổi ban đầu. Chính do những tín ngưỡng Hindu mà tôi có được bức phong cảnh nguyên bản của trí tưởng tượng tôn giáo của mình, với những thành phố, sông suối, những bãi chiến trường, rừng rú, những ngọn núi thiêng và biển sâu nơi thánh thần, đạo tặc và người thường chen vai thích cánh nhau, và nhờ thế mà định ra được chúng ta là ai và tại sao chúng ta lại tồn tại. Chính trên mảnh đất Hindu ấy là lần đầu tiên trong đời tôi đã nghe được về sức mạnh vô biên của lòng nhân từ. Chính là thần Krishna đã nói về điều đó. Tôi nghe thấy, và đi theo ngài, thần Krishna đã đưa tôi đến với một người.

Khi tôi mười bốn tuổi - một tín đồ Hindu đang thực sự hạnh phúc trong niềm tin của mình - thì vào một ngày lễ nọ, tôi gặp Jesus Christ.

Không phải thường xuyên cha có ngày nghỉ lễ rời vườn thú đi chơi đây đó, nhưng một lần như thế, cả nhà đi Munnar, ngay trên mạn Kerala. Munnar là một trại đồi nhỏ nằm giữa một số đồn điền trồng chè cao nhất thế giới. Đó là vào đầu tháng Năm, chưa vào mùa mưa. Bình nguyên Tamil Nadu nóng nực dễ sợ. Chúng tôi lên tới Munnar sau năm giờ lái xe trên con đường lên núi ngoằn ngoèo. Khí lạnh trên cao dễ chịu như thể ta có bạc hà trong miệng. Chúng tôi làm những thứ mà người đi du lịch vẫn làm. Đi thăm nhà máy chè Tata. Đi thuyền trên hồ. Xem một trung tâm lai giống gia súc. Chúng tôi cho những con Nilgiri tahrs - một loài dê hoang - ăn muối trong khu vườn quốc gia. (Cha nói với mấy người du lịch Thụy Sĩ ở đó: “Chúng tôi cũng có mấy con này ở vườn thú của chúng tôi. Quý vị nên đến chơi Pondicerry.”) Ravi với tôi đi loanh quanh trong các trại chè gần thị trấn, tất cả chỉ là cái cớ để giữ cho chúng tôi khỏi uể oải tri triệ mà thôi. Về chiều, cha với mẹ cũng yên vị trong phòng trà của khách sạn đầy đủ tiện nghi như hai con mèo phơi nắng bên cửa sổ. Mẹ đọc sách trong khi cha tán gẫu với khách cùng ở trọ tại đó.

Có ba quả đồi ở Munnar. Chúng không thể sánh với những quả đồi cao - có thể gọi là núi được - ở xung quanh thị trấn, nhưng ngay buổi sáng đầu tiên khi đang ăn điểm tâm, tôi đã để ý thấy chúng đều có một điểm nổi bật là mỗi quả đồi có một ngôi nhà cho Thượng đế. Quả đồi phía bên phải, ngay bên kia sông, có một đền thờ Hindu bên sườn dốc; quả đồi ở giữa xa hơn một chút, thì có một đền thờ Hồi giáo; còn quả đồi phía bên trái thì trên đỉnh là một nhà thờ Cơ đốc.

Ngày thứ tư ở Munnar, khi đã về chiều, tôi đứng trên quả đồi phía bên trái đó. Mặc dù đã có học qua một trường mang danh Cơ đốc giáo, tôi chưa bao giờ vào đến bên trong của một nhà thờ - và lúc đó tôi định sẽ phải liệu làm cái việc ấy. Tôi biết rất ít về đạo Cơ đốc. Nó nổi tiếng là có ít thánh thần và đầy rẫy bạo lực. Nhưng nó có nhiều trường học tốt. Tôi đi vòng quanh ngôi nhà thờ. Nó được xây dựng cốt bùng bít cho thật kỹ những gì nó chứa đựng bên trong. Những bức tường dày không có đặc điểm gì, màu xanh da trời nhạt và rất cao. Những cửa sổ hẹp không thể nhìn qua được. Một pháo đài.

Tôi đến chỗ chái nhà ở của thầy cả. Cửa mở. Tôi nấp ở một góc và nhìn xem quang cảnh ra sao. Bên trái cánh cửa là một cái bảng nhỏ có dòng chữ Thầy cả Xứ đạo và Giúp việc Thầy cả. Bên cạnh mỗi cái tên ấy là một cái hộp nhỏ có cửa trượt. Cả hai thầy đều đang có mặt trong nhà thờ. Cửa trượt trên hai cái hộp đều đang ở về một phía, để lộ chữ “Có nhà” kẻ bằng sơn vàng. Một thầy đang làm việc ở văn phòng của mình, lưng quay ra phía cửa có bộ ghế chơi, còn thầy kia ngồi trên một cái ghế dài cạnh một cái bàn tròn kê trong quãng lối đi từ ngoài vào gian trong, rõ ràng là nơi để tiếp khách. Ông ta ngồi ngoảnh mặt ra phía cửa ra vào và cửa sổ, tay cầm một cuốn sách, chắc là cuốn Thánh kinh. Ông đọc một lúc, ngẩng lên, lại đọc một lúc nữa, rồi lại ngẩng lên, dáng điệu vừa nhàn tản vừa tỉnh táo và tự tin. Mấy phút sau, ông gập cuốn sách lại và đặt sang bên. Ông để hai bàn tay vào nhau lên mặt bàn và ngồi đó, vẻ mặt bình thản, không chờ đợi và cũng không thoái lui.

Lối vào ấy sạch, những bức tường trắng; cái bàn và những chiếc ghế dài bằng gỗ sẫm màu; còn vị tu sĩ ấy thì mặc tấm áo choàng trắng tinh - mọi thứ đều xâm chiếm tôi. Không phải chỉ vì cái quang cảnh ấy, mà vì một cảm thức tự nhiên rằng ông ở đó - rộng mở và bình tĩnh - sẵn sàng cho bất kì ai muốn đến nói chuyện với mình; một khúc mắc trong tâm hồn, một gánh nặng trong lòng; một vùng tăm tối trong lương tâm, ông sẽ lắng nghe bằng tình yêu thương, và ông sẽ cho ta niềm an ủi, dẫn dắt ta tận tình.

Tôi xúc động. Những gì trước mặt đã đi thẳng vào lòng tôi và khiến tôi rung động.

Ông đứng lên. Tôi tưởng ông sẽ gạt cái cửa dưới của mình sang phía khác, nhưng không phải. Ông lui vào phía trong, có vậy thôi, để ngỏ cánh cửa từ tiền sảnh vào căn phòng bên trong. Tôi vẫn nhớ rõ mình

đã để ý đến điều ấy: cả hai cánh cửa, ngoài và trong, đều mở. Rõ ràng, ông và đồng sự của ông đều sẵn sàng ở đó.

Tôi ra khỏi chỗ nấp và đánh liều. Tôi bước vào nhà thờ. Bụng thót hết cả lại. Chỉ sợ sẽ có một người Cơ đốc ra chặn tôi lại và quát. “Mày làm gì ở đây? Sao mày dám vào nơi thánh thất, đồ dơ bẩn? Cút ra ngay!” Nhưng không có ai cả. Và cũng chẳng có gì nhiều để phải tìm hiểu. Tôi bước tiếp và quan sát bên trong nhà thờ. Có một bức họa. Có phải tranh thờ của họ không nhỉ? Cái gì đó như là cảnh lấy người làm con sinh hiển tế. Một thượng đế phải được chiều lòng bằng máu. Những người đàn bà ngây dại ngẩng mặt lên trời và những đứa trẻ béo tốt có cánh bay lượn xung quanh. Một thứ chim thần. Ai là thượng đế ở trong đó? Một bên nội sảnh có một bức tượng bằng gỗ sơn. Lại một nạn nhân nữa, sưng vù và đẫm máu với những sắc màu táo bạo. Tôi dán mắt vào hai đầu gối của bức tượng. Trầy tróc kinh khủng. Lớp da màu hồng bị lột ra trông như những đài hoa, để lộ hai xương bánh chè đỏ rực như xe cứu hỏa. Khó có thể liên hệ cảnh tra tấn cực hình này với người thầy tu trong kia.

Hôm sau, cũng khoảng giờ ấy, tôi lại dẫn mình: Vào.

Người Cơ đốc có tiếng là khắc nghiệt và có nhiều hình phạt nặng nề. Kinh nghiệm của tôi với Cha Martin lại hoàn toàn khác. Ông thực tốt bụng. Ông mời tôi trà và bánh quy với một bộ ấm chén cứ kêu lanh ca lanh canh mỗi khi đụng vào chúng; ông xử với tôi như người lớn; và ông kể cho tôi nghe một câu chuyện. Nhưng có lẽ, vì người Cơ đốc hay thích dùng chữ viết hoa, tôi phải nói rằng đó là một Câu Chuyện.

Chuyện ời là chuyện! Điều đầu tiên hấp dẫn tôi là sự không thể tin được. Cái gì thế không biết? Loài người phạm tội nhưng chính con trai Thượng đế lại phải trả giá? Tôi cố hình dung cha Martin nói với tôi: “Này Piscine, một con sư tử lên vào chuồng lama hôm nay và giết chết mất hai con. Hôm qua, một con khác giết mất một con hươu đen. Tuần trước chính hai con này đã ăn thịt mất một con lạc đà. Tuần trước nữa thì chúng ăn bọn cò vạc vô tội tôi ạ. Chắc chắn chúng cũng là thủ phạm đã làm đi tiêu con điều thử lông vàng của chúng ta. Tình hình không thể chịu được nữa. Phải có biện pháp. Cha đã quyết định. Cách duy nhất để bọn sư tử có thể ăn năn chuộc tội của chúng là thế này: cha sẽ cho chúng ăn thịt con.” “Vâng, thưa cha, đó là điều chính đáng và hợp logic cần phải làm. Xin cho con một phút để tắm rửa.” “Hãy vui hưởng ân Chúa, hỡi con trai của ta!” “Sáng danh chúa đời đời, Cha ời!” Chuyện lạ đời đến thế là cùng. Sao lại có thứ tâm lý như vậy được?

Tôi xin nghe một câu chuyện khác, may ra thỏa đáng hơn chẳng. Chắc hẳn tôn giáo này cũng phải có hơn một câu chuyện trong bị - tôn giáo là nhiều chuyện để kể lắm. Nhưng cha Martin làm tôi phải hiểu rằng những câu chuyện có trước Câu Chuyện – mà chẳng thiếu gì thật - chỉ đơn thuần là đạo đầu mà thôi. Tín ngưỡng của người Cơ đốc chỉ có một Câu Chuyện, và họ trở lại với nó, chỉ với nó, mãi mãi. Với họ thế là đủ.

Tôi bản thân im lặng suốt đêm hôm đó ở khách sạn.

Việc một vị thần phải chịu đựng gian truân, tôi có thể hiểu được. Các vị thần Hindu đều phải đương đầu với trộm cắp, nạt nộ, bắt cóc, tiếm đoạt trong số phận của họ. Ramayana là gì nếu không phải chỉ là chuyện một ngày xui xẻo của thần Rama? Gian truân, đồng ý. Hoạn nạn, cũng được. Kể cả phản bội nữa. Nhưng nhục nhã? Chết? Tôi không thể tưởng tượng được thần Krishna chịu để bị lột trần truồng, quát bằng roi, giễu cợt, lời xềnh xệch ngoài phố, và nhất nữa là bị đóng đinh câu rút – mà khổ nhất là tất cả những cái đó lại chỉ do bàn tay của bọn người trần mắt thịt. Tôi không nghe thấy có vị thần Hindu nào chết. Brahman hiển lộ không có chịu chết. Quỷ sứ và quái vật thì phải chết, các loài khác cũng thế. Chết hàng nghìn hàng triệu – vì thấy chúng sinh ra đời chỉ là để chết. Vật chất cũng thế, cũng tan biến đi. Nhưng thần linh không thể héo tàn mà mất dạng vì cái chết. Thế là sai. Linh hồn thế giới không thể chết, ngay cả khi nó ngụ trong một bình chứa hữu hạn. Điều sai lầm của đẳng tối cao Cơ đốc giáo là để cho con ruột của chính Ngài phải chết. Bởi lẽ nếu ngôi Con mà phải chết, điều đó không thể làm giả được. Nếu Thượng đế trên thập tự giá là Thượng đế giả vờ chịu trận cho tấn bi kịch của loài người nó sẽ biến Tình yêu của đẳng Christ thành Màn kịch hề của đẳng Christ. Cái chết của ngôi Con phải thực. Cha Martin khẳng định với tôi rằng đúng như thế. Nhưng một khi đã là một Thượng đế để chết, thì mãi mãi sẽ là một Thượng đế chết, có phục sinh cũng vậy thôi. Ngôi Con phải ngậm cái miếng chết ấy mãi mãi trong miệng mình. Thánh Ba ngôi sẽ phải ô uế vì thế; vì lẽ có mùi chết bên tay phải của ngôi Cha. Sự thực ấy sẽ khủng khiếp biết bao. Tại sao Thượng đế lại mong ước điều đó cho chính ngài? Tại sao không để mặc sự chết cho lũ có sinh có tử mà thôi? Tại sao phải bôi bẩn cái đẹp đẽ, phải làm hỏng sự hoàn hảo?

Tình yêu. Đó là câu trả lời của cha Martin.

Còn sự vâng lời của đứa cháu Con thì sao? Có câu chuyện thần Krishna hồi nhỏ, bị các bạn mách là đã ăn một cục đất. Bà mẹ nuôi của ngài, Yashoda, đến bên ngài với một ngón tay trách móc. “Không được phép

ăn đất, thế là hư đấy,” bà mắng. “Nhưng con có ăn đâu,” vị thần vô định trả lời, vị chúa tể của mọi vật lúc đấy vẫn trá hình làm một thằng bé con sợ hãi. “Chắc! Chắc! Há mồm ra!” Yashoda ra lệnh. Krishna làm theo lời bà. Ngài mở rộng miệng. Yashoda nín thở. Bà nhìn thấy trong miệng Krishna toàn bộ, hoàn chỉnh vũ trụ ngoài thời gian, tất cả tinh tú và khoảng không giữa chúng; bà thấy tất cả những ngày của hôm qua và của ngày mai; bà thấy tất cả các ý tưởng và tình cảm, tất cả thương xót và hy vọng, và ba sợi tao dệt nên vật chất; không thiếu một hòn sỏi, một cây nến, một sinh linh, một ngôi làng hoặc một dải ngân hà nào, kể cả chính bà và tất cả những cục đất ở chỗ chính đáng của chúng. “Thưa Đức ông”, bà nói một cách thành kính, “xin người ngậm miệng lại”.

Có chuyện Vishnu đầu thai làm người lùn Vamana. Anh ta xin vua quý Bali chỉ ba bước đất. Bali cười phá lên trước hình dạng nhỏ bé như con vật của kẻ đến cầu hôn con gái mình, cũng như điều cầu xin kì quặc nọ. Vua quý đồng ý. Lập tức, Vishnu hiện nguyên hình trong vóc dáng vũ trụ của mình. Với một bước đầu tiên, ngài thôn tóm hết trái đất, bước thứ hai lấy hết các cõi trời, và với bước thứ ba ngày đó Bali văng vào nơi vô định.

Ngay cả Rama, ngôi Con nhiều tính người nhất, thậm chí đã có lúc quên cả bản chất thần linh của mình khi mải đánh nhau với vua quý Lanka để cướp lại nàng Sita, cũng không bao giờ chịu lép một bẻ. Không thể có cây thập tự nào đè bẹp được ngài. Khi đã hăng lên, ngài vượt khỏi cái tầm cỡ người hữu hạn của mình với một sức mạnh không ai có được và với những vũ khí mà loài người không thể sử dụng được.

Đó mới thật sự là Thượng đế. Chói sáng, hùng mạnh, đầy quyền năng. Thừa sức để giải thoát, cứu rỗi và trừng trị quỷ dữ.

Còn đức chúa Con này, thì nào là phải đói, phải khát, phải mệt nhọc, buồn rầu, lo lắng, phải bị bắt nạt và quấy nhiễu, phải chịu đựng những kẻ theo mình mà chẳng hiểu gì, và phải chịu sự khinh miệt của những kẻ thù địch - kiểu thần thánh gì thế không biết? Là thần thánh nhưng lại nhỏ nhoi bằng người, đúng là vậy. Thì cũng có phép lạ, đúng thế, phần lớn là phép thuốc thang, một ít khác giúp người khỏi đói bụng, hay nhất cũng chỉ là phép ngưng được bão táp, đi được vài bước trên mặt nước mà thôi. Nếu đó là phép lạ, thì chúng chỉ là những pháp thuật nhỏ, tương tự như những mẹo chơi bài, bất kì vị thần Hindu nào cũng có thể làm hơn thế gấp trăm lần. Vị chúa Con này là một ông thần chủ yếu dùng thì giờ của mình để kể chuyện, để nói. Vị chúa Con này đi bộ, một vị thần của đám bộ hành, mà lại đi trong một nơi nóng nực, với những bước chân hết như người, đôi dép cũng chỉ bước qua được những hòn đá trên mặt đường; còn đến khi cần phải vi hành cho nhanh thì ngài cưỡi một con lừa bình thường. Vị chúa Con này là một vị thần đã chết trong ba tiếng đồng hồ, với những tiếng rên rỉ, thở dốc và những lời than khóc. Đó là kiểu thần thánh gì vậy? Cái gì đã là nguồn cảm hứng cho vị chúa Con ấy?

Tình yêu, cha Martin nói.

Ngôi Con này chỉ xuất hiện có một lần, rất lâu rồi, và thật xa xôi như vậy sao? Trong một bộ lạc không ai biết đến ở một xó Tây Á, quanh quần trong mảnh đất của một vương quốc đã suy tàn từ lâu như vậy sao? Bị kết thúc khi trên đầu chưa một sợi tóc hoa râu? Không con cháu, chỉ còn lại những mẩu chuyện tẻ mề không đầy đủ, công đức của ngài tiêu tan cùng cát bụi như vậy sao? Gượng đã nào. Thế này thì không phải chỉ là trường hợp Brahman bị run quá mức khi phải bước lên sân khấu nữa. Đây là Brahman ích kỷ. Đây là Brahman không có lòng quảng đại và không công bằng. Đây là Brahman chưa hiện lộ thực sự. Nếu Brahman sẽ chỉ có một con trai, ngài sẽ phải phì nhiêu như Krishna với bảy thôn nữ kia chứ, phải không nào? Cái gì có thể biện hộ cho chuyện thần linh mà lại keo kiệt đến mức như vậy?

Tình yêu. Cha Martin nhắc lại.

Thôi, xin vãi tạ các vị, tôi sẽ đi với Krishna của tôi. Chất thần thánh của người đã chinh phục và cuốn hút tôi đến tận cùng. Các vị cứ việc mà giữ lấy ngôi Chúa Con lăm mồm và mô hôi mồ kê nhễ nhại ấy.

Đây, tôi đã gặp gỡ vị thầy Cả đã gây ra lắm chuyện rắc rối tận xưa xưa như thế đấy: nghĩa là với cảm giác phiền muộn và bất tín ở trong lòng.

Trong ba ngày liền, ngày nào tôi cũng đến uống trà với cha Martin. Mỗi lần, khi tách trà lạnh canh vào cái đĩa nhỏ và cái thìa lạnh canh vào mép nó, tôi lại đưa ra những câu thắc mắc như thế.

Mà câu trả lời thì luôn giống hệt nhau.

Ông ta khiến tôi không yên được, vị chúa Con ấy. Ngày lại ngày, nỗi ân hận đối với ngày cứ bùng lên ngày một lớn, và tôi lại tìm ra thêm những khiếm khuyết của ngài.

Ông ta lại còn có tính hay thỉnh linh nội trợn lời đình nữa chứ! Đây, cái buổi sáng ấy ở chỗ Bethany, Thượng đế thấy đói, Thượng đế muốn ăn điểm tâm. Ngài tới cạnh một cây vả. Không phải mùa, nên cây vả chưa ra quả. Thượng đế nổi cáu. Con trai ngài liền lăm bắm: “Mày sẽ không bao giờ đơm hoa kết trái nữa.” Và tức thời, cây vả khô héo đi. Đây là lời kể lại của Matthew, được cả Mark nhắc lại(1).

Tôi xin hỏi, cây vả thì có tội gì nếu lúc đó chưa phải đến mùa nó ra quả? Cái kiêu gì mà lại làm một việc như thế với cái cây vô tội, bắt nó phải khô héo đi ngay tức thời?

Tôi không thể xua ngài ra khỏi đầu mình. Đến giờ cũng vậy. Tôi mất ba ngày liền chỉ có suy nghĩ về ngài. Ngài càng gây phiền muộn cho tôi bao nhiêu, tôi lại càng khó quên ngài bấy nhiêu. Và tôi càng biết thêm về ngài bao nhiêu, càng không muốn rời ngài bấy nhiêu.

Ngày cuối cùng của chúng tôi ở Munnar, chỉ còn vài tiếng trước khi chúng tôi ra đi, tôi chạy quáng quàng lên trái đồi phía bên trái ấy. Bây giờ nghĩ lại tôi thấy nó như một cảnh trí Cơ đốc điển hình. Cơ đốc giáo là một tín ngưỡng vội vàng. Cứ xem việc thế giới được tạo nên chỉ trong có bảy ngày thì thấy. Ngay cả chỉ là biểu tượng thôi, sự tạo tác ấy vẫn cứ là quá gấp gáp. Với một người sinh ra trong một tín ngưỡng mà một trận chiến vì một linh hồn duy nhất thôi cũng là một cuộc chạy tiếp sức qua nhiều thế kỷ, với vô vàn thế hệ nối tiếp nhau, thì cách giải quyết chóng vánh của Cơ đốc giáo có hiệu quả chóng cả mặt. Nếu tín ngưỡng Hindu êm đềm trôi như dòng sông Hằng, thì Cơ đốc giáo sôi sục như thành phố Toronto vào giờ cao điểm. Đó là một tín ngưỡng nhanh như chim cất và hót và như một cái ô tô cấp cứu. Nó quay tít thò lò, hiển lộ trong tức khắc. Ta mất hay còn chỉ trong cái tức khắc ấy. Cơ đốc giáo trải mãi qua bao thời đại, những cốt lõi nó chỉ tồn tại ở một thời: ngay bây giờ.

Tôi chạy thoăn thoắt lên trái đồi ấy. Mặc dù cha Martin không “có nhà” – cha mẹ ời, cái cửa trượt của cha đẩy qua phía khác – thế mà đội ơn Chúa, cha lại vẫn ở đó.

Tôi hồn hển, “Cha ời, con muốn làm một người Cơ đốc, xin cha giúp con.” Ông mỉm cười. “Piscine, con đã là vậy rồi đấy - tận đáy lòng con mà. Ai đã gặp đáng Christ với tấm lòng thành đến là người Cơ đốc cả. Con đã gặp ngài ở Munnar này rồi.” Ông vỗ lên đầu tôi. Không phải những người ta vỗ về nhẹ nhàng đâu. Trên đầu tôi, tay ông như đang vang lên BUM BUM BUM.

Tôi tưởng mình sắp nổ tung vì sung sướng.

“Khi nào trở lại, cha con mình lại uống trà với nhau nhé.” “Vâng, thưa cha.” Nụ cười của ông thật tốt lành. Nụ cười của đáng Christ.

Tôi bước vào nhà thờ, lần này không còn sợ hãi gì nữa, vì bây giờ nó đã là nhà của tôi nữa rồi. Tôi nói lời cầu nguyện dâng lên đáng Christ, là người đang sống. Rồi tôi chạy xuống trái đồi bên trái ấy để leo lên trái đồi bên phải để cảm tạ vị chúa tể Krishna đã đem Jesus người Nazareth, người có lòng nhân ái mãnh liệt đến thế, vào đời tôi.

Ghi chú:

(1) Matthew và Mark là hai tông đồ của Jesus, mỗi người chép lại những việc làm của Jesus trong một cuốn sách riêng, về sau thành hai tập trong kinh Tân Ước, còn gọi là Phúc Âm – Phúc Âm của thánh Matthew và Phúc Âm của thánh Mark. (ND)

Rồi đến lượt đạo Hồi, chưa đầy một năm sau đó. Tôi đã mười lăm tuổi và đang thời thám hiểm chính ngay thành phố quê hương của mình. Khu phố của người Hồi giáo không xa vườn thú là mấy. Một khu cư dân nhỏ, yên tĩnh với những dòng chữ Ả-rập và hình trăng lưỡi liềm sơn trên mặt tiền các ngôi nhà.

Tôi đến phố Mullah. Tôi thử ngó một cái vào Jamia Masjid, ngôi Đền Lớn của người Hồi giáo ở đó, tất nhiên vẫn thận trọng không dám vào hẳn bên trong. Hồi giáo có nhiều tai tiếng và tôi tệ hơn cả Cơ đốc giáo – ít thần thánh hơn, nhiều bạo lực hơn, và chưa thấy ai nói điều gì tốt về trường học Hồi giáo bao giờ – cho nên tôi không định bước vào đó làm gì, mặc dù lúc đó chẳng có ai. Ngôi đền sạch sẽ và trắng trẻo trừ một số cạnh sơn xanh lá cây, là một cấu trúc mở chạy quanh một gian phòng trống ở giữa. Chỗ nào cũng thấy trải những tấm chiếu dài bên bằng rơm. Phía trên, hai ngọn tháp mảnh dẻ vươn lên trời bên cạnh những tàu cọ sum suê. Không có vẻ tín ngưỡng gì rõ rệt, và do vậy có thể khiến cho ngôi đền thú vị hơn, những là một nơi yên tĩnh và thanh thản.

Tôi đi tiếp. Ngay sau ngôi đền là một dãy nhà ở liền vách nhau với những lối vào có hiên che. Những ngôi nhà sập sệ và nghèo nàn, vữa trát tường xanh lá cây đã phai màu hết cả. Một cái nhà trong dãy đó là một cửa hàng nhỏ. Tôi thấy một cái giá bày những chai nước Thumbs Up bụi bặm với bốn cái bình nhựa trong đựng kẹo lỏng chổng bên trong. Những món hàng chính là thứ khác, một thứ gì bèn bẹt, tròn tròn và trắng trắng. Tôi đến gần. Hình như là một thứ bánh bột mì không có men. Tôi chọc thử ngón tay vào một cái. Cứng như mo. Giống như đã để ba ngày không có ai ăn. Ai có thể mua thứ bánh này nhỉ? Tôi nhặt hẳn một cái lên tay và lắc lắc xem nó có gãy ra không.

Một giọng người cất lên, “Cậu có muốn ném một cái không?” Tôi hết hồn. Ai cũng biết lúc ấy nó ra sao rồi: mắt hoa chỉ thấy các đốm sáng tối và các mảng màu sắc hình thù khác nhau nhảy loạn xạ, còn tâm trí thì đi đâu mất – chẳng còn thấy gì trước mặt cả.

Cách đó độ hơn một thước, ngôi xếp chân bằng tròn đằng sau những cái bánh kia, là một người đàn ông. Tôi giật mình khiếp đến nổi tay vung lên và cái bánh bay vèo ra giữa phố. Nó rơi tọt ngay xuống một bãi phân bò.

“Thôi chết! Xin ông tha lỗi cho! Cháu không nhìn thấy ông!” Tôi luýnh quýnh. Định sửa soạn chạy ù đi chỗ khác.

“Không sao,” ông nói bình thản. “Rồi một con bò sẽ được ăn cái đó. Cậu thử cái khác này.” Ông xé cái bánh ra làm đôi. Chúng tôi cùng ăn. Nó cứng và dai như cao su, mỗi cái răng, nhưng mà dễ no. Tôi bình tĩnh lại.

“Bác làm chúng đây ạ?” Tôi nói, cốt cho có chuyện.

“Vâng. Vào đây, để tôi chỉ cho cậu xem.” Ông đứng dậy rồi vẫy tôi vào nhà.

Một căn nhà tuềnh toàng có hai phòng. Phòng rộng hơn bị choán gần hết bởi một cái lò nướng, là xưởng bánh, và phòng kia, chỉ ngăn cách bằng một cái rèm tòem tem, là nơi ngủ của ông chủ. Đáy lò rải một lớp sỏi nhẵn. Ông đang giảng giải cho tôi cách nướng bánh trên những hòn sỏi hun nóng kia thì nghe thấy tiếng người xưởng kinh cất lên từ phía đền thờ, giọng mũi ngân nga như một dòng chảy uốn lượn trên không trung. Tôi biết đó là tiếng gọi đến giờ cầu nguyện, nhưng chưa biết kết quả của nó là gì. Tôi tưởng tượng nó sẽ gọi tín đồ Hồi giáo đến thánh đường của họ, cũng như những hồi chuông gọi người Cơ đốc chúng tôi đến nhà thờ. Nhưng không phải vậy. Ông làm bánh đột ngột dừng lời. “Xin cậu cảm phiền,” ông nói, chui vào căn phòng bên cạnh độ một phút rồi trở ra với một tấm thảm cuộn tròn. Ông trải tấm thảm xuống sàn xưởng làm bánh, làm bụi bột mì bốc lên mù mịt. Rồi ở đó, ngay trước mắt tôi, giữa nơi ông làm việc, ông cầu kinh. Nó có vẻ chẳng ra sao, nhưng cảm giác ấy chỉ là của tôi mà thôi. May quá ông nhắm mắt lúc đọc kinh.

Ông đứng thẳng. Ông lẩm nhẩm bằng tiếng Ả-rập. Ông đưa tay lên hai bên tai, ngón cái chạm vào dải tai, trông như đang cố lắng nghe lời đáp của Allah. Ông cúi về phía trước. Ông đứng thẳng trở lại. Ông quỳ xuống úp trán và tay xuống sàn nhà. Ông ngồi lên. Ông phủ phục xuống nữa. Ông đứng. Ông lại làm lại tất cả những động tác ấy.

Sao thế nhỉ? Hồi giáo chỉ là một thứ thể dục đơn giản như vậy ư? Một thứ yoga cho những người du mục Bedouin ở xứ nóng. Các tư thế dễ thực hiện, thiên đường mà không cần phải mất sức gì nhiều.

Ông làm cả bảy bốn vòng các động tác giống nhau, miệng lẩm rầm liên hồi. Khi đã xong- kết thúc bằng một động tác quay đầu từ trái sang phải, và một hồi mặc tưởng ngắn ngủi – ông mở mắt, mỉm cười, bước

ra khỏi tấm thảm và cuộn nó lại chỉ bằng một cái phẩy tay chứng tỏ ông đã quen lắm với việc đó. Ông cắt tấm thảm vào chỗ cũ trong căn phòng bên cạnh. Ông trở lại với tôi. “Lúc này tôi đang nói đến đâu rồi nhỉ?” Ông hỏi.

Lần đầu tiên tôi thấy một người Hồi giáo cầu nguyện đã diễn ra như vậy – chóng vánh, nhất thiết, thực thể, thâm lặng, mạnh mẽ. Trong lần cầu nguyện sau đó của tôi trong nhà thờ - quỳ gối, im lìm, lặng lẽ trước đấng Christ trên thập tự giá – cái hình ảnh của cuộc hội ngộ bằng xương bằng thịt với Thượng đế giữa những bao bột mì kia cứ hiện về liên tục trong óc tôi.

Tôi trở lại thăm ông ta.

“Tín ngưỡng của bác là về cái gì vậy ạ?” Tôi hỏi.

Mắt ông vụt sáng. “Về chuyện Được Yêu Thương,” ông trả lời.

Đó ai đã hiểu được đạo Hồi, hiểu được cái tinh thần của nó, mà lại không yêu nó. Đó là một tín ngưỡng đẹp đẽ của tình anh em và tinh thần dâng hiến.

Đền thờ Hồi giáo quả thực là một cấu trúc mở, về phía Thượng đế và gió trời. Ta ngồi xếp bằng lắng nghe vị thầy cả cho đến giờ cầu nguyện. Lúc ấy, ta không còn ngồi thành nhóm ngẫu nhiên với nhau nữa mà cùng đứng dậy xếp hàng vai kề vai, cho tới lúc mỗi hàng người trở thành đặc lại quánh với nhau và tất cả thành một khối cầu nguyện lớn. Cảm giác thật tốt lành khi vầng trán ta chạm xuống mặt đất. Ngay lập tức, nó như một tiếp xúc tín ngưỡng sâu thẳm.

CHƯƠNG 20

Ông ta là một suphi, một nhà thần bí học Hồi giáo. Ông tìm kiếm phana, sự đoàn tụ với Thượng đế, và có một quan hệ riêng tư đầy yêu thương với Thượng đế. “Nếu ta bước hai bước về phía Thượng đế,” ông thường bảo tôi, “Ngài sẽ chạy đến với ta.” Ông là người không có nét gì đặc biệt, vẻ ngoài và áo quần ông chẳng có gì khiến ta chú ý và ghi nhớ. Cũng chẳng lạ khi lần đầu gặp nhau tôi đã không nhận ra ông. Cả khi đã rất quen với ông rồi, đã gặp nhau hết lần này đến lần khác rồi, tôi vẫn thấy khó khăn để nhìn được ra ông trong đám đông. Tên ông là Satish Kumar. Một cái tên rất phổ biến ở Tamil Nadu, nên việc trùng lặp đó cũng chẳng có gì đặc biệt. Tuy nhiên, tôi thấy rất hay là người làm bánh ngoan đạo ấy, sơ sài như một cái bóng đen và rất khỏe mạnh, và cái người cộng sản nhiệt thành với khoa học và là thầy dạy sinh học của tôi kia, cái quả núi treo trên cọc, từ thừa nhỏ đã từng bị bại liệt kia, lại trùng tên nhau. Ông Kumar ấy và ông Kumar ấy đã dạy tôi môn sinh học và đạo Hồi. Ông ấy và ông ấy đã dẫn dắt tôi vào môn động vật học và nghiên cứu tôn giáo tại đại học Toronto. Hai ông Kumar này đã là những nhà tiên tri của tôi thuở thiếu thời.

Chúng tôi cầu nguyện cùng với nhau và tập các bài dhikr, nghĩa là xướng lên chín mươi chín cái tên đã được tiết lộ của Thượng đế. Ông là một haphiz, người thuộc lòng kinh Khônggran, và ông tụng bằng một giọng hát trầm. Tiếng Ả-rập của tôi chưa bao giờ khá cả nhưng tôi yêu cái âm thanh của nó. Những âm bật từ sâu trong thanh quản và những nguyên âm chảy trôi quay tròn ngay bên dưới tri giác của tôi như một dòng suối đẹp đẽ. Nó không rộng, chỉ vừa một giọng người, nhưng nó sâu thẳm như vũ trụ.

Tôi đã mô tả chỗ ở của ông Kumar như một túp nhà tuềnh toàng. Vậy mà không có một thánh đường, nhà thờ, đền miếu nào đã từng khiến tôi cảm thấy linh thiêng đến thế. Đôi khi tôi bước ra khỏi xưởng bánh ấy với một cảm giác tràn đầy vinh hiển. Tôi nhảy lên xe đạp và đạp sự vinh hiển ấy qua không trung.

Có một bận như thế tôi đã đạp tuốt ra khỏi thành phố, và khi quay trở về, ở một chỗ đất cao có thể nhìn thấy mặt biển ở phía trái con đường tít tắp ở phía dưới, tôi đột nhiên cảm thấy như mình đang ở trên thiên đường. Tôi đã đi qua chỗ ấy nhiều lần và nó vẫn hết như thế, nhưng tôi đã nhìn nó bằng một con mắt khác. Cảm giác lúc ấy, một sự lẫn lộn rất nghịch lý của năng lượng đang đập dồn dập và trạng thái bình yên sâu thẳm, là một cảm giác thật mãnh liệt và sung sướng. Trước đó, con đường, biển cả, cây cối, không khí và mặt trời, mỗi thứ nói với tôi bằng một ngôn ngữ riêng. Còn bây giờ tất cả chúng nói với tôi bằng cùng một ngôn ngữ hòa đồng. Cây cối để mắt đến con đường; con đường biết rõ sự có mặt của không khí, và không khí thì tràn ngập những suy tưởng về biển cả, mệnh mang một niềm tin chia sẻ với mặt trời. Mỗi nguyên tố trong mối quan hệ hài hòa với các hàng xóm của chúng, và tất cả đều là anh em ruột thịt. Lúc quỳ xuống tôi còn là một kẻ phải chết; lúc đứng dậy tôi đã thành bất tử. Tôi thấy mình như tâm điểm của một vòng tròn nhỏ đồng tâm với một vòng tròn lớn hơn nhiều. Atman đã gặp được Allah(1).

Có một lần khác tôi cũng cảm thấy Thượng đế rất gần gũi với mình. Đó là ở Canada, rất lâu về sau này. Tôi đang đến thăm các bạn ở nông thôn, khi ấy là mùa đông. Tôi đã đi dạo một mình trong khu điền sản rộng lớn của họ và đang trên đường về nhà. Đêm hôm trước đã có tuyết rơi và trời hôm đó thật trong trẻo, sáng sủa. Thiên nhiên đắp chăn trắng. Khi đang bước lên ngôi nhà, tôi quay lại nhìn. Có một khu rừng và trong khu rừng đó có một quãng cây thưa. Một làn gió mà cũng có thể là một con vật, đã làm lay động một cành cây. Những hạt tuyết mịn đang rơi xuống trong không khí, lấp lánh trong ánh nắng mặt trời. Trong đám bụi vàng đang rơi trong quãng rừng thưa đầy nắng ấy, tôi nhìn thấy Mary Đồng trinh. Tại sao

lại là bà, tôi cũng không biết nữa. Lòng ngưỡng mộ Mary chỉ là thứ yếu trong tôi. Nhưng chính là bà. Da bà tái xanh. Bà vận một bộ váy trắng và một áo choàng xanh da trời; tôi vẫn nhớ ấn tượng rất mạnh của mình lúc đó về những nếp váy áo của bà. Khi tôi nói tôi đã nhìn thấy bà, tôi không có ý nói theo nghĩa đen mặc dầu quả thực bà có thân thể và màu sắc hắc hoi. Tôi cảm thấy đã nhìn thấy bà, một nhồn ảnh bên kia nhồn ảnh. Tôi sững người, nheo mắt. Bà thật đẹp và có một dáng vẻ vương giả cao quý cực kì. Bà mỉm cười với tôi, đầy vẻ phúc hậu. Vài giây sau, bà biến mất. Lòng tôi tràn ngập sợ hãi và vui sướng. Sự hiện diện của Thượng đế là phần thưởng đẹp đẽ nhất.

Ghi chú: (1) Atman: tiểu vũ trụ, linh hồn thể giới ngự trong từng cá nhân, một quan niệm Hindu. Allah: Thượng đế trong đạo Hồi. Atman gặp Allah cũng có nghĩa là một người Hindu đã giác ngộ được chân lí của đạo Hồi. (ND)

CHƯƠNG 21 Tôi đang ngồi trong một quán cà phê nội thành, ngay sau đó, và suy nghĩ. Tôi vừa qua gần trọn buổi chiều với anh. Sau những lần tiếp chuyện anh, lúc nào tôi cũng thấy ngán ngẩm với ý thức bằng lòng ỉu xiu vốn đã thành đặc trưng của đời mình. Những từ gì anh dùng đã khiến tôi giật mình ấy nhỉ? A, đây rồi: “những thực tế khô khan và không có men nỡ,” “câu chuyện hay hơn,” Tôi lấy giấy bút ra và viết:

Những lời đầy ý thức thần thánh: niềm vui trong đạo đức, cảm giác được nâng cao kéo dài, nỗi sợ hãi, niềm vui; một cuộc thức tỉnh của ý thức đạo đức, làm cho ta đột nhiên thấy rằng đó là điều quan trọng hơn nhiều so với việc hiểu biết được mọi vật; một cuộc xếp đặt lại vũ trụ theo những nguyên lý đạo đức chứ không phải tri thức; một giác ngộ rằng cái nguyên tắc nền tảng của sinh tồn là cái mà ta gọi là tình yêu, nó hoạt động và hiển lộ có đôi khi không rõ ràng, rành mạch, cũng không lập tức, chứ đừng nói gì đến việc không thể tránh khỏi.

Tôi ngừng viết, còn sự im lặng của Thượng đế thì sao? Tôi suy đi nghĩ lại. Rồi viết tiếp:

Một trí tuệ nhưng phải được thấm nhuần với một cảm thức đáng tin về sự hiện diện và về một mục đích tối hậu. CHƯƠNG 22 Tôi có thể hoàn toàn tưởng tượng được những lời cuối cùng của một người vô thần: “Trắng quá! Trắng lắm! Ôi... tình yêu! Thượng đế của tôi!” Và sau đó là bước nhảy theo lòng tin vào cõi chết. Trong khi đó với một người hoài nghi, nếu người đó vẫn còn trung thực với bản chất hoài nghi của mình, nếu anh ta vẫn bám chặt lấy cái thực tế khô ran và không có men nỡ kia, sẽ có giải thích về quang sáng đang bao bọc mình lúc đó như sau: “Có khả năng đây là hiện tượng thiếu hụt oxy trong não bộ,” và thế là cho đến chết vẫn thiếu trí tưởng tượng và lỡ mất câu chuyện hay hơn.

CHƯƠNG 23 Than ôi, cái ý thức cộng đồng do có cùng một lòng tin mang lại cho con người đã gây rắc rối cho cho tôi. Chẳng chóng thì chầy, những việc tín ngưỡng của tôi đã bị người ta chú ý. Đầu tiên là người người không lấy đó làm điều mà chỉ thấy buồn cười vô hại. Nhưng sau thì đến những người coi đó là hệ trọng và chẳng thấy buồn cười chút nào.

Thầy cả Cơ đốc hỏi: “Con trai ông bà làm gì ở đền thờ Hindu vậy?” Thầy cả Hồi giáo hỏi: “Người ta thấy con trai ông bà làm dấu thánh giá trong nhà thờ đấy.” Thầy cả Hindu nói: “Con trai ông bà đã theo Hồi giáo rồi.” Đúng vậy, cha mẹ tôi đã bắt buộc phải biết tất cả những điều đó, với một chút ngạc nhiên buồn cười. Trước đây cha mẹ có biết gì đâu. Không biết là tôi đã đang thực hành cả đạo Hindu, Cơ đốc, và đạo Hồi. Bọn choai choai đưa nào chả giấu bố mẹ một vài điều bí mật, có phải không nào? Bọn mười sáu tuổi đưa nào cũng có bí mật hết, tất cả, chẳng chừa đưa nào. Nhưng số phận đã quyết định là cha mẹ tôi, tôi, với ba nhà thông thái kia, như tôi gọi họ từ đó về sau, một ngày nào đấy sẽ phải gặp nhau tại hành lang ngoài trời Goubert Salai bên bờ biển và điều bí mật của tôi sẽ phải bị phanh phui. Đó là một chiều Chủ nhật nóng bức nhưng hây hây gió và tuyệt đẹp, vịnh Bengal lấp lánh dưới bầu trời xanh biếc, đám thị dân đua nhau đi tản bộ. Trẻ con la hét và cười nói ầm ĩ. Bóng bay sắc sỡ lơ lửng trong không trung. Các hàng kem bán chạy như tôm tươi. Tại sao lại nói chuyện công việc vào một ngày như vậy, tôi tự hỏi. Sao mọi người không cứ chỉ đi dạo, gật đầu chào nhau và mỉm cười. Nhưng không kịp nữa rồi. Chúng tôi sắp phải gặp không phải chỉ một nhà thông thái mà là cả ba, mà không phải lần lượt từng ông mà cùng một lúc, và người nào cũng đã nghĩ rằng đó là cơ hội gặp được nhân vật nổi tiếng của Pondicherry, vị giám đốc vườn thú, cha đẻ của đưa con nhiệt thành mẫu mực. Lúc tôi thấy vị thứ nhất, tôi mỉm cười. Đến khi thấy vị thứ ba, nụ cười của tôi đông cứng lại thành cái mặt nạ hãi hùng. Khi đã rõ là cả ba vị sẽ cùng xúm lại vì chúng tôi, tim tôi nhảy thót lên một cái và bắt đầu chìm xuống rất thấp.

Các vị thông thái có vẻ khó chịu khi nhận ra rằng tất cả họ đều đã chỉ được một đối tượng mời đến gặp mà thôi. Chắc hẳn mỗi vị đã tưởng rằng chỉ có mình mới là người được mời đến về việc giáo hội, còn những người khác thì chắc chỉ tình cờ có mặt và đã xen vào chuyện này một cách không có ý từ gì cả. Những cái liếc khó chịu đan nhau chan chát.

Cha mẹ tôi có vẻ lúng túng vì cảm thấy không còn được thoải mái theo ý họ trước sự có mặt của ba giáo đồ lạ hoắc đang mỉm cười ngượng ngịu. Phải nói ngay rằng gia đình tôi không có tí tinh thần chính giáo nào. Cha coi mình là một phần của nước Ấn Độ Mới - giàu có, hiện đại và thông tục như một cái kem que. Cha không có tí tín ngưỡng nào trong xương cả. Cha là một người làm ăn, businessman, mà phải viết là busynessman mới đúng với ông, vì ông là một nhà chuyên môn thực tế và cần mẫn, lo chuyện giao phối cho nội bộ cho sự tử nhiều hơn bất cứ một vấn đề hiện sinh hoặc đạo đức cao vời nào. Đúng là cha có mời giáo sĩ đến ban phước cho tất cả những thú vật mới đem về vườn thú và có hai cái miếu nhỏ trong

vườn, một thờ thần Ganesha và cái kia thờ thần Hanuman, những vị thần có chiều hướng có thể ban phước cho một ông giám đốc vườn thú, vì một thần thì có đầu voi còn thần kia thì mang đầu khỉ, nhưng cha tính đó là vì lợi ích của công việc kinh doanh chứ không phải vì linh hồn mình, là việc lấy lòng người xem chứ không phải để cứu rỗi bản ngã của ông. Nỗi khắc khoải tâm linh là hoàn toàn xa lạ với cha; chỉ có những khắc khoải tài chính mới làm rung động được con người cha. “Một vụ dịch bệnh thôi,” cha thường nói, “là chúng ta sẽ chỉ có đi đập đá rải đường mà kiếm miếng ăn.” Mẹ thì giữ mồm giữ miệng, ngán ngẩm và trung lập trong vấn đề này. Một nền giáo dục Hindu và một nhà trường Cơ đốc dòng Baptist đã chính xác triệt tiêu nhau trong vấn đề tín ngưỡng và biến mẹ thành người không ngoan đạo một cách bình thản. Tôi ngờ rằng mẹ đã đoán thấy tôi có khuynh hướng khác trong việc này, và mẹ không bao giờ nói gì khi hồi nhỏ tôi say mê ngón ngấu cả cuốn truyện tranh Ramayana và Mahabharata(1) cũng như những cuốn Thánh kinh có minh họa cho trẻ em và các sách thần thánh khác. Bản thân mẹ là người đọc rộng. Mẹ vui lòng thấy tôi gí mũi vào sách, bất kỳ là sách gì, miễn không bậy bạ. Còn với anh Ravi, nếu thần Krishna đã cầm một cái chày bóng chứ không phải cây sáo, nếu đấng Christ trông giản dị và giống một anh trọng tài, nếu nhà tiên tri Mohammad, xin ngài yên nghỉ, đã cho thấy có chút năng khiếu về môn bóng lăn, có thể anh đã ngược một mắt của mình lên, và cũng vì thế anh đã suốt đời mê ngủ.

Sau những tiếng chào xã giao là một sự im lặng ngưng đọng. Thầy cả Cơ đốc phá vỡ sự im lặng đó khi ông lên tiếng, giọng tự hào, “Piscine là một cậu bé Cơ đốc ngoan ngoãn. Tôi hy vọng sắp tới cậu sẽ tham gia dàn đồng ca của chúng tôi.” Cha mẹ tôi, thầy cả Hindu và thầy cả đạo Hồi có vẻ ngạc nhiên.

“Chắc là ông nhầm rồi, cậu ấy là một tín đồ Hồi giáo tốt lành. Thứ Sáu nào cậu cũng đến cầu nguyện và kiến thức về kinh Koran của cậu đang tấn tới rõ rệt.” Đó là lời thầy cả đạo Hồi.

Thầy cả Hindu lên tiếng. “Cả hai vị đều nhầm cả rồi. Cậu ấy là một người Hindu tốt. Lần nào tôi cũng thấy cậu ấy trong đền thờ để chịu lễ lộc thánh và làm lễ puja.” Cha mẹ tôi, thầy cả Cơ đốc và thầy cả đạo Hồi có vẻ thất thần.

“Không có nhầm lẫn gì cả,” thầy cả Cơ đốc nói, “tôi biết cậu bé này mà. Cậu ấy là Piscine Molitor Patel và cậu ấy là tín đồ Cơ đốc.” “Tôi cũng biết cậu ấy, và tôi xin nói rằng cậu là một người Hồi giáo,” thầy cả đạo Hồi khẳng khái.

“Vô lý! Thầy cả Hindu kêu lên. “Piscine sinh ra là người Hindu, sống như một người Hindu và sẽ chết là một người Hindu!” Bà nhà thông thái nhìn chòng chọc vào nhau, nín thở và kinh ngạc.

Lạy Chúa tôi, xin đừng để họ nhìn sang con, tôi thì thăm trong linh hồn mình.

Mọi cặp mắt đổ dồn vào tôi.

“Này Piscine, điều đó có thể là sự thực chăng?” Thầy cả đạo Hồi khẩn thiết. “Hindu và Cơ đốc giáo là những người thờ thần tượng. Họ có nhiều thần thánh.” “Còn người Hồi giáo thì có nhiều vợ.” Thầy cả Hindu đáp lại.

Thầy cả Cơ đốc nhìn cả hai một cách dò hỏi. “Piscine,” thầy gần như thì thầm, “sự cứu rỗi chỉ có ở Jesus mà thôi.” “Nói xạo! Người Cơ đốc không biết gì về tôn giáo cả,” thầy cả Hindu nói.

“Thế Thượng đế của tôn giáo các vị thì ở đâu?” Thầy cả Cơ đốc vặc lại. “Các vị không có đến một phép lạ để cho người ta thấy. Tôn giáo gì lạ vậy, không có đến cả phép lạ nữa?” “Nó không phải là một rạp xiếc với những người chết lúc nào cũng nhảy ra khỏi mồ, thế đấy! Người Hồi giáo chúng tôi gắn bó với phép lạ nguyên thủy của sinh tồn. Chim bay, mưa rơi, mùa màng tươi tốt – đó cũng đủ là những phép lạ của chúng tôi rồi.” “Lông chim và mưa móc đều hay cả đấy, nhưng chúng tôi muốn biết chắc rằng Thượng đế thực sự ở bên chúng tôi.” “Có phải vậy chăng? Có phải các vị thực lòng mong Thượng đế ở bên mình chăng? Quý vị đã tìm cách giết chết ngài! Quý vị đóng đinh ngài lên cây thập tự bằng những cái đinh to gộc. Đãi một nhà tiên tri như thế có phải là văn minh chăng? Tiên tri Mohammad – xin ngài được yên nghỉ - đã đem cho chúng tôi lời Thượng đế mà không cần đến tất cả những cái phi lý nhục nhã kia và đã qua đời khi trọn vẹn tuổi đời.” “Lời Thượng đế ư? Cho cái anh buồn mù chữ ấy của quý vị ở giữa sa mạc hoang vu ấy ư? Đó chỉ là những lấp bắp trong cơn động kinh do lạc đà lắc lư nhiều quá mà thôi, nào phải những phát lộ thần thánh gì. Hoặc nếu không thì cũng chỉ vì mặt trời đã rán chín bộ óc của ông ta!” “Nếu nhà tiên tri – “pi-bi-yu-ét-trò(2) – còn sống, ngài sẽ có những lời được dành riêng cho ông, thầy cả đạo Hồi đáp lời, cặp mắt nhú lại một cách đe dọa.

“Ô hô, ông ta chết rồi! Đấng Christ thì còn sống, còn ngài “pi-bi-yu-ét-trò” của quý vị thì chết rồi, chết rồi, chết rồi!” Thầy cả Hindu ngắt lời hai vị kia một cách im ắng. Dùng tiếng Tamil, ông nói, “Vấn đề thực sự ở đây là, tại sao Piscine lại phải mất thì giờ chơi bời với những tôn giáo ngoại lai chứ?” Mặt của hai thầy cả Cơ đốc và Hồi giáo như đang nhảy bật ra khỏi trán. Cả hai vị đều là người Tamil bản địa.

“Thượng đế chỉ là một cho tất cả,” thầy cả Cơ đốc lấp bắp.

Thầy cả đạo Hồi hỏi hả gât đầu. “Chỉ có một Thượng đế mà thôi.” “Và với Thượng đế của họ, người Hồi giáo không lúc nào ngớt gây chuyện rắc rối và bạo loạn. Đạo Hồi tôi tề đến thế nào thì đã được chứng tỏ ở sự thiếu văn minh của người Hồi giáo,” thầy cả Hindu tuyên bố.

“Thế còn chế độ đẳng cấp và nô lệ thì sao,” thầy cả đạo Hồi không chịu lép. “Người Hindu bắt người làm nô lệ và thờ phụng những con búp bê áo quần sắc sỡ.” “Họ là nhân tình của những con bê vàng. Họ quý lạy những con bò cái,” thầy cả Cơ đốc hòa theo.

“Còn người Cơ đốc thì quý mọp trước một người da trắng! Họ là tay sai của một Thượng đế ngoại lai. Là con ác mộng của tất cả những ai không phải da trắng!” “Và họ ăn thịt lợn và cả ăn thịt người,” thầy cả đạo Hồi nói thêm vào cho nặng cân hơn.

“Điều quan trọng ở đây là,” thầy cả Cơ đốc lên tiếng với một vẻ giận dữ lạnh lùng, “cậu Piscine có muốn theo đuổi tín ngưỡng thật sự hay không – hay là những huyền thoại trong những tập truyện tranh biếm họa.” “Thượng đế hay - là tượng gỗ,” thầy cả đạo Hồi đề theo, giọng nghiêm trang.

“Những vị thần của chúng ta – hay đám thánh thần thuộc địa,” thầy cả Hindu rít giọng.

Khó phân biệt được lúc ấy mặt ai bừng bừng sát khí hơn. Trông họ có vẻ như sắp nổ tung lên cả.

Cha giờ hai tay lên trời. “Thưa quý vị, thưa quý vị, xin quý vị làm ơn! Cha nói xen vào. “Tôi mong quý vị nhớ đến quyền tự do hành đạo của nước chúng ta.” Ba gương mặt tông đồ quay sang cả cha.

“Vâng! Hành một đạo thôi - động từ số ít a(3)!” Ba vị thông thái đồng thanh kêu lớn. Ba ngón tay trở, như những dấu chính tả, bật dậy đứng nghiêm trong không trung để chứng tỏ quan điểm ấy.

Họ không hài lòng với hiệu quả đồng thanh không chủ đích ấy hoặc với những dáng điệu nhất trí không ghì lại được của mình. Họ vội vàng bỏ tay xuống, và mỗi người thờ dài rên rĩ theo cách riêng của mình. Cha với mẹ chỉ biết nhìn, chẳng biết nói gì.

Thầy cả Hindu nói trước. “Thưa ông Patel, lòng ngoan đạo của cậu Piscine thật đáng khâm phục. Trong thời buổi nhiễu nhương này, thật may có một cậu thiếu niên tha thiết đến Thượng đế đến vậy. Tất cả chúng tôi đều nhất trí về điểm này.” Thầy cả đạo Hồi và thầy cả Cơ đốc gât đầu. “Nhưng cậu ấy không thể là một người Hindu, một người Cơ đốc, và một người Hồi giáo. Không thể thế được. Cậu ấy phải lựa chọn.” “Tôi nghĩ đó không phải là một tội lỗi, nhưng có lẽ quý vị có lý.” Cha đáp lời.

Cả ba vị thì thầm đồng tình và cùng ngược nhìn lên trời, cũng giống như cha lúc đó, chắc vì họ cảm thấy nhất định sẽ có một quyết định. Mẹ nhìn sang tôi.

Một sự im ắng đè nặng lên hai vai tôi.

“Này, Piscine?” Mẹ huých nhẹ vào tôi. “Con cảm thấy thế nào về việc này?” “Bác Gandhi có dạy rằng mọi tín ngưỡng đến là chân lí. Con chỉ mong được yêu thương Thượng đế mà thôi,” tôi nói ngập ngừng, cúi gằm, đỏ hết cả mặt.

Sự lúng túng của tôi lây sang mọi người. Chẳng ai nói gì. Ngẫu nhiên chúng tôi ngồi không xa bức tượng Gandhi trong đoạn hành lang đó. Cây gậy chống trong tay, nụ cười dí dỏm trên môi, một ánh lấp lánh trong đôi mắt, vị Mahatma ấy bước đi. Tôi tưởng tượng viễn vông rằng ông đã nghe hết cuộc đối thoại của chúng tôi, nhưng ông quan tâm hơn cả đến những gì đang diễn ra trong lòng tôi. Cha đặt hắng rồi nói nhỏ như chỉ mình ông nghe, “Có lẽ đó là điều tất cả chúng ta đều đang cố gắng thực hiện – yêu thương Thượng đế.” Tôi nghĩ thật là buồn cười là ông đã nói thế, cha tôi, người chưa từng đặt chân vào một ngôi đền nào với ý định nghiêm chỉnh kể từ thừa tôi bắt đầu biết nhớ. Nhưng có vẻ câu nói ấy đã giải quyết được mọi chuyện. Không thể trách mắng một thằng bé chỉ muốn yêu thương Thượng đế. Ba vị thông thái rút lui với những nụ cười cứng đờ đầy vẻ hờn dỗi.

Cha nhìn tôi một giây, như thể định nói gì, song rồi nghĩ lại và hỏi, “Có ai muốn ăn kem không nào?” Rồi cha đi luôn ra chỗ quầy kem trước khi chúng tôi kịp trả lời. Mẹ nhìn tôi chăm chú một lúc lâu hơn, vẻ mặt mẹ vừa dịu dàng, vừa bối rối.

Đó là bước nhập môn của tôi vào cuộc đối thoại liên tín ngưỡng. Cha mua ba cái kem có nhân kẹo. Chúng tôi ăn những cái kem ấy trong một sự im lặng bất thường khi tiếp tục cuộc dạo chơi Chủ nhật của mình.

Ghi chú: (1) Ramayana và Mahabharata là hai trường ca vĩ đại của tín ngưỡng Hindu. (ND) (2) Nguyên bản là p.b.u.h, những âm tắt của câu cửa miệng của người Hồi giáo mỗi khi nhắc đến Mohammad: peace be upon him, nghĩa là “Xin ngài được yên nghỉ”. Chúng tôi nghĩ cách dịch tốt nhất là dùng các âm chữ cái như khi nhân vật nói ra bốn chữ này, là “pi-bi-yu-ét-trờ”, để giữ được phần nào cái hài của câu chuyện. (ND) (3) Tôi nghĩ ở đây tác giả, hay người dịch đã nhầm, danh từ số ít mới hợp lý. (namphuong)

CHƯƠNG 24 Ravi có một ngày náo loạn khi anh phát hiện ra việc đó.

“Thế nào, thưa đức chúa Jesus theo đạo Hindu, năm nay ngài có hành hương về thành Jerusalem không hử?” Anh nói, chấp hai tay trước mặt như muốn lễ sùng tôn. “Thành Mecca có vậy gọi ngài không ạ?” Anh làm dấu thánh giá. “Hay là ngài sẽ đi Lama thụ lễ tấn phong lên thay giáo hoàng Pius?” Anh vẽ lên không khí một chữ Hylạp, cố làm rõ cách đánh vần cái chữ bêu rêu của mình. “Ngài đã có thì giờ cắt cái đầu của con chim ngài đề thành ra một người Do thái chưa hử? Với cái đà này, nếu ngài đến đền thờ ngày thứ Năm, đến thánh đường ngày thứ Sáu và nhà thờ ngày Chủ nhật, ngài chỉ cần cải thêm ba đạo nữa là ngài đã có bảy ngày lễ một tuần đến hết đời.” CHƯƠNG 25 Chưa phải thế là hết. Luôn có những người tự cho mình có nhiệm vụ bảo vệ Thượng đế, cứ như thể cái thực tại tối thượng ấy, cái khung chống đỡ sinh tồn ấy, là cái gì yếu ớt và đang lâm nguy không bằng. Những người này đi qua một quả phụ đã biến dạng vì bệnh phong đang xin bố thí, qua lũ trẻ rách rưới lang thang ngoài phố, và họ nghĩ, “Còn lạ gì lỗi ăn xin chuyện nghiệp này.” Nhưng nếu họ tưởng đang có một hành vi chống lại Thượng đế, dù chỉ là nhỏ nhặt, thì lại là chuyện khác. Mặt họ đỏ bừng lên, ngực họ phập phồng dữ dội, họ phun ra những lời giận dữ. Mức độ bất bình của họ thật đáng kinh ngạc. Quyết tâm của họ thật đáng sợ.

Những người này không chịu nhận ra rằng Thượng đế phải được bảo vệ bên trong lòng chúng ta, không phải ở bên ngoài. Họ nên hướng cơn giận của họ vào chính bản thân. Bởi lẽ cái ác ở ngoài kia chỉ là cái ác ở bên trong đã được sống ra ngoài. Bãi chiến trường để giành giật cái thiện không phải là quảng trường công cộng kia mà là khoảng rừng thưa nhỏ bé trong trái tim ta. Trong khi đó, số phận của những người quả phụ và những em bé vô gia cư thật đã phũ phàng làm sao, và chính là để bảo vệ họ, chứ không phải là Thượng đế, mà những người công chính phải khản trương lên.

Một buổi nọ, có một kẻ ngu ngốc to mồm đã đánh đuổi tôi ra khỏi thánh đường lớn Hồi giáo. Khi tôi đến nhà thờ, thầy cả Cơ đốc đã trợn mắt nhìn tôi đến nỗi tôi không thể nào cảm thấy được cõi yên bình của đáng Christ. Đôi khi một tăng lữ Brahman còn đuổi tôi không cho dự lễ hóa lộc. Người ta đã mách với cha mẹ tôi những hành vi tín ngưỡng của tôi với một giọng thì thảo vội và như thể đang tiết lộ tội phản quốc vậy.

Cứ như thể Thượng đế sẽ được lợi lộc vì đầu óc của những hành vi nhỏ mọn ấy.

Với tôi, tôn giáo là nơi giúp chúng ta giữ được nhân phẩm của mình chứ không phải để hạ nhục nó.

Tôi không đến dự lễ Misa của nhà thờ Đức Mẹ Đồng trinh nữa, mà sang bên nhà thờ Đức mẹ của các Thiên thần. Tôi không còn ở lại lâu hơn sau buổi cầu nguyện ngày thứ Sáu với những đồng đạo của mình tôi chỉ vào đền thờ những lúc đông người để đám giáo sĩ Brahmin không để ý và xen vào giữa tôi và Thượng đế.

CHƯƠNG 26 Vài ngày sau cuộc gặp mặt ở con đường đi dạo ngoài bờ biển, tôi thu hết can đảm và đến gặp cha tại văn phòng của người.

“Thưa cha.” “Có chuyện gì đây, Piscine?” “Con muốn thụ lễ đặt tên thánh và con muốn có một tấm thảm cầu nguyện.” Lời tôi nói chậm chạp lọt vào tai cha. Sau vài giây, cha bỏ đồng giấy tờ đang đọc và ngẩng lên.

“Một cái gì cơ? Cái gì?” “Con muốn cầu nguyện ngoài trời mà không bị bẩn quần. Con đang học trường Cơ đốc mà chưa được chính thức mang tên thánh.” “Tại sao con muốn cầu nguyện ngoài trời? Mà thực ra, tại sao con lại muốn cầu nguyện mới được chứ?” “Vì con yêu Thượng đế.” “A ha.” Cha có vẻ ngỡ ngàng vì câu trả lời của tôi, gần như bối rối. Một lúc im lặng. Tôi nghĩ có khi cha lại cho tôi ăn kem chưa chừng. “Thế này này, trường Petit Seminaire chỉ có cái tên là Cơ đốc thôi. Nhiều trẻ Hindu học ở đó không phải tín đồ Cơ đốc giáo. Không có tên thánh thì con vẫn học hành tử tế bình thường. Cầu nguyện thánh Allah thì chẳng có gì khác đâu.” “Nhưng con muốn cầu nguyện thánh Allah. Con muốn là một người Cơ đốc.” “Con không thể là cả hai, con chỉ có thể theo một đạo mà thôi.” “Sao con lại không thể là cả hai?” “Đó là hai tôn giáo khác nhau! Chúng chẳng có gì chung cả.” “Đâu phải thế. Cả hai đều nhận Abraham là của mình. Người Hồi giáo nói Thượng đế của người Do thái giáo và Cơ đốc giáo cũng chính là Thượng đế của người Hồi giáo. Họ đều công nhận David, Moses và Jesus là những tiên tri của mình.” “Nhưng mà những chuyện ấy thì có liên quan gì đến mình hả Piscine? Chúng ta là người Ấn Độ cơ mà.” “Vẫn có người Cơ đốc và Hồi giáo ở Ấn Độ hằng bao nhiêu thế kỷ nay rồi! Có người còn nói Jesus được mai táng ở Kashmir.” Cha không nói gì, chỉ nhìn tôi, chau mày. Đột nhiên có người gọi cha vì công việc. “Con hãy thưa chuyện này với mẹ.” Mẹ đang đọc sách.

“Mẹ ơi.” “Có chuyện gì thế con yêu?” “Con muốn được mang tên thánh và con muốn có một tấm thảm cầu nguyện.” “Con hãy thưa chuyện với cha.” “Thưa đã. Cha bảo con thưa chuyện này với mẹ.” “Thật thế à?” Mẹ đặt cuốn sách xuống và nhìn về phía vườn thú. Tôi chắc lúc ấy cha phải cảm thấy một luồng khí lạnh toát thối vào gáy mình. Mẹ quay sang phía tủ sách. “Mẹ có cuốn sách này chắc con sẽ thích.” Mẹ đã đưa tay ra lấy một cuốn sách dày của Robert Louis Stevenson. Đó là chiến thuật quen thuộc của mẹ.

“Con đọc cuốn đó rồi mẹ ạ. Ba lần rồi.” “Ô, thế à?” Tay mẹ đưa sang phía bên trái.

“Cả Conan Doyle cũng vậy ạ.” Tôi nói.

Cánh tay mẹ vung sang phải. “Còn R. K. Narayan thì sao? Con chưa thể nào đã đọc hết các sách của Narayan.” “Mẹ ơi, những việc này rất hệ trọng đối với con.” “Con đọc Robin Crusoe nhé.” “Mẹ!” “Piscine ơi!” Mẹ nói. Mẹ ngồi xuống ghế, vẽ mặt biểu lộ một thái độ phản đối yếu ớt nhất, có nghĩ là tôi phải tấn công vào những điểm xác đáng nhất. Mẹ sửa lại một cái gối kê. “Cha mẹ đều thấy là lòng nhiệt thành tín ngưỡng của con là một cái gì đó hơi thần bí.” “Nó là một thần bí thật sự mẹ ạ.” “Hừmm... Mẹ không định nói điều đó. Con hãy nghe mẹ đây, nếu con quả thật muốn theo một tín ngưỡng, con chỉ có thể là một tín đồ Hindu, một người theo Cơ đốc giáo hoặc một người theo đạo Hồi. Con đã nghe họ nói ở chỗ đi dạo ngoài biển rồi đấy.” “Con vẫn không hiểu tại sao con lại không thể là cả ba. Mamaji có hai hộ chiếu. Bác ấy vừa là Ấn Độ vừa là Pháp. Sao con lại không thể là Hindu, Cơ đốc và Hồi giáo?” “Chuyện ấy khác. Pháp và Ấn Độ là các dân tộc trên trái đất.” “Thế có bao nhiêu các dân tộc ở trên trời.” “Một. Đúng thế. Một dân tộc. Một hộ chiếu.” “Một dân tộc ở trên trời.” “Đúng thế. Hoặc chẳng có gì cả. Còn có cả trường hợp ấy nữa con ạ. Con đang bập vào những chuyện thật sự là lỗi thời đấy.” “Nếu chỉ có một dân tộc ở trên trời, có phải tất cả các hộ chiếu đều có giá trị phải không mẹ?” Một đám mây phân vân bao phủ gương mặt mẹ.

“Bác Gandhi đã nói...” “Thôi được rồi, mẹ biết bác Gandhi nói gì rồi.” Mẹ đưa tay lên trán. Lúc ấy, mẹ có một vẻ rất mệt nhọc, quả thực vậy. Mẹ nói, “Sao mà đến nông nỗi này.”

CHƯƠNG 27 Tối hôm đó, tôi nghe lỏm được cha mẹ nói chuyện với nhau.

“Em đồng ý rồi à?” Cha hỏi.

“Em biết nó đã hỏi anh. Anh đã đùn nó sang cho em,” mẹ trả lời.

“Anh ấy à?” “Đúng rồi.” “Anh bận suốt cả ngày.” “Bây giờ anh hết bận rồi, nhìn anh em biết là anh hoàn toàn đang rỗi và thoải mái. Nếu anh muốn xung phòng vào buồng nó, rút cái thảm cầu nguyện dưới chân nó và thảo luận về vấn đề thụ lễ phong tên thánh với nó, thì anh cứ đi đi. Em không phản đối.” “Không, không.” Qua giọng cha tôi có thể hình dung ông đang ngồi sâu hơn vào chiếc ghế của ông. Một lúc im lặng.

“Nó có vẻ thu hút các tôn giáo như kiểu chó thu hút rận,” cha nói. “Anh không hiểu được. Mình là một gia đình Ấn Độ hiện đại; mình sống theo lối sống mới; Ấn Độ đang ở đỉnh điểm của quá trình trở thành một dân tộc thực sự tiên tiến và hiện đại - thế mà đúng lúc này mình lại sinh ra một thằng con trai định ninh nó là hậu thân của thần Ramasrishna.” “Nếu bà Grandhi là đại diện của cái hiện đại và tiên tiến mà anh vừa nói đến, em cũng chẳng biết mình có ưa được những cái đó không đây,” mẹ nói.

“Bà Grandhi rồi sẽ qua đi chứ! Nhưng sự tiến bộ thì không thể dừng lại được. Nó là hồi trống mà tất cả chúng ta đều phải bước theo. Khoa học kỹ thuật là có ích và các ý tưởng hay sẽ truyền bá – đó là hai qui luật của tự nhiên. Nếu ta không để cho khoa học kỹ thuật giúp ích cho cuộc sống, nếu ta cưỡng lại các ý tưởng hay, ta sẽ tự kết án mình vào vòng mông muội với các loài khủng long mà thôi! Anh tuyệt đối tin tưởng vào điều này. Bà Grandhi và những cái ngớ ngẩn của bà sẽ qua đi. Một nước Ấn Độ mới sẽ đến.” (Quả thực bà ấy sẽ qua đi. Và nước Ấn Độ Mới ấy, hoặc một gia đình của nó, sẽ quyết định di cư sang Canada.) Cha nói tiếp: “Em có nghe lúc nó nói ‘Bác Gandhi từng dạy rằng hết thảy các tôn giáo đều là chân lý’ không?” “Có.” “Bác Gandhi? Thằng bé này đang ngày một thân thích với Gandhi đến thế kia à? Sau bác với cha Gandhi sẽ còn là cái gì đây? Bác Jesus chắc? Mà lại còn cái rất phi lý nữa – có đúng là nó đã thành một tín đồ Hồi giáo không?” “Có vẻ thế.” “Một kẻ Hồi giáo! Nói thực, là một tín đồ Hindu mê muội thì anh cũng còn hiểu được. Kể cả là một người Cơ đốc nữa, mặc dù có hơi lạ nhưng cũng vẫn còn có thể hiểu được. Người Cơ đốc đã ở đây từ lâu – Thánh Thomas, Thánh Francis Xavier, những nhà truyền giáo và vân vân. Nhờ họ mà ta có các trường tử tế.” “Vâng.” “Cho nên tất cả những cái đại loại thế anh có thể chấp nhận được. Nhưng mà Hồi giáo! Cái đó hoàn toàn ngoại lai với truyền thống của chúng ta. Tín đồ Hồi giáo là những kẻ xa lạ bên ngoài.” “Họ cũng đã ở đây từ rất lâu rồi đấy chứ. Họ còn đông hơn dân Cơ đốc hàng trăm lần.” “Cũng thế thôi. Họ là người ngoài.” “Có thể thằng Piscine nhà mình đang bước đều theo một nhịp trống tiến bộ khác.” “Em bệnh nó hả, em cứ mặc cho nó tự huỷ mình thành một thằng Hồi giáo đấy hả?” “Thì làm gì được bây giờ, hả anh Santosh? Nó đã ghi lòng rồi, mà rồi thì có hại gì đến ai đâu. Có thể cũng chỉ là một giai đoạn thôi. Cả cái đó nữa rồi cũng qua đi – như bà Gandhi vậy.” “Sao nó không thể có những vui thú bình thường như bọn trẻ cùng lứa được nhỉ? Như thằng Ravi đấy. Nó chỉ biết nghĩ đến bóng chày, xinê và âm nhạc.” “Anh nghĩ như vậy tốt hơn à?” “Không, không. Ôi chao, anh cũng chẳng biết nên nghĩ thế nào nữa. Suốt cả ngày rồi.” Cha thở dài. “Chẳng biết rồi nó sẽ đi đến đâu với những cái đam mê ấy.” Mẹ tặc lưỡi. “Tuần trước nó vừa đọc xong một cuốn nhan đề bắt chước Đấng Christ.” “Bắt chước Đấng Christ! Còn nói gì được nữa! Chẳng biết rồi nó sẽ đi đến đâu với những đam mê ấy!” Cha kêu to.

Và cả hai đều cười.

CHƯƠNG 28 Tôi yêu tấm thảm cầu nguyện của mình. Cho dù chất lượng nó vào loại thường, nhưng nó thật ngời ngời đẹp đẽ trong mắt tôi. Rất tiếc là nó không còn nữa. Bất cứ tôi trải nó xuống đâu, mảnh đất bên dưới và ngay xung quanh nó cũng trở thành đặc biệt thân thiết với tôi. Điều đó chứng tỏ nó là một tấm thảm cầu nguyện tốt vì nó biết nhắc nhở tôi rằng đất này chính là sáng tạo của Thượng đế và nơi nào cũng thiêng liêng như nhau. Hoa văn thảm, những đường nét như vàng ròng trên nền đỏ, có kiểu cách giản dị; một hình chữ nhật dài với một tam giác ở một đầu để chỉ hướng cầu nguyện, có những nét phẩy nho nhỏ rải rác xung quanh, như những vệt khói hoặc nét nhăn nhá của một ngôn ngữ xa lạ. Mặt thảm êm. Khi cầu nguyện, hàng rua ngắn không thất nút ở hai bên mép đầu và cuối của nó chỉ cách đỉnh trán và các ngón chân tôi dăm bảy phân, vừa vặn ấm cúng khiến tôi cảm thấy an toàn như ở nhà mình bất kỳ nơi nào tôi cầu nguyện.

Tôi cầu nguyện ngoài trời bởi vì tôi thích thế. Tôi thường trải tấm thảm của tôi ở một góc sân đằng sau nhà. Đó là một chỗ kín đáo dưới bóng mát một cây bạch phụ tử, sát cạnh bức tường có giàn hoa giấy leo

kín. Dọc chân tường có hàng chậu trồng cây trượng nguyên. Những dây hoa giấy cũng cả cây bạch phụ tử. Những dây leo nho tím tím của có tương phản với những đóa hoa đỏ của cái cây trông thật vui mắt. Khi cây ấy vào mùa ra hoa, nó là nơi lui tới thường xuyên của quạ, sáo sậu, chích choè, chào mào và vẹt. Bức tường thì ở phía tay trái tôi, theo một góc rộng. Trước mặt và về phía bên trái, qua khỏi dải bóng râm lung linh của cái cây, là khoảng sân lộ thiên đầy nắng. Cảnh vật không phải lúc nào cũng vậy, tất nhiên rồi, mà có thay đổi tùy thời tiết, tùy ngày và tùy giờ. Nhưng tất cả những gì tôi vừa tả ghi dấu thật rõ ràng trong ký ức tôi, như thể chúng chẳng bao giờ thay đổi. Để hướng về phía Mecca cho đúng, tôi vạch một đường đánh dấu xuống mặt đất vàng nhạt và cẩn thận duy trì nó.

Có nhiều lần, khi cầu nguyện xong, hề quay lại là tôi thấy cha hoặc mẹ hoặc Ravi đang quan sát mình. Rồi thì mọi người cũng quen đi.

Lễ đặt tên thánh cho tôi thì hơi lúng túng một chút. Mẹ chịu làm theo các nghi thức một cách êm thấm, cha chỉ đứng nhìn nghiêm nghị lạnh lùng, còn Ravi thì thường tỉnh vắng mặt nhờ có trận bóng chày, nhưng không phải vì thế mà không lái nhai bình phẩm suốt về sau này. Dòng nước chảy xuống mặt xuống cổ tôi; chỉ một bình nước nhỏ thôi, nhưng tác dụng của nó tươi mới như một trận mưa mùa **CHƯƠNG 29** Tại sao người ta di cư? Cái gì khiến họ nhỏ rể và rồi bỏ tất cả những gì quen thuộc để đến một nơi xa tận bên kia chân trời? Tại sao phải trèo qua dây thép của các thủ tục giấy tờ khiến ta cảm thấy mình như một kẻ ăn mày? Tại sao phải dấn bước vào khu rừng ngoại lai nơi tất cả mọi thứ đều lạ lẫm, khó khăn và chưa từng thấy?

Chỉ có một câu trả lời: người ta di cư vì hy vọng có một cuộc đời tốt đẹp hơn.

Giữa thập kỷ 1970 là một thời kỳ khó khăn của Ấn Độ. Tôi đoán biết điều đó từ những nếp nhăn trên trán cha mỗi khi cha đọc báo. Hoặc từ những mâu thuẫn thoại tôi nghe được giữa cha, mẹ, Mamaji và những người khác. Không phải là tôi không hiểu nổi những chuyện biến trong những vấn đề họ nói với nhau. Nhưng tôi không mấy quan tâm đến chúng. Bầy khi đọc vắn hẩu hẩu chờ món chapattis của chúng hằng ngày; lũ khi chẳng bao giờ hỏi tin tức New Delhi; tẻ giấc và dề vắn tiếp tục chung sống yên ổn; chim chóc vẫn hót líu lo; mây vẫn mang mưa, mặt trời vẫn nóng; trái đất vẫn thờ ơ; Thượng đế vẫn... chẳng có gì cấp cứu trong thế giới của tôi.

Cuối cùng thì bà Gandhi đã làm cho cha hết chịu đựng nổi. Tháng Hai 1976, Delhi giải tán chính quyền vùng Tamil Nadu. Chính quyền từng to mồm chỉ trích bà nhiều nhất. Việc chuyển giao chính quyền diễn ra êm thấm – chính phủ địa phương của thủ tướng Karunanidhi im lặng biến mất qua các vụ “từ chức” và quân thúc tại gia. Thực ra, việc một chính quyền địa phương bị giải tán thì có là cái gì so với việc bản Hiến pháp của cả quốc dân đã bị phê từ cả tám tháng trước đó? Nhưng với cha, đó là dấu hiệu cuối cùng của việc bà Gandhi đã lên ngôi độc tài và tiềm đoạt quốc gia. Con lạc đà trong vườn thú chẳng hề hấn gì, nhưng cái sợi rơm ấy đã bẻ gãy lưng cha.

Cha kêu lên, “Chẳng mấy chốc mẹ sẽ đến vườn thú của chúng ta và bảo rằng các nhà tù của mẹ đều đã chật ních cả, rằng mẹ cần thêm chỗ, rằng liệu chúng ta có giam được ông Desai vào cùng một chuồng với sư tử được chẳng?” Morarji Desai là một chính khách đối lập. Không phải bạn với bà Gandhi. Tôi thấy buồn vì nỗi lo không dứt của cha. Bà Gandhi có thể tự tay bỏ bom vườn thú, chuyện đó cũng chẳng có sao đối với tôi nếu cha cũng vui vẻ coi đó là việc bình thường. Giá mà cha đừng khổ sở dần vật đến thế. Thật khổ cho một đứa con trai phải thấy cha nó phát ốm vì lo lắng.

Cha lo lắng. Việc làm ăn nào cũng có rủi ro cả, nhưng không có rủi ro nào bằng một công việc làm ăn nhỏ, khi đã mất là mất cả chì lẫn chài. Vườn thú là một thiết chế văn hóa. Cũng như một thư viện công cộng, một nhà bảo tàng, nó phục vụ công chúng trong lĩnh vực giáo dục và khoa học. Trong quan điểm đó, nó không phải là một việc làm ăn vì mục đích kiếm tiền, vì Điều Thiện Lớn và Lối Lối Lớn là những mục tiêu không tương thích nhau. Cha đã rất cáu vì thế. Sự thật là, chúng tôi không phải là một gia đình giàu có, nhất là theo tiêu chuẩn Canada. Chúng tôi là một gia đình nghèo tình cờ sở hữu một lũ thú vật, mặc dù không sở hữu được cái mái nhà trên đầu chúng, và cả trên đầu chúng tôi nữa, nhân tiện phải nói luôn thế. Cuộc sống của một vườn thú, cũng như cuộc sống của các cư dân trong hoang dã, là bấp bênh khôn lường. Nó không phải một doanh nghiệp đủ lớn để có thể đứng trên luật pháp, mà cũng không đủ nhỏ để sống sót được sau những mất mát. Để phồn thịnh, vườn thú cần đến quốc vụ viện, các cuộc bầu cử dân chủ, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, luật lệ pháp chế rõ ràng và đủ mọi thứ khác nữa mà người ta đã cam kết thiêng liêng là phải có trong bản Hiến Pháp Ấn Độ. Không thể thì không tài gì mà lo cho vườn thú được. Lâu dài mà nói, chính trị tồi là có hại cho doanh nghiệp.

Người ta di cư vì mệt mỏi quá rồi trong tình trạng lo âu. Vì cái cảm giác cắn rứt rằng dù mình có cố mấy đi nữa thì cũng chẳng ăn thua gì, rằng công sức cả năm rồi cũng bị người khác cướp mất chỉ trong một

ngày. Vì cái ấn tượng rằng, tương lai thế là hết, rằng mình thì thế nào cũng xong nhưng con cháu mình thế là hết đường rồi. Vì cái cảm giác rằng chẳng có gì thay đổi nữa, rằng hạnh phúc và phồn vinh chỉ có thể có được ở một nơi nào khác mà thôi.

Nước Ấn Độ Mới đã bị đập vỡ tan tành và sụp đổ trong ý nghĩa của cha. Mẹ nhượng bộ. Chúng tôi sẽ bùng đi nơi khác thôi.

Quyết định ấy được tuyên cáo trong một bữa ăn tối. Ravi và tôi ngồi chết lặng! Canada! Nếu như Andhra Pradesh, ngay phía bắc chúng tôi, đã là một viễn xứ; nếu Sri Lanka, chỉ cách chúng tôi một eo biển hẹp khi có thể nhảy qua, đã là cái phía tối của mặt trăng, thử tưởng tượng xem Canada sẽ là cái gì? Canada không là gì đối với chúng tôi cả. Nó giống như Timkubu(1), theo định nghĩa là một nơi mãi mãi xa vời.

Ghi chú:

(1) Timkubu, một thị trấn ở trung bộ Mali, Tây Phi, một nơi nổi tiếng hẻo lánh, nên cái tên Timkubu đã đồng nghĩa với một nơi rất xa vời.

CHƯƠNG 30 Anh đã có vợ. Tôi đang cúi cời giấy thì nghe anh nói: Xin giới thiệu đây là nhà tôi. Tôi ngẩng lên và ngay ở đó, bên cạnh anh... là bà Patel. Xin chào, chị lên tiếng, giơ tay ra cho tôi bắt và mỉm cười. Piscine đã nói với tôi rất nhiều về anh. Tôi thì không thể nói với chị điều tương tự. Tôi đã chưa biết tí gì về chị. Chị đang sắp phải đi nên chúng tôi chỉ chuyện trò được đôi câu. Chị cũng là người Ấn Độ nhưng nói giọng Canada điển hình hơn. Chắc là thế hệ thứ hai. Chị trẻ hơn anh một chút, da hơn đen hơn một chút, tóc dài đen tết thành một bím nặng. Cặp mắt đen láy và sáng và hàm răng trắng thật đáng yêu. Chị mang trên tay một cái áo choàng phòng thí nghiệm trắng tinh vừa giặt khô vẫn còn để trong bao ni lông, chị làm nghề bào chế thuốc. Khi tôi chào: rất được hân hạnh, thưa bà Patell, chị đáp: Xin anh cứ gọi tôi là Meena. Vợ chồng hôn nhẹ nhau một cái, rồi chị ra khỏi nhà vì một phiên làm ngày thứ Bảy.

Căn nhà này không phải chỉ là cái hộp đầy các tượng thờ nữa. Tôi bắt đầu để ý thấy các dấu hiệu nho nhỏ của một cuộc sống lứa đôi. Chúng vẫn ở đó cả thôi, nhưng trước đây tôi đã không tìm kiếm chúng.

Anh là một người nhút nhát. Cuộc đời đã dạy anh chớ có khoe khoang những gì quý giá nhất của mình.

Chẳng nhẽ chị đã là thủ phạm của những vụ bụng da tôi ậm ạch sau những lần ăn uống tại nhà anh?

Tôi vừa làm món sốt chua ngọt đãi anh đấy, anh nói, miệng mỉm cười.

Thì ra không phải chị, mà chính là anh. CHƯƠNG 31 Họ gặp nhau một lần, ông Kumar với ông Kumar, ông làm bánh với ông thầy giáo. Ông Kumar thứ nhất nói ông muốn đến thăm vườn thú. “Ngần ấy năm sống ở đây mà tôi chưa lần nào được xem. Mà thật là gần đây. Cậu sẽ hướng dẫn tôi chứ?” Ông hỏi.

“Vâng, tất nhiên rồi,” tôi đáp. “Thật là một vinh dự cho cháu.” Chúng tôi hẹn gặp nhau ở cổng chính sau giờ tan trường ngày hôm sau.

Tôi lo lắng suốt ngày hôm đó, bụng bảo dạ, “Mày thật ngốc nghếch! Sao lại hẹn ở cổng chính? Lúc nào chỗ đó cũng đông người. Mày quên là ông ấy chẳng có đặc điểm gì rồi à? Mày sẽ không khi nào nhận được ra ông ấy cho mà xem!” Nếu tôi đi ngay qua cạnh ông mà không nhận ra ông thì ông chắc sẽ tự ái lắm. Ông sẽ nghĩ tôi đã thay lòng đổi dạ và không còn muốn cặp kè với một người làm bánh Hồi giáo nghèo khổ nữa. Ông sẽ bỏ đi không thêm nói một lời. Ông sẽ không giận dữ - ông sẽ chấp nhận lời biện bạch của tôi là tôi bị chói mắt không nhìn thấy ông - nhưng ông sẽ không còn muốn đến thăm vườn thú làm gì nữa. Tôi có thể thấy sự việc sẽ diễn ra như thế. Tôi bắt buộc phải nhận ra ông. Tôi sẽ nấp và đợi đến khi nào chắc chắn đó là ông, nhất định sẽ phải làm như vậy. Nhưng tôi đã từng nhận thấy rằng cứ khi nào tôi cố hết sức để nhận dạng ông thì lại là lúc khó khăn nhận ra ông nhất. Hình như càng cố thì càng khó là đằng khác.

Đến giờ hẹn, tôi đứng trực ngay trước cổng chính của vườn thú và bắt đầu dụi mắt bằng cả hai tay.

“Mày làm cái gì thế?” Đó là Raj, một thằng bạn.

“Tao đang bận.” “Mày bận dụi mắt à?” “Cút đi.” “Mình đi ra bờ biển đi.” “Tao đang đợi một người.”

“Thế thì mày sẽ lỡ hẹn nếu cứ dụi mắt lia lịa như thế kia.” “Cảm ơn mày đã nhắc. Mày đi chơi bờ biển cho vui nhé.” “Hay là đi Vườn Nhà nước đi mày.” “Tao không đi được, tao bảo rồi mà.” “Thôi đi.” “Tao xin mày, Raj, mày đi đi.” Nó bỏ đi. Tôi lại dụi mắt.

“Mày giúp tao làm bài tập toán được không, Pi?” Đó là Ajith, một thằng bạn khác.

“Để sau, mày đi chỗ khác đi.” “Chào Piscine” Đó là bà Radhakrishna, một người bạn của mẹ. Tôi xua được bà đi chỗ khác sau một vài câu nhẹ nhàng.

“Xin lỗi, đến phố Laporte đi lối nào?” Một người lạ.

“Lối kia.” “Vé vào vườn thú bao nhiêu tiền?” Một người lạ khác.

“Năm rupi. Quầy bán vé ở ngay kia.” “Câu bị chlorine vào mắt hay sao?” Đó là Mamaji.

“Chào bác Mamaji, không phải đâu ạ.” “Bố cháu có đây không?” “Chắc có ạ.” “Gặp cháu sáng mai nhé.”

“Thưa bác vâng ạ.” “Tôi đây, cậu Piscine.” Tôi đông cứng lại trước mắt mình. Cái giọng nói đó. Vừa lạ vừa quen. Tôi cảm thấy như trong lòng mở một nụ cười.

“Salaam alaykum, bác Kumar! Gặp bác cháu rất mừng.” “Wa alaykum as-salaam(1). Mắt cậu làm sao thế?” “Không, không sao đâu ạ. Chắc chỉ là một hạt bụi.” “Đồ hết cả rồi.” “Không sao đâu ạ.” Ông đi về phía quầy vé nhưng tôi gọi ông lại.

“Không, không. Thầy(2) không phải mua vé đâu ạ.” Thật là vinh hạnh khi tôi xua tay về phía quầy vé và mở đường cho ông Kumar bước vào vườn thú.

Ông kinh ngạc trước tất cả mọi thứ, nào là vì cây cao mà sinh ra hươu cao cổ, rồi chuyện các loài ăn thịt thì được cấp thức ăn là loài ăn cỏ, rồi loài ăn cỏ thì có cỏ mà ăn, rồi thì chuyện có các loài ăn đêm và các

loài ăn ngày, con nào cần có mỏ sắc thì có mỏ sắc, con nào cần có chân tay nhanh nhẹn thì có chân tay nhanh nhẹn. Tôi sung sướng thấy ông kinh ngạc đến như vậy.

Ông dẫn lời kinh Koran: “Có thông điệp của Thượng đế cho những ai biết dùng trí xét đoán của mình trong tất cả những điều này.” Chúng tôi đến chỗ bọn ngựa vằn. Ông Kumar chưa từng nghe về những con vật này chứ đừng nói đến chuyện đã từng nhìn thấy một con. Ông đứng ngây người.

“Ngựa vằn đấy ạ.” Tôi bảo.

“Người ta sơn vẽ chúng bằng bút lông à?” “Không, không. Trông thế thôi chứ là tự nhiên đấy ạ.” “Trời mưa thì sao?” “Chẳng sao ạ.” “Những cái vạch lông kia không nhòe nhoẹt đi à?” “Không ạ.” Tôi có mang theo ít cà-rốt. Còn một củ to và cứng. Tôi lấy nó ra khỏi túi. Đúng lúc ấy tôi nghe thấy tiếng sỏi lạo xạo ở phía bên phải. Đó là ông Kumar, đang bước về phía hàng rào trong dáng điệu lắc lư khắp khiễng quen thuộc.

“Chào thầy ạ.” “Chào Pi.” Ông làm bánh, bẽn lễn nhưng đằng hoàng, gật đầu chào ông thầy giáo. Ông lại gật đầu chào lại.

Một chú ngựa vằn tinh ý đã thấy củ cà-rốt của tôi và đã bước đến chỗ rào thấp. Nó vẩy tai và giậm chân nhè nhẹ. Tôi bẻ củ cà-rốt làm đôi, đưa cho mỗi ông Kumar một nửa. “Cảm ơn Piscine,” một ông nói. “Cảm ơn Pi” ông kia bảo. Ông Kumar làm trước, thò tay qua hàng rào. Cặp môi dày đen bóng và khỏe mạnh của con ngựa vằn ngoạm ngay lấy củ cà-rốt. Ông Kumar không bỏ ra, con ngựa vằn đớp ngậm răng vào mẩu cà-rốt và cắn nó ra làm hai. Nó nhai rau rầu trong vài giây, rồi ngoạm nốt nửa kia, môi nó phủ kín các đầu ngón tay ông Kumar. Ông buông miếng cà-rốt và vuốt ve cái mũi mềm mại của con ngựa vằn. Đến lượt ông Kumar. Ông không làm khó cho con ngựa vằn như ông kia. Khi môi con ngựa đã ngoạm nửa miếng cà-rốt, ông buông tay. Cặp môi ấy vội vàng lùa miếng cà-rốt vào trong miệng.

Ông Kumar với ông Kumar có vẻ sung sướng.

“Câu bảo gì nhỉ, ngựa vằn à?” Ông Kumar nói.

“Đúng thế ạ,” tôi trả lời. “Nó thuộc cùng một họ với lừa và ngựa.” “Xe Rolls-Royce của các nhà kỹ sỹ” ông Kumar nói.

“Con này là một con ngựa vằn giống Grant,” tôi nói.

Ông Kumar nói, “Equus burchelli beohmi(3).” Ông Kumar nói, “Allahu akbar(4).” Tôi nói, “Nó rất đẹp.” Chúng tôi tiếp tục nhìn.

Ghi chú:

(1). Salaam alaykum là câu chào nhau của người Hồi giáo, có nghĩa tương tự như xin Thượng đế ở cùng bạn và Wa alaykum as-salaam là câu đáp lại, cũng có nghĩa đó (ND).

(2). Pi phải gọi ông Kumar này là “Bác” mới đúng, vì ông thầy Kumar dạy sinh vật lát sau mới đến.

(namphuong) (3) Tiếng Latin, có nghĩa: con ngựa rất đẹp. (ND) (4) Nghĩa là: Vinh danh thánh Allah.

(ND)

CHƯƠNG 32 Có nhiều thí dụ về cách các thú vật thu xếp cuộc sống rất đáng ngạc nhiên. Tất cả đều giống như hiện tượng nhân dạng hoá (anthropomorphism), mà trong động vật học gọi là hiện tượng thú dạng hoá (zoomorphism) - hiện tượng một con thú coi một người hoặc một con thú khác loài như thể cùng loài với mình.

Nổi tiếng nhất và cũng phổ biến nhất là trường hợp các con chó cảnh nuôi trong nhà. Chúng đã đồng hoá người vào thế giới chó sâu xa đến mức muốn cả giao phối với họ, một sự thực mà bất kỳ người chủ nào đã phải kéo con chó si tình của mình ra khỏi häng một vị khách sợ hết hồn cũng sẽ sẵn sàng khẳng định là có.

Con điều thử lông vàng và con chuột lông chàm trắng của chúng tôi sống rất hoà thuận với nhau, quấn quít nhau và ngủ dúi dụi vào nhau cho tới lúc con điều thử lông vàng bị người ta bắt trộm mất.

Tôi cũng đã nhắc đến tê giác với đàn dê, và trường hợp của sư tử trong rạp xiếc.

Có những câu chuyện được khẳng định hẳn hoi về những thủy thủ sắp chết đuối được cá heo đội lên khỏi mặt nước, là cách điển hình mà loài cá này vẫn dùng để cứu lẫn nhau.

Trong sách vở có nhắc đến trường hợp một con chồn trắng sống hòa thuận với con chuột nọ, trong khi vẫn lập tức nuốt chửng các con chuột khác theo đúng kiểu chồn trắng.

Vườn thú của chúng tôi đã thấy chuyện các con thú ăn thịt sống với con mồi của chúng rất lạ lùng. Chúng tôi có một con chuột đã sống với bầy rắn độc trong suốt nhiều tuần lễ. Trong khi các con chuột khác bỏ vào chuồng rắn đều bị toi mạng trong vòng một hai ngày, con chuột nhỏ màu nâu này nhón nhor tha rác làm một cái tổ xinh xinh, thu trữ các hạt ngũ cốc mà chúng tôi rắc cho nó vào những chỗ giấu khác nhau và chạy đi chạy lại ngay trước mắt các con rắn. Chúng tôi ngạc nhiên hết sức. Chúng tôi treo một cái biển để người xem để ý đến hiện tượng con chuột này. Sau rồi nó cũng không tránh được kết cục của số phận: nó bị một con rắn non cắn. Con rắn ấy không biết đến địa vị đặc biệt của con chuột sao? Hay nó cảm thấy không ưa và không muốn quan hệ với con chuột? Chẳng biết thế nào. Có điều con chuột ấy lập tức bị nuốt chửng. Nếu bầy rắn đã bị bỏ bùa thì con rắn non đã giải được cái bùa ấy. Mọi việc trở lại bình thường. Chuột lại bị lũ rắn nuốt chửng theo tốc độ như cũ.

Trong nghề nuôi thú, người ta hay dùng chó làm mẹ nuôi sư tử con. Mặc dù sư tử con lớn lên và to lớn hơn mẹ nuôi và cũng nguy hiểm hơn nhiều. Chúng không bao giờ làm rầy mẹ nuôi. Con chó cũng không bao giờ hết dịu dàng và cũng vẫn giữ được quyền làm mẹ của nó đối với lũ sư tử. Phải có biển giải thích cho công chúng đến xem rằng con chó trong chuồng kia không phải là thức ăn sống của bọn mãnh sư (cũng như chúng tôi đã phải có biển nói rằng tê giác là loài ăn cỏ và không ăn thịt dê).

Có thể lí giải hiện tượng thú dạng hoá như thế nào đây? Chẳng nhẽ tê giác không thể phân biệt được to với nhỏ, da cứng với lông mềm? Chẳng nhẽ cá heo không thể nhận ra nhau? Tôi tin rằng câu trả lời dành nằm trong cái mà tôi đã nhắc đến trước đây, trong cái liều lượng điên rồ vẫn thúc cho sự sống vận động theo những cung cách lạ lùng nhưng là cứu cánh. Con chuột lông vàng cũng như con tê giác, đều cần có bạn đồng hành. Bọn sư tử làm xiếc không cần biết vị thủ lãnh của chúng là một người yếu ớt; tinh thần hư cấu đảm bảo cuộc sống xã hội của chúng và ngăn chặn tình trạng bạo lực vô chính phủ. Còn đối với bọn sư tử con, chúng sẽ ngã ngửa ra vì sợ khi biết rằng mẹ chúng chỉ là một con chó, vì điều đó có nghĩa là chúng không có mẹ, một tình trạng tồi tệ nhất mà bất cứ sinh linh máu nóng nhỏ nhoi nào cũng có thể tưởng tượng ra. Tôi tin rằng ngay cả con rắn già, khi nuốt chửng con chuột, chắc chắn phải cảm thấy ở một xó nào đó trong tâm trí chưa phát triển của nó một thoáng ân hận, một cảm giác rằng có cái gì đó lớn lao hơn vừa bị mất đi, một bước nhảy của trí tưởng tượng ra khỏi miền thực tại thô thiển và đơn côi của một con thú bò sát.

CHƯƠNG 33 Anh cho tôi xem những kỷ vật gia đình. Trước tiên là ảnh cưới, một đám cưới Ấn Độ trên nền Canada nổi bật ngoài rìa. Một anh trẻ hơn, một chị trẻ hơn. Họ đi trắng mặt ở thác Niagara. Một chuyến đi thật đáng yêu. Những nụ cười khẳng định điều đó. Rồi ngược thời gian nữa, những tấm ảnh hồi anh còn là sinh viên ở đại học Toronto; với bạn bè; trước cửa nhà thờ thánh Micheal; trong phòng ở; trên đường phố; đang đọc sách ở nhà thờ thánh Basil trong bộ áo chùng màu trắng; đang vận một áo choàng trắng kiểu khác trong phòng thí nghiệm của khoa động vật học trong ngày tốt nghiệp. Một nụ cười trong mọi lúc, nhưng cặp mắt anh lại kể một câu chuyện khác.

Những bức ảnh ở Brazil, với rất nhiều các con cu li ba móng chụp tại chỗ.

Với một động tác giờ trang, chúng tôi nhảy qua Thái Bình Dương; và hầu như chẳng có hình ảnh gì. Anh nói có chụp ảnh liên tục trong tất cả các dịp quan trọng, nhưng đã mất tất cả rồi. Vài bức ít ỏi là do Mamaji chụp vội gửi sang sau này.

Có một bức ảnh chụp ở vườn thú nhân dịp một quan chức cao cấp đến thăm. Một thế giới khác hiện ra đen trắng trước mắt tôi. Bức ảnh đầy người. Vị bộ trưởng trong nội các chính phủ liên hợp là trung tâm của bức ảnh. Đằng sau có một con hươu cao cổ. Gần bên rìa đám đông, tôi nhận ra ông Adirubasamy trẻ tuổi.

“Mamaji đây à?” Tôi hỏi, chỉ vào đó.

“Vâng,” anh nói.

Có một người đàn ông đứng cạnh ông bộ trưởng, đeo kính gọng sừng và mái tóc chải rất mượt. Rất có thể là ông Patel, mặt tròn hơn mặt con trai.

“Có phải đây là cha anh?” Tôi hỏi.

Anh lắc đầu. “Tôi không biết ông ta là ai.” Im lặng vài giây, rồi anh nói, “chính cha tôi chụp bức ảnh này.” Cũng trên trang đó còn có một bức ảnh chụp tập thể khác, phần lớn là học sinh. Anh gõ gõ ngón tay lên bức ảnh.

“Richard Parker đây,” anh nói.

Tôi kinh ngạc. Tôi nhìn gần hơn, cố tách biệt nhân cách và hình thức bề ngoài. Không may là bức ảnh đen trắng lại không được nét. Kiểu ảnh chụp chơi lúc cuộc đời còn vô lo vô nghĩ. Richard Parker đang ngoảnh nhìn ra chỗ khác. Nó cũng chẳng biết là người ta đang chụp ảnh nó.

Trang đối diện là cả một bức ảnh màu chụp cái bể bơi ở Aurobindo Ashram. Một cái bể ngoài trời rộng và đẹp, nước trong vắt soi rõ đáy bể màu xanh lơ và một cái bể lặn bên cạnh.

Trang tiếp theo một bức ảnh chụp trước cửa trường Petit Seminaire. Một cổng vòm có sơn dòng chữ tiêu biểu của trường: Nil magnum nisi bonum. Không có cái thiện thì cũng không có cái vĩ đại.

Anh có vẻ trầm ngâm.

“Chán nhất,” anh nói, “là tôi không còn nhớ lại được dung nhan của mẹ tôi. Tôi có thể tưởng tượng mẹ, nhưng chỉ trong một thoáng là mất. Mỗi khi tôi cố hình dung mẹ cho rõ ràng, mẹ lại mờ dần đi. Cả giọng nói mẹ cũng thế. Nếu tôi thấy mẹ ngoài phố bây giờ, chắc là mọi thứ sẽ trở lại rõ ràng. Nhưng chắc chẳng được nữa rồi. Thật buồn khi không thể nhớ được mẹ mình trông ra sao.” Anh gấp cuốn sổ lại.

CHƯƠNG 34 Cha nói: “Chúng ta sẽ đi tàu thủy như Columbus!” “Ông ấy đã chỉ hy vọng tìm thấy được Ấn Độ,” tôi buồn rầu nói.

Chúng tôi bán vườn thú, trọn gói tuyệt vời. Đến một xứ sở mới, một cuộc đời mới. Ngoài việc đảm bảo cho bầy thú của chúng tôi có một tương lai hạnh phúc, việc bán chác này còn giúp chúng tôi có tiền di chuyển và một món kha khá để bắt đầu lại từ đầu ở Canada (bây giờ nghĩ lại cái món kha khá đó thật nực cười - quả thật chúng tôi mù tịt về chuyện tiền nong). Chúng tôi có thể bán bầy thú cho các vườn ở Ấn Độ, nhưng các vườn thú ở Mỹ chịu trả giá cao hơn. Lúc ấy, Hiệp định Quốc về buôn bán các loài thú quý hiếm vừa ra đời, và hành lang buôn bán thú hoang đã bị đóng cửa hoàn toàn. Tương lai các vườn thú từ nay nằm trong tay các vườn thú khác. Vườn thú Pondicherry đóng cửa vừa đúng lúc. Người ta tranh nhau mua bầy thú của chúng tôi. Những khách hàng cuối cùng là một số các vườn thú, chủ yếu là vườn thú Lincoln Park ở Chicago và vườn thú Minnesota lúc ấy mới sắp mở cửa. Những con thú lẻ thì bán rải rác sang cho các vườn ở Los Angeles, Louisville, Oklahoma City và Cincinnati.

Và có hai con được chở bằng tàu thủy sang Vườn thú Canada. Đó là Ravi và tôi. Cả hai chúng tôi đều cùng một cảm nghĩ đấy. Chúng tôi không muốn đi. Không muốn sống ở xứ sở gió giạt suốt ngày và với những mùa đông lạnh hai trăm độ âm(1). Canada không có trên bản đồ của môn cricket. Chỉ đến khi bắt tay vào chuẩn bị cuộc di cư chúng tôi mới dần quen với ý nghĩ sẽ phải đi. Việc chuẩn bị cũng hết hơn một năm trời. Không phải với chúng tôi, mà là với bầy thú kia. Nếu nghĩ rằng các con vật có phải lo gì đến quần áo, giày dép, chăn màn, bàn ghế, đồ bếp núc và đồ vệ sinh; rồi quốc tịch cũng chẳng có ý nghĩa gì với chúng, không phải lo tí gì đến hộ chiếu, tiền nong, khả năng công ăn việc làm, trường học, nhà ở, y tế... Nghĩa là, nếu nghĩ rằng bầy thú thật là nhẹ nhàng trong tất cả những cái đó, thì mới ngạc nhiên là việc di chuyển chúng mới khó khăn làm sao. Di chuyển một vườn thú cũng giống như di chuyển một thành phố vậy.

Nguyên thủ tục giấy tờ đã hàng núi rồi. Tồn hàng lít nước để pha mực đóng dấu. Viết hàng trăm đơn từ kiểu “Kính thưa ngài Mỗ với ngài Mỗ”. Rao giá. Thờ dài. Nghi ngờ. Bàn đi cãi lại. Trình lên trên xin quyết định. Ngã được giá cả. Ra được thỏa thuận. Kí tên vào những chỗ chấm chấm trong văn bản hợp đồng. Trao đổi những lời chúc mừng. Kiểm các chứng chỉ nguồn gốc. Kiểm các chứng chỉ sức khỏe.

Kiểm các giấy phép xuất khẩu. Kiểm các giấy phép nhập khẩu. Làm rõ các điều lệ cách li. Tổ chức vận tải. Tiêu hàng cả gia tài vào tiền điện thoại. Có một câu nói đùa trong nghề vườn thú, một câu đùa một mõi, rằng đồng giấy tờ cần thiết để mua bán một con chuột mồm nhọn ăn sâu bọ thối cũng nặng hơn cả một con voi, rằng giấy tờ mua bán một con voi thì nặng hơn cả một con cá voi, và rằng chó bao giờ có ý định mua bán một con cá voi, chó bao giờ. Hình như có một bọn quan liêu chuyên bói lông tìm vết ngồi xếp hàng một từ Pondicherry đến Minneapolis, qua Dehli và Washington, ai cũng nhắm nhắm các biểu mẫu, những vấn đề khó khăn và những nỗi hoài nghi của mình. Chờ các con vật lên mặt trắng có thể còn đỡ phức tạp hơn. Cha đã giật đứt hầu hết tóc trên đầu và đã nhiều lần suýt tung hê hết cả.

Có những chuyện không lường được. Hầu hết chim chóc, bò sát, tê giác, khỉ độc, khỉ đuôi sư tử, hươu cao cổ, thú ăn kiến, hổ, báo hoa, báo cheetah, linh cẩu, ngựa vằn, gấu culi và gấu Hymalaya, voi Ấn Độ được hỏi mua tíu tít, nhưng lại có nhiều con không ai hỏi han gì đến, ví dụ như chú hà mã Elphie của chúng tôi. “Một cuộc giải phẫu nhân mắt!” Cha vừa kêu vừa lắc lắc một bức thư trong tay. “Họ sẽ mua nếu mình mổ nhân mắt bên trái cho nó. Cho một con hà mã! Còn gì nữa chứ? Sửa mũi cho tê giác chắc?” Một số con thú bị coi là “quá thường” ví dụ sư tử và khỉ đầu chó. Cha đã phải đổi các con vật này lấy một con khỉ độc từ vườn thú Mysore và một con đười ươi từ vườn Manila. (Còn con hà mã Elphie thì sống đến hết đời tại vườn thú Trivandrum.) Một vườn thú hỏi mua một “con bò Bramin chính hiệu” để trưng trong khu dành cho trẻ em. Cha liền vào khu rừng đô thị Pondecherry và mua một con bò cái có cặp mắt ướt đen tuyền, một cái bướu rõ to và cặp sừng thẳng băng mọc thật vuông góc với cái đầu như thể nó đã liếm phải một ổ điện. Cha cho sơn cặp sừng ấy màu da cam thật tươi rồi gắn những cái chuông nhựa nhỏ xíu vào mũi sừng, cho nó thêm chính hiệu.

Một phái đoàn ba người Mỹ đến. Tôi rất tò mò. Tôi chưa từng thấy người Mỹ thật còn sống. Họ đến, hồng hào, béo tốt, rất thân thiện, thạo việc và cứ ra mồ hôi như tắm. Họ khám các con thú của chúng tôi. Họ cho chúng ngủ rồi nghe tim, kiểm tra nước giải và phân như thể xem tử vi, lấy máu vào ống tiêm rồi đem đi phân tích, xoa bóp các loại bướu, gõ thử răng, chiếu đèn pin vào mắt, cầu thử da, vuốt và nhổ thử lông. Khổ thân các con thú. Chắc chúng tưởng người ta đang khám tuyển chúng vào quân đội Mỹ. Chúng tôi nhận được nụ cười vui vẻ nhất của những người Mỹ này, và những cái bắt tay chặt tướng gãy xương của họ.

Kết quả là bày thú, cũng như chúng tôi, nhận được hết các giấy tờ cần thiết. Chúng sẽ thành những công dân Mỹ tương lai, còn chúng tôi, những công dân Canada tương lai.

Ghi chú: (1) Tính theo độ PH. (ND)

CHƯƠNG 35 Chúng tôi rời Madras ngày 21 tháng Sáu năm 1977, trên con tàu hàng Nhật Bản treo cờ Panama mang tên Tsimtsum. Các sỹ quan trên tàu là người Nhật, thủy thủ đoàn là người Đài Loan, và con tàu thật lớn, thật ấn tượng. Ngày cuối cùng của chúng tôi ở Pondicherry, tôi chào tạm biệt Mamaji, ông Kumar và ông Kumar, tạm biệt tất cả bạn bè và cả nhiều người chưa quen biết. Mẹ vận bộ sari đẹp nhất. Bím tóc dài của mẹ, gấp lại một cách mỹ thuật và cài lại sau gáy, được trang điểm bằng một vòng hoa nhài tươi. Mẹ đẹp. Và buồn. Vì mẹ đang rời bỏ Ấn Độ, nước Ấn Độ nóng nực của những cơn mưa mùa, những cánh đồng lúa và dòng sông Cauvery, những bờ biển và đền miếu xây bằng đá tảng, những cỗ xe bò kéo và những chiếc xe tải sặc sỡ của bạn bè và những người chủ tiệm quen thuộc, con phố Nehru và phố Goubert Salai, của cái này cái nọ, nước Ấn Độ quen thuộc và yêu mến với mẹ đến thế. Trong khi những người đàn ông trong nhà – tôi tưởng mình là một trong số họ - mặc dù mới mười sáu tuổi – đang vội vàng để lên đường, tưởng mình đã là thị dân Winnipeg bên xứ Canada xa xôi kia, thì mẹ còn nán lại. Hôm trước khi đi, mẹ chỉ một hàng bán thuốc lá và hỏi giọng khản khản, “Ta có nên mua một vài bao không anh?” Cha đáp, “Bên Canada cũng có thuốc lá, mà sao em muốn mua? Mình có ai hút đâu?” Vâng, bên Canada cũng có thuốc lá – nhưng họ có thuốc lá Gold PHlake không? Họ có kem nhân hiệu Arun không? Xe đạp của họ có phải xe đạp Hero không? Có tivi Onidas không? Có ô tô Ambassador không? Các hiệu sách có tên là Higginbotham không? Đó, tôi nghĩ, là những câu hỏi quay cuồng trong đầu mẹ khi mẹ đang tính mua mấy bao thuốc lá ấy.

Bầy thú đã được đánh thuốc ngủ, lùa hết vào lồng và khóa lại, đồ ăn thức uống đã trữ hết vào hầm tàu, dây neo đã tháo hết, và những hời còi rúc lên. Khi con tàu len lỏi ra khỏi bến và tìm đường ra khơi, tôi cuống cuống vẫy chào Ấn Độ. Mặt trời tỏa sáng, gió thổi đều, và bầy hải âu cất những tiếng kêu chói tai trên không trung. Lòng tôi rộn rã.

Mọi việc ở đời có bao giờ diễn ra như ta vẫn tưởng, nhưng biết làm sao. Cuộc đời đem cho ta cái gì thì ta phải nhận cái đó và chỉ còn cách làm cho chúng tốt đẹp nhất mà thôi.

CHƯƠNG 36 Những thành phố ở Ấn Độ đều rộng lớn và đông đúc không thể nào quên được, nhưng khi rời khỏi chúng, ta du hành qua những vùng quê mênh mông, nơi rất ít khi nhìn thấy một bóng người. Tôi còn nhớ cứ thắc mắc mãi không biết chín trăm năm mươi triệu người Ấn kia đang ẩn nấp ở đâu.

Cũng có thể nói như vậy về căn nhà của anh.

Tôi đến hơi sớm. Tôi vừa đặt chân lên các bậc thềm xi măng của lối vào thì đột nhiên một thiếu niên từ trong nhà chạy ào ra. Cậu mặc bộ đồng phục cầu thủ bóng chày và mang theo các dụng cụ bóng chày, và cậu đang vội lắm. Thấy tôi, cậu đứng sững, rồi quay lại gọi toáng lên vào trong nhà: “Cha ơi, ông nhà vẫn đến rồi.” Với tôi, cậu nói: “Chào bác,” rồi chạy ù đi.

Cha cậu ra cửa. “Xin chào,” anh nói.

“Con trai anh đấy ư?”, tôi hỏi, vẫn không biết có thật hay không.

“Vâng.” Công nhận sự thực ấy khiến môi anh nở một nụ cười. “Xin lỗi, hai bác cháu gặp nhau không được đúng phép. Cháu đang vội đi tập. Tên cháu là Nikhil. Thường gọi là Nick.” Tôi vào đến tiền sảnh. “Tôi không biết anh có con trai,” tôi nói. Có tiếng chó sủa, một con chó lòi lẻo đen khoang nâu chạy bỏ đến tôi, hít người hỏn hển. Nó nhảy dựng lên hai chân trước bấu vào chân tôi. Tôi nói thêm, “lại có cả chó nữa.” “Nó hiền khách lắm, Tata, xuống!” Tata phớt lờ. Tôi nghe tiếng “Chào bác” chỉ có điều không ngắn gọn và mạnh mẽ như tiếng chào của Nick. Nó kéo dài, đầy giọng mũi và ư ử nhẹ nhàng, âm “àoooo...” đến tai tôi như một cái vỗ vai hoặc cái kéo quần nhẹ nhẹ.

Tôi quay lại. Đang dựa vào cái ghế sofa trong phòng khách, ngược nhìn tôi với một vẻ e lệ bối rối, là một cô bé da nâu, rất xinh trong bộ áo màu hồng, rõ ràng đang ở nhà mình. Cô ôm một con mèo màu da cam. Chỉ nhìn thấy hai chân trước dựng đứng và cái đầu thật lùn của con mèo bên dưới hai cánh tay bắt chéo của cô bé. Phần còn lại của nó treo lửng lơ xuống tận sàn nhà. Con mèo có vẻ hoàn toàn thoải mái trong tư thế treo mắc áo như vậy.

“Còn đây là con gái anh?” Tôi hỏi.

“Vâng. Usha. Đây Usha yêu quý của cha, liệu Moccasin như thế có dễ chịu không con?” Usha buông Moccasin xuống. Nó phủ phục xuống sàn một cách thần nhiên.

“Chào Usha,” tôi nói.

Con bé đến bên cha và nhìn trộm tôi từ sau chân anh.

“Con làm gì vậy hả con?” Anh nói. “Sao con lại đi trốn thế?” Con bé không trả lời, chỉ nhìn tôi với một nụ cười mỉm rồi che mặt.

“Cháu mấy tuổi rồi hả Usha?” Tôi hỏi.

Nó không đáp.

Rồi Piscine Molitor Patel, được tất cả mọi người biết đến với cái tên Pi Patel, cúi xuống nhắc đưa con gái của mình lên lòng.

“Con biết trả lời câu hỏi đó rồi mà, đúng không nào? Con lên bốn rồi. Một, hai, ba, bốn.” Khi nói đến mỗi một con số, anh lại lấy ngón tay trở ấn nhẹ lên đầu mũi con bé. Nó thấy điều đó thật buồn cười. Nó khúc khích rồi dụi đầu vào cổ cha.

Đây thực là một câu chuyện có hậu.

Thái Bình Dương

CHƯƠNG 37 Tầu đắm. Nó chìm trong một tiếng động giống như một tiếng ợ kim loại ma quái. Mọi vật sủi bong bóng trên mặt nước, rồi tất cả biến mất. Cái gì cũng đang gào thét: biển, gió, còi lòng tôi. Từ trên xuống cứu nạn, tôi thấy có cái gì trên mặt nước.

Tôi kêu, “Richard Parker, có phải mày đây không? Khó nhìn quá. Ôi giá mà tạnh được mưa! Richard Parker? Richard Parker? Đúng mày rồi!” Tôi có thể nhìn thấy cái đầu. Nó đang vùng vẫy để khỏi chìm.

“Ôi hay quá, đúng là mày rồi, Richard Parker! Con xin đội ơn tất cả các ngài Jesus, Mary, Muhammad và Vishnu! Nào cổ lên, đừng bỏ cuộc. Đến đây với tao. Mày có nghe thấy tiếng còi này hay không? Tuýyyyyt! Tuýyyyyt! Tuýyyyyy! Mày nghe thấy chứ hả? Boi đi, boi! Mày boi khỏe lắm mà. Chưa đến ba mươi mét đâu.” Nó thấy tôi rồi. Trông nó hoảng hốt cực độ. Nó bắt đầu boi về phía tôi. Mặt nước xung quanh nó dạt từ bên này sang bên nọ. Trông nó bé nhỏ và tuyệt vọng.

“Richard Parker, mày có tin được những gì vừa xảy ra với chúng ta không? Hãy nói đây chỉ là cơn ác mộng. Hãy nói đây không phải là sự thực. Hãy nói tao đang nằm trong cái giường tầng ấy trên tàu Tsimtsum, trần trọc bên này bên kia và sắp tỉnh dậy khỏi cơn các mộng này. Hãy nói tao vẫn đang hạnh phúc. Mẹ, vị thiên thần thông sáng bảo hộ dịu dàng của con, mẹ đâu rồi? Còn cha nữa, cha ơi, cha lúc nào cũng lo lắng vì chúng con? Anh nữa, anh Ravi, người hùng chói lọi thiếu thời của em? Xin thần Vishnu phù hộ cho con, xin đấng Allah hãy bảo vệ con, xin đấng Christ hãy cứu rỗi con, con không thể chịu đựng được nữa rồi. Tuýyyyyt! Tuýyyyyt Tuýyyyyt!” Không có thương tích gì trên mình tôi, nhưng chưa bao giờ tôi thấy đau đớn đến cực điểm như thế, một cảm giác bị cắn xé tơi bời cả trong tâm trí và cõi lòng đến mức như thế.

Nó không thoát được mắt. Nó sẽ chết chìm mất. Nó không boi lên được tí nào và các động tác của nó thật yếu ớt. Mũi mồm nó cứ chìm lên chìm xuống. Chỉ có cặp mắt nó luôn gắn chặt vào tôi.

“Richard Parker, mày làm cái gì thế? Mà không muốn sống nữa sao? Boi đi, boi tiếp đi! Tuýyyt! Tuýyyt! Tuýyyt! Đáp chân đi! Đáp! Đáp! Đáp!” Nó khuấy nước và bắt đầu boi.

“Còn cả gia đình lớn của ta thì sao – chim chóc, thú vật và bò sát? Chúng chết đuối hết rồi sao? Tất cả những gì quý giá nhất trên đời đều bị huỷ diệt cả rồi. Và ta không được phép có một lời giải thích nào ư? Ta phải chịu hỏa ngục mà không có lời kết tội nào của thiên đường hay sao? Nếu quả như vậy, thì trí xét đoán còn ích gì, phải không hả Richard Parker? Nó chỉ soi sáng những thực tế nô nê – giúp ta kiếm đồ ăn áo mặc và một nơi trú ẩn thôi sao? Tại sao trí xét đoán không trả lời được những điều lớn lao hơn? Tại sao chúng ta không thể quăng một câu hỏi ra xa hơn nơi chúng ta có thể kéo về được một câu trả lời? Cần gì phải có một cái lưới rộng đến thế nếu như chỉ có vài con cá quanh quần cho ta bắt?” Đầu nó chìm lìm hết rồi. Nó rướn lên, ngược mắt nhìn như thu tóm cả bầu trời vào mình một lần cuối cùng. Có một cái phao buộc dây trên xuống. Tôi túm lấy nó và hươ hươ lên trên không.

“Mày có thấy cái phao này không hả Richard Parker? Có nhìn thấy không? Bắt lấy nó! Um! Ta sẽ ném lại lần nữa. Um!” Nó ở xa quá. Nhưng thấy cái phao bay về phía mình khiến nó hy vọng trở lại. Nó lấy lại sức và bắt đầu quẫy đạp rất mạnh.

“Đúng rồi! Một, hai. Một, hai. Thở được là thở nhẹ. Cẩn thận các ngọn sóng đấy. Tuýyyt! Tuýyyt! Tuýyyt!” Lòng tôi cũng lạnh băng mất rồi. Tôi như ốm nặng vì đau buồn. Nhưng không thể để mình rơi vào một cơn choáng chóng lạnh như vậy. Chỉ được phép choáng trong hành động mà thôi. Có cái gì đó trong tôi không muốn tôi nằm im chịu chết, không được bỏ cuộc, phải chiến đấu đến cùng. Tôi lấy đầu ra cái đó, tôi cũng không biết nữa.

“Thật nực cười, phải không hả Richard Parker? Ta đã rơi vào địa ngục rồi mà sao vẫn còn sợ chết. Mày đã gần rồi đấy! Tuýyyt! Tuýyyt! Tuýyyt! Hoan hô, hoan hô! Được rồi đấy, Richard Parker, được rồi đấy. Bắt lấy này! Um!” Tôi lấy hết sức quăng cái phao. Nó rơi xuống nước ngay trước mặt Richard Parker. Với chút sức lực cuối cùng, nó rướn lên và quặp lấy cái phao.

“Giữ chặt lấy! Ta sẽ kéo mày lên. Đừng bỏ ra. Nhìn ta đây này trong khi ta kéo mày. Ta kéo bằng tay, mày bằng mắt. Tí nữa thôi mày sẽ lên xuống cùng với ta. Gượng đã! Cùng với ta à? Ta với mày sẽ cùng nhau ở một chỗ à? Minh diên rồi hay sao?” Tôi tỉnh ngộ về việc mình đang làm. Tôi giật cái dây một cái.

“Bỏ cái phao ra, Richard Parker! Ta bảo mày. Bỏ cái phao ra! Ta không muốn mày lên đây, hiểu chưa? Đi chỗ khác. Để mặc ta. Biến đi. Chết đuối đi! Chết đuối đi!” Nó đang diên cuồng đập nước bằng cả bốn chân. Tôi với lấy cái chèo. Tôi chọc mạnh vào nó, muốn đẩy nó ra. Tôi trượt và để rơi mất mái chèo.

Tôi vớ lấy cái chèo còn lại. Tôi lắp nó vào móc chèo và dồn sức khua nó xuống nước, muốn chèo cái xuống đi chỗ khác. Tất cả nỗ lực của tôi chỉ đủ làm cho cái xuống quay một chút, một đầu xuống vào gần Richard Parker hơn.

Tôi sẽ phải đánh vào đầu nó! Tôi gơ cái chèo lên cao.

Nó nhanh quá. Nó vươn lên và trèo vào xuống.

“Ôi, lạy chúa tôi.” Ravi có lý. Quả thực tôi đã thành con dê tiếp theo. Tôi đã có con hổ Bengal ba tuổi trưởng thành, ướt đầm, run rẩy, vừa thoát khỏi chết đuối, đang thở hồng hộc và ho sù sụ trên cái xuống cứu nạn cùng với tôi. Richard Parker loạng choạng đứng lên, chân giẫm lên tấm bạt, mắt rực lửa khi gặp luồng mắt của tôi, hai tai cụp sát vào đầu, bao nhiêu vũ khí trút hết ra khỏi vỏ. Cái đầu nó to bằng và cùng màu với cái phao, đầy răng nhọn.

Tôi quay quắt ra đằng sau, bước qua con ngựa vằn rồi nhảy ào xuống biển. CHƯƠNG 38 Tôi không hiểu được. Trong bao nhiêu ngày con tàu đã tuần tự nhi tiến, ngạo nghễ phớt lờ mọi thứ xung quanh nó. Mặt trời chói lọi, mưa rơi, gió thổi, nước dòng, sóng cao, vực sâu - con tàu Tsimtsum đều mặc kệ. Nó chạy với một sự tự tin, chậm chạp và khổng lồ của một châu lục.

Tôi đã mua một tấm bản đồ thế giới cho chuyến đi; tôi treo nó lên một cái bảng nút chai trong cabin của chúng tôi. Sáng sáng, tôi hỏi vị trí của tàu ở cầu chỉ huy và đánh dấu lên tấm bản đồ bằng một cái đinh ghim đầu tròn màu da cam. Chúng tôi đi từ Madras, ngang qua Vịnh Bengal, xuống dọc eo biển Malacca, vòng Singapore rồi ngược lên Manila. Tôi không thấy chán một chút nào trong suốt lộ trình ấy. Chúng tôi rất bận vì phải chăm sóc bầy thú. Đến đêm, lên giường ngủ thì ai nấy đều ê ẩm tận xương. Chúng tôi dừng lại ở Manila hai hôm, vì chuyện thức ăn tươi cho bầy thú, lấy thêm hàng, và như chúng tôi được thông báo, còn để kiểm tra bảo dưỡng máy tàu nữa. Tôi chỉ để ý đến hai việc trước. Thức ăn tươi cho bầy thú có hàng tấn chuối, còn hàng mới là một con đười ươi cái Congo, một phần kết quả của những chạy vạy cho công việc của cha. Một tấn chuối và hai, ba kí lô những con nhện to tướng đen xì. Một con đười ươi cũng giống như một con khi độc, nhỏ hơn, gầy hơn, nhưng trông lưu manh hơn, ít vẻ u buồn hơn. Một con đười ươi rừng mình nhẵn mặt khi nó chạm vào một con nhện đen, cũng như anh và tôi, nhưng khác một cái là ngay sau đó nó sẽ giận dữ nghiền nát con nhện bằng các khớp ngón tay của nó. Tôi thấy chuối và một con đười ươi thú vị hơn nhiều cái cổ máy cơ khí bẩn thỉu dưới lòng tàu. Ravi thì suốt ngày này qua ngày khác ở dưới đó, xem người ta chạy máy. Máy móc có cái gì đó không ổn, anh bảo vậy. Hay là việc bảo dưỡng đã chữa lợn lành thành lợn què? Tôi không biết. Chắc cũng chẳng ai biết. Câu trả lời là một bí ẩn đang nằm dưới hàng nghìn thước nước.

Chúng tôi rời Manila và tiến vào Thái Bình Dương. Đến ngày thứ tư, mới nửa đường đến Midway, thì tàu đắm. Con tàu biến mất tằm vào cái lỗ đinh ghim của tôi trên bản đồ. Một trái núi sụp đổ trước mắt tôi và mất dạng dưới chân tôi. Khắp xung quanh tôi là bãi nôn mửa của con tàu chết vì rối loạn tiêu hóa. Tôi nôn mửa. Tôi choáng. Tôi thấy trống rỗng lớn lao ở trong mình, rồi cái trống rỗng ấy lại bị sự im lặng lấp đầy. Trong nhiều ngày sau đó, một nỗi đau đớn và sợ hãi luôn đè chặt lên ngực tôi.

Hình như đã có một tiếng nổ. Nhưng tôi không chắc. Lúc đó tôi đang ngủ. Và đã bật dậy. Con tàu không phải là một tàu khách hạng sang. Nó là một tàu chở hàng hạng nặng thiết kế không phải để phục vụ khách có tiền và đòi hỏi tiện nghi. Lúc nào và chỗ nào trên tàu cũng âm ỉ các loại tiếng động. Cũng chính vì mức độ ồn ào và ồn định ấy mà chúng tôi ngủ ngon như hài nhi. Đây là một dạng im lặng không có gì phá vỡ được, kể cả tiếng ngáy của Ravi hay những lời mê ngủ của tôi. Cho nên tiếng nổ ấy, nếu có, cũng không phải là một tiếng động mới mẻ gì. Nó chỉ là một tiếng động bất thường. Tôi giật mình tỉnh dậy, như thể Ravi vừa bóp nổ một quả bóng hơi ngay tai tôi. Tôi nhìn đồng hồ. Mới quá bốn rưỡi sáng một tí. Tôi cúi xuống giường bên dưới. Ravi vẫn ngủ.

Tôi mặc quần áo và trèo xuống. Thường thì tôi ngủ rất say. Thường thì tôi sẽ nằm lại và ngủ tiếp. Không biết tại sao đêm đó tôi lại thức dậy như thế. Chính ra Ravi mới là người sẽ làm như vậy. Anh thích từ vầy gọi. Trong trường hợp ấy, Ravi sẽ bảo Phiêu lưu đang vầy gọi, và sẽ chạy ra thám thính khắp các nơi trên tàu. Mức độ tiếng ồn lại trở lại như thường, nhưng hình như có khác về chất, có lẽ hơi nghèn nghẹt khác trước.

Tôi lay Ravi. Tôi gọi, Ravi ! Có tiếng gì lạ lắm. Mình ra xem sao đi. Anh ngái ngủ nhìn tôi. Anh lắc đầu và trở mình, kéo chăn lên tận má. Ôi, Ravi !

Tôi mở cửa cabin.

Tôi còn nhớ mình đi dọc hành lang, nơi cảnh vật lúc nào cũng thế cả ngày lẫn đêm. Nhưng tôi cảm thấy đêm tối ở trong mình lúc đó. Tôi dừng lại trước cabin của cha mẹ và đã định gõ cửa. Tôi nhớ mình có nhìn đồng hồ và quyết định thôi không gõ cửa nữa. Cha thích giấc ngủ của cha lắm. Tôi quyết định sẽ lên

boong đón bình minh. Có thể tôi sẽ thấy một ngôi sao đổi ngôi. Tôi đã nghĩ đến điều đó, đến các ngôi sao đổi ngôi, khi trèo lên thang. Cabin của chúng tôi ở cách boong hai tầng. Tôi quên hẳn cái tiếng động lạ kia rồi.

Chỉ khi đẩy mở cánh cửa nặng dần lên boong, tôi mới nhận thấy thời tiết lúc ấy ra sao. Đã gọi được là bão chưa nhỉ? Đúng là đang mưa, nhưng không đến nỗi to lắm. Rõ ràng chưa phải là mưa giạt như trong những trận bão gió mùa. Có gió. Những cơn gió giạt cũng đủ mạnh để lật ô. Nhưng tôi vẫn đi trong gió ấy không mấy khó khăn. Còn biển, trông dữ dội thật, nhưng với một kẻ sống trong đất liền thì biển cả bao giờ chẳng ghê gớm, hùng vĩ và đầy nguy hiểm. Những cơn sóng trào lên, và bọt trắng bị gió thổi quật tơi bời vào thành tàu. Nhưng tôi đã từng thấy cảnh đấy và có con tàu nào đắm. Một con tàu hàng là một cấu trúc bền vững khổng lồ, một chiến công của kỹ thuật. Nó được thiết kế để nổi trên mặt nước trong những điều kiện tồi tệ nhất. Thời tiết kiểu này chắc sẽ không thể làm đắm tàu được, có phải vậy không nhỉ? Là thật, chỉ cần đóng cánh cửa và sẽ không thấy gió bão gì nữa. Tôi tiến hẳn lên boong. Tôi bấu chắc lấy lan can và ngửa mặt đón bão. Thích thật, đây mới là phiêu lưu mạo hiểm.

Hỡi Canada, ta đã đến đây! Tôi gào lên, ướt sũng và lạnh cóng. Tôi thấy mình thật can đảm. Vẫn còn tối, nhưng cũng đủ đủ sáng để nhìn thấy xung quanh. Sáng để thấy hết cảnh thiên nhiên gào thét. Một sân khấu khổng lồ, với ánh sáng thật kịch tính, với vô vàn những phụ kiện, và một ngân sách không hạn chế cho những hiệu quả đặc biệt. Trước mắt tôi là một khung cảnh hoành tráng của gió và nước, một trận động đất của các giác quan mà ngay cả Hollywood cũng không thể bày đặt ra được. Nhưng trận động đất ấy ngưng lại ngay dưới chân tôi. Tôi đang đứng trên một nền tảng vững chãi. Tôi như một khán giả ngồi yên ổn trong ghế của mình.

Chỉ đến khi nhìn lên chỗ cái xuồng cứu nạn trên cầu tàu, tôi mới bắt đầu thấy lo lắng. Cái xuồng không nằm ngay ngắn trong vị trí treo lơ lửng của nó. Nó nghiêng hẳn vào phía trong của hai vòng giá treo. Các khớp ngón tay tôi trắng bệch. Hóa ra, tôi phải bấu chặt lấy lan can như vậy không phải vì gió bão, mà là nếu không thì tôi đã ngã về phía trong con tàu, lúc đó đang nghiêng dần sang phía sườn bên trái. Chưa nghiêng nhiều lắm, nhưng đủ để tôi kinh ngạc. Khi tôi nhìn sang phía bên kia, cảnh vật không còn bình thường nữa. Tôi nhìn thấy cả sườn tàu đen sì.

Tôi run bắn lạnh hết cả người. Tôi nhất định nghĩ rằng chỉ vì cơn bão mà thôi. Đã đến lúc về cabin. Tôi bỏ tay, bước vội về phía vách, rướn người mở cửa.

Bên trong tàu có nhiều tiếng động. Những tiếng rền rĩ trầm đặc của cấu trúc. Tôi vấp ngã. Không sao. Tôi vùng dậy. Vịn vào tay cầu thang, tôi chạy xuống từng bốn bậc một. Mới xuống đến tầng thứ nhất ở dưới tôi đã thấy nước. Nước tràn lan. Ngập hết lối đi. Nước dâng lên ào ạt từ bên dưới như một đám đông nổi loạn, giận dữ, ngẫu bọt và sôi sục. Tôi không thể tin vào mắt mình. Tại sao lại có nước ở đây? Nó ở đâu ra? Tôi đứng đống đánh tại chỗ, hốt hoảng, hoang mang, không biết phải làm gì tiếp. Cả gia đình tôi đang ở dưới kia.

Tôi chạy trở lên boong. Thời tiết không còn làm trò mua vui như trước nữa. Tôi sợ hãi lắm. Bây giờ thì rõ ràng quá rồi: con tàu đang lật nghiêng một cách trầm trọng. Mà không phải chỉ về một phía. Nó đang nghiêng cả từ phía mũi xuống phía đuôi tàu. Nhìn sang phía bên kia boong, tôi thấy nước biển có vẻ cách mình chưa đến hai mươi mét. Tàu đang chìm. Tôi không thể chấp nhận ý nghĩ đó. Nó khó tin như chuyện mặt trăng bốc cháy vậy.

Sỹ quan và thủy thủ đâu cả rồi? Họ đang làm gì vậy? Về phía mũi tàu, tôi thấy lơ mơ có mấy bóng người đang chạy. Hình như tôi thấy cả mấy con thú nhưng tôi gạt những hình ảnh ấy đi, coi chúng chỉ là ảo ảnh do mưa và bóng tối gây ra. Chúng tôi có mở then các cửa khoang thú vật khi thời tiết tốt, nhưng chúng luôn luôn được nhốt kín trong cách chuồng riêng. Chúng tôi đang chờ các con thú hoang nguy hiểm chứ đâu phải gia súc. Phía trên cầu tàu, tôi nghĩ tôi nghe thấy có tiếng người đang hò hét.

Con tàu lắc mạnh một cái rồi đến cái tiếng động ấy, cái tiếng ọ kim loại ma quái. Cái gì vậy? Có phải là một tiếng thét tập thể của người và thú phản kháng cái chết đang đến với họ? Hay là tiếng thờ đốc của chính con tàu khi trút bỏ linh hồn? Tôi ngã lộn nhào. Tôi vùng đứng dậy. Tôi lại nhìn ngang boong tàu và thấy biển dâng lên. Sóng gần lắm rồi. Chúng tôi đang chìm rất nhanh.

Tôi nghe thấy rõ ràng tiếng khiêu thét. Có cái gì đang làm rung cả sàn tàu. Một con bò tót Ấn Độ chạy đâm bốp từ trong mưa về phía tôi, ầm ầm chạy qua tôi, hoảng sợ đến phát rồ. Tôi chỉ biết chết lặng nhìn nó. Lạy Chúa tôi, không biết ai lại thả nó ra như thế?

Tôi chạy ra cầu thang dẫn lên cầu tàu. Trên đó sẽ có các sỹ quan, những người nói được tiếng Anh duy nhất trên tàu, trong tay họ là vận mệnh của chúng tôi, họ sẽ chinh đồn được tình hình. Họ sẽ giải thích mọi chuyện. Họ sẽ bảo vệ được gia đình tôi và tôi. Tôi trèo lên cầu tàu giữa. Không thấy có ai bên này,

tôi chạy sang phía bên kia, thấy có hai người trong thủy thủ đoàn. Tôi ngã. Tôi vùng dậy. Họ đang nhìn cả ra biển. Tôi hét lên. Họ quay lại. Họ nhìn tôi rồi nhìn nhau. Họ nói cái gì đó. Họ chạy ù về phía tôi. Tôi lập tức thấy yên tâm. Tôi nói: Ông Chúa, tôi đã tìm thấy các anh. Có chuyện gì vậy? Tôi sợ lắm. Dưới đáy tàu toàn là nước. Tôi lo cho gia đình tôi quá. Tôi không thể xuống dưới tầng có cabin của chúng tôi. Bình thường có chuyện này không? Các anh nghĩ... Một người trong bọn họ ngắt lời tôi bằng cách ấn vào tay tôi một cái áo phao cấp cứu và quát cái gì đó bằng tiếng Trung Quốc. Tôi để ý thấy một cái còi màu da cam lung lẳng ở cái túi phao. Họ đều gật đầu lia lịa về phía tôi. Khi họ túm lấy tôi và nhấc bổng tôi lên, tôi chẳng phát ý gì hết. Tôi nghĩ họ đang giúp tôi. Tôi thấy tin họ đến mức còn cảm thấy biết ơn họ khi họ nhấc bổng tôi lên như vậy. Chỉ khi họ ném tôi xuống biển, tôi mới bắt đầu thấy nghi ngờ.

CHƯƠNG 39 Tôi rơi xuống, nảy bật trên tấm vải bạt căng che bọc một cái xuống cứu nạn, mới được tháo ra một nửa, hàng chục mét bên dưới cầu tàu. Rất lạ là tôi không đau đớn gì. Cái áo phao rơi đầu mất, trong tay tôi còn lại cái còi. Cái xuống đã được hạ xuống nửa chừng, vẫn còn đang lơ lửng. Nó nghiêng khỏi hai cái đà treo, đung đưa trong gió bão, cách mặt biển chừng sáu thước. Tôi nhìn lên. Hai người trong bọn họ đang nhìn xuống tôi, lấy tay chỉ cuống quýt vào cái xuống và hò hét loạn xạ. Tôi không hiểu họ muốn tôi làm gì. Tôi tưởng họ sắp nhảy xuống cùng với tôi. Nhưng họ quay đi, trông rất hoảng sợ, rồi một con vật bất thần nhảy vọt ra không trung với dáng điệu duyên dáng của một con ngựa đua. Con ngựa vằn không rơi trúng tấm vải bạt. Nó là một con đực giống Grant, nặng trên hai tạ rưỡi. Nó rơi âm xuống cái ghế dài cuối xuống, làm vỡ tan cái ghế và khiến cả cái xuống run lên bần bật. Con vật kêu lên. Nghe ra phải là một tiếng hí rên rĩ như một con la hoặc con ngựa. Nhưng hoàn toàn không phải. Chỉ có thể gọi đó là một tiếng sủa the thé đau đớn vô cùng; khônga-ha-ha, khônga-ha-ha, khônga-ha-ha... Cặp môi nó vén hết lên, run bần bật, để lộ những cái răng vàng và hàng lợi màu hồng sẫm. Cái xuống và chúng tôi cùng rơi xuống mặt nước đang sủi sùng sục.

CHƯƠNG 40 Richard Parker không nhảy xuống nước theo tôi. Cái chèo tôi định dùng để đánh nó nổi bập bênh. Tôi vớ lấy nó khi bơi về cái phao mà con hổ vừa bỏ ra. Dưới nước thật khủng khiếp. Tôi có cảm tưởng như đang ở dưới đáy một cái giếng đang sụt lờ. Nước sôi lên giận dữ, đen ngòm, lạnh buốt. Các con sóng liên tiếp nhào xuống tôi. Chọc vào mắt tôi. Dìm tôi xuống. Khiến tôi ngạt thở. Nếu không có cái phao, chắc chắn tôi đã không thể sống lấy một phút.

Tôi thấy một hình tam giác rẽ nước đi cách tôi khoảng 5 thước. Vây cá mập. Một nỗi sợ hãi rần rật chạy lên chạy xuống dọc sống lưng tôi như một dòng nước lạnh toát. Tôi hết sức bơi thật nhanh về một đầu xuống, phía vẫn còn có tấm bạt che phủ. Tôi chống tay ngẩng lên xuống. Không nhìn thấy Richard Parker đâu cả. Không ở trên tấm bạt, cũng không trên cái ghế dài nào. Nó đang ở dưới đáy xuống. Tôi rướn lên tí nữa. Tôi chỉ thoáng thấy ở đầu xuống đằng kia cái đầu con ngựa vằn vật vờ tứ phía. Tôi để người ngã xuống nước trở lại. Ngay trước mắt tôi, một cái vây cá mập lẳng lặng lướt qua.

Tấm bạt màu da cam sáng được buộc bằng dây nilông chắc luôn qua các lỗ khuyết kim loại tán dọc mép bạt và những cái móc tròn bên mạn xuống. Tình cờ, tôi đang bơi ở phía mũi xuống. Đoạn bạt phủ trên phần mũi - một cái mũi rất ngắn, nếu ở trên mặt người thì là một cái mũi tẹt - không được buộc chắc như ở các đoạn xung quanh xuống. Đoạn dây luôn từ cái móc bên này sang cái móc bên kia của mũi xuống không được chặt lắm, khiến cho tấm bạt được phồng ra một chút. Tôi lấy cán mái chèo chọc vào cái khe hở chỗ bạt lỏng ấy và hết sức đẩy nó vào thật sâu, đến hết cỡ mới thôi. Cái mũi xuống thế là mọc ra thêm được một đoạn, cho dù hơi vẹo vọ một chút. Tôi đu lên cái chèo, hai chân quặp lấy nó. Cán chèo thúc lên tấm bạt, nhưng cả bạt, dây chằng và cái chèo đều nguyên vị. Tôi không phải ngấm mình dưới nước nữa, mặc dù vẫn lửng lơ lắc lư cách mặt nước chỉ hơn một thước. Những ngọn sóng lớn vẫn quất vào người tôi.

Chỉ còn mình tôi, còi cút, giữa Thái Bình Dương, bám lửng lơ vào một mái chèo, hồ dử trước mặt, cá mập dưới lưng, xung quanh là bão tố. Nếu tôi nhìn nhận tình trạng ấy của mình bằng lí trí tỉnh táo, chắc hẳn tôi đã bỏ cuộc và buông khỏi mái chèo đó với hy vọng sẽ được chết chìm trước khi bị ăn thịt. Nhưng tôi không thể nhớ mình có chút ý nghĩ gì trong vài phút đầu tương đối an toàn đó. Tôi còn không thể thấy là trời đang rạng sáng. Tôi chỉ biết bám chặt lấy mái chèo, chỉ vậy thôi, chỉ có Thượng đế mới biết tại sao. Một lúc sau, tôi bắt đầu tận dụng được cái phao. Tôi nhấc nó lên khỏi mặt nước và luôn nó vào cái chèo. Tôi dịch nó xuống dần cho đến khi vòng phao quặp lấy cái chèo thôi. Nếu Richard Parker xuất hiện, nhảy ra khỏi mái chèo trong tư thế đó sẽ khó khăn hơn, nhưng hãy cứ lo từng thứ một, Thái Bình Dương trước, hồ dử sau.

Trời đất đã để tôi sống. Cái xuống không chìm. Richard Parker không thấy đâu. Bầy cá mập lượn lơ nhưng không tấn công. Sóng đánh vào tôi tôi bời nhưng không cuốn tôi đi.

Tôi nhìn mãi con tàu lúc nó chìm xuống khỏi nước sủi sùng sục. Những ánh đèn nhấp nháy rồi tắt ngấm. Tôi cố tìm gia đình tôi, những ai còn sống sót, một cái xuống cứu nạn khác, bất cứ gì có thể làm tôi hy vọng. Nhưng không có gì cả. Chỉ có mưa, những cơn sóng dữ dội của đại dương đen ngòm và dư vị thảm họa.

Bóng tối đã tan đi trên bầu trời. Mưa đã tạnh.

Tôi không thể ở trong tư thế của mình mãi. Tôi rét. Cổ tôi đau như vì phải giữ cái đầu và phải ngẩng lên ngẩng xuống mãi cho đến lúc đó. Lưng cũng đau vì dựa mãi vào cái phao. Và tôi cần phải ở cao hơn nữa mới có thể quan sát xem có cái xuống cứu nạn nào nữa không.

Tôi dịch xuống dọc cái chèo cho đến lúc hai bàn chân đặc lên được mũi xuống. Phải rất thận trọng. Tôi đoán Richard Parker đang nằm dưới tấm bạt, quay lưng về phía tôi, quay mặt ra chỗ con ngựa vằn mà chắc chắn là nó đã thịt mất rồi. Trong năm giác quan, hồ dùng nhiều đến mắt nhất. Nhãn lực của chúng mạnh, nhất là phát hiện các chuyển động. Tai chúng cũng thính. Mũi chúng thì thường. Tất nhiên tôi muốn nói là nếu so với các loài vật khác. Bên cạnh Richard Parker thì tôi là thằng điếc, mù và tịt mũi đặc. Nhưng lúc ấy nó không thể nhìn thấy tôi, và tôi ướt sũng như vậy thì nó cũng có thể không ngửi thấy, còn với tiếng gió gào biển thét khi đó, nếu tôi cẩn thận thì chắc nó không thể nghe thấy tôi. Một khi nó còn chưa biết đến tôi thì còn có cơ hội sống. Nếu biết, nó sẽ giết tôi lập tức. Tôi băn khoăn không biết nó có thể vọt lên qua tấm bạt không.

Sợ hãi và lí trí tranh nhau trả lời. Sự hãi bảo được chứ, nó là một con thú ăn thịt hung dữ và mạnh mẽ, nặng tới hơn hai tạ. Móng nào của nó cũng sắc như dao. Lí trí lại nói không được đâu, tấm bạt rất chắc, không phải là vách giấy Nhật Bản. Tôi đã từ từ trên cao rơi xuống nó. Richard Parker có thể dùng móng cào xé tấm bạt dễ dàng và nhanh chóng, nhưng không thể nhảy chui qua tấm bạt đến bóp một cái như thằng hề trong hộp đồ chơi. Và nó còn chưa thấy tôi. Chưa thấy tôi thì nó chẳng có lí do gì phải cào xé tấm bạt để chui qua cả.

Tôi trườn dọc cái chèo. Tôi để cả hai chân sang một phía và đặt chân lên mạn xuống, cái mép trên của sườn xuống, hay gọi là cái gọng trên cũng được. Tôi dịch thêm chút nữa cho đến khi hai chân ở trong xuống. Tôi không rời mắt khỏi cái mép bên kia của tấm bạt. Bất kì giây phút nào Richard Parker cũng có thể trỗi dậy nhào đến tôi. Người tôi phát ra nhưng cơn sợ run bần bật rất nhiều lần. Đúng cái chỗ cần phải im nhất là đôi chân thì tôi lại là chỗ tôi bị run mạnh nhất. Hai chân tôi run đùng đùng như gõ trống trên tấm bạt, đến gõ cửa gọi Richard Parker thì cũng chỉ thế là cùng. Cơn run lan từ chân lên tay và tôi chẳng thể nào cản nổi chúng. Rồi từng cơn run sợ cũng qua đi.

Khi người tôi đã phần lớn vào trong xuống, tôi gượng đứng dậy. Tôi nhìn sang qua tấm bạt, và ngạc nhiên thấy con ngựa vằn vẫn còn sống. Nó nằm gần đuôi xuống, chỗ nó đã rơi xuống, bất động, nhưng bụng vẫn phập phồng thở dốc và mắt vẫn đảo điên đầy hoảng hốt. Nó nằm nghiêng, quay mặt về phía tôi, đầu và cổ nghẹo trên cái ghế băng bên mạn xuống một cách vụng về. Một chân sau nó đã gãy thảm hại. Cái góc gập hoàn toàn không tự nhiên. Xương lòi khỏi da và có máu chảy. Chỉ hai chân trước thanh mảnh là có vẻ vẫn còn trong tư thế tự nhiên. Chúng gập lại và thu gọn xuống bên dưới phần thân thể đã vụn vẹo. Thỉnh thoảng, con ngựa vằn lại ngúc ngắc đầu, kêu nắc lên và thở phì phò. Còn thì nó nằm bất động. Một con vật đáng yêu. Những cái vằn của nó ánh lên, sáng trắng và đen tuyền. Đang cơn khắc khoải chết người, tôi không để ý nhiều, nhưng vẫn kinh ngạc nhận thấy, dù chỉ thoáng qua, cái kiểu dáng thật lạ, thật sạch và thật đẹp, cũng như cái đầu thanh tú của nó. Cái hệ trong lớn hơn đối với tôi là điều hiển nhiên lạ lùng rằng Richard Parker đã không giết nó. Các loài thú ăn thịt chỉ biết: chúng phải giết con mồi. Trong hoàn cảnh lúc ấy, Richard Parker, căng thẳng và sợ hãi đến thế, chắc chắn sẽ càn hung dữ hơn nhiều. Nhỡ ra con ngựa vằn phải bị ăn thịt rồi mới phải.

Nguyên nhân của việc tha chết đó chỉ một lúc sau hiển hiện ra trước mặt tôi. Nó làm máu tôi đông lại, rồi cũng làm cho tôi có một chút yên tâm. Một cái đầu xuất hiện ở cuối tấm bạt. Nó nhìn thẳng vào tôi một cách sợ hãi, thụt xuống, ngẩng lên, lại thụt xuống, lại ngẩng lên, rồi biến hẳn. Một cái đầu hói hao hao giống gấu của một con linh cẩu lông chám. Vượn thú của chúng tôi có một bộ lạc linh cẩu gồm 6 con, hai con cái chỉ huy và 4 con đực lâu la. Chúng đang trên đường đến Minnesota. Con này là một con đực. Tôi nhận ra nó vì cái tai bên phải, bị rách bươm và vết sẹo lõm chồm vẫn làm chúng cho những vụ bạo hành

ngày trước của nó. Bây giờ thì tôi hiểu tại sao Richard Parker đã không giết con ngựa vằn: nó không còn ở trên xuồng nữa. Không thể có một con linh cầu và một con hổ trong cùng một nơi chật hẹp như vậy. Chắc hẳn nó đã lặn từ tấm bạt xuống dưới biển và chết đuối rồi.

Thế còn tại sao lại có con linh cầu này ở trên xuồng? Tôi không tin linh cầu có thể bơi ngoài biển khơi. Chỉ có thể kết luận rằng nó đã ở trên xuồng từ trước, trốn lên tấm bạt, và tôi đã không thấy nó lúc rơi xuống xuồng. Tôi nhận ra một điều nữa: con linh cầu là lí do những thủy thủ kia đã ném tôi xuống xuồng. Không phải họ định cứu tôi. May ra đó chỉ là ý định cuối cùng của họ. Họ muốn dùng tôi làm vật thí mạng. Họ hy vọng con linh cầu sẽ tấn công tôi và may ra tôi sẽ trừ khử được nó và làm cho cái xuồng được an toàn để họ xuống, tôi có chết cũng chẳng sao. Bây giờ thì tôi hiểu họ đã chỉ tay lia lịa vào cái gì dưới xuồng trước khi con ngựa vằn xuất hiện.

Tôi không bao giờ nghĩ rằng việc mình bị nhốt cùng với một con linh cầu ở một nơi chật hẹp như thế lại là một tin lành, nhưng biết làm sao được. Mà thực ra tôi có những hai cái tin lành: nếu không có con linh cầu thì đám thủy thủ đã chẳng ném tôi xuống xuồng và nhất định tôi đã chết chìm theo con tàu; còn việc phải chung cư với một con thú thì thà là với con chó dữ còn hơn là con hổ hung bạo và nhanh như cắt kia. Để cho an toàn, tôi dịch trở lại lên cái chèo. Dạng chân sang hai bên, tôi ngồi lên mép cái phao, bàn chân trái đặt trên mõm mũi xuồng, chân phải trên mép xuồng. Cũng đủ để chịu và cho phép tôi quay mặt vào xuồng.

Tôi nhìn quanh. Chẳng có gì ngoài biển và trời. Giống hệt như khi ta ở trên một đỉnh cao nào đó. Mặt biển thấp thoáng nhai lại các nét đặc trưng của đất liền - những ngọn đồi, những thung lũng, những cánh đồng. Những biên động địa chất được tăng tốc. Vòng quanh thế giới trong 80 ngọn sóng. Nhưng tôi chẳng tìm thấy gia đình tôi ở nơi nào trong cái thế giới ấy. Có những vật nổi bập bênh trên mặt nước nhưng chẳng có cái nào mang lại chút hy vọng. Tôi không thể tìm thấy một xuồng cứu nạn nào khác.

Thời tiết thay đổi nhanh chóng. Mặt biển, mênh mông là thế, đến mức ngạt cả thở, đang dần dần trở lại ổn định trong một chuyển động đều đặn và mượt mà, với những con sóng đuổi theo nhau. Gió đang dịu lại thành một làn mơn man đầy âm hưởng. Những đám mây trắng lúp xúp tỏa sáng đang bắt đầu sáng lên trên nền xanh nhạt tinh tế của vòm trời vô biên sâu thẳm. Đó là bình minh của một ngày đẹp trời trên Thái Bình Dương. Chiếc áo trên người tôi đã bắt đầu khô. Đêm tối biến đi nhanh chóng chẳng kém gì con tàu. Tôi bắt đầu chờ đợi. Tâm trí tôi đảo điên. Hết tập trung vào những chi tiết thực tế của việc sống còn trước mắt rồi lại ngây dại trong đau đớn, khóc chẳng ra lời, miệng há, hai tay ôm đầu.

Nó tới, bập bênh trên một hòn đảo chuối và trong một vầng hào quang, đẹp không khác gì Mary Đồng Trinh. Mặt trời đang mọc lên sau lưng nó. Lông tóc nó như bốc lửa trông thật sững mắ.

Tôi kêu lên: Ôi chào! Hỡi Mẹ vĩ đại đầy ân điển, hỡi nữ thần sinh thực của vùng Pondicherry, người mang lại sữa và tình yêu, vòng tay an ủi tuyệt vời, nỗi khủng khiếp của chấy rận, người ẵm bế những kẻ khóc lóc, chẳng nhẽ người cũng phải chứng kiến tấn thảm kịch này ư? Dịu dàng phải gặp khủng khiếp là không phải lẽ rồi. Sao người không chết ngay có hơn chẳng? Gặp người thế này thật vui mừng và cay đắng biết bao. Người đem lại phần đau đớn và vui mừng ngang nhau. Vui mừng vì có người bên ta, nhưng đau đớn vì sẽ chẳng được mấy chốc. Người biết gì về biển cả? Không biết gì hết. Ta biết gì về biển cả? Cũng không biết gì hết. Không có tài xế, chiếc xe buýt này sẽ lạc mất thôi. Chúng ta thế là hết đời rồi. Hãy lên xuống nếu số phận người vẫn còn mờ mịt - ta hãy cứ biết bến này đã. Ta có thể ngồi bên nhau. Người có thể lấy chỗ cạnh cửa sổ, nếu người thích. Nhưng quang cảnh sẽ buồn đấy. Ôi chào, lắm cảm thế đủ rồi. Để ta nói thẳng ra nhé: ta yêu người, ta yêu người, ta yêu người. Ta yêu người, ta yêu người, ta yêu người. Nhưng mà không được có bọn nhện đâu nhé. Đó là con Nước Cam - gọi nó thế vì nó hay rớt rãi lòng thông - con khi độc cái vùng Borneo quý giá, minh tinh của vườn thú và mẹ của hai thằng con xinh xắn, xung quanh là cả một đám nhện đen lốm ngổm bò như một đám tín đồ hắc ám. Những quả chuối mà con khi độc ngồi lên trên được ràng với nhau bởi cái lưới nylon đựng chúng mà người ta đã cứ thế ròng xuống tàu. Khi con khi bước sang xuống, đám chuối đập dềnh rồi lộn ngửa. Cái lưới tuột ra. Không suy nghĩ gì, chỉ vì thấy nó ngay gần và sắp chìm mất, tôi với tay tóm lấy cái lưới và kéo lên xuống, một việc ngẫu nhiên sau này đã cứu sống tôi nhiều lần. Cái lưới sẽ trở thành một trong những sở hữu quý giá nhất của tôi.

Những quả chuối tán ra. Bầy nhện bò như điên, nhưng tình thế của chúng là tuyệt vọng. Hòn đảo chuối tan rã dưới chân chúng. Chúng chết đuối hết cả. Trong giây lát, cái xuống như trôi trên một biển chuối.

Tôi đã nhặt lên cái lưới mà tôi nghĩ là vô tích sự, nhưng lại không nghĩ đến việc nhặt những quả chuối kia. Thật vậy. Không một quả nào. Đó là một cuộc chia chác chuối theo nghĩa sai lầm nhất: biên cũng giải tán đám chuối ấy. Sự phí phạm khổng lồ ấy sau này khiến lòng tôi nặng trĩu. Tôi đã phải vật vã sầu muộn vì sự ngu ngốc của mình.

Nước Cam còn đang mù mịt như trong sương. Dáng điệu nó chậm chạp và dò dẫm. Mắt nó phản chiếu nỗi hoang mang tinh thần ghê gớm. Nó đang trong cơn choáng rất mạnh. Nó nằm thẳng đờ trên tấm bạt trong nhiều phút, im lìm, lặng lẽ, rồi rướn người lăn xuống lòng thuyền. Tôi nghe thấy con linh cầu kêu thét lên một tiếng.

CHƯƠNG 43 Dấu vết cuối cùng mà tôi nhìn thấy của con tàu là một vệt dầu loang lấp lánh trên mặt nước.

Tôi tin không phải chỉ có mình tôi. Không thể tưởng tượng được rằng con tàu Tsimtsum bị đắm mà không gây nên một chút quan tâm nào. Ngay lúc bấy giờ tại Tokyo, tại Panama City, Madras, Honolulu, và sao nữa, ngay cả ở Winnipeg, đèn đỏ đang reo, những cặp mắt trợn trừng sợ hãi, những cái miệng hỏn hển thốt lên: Lạy Chúa! Tàu Tsimtsum đắm rồi! , và những bàn tay chộp vội lấy ống nghe điện thoại. Thêm nhiều nữa đèn đỏ nhấp nháy và thêm nhiều nữa chuông báo động reo lên. Phi công đang chạy đến máy bay, vội vã đến mức chưa kịp cả buộc dây giày. Sĩ quan trên các con tàu thủy thủ vịn tay lái đến chóng mặt. Cả những con tàu ngầm cũng lượn vòng dưới nước để tham gia cuộc cứu nạn. Chúng tôi sắp được cứu. Một con tàu sẽ xuất hiện trên đường chân trời. Một khẩu súng sẽ giết con linh cầu và đưa con ngựa vằn thoát khỏi tình trạng khốn khổ của nó. Có thể con Nước Cam cũng sẽ được cứu thoát. Tôi sẽ trèo lên tàu và gặp lại gia đình tôi. Họ đã được người ta vớt lên từ một cái xuống khác. Chỉ cần tôi làm sao sống sót được vài giờ nữa là tàu cứu nạn sẽ đến.

Tôi với xuống nhặt cái lưới, cuộn nó lại rồi ném nó xuống giữa tấm bạt để làm vật cản, cho dù thật còn con. Nước Cam hình như liệt hoàn toàn. Tôi đoán nó vẫn còn choáng. Chỉ có con linh cầu làm tôi lo. Tôi có thể nghe tiếng nó rên rỉ. Tôi bám lấy hy vọng rằng một con ngựa vằn, vốn là mối quen thuộc của nó, và một con khi độc, cũng có thể ăn được dù chưa quen, sẽ làm cho nó không nghĩ nhiều đến tôi.

Tôi để một mắt về phía chân trời, mắt kia về phía đuôi xuống. Ngoài tiếng rên rỉ của con linh cầu, tôi không nghe thấy gì nhiều từ phía mấy con thú, chỉ có vài tiếng móng cào lên một cái gì cứng và thảng hoặc có vài tiếng rên và tiếng kêu tắc nghẹn. Hình như không có đánh nhau gì giữa bọn chúng.

Giữa buổi sáng thì con linh cầu lại xuất hiện. Mấy phút trước đó tiếng rên rỉ của nó đã to hẳn lên thành một tiếng kêu thét thật sự. Nó nhảy qua con ngựa vằn lên đuôi xuống, nơi hai mặt ghế ở hai bên sườn xuống liền với nhau thành một hình tam giác. Đó là một vị trí khá lộ liễu, khoảng cách giữa mặt ghế và mép xuống chỉ độ 30 phân. Con vật lo lắng nhìn ra ngoài xuống. Nước biển mênh mông lên xuống có vẻ khiến nó khiếp đảm, vì nó lập tức thụt đầu nhảy tọt xuống lòng xuống ngay sau con ngựa vằn. Chỗ ấy rất hẹp, ép giữa cái lưng rộng bệ của con ngựa vằn và sườn các thùng phao chạy suốt quanh xuống dưới gầm ghế, cho nên con linh cầu không thể nằm được. Nó vật vờ một lúc rồi lại trèo lên đuôi xuống, nhảy qua con ngựa vằn vào giữa xuống, biến xuống dưới tấm bạt. Những việc đó diễn ra chưa đến mười giây đồng hồ. Con linh cầu đã chỉ cách tôi chưa đầy 5 mét. Phản ứng duy nhất của tôi là cứng người lại vì sợ. Con ngựa vằn thì vội ngẩng đầu lên và sủa ầm ỉ.

Tôi hy vọng con linh cầu sẽ ở lại dưới tấm bạt. Nhưng nào có được. Gần như ngay lập tức, nó lại nhảy qua con ngựa vằn lên cái ghế ở đuôi tàu. Nó đứng quay tròn trên mặt ghế, kêu ư ừ, có vẻ chán chừ cái gì đó. Tôi đang đoán nó sẽ giờ trò gì tiếp theo thì nhoáng một cái, nó chúi đầu chạy vòng quanh con ngựa vằn, biến cái ghế dài đuôi xuống, ghế hai bên mạn và cái chạy ngang xuống ngay sát tấm bạt thành một vòng đua dài khoảng 6 mét. Nó chạy một vòng - hai - ba - bốn - năm - và cứ thế chạy tiếp, không nghỉ, cho đến khi tôi không đếm được nữa. Và trong suốt thời gian ấy, vòng này qua vòng khác, nó kêu liên tục bằng một giọng the thé: yip yip yip yip yip. Một lần nữa, tôi phản ứng rất chậm chạp. Tôi sợ người vì sợ và chỉ có thể ngó trân trân con thú. Nó chạy rất khỏe và đều. Nó chẳng bé nhỏ chút nào, nó đã là một con đực trưởng thành, trông phải nặng đến 70 cân. Chân nó dậm trên mặt ghế làm cả xuống rung động, móng đập canh cách. Mỗi lần nó chạy khỏi phía đuôi xuống là tôi lại căng thẳng. Nhìn con thú chạy về phía mình đủ làm tôi dựng tóc gáy, nghĩ đến cảnh nó cứ thế lao vào mình thì sợ vô cùng. Rõ ràng, Nước Cam, ở đâu thì ở, không thể cản đường nó được. Còn tấm bạt đã quấn lên một chút và cái cuộn lưới tôi đã ném lên đó thì còn là các vật phòng thủ thảm hại hơn. Nếu muốn là con thú có thể vọt lên mũi xuống ngay sát chân tôi. Nhưng có vẻ nó không có ý định ấy. Lần nào chạy đến cái ghế ngang, nó cũng rẽ theo đó và tôi lại thấy cái lưng nó nhấp nhô rất nhanh dọc theo mép tấm bạt. Tuy nhiên, trong tình trạng này, hành động của con linh cầu là không thể lường được và bất kì lúc nào nó cũng có thể bất ngờ tấn công tôi. Sau nhiều vòng chạy, nó đột ngột dừng lại trên mặt ghế đuôi và phủ phục, đưa mắt nhìn chăm chăm xuống dưới gầm tấm bạt. Rồi nó ngược lên nhìn thẳng vào tôi. Vẻ nhìn gần như điển hình của loài linh cầu - trống rỗng và thẳng thắn, rõ ràng là tò mò mà lại không để lộ một tâm trạng gì, hàm dưới trễ, đôi tai to dựng đứng, mắt sáng và đen tuyền - một vẻ cân bằng ứa ra từ từng tế bào trên cơ thể, một nỗi khắc khoải khiến cho con thú bưng bưng lên như đang cơn sốt. Tôi chuẩn bị cho kết cục của mình. Nhưng chẳng có gì cả. Nó lại bắt đầu chạy vòng quanh.

Khi một con thú quyết định làm cái gì, nó có thể làm việc đó rất lâu. Suốt sáng, con linh cầu chạy vòng tròn và kêu yip yip yip yip yip. Thỉnh thoảng nó dừng lại một tí trên cái ghế đuôi xuống, còn thì vòng nào cũng hệt như nhau, không có thay đổi gì trong cách chạy, tốc độ, cao độ và âm lượng của những tiếng yip yip, hướng chạy ngược chiều kim đồng hồ. Tiếng yip yip của nó chói tai và khó chịu vô cùng. Nhìn nó chạy như thế mãi cũng phát chán và mệt mỏi, đến nỗi tôi phải quay đầu sang bên, chỉ hơi để mắt một chút đề phòng mà thôi. Ngay con ngựa vằn, lúc đầu cứ khịt lên ầm ỉ mỗi lần con linh cầu chạy qua đầu, sau cũng nằm im lìm.

Thế mà cứ mỗi lần con linh cầu dừng lại ở cái ghế đuôi xuống, tôi lại thót tim. Cho dù đã cố chỉ để mắt về phía chân trời với hy vọng nhìn thấy một con tàu cứu nạn, tôi vẫn không thể ngừng để ý đến con vật điên khùng kia.

Tôi không có thành kiến với bất kỳ một con thú nào, nhưng rõ ràng con linh cầu lông chাম này đã không được chăm sóc cẩn thận. Trông nó xấu đến mức không thể thương được. Cái cổ to và đôi vai so lại, chạy xuôi xuống thân sau của nó trông như mẫu một con hươu cao cổ mà tạo hóa đã phải bỏ đi, còn bộ lông thì tơi tả như chấp vá từ những phế thải của tạo vật. Màu nó là một hỗn tạp vàng xỉn, đen, vàng chanh, xám, với những cái chấm không có chút gì như vẽ phờ trương quý phái của bộ lông chấm xếp thành hình hoa hồng ở loài báo; chúng giống như triệu chứng của một căn bệnh ngoài da thì đúng hơn, như một chứng ghẻ lở ác tính của động vật. Cái đầu rộng bệ và quá khổ, cái trán cao như trán gấu nhưng lại bị một đường chân tóc thụt lùi làm xấu mã, đôi tai giống tai chuột một cách nực cười, vừa to vừa tròn, mõm lúc nào cũng há thở phì phò. Lỗ mũi quá to. Đuôi thì xơ xác và chẳng ve vẩy lúc nào. Dáng điệu vụng về. Tất cả các bộ phận ấy lắp vào thành ra giống như chó, nhưng là một con chó không ai muốn nuôi làm bạn.

Song tôi vẫn không quên lời cha tôi. Đây không phải là những con thú hèn nhát chuyên ăn thịt chết. Nếu tạp chí National Geographic đã mô tả chúng như vậy thì đó là họ chỉ quay phim chúng vào ban ngày. Còn

khi trăng lên thì ngày mới thực sự bắt đầu đối với linh cầu, và chúng đã chứng tỏ là những con thú săn mồi đáng sợ. Linh cầu tấn công theo bầy, bất kì con thú gì chúng có thể đuổi kịp, và xé xác con mồi ngay khi còn đang chạy. Chúng săn ngựa vằn, sơn dương, trâu nước, không phải chỉ những con già yếu, mà cả những con cường tráng trong bầy. Chúng tấn công dữ dội, luôn vùng dậy lập tức nếu bị con mồi đề hoặc đá ngã, không bao giờ bỏ cuộc vì thoái chí. Và chúng tinh khôn, thích săn những con thú vừa lọt lòng mẹ. Một con sơn dương mới được 10 phút tuổi là món ăn ưa thích nhất của chúng. Nhưng linh cầu cũng ăn cả sư tử và tê giác non. Chúng chu đáo hết sức khi đã bắt được con mồi. Chỉ sau mười phút là cả một con ngựa vằn sẽ chỉ còn lại cái đầu lâu, cũng sẽ lại được lôi về hang để lũ con yên tâm gặm gáp. Không có gì bỏ phí; chúng ăn cả những đám cỏ đã dây máu của con mồi. Bụng linh cầu phình ra rõ rệt khi chúng nuốt chửng những miếng mồi lớn. Nếu may mắn, chúng sẽ ăn nó đến độ lặc lè. Khi đã tiêu hóa, chúng ho ra những cục lông đặc sệt, liếm láp sạch những gì còn sót lại trên đó, rồi lăn người ra trên những cục lông ấy. Linh cầu lờ ăn thịt lẫn nhau khi mải mê cắn xé con mồi là chuyện thường. Khi chen vào ăn một con ngựa vằn chẳng hạn, một con linh cầu có thể ngoạm đứt tai hoặc mũi một bạn bầy của nó, không hề có ý thù hằn gì. Linh cầu không ghê tởm một lần lờ như vậy. Chúng có quá nhiều vui thú, không còn chỗ cho một cảm giác ghê tởm về bất cứ điều gì.

Trong thực tế, tính phóng khoáng trong thị hiếu ăn uống của linh cầu là bất chấp kì vị đến độ gần như bắt buộc người ta phải khâm phục. Một con linh cầu sẽ uống ngay nước mà chính nó vừa đá vào. Nó còn dùng nước đá một cách rất đặc biệt: khi trời khô nóng, nó tự làm mát bằng cách đá xuống đất, lấy chân bới trộn thành một đám bùn rồi lăn mình nằm xuống đó. Linh cầu ăn phân của các loài ăn cỏ với những tiếng chép miệng ngon lành. Vấn đề ở đây là linh cầu sẽ tha không ăn cái gì? Chúng ăn thịt đồng loại (ăn nốt phần còn lại của những con mà chúng đã khai vị bằng các mẩu tai và mũi) khi con kia đã chết và để đó được một ngày. Chúng tấn công cả các loại xe cộ - đèn pha, ống xả, gương chiếu hậu. Bụng dạ tiêu hóa không phải là hạn chế của chúng, mà là vấn đề hăm răng chúng khòe đến đâu mà thôi. Mà răng chúng thì thật đáng sợ.

Đó là con thú đang chạy vòng tròn ngay trước mặt tôi. Một con thú khiến tôi đau mắt và lạnh ruột.

Mọi thứ kết thúc theo kiểu linh cầu điển hình. Nó dừng lại ở đuôi xuống và bắt đầu phát ra những tiếng rên rỉ trầm đặc xen lẫn những con thở dốc nặng nề. Tôi dịch người mãi lên cho đến lúc chỉ còn đầu ngón chân là chạm vào xuống. Con thú sặc sụa và ho khan. Rồi đột nhiên nôn thốc. Một bãi nôn rơi toẹt xuống đằng sau con ngựa vằn. Con linh cầu ngã người xuống bãi nôn của mình. Nó ở đó, run bần bật, rên ư ử, xoay tròn tại chỗ, như khám phá cho hết các ngõ ngách của cơn đau khổ thú vật của mình. Nó không ra khỏi cái chỗ chật hẹp ấy nữa. Thỉnh thoảng, con ngựa vằn lại làm âm lên một lúc vì con linh cầu ở ngay sau nó, còn phần lớn thời gian ngựa vằn chỉ tuyệt vọng nằm im thín thít.

CHƯƠNG 44

Mặt trời leo lên đỉnh ngày rồi lại bắt đầu xuống. Suốt hôm đó tôi vất vèo trên cái chèo, chỉ động cựa đủ để giữ thăng bằng. Toàn bộ con người tôi chăm chú đợi một cái chấm sẽ xuất hiện ở chân trời và đến cứu tôi. Một trạng thái chán chường căng thẳng, ngạt thở. Những giờ phút đầu tiên ấy trong kí ức tôi gắn liền với một tiếng động, không phải như bạn đoán đâu, không phải tiếng yip yip của con linh cầu hoặc tiếng sóng biển gầm thét, mà là tiếng ruồi bay vo ve. Có ruồi trên xuống thật. Chúng chui ra và bay quanh quần theo kiểu ruồi, nghĩa là thành từng quĩ đạo rộng lười nhác, trừ những khi chúng gặp nhau và xoắn xuýt đến chóng mặt theo các đường xoáy tròn ốc với tiếng vù vù phát thành từng cơn. Có những con ruồi dám bay cả về phía tôi. Chúng bay thành vòng xung quanh tôi, nghe như tiếng máy bay một động cơ quay về về, rồi lại ù té bay ra chỗ khác. Không biết chúng vẫn ở sẵn trên xuống hay đã bám theo một con thú nào tới, có thể nhất chỉ là con linh cầu. Dù ở đâu ra, chúng cũng không tồn tại lâu; chỉ hai ngày sau là không thấy con ruồi nào nữa. Con linh cầu ở đằng sau con ngựa vẫn đã đớp và nuốt chừng một số. Những con khác có thể đã bị gió thổi xuống biển. Biết đâu chẳng có một số ít may mắn được chết vì đã hưởng trọn tuổi đời.

Càng gần đến tối tôi càng khắc khoải lo âu. Cái gì liên quan đến đoạn ngày tàn cũng làm tôi sợ hãi. Một con tàu sẽ khó lòng nhìn thấy tôi trong bóng tối. Đêm đến, con linh cầu có thể hoạt bát trở lại và có khi cả con Nước Cam nữa.

Màn đêm buông xuống. Không trăng. Mây che hết sao. Mọi vật đều không phân biệt được rõ ràng nữa. Tất cả đều biến mất, biển cả, chiếc xuống, cả đến thân thể tôi. Biển lặng và hầu như không có gió, nên tôi cũng không thể neo mình vào âm thanh. Dường như tôi đang nổi trôi trong một vòm đen ngòm tĩnh khiết và trừu tượng. Tôi đắm đắm nhìn về nơi mà tôi nghĩ là chân trời, trong khi dòng tai cảm giác dấu hiệu của các con thú. Tôi không thể tưởng tượng đã sống qua được đêm đó.

Có những lần trong đêm, con linh cầu bắt đầu gầm gừ và con ngựa vẫn vừa sửa vừa rên ư ử, rồi tôi nghe có tiếng gõ cạch cạch liên hồi. Tôi lấy bẫy - và chẳng dám giấu nữa - vãi đá dầm dề cả ra quần. Nhưng những tiếng động ấy là ở phía đằng kia của xuống. Tôi không thấy có tí lắc lư nào do chuyển động gây nên. Con thú kinh hoàng kia rõ ràng có vẻ không mon men về phía tôi. Gần hơn trong bóng tối, tôi bắt đầu nghe những tiếng thở hắt, rên rỉ, gầm gừ và tiếng chếp miệng nhoen nhoét. Tôi không dám nghĩ đến chuyện con Nước Cam đang động cựa. Chỉ đành lờ nó đi. Cũng có cả những tiếng động phát ra từ bên dưới tôi, ở dưới nước. Những tiếng đập nước và rẽ nước thoát đến thoát đi. Cuộc đấu tranh sinh tồn diễn ra cả dưới đó nữa.

Từng phút giây chậm chạp, đêm đó rồi cũng qua. Chương 45 Tôi rét. Đó chỉ là một quan sát lạc đề, như thể nó chẳng can hệ gì tới tôi. Ngày rạng. Nó diễn ra nhanh chóng, nhưng vẫn theo từng mức độ không nhận ra được. Một góc trời chuyển màu. Không trung bắt đầu tràn ngập ánh sáng. Biển cả bình thản mở ra xung quanh tôi như một cuốn sách lớn lao. Nhưng vẫn cảm thấy như còn trong đêm. Thế rồi thỉnh thoảng ngày tới.

Cảm giác ám áp chỉ đến khi mặt trời trông như một trái cam có thấp đèn điện, nhô lên khỏi chân trời, nhưng tôi đã không phải chờ đến lúc ấy mới cảm thấy được. Nó đã sống dậy cùng vớ những tia sáng đầu tiên: hy vọng. Khi mọi vật dần hiện ra với đường viền và màu sắc của chúng, niềm hy vọng đã dâng lên cho đến lúc thành một bài ca ấy mới kỳ diệu làm sao! Mọi thứ rồi sẽ đâu vào đấy. Cái tệ hại nhất đã qua rồi. Tôi đã sống được qua đêm. Hôm nay người ta sẽ cứu tôi. Nghĩ như thế, xâu từng chữ ấy vào nhau trong đầu, đã là một nguồn hy vọng. Hy vọng sinh hy vọng. Khi chân trời đã thành một đường thẳng gọn gàng sắc nét, tôi háo hức nhìn dọc theo nó. Ngày trong vất vả và tầm nhìn hoàn hảo. Tôi tưởng tượng Ravi sẽ là người đầu tiên gọi chào tôi với một câu trêu người. “Cái gì thế này?” Anh ấy sẽ nói. “Mày tìm được một cái xuống vĩ đại và chất đầy thú vật lên đó ư? Mày tưởng mày là thánh Noah hay cái gì chứ?” Cha sẽ râu ria không cạo và trông rất chán đời. Mẹ sẽ ngược nhìn trời và kéo tôi vào lòng. Tôi điếm qua hàng chục cảnh khác nhau của những gì có thể sẽ diễn ra khi tôi đã ở trên tàu cứu nạn, các biển tấu của chủ đề đoàn tụ ngọt ngào. Sáng hôm đó, chân trời có thể cong theo một chiều, còn môi tôi thì cương quyết cong theo chiều của một nụ cười.

Nghe thì lạ đấy, nhưng đúng là mãi về sau tôi mới bắt đầu để mắt nhìn xem cái gì đang xảy ra trên xuồng. Con linh cầu đã bắt đầu tấn công con ngựa vằn. Mồm nó đỏ chói và bắt đầu đang nhai một mẩu da ngựa. Mắt tôi tự động tìm kiếm vết thương, chỗ con ngựa bị tấn công. Tôi há hốc mồm vì khủng khiếp. Cái chân gầy của con ngựa vằn không còn nữa. Con linh cầu đã cắn nó rời ra và tha về cuối xuồng, ngay sau con ngựa. Một mảng da lưng lửng dính trên cái mõm cụt vằn còn chảy máu ròng ròng. Nạn nhân chịu nạn một cách kiên nhẫn, không có vật vã bộ tịch gì. Dấu hiệu đau đớn duy nhất của nó là hai hàm răng cứ chậm chạp đều đặn nghiền vào nhau liên tục. Một cảm giác choáng, quẩn quai và căm giận tràn lên trong tôi. Tôi cảm thấy căm thù con linh cầu đến cao độ. Tôi đã nghĩ cách giết nó bằng cách nào đó. Nhưng tôi chẳng làm gì được. Và nỗi căm giận của tôi cũng chẳng được là mấy. Tôi phải trung thực trong chuyện này. Tôi không đủ lòng thương xót con ngựa vằn được lâu. Khi chính cuộc sống của ta bị đe dọa, ý thức thương cảm bị cùn đi bởi một thèm khát sống đầy ích kỷ. Thật buồn là nó phải đau đớn đến thế - một sinh linh gặp tử nạn mà chưa được giải thoát - nhưng tôi đâu có làm được gì. Tôi thấy thương cảm, rồi lại lo việc mình. Tôi không thể tự hào về chuyện đó. Tôi phiền lòng vì mình đã ghê lạnh như vậy. Thực ra tôi nào có quên được con ngựa vằn khốn khổ ấy và những gì nó phải trải qua. Không có lần cầu kinh nào mà tôi không nghĩ đến nó.

Vẫn không thấy có dấu hiệu gì của con Nước Cam. Tôi lại đưa mắt về phía chân trời.

Chiều hôm đó gió có mạnh lên đôi chút và tôi để ý thấy một cái điều: cái xuồng trôi nổi trên mặt nước rất nhẹ nhàng, rõ ràng vì chở nhẹ hơn tải trọng của nó. Còn nhiều chỗ trống trên xuồng, và khoảng cách giữa mặt nước và mép xuồng rất lớn, biển phải dữ dội lắm mới có thể đánh chìm được xuồng, nhưng cũng chính vì nhẹ tải như vậy mà xuồng cứ bị xoay ngang khi có gió, khiến cho mạn xuồng luôn luôn phải hứng các con sóng đập vào. Sóng nhỏ thì như thể có ai nắm tay liên tục đâm vào mạn xuồng, còn sóng lớn thì làm xuồng bập bênh rất mệt khi nó bị lắc liên tục từ mạn này sang mạn kia. Chuyển động lắc liên tục ấy làm tôi say sóng.

Có lẽ tôi sẽ thấy đỡ hơn trong một tư thế khác. Tôi trườn xuồng và dịch chỗ trở lại mũi xuồng. Tôi ngồi quay mặt đón sóng, toàn bộ phần còn lại của xuồng ở phía tay trái tôi. Tôi gần con linh cầu hơn nhưng không thấy nó động cựa gì.

Đang khi hít thở thật sâu và tập trung vào việc ngăn chặn cơn say sóng thì tôi thấy Nước Cam. Tôi đã tưởng nó chọn một chỗ khuất dưới tấm bạt và gần mũi xuồng, càng xa con linh cầu càng tốt. Nhưng không phải thế. Nó ở ngay bên một cái ghế bên sườn xuồng, sát cạnh con đường chạy vòng tròn của con linh cầu và ngay sau chỗ tấm bạt được cuốn lên. Nó chỉ nhấc đầu lên độ hai phân gì đó thôi và ngay lập tức tôi nhìn thấy nó.

Không cưỡng nổi tò mò, tôi muốn nhìn nó rõ ràng hơn. Mặc dù xuồng lắc lư, tôi vẫn cố gượng quỳ được lên. Con linh cầu nhìn tôi, nhưng không nhúc nhích. Nước Cam hiện ra. Nó nằm chúi và bám hất lấy mép xuồng bằng cả hai tay, đầu gục hẳn xuống. Mồm nó há hốc, lưỡi thè lè. Rõ ràng nó đang thờ dốt. Dù đang trong thảm trạng và đang mệt mỏi đến thế, tôi vẫn không nhìn được cười. Tất cả mọi thứ của con Nước Cam lúc bấy giờ chỉ đánh vần lên một chữ: say sóng. Trong đầu tôi vụt hiện lên hình ảnh một loài thú mới: loài đười ươi màu xanh lá cây hiếm hoi và thọa đi biển. Tôi trở lại tư thế ngồi của mình. Con thú đáng thương trông ốm yếu một cách rất người. Nhìn thấy đặc tính của người trong các con thú là một điều đặc biệt buồn cười, nhất là ở các loài khi vượn, là những tấm gương soi rõ rệt nhất của chúng ta trong thế giới động vật. Chính vì thế mà chúng được ưa thích nhất trong các vườn thú. Tôi lại bật cười. Tôi đưa tay lên ngực, ngạc nhiên về những cảm giác của mình. Lạ thật. Trận cười ấy như một núi lửa hạnh phúc phụt lên trong tôi. Con nước cam không những làm tôi vui lên mà còn lấy hết cả cơn say sóng của tôi về nó. Tôi thấy sáng khoái hẳn.

Tôi trở lại quan sát tỉ mỉ phía chân trời, hy vọng chứa chan.

Ngoài việc bị say sóng thảm hại, có một cái khác rất đáng chú ý ở con đười ươi Nước Cam: nó không bị thương tích gì. Và nó vẫn quay lưng ề phía con linh cầu như thể cảm thấy có thể an toàn phớt lờ con này. Cái hệ sinh thái trên chiếc xuồng này quả là lung tung. Trong các điều kiện tự nhiên thì một con linh cầu lông chàm và một con đười ươi không bao giờ có thể gặp nhau, vì linh cầu thì không có ở Borneo mà đười ươi thì không có ở Châu Phi, nên không thể biết chúng sẽ ra sao khi chạm trán nhau. Nhưng với tôi thì dường như không thể có chuyện những con ăn quả ở cây và lũ ăn thịt ở đồng cỏ lại có thể chỉ biết ai ở chỗ người nấy và không thèm để ý gì đến nhau. Chắc chắn con linh cầu sẽ nghĩ thấy một con mồi ở con đười ươi, cho dù lạ miệng, một con mồi đáng nhớ vì các cục lông khổng lồ sẽ phải khạc ra sau đó, dù sao thì cũng ngon miệng hơn một cái ống xả của xe ô tô và đáng để mắt đến khi vào gần rừng cây. Đồng thời con linh cầu chắc cũng cảm thấy có thể bị đười ươi ăn thịt và sẽ rất cảnh giác khi thấy một miếng sầu

riêng bị ném từ trên cây xuống. Nhưng thiên nhiên lúc nào cũng đầy bất ngờ. Chưa chắc đã phải như vậy. Nếu dê có thể sống thân ái với tê giác, tại sao dười ươi và linh cẩu lại không thể? Đó sẽ là một tuyệt phẩm trong vườn thú. Sẽ phải có biên giới thiệu đàng hoàng. Tôi có thể thấy nó rõ ràng: “Công chúng thân mến, đừng lo gì cho những con dười ươi kia! Chúng ở trên cây vì chúng sống ở đó, không phải vì chúng sợ bầy linh cẩu lông chাম nọ. Hãy trở lại vào giờ ăn của chúng, hoặc lúc ác lặn khi chúng khát nước, các vị sẽ thấy chúng trèo từ trên cây xuống và đi lại dưới đất, tuyệt đối không bị linh cẩu quấy nhiễu” Cha tôi sẽ ngạc nhiên phải biết.

Đâu đó vào buổi chiều, tôi thấy một đại biểu đầu tiên của loài vật sau này sẽ thành người bạn trung thành và thân thiết của tôi. Có tiếng va chạm và cọ sát vào vỏ xuống. Rồi vài giây sau, gần ngay xuống đến nỗi tôi có thể cúi xuống và bắt lấy được, thấy xuất hiện một chú rùa biển lớn, loại rùa mỏ điều, đang lười nhác quạt nước, đầu thò hẳn lên khỏi mặt nước. Nó có một vẻ gì đó có thể gọi là xấu tính nhưng lại thật hoành tráng. Một cái mai xù xì màu nâu vàng dài gần một thước với những đám tảo bám lỗ chỗ: bộ mặt màu xanh lá cây sẫm với cái mỏ quặp sắc nhọn, mắt đen xoáy chặt vào tôi. Vẻ nhìn của nó ngạo mạn và soi mói, giống một lão già khó tính đang có điều gì phiền muộn trong lòng. Cái lạ nhất về con bò sát dưới nước chẳng hợp chút nào so với các con cá được thiết kế thon thả và trơn tru. Nhưng rõ ràng nó vẫn hoàn toàn hòa hợp với môi trường và chỉ có tôi mới cộc lếch chẳng ăn nhập được vào đâu. Nó quanh quẩn gần xuống trong nhiều phút đồng hồ.

Tôi bảo con rùa, “Hãy đi và nói với một con tàu rằng tao đang ở đây. Đi đi.” Nó quay đi và lặn mất tăm, cặp chân sau thay nhau đập nước.

Nơi hy vọng có những con tàu xuất hiện thì chỉ thấy những đám mây tụ lại, và ngày càng trôi thì nụ cười càng héo dần trong lòng tôi. Đêm đó là khủng khiếp nhất đời, hay là đêm nay? Nghĩ vậy có nghĩa gì đâu. Tôi đã có quá nhiều đêm khủng khiếp đến nỗi chẳng buồn chọn ra đêm nào là vô địch nữa. Dù sao, trong kí ức tôi, cái đêm thứ hai trên biển cả ấy là một đêm đau khổ ngoại hạng. Khác với nỗi khắc khoải lo âu đến lạnh người của đêm thứ nhất, nỗi đau khổ của đêm đó có vẻ điển hình hơn, một dạng đồ vỡ tinh thần với khóc lóc, buồn nản và tâm khảm đốn đau. Mà nó cũng khác với những đêm đau khổ sau này ở chỗ lúc bấy giờ tôi vẫn còn đủ sức để hiểu hết được chính những cảm xúc của mình. Cái đêm ghê gớm ấy lại còn được mở màn bằng một buổi chiều tà cũng ghê gớm chẳng kém.

Tôi đã để ý thấy sự có mặt của cá mập xung quanh xuống. Mặt trời sắp bắt đầu hạ màn cho ngày hôm đó. Một màn trình diễn rực rỡ các màu da cam và đỏ, một bản giao hưởng đa sắc vĩ đại, một bức tranh siêu nhiên, thực sự là một buổi hoàng hôn Thái Bình Dương hoành tráng, mà đâu có tác dụng gì đối với tôi. Bầy cá mập thuộc loài *Isurus Oxyrinchus*, thường gọi là mập makô – những con cá ăn thịt nhanh như cắt, mũi nhọn, với những cái răng dài chết người thò hẳn ra ngoài miệng. Chúng dài khoảng tám hai thước, có một con còn to hơn thế nữa. Tôi nhìn chúng, lo ngay ngáy. Con to nhất lao nhanh về phía xuống như thể muốn tấn công, vây lưng nhô lên khỏi mặt nước hàng mấy chục phân, nhưng nó lại nhào xuống dưới và lướt qua gầm xuống với một vẻ duyên dáng đáng sợ. Nó quay lại, lần này không đến gần như lần trước, rồi biến mất. Các con khác trong bầy lần lần lâu hơn, đến rồi đi ở những độ sâu khác nhau, có con lộ hẳn ra đến nỗi có thể với tay được, những con khác thì sâu hơn. Có cả loài cá khác, to có nhỏ có, đủ các màu, đủ các hình dáng khác nhau. Tôi đã có thể quan sát chúng kỹ hơn nếu không bị đánh động vì một chuyện khác: con Nước Cam đã nhô đầu lên.

Nó quay người và đưa hai cánh tay đặt lên trên tấm bạt với một động tác hết như tôi và bạn sẽ làm khi khoác tay lên lưng một chiếc ghế bên cạnh mình để được thoải mái hơn. Nhưng rõ ràng đó không phải là mục đích của nó. Với một vẻ mặt buồn thăm thăm và đầy than khóc, nó bắt đầu nhìn quanh, chậm chạp quay đầu bên này bên kia. Lập tức, sự giống nhau giữa người và vượn không còn đáng buồn cười nữa. Nó đã đẻ con trong hai vườn thú, hai con đẻ nay đã lên năm và lên tám và chúng là niềm tự hào của cả nó và chúng tôi. Rõ ràng là nó đang nghĩ đến hai đứa con khi đưa mắt tìm kiếm trên mặt biển, vô hình chung đang làm đúng những gì tôi đã làm trong suốt ba mươi sáu giờ qua. Nó nhìn thấy tôi và chẳng biểu lộ gì. Tôi chỉ là một con thú đã mất tất cả và chỉ còn lờ lợ với tử thần. Tâm trạng tôi suy sụp hẳn.

Thế rồi, với chỉ một tiếng gừ trong cổ họng để báo hiệu, con linh cầu bắt đầu làm loạn. Nó đã không ra khỏi chỗ nằm chật chội của nó suốt cả một ngày. Nó đã đặt hai chân trước lên hông con ngựa vằn, rướn lên và đưa mõm ngoạm lấy một nếp da rách nhăn nheo. Nó giật thật mạnh. Một mảng da toạc ra khỏi bụng con ngựa vằn như giấy gói quà bị người ta bóc ra kêu soàn soạt, chỉ có điều kêu nhẹ hơn, vì là da và khó rách hơn. Máu lập tức phụt ra như suối. Vừa hí, vừa khịt mũi kêu rền rĩ, con ngựa vằn tỉnh lại để tự vệ. Nó rướn người lên trên hai chân trước và vươn cổ định cắn con linh cầu, nhưng không với tới được. Nó lắc cái chân sau còn lại, chỉ có tác dụng làm tôi hiểu ra cái tiếng gõ càn cạch đêm hôm trước chính là tiếng cái móng cái chân này gõ vào mạn xuống. Những cố gắng tự vệ của con ngựa vằn chỉ tổ làm cho con linh cầu gào gào cắn xé điên cuồng hơn. Nó đã gây một vết thương toang hoác ở sườn con này. Khi nó không còn thỏa mãn với những miếng đớp với từ sau lưng, con linh cầu trèo hẳn lên lưng con ngựa vằn. Nó bắt đầu lúi ra từng khúc ruột và các phủ tạng khác. Không có thứ tự gì hết. Nó cắn chỗ này, nuốt chỗ kia, có vẻ ngộp vì bữa tiệc ê hề trước mõm. Sau khi nuốt chừng hết nửa bộ gan, nó bắt đầu kéo co cái dạ dày trắng trắng căng phồng như một trái bóng bơm hơi. Nhưng nặng quá, vả lại hông con ngựa nhô cao hơn bụng nó, rồi máu me nhầy nhụa trơn chân, con linh cầu trượt hẳn vào bên trong thân thể nạn nhân của nó. Nó ngụp hẳn đầu và vai vào đám ruột gan con ngựa vằn, hai chân trước ngấp đến tận gối. Nó rút người ra, rồi lại chúi vào. Cuối cùng thì nó đứng yên trong tư thế nửa trong nửa ngoài như vậy. Con ngựa vằn bị ăn sống từ bên trong. Nó phản kháng một cách gắng gỏi đang lịm dần. Máu bắt đầu ộc ra từ đằng mũi. Một đôi lần nó vươn cổ ngẩng đầu về phía trời xanh, như thể kêu xin thượng giới – một hình ảnh điển đạt hoàn hảo nỗi khủng khiếp của giây phút ấy.

Nước Cam không thờ ơ trước cảnh đó. Nó đứng thẳng hết người lên mặt ghế. Đôi chân nhỏ không tương xứng tí nào với thân hình đồ sộ, nó như một cái tủ lạnh có những cái bánh xe bị vẹo. Nhưng với đôi cánh tay khổng lồ giơ lên không trung, trông nó thật ấn tượng. Sải tay nó lớn hơn cả chiều dài thân thể. Một bàn tay thông trên mặt nước ở mép xuống bên này, bàn kia vươn sang tận mép xuống bên kia. Nó nhe

răng, môi vén lên, những chiếc răng nhọn không lồ, và bắt đầu gầm rú. Một tiếng rú sâu thẳm, mãnh liệt, đầy ắp, đáng kinh ngạc ở một con thú vốn im lìm như hiều cao cổ. Cả con linh cầu và tôi đều giật bắn vì tiếng rú đó. Con linh cầu khựng người lùi một bước. Nhưng không được lâu. Nó trần trần xoáy vào con Nước Cam một lúc, lông trên cổ và vai dựng ngược hết lên, và cái đuôi cũng dựng thẳng đứng lên trời. Nó lại trèo vào trong con ngựa vằn đang hấp hối. Và ở đó, mồm rờn rờn những máu, nó đáp lại con Nước Cam bằng một tiếng rú chói tai. Hai con thú chỉ cách nhau chưa đầy một thước, mồm há hốc đối mặt nhau. Chúng dồn hết sức lực vào tiếng hú của mình, thân thể run lên bần bật. Tôi có thể nhìn thấy cả tận sâu trong cổ họng con linh cầu. Bầu khí quyền Thái Bình Dương, mới một phút trước còn đem lại những âm thanh rì rào thì thầm của biển cả, một giai điệu tự nhiên mà tôi sẽ gọi là êm dịu nếu được nghe trong những hoàn cảnh hạnh phúc hơn, lập tức tràn ngập cái âm thanh ghê gớm kia, giống như tiếng gào rú căm hờn của một trận quyết chiến, với những tràng đạn xé màng nhĩ của súng và đại bác và những loạt bom nổ như sấm sét. Tiếng rú của con linh cầu lấp đầy các thang bậc trên mà tai tôi có thể nghe thấy. Tiếng rú trầm hùng của con Nước Cam lấp kín các thang bậc dưới, và đâu đó ở khoảng giữa là tiếng kêu của con ngựa vằn tuyệt vọng. Tai tôi đầy ắp. Không thể thêm gì vào đó. Không có một tiếng động nào có thể chen vào và được ghi nhận nữa.

Tôi bắt đầu run bắn lên không thể kiềm chế được. Tôi tin chắc con linh cầu sắp nhào con Nước Cam.

Tôi không thể tưởng tượng sự việc có thể tồi tệ hơn, nhưng nó đã như vậy. Con ngựa vằn vằn sặc và phun cả máu xuống biển. Vài giây sau đã thấy những tiếng va đập vào thành xuống. Nước biển bắt đầu sủi sùng sục vì cá mập xung quanh xuống. Chúng đang tìm xem máu đó ở đâu ra, nguồn thức ăn rất gần với chúng. Đuôi chúng đập lên mặt nước, đầu chúng vọt hẳn lên. Cái xuống bị tấn công liên tiếp. Tôi không sợ bị lật xuống – tôi nghĩ bây giờ cá mập sẽ chọc thủng vỏ xuống kim loại và đánh chìm chúng tôi.

Hai con thú giật nảy người và có vẻ hốt hoảng mỗi khi xuống bị đâm mạnh, nhưng chúng không chịu bỏ công việc chính của mình là gầm rú vào mặt nhau. Tôi tin chắc màn võ mồm này sẽ biến thành cắn xé nhau thực sự. Nhưng nó lại đột ngột chấm dứt sau vài phút. Nước Cam, với những tiếng chếp miệng và hực hực trong cổ, quay đi chỗ khác, còn con linh cầu thì cúi đầu lui gót về đằng sau tấm thân đã bị bám vằm của con ngựa vằn. Bọn cá mập, không tìm thấy gì, thôi không đâm vào xuống nữa và cuối cùng bỏ đi. Im lặng lại bao phủ tất cả.

Một mùi hôi thối khẳn khẳn, trộn lẫn mùi đất, rỉ sắt và cứt đá, lơ lửng trong không khí. Chỗ nào cũng có máu, đọng dần thành một lớp vỏ đỏ sẫm. Một con ruồi duy nhất vo ve quanh quẩn, nghe như hồi chuông báo hiệu mất trí. Không một con tàu nào, không có gì hết, xuất hiện ở chân trời ngày hôm đó, và bây giờ thì ngày đã tàn chiều rồi đây. Khi vằn dương lên xuống khỏi chân trời, không phải chỉ là ngày ấy và con ngựa vằn đáng thương ấy đã chết, mà cả gia đình tôi nữa. Với hoàng hôn lần thứ hai, lòng không muốn tin vào sự thật đã bị thay thế bằng đau đớn và thương xót. Họ chết cả rồi; tôi không thể dối lòng nhau hơn nữa. Công nhận một điều như vậy thật mới ghê gớm làm sao! Mất anh là mất một người ta có thể san sẻ những kinh qua của cuộc đời, người sẽ đem cho ta chị dâu và cháu trai và cháu gái, những sinh linh sẽ khiến cho cây phả hệ của ta đâm nhánh sum suê. Mất cha là mất người chỉ bảo giúp đỡ ta, người nâng đỡ ta như thân đỡ cành. Mất mẹ, trời ơi, cũng giống như mất mặt trời trên đầu ta. Nó giống như – nhưng thôi, xin lỗi, tôi chẳng nên nói nữa. Tôi nằm vật xuống tấm bạt và khóc lóc đắng cay suốt đêm, vùi mặt vào hai cánh tay. Con linh cầu thì gần như suốt đêm đó vẫn mãi mê nhai, nuốt.

Ngày lại rạng, ẩm ướt và âm u, với gió ẩm và một bầu trời phủ đầy những đám mây xám đặc trông như những tấm chăn vải bông bẩn thỉu nhàu nhĩ. Biển không thay đổi. Nó đều đặn xô chiếc xuồng dập dềnh lên xuống.

Con ngựa vẫn còn sống. Tôi không thể tin được. Nó có một lỗ thủng rộng năm sáu mươi phân trên người, huếch hoác như một núi lửa và phun lên nhầy nhụa các bộ phận ruột gan đã bị ăn nham nhở hoặc lỏng lách hoặc mờ mờ dưới ánh sáng ban ngày, ấy thế mà trong những bộ phận cốt yếu nhất của cơ thể, sự sống vẫn tiếp tục phập phồng, cho dù yếu ớt. Toàn bộ cử động của nó chỉ có thể thấy ở cái chân sau run rẩy và cặp mắt thỉnh thoảng hấp háy mà thôi. Tôi khiếp đảm. Tôi không ngờ một sinh vật có thể bị nhiều thương tích đến thế mà vẫn tiếp tục sống.

Con linh cầu căng thẳng. Sáng rồi mà nó vẫn không chịu yên để nghỉ ngơi như lẽ thường lấy ngày làm đêm của nó. Có lẽ vì nó ăn quá nhiều; bụng nó phình ra bóng nhẫy. Nước Cam cũng trong tâm trạng nguy hiểm. Nó đang nhấp nha nhấp nhồm và nhe răng liên hồi.

Tôi ở nguyên vị, co quắp gần mũi xuồng. Tôi yếu cả thân thể lẫn linh hồn. Tôi sợ mình sẽ ngã xuống nước nếu loay hoay giữ thăng bằng trên cái chèo.

Đến trưa thì con ngựa vẫn chết. Mắt kéo màng như thủy tinh và đã hoàn toàn vô cảm đối với những đợt tấn công của con linh cầu.

Đến chiều thì nổ ra bạo hành. Căng thẳng đã lên đến hết mức chịu đựng. Con linh cầu yip yip. Nước Cam chép miệng và gầm gừ âm ỉ. Rồi dùng một cái, tâm trạng khó chịu của chúng nổ cầu tri và vọt lên cao độ.

Con linh cầu nhảy vọt qua xác con ngựa vẫn và nhào vào Nước Cam.

Chắc tôi đã nói rõ về mối đe dọa khủng khiếp của linh cầu. Tôi tin điều này đến nỗi chắc hẳn rằng con Nước Cam sẽ chết trước khi kịp làm một cái gì đó để tự vệ. Tôi đã đánh giá nó quá thấp. Tôi đã đánh giá thấp tinh thần quật cường của nó.

Nước Cam già một cú đấm xuống đầu con thú kia. Một cái gì đó thật choáng, khiến tim tôi phải tan ra vì yêu, vì khâm phục và hãi hùng. Tôi đã nhắc chuyện nó là một con vật nuôi làm cảnh và đã bị những người chủ Indonesia ruồng bỏ chưa nhỉ? Chuyện nó giống như chuyện của tất cả các con vật cảnh miễn cưỡng. Đại loại thế này: Con vật được người ta mua về khi nó còn nhỏ và xinh xắn. Rồi nó lớn lên về cả thể xác và dịch vị. Nó tỏ ra không thể thuần hóa được ở trong nhà. Sức mạnh gia tăng của nó ngày càng khó điều khiển. Một hôm, cô hầu gái kéo màn che chỗ ở của nó để đi giặt, hoặc một cậu con trai đùa giỡn véo một miếng thức ăn trên tay nó – một cái gì đó rất vật vãnh như thế, và con thú nhe răng làm cả nhà hoảng sợ. Ngay hôm sau nó thấy mình nảy lên nảy xuống trong khoang sau chiếc xe jeep của gia đình, có cả các anh chị người của nó cùng đi. Người ta vào một khu rừng. Ai trên xe cũng thấy đó là một nơi lạ lẫm và đáng sợ. Người ta vào một quặng rừng thưa và ngó nghiêng đây đó một lúc. Bất thình lình chiếc xe rú lên và bánh xe quay hắt bụi mù mịt, và con vật thấy những người mà nó đã biết và yêu nhìn lại nó từ cửa sau khi chiếc xe tăng tốc độ chạy đi. Nó đã bị bỏ lại, con vật không hiểu. Cũng như các anh chị em của nó, con vật chẳng biết gì về rừng. Nó chờ quanh đợi quần chờ cho họ quay lại. Mặt trời lặn, nó nhanh chóng mất hết tinh thần và không thiết sống nữa. Mấy ngày sau nó chết vì đói và không nơi trú ẩn. Hoặc bị chó tấn công.

Nước Cam đã có thể trở thành một trong những con vật bị bỏ rơi như thế. Nhưng nó đã về được vườn thú Pondicherry. Nó luôn luôn hiền lành và dịu dàng. Tôi vẫn nhớ những kỷ niệm từ khi còn bé được nó ôm ấp trong hai cánh tay dài tưởng như vô tận, những ngón tay nó, từng ngón đã dài bằng cả bàn tay tôi, bới trên tóc tôi. Lúc ấy nó còn là một con cái đang tập các kỹ xảo làm mẹ của mình. Rồi khi nó trưởng thành với đầy đủ bản ngã hoang dại của nó, tôi vẫn thích quan sát nó từ xa. Tôi đã tưởng mình hiểu nó đến mức có thể đoán trước mọi hành vi của nó. Tôi nghĩ mình đã biết mọi thói quen và hạn chế của nó. Nhưng nhìn nó dữ dội và can đảm hoang dã như thế này, tôi biết mình đã nhầm. Tôi đã chỉ biết một phần bản tính của nó.

Nó già một quả đấm xuống đầu con thú kia. Một cú đấm thực ra trò. Con linh cầu bị đấm dập đầu xuống mặt ghế mà nó vừa nhảy đến, phát ra một tiếng động sắc lạnh và chói tai đến nỗi, khi thấy cả hai chân nó cũng sòng xoài sang hai bên, tôi đã tưởng nó đã phải vỡ sọ rồi, hoặc cái ghế đã gãy rồi, hoặc cả hai đều tan tành. Nhưng con linh cầu lập tức vùng dậy lông nó dựng ngược hết như tóc tôi lúc bảy giờ, nhưng điệu bộ tàn bạo của nó không còn sống động như trước. Nó rút lui. Tôi sững run người. Hành động tự vệ mạnh mẽ của Nước Cam khiến tôi cảm thấy ấm áp trong lòng.

Điều đó chẳng được mấy chốc Một con đười ươi cái không thể đánh được một con linh cẩu đực cùng tuổi trưởng thành như mình. Đó là một sự thật đã được kiểm nghiệm. Các nhà động vật học hãy biết rõ sự thực này. Giá như nước cam là một con đực, giá như nó to lớn như tôi mong ước cho nó thì lại là chuyện khác. Nhưng nó chỉ nặng chưa đầy năm mươi cân mặc dù được ăn thừa thãi trong điều kiện thoải mái của vườn thú. Đười ươi cái chỉ to bằng nửa đười ươi đực. Mà không phải chỉ đơn giản là vấn đề cân nặng và sức khỏe. Nước Cam không phải là không biết tự vệ. Cái quan trọng cuối cùng là thái độ và kiến thức của nó trong việc này. Một con thú ăn quả thì biết gì về chuyện chết chóc? Nó biết học ở đâu kỹ năng cắn xé, cắn chỗ nào, mạnh đến đâu, trong bao lâu? Một con đười ươi có thể cao lớn hơn, có thể có đôi tay nhanh nhẹn rất khỏe và những cái răng nhọn dài, nhưng nếu nó không biết và sử dụng những vũ khí ấy ra sao thì cũng vô ích mà thôi. Con linh cẩu, chỉ có hai hàm răng, sẽ áp đảo được con đười ươi vì nó biết rõ nó muốn gì và làm cách nào để đạt được mục đích.

Con linh cẩu quay lại. Nó nhảy lên ghế và ngoạm ngay lấy cổ con Nước Cam trước khi con này kịp xoay sở. Nước Cam đánh vào đầu con linh cẩu bằng tay kia, nhưng cú đánh chỉ khiến con thú gầm gừ một cách đều đặn. Nó định cắn, nhưng con linh cẩu cắn được. Than ôi, những động tác tự vệ của Nước Cam không chính xác và thiếu phối hợp. Nỗi sợ hãi của nó không khiến nó nhanh nhẹn hơn, mà làm nó chậm chạp đi. Con linh cẩu nhả cổ tay nó và thành thạo ngoạm lên cổ.

Ngây dại vì đau đớn và khủng khiếp. Tôi nhìn con Nước Cam vừa đánh vừa túm lông con linh cẩu một cách vô vọng khi con này ngoạm chặt lấy cổ mình. Cho đến lúc chết, nó làm tôi liên tưởng đến chúng ta, mất nó sợ hãi một cách rất người, và cả tiếng rên rĩ của nó cũng vậy. Nó định cố trèo lên tấm bạt. Con linh cẩu lắc nó dữ dội. Nó ngã khỏi mặt ghế xuống lòng xuống, kéo theo con linh cẩu. Tôi nghe thấy chúng, nhưng không còn thấy gì nữa.

Đến lượt tôi rồi. Điều đó thật rõ ràng. Tôi cố gắng đứng lên. Nước mắt giàn giụa làm tôi chẳng nhìn thấy gì rõ ràng. Tôi không còn khóc vì gia đình hoặc cái chết đang chờ đợi mình nữa. Tôi đã quá đờ đẫn để xem xét những cái đó. Tôi khóc vì đã quá mệt mỏi và đã đến lúc phải được yên nghỉ. Tôi đi lên tấm bạt. Mặc dù nó được buộc rất căng, tấm bạt vẫn hơi chùng xuống ở quãng giữa, và phải mất ba bốn bước loạng choạng gắng sức tôi mới đến được đó. Và tôi phải đến, trèo qua chỗ cái lưới cùng đoạn bạt đã quần lên. Và phải làm được việc này trên cái xuống lắc lư bập bênh liên tục. Trong hoàn cảnh của tôi lúc ấy, mấy bước đó là cả một quãng đường leo trèo hiểm trở. Khi tôi đặt được chân kia lên ghế và tận hưởng cảm giác cũng chẳng ầy. Tôi thấy chóng mặt, nhưng vì giây phút trọng đại ấy đã đến, cái chóng mặt ấy chỉ làm tăng thêm cảm giác thăng hoa hãi hùng trong lòng tôi. Tôi đưa hai tay lên ngang ngực, vũ khí duy nhất của tôi để chống lại con linh cẩu. Nó ngược nhìn tôi. Mồm nó đỏ loét. Nước Cam nằm cạnh nó, sát với xác con ngựa vằn, hai tay dang rộng, hai chân ngấn ngùn gập lại với nhau và hơi quay về một bên. Trông nó như một đấng Christ của loài nhân hầu trên thập giá. Chỉ trừ cái đầu. Nó đã mất đầu. Cái cổ đầm máu. Cảnh tượng thật khủng khiếp trong mắt ta và giết chết linh hồn ta. Ngay trước lúc lao mình vào con linh cẩu, để thu hút sức lực cho trận quyết tử, tôi đưa mắt nhìn xuống.

Tôi nhìn thấy ngay giữa hai chân tôi, dưới gầm ghế, cái đầu của Richard Parker. Cái đầu khổng lồ. To như sao Thổ trong cảm giác ngây dại của tôi lúc ấy. Hai bàn chân đầy móng vuốt của nó thì to như các tập bách khoa toàn thư Britannica.

Tôi tìm đường về chỗ mũi xuống và gục xuống đó.

Suốt đêm tôi như trong trạng thái mất trí. Lúc nào tôi cũng tưởng là mình vừa ngủ và tỉnh dậy chỉ vì nằm mơ thấy một con hổ.

Richard Parker được đặt tên như vậy là do một nhầm lẫn về thủ tục giấy tờ. Một con báo đen lúc ấy đang hoành hành trong huyện Khulna ở Bangladesh, ngay bên ngoài địa phận Sundarbans. Nó vừa bắt đi một bé con. Người ta chỉ tìm thấy một bàn tay nhỏ xíu của bé con vẫn còn dấu son trong lòng với vài cái hạt cườm bằng nhựa. Bé con là người thứ bảy bị ăn thịt trong vòng hai tháng. Và con thú ngày một liều lĩnh hơn. Nạn nhân trước đó là một người đàn ông đã bị nó tấn công ngay giữa ban ngày ngoài cánh đồng. Con thú tha ông ta vào rừng ăn gần hết cái đầu, gần hết thịt bên chân phải, và toàn bộ ruột gan. Xác ông ta treo trên một chạc cây. Dân làng đã rình suốt đêm ở gần đó, hy vọng làm cho con báo bị bất ngờ và giết nó, nhưng nó không xuất hiện. Bộ Lâm nghiệp thuê một tay súng săn chuyên nghiệp. Anh ta dựng một cái sào nhỏ để nấp rình trên một cái cây gần sông, nơi đã xảy ra hai vụ tấn công của con báo, và buộc một con dê vào một cái cọc cắm ở bờ sông. Người thợ săn rình trong nhiều đêm. Anh ta cho rằng con báo chỉ là một con thú đực già nua với hàm răng đã mòn, không còn khả năng bắt con mồi nào khó hơn là người. Nhưng anh ta gặp phải một con hổ khỏe, nhanh nhẹn. Một con hổ cái với một đứa con duy nhất. Con dê kêu be be. Lại một điều là con hổ con, chỉ chừng ba tháng tuổi, chẳng để ý gì đến con dê. Nó chạy ù ra mép nước và uống lấy uống để. Mẹ nó theo sau. Đói và khát thì bao giờ khát cũng cấp bách hơn. Chỉ sau khi đã khát, con hổ mới quay sang con dê. Tay thợ săn có hai khẩu súng trường: Một lắp đạn thật, một lắp phi tiêu có thuốc gây liệt. Con hổ không phải là thủ phạm các vụ ăn thịt người, nhưng nó ở gần nơi cư trú của người quá và có thể sẽ đe dọa tính mạng của dân làng, nhất là vì nó có con nhỏ. Tay săn nhặt khẩu súng phi tiêu của mình lên. Anh ta kéo cò khi con hổ sắp vào con dê. Con hổ dựng người lên, gầm gừ bỏ chạy. Phi tiêu gây liệt không có tác dụng êm ái như một tách nước trà, chúng nốc ao nạn nhân như một kiêu dốc một hơi cạn chai rượu mạnh. Con hổ lồm lộn cuống cuống bỏ chạy. Tay săn dùng bộ đàm gọi phụ tá. Họ tìm thấy con hổ cách bờ sông chừng hai trăm thước. Nó vẫn còn tỉnh và hai chân sau đã liệt và không thể đứng vững trên hai chân trước được nữa. Nó không thể chạy khi hai thợ săn đến gần. Nó quay lại và giương móng lên, nhưng chỉ tổ mất thăng bằng và ngã xuống tại chỗ. Thế là vườn thú Pondicherry có thêm hai con hổ mới. Con hổ con bị tóm ngay gần đó, đang meo meo sợ hãi. Người thợ săn có tên là Richard Parker, hai tay bế nó lên rồi nhớ lại cảnh nó chạy ù ra mép nước uống lấy uống để, liền đặt tên nó là khát. Nhưng viên thư ký ở nhà ga tàu hỏa Howrah lại là một tay vừa cẩn thận vừa lẩn lộn. Anh ta làm tắt cả giấy tờ chuyên chở hai mẹ con con hổ, chỗ nào cũng ghi rõ tên con hổ con là Richard Parker, còn người thợ săn bắt được nó thì có tên là Khát, và họ là Không Ghi Rõ. Cha tôi đã chặc lưỡi vui vẻ khi thấy sự nhầm lẫn này và thế là con hổ mang tên Richard Parker suốt đời.

Tôi không biết sau này anh chàng Khát Không Ghi Rõ có săn được con báo đen ăn thịt người hay không.

Nó sâu hơn một thước, rộng hơn hai thước rưỡi và dài tám thước, chính xác. Tôi biết vì các kích thước đó được in bằng chữ màu đen trên một cái ghế bên sườn. Còn in rõ là chiếc xuồng được thiết kế chở tối đa đến ba mươi hai người. Liệu chung xuồng với từng ấy người có vui thú không đây? Chúng tôi mới chỉ có ba mà đã chật đến thế. Cái xuồng có hình đối xứng, hai đầu đều tròn tròn khó phân biệt đầu đuôi. Nhận ra rằng đuôi vì có một cái bánh lái lắp cố định ở đó, chỉ như cái sóng xuồng chạy nhô ra một tí. Còn đằng mũi thì, ngoài tôi ra, có một đoạn kéo dài thêm và kết thúc bằng một cái mũi có hình dáng buồn rầu, tẹt gí nhất trong lịch sử đóng tàu. Vỏ xuồng bằng nhôm đầy đinh tán và sơn màu trắng.

Đó là bên ngoài. Bên trong, nó không rộng như người ta tưởng vì có các hàng ghế hai bên các thùng phao. Ghế bên chạy dọc suốt chiều dài xuồng, nối với nhau ở hai đầu thành các đoạn ghế mũi và đuôi có hình gần như tam giác. Các mặt ghế này chính là mặt chính của các thùng phao gắn kín. Ghế chạy hai bên rộng chừng bốn mươi lăm phân, còn ở hai đầu thì quãng chính mười phân. Vì vậy, khoảng trống lộ thiên của xuồng chỉ dài hơn sáu thước và rộng khoảng thước rưỡi. Nó tạo lên một lãnh thổ chừng mười thước vuông cho Richard Parker. Bắc ngang qua cái không gian đó là ba chiếc ghế dài nữa, kể cả cái đã bị con ngựa vằn đè gãy. Cái ghế ngang này rộng sáu mươi phân và cách đều nhau. Mặt ghế cách sàn xuồng sáu mươi phân. Nếu Richard Parker nằm dưới gầm ghế, nó chỉ có khoảng sáu mươi phân đó để xoay sở. Bên dưới tấm bạt thì nó có thêm khoảng ba mươi phân nữa, là khoảng cách giữa mũi xuồng phủ bạt và mặt ghế, và như vậy có cả thấy độ một thước không gian, may ra vừa vặn cho nó có thể đứng lên. Sàn xuồng phẳng phiu, lát các thanh gỗ hẹp có thể xử lý chống nước, và mặt bên các thùng phao thì vuông góc với sàn. Vì vậy, cái xuồng tròn tròn ở cả hai bên sườn và hai đầu, nhưng bên trong thì lại là một khối vuông hình chữ nhật, trông cũng là lạ.

Có vẻ như màu da cam – một màu hindu tốt lành – là màu của cuộc sống vì toàn bộ bên trong xuồng, tấm bạt và các áo phao, cái phao, mái chèo và hầu hết các thứ trên xuồng đều màu da cam cả. Cả cái còi bằng nhựa không có bị cũng thế.

Hai bên mũi xuồng có kẻ chữ Tsimtsum và Panama, chữ hoa kiểu La Mã đen nhánh và trần trụi.

Tấm bạt là loại vải bố cực rất chắc có phủ nhựa chống thấm, chạm phải một lúc là rách ra. Nó được cuộn lại vừa qua khỏi cái ghế ngang giữa xuồng. Cho nên một cái ghế ngang thì vẫn được phủ dưới tấm bạt, trong chỗ ẩn nấp của Richard Parker; cái ghế ngang giữa thì lộ thiên nhưng ngay sát mép bạt; còn cái thứ ba thì gãy gục dưới con ngựa vằn đã chết.

Có sáu cái lông đón chèo, là những lỗ khoét hình chữ U trên mép xuồng, và năm mái chèo, vì tôi đã để rơi một cái khi cố đẩy Richard Parker ra khỏi xuồng. Ba cái chèo nằm trên một cái ghế bên, một cái nữa trên cái ghế đối diện, và một cái đang là cái mũi xuồng cứu nạn của tôi. Tôi không tin là có thể dùng chúng để chèo xuồng đi được. Cái xuồng này không phải là xuồng đua. Nó là một cấu trúc nặng và chắc nịch được thiết kế để nổi cho vững chứ không phải để vi hành. Giả dụ có ba mươi người cùng chèo thì may ra còn đi được chút đỉnh.

Tôi không thấy hết các chi tiết đó – và nhiều thứ nữa – ngay lập tức như vừa kể. Tôi đã thấy chúng dần dần, cần cái gì thì lại phát hiện thêm ra cái nấy. Cứ khi tôi rơi vào tình trạng thật khó khăn, không thấy tương lai đâu nữa, thì một cái gì đó, nhỏ thôi, lại hiện ra trong óc tôi dưới một ánh sáng mới mẻ. Nó không còn là thứ nhỏ bé ấy nữa, mà là một thứ quan trọng nhất trên thế giới sẽ cứu sống tôi. Điều đó lặp lại nhiều lần. Quả thực người ta bảo cái khó ló cái khôn, quả thực là vậy.

Nhưng lần đầu tiên quan sát kĩ cái xuống thì tôi chưa nhìn ra chi tiết mình cần cả. Mặt ghế chạy liên tục từ đuôi sang hai bên xuống, cũng như cái vách đứng của các thùng phao. Mặt sàn nằm phẳng phiu sát đáy xuống; không thể có khoang giấu đồ bên dưới, chắc hẳn không có một học tử, một cái thùng hay bất kỳ thứ gì đựng đồ ở chỗ nào trên xuống. Chỉ thấy các bề mặt nhẵn mịn liền liền nhau màu da cam.

Tôi đâm ra nghi ngờ khả năng của các thuyền trưởng và đám nhà thầu. Hy vọng sống sót của tôi lụi dần. Chỉ có cơn khát là y nguyên.

Nhưng biết đâu đồ dự trữ họ để ở mũi xuống, bên dưới tấm bạt thì sao? Tôi quay người bò trở lại, cảm thấy mình là một con thằn lằn đang chết khô. Tôi dúm mạnh tấm bạt. Nó rất căng. Nếu cuộn được nó lên, tôi sẽ với được đồ dự trữ có thể cất ở phía dưới. Nhưng có nghĩa là sẽ tạo ra một cái cửa xuống sào huyết của Richchard Parker.

Thấy kệ. Cơn khát thúc giục tôi. Tôi rút nhẹ cái chèo ra khỏi bên dưới tấm bạt. Tôi quàng cái phao vào người. Tôi đặt cái chèo nằm ngang trên mũi xuống. Tôi tì lên mũi xuống và dùng ngón tay cái cố ấn cho cái dây chằng bạt tuột ra khỏi một cái móc. Thật khó khăn. Nhưng sau cái móc đầu, cái thứ hai đã dễ dàng hơn và cái thứ ba còn dễ nữa. Tôi làm như vậy ở phía bên kia mũi xuống. Tấm bạt chùng xuống dưới khuỷu tay tôi. Tôi nằm bẹp ở trên, hai chân chĩa về phía đuôi xuống.

Tôi cuộn tấm bạt lên một chút. Ngay lập tức được đền bù công sức đã bỏ ra. Cũng như đằng đuôi, mũi xuống cũng có ghế. Và trên mặt ghế, chỉ cách mũi xuống độ dăm bảy phân, là một cái chốt cửa sáng óng ánh như kim cương. Nhìn rõ đường viền của một cái nắp dẹt. Tim tôi bắt đầu đập thình thịch. Tôi cuộn tấm bạt thêm một chút nữa. Tôi ghé xuống nhìn. Cái nắp hình chữ nhật có bốn cạnh lượn tròn, rộng chín mươi phân và sâu tám mươi phân. Đúng lúc đó tôi nhận ra một khối to màu da cam. Tôi thụt ngay đầu lên trên. Nhưng cái đám da cam ấy không động đậy, và trông nó không ra sao. Tôi lại thò đầu xuống. Không phải đó là con hổ mà là một cái áo phao cấp cứu. Có một lô áo phao ở sau sào huyết của Richard Parker.

Một cơn ớn lạnh chạy khắp người tôi. Giữa các áo phao đó, như thể giữa một đám lá cây, tôi nhìn thấy rõ ràng lần đầu tiên hình ảnh thấp thoáng của Richard Parker. Tôi thấy rõ hai cái vai nhô lên và một phần lưng của nó. Vẫn vền nổi bật và kênh càng trước mắt. Nó nằm sấp, quay mặt về phía đuôi xuống. Nó nằm im, chỉ thấy hai bên sườn phập phồng theo nhịp thở. Tôi hấp háy mắt, không thể tin rằng nó gần tôi đến thế. Nó ngay kia, dưới tôi chỉ năm sáu mươi phân. Tôi có thể với tay cấu đất nó được. Giữa chúng tôi chỉ là một tấm bạt mỏng.

“Thượng đế hãy thương lấy con!” Không có lời nguyện nào lại thống thiết mà nhỏ nhẹ như vậy trong hơi thở của tôi. Tôi nằm bất động tuyệt đối.

Tôi phải có nước uống. Tôi đưa tay xuống và lẳng lặng gỡ cái chốt. Tôi kéo cái nắp lên. Thì là một cái tủ hân hoi.

Tôi đã nhắc đến chuyện nhận ra những chi tiết cứu mạng. Đây là một: bản lề của cái nắp tủ chỉ cách mép ghế vài phân – có nghĩa là khi mở lên, nó sẽ thành một cái vách ngăn kín hết khoảng trống ba chục phân giữa mặt ghế và mũi xuống che bạt, chắn giữa tôi với đồng áo phao rồi đến chỗ Richard Parkê. Tôi mở cái nắp lên cho đến khi nó dựa được vào cái chèo bắc ngang mũi và mép bạt. Tôi chuyển mình lên trên sống mũi xuống, quay mặt vào trong, một chân đặt lên mép cái tủ đã mở nắp, chân kia lên cái nắp đã mở. Nếu Richard Parker định tấn công tôi từ phía dưới, nó sẽ phải đẩy cái nắp. Tôi sẽ biết ngay và đủ thời gian rút lên và nhào ngửa người xuống biển với cái phao. Nếu nó đi đường khác, trèo lên trên tấm bạt từ phía đuôi xuống, tôi sẽ nhìn thấy nó ngay từ sớm và cũng kịp nhào xuống biển. Tôi nhìn quanh xuống. Không thấy có cá mập.

Tôi ngó xuống giữa hai chân. Tôi tưởng mình sẽ ngất đi vì sung sướng. Cái tủ lấp lánh toàn những thứ mới tinh, bóng nhoáng. Chao ôi, niềm khoái lạc của sản phẩm công nghiệp, những vật dụng do chính con người làm ra, những sáng tạo phẩm! Cái giây phút phát ngộ vật chất ấy đem lại một khoái cảm mãnh liệt – một trộn lộn chóng mặt của hy vọng, ngạc nhiên, ngỡ ngàng, ngây ngất, và lòng biết ơn, tất cả nghiền vào một món quà – hay hơn bất kì món quà nào khác mà cả đời tôi đã được nhận trong các dịp giáng sinh, sinh nhật, cưới xin, và các kì lễ lạt khác. Tôi thực sự hoa mắt chóng mặt vì hạnh phúc.

Mắt tôi lập tức nhìn thấy cái đang tìm. Cho dù đồng chai, đồng hộp kim loại hay hộp giấy, bao bì nước uống không có thể nhầm lẫn được. Trên cái xuống cứu nạn ấy, món rượu vang của sự sống được cung phụng trong các hộp kim loại màu vàng nhạt nằm vừa khít tay. Nhãn hiệu bằng chữ đen để rõ Nước uống.

Tên công ty sản xuất: HP Foods Ltd. 500 mili lít một hộp. Có hàng dãy hộp như thế. Nhiều quá không thể liếc một cái mà đếm hết ngay được.

Tay run lẩy bẩy, tôi với xuống nhặt lên một hộp. Vừa sờ vào đã mát lạnh và nặng trĩu tay. Tôi lắc nó. Các bọt khí bên trong phát ra tiếng kêu ọc ọc ọc. Tôi sắp sửa được cứu thoát khỏi cơn khát hỏa ngục này. Mạch tôi rộn lên với ý nghĩ đó. Tôi chỉ việc mở cái hộp nước.

Tôi dừng lại. Mở nó thế nào đây?

Tôi có một cái hộp – chắc tôi phải mở được nó chứ? Tôi nhìn vào tủ. Có biết bao nhiêu là thứ. Tôi lục lọi. Tôi mất bình tĩnh. Kì vọng lắm tất thất vọng nhiều. Tôi phải uống ngay bây giờ, nếu không tôi sẽ chết. Tôi không thể tìm thấy cái dụng cụ mình muốn. Nhưng không thể mất thời giờ buồn bực. Cần phải hành động. Dùng móng tay được chăng? Tôi thử. Không thể được. Dùng răng chăng? Thử cũng vô ích thôi. Tôi nhìn lên mép xuống. Những cái móc bao bọc. Ngắn, cùn, chắc chắn. Tôi quì lên mặt ghế và nghiêng người ra ngoài. Giữ cái hộp bằng cả hai tay, tôi thúc mạnh nó lên vào một cái móc. Một vết lõm khá. Tôi thúc cái nữa. Thêm một vết lõm nữa. Cứ thế tôi làm thủng cái hộp. Một hạt châu nước xuất hiện. Tôi liếm nó luôn. Tôi quay cái hộp và thúc đầu kia lên móc. Tôi thúc như quì. Tôi đục được một cái lỗ to hơn. Tôi ngồi lại xuống mũi xuống. Tôi giơ cái hộp lên trên mặt. Tôi há miệng. Tôi nghiêng hộp.

Có thể tưởng tượng ra những cảm giác của tôi lúc đó, nhưng khó có thể mô tả chúng. Theo nhịp ừng ực của cổ họng tham lam, dòng nước tinh khiết, ngon lành, đẹp đẽ và trong vắt như pha lê chảy vào cơ thể tôi. Nước của sự sống, đúng thế. Tôi dốc cạn cái chén vàng ấy cho đến giọt cuối cùng, mút mát cái lỗ thủng cho thật hết cả những ẩm ướt còn lại. Tôi thốt lên “Aaaaaaaal!”, ném cái hộp xuống biển và lấy một hộp nữa. Tôi mở nó cũng như cái hộp kia và nốc cạn nó cũng nhanh chẳng kém. Rồi lại quẳng nó xuống biển và mở một hộp khác. Cũng lại nhanh chóng bị ném xuống biển. Rồi lại thêm một hộp nữa. Tôi uống hết bốn hộp, hai lít thuốc trường sinh tuyệt vời nhất, rồi mới chịu thôi. Người ta sẽ nghĩ uống vội vàng sau khi đã chịu khát kéo dài như thế có thể sẽ làm đảo lộn cơ thể. Nhảm nhí cả! Tôi chưa bao giờ thấy dễ chịu như vậy. Cứ sờ lông mày tôi thì thấy! Trán tôi ướt đầm những giọt mồ hôi tươi mới, sạch sẽ và mát lạnh. Mọi thứ trong tôi, đến tận các lỗ chân lông, đều biểu lộ vui mừng.

Cảm giác khỏe khoắn nhanh chóng đến với tôi. Mềm miệng tôi ẩm và mềm mại. Quên sạch cả cái cổ họng. Da cũng mềm đi, các khớp cử động dễ dàng. Tim tôi bắt đầu đập như một cái trống vui mừng và máu bắt đầu chảy qua huyết mạch như đoàn xe đám cưới inh ỏi bộp cộp chạy qua các thành phố. Sức lực và phản xạ nhanh nhạy trở lại trong cơ bắp tôi. Đầu óc tôi sáng suốt hẳn ra. Quả thực, tôi vừa từ cõi chết trở về. Vinh hiển thay! Để tôi nói bạn nghe, say rượu là một điều xấu hổ, nhưng say nước là một niềm si cuồng đáng quý. Trong nhiều phút đồng hồ, tôi đắm mình tận hưởng đến cùng.

Rồi tôi cảm thấy một cái gì đó trống rỗng. Tôi sờ bụng. Một cái hõm sâu cứng nhắc. Có cái gì ăn thì tốt. Một đĩa chả chay mềm có rưới nước sốt dừa! Một đĩa cary rau đậu! Ôi chao! Tôi đưa cả hai tay lên miệng – hoặc giả được một đĩa bánh bột lọc mẹ vẫn làm! Nghĩ đến đó, hai hàm răng tôi bồng đầu lên và nước bọt ứa ra xối xả. Bàn tay phải tôi bắt đầu xoay xoay. Nó cứ thế bóc những miếng bánh tròn bèn bẹt làm bằng bột lọc trong trí tưởng tượng. Nó để các ngón tay tha hồ bấm sâu vào làn bột mềm nóng hổi... Nó nắn, vê một cái bánh thấm đẫm nước sốt... Nó đưa cái bánh ấy lên miệng... Tôi nhai... Ôi chao, thật đau đớn mà cũng thật tuyệt diệu.

Tôi sục vào cái tủ. Tôi tìm thấy nhiều hộp giấy đựng các suất đồ ăn cấp cứu tiêu chuẩn của hãng Seven Seas, làm tại Bergen, Na Uy. Mỗi suất đồ ăn có thể bù cho chín bữa chưa được ăn gì, từng gói nửa ký, chắc nịch, đóng gói chân không trong giấy nhựa màu bạc có in chi chít các hướng dẫn sử dụng bằng mười hai thứ tiếng. Bằng tiếng Anh, hướng dẫn nói suất ăn này có mười tám cái bánh quy làm bằng bột mì nướng, mỡ động vật và đường glucô, không được ăn quá sáu cái trong vòng hai mươi bốn giờ. Khổ nhất là nó cả mỡ động vật. Nhưng trong hoàn cảnh đặc biệt như thế, cái phần chay tịnh trong con người tôi chỉ có cách bịt mũi mà ăn đại đi thôi.

Trên gói có chỗ đề: Bóc ở chỗ này để mở, với một cái mũi tên đen chỉ vào mép nhựa. Tôi xé toạc chỗ đó ra. Chín cái gói vuông vắn bọc gói nên rơi ra. Nó tự động tách làm đôi. Hai cái bánh quy gần như vuông vắn, màu nhạt, mùi thơm. Tôi cắn một cái. Lạ Chúa tôi, ai mà biết được. Tôi không tưởng tượng nổi. Tôi vừa khám phá một bí mật: đồ ăn Na Uy là ngon nhất thế giới! Những cái bánh quy ấy ngon một cách kỳ lạ lùng. Chúng vừa đậm đà thơm ngon vừa tinh tế, không ngọt quá cũng không mặn quá. Chúng vỡ ra giữa hai hàm răng với một tiếng động giòn tan. Trộn với nước bọt, chúng thành một thứ bột bánh vẫn còn độ rất vừa vặn. Và khi tôi nuốt, bụng tôi chỉ còn biết reo lên một chữ: Hallelujah! (1) Cả hộp hết veo trong vòng vài phút, giấy gói tôi tả bay theo gió. Tôi định mở một hộp nữa, nhưng lại thôi. Kiểm chế một chút bao giờ cũng tốt. Hơn nữa, với nửa ký thức ăn cấp cứu trong bụng, tôi thấy no thực sự.

Tôi quyết định phải biết rõ có những thứ gì trong cái hòm châu báu của mình. Đó là một cái tủ to, trong lòng rộng hơn phạm vi cái nắp nhiều, vào hẳn đến vỏ xuống và lan ra đến quá vị trí của hai cái ghế bên một chút. Tôi thò cả hai chân xuống lòng tủ và ngồi trên mép nó, lưng dựa vào cái sổng nhô ra của mũi xuống. Tôi đếm các hộp Seven Seas. Tôi đã ăn mất một, vẫn còn ba mươi hộp nữa. Theo như hướng dẫn, mỗi hộp 500 gram là đủ dinh dưỡng cho một người sống được ba ngày. Có nghĩa là tôi có đủ thức ăn dự trữ để sống trong 31 nhân 3 là chín mươi ba ngày! Hướng dẫn cũng khuyên chỉ nên uống nửa lít nước một ngày. Tôi đếm các hộp nước. Có một trăm hai mươi tư hộp. Mỗi hộp nửa lít. Vậy là tôi có đủ nước uống trong một trăm hai mươi tư ngày. Chưa bao giờ những phép tính số học đơn giản lại đem đến cho tôi một niềm hi hả như vậy.

Còn những gì nữa nào? Tôi hăm hở khoảng tử và mang ra hết thứ này đến thứ khác, cái gì cũng kì diệu cả. Tôi thêm bạn đồng hành và cảm giác được an ủi đến xót xa và mỗi khi chăm chú nâng một món đồ ấy trên tay, chúng không còn là hàng hóa được sản xuất hàng loạt nữa mà trở thành một cái gì đó thật đặc biệt và chỉ cho riêng tôi. Tôi lẩm bẩm luôn mồm: “Cám ơn! Cám ơn! Cám ơn!” Ghi chú (1) Hallelujah: Câu ngợi ca Chúa của người Cơ đốc giáo (ND)

Sau khi đã điều tra kỹ lưỡng, tôi làm một danh mục đầy đủ:

* 192 viên thuốc chống say * 124 hộp nước uống bằng thiếc, mỗi hộp 500 mili – lít, vị tri là 62 lít tất cả.
* 32 túi nôn bằng nylon * 31 hộp thức ăn cấp cứu, mỗi hộp 500 gram, tất cả 15 ký rưỡi * 16 cái chăn len
* 12 cái cất nước dùng ánh nắng mặt trời * Một chục cái áo phao cấp cứu màu da cam buộc ở áo * 6 ống tiêm chứa morphine * 6 quả pháo sáng cầm tay * 5 mái chèo không chìm * 4 quả pháo sáng thả thăng thiên có dù * 3 túi nilon trong suốt rất chắc, mỗi cái có dung tích khoảng 50 lít * 3 cái mở hộp * 3 cái cốc có thang vạch dung tích và miệng rót để đựng nước uống * 2 hộp diêm cháy được trong nước * 2 thùng bằng nhựa cỡ trung bình màu da cam * 2 cái gáo múc nước bằng nhựa không chìm màu da cam * 2 thùng chứa đa năng bằng nhựa có nắp kín khí * 2 miếng bọt biển hình chữ nhật màu vàng * 2 cuộn dây sợi tổng hợp không chìm, mỗi cuộn 50 mét * 2 cuộn dây tổng hợp không nổi được trong nước, không thấy đề dài bao nhiêu nhưng có lẽ mỗi cuộn khoảng 30 mét * 2 bộ đồ câu cá với đủ các loại lưỡi câu, dây và hạt chì * 2 cái lao móc cá có lưỡi kiểu dây thép gai rất sắc * 2 cái neo biển * 2 cái hứng nước mưa * 2 cái bút bi mực đen * 1 cái lưới đựng đồ bằng nylon * 1 cái phao cứu nạn đặc, đường kính trong 40 phân và đường kính ngoài 80 phân, có dây nối liền. * 1 con dao săn lớn có cán liền, lưỡi nhọn, một cạnh sắc và một cạnh răng cưa, có dây buộc vào một cái vòng sắc trong tủ * 1 bộ đồ khâu với kim khâu thẳng và cong cùng với chỉ trắng rất chắc * 1 bộ đồ cấp cứu đựng trong hộp nhựa kín nước * 1 cái gương dùng để ra tín hiệu * 1 gói thuốc lá Trung Quốc có đầu lọc * 1 thỏi sôcôla to * 1 cuốn cẩm nang cho người gặp nạn đắm tàu * 1 cái la bàn * 1 cuốn vở ghi chép với các trang giấy có chín mươi tám dòng kẻ * 1 thằng bé còn đủ một bộ quần áo mỏng trên người nhưng đã mất một chiếc giày * 1 con linh cẩu lông chám * 1 con hổ Bengal * 1 cái xuống cứu nạn * 1 thượng đế Tôi ăn một phần tư thỏi sôcôla to. Tôi xem xét kỹ một cái hứng nước mưa. Đó là một thứ dụng cụ trông giống một cái ô lật ngược, gồm một túi hứng nước rộng nối với một cái ống cao su. Tôi khoanh tay trên cái phao choàng khít quanh người, gục đầu xuống và ngủ say sưa

Tôi ngủ suốt sáng. Rồi tôi thức dậy vì lo lắng. Đồ ăn, nước uống và nghỉ ngơi đã như một ngọn triều dâng lên trong cơ thể đang suy yếu đi của tôi, mang cho tôi một sức sống mới, nhưng đồng thời cũng làm cho tôi đủ tỉnh táo để nhận ra tình trạng tuyệt vọng của mình. Tôi tỉnh dậy để nhớ ra Richard Parker. Có một con hồ trên xuồng. Không muốn, nhưng phải tin đó là sự thật. Và tôi phải cứu mạng mình như thế nào đây.

Có thể nhảy xuống biển và bơi đi, nhưng cơ thể tôi không chịu nhúc nhích. Tôi đang cách đất liền hàng trăm dặm, có khi hàng nghìn dặm cũng nên. Tôi không thể bơi xa như vậy, có phao cũng thế thôi. Rồi ăn gì, uống gì? Làm sao ngăn cá mập? Làm sao cho khỏi rét mướt? Mà biết bơi theo hướng nào? Không thể nghi ngờ một tí gì nữa. Rồi khỏi xuồng có nghĩa là chết. Nhưng ở lại xuồng thì sao? Nó sẽ mò sang tôi như một con mèo điện hình, không một tiếng động. Chưa kịp biết thì nó đã ngoạm chặt lấy gáy hoặc cổ họng và tôi sẽ bị xuyên thủng với những lỗ răng nanh. Tôi sẽ không kịp nói gì hết. Dòng sinh huyết sẽ rời bỏ thân thể tôi không một lần trăng trối. Hoặc giả nó sẽ dùng móng vuốt ấy để quật chết tôi, bẻ gãy cổ tôi. “Ta chết mất thôi”. Tôi lấp bắp, môi run bần.

Biết mình sắp chết đã đủ khủng khiếp rồi. Nhưng khủng khiếp hơn là biết mình sắp chết mà lại còn thời gian để thấy rõ những hạnh phúc mình đã có và có thể đã có. Ta thấy tất cả những gì mà ta đang mất, rõ mồn một. Những hình ảnh đó chìm ta vào một nỗi đau đớn mà không có một cỗ xe nào sắp đâm chết ta hoặc một làn nước nào sắp chìm chết ta có thể so sánh được. Cái cảm giác ấy thật sự không thể chịu nổi. Những từ Cha, Mẹ, Ravi, Ấn Độ, Winnipeg đâm vào tôi buốt nhói đến xé lòng.

Tôi đang định đầu hàng. Và chắc chắn đã đầu hàng rồi, nếu không có một tiếng nói bỗng vọng lên trong đầu tôi. Tiếng ấy nói: “Ta sẽ không chết. Ta không chấp nhận cái chết. Ta sẽ qua được cơn ác mộng này. Ta sẽ chiến thắng mọi rủi ro, cho dù chúng lớn đến mấy. Ta đã sống được cho đến bây giờ, một cách thần kỳ. Ta sẽ biến điều thần kỳ ấy thành lệ thường. Điều không thể tin được sẽ đến với ta hàng ngày. Ta sẽ làm tất cả những gì cần thiết. Đúng vậy, chừng nào Thượng Đế còn ở bên ta, ta sẽ không chết. Amen.” Tôi làm mặt nghiêm nghị và cương quyết. Tôi không dám nói ngoa, nhưng quả thực vào lúc đó tôi mới phát hiện ra rằng mình có một ý chí sống thật mãnh liệt. Theo kinh nghiệm bản thân, tôi thấy đó không phải là một điều hiển nhiên. Có nhiều người trong số/ chúng ta chịu bỏ cuộc chỉ với một tiếng thở dài. Những người khác đã chiến đấu chút đỉnh, rồi mất hy vọng. Nhưng một số khác nữa, trong đó có tôi, thì không bao giờ bỏ cuộc. Chúng tôi chiến đấu, chiến đấu và chiến đấu. Chúng tôi chiến đấu bất kể giá nào, bất kể những gì thất bại phải chịu, bất kể sự bất khả chiến thắng. Chúng tôi chiến đấu đến tận cùng. Đó không phải là vấn đề can đảm. Nó là một cái gì đó thuộc về bản chất, một tình trạng không có khả năng đầu hàng. Có thể cũng chỉ là sự ngu ngốc của lòng ham sống mà thôi.

Richard Parker bắt đầu gầm gừ vào đúng thời điểm tôi nghĩ đến cái đó, cứ như thể nó đã đợi cho đến lúc thấy tôi đã thành một đối thủ xứng đáng. Tôi thất vọng vì sợ.

“Mau lên, nào, chóng lên”, tôi thì thào trong bụng. Tôi phải thu xếp việc sống còn của mình. Không thể phí một giây. Tôi cần nơi ẩn náu và cần ngay lập tức. Tôi nghĩ đến cái mái chèo mà tôi đã cắm vào mũi xuồng. Nhưng bây giờ tấm bạt đã cuộn lên ở đó, chẳng có gì giữ được mái chèo nữa. Hơn nữa, làm sao có thể an toàn bằng cách treo người trên một cái mái chèo như vậy được? Richard Parker sẽ dễ dàng tóm được tôi. Phải tìm cách khác. Đầu óc tôi quay như chong chóng.

Phải làm một cái bè. Những cái chèo, nếu ta còn nhớ, không bị chìm. Và tôi còn đồng áo phao với một cái phao cứu nạn trắc nịch.

Cổ thờ thật nhẹ, tôi đóng cái tủ với xuồng bên dưới tấm bạt để nhặt những cái chèo ở trên hai cái ghế bên xuồng. Richard Parker để ý. Tôi nhìn thấy nó qua các khe hở ở tấm áo phao. Khi tôi rút từng cái chèo lên – cẩn thận vô cùng, nó có phản ứng động đậy đôi chút, nhưng không quay người lại. Tôi lấy lên được ba cái chèo. Cái thứ ta đã nằm ngang trên tấm bạt. Tôi nhấc cái nắp đậy để chặn khoảng hở thông sang chỗ nằm của Richard Parker.

Tôi đã có bốn cái phao không chìm. Tôi xếp chúng trên tấm bạt, xung quanh cái phao tròn, làm thành một hình vuông. Cái bè của tôi giống như một ô cờ caroo với một chữ O vừa mới vẽ cho nước cờ đầu tiên.

Phần nguy hiểm bắt đầu. Tôi phải lấy được các tấm áo phao. Tiếng gầm gừ của Richard Parker lúc ấy đã thành một âm thanh trầm và rền, rung cả không khí. Con linh cầu đáp lại bằng một tiếng ư ử the thé và run rẩy. Chắc chắn sắp có chuyện.

Tôi không có lựa chọn nào khác. Phải hành động thôi. Tôi lại hạ thấp nắp xuống. Đồng áo phao nằm trong tầm tay với của tôi. Một số chúng chạm hẳn vào người Richard Parker. Con linh cầu đột nhiên kêu thét lên.

Tôi với đến cái áo gần nhất. Khó khăn mới túm được nó vì tay tôi run bần lên. Tôi kéo cái áo đó ra. Có vẻ Richard Parker không chú ý gì. Tôi kéo một cái áo nữa. Một cái nữa. Tôi gần muốn ngất vì sợ. Rất khó thở. Tôi tự nhủ, nếu cần thì mình có thể nhảy xuống biển với đồng áo phao. Tôi lại kéo ra được một cái nữa. Thế là có bốn cái tất cả.

Tôi luồn các mái chèo qua các lỗ tay của từng cái áo phao ở bốn góc phà, buộc chắc chúng lại với nhau, rồi giật dây bơm căng chúng lên. Tôi lấy một cuộn dây không chìm, dùng dao cắt thành bốn đoạn, rồi buộc thật chặt những đoạn hai mái chèo gác vào nhau. Nhờ trời, tôi đã được học và tập buộc các loại nút rất chu đáo. Tôi thắt mười nút trên một góc phà mà vẫn còn lo các mái chèo có thể sẽ bị lỏng và rời nhau ra. Tôi làm như lên cơn sốt, luôn mình tự rửa mình ngu ngốc. Một con hổ trên xuồng mà tôi lại đợi ba ngày ba đêm rồi mới tính chuyện tự vệ bản thân.

Tôi cắt thêm bốn đoạn dây không chìm nữa và buộc chặt cái phao cứu nạn vào bốn cạnh của cái phà vuông. Tôi luồn dây từ cái phao qua các áo phao, quanh các mái chèo, chạy ra chạy vào quanh cái áo phao và vòng qua phà. Cũng là một biện pháp đề phòng vỡ phà.

Con linh cầu bắt đầu kêu thét hết cỡ.

Vẫn còn một việc cuối cùng phải làm. “Lạy Chúa, xin cho con một lát nữa” tôi cầu khẩn. Tôi túm lấy phần còn lại của cái dây không chìm. Có một cái lỗ xuyên qua gần đỉnh của thanh nhọn mũi xuồng. Tôi luồn sợi dây qua cái lỗ ấy và thắt nút. Chỉ cần buộc chặt đầu dây kia vào bè là tôi có thể thoát.

Con linh cầu lại lặng im. Tim tôi ngừng bật, rồi đập trở lại nhanh gấp ba lần. Tôi quay lại.

“Lạy Chúa Jesus, Đức mẹ Mary, Thánh Muhammad và Thần Vishnu!” Những gì hiển hiện trước mắt tôi lúc ấy sẽ hằn lại trong tôi cho đến chết. Richard Parker đã trỗi dậy và xuất đầu lộ diện. Nó cách tôi chưa đầy năm mét. Ôi, nó mới to lớn làm sao! Con linh cầu tận số đến nơi rồi, và cả tôi nữa. Tôi đứng chôn chân tại chỗ, tê liệt hoàn toàn, hãi hùng chứng kiến những gì đang diễn ra trước mắt. Đã từng thấy hai con thú hoang bỏ xống trên xuồng quan hệ với nhau ra sao, tôi đã tưởng cuộc đổ máu sẽ phải âm ỉ và đầy vật lộn. Nhưng nó xảy ra thực sự im lìm. Con linh cầu chết không một tiếng rên la, và Richard Parker giết con linh cầu một cách im phăng phắc. Con thú ăn thịt màu lửa ấy chồm dậy từ phía dưới tấm bạt và bước tới chỗ con linh cầu. Con này đang đứng dựa vào chiếc ghế đuôi xuồng, đằng sau xác con ngựa vằn, như bị đóng đinh vào đó. Nó không chống cự. Nó khụy xuống sàn, giơ một chân trước lên trong một dáng điệu tự vệ tuyệt vọng. Về mặt nó là hình ảnh của sự hãi hùng. Mòng vuốt không lồ của con hổ bỏ xuống vai nó. Richard Parker ngoạm vào cổ nó, cặp mắt như trắng men ướt chùng to hằn ra. Tiếng thịt xương rau rầu khi thanh quản và dây sống bị nghiền nát. Con linh cầu giãy một cái. Mắt nó dờ ra. Thế là xong.

Richard Parker nhả mồi và cất tiếng gầm gừ. Một tiếng gầm gừ gần như chán nản và không hề muốn ai nghe thấy. Nó thờ dốc, lưỡi thè lè. Nó liếm mép. Nó lắc đầu. Nó hít ngửi con linh cầu đã chết. Nó ngẩng cao đầu và đón ngửi không khí. Nó chống cả hai chân trước lên mặt ghế băng và rướn lên. Hai chân nó dang rộng. Cái xuồng lắc lư, mặc dù rất nhẹ, rõ ràng đang làm nó khó chịu. Nó nhìn quanh mạn xuồng ra phía biển khơi. Nó cất một tiếng gầm trầm đặc và cau kinh. Nó lại ngửi không khí. Nó từ từ quay đầu. Nó quay, quay, quay hẳn lại đằng sau, cho đến lúc nhìn thẳng vào tôi.

Ước gì tôi có thể mô tả lại những gì xảy ra sau đó, không phải những cái tôi nhìn thấy, điều đó còn có thể tả được, mà là những gì tôi đã trải qua trong cảm giác của mình. Tôi nhìn Richard từ một góc độ thấy hết vẻ đẹp ghê gớm của nó, nghĩa là từ sau lưng, khi nó vươn người lên và quay đầu lại. Dáng điệu ấy có vẻ như cố tình làm mẫu, thậm chí hơi quá, để phô trương nghệ thuật của sức mạnh. Sự hiện diện của nó thật choáng ngợp và áp đảo, mà về uyển chuyển thì thật duyên dáng. Người nó đầy cơ bắp, nhưng các khớp nhô ra lại gầy nhỏ và bộ da bóng bẩy như đang treo lỏng lẻo trên khung xương của nó. Thân thể nó, màu da cam sáng có sắc nâu với những vạch đứng đen tuyền, đẹp không thể so sánh với cái gì được, và thật hài hòa với màu trắng tinh khiết của bộ ngực và dưới hai bên sườn cũng như những vòng đen chạy suốt bộ đuôi dài. Khổ đầu nó to và tròn, phô trương một bộ râu quai nón đáng kính nể, một chòm râu quai cằm sành điệu, và những sợi râu mép đẹp nhất trong thế giới hổ báo – dày, dài và trắng tinh. Trên đỉnh đầu là đôi tai nhỏ sinh động có hình dáng của những mái vòm tuyết hảo. Bộ mặt màu da cam cà – rốt có một sống mũi rộng, một chòm mũi màu hồng, và được thiết kế rất phóng khoáng táo bạo. Các chấm đen hình sóng chạy vòng quanh gương mặt theo một kiểu vừa nổi bật vừa tinh tế, vì chúng thu hút sự chú ý vào chúng thì ít mà vào cái phần không có chúng thì nhiều, tức là phần sống mũi sáng sủa đến mức gần như

rõ rang. Các mảng trắng phía trên mắt, hai bên má và xung quanh miệng nổi bật lên như những nét trang điểm cuối cùng xứng đáng với một vũ nữ Kathakali. Kết quả là một gương mặt trông giống như một đôi cánh bướm và mang một vẻ gì đó hơi già nua và Trung Quốc. Nhưng khi cặp mắt màu hoàng ngọc của Richard Parker gặp mắt tôi, cái nhìn chăm chăm của nó thật căng thẳng, lạnh lùng và không nhượng bộ, không dễ dãi hoặc thân thiện chút nào, biểu lộ thái độ tự chủ đến độ giận dữ sắp nổ tung ra được. Hai tai nó vẩy vẩy rồi quay vòng. Một môi bắt đầu vén lên hạ xuống, để lộ chiếc nanh vàng khè dài phải bằng ngón tay dài nhất của tôi.

Lông tóc trên người tôi dựng đứng hết cả, ngộp thở vì sợ hãi.

Đúng lúc đó thì con chuột xuất hiện. Không biết từ đâu, một con chuột nâu xơ xác hiện hình trên mặt ghế bên cạnh xuống, hốt hoảng, hết hơi. Richard Parker cũng có vẻ kinh ngạc như tôi. Con chuột nhảy vọt lên tấm bạt và chạy về phía tôi. Thấy thế, vừa choáng, vừa ngạc nhiên, hai chân tôi khuyu xuống và tôi gần như ngã vào trong cái tủ bên dưới. Trước cặp mắt kinh hoàng của tôi con chuột nhảy thoăn thoắt qua các phần của bè, vọt lên người tôi và trèo luôn lên đỉnh đầu. Những cái móng bé tí xíu của nó bám chặt xuống da đầu tôi, khur khur nín lấy sự sống.

Cặp mắt của Richard Parker đã dõi theo con chuột. Bây giờ thì chúng nhìn chăm chăm vào đầu tôi.

Nó không quay đầu thêm nữa mà từ từ xoay người đồng thời đưa hai chân trước dọc theo ghế cạnh xuống. Nó uyển chuyển và nhẹ nhàng nhảy xuống sàn xuống. Tôi có thể thấy đỉnh đầu, cái lưng và cái đuôi dài uốn cong lên của nó. Hai tai nó ép xuống sọ. Chỉ ba bước nó đã về đến giữa xuống. Cũng nhẹ nhàng như không, nó đứng hẳn nửa thân trước lên và vịn chân vào mép tấm bạt đã cuộn lên.

Nó chỉ cách tôi chừng hai mét. Đầu nó, ngực nó, chân nó – to quá! To quá! Hàm răng nó như cả một tiểu đoàn bộ binh. Nó đang sửa soạn nhảy lên tấm bạt. Tôi sắp chết rồi.

Nhưng tấm bạt bập bùng làm nó khó chịu. Nó ấn thử chân xuống chỗ này chỗ kia. Nó ngẩng lên có vẻ lo lắng – hình như khó chịu vì có quá nhiều ánh sáng và quá mênh mông ở xung quanh. Cái xuống liên tục lắc lư cũng tiếp tục làm nó không yên. Trong giây lát, Richard Parker lưỡng lự.

Tôi túm con chuột và ném về phía con hồ. Tôi vẫn còn thấy nó trong kí ức khi nó bay vọt qua trong không gian – chân duỗi hết ra và cái đuôi dựng đứng, cái búi dài dài nhỏ xíu và cái lỗ đít như lỗ châm kim. Richard Parker ngoác miệng ra và con chuột đang kêu chí chóc biến mất vào đó như một quả bóng chày chui tọt vào găng tay người bắt bóng. Cái đuôi trụi thui lụi của nó biến đi như một sợi mì ống bị mút chụt vào mồm.

Con hồ có vẻ hài lòng vì món quà. Nó lùi lại và quay về chỗ ở bên dưới tấm bạt. Chân tôi lập tức sinh động trở lại. Tôi nhảy lên và mở cái nắp tủ để bịt khoảng trống giữa mặt ghế dài mũi xuống và cái mũi bạt.

Tôi nghe tiếng hít ngửi âm ỉ và tiếng thịt nặng bị lôi kéo trên sàn. Thân thể nó dịch chuyển khiến xuống chòng chành. Tôi bắt đầu nghe tiếng ăn nhóp nhép. Tôi liếc xuống bên dưới tấm bạt. Nó đang ở giữa xuống. Nó đang ăn con linh cầu với từng miếng lớn, nhai nuốt liên tục. Không thể để lỡ cơ hội duy nhất này. Tôi với xuống và lấy lên được những chiếc áo phao còn lại – sáu chiếc tất cả - và cả cái chèo cuối cùng. Chúng sẽ củng cố thêm cho cái bè. Tôi để ý thấy mùi gì. Không phải sặc sụa như mùi nước đá hổ. Mà là mùi nôn. Và tôi thấy cả một bãi nôn dưới sàn. Chắc hẳn là Richard Parker thật. Như vậy là nó bị say sóng thật.

Tôi buộc cái dây dài vào bè. Bây giờ thì bè đã được nối vào xuống. Tiếp đó, tôi buộc thêm bốn chiếc áo phao vào bốn cạnh bè, ở phía dưới. Một chiếc áo phao nữa thì tôi buộc trải ngang qua cái phao để làm thành một cái ghế ngồi. Tôi biến cái chèo cuối cùng thành cái để gác chân, chằng vào một cạnh bè, cách cái phao chừng sáu mươi phân, rồi buộc nốt chiếc áo phao còn lại vào đó. Những ngón tay tôi run bắn, tôi hụt hơi và khó thở. Tôi kiểm tra đi, kiểm tra lại các nút buộc.

Tôi nhìn ra xung quanh. Chỉ thấy những đợt sóng dài và nhẹ. Không có sóng bạc đầu. Gió thổi nhẹ và đều. Tôi nhìn xuống nước. Có nhiều cá – cá to với bộ trán dô và các vây lưng rất dài, tôi chưa từng thấy bao giờ, và các loại cá nhỏ hơn nữa – rồi thấy cả cá mập.

Tôi nhẹ nhàng thả cái bè ra khỏi xuống. Nếu vì lí do nào đó mà nó không nổi thì tôi chỉ có chắc chết mà thôi. Nó xuống nước thật đẹp. Thực tế là các áo phao nổi mạnh đến nỗi chúng nhắc cả cái phao và các mái chèo lên hẳn mặt nước. Nhưng lòng tôi nặng trĩu. Vừa khi cái bè chạm nước, các bầy cá tản ngay ra, chỉ trừ bọn cá mập. Chúng ở lại. Ba hoặc bốn con. Một con bơi qua ngay dưới bè. Richard Parker háng giọng.

Tôi thấy mình giống như một người bị tù bọn cướp biển bắt phải nhảy xuống biển.

Tôi kéo cái bè vào gần, cho đến khi các đầu mái chèo chạm hẳn và xuống. Tôi nghiêng xuống đặt tay lên cái phao. Qua các kẽ hở trên mặt bè – gọi chúng là những khe hở toang hoác thì đúng hơn – tôi nhìn thẳng xuống những tầng sâu thăm thẳm của biển cả. Tôi nghe lại thấy tiếng Richard Parker. Tôi trườn úp bụng xuống bè. Tôi nằm bẹp gí, dang hết chân tay và không dám cựa một ngón tay nào. Cái bè có thể lật bất kỳ lúc nào. Hoặc một con cá mập sẽ lao lên cắn thủng qua các áo phao mái chèo. Nhưng không có gì xảy ra. Cái bè chìm xuống một chút, bập bênh và trông tránh, các đầu chèo chúi xuống dưới mặt nước, nhưng nó nổi một cách chắc chắn. Lũ cá mập đến gần, song không động chạm gì hết.

Tôi cảm thấy một cái giật dây nhẹ. Cái bè xoay một vòng. Tôi ngẩng đầu. Xuống và bè đã cách xa nhau bằng hết đoạn dây, chừng mười hai mười ba thước. Sợi dây căng thẳng, bật lên khỏi mặt nước và run rẩy trong không khí. Thật là một cảnh tượng đáng ghét. Tôi đã rời xuống để cứu mạng mình. Và bây giờ thì lại muốn quay lại xuống. Cái bè thật là một giải pháp chất chường. Chỉ cần một con cá mập cắn đứt dây, hoặc một cái nút bị tuột, hoặc một con cá sổng lớn ào xuống đầu tôi, thế là đi đứt. So với cái bè, chiếc xuống bây giờ dường như là một chốn cư ngụ thật tiện nghi và an toàn.

Tôi lập cập trở mình. Tôi ngồi dậy. Cho đến lúc ấy, cái bè có vẻ khá ổn định. Cái đế chân của tôi rất có tác dụng. Nhưng cái gì cũng quá nhỏ. Chỉ đủ chỗ để ngồi lên thôi, không hơn. Cái bè đồ chơi, cái bè mini, cái bè micro này có thể dùng để chu du trong một cái ao, không thể đi qua Thái Bình Dương được. Tôi núng lẩy sợi dây và kéo. Càng gần xuống, tôi kéo càng chậm lại. Khi vào đến cạnh xuống, tôi lại nghe tiếng Richard Parker. Nó vẫn đang ăn.

Tôi lưỡng lự nhiều phút dài.

Tôi ngồi nguyên dưới bè. Không biết có thể làm gì khác hơn thế. Các lựa chọn của tôi chỉ là vắt vẻo trên một con hồ hoặc lửng lơ trên bọn cá mập mà thôi. Tôi đã biết quá rõ Richard Parker nguy hiểm như thế nào. Còn cá mập thì tôi chưa thấy chúng nguy hiểm ra sao. Tôi kiểm tra các nút buộc của sợi dây vào xuống vào bè. Tôi thả dây ra cho đến khi cách xuống chừng mười mét, cái khoảng cách có vẻ cân bằng hai cái sợ của tôi: quá gần Richard Parker và quá xa chiếc xuống. Đoạn dây còn lại, khoảng ba mét gì đó, tôi cuốn vòng xung quanh cái chèo để chân. Nếu cần, tôi có thể dễ dàng thả đoạn dây đó ra.

Ngày đang tàn. Mưa bắt đầu rơi. Trời đã nặng mây và ảm áp suốt ngày. Bây giờ thì nhiệt độ hạ hẳn xuống, mưa tầm tã và lạnh. Khắp xung quanh tôi, những giọt nước ngọt nặng trĩu rơi rào rào và phỉ phạm xuống biển, làm nhẵn nheo mặt sóng. Tôi lại kéo sợi dây. Vào sát mũi xuống, tôi quì lên và ôm lấy chỗ thanh nhô. Tôi đu người lên và thận trọng nhìn qua mạn xuống. Không thấy nó đâu.

Tôi vội vàng mò vào tủ. Tôi vớ một cái hứng nước mưa, một túi nhựa năm mươi lít, một cái chăn và cuộn cầm nang. Tôi đập cái nắp tủ xuống. Tôi không định làm thế, tuy cũng lo mưa vào tướt hết những của quý của tôi, nhưng cái nắp tuột khỏi bàn tay ướt nhoẹt của tôi. Đó là một sai lầm tệ hại. Hạ cái nắp xuống đã là hành động để lộ mình cho Richard Parker nhìn thấy rồi, mà lại còn làm đến rầm một cái để gọi nó nữa! Đang phủ phục trên con linh cầu, nó lập tức quay đầu lại. Nhiều con thú rất ghét bị quấy rầy lúc đang ăn. Richard Parker gầm lên. Móng vuốt nó giương ra. Chòm đuôi nó vẩy qua vẩy lại như có động cơ điện. Tôi nhảy ào xuống bè. Chắc chắn là sợ hãi đã khiến tôi nhanh đến thế. Và cùng với gió và nước dòng, chỉ nhoáng một cái là tôi đã ra xa xuống. Tôi thả hết dây. Nhất định Richard Parker sẽ lao ra khỏi xuống, vọt qua không trung, nhe nanh giương vuốt vồ lấy tôi. Tôi không rời mắt khỏi chiếc xuống. Càng nhìn càng hãi.

Nó không xuất hiện.

Đến khi mở được cái hứng mưa ra trên đầu và buộc chân vào trong cái túi nylon, người tôi đã ướt hết cả. Nhưng tôi vẫn quần nó quanh người.

Đêm đến. Xung quanh tôi chỉ còn là bóng tối đầy đặc. Chỉ chờ vào những cú kéo giật đều đặn của sợi dây mà tôi biết mình vẫn còn nối với xuống. Bên, chỉ ở bên dưới tôi độ chục phân mà mắt tôi không thể thấy, im lặng nâng đỡ cái bè. Những ngón tay nước vụng trộm thò lên qua các khe hở và quệt ướt hết cả dít tôi.

Mưa suốt đêm. Một đêm mưa hải hung, không chớp mắt và đầy tiếng động. Mưa rơi xuống cái hứng nước rào rào như trống đánh, và rít lên trong bóng đen bủa vây khắp quanh tôi, như thể tôi đang ở giữa một ổ rắn khổng lồ đang cơn giận dữ. Gió xoay chiều thổi bạt nước mưa hết hướng này sang hướng khác, khiến thân thể tôi cứ vừa hơi khô được một chỗ thì lại ướt sũng trở lại. Tôi xoay chuyển cái hứng mưa, nhưng chỉ được vài phút lại chuyển theo hướng gió đổi chiều khác. Tôi cố giữ cho ẩm một tí ở ngực, nơi tôi cuộn hương dẫn sống còn, nhưng nước lạnh cương quyết lan khắp người tôi một cách bệnh hoạn. Tôi rét run cầm cập suốt cả đêm, lúc nào cũng lo về cái bè vỡ, dây nối với xuồng bị tuột hoặc cá mập tấn công. Hai tay tôi sờ nắn các đoạn dây và nút buộc không ngừng nghỉ, như thể đang đọc chúng như người mù đọc chữ nổi vậy.

Đêm càng khuya, gió càng mạnh và biển càng động dữ dần hơn. Sợi dây nối bè với xuồng không còn giật nhẹ nữa mà căng thẳng như một cú giật nẩy người, và cái bè tròn trĩnh mạnh không theo nhịp độ nào nhất định. Nó tiếp tục nổi, cười lên các con sóng, nhưng vì không có mạn che chắn nên sóng nước cứ việc ào qua trên người tôi như một con sông chảy qua một hòn đá giữa dòng. Nước biển ấm hơn nước mưa, song người tôi thật không còn một chỗ tí xiu nào khô ráo trong suốt đêm hôm đó.

Ít nhất thì tôi cũng được uống. Thực ra tôi không khát, mà tôi buộc mình phải uống nước. Cái hứng mưa giống như một cái ô để ngửa, một cái ô bị gió thổi lộn ngược. Nước mưa chảy vào chỗ trũng ở giữa, qua cái lỗ, vào cái ống cao – su rồi xuống cái túi chứa bằng nhựa đầy đặn và trong suốt. Lúc đầu, nước có vị cao – su, nhưng chỉ một lúc sau thì mọi thứ được rửa sạch và nước uống ngon lành.

Trong những giờ phút dài đằng đẳng, lạnh cóng và tối đen ấy, ù tai trong mưa, vất vưởng trên những ngọn sóng khi biển cả gầm rít, tôi vẫn định ninh một ý nghĩ: Richard Parker. Tôi nghĩ ra đủ các kế hoạch để thủ tiêu nó và giành lại chiếc xuồng.

Kế hoạch số một: Đẩy nó ra khỏi xuồng. Liệu có ích gì không? Trước hết là liệu có đủ sức đẩy một con hổ dữ đang còn sống và nặng hơn hai tạ ra khỏi xuồng không? Và chẳng nữa, hổ lại là loài thú bơi giỏi. Tại Sundarban, người ta đã thấy hổ bơi hàng trăm dặm ngoài biển khơi sóng dữ. Vậy thì có bị đẩy xuống biển Richard Parker chỉ việc đập vài cái, trèo lên xuồng trở lại và bắt tôi trả giá cho hành động phản bội của mình.

Kế hoạch số hai: Giết nó bằng sáu ống Morphine: Nhưng cũng không biết morphine có tác dụng gì không. Liệu có đủ để giết nó không? Và tôi sẽ tiêm morphine vào người nó như thế nào? Cứ cho là tôi có thể lừa được nó một lần và bất ngờ tiêm một ống. Nhưng làm sao lừa nó sáu lần liên tiếp? Không thể được. Chỉ cần cắm kim tiêm vào nó là tôi sẽ lãnh đủ một cú tát có thể rụng đầu rùi.

Kế hoạch số ba: Tấn công nó bằng tất cả những gì có thể dùng làm vũ khí. Phi lí và nực cười. Tôi đâu phải Tazan. Tôi chỉ là một hình nhân ăn chay yếu ớt và nhỏ bé. Muốn săn giết hổ ở Ấn Độ, cần phải cười voi khô và dùng súng lớn. Còn ở đây thì tôi làm thế nào? Ném một quả pháo sáng vào mặt nó chẳng? Xông vào nó với hai tay rìu và mồm ngậm dao găm chẳng? Giết nó bằng các kim khâu cong và thẳng ư? Làm cho nó ngứa ngáy thôi cũng là một chiến công rồi chứ đừng nói gì đến giết! Và đổi lại, nó sẽ xé tôi ra từng mảnh, chân tay, gan ruột. Một con thú bị thương nguy hiểm hơn một con thú lành mạnh rất nhiều.

Kế hoạch số bốn: Thắt cổ nó. Tôi có dây. Nếu tôi trụ ở mũi xuồng làm sao chạy được sợi dây vòng qua đuôi xuồng, rồi thắt một thông lọng vào cổ nó, tôi sẽ kéo dây khi nó lao về phía tôi. Như thế, càng cố lao vào tôi, nó sẽ càng bị thắt chặt cổ. Một kế hoạch tự vẫn thông minh.

Kế hoạch số năm: Đánh thuốc độc. Phóng hỏa. Phóng điện. Nhưng làm thế nào? Dùng cái gì.

Kế hoạch số sáu: Đánh nhau kiểu vây hãm cho chết đói. Chỉ việc để mặc nó với các quy luật khắc nghiệt của tự nhiên và tôi sẽ chiến thắng. Chẳng phải nhọc sức gì. Cứ đợi cho nó đói khát cho đến chết. Tôi có dự trữ nhiều tháng. Nó có gì? Chỉ một vài con mồi đã chết và sẽ thiu thối rất nhanh. Sau đó nó sẽ ăn gì? Và hơn nữa, nước đâu mà uống. Nó có thể nhịn ăn nhiều tuần lễ, nhưng không có con thú nào, dù khỏe đến đâu, có thể nhịn uống trong một thời gian dài.

Một tia hy vọng nhỏ nhoi lóe lên trong tôi, như ngọn nến trong đêm. Tôi đã có một kế hoạch và là một kế hoạch tốt. Chỉ cần tôi sống sót là thành công. Chương 55 Ngày rạng và mọi thứ càng tệ hơn. Vì bây giờ, ra khỏi bóng đêm, tôi nhìn thấy cả những gì mà trước đây chỉ có thể cảm thấy: Những màn mưa mênh mang từ các tầng trời cao thả đổ xuống như muốn nghiền nát tôi, và những con sóng thay nhau cuộn tôi lên cao rồi chìm tôi xuống thấp.

Mắt mờ dần, run rẩy bầy và tê dại, một tay quắp cái húng mưa, tay kia bám chặt vào bè, tôi tiếp tục chờ đợi.

Một lúc sau, với sự bất ngờ được nhân mạnh hơn nữa bằng cái yên ắng tiếp theo, mưa ngừng rơi. Trời trong, và dường như các con sóng đã theo mây mà biến đi. Thay đổi thật nhanh và triệt để, như khi ta đi từ nước này sang nước kia trên đất liền. Bây giờ thì tôi đang ở trên một đại dương khác hẳn. Một lát sau, mặt trời ngự trị trên cái vòm xanh và biển cả là một làn da mịn phản chiếu ánh sáng với ức triệu mảnh gương lấp lánh.

Tôi tê cứng hết người, đau nhức và kiệt sức, chẳng biết có nên mừng vì còn sống hay không nữa. Những từ “Kế hoạch số sáu, kế hoạch số sáu, kế hoạch số sáu”, lặp đi lặp lại trong đầu tôi như một câu thần chú và đem lại một chút an ủi, mặc dù tôi không còn nhớ nội dung của kế hoạch số sáu là gì nữa. Xương cốt tôi bắt đầu ấm trở lại. Tôi gập cái húng mưa. Tôi quán chần quanh người và nằm nghiêng, cuộn tròn sao cho không có chỗ nào chạm xuống đến nước, rồi ngủ thiếp đi. Không biết tôi đã ngủ bao lâu. Tỉnh dậy thì thấy có vẻ đã gần trưa, nóng bức. Cái chần đã gần như khô. Một giấc ngủ ngắn thật say. Tôi ngهنه cổ lên, chống một khuỷu tay.

Xung quanh tôi phẳng phiu vô tận, một toàn cảnh vô cùng tận của màu xanh nước biển. Không có gì cản tầm mắt. Cái mệnh mang đập vào tôi như một cú đâm thúc vào bụng. Tôi nằm vật xuống, đầu óc quay tít. Cái bè này chỉ là một trò đùa. Nó chỉ là vài cái que và một mẩu nút chai buộc lại với nhau. Nước trào lên qua các kẽ hở. Đáy nước thăm thẳm bên dưới sẽ khiến cho ngay cả một con chim cũng phải chóng mặt. Tôi thấy cái xuống nó chẳng hơn gì một nửa cái vỏ hạt dẻ. Nó nổi trên mặt nước cũng như mấy ngón tay đang bám víu lấy mép vực thẳm. Sớm muộn gì rồi trọng lực cũng kéo nó xuống mà thôi.

Kẻ cùng cảnh ngộ với tôi xuất hiện. Nó đứng hai chân trước lên mạn xuống và nhìn về phía tôi. Cảnh tượng một con hổ thành linh xuất hiện thì bao giờ và ở đâu cũng choáng ngợp cả, nhưng nó càng choáng ngợp hơn trong khung cảnh lúc đó. Vẻ tương phản lạ lùng giữa bộ cánh da cam tươi có vằn đen của nó với màu trắng đục của vỏ xuống thật mạnh mẽ và hấp dẫn không thể tưởng tượng được. Các giác quan mệt mỏi của tôi đột nhiên ngừng hết cả lại như một chiếc xe đang chạy hết tốc lực bị kéo hết phanh. Thái Bình Dương mệnh mông là vậy, thế mà đột nhiên giữa chúng tôi, nó trở thành chật hẹp như thể chỉ là một hào nước hẹp, không rào không gài.

“Kế hoạch số sáu, Kế hoạch số sáu, Kế hoạch số sáu”, tâm trí tôi thì thảo khẩn cấp. Nhưng kế hoạch số sáu là cái gì? A, đúng rồi. Chiến tranh vây hãm và bỏ đói. Trò chơi chờ đợi. Trò thụ động. Kệ cho mọi việc tự nó xảy ra. Quy luật sắt của thiên nhiên. Cuộc hành quân không ngừng nghỉ của thời gian và việc tàng trữ lương thực. Đó là kế hoạch số sáu.

Một ý nghĩ ré lên trong đầu tôi như một tiếng thét giận dữ: “Đồ ngu ngốc! Thành cả đàn! Đồ khi! Kế hoạch số sáu là kế hoạch dở nhất! Richard Parker đang sợ hãi biển cả như một nắm mồi của chính mình. Nhưng đói khát sẽ làm cho nó hết sợ. Và nó sẽ làm đủ thứ để thỏa mãn nhu cầu đó. Nó sẽ biến con hào nước hẹp thành một cái cầu. Nó sẽ bơi đến tận khi nào đến được bè để có thức ăn. Còn nước uống, chẳng nhẽ mi đã quên là ở Sundarbans người ta thấy hổ uống cả nước biển mặn đấy ư? Mi tưởng có thể thi gan với quả thận kiêu đó của nó hay sao? Ta nói cho mi biết, nếu mi phát động chiến tranh vây hãm và bỏ đói, mi sẽ thua! Mi sẽ chết! ĐÃ RỒ CHƯA?”.

Tôi phải có vài lời về sự sợ hãi. Sợ hãi là đối thủ thực sự duy nhất của cuộc sống. Chỉ có sợ hãi mới đánh bại được cuộc sống. Nó là một đối thủ khôn ngoan và xảo quyệt, tôi biết điều này quá rõ. Nó không có liêm sỉ, không tuân thủ bất cứ một luật lệ gì, không biết thương xót. Nó tấn công chỗ yếu nhất của ta, và bao giờ cũng tìm thấy chỗ đó một cách dễ dàng. Nó luôn tấn công trước hết vào tinh thần của ta. Ta đang bình tĩnh, chủ động, hạnh phúc. Đùng một cái, sợ hãi, nguy trang dưới dạng một nghi ngờ nhẹ nhàng, len vào tinh thần ta như một tên gián điệp. Nghi ngờ gặp phải Không tin và Không tin cố đánh bật nó ra. Nhưng Không tin là một anh lính quèn kém võ trang. Nghi ngờ loại anh này ra khỏi vòng chiến một cách dễ dàng. Ta bắt đầu lo lắng, bồn chồn. Lý lẽ liền xung trận bảo vệ ta. Ta thấy yên lòng lại. Lý lẽ được trang bị bằng một thứ vũ khí và công nghệ hiện đại nhất. Nhưng, trước sự kinh ngạc của ta, mặc dù đã có những chiến thuật siêu đẳng và một số chiến thắng không thể phủ nhận, Lý lẽ vẫn bị yếu thế. Ta lại thấy yếu lòng, hoang mang. Nỗi lo lắng và bồn chồn của ta trở thành kinh hoàng.

Lúc ấy, Sợ hãi dồn toàn lực sang cơ thể ta, vốn đã lơ mơ cảm thấy có chuyện chẳng lành đang xảy ra. Lập tức, hai lá phổi ta vỗ cánh bay mất như một con chim, còn ruột gan ta thì như bầy rắn hổ hoang trườn đi. Rồi đến lưỡi ta cứng đờ lại, còn hàm thì bắt đầu phi nước kiệu tại chỗ. Tai ta điếc đặc, còn cơ bắp bắt đầu run rẩy như sốt rét còn hai đầu gối thì bắt đầu run rẩy. Tất cả những bộ phận khác cũng vậy. Bộ phận nào cũng hỏng theo kiểu riêng của chúng. Chỉ có hai con mắt là chạy tốt. Chúng luôn chú ý tới sợ hãi.

Và thế là ta nhanh chóng có những quyết định tai hại. Ta bỏ rơi những đồng minh cuối cùng của mình là Hy vọng và Tin tưởng. Đó là lúc ta tự đánh bại chính mình. Và sợ hãi, thực chất, chỉ là ấn tượng đã đánh bại ta.

Chuyện đó rất khó nói ra bằng lời, bởi vì sợ hãi, nỗi Sợ hãi thực sự hằn sâu vào tận cốt tủy như khi ta phải đối mặt với cái chết, sẽ làm tổ trong ký ức ta như một tổ thịt thối: nó tìm cách làm thối mọi thứ, kể cả những lời sẽ phải dùng để nói về chính nó. Cho nên ta phải đấu tranh kịch liệt để diễn đạt nó ra. Ta phải chiến đấu đến cùng để làm rõ rang ánh sáng của những lời dùng để nói về nó. Bởi lẽ nếu không thế, nếu nỗi sợ hãi của ta trở thành một cõi đen tối không lời mà ta lẩn tránh, thậm chí còn có thể lãng quên, ta sẽ bỏ ngỏ chính ta cho những cuộc tấn công khác nữa của Sợ hãi, vì ta đã chưa bao giờ thực sự kháng cự kể đã từng đánh bại ta.

Chương 57 Chính Richard Parker làm tôi bình tĩnh trở lại. Điều trớ trêu trong chuyện này là lúc đầu nó đã làm tôi sợ mất mật nhưng lại cũng chính nó đem lại cho tôi sự bình yên, mục đích, và tôi dám nói rằng cả lành mạnh nữa.

Nó đang nhìn tôi rất chăm chú. Một lúc sau thì tôi hiểu ra cái nhìn của nó. Tôi đã lớn lên với nó. Đó là cái nhìn của một con thú đang bằng lòng với cuộc đời của mình, kiểu như ta đang nhìn ra ngoài sau một bữa ăn ngon trong tiệm và đã đến lúc nhìn ngó mọi người và chuyện gẫu với nhau. Rõ ràng, Richard Parker đã ăn con linh cẩu đến căng bụng và uống đã nước mưa. Nó không hề nhe răng lợi, không gầm gừ lâu bầu gì hết. Nó chỉ giản dị nhìn tôi, quan sát tôi với dáng vẻ tỉnh táo nhưng không đe dọa. Nó vẫy tai, quay đầu sang hai bên với các góc độ khác nhau, hết như loài mèo vẫn có thói như thế. Nó trông giống một con mèo to béo nuôi trong nhà, một con mèo cảnh nặng hơn hai tạ.

Nó khịt khịt, một tiếng khịt khịt từ trong mũi. Tôi đứng tại. Nó khịt khịt lần nữa. Tôi kinh ngạc. Chẳng lẽ thế?

Hồ phát ra nhiều âm thanh khác nhau. Chúng bao gồm một số tiếng gầm và tiếng gừ, to nhất trong số này có lẽ là tiếng aaoonh, rung hết các thanh đối, mà cả các đực và cái thường phát ra trong mùa giao phối. Đó là tiếng kêu vang rất xa và rộng, nếu nghe gần thì cực kì khủng khiếp. Khi bị bất ngờ, hồ hộc lên một tiếng nghe như tiếng nổ gọn và sắc của một khối giận dữ, và ngay lúc ấy khiến chân ta bật lên tháo chạy nếu không phải bị rúm lại một chỗ. Khi chúng xông vào con mồi, hồ phát ra những tiếng gầm ngắn như tiếng ho tận cổ họng, còn để dọa thì tiếng gầm của nó lại mang âm sắc khác. Hồ còn có lối phi và gù qua kẽ răng. Nghe có lúc như tiếng lá thu xào xạc trên đất, nhưng âm vang hơn một chút, hoặc nếu là một tiếng gừ giận dữ thì nghe như một cánh cửa khổng lồ đang từ từ mở ra trên những chiếc bàn lê giết, và cả hai loại âm thanh này đều làm ta buốt hết cả các đốt sống lưng. Hồ còn có nhiều âm thanh khác nữa. Khi chúng cầu nhau và rên rỉ. Chúng ư ừ nhẹ nhẹ, mặc dù không có âm điệu và không thường xuyên như mèo, và chỉ ư ừ khi thở ra. (Chỉ có mèo là ư ừ cả khi thở ra và hít vào. Đặc tính này phân biệt rõ rệt mèo với hồ. Đặc tính phân biệt nữa là chỉ có hồ mới có thể gầm. Thế cũng là tốt. Giả dụ mèo nhà mà cũng biết gầm như hồ thì chắc là chẳng ai muốn nuôi chúng như hiện nay.) Hồ thậm chí có lúc kêu meo meo như

mèo nhà, nhưng tiếng to hơn và âm vực thấp hơn, không khuyến khích người nghe cúi xuống bế chúng lên. Và hổ có thể hoàn toàn im lặng một cách oai vệ, đúng thế.

Tôi đã từng nghe tất cả những âm thanh đó từ hồi còn nhỏ. Trừ cái tiếng khụt khịt này mà người ta gọi là prusten. Sở dĩ tôi biết prusten là vì cha đã kể cho tôi biết. Trong sách cũng đã có những miêu tả về tiếng khụt khịt này của hổ. Nhưng cha đã một lần nghe thấy nó khi đến thăm và làm việc ở vườn thú Mysore, trong bệnh viện của bầy thú ở đó, từ một con hổ đực còn non đang được điều trị bệnh viêm phổi. Prusten là âm thanh im ắng nhất của loài hổ, một âm thanh phát ra qua lỗ mũi để biểu thị lòng nhân thiện và những ý định vô hại.

Richard Parker lại khụt khịt nữa, lần này thì với một động tác quay đầu. Trông nó đúng là đang cất tiếng hỏi tôi điều gì.

Tôi nhìn nó, lòng tràn đầy một sự kì diệu đáng sợ. Không thấy bị đe dọa ngay lập tức nữa, hơi thở của tôi lại dịu lại, tim không còn đập loạn xạ, và tôi bắt đầu tỉnh táo trở lại.

Phải thuận phục nó. Tôi chợt nhận ra điều đó. Không còn là vấn đề nó hoặc tôi, mà là nó và tôi. Cả nghĩa đen và nghĩa bóng, chúng tôi đang cùng hội cùng thuyền. Chúng tôi sẽ sống – hoặc sẽ chết – cùng với nhau. Nó có thể bị chết vì một tai biến nào đó, hoặc có thể chết nhanh chóng hơn vì các nguyên nhân tự nhiên, nhưng hy vọng một kết cục như vậy là một điều xấu ngốc. Điều ngược lại còn dễ xảy ra hơn, vì với thời gian, sức người yếu ớt nơi tôi sẽ không thể bền bỉ như sức vóc thú vật của nó. Chỉ khi tôi thuận phục được nó, may ra tôi mới có thể lừa nó vào cái chết trước, nếu chúng tôi bị dồn vào tình trạng đáng buồn ấy.

Còn nhiều chuyện nữa. Tôi sẽ nói hết. Tôi sẽ thú nhận một bí mật; một phần con người tôi thấy vui vì có Richard Parker. Một phần con người tôi không muốn Richard Parker chết một tí nào. Vì nếu nó chết, tôi chỉ có một mình với nỗi tuyệt vọng, một đối thủ còn ghê gớm hơn cả một con hổ. Nếu như tôi vẫn còn muốn sống, thì đó là vì Richard Parker. Nó khiến tôi không phải nghĩ quá nhiều đến gia đình tôi và hoàn cảnh bi thảm của tôi. Nó thúc tôi tiếp tục sống. Tôi căm ghét nó là vì thế, mà cũng biết ơn nó là vì thế. Đúng là tôi biết ơn nó. Sự thật hiển nhiên là: không có Richard Parker, tôi đã không còn sống để kể câu chuyện này.

Tôi nhìn ra chân trời khắp xung quanh. Chẳng phải tôi đang có một sân khấu xiếc hoàn hảo, tròn trịa, không thể đào tẩu đi đâu và cũng không có một góc ngách nào để lẩn trốn được hay sao? Tôi nhìn xuống biển. Chẳng phải đó là nguồn các món ăn có thể dùng để thưởng và dạy nó nghe lời hay sao? Tôi để ý thấy có một cái còi lung lẳng ở một chiếc áo phao. Đó chẳng phải là chiếc roi tốt để cho nó đi đúng hàng đúng lối hay sao? Còn thiếu gì nữa để thuận phục Richard Parker? Thời gian ư? Phải hàng nhiều tuần lễ trước khi có chiếc tàu nào tình cờ phát hiện ra tôi. Quyết tâm ư? Không có gì khiến ta quyết tâm bằng nhu cầu sống còn. Kiến thức ư? Chẳng phải tôi là con trai của một người chủ vườn thú đấy sao? Phần thưởng ư? Có phần thưởng nào lớn hơn chính cuộc sống? Có hình phạt nào khủng khiếp hơn cái chết? Tôi nhìn Richard Parker. Tôi không còn hoảng loạn nữa. Tôi đã chế ngự được nỗi sợ hãi. Sống còn đã nằm trong tầm tay.

Hãy nổi kèn hiệu lên. Gióng trống lên. Hãy bắt đầu màn trình diễn. Tôi đứng hẳn lên. Richard Parker để ý ngay. Đứng cho vững trên bè không phải dễ. Tôi hít một hơi dài và gào lên, “Thưa quý bà và quý ông, quý cô và quý cậu, hãy mau về chỗ của mình! Mau lên, mau lên. Quý vị không muốn bị muộn trò đâu. Hãy ngồi xuống, hãy mở mắt ra, mở lòng và chuẩn bị để được kinh hoàng. Nó đây rồi, để mang lại cho quý vị những vui vẻ mới lạ và niềm hoang lạc tràn đầy, buổi diễn mà quý vị đã chờ đợi bấy lâu nay, buổi diễn vĩ đại nhất trên trái đất này đã đến đây rồi! Quý vị đã sẵn sàng thưởng thức những điều kỳ diệu của nó chưa? Rồi phải không ạ? Vậy thì, những kì diệu này biến ảo vô cùng. Quý vị đã thấy chúng trong những khu rừng ôn đới phủ đầy tuyết trắng. Quý vị đã thấy chúng trong những khu rừng rậm nhiệt đới gió mùa. Quý vị đã thấy chúng trong những xứ sở hoang vu cây cối thưa thớt. Quý vị đã thấy chúng trên những đầm lầy nước lợ mọc đầy xoài và măng cầu. Sự thực là buổi diễn này có thể làm ở bất cứ đâu. Nhưng chưa bao giờ quý vị được thấy buổi biểu diễn ấy tại một nơi như nơi này! Quý bà và quý ông, quý cô và quý cậu, không dám nhiều lời thêm nữa, tôi xin vinh hạnh giới thiệu: “ĐOÀN XIẾC NỔI XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG, ÁN – CANADA, PI PATEL! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt!” Tôi có tác động đến Richard Parker. Ngay tiếng còi đầu tiên, nó rung mình và nhe nanh. Ha! Cứ việc nhảy xuống biển nếu máy muốn! Cứ thử đi xem nào!

“TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt! TUYÝÝÝt!” Nó gầm lên và cào hai chân trước vào không khí. Nhưng nó không nhảy. Nó có khả năng không sợ hãi biển nữa khi bị đói khát giày vò, nhưng bây giờ thì tôi phải tận dụng nỗi sợ hãi ấy của nó.

“TUYYYÝYYt! TUYYYÝYYt! TUYYYÝYYt! TUYYYÝYYt! TUYYYÝYYt! TUYYYÝYYt! TUYYYÝYYt!”
Nó lùi lại và chúi xuống sàn. Buổi huấn luyện đầu tiên thế là xong. Một thành công vang dội. Tôi ngừng
thôi còi, ngồi phịch xuống bệ, hết hơi và mệt rũ người.
Và thế là ra đời:
Kế hoạch số bảy: Giữ cho nó sống.

Tôi lôi cuốn cảm nang ra đọc. Các trang sách vẫn còn ướt. Tôi cẩn thận gỡ từng trang. Tác giả là một sĩ quan thủy quân hoàng gia Anh. Cuốn sách là một kho báu các thông tin thực dụng về việc làm sao để sống sót sau khi bị đóng tàu, bao gồm cả những mẹo nhỏ nhỏ như sau:

- * Luôn luôn đọc kỹ các hướng dẫn.
- * Đừng uống nước giải. Hoặc nước biển. Hoặc máu chim.
- * Đừng ăn sứa. Hoặc các loại cá có ngạnh. Hoặc cá có mồm như mỏ vịt. Hoặc cá có thể phồng người lên như bóng thổi.
- * Bóp mạnh hai mắt cá sẽ làm cho nó tê liệt.
- * Cơ thể tự nó rất dai sức để sinh tồn. Nếu bị thương, phải cảnh giác với các phương pháp chữa trị tưởng là hay nhưng vô căn cứ. Phương pháp lang băm là nguy hiểm nhất. Không có hộ lí nào tốt hơn là nghỉ ngơi và giấc ngủ.
- * Nhắc chân cao lên ít nhất năm phút một lần.
- * Nên tránh gắng sức không cần thiết. Nhưng đầu óc nhàn rỗi sẽ sinh u mê, cho nên cần tận dụng mọi cơ hội để có hoạt động trí não. Đánh bài, chơi trò Hai mươi câu hỏi và trò Trinh thám bằng mắt là những hình thức giải trí đơn giản tuyệt vời. Cùng nhau hát cũng là một cách nâng cao tinh thần rất hữu hiệu. Kể chuyện cũng vậy.
- * Nước có màu xanh lá cây thì nồng hơn chỗ nước có màu xanh da trời.
- * Phải cảnh giác khi thấy các đám mây ngoài xa có dáng dấp như các dãy núi. Hãy để mắt tìm màu xanh lá cây. Chỉ khi nào đặt chân lên mặt đất hãy nghĩ là mình đã lên bờ.
- * Đừng bơi. Việc này tiêu hao năng lượng. Hơn nữa, xuống cứu nạn thường trôi nhanh hơn bơi. Chưa kể các nguy hiểm khác trong khi bơi. Nếu thấy nóng, tốt nhất là đắp nước lên quần áo.
- * Đừng đái vào quần, có thể thấy ẩm một chút lúc đó nhưng sẽ ngứa ngáy rất khó chịu sau này.
- * Hãy tìm cách che nắng. Phơi nắng có thể chết nhanh hơn cả khi đói khát.
- * Khi không bị mất quá nhiều nước qua đường mồ hôi và bài tiết, cơ thể có thể sống sót được tới mười bốn ngày mà không cần nước uống. Nếu thấy khát, hãy mút một cái khuy.
- * Rùa vừa dễ bắt vừa ăn ngon. Máu rùa là đồ uống không có muối, rất bổ; thịt rùa thơm và chắc dẻ; mỡ có nhiều công dụng khác nhau; và trứng rùa thì tuyệt hảo. Cẩn thận mỏ và móng rùa.
- * Đừng để xuống tinh thần. Sờn lòng thì chấp nhận được, nhưng đừng bao giờ chịu đầu hàng. Hãy nhớ rằng: Tinh thần là quan trọng nhất. Nếu ta có ý chí sống, ta sẽ sống. Chúc may mắn!

Cũng có một vài dòng ngắn gọn chất lọc từ nghệ thuật và khoa học hàng hải. Tôi học được rằng trong một ngày đẹp trời, lặng gió và với tầm mắt ở độ cao một thước sáu, thì đường chân trời cách ta khoảng hai dặm rưỡi.

Lời khuyên đừng uống nước giải là hoàn toàn không cần thiết. Chẳng có ai bị người ta gọi là “Pissing”, nghĩa là đang đi đái, từ thời thơ ấu chịu phải chết với một cốc nước giải trên môi, ngay cả khi chỉ có một mình giữa Thái Bình Dương. Còn các lời chỉ khuyên liên quan đến các món ăn chỉ làm tôi thêm tin chắc rằng người Anh không biết được ý nghĩa của từ thực phẩm. Ngoài những chi tiết đó ra thì cuốn sách cảm nang là một tài liệu tuyệt vời. Chỉ có một chủ đề quan trọng không thấy nói đến: việc thiết lập mối quan hệ alpha – omega, chủ và tớ, với mấy con vật nuôi trên xuống cứu nạn.

Tôi phải thiết kế một chương trình huấn luyện cho Richard Parker. Tôi phải làm nó hiểu được rằng tôi là con hổ đầu đàn và rằng lãnh thổ của nó chỉ là dưới sàn xuống, kể từ cái ghế đuôi đến cái ghế giữa mà thôi. Tôi phải ấn vào đầu nó một ý thức rõ ràng rằng phần mũi bạt và khu vực mũi xuống, kể cho đến cái ghế nữa, là lãnh thổ của tôi, và tuyệt đối nó không được xâm phạm.

Tôi phải bắt đầu nghĩ cách câu cá càng sớm càng tốt. Chẳng mấy chốc, Richard Parker sẽ ăn hết chỗ thịt chết kia ở trên xuống. Trong vườn thú, một con hổ hoặc sư tử đã trưởng thành trung bình ăn hết khoảng năm cân thịt mỗi ngày.

Và còn nhiều việc khác phải làm. Tôi phải tìm phương tiện che chắn cho mình. Nếu Richard Parker chúi dưới tấm mũi bạt suốt ngày như thế là có lí do chính đáng lắm. Liên tục ở ngoài trời như thế này, nắng, mưa, gió, biển, sẽ làm kiệt quệ cả cơ thể lẫn tinh thần. Tôi đã chẳng đọc thấy rằng mưa nắng có thể đưa đến một cái chết rất nhanh đó hay sao? Tôi phải làm một cái mái che kiểu gì đó cho mình.

Tôi phải buộc cái bè vào với chiếc xuống bằng một sợi dây nữa, để phòng cái dây hiện nay bị đứt hoặc lỏng ra.

Tôi phải cải thiện bè. Hiện thời thì nó nổi đấy, nhưng khó lòng ở trên nó lâu được. Tôi sẽ phải làm cho nó tiện nghi hơn để sống cho tới khi có thể dọn về và ổn định chỗ của mình trên xuồng. Chẳng hạn như phải làm sao vẫn ở trên bè mà không bị ướt. Da dẻ tôi nhăn nhúm và sưng tấy khắp người do liên tục bị ướt. Tình trạng đó phải chấm dứt. Và cũng phải tìm cách cất giấu đồ ngay trên bè nữa.

Tôi phải thôi đừng hi vọng quá nhiều vào chuyện một con tàu sẽ đến cứu tôi. Không nên chờ đợi cái gì khác. Việc sống còn phải bắt đầu từ chính bản thân mình. Theo kinh nghiệm của tôi, sai lầm tệ hại nhất của một nạn nhân đắm tàu là hi vọng quá nhiều và hành động quá ít. Việc sống còn bắt đầu bằng ý thức để ý đến những gì sờ thấy lấy được. Trông chờ xa xôi với niềm hi vọng lười nhác cũng có nghĩa là mộng mị để cuộc sống của mình tuột đi dần dần.

Có biết bao nhiêu việc tôi phải làm.

Tôi phóng tầm mắt về phía chân trời trống rỗng. Sao mà nhiều nước đến thế. Còn tôi thì chỉ có một mình. Chỉ có một mình.

Tôi bật khóc. Nước mắt tôi nóng bỏng. Vùi mặt vào hai khoeo tay, tôi khóc tẩm tức. Tình trạng của tôi chắc chắn là vô vọng rồi.

Một mình hay không, mất hay còn, tôi vẫn thấy đói và khát. Tôi kéo dây. Nó hơi căng. Lông tay kéo là nó tuột đi, và khoảng cách giữa cái bè và xuồng lại tăng lên. Có nghĩa là chiếc xuồng trôi nhanh hơn và chiếc bè đang kéo nó theo. Tôi để ý thấy hiện tượng đó nhưng không nghĩ gì về nó. Đầu óc tôi còn đang tập trung vào những hành động của Richard Parker.

Trông thì có vẻ như nó đang ở dưới tấm bạt.

Tôi kéo dây cho tới khi đến sát cạnh mũi xuồng. Tôi rướn lên mép xuồng. Và khi đang kéo xuồng, chuẩn bị tấn công vào cái tủ đựng đồ, một loạt các con sóng ào đến khiến cho tôi phải nghĩ. Và tôi nhận ra rằng với cái bè ở ngay sát cạnh, chiếc xuồng đã đổi hướng trôi. Nó không còn đi vuông góc với các ngọn sóng nữa và quay ngang sườn về phía chúng và bắt đầu lắc ngang từ bên này sang bên kia, kiểu lắc làm cho nôn nao hết cả bụng. Tôi chợt hiểu ra: Cái bè, khi ở xa chiếc xuồng thì có tác dụng như một cái neo có lực kéo khiến cho xuồng trôi trực diện qua các con sóng. Sóng và gió ổn định thường có chiều vuông góc với nhau. Cho nên nếu một chiếc xuồng bị gió đẩy đi nhưng lại bị neo nổi kéo lại, nó sẽ quay đầu vào vị trí ít cản gió nhất, tức là nằm xuôi theo chiều gió và vuông góc với sóng. Lúc ấy, nó dập dềnh theo chiều mũi và đuôi xuồng, dễ chịu hơn nhiều so với tình trạng lắc lư theo chiều ngang. Khi cái bè đã ở sát cạnh xuồng thì tác dụng neo kéo của nó mất đi, không có gì giữ cho xuồng đi xuôi gió nữa, và nó liền quay ngang.

Một chi tiết nhỏ nhất ấy thôi sẽ cứu mạng tôi và sẽ khiến cho Richard Parker phải hối hận.

Như thể khẳng định cho ý nghĩ thoáng qua ấy của tôi là đúng, tôi nghe thấy nó gừ lên một tiếng. Đó là một tiếng gừ bất an, có một âm hưởng khó chịu và sống sượng rất khó định nghĩa. Nó có thể là một tay bơi lội cừ, nhưng không phải một phù thủy ra trò.

Tôi còn có cơ hội.

Có vẻ như tôi đã quá tự phụ về khả năng chi phối nó, nên ngay lúc ấy trời gửi đến cho tôi một dấu hiệu cảnh cáo rất lạ. Hình như Richard Parker là một cây nam châm sống với sức hút mãnh liệt đến nỗi các sinh vật ở gần nó không thể chịu nổi. Tôi đang sắp chèo lên mũi xuồng thì chợt nghe có tiếng xoèn xoẹt nhẹ nhẹ. Có cái gì nhỏ nhỏ rơi xuống nước ngay cạnh tôi.

Đó là một con gián. Nó nổi bập bênh được một hai giây thì bị một cái miệng dưới nước nuốt chửng. Lại một con gián nữa rơi xuống nước, một phút sau đó, đã có khoảng chục con gián thi nhau nhảy xuống nước lồm bồm cả hai bên mạn xuồng. Con nào cũng nhanh chóng bị cá nuốt chửng.

Những hình thức sống ngoại lai đang rời bỏ chiếc xuồng.

Tôi thận trọng nhìn qua mép xuồng. Vật đầu tiên lọt vào mắt tôi là một con gián thật to, chắc là thủ lĩnh của cả bộ lạc gián trên xuồng nước lồm bồm cả hai bên mạn xuồng. Con nào cũng nhanh chóng bị cá nuốt chửng.

Những hình thức sống ngoại lai đang rời bỏ chiếc xuồng.

Tôi thận trọng nhìn qua mép xuồng. Vật đầu tiên lọt vào mắt tôi là một con gián thật to, chắc thủ lĩnh của cả bộ lạc gián trên xuồng, đang nằm trong một nếp gấp của tấm bạt phía trên cái ghế mũi xuồng. Tôi ngấm con gián, tự nhiên thấy rất lạ. Khi nó đã quyết định là đã đến lúc, con gián giương cánh bay lên không trung với một âm thanh thật tinh tế, dừng lại một tí trên cao như thể đang kiểm tra xem còn có con nào khác ở lại trên xuồng nữa không, rồi nhào xuống biển để đón nhận cái chết.

Bây giờ thì chỉ còn hai chúng tôi. Trong năm ngày, toàn bộ dân số gồm khi độc, ngựa vằn, linh cẩu, chuột, ruồi, và gián đã bị tiêu diệt. Không kể bọn vi trùng và rồi bọn có thể vẫn sống trong chỗ thối chết của các con vật kia, trên xuồng không còn ai khác đang sống ngoài Richard Parker và tôi.

Ý nghĩa đó chẳng dễ chịu chút nào.

Tôi nhồm lên và nín thở mở nắp cái thùng. Tôi cố tình không nhìn xuống dưới tấm bạt vì sợ rằng nhìn sẽ giống như một tiếng kêu có thể sẽ đánh động Richard Parker. Chỉ khi cái nắp thùng đã dựa vào tấm bạt rồi, tôi mới dám để ý xem phía bên kia có những gì.

Mùi khai xộc vào mũi tôi, mùi khai khắn rất choáng của nước đáỉ hổ vẫn thường thấy trong vườn thú. Hổ là con vật rất có ý thức về lãnh thổ, và chúng đánh dấu lãnh thổ bằng nước đáỉ của mình. Vậy là rất tốt, cho dù thật là khai, vì mùi nước đáỉ này chỉ bốc ra từ bên dưới tấm bạt mà thôi. Richard Parker hình như chỉ chiếm lĩnh khu vực sàn xuồng. Có hy vọng rồi. Nếu tôi chiếm được khu vực mũi bạt, nó với tôi sẽ có thể cùng chung sống được.

Tôi nín thở, cúi đầu xuống và ngó nghiêng qua mép cái nắp về phía bên kia. Dưới sàn xuống có khoảng mười phân nước mưa đọng lại và sóng sánh bên này bên kia. Đó là cái ao riêng của Richard Parker. Nó đang làm đúng điều mà tôi cũng sẽ làm trong hoàn cảnh của nó: trốn trong bóng mát. Ngày mỗi lúc một nóng bức rất khó chịu. Nó nằm bẹp, quay đuôi về phía tôi, hai chân sau duỗi dài và dang rộng, móng vuốt chống ngược, bụng và bẹn sát tịt xuống sàn. Trông thì buồn cười nhưng rõ ràng là một tư thế rất dễ chịu.

Tôi trở lại với việc sống còn của mình. Tôi mở một hộp đồ ăn cấp cứu và ăn đến căng bụng, hết khoảng một phần ba hộp. Rất lạ là chỉ một chút thể thôi cũng đã làm no bụng tôi rồi. Sắp sửa uống nước từ trong cái túi nước mưa vẫn quàng qua cổ thì tôi nhìn thấy mấy cái bình đựng nước có chia độ. Nếu không nhúng mình xuống nước được như nó, liệu tôi có quyền nhấp một chút nước ấy không? Nguồn nước riêng của tôi không thể vô tận được. Tôi vớ một cái bình đựng, cúi xuống, hạ cả cái nắp theo mình cho đến khi nhúng được cái bình vào nước ao của Richard Parker, chỉ cách hai bàn chân sau của nó độ hơn một thước. Hai bàn chân chống ngược với đám lông ướt của nó giống như hòn đảo nhỏ nổi lên giữa đám rong biển.

Tôi múc được đến nửa lít nước. Không trong lắm. Đầy những bụi bẩn lửng lơ. Tôi có lo uống phải vi trùng không ư? Thậm chí tôi không hề nghĩ đến chuyện đó. Trong đầu tôi chỉ biết có cơn khát của mình. Tôi nốc cạn cả bình nước, rất thỏa mãn.

Thiên nhiên lúc nào cũng lo giữ quân bình, cho nên chẳng lạ gì ngay lập tức tôi thấy buồn đói. Tôi đái vào cái bình. Đứng đến mức nước mà tôi đã vừa uống. Và lập tức thấy thèm được uống nữa. Tôi do dự. Tự nhiên muốn nghiêng bình uống luôn. Tôi cố chống lại cơn thèm đó mà thật khó. Xấu hổ gì mặc kệ, tôi thấy nước đái ở trong bình thật ngon lành. Chưa bị mất nước nhiều, nên nước đái của tôi vẫn còn màu trong. Nó sáng lên dưới ánh mặt trời, trông như một bình nước táo. Và nó đảm bảo tươi nguyên, chứ không như thứ nước uống đóng hộp dự trữ của tôi. Nhưng tôi chế ngự được mình. Tôi tưới nước đái của mình lên tấm bạt và nắp thùng để khử khuẩn định lãnh thổ của mình.

Tôi trộm được thêm hai bình nước nữa của Richard Parker, lần này thì không bị đi đái, và cảm thấy mình tươi tắn như một đóa hoa vừa được tưới.

Bây giờ là lúc phải cải thiện tình hình của mình. Tôi quay về với một nội dung của cái tủ và những hứa hẹn của nó.

Tôi lấy một sợi dây thứ hai và buộc thêm vào cái bè.

Tôi phát hiện ra công dụng của cái máy cất nước bằng ánh nắng mặt trời. Nó biến nước biển thành nước uống được. Cái máy bao gồm một bộ phận chất dẻo trong suốt lên thành hình chóp nón, chụp lên trên một hộp nổi có dạng như cái phao cứu nạn, trên mặt có căng một tấm vải bọc cao su đen. Nước biển chứa trên tấm vải đen được mặt trời đun nóng lên và bốc hơi, đọng lại dưới bộ phận chóp nón. Thứ nước cất này chảy xuống máng rồi được thu góp vào một cái túi. Trên xuống có mười hai cái cất nước như vậy. Tôi đọc cái hướng dẫn sử dụng rất cẩn thận (như học được từ cuốn cẩm nang sống sót), rồi thổi căng cả mười hai cái chóp nón, đổ đầy mỗi thùng phao được tới mười lít nước biển. Tôi buộc các máy cất nước vào với nhau, chẳng một đầu dây vào xuống và đầu kia vào bè, vừa để giữ an toàn cả mười hai cái cất nước cho dù một đầu dây có bị tuột, vừa để có thêm một đầu dây nữa nối xuống với bè. Các máy cất nước trông đẹp và có vẻ rất khoa học kỹ thuật khi chúng nổi trên mặt nước, nhưng trông chúng cũng có vẻ bấp bênh và không biết chúng có làm ra nước uống thật hay không.

Tôi quay sang cải thiện cái bè. Tôi rà lại từng nút buộc, không để cái nào lỏng lẻo. Sau một hồi suy tính, tôi quyết định biến cái chèo thứ năm, vẫn dùng để gác chân, thành một cái cột buồm. Tôi tháo nó ra. Dùng cạnh lưỡi của con dao săn, tôi hì hục cắt một cái khấc vào mái chèo, quãng giữa thân, rồi dùng mũi dao khoét ba lỗ thủng qua phần bẹt của mái chèo. Việc thì chậm nhưng tốt. Tôi suy tính liên miên. Khi đã xong, tôi buộc cái chèo theo tư thế thẳng đứng vào phía trong một cái góc bè, phần bẹt lên trên, phần cán khấc để giữ cho mái chèo không bị tụt xuống. Tiếp theo, để đảm bảo cột buồm sẽ đứng thẳng, cũng như có được những đường dây qua ba cái lỗ đã khoét và buộc căng chúng xuống các đầu của những mái chèo nằm ngang của bè. Tôi buộc cái áo phao trước đây đã chẳng vào cái chèo gác chân vào chân cột buồm. Nó sẽ có hai tác dụng: vừa tăng thêm độ nổi để bù vào sức nặng thẳng đứng của cột, vừa làm một cái chỗ hơi cao lên để ngồi.

Tôi ném một cái chằng lên trên dàn dây căng. Nó trôi tuột xuống. Góc chằng dây quá dốc. Tôi gập cái chằng theo chiều dài, cắt hai lỗ quãng giữa, cách nhau chừng ba mươi phân, rồi nối hai lỗ ấy bằng một đoạn dây ngắn. Tôi lại ném cái chằng lên, lần này thì có đoạn dây ở giữa chằng để buộc vào cột. Thế là có một cái dù che.

Tôi mất gần hết ngày hôm đó để sửa sang lại cái bè. Rất nhiều chi tiết phải để ý đến. Công việc chẳng dễ dàng gì vì lúc nào sóng cũng làm bè bập bênh. Rồi lại phải dè chừng Richard Parker suốt ngày. Kết quả

không có gì đáng gọi là mỹ mãn. Cái cột buồm, là tôi cứ gọi thế, chỉ cao hơn đầu tôi chừng năm bảy phân. Còn sàn bè thì chỉ đủ rộng để ngồi xếp bằng hoặc nằm co gần như là trong bụng mẹ. Nhưng tôi không phàn nàn gì cả. Cái bè chịu được biển cả, và nó giữ cho tôi cách xa Richard Parker.

Khi làm xong các việc đó thì đã gần hết chiều. Tôi lấy một hộp nước, một cái mở hộp, bốn cái bánh trong khẩu phần cấp cứu và bốn cái chần. Tôi đóng cái tủ lại (lần này rất nhẹ nhàng), ngồi vào bè và thả dây. Chiếc xuồng trôi đi. Sợi dây chính căng ra, trong khi sợi dây bảo hiểm mà tôi đã cố tính buộc dài hơn thì chùng lại. Tôi trải hai cái chần xuống dưới, gấp cẩn thận để chúng khỏi chạm xuống mặt nước. Tôi quần hai cái chần kia quanh vai và dựa lưng vào cột. Ngồi lên thêm một cái áo phao như thế rất thích, chỗ ngồi có cao hơn một chút. Thật ra cũng chẳng cao ráo gì nhiều, chỉ như người ngồi trên một cái gối dày vút dưới sàn nhà, nhưng dù sao thì tôi cũng hy vọng sẽ không bị ước nhiều.

Bữa ăn thật ngon khi tôi vừa ăn vừa ngắm mặt trời lặn trên bầu trời không một gợn mây. Đó là một thoáng thư giãn. Vòm trời rộng lớn bao trùm thế giới với những sắc màu hùng tráng. Những vì sao hào hức hiện dần ra, và ngay khi bức màn màu sắc kia bị kéo xuống một chút thôi là chúng bắt đầu sáng rực lên trên nền xanh sẫm. Gió thổi thành những làn nhẹ nhàng và ấm áp, còn biển cả thì chuyển mình từ tón, mặt nước nhấp nhô như thể có những đám người múa thành từng vòng tròn, gợn tay lên, tản ra rồi lại tụ lại với nhau, hết vòng này đến vòng khác.

Richard Parker đã ngồi dậy. Chỉ thấy cái đầu và một ít vai nhô lên khỏi mạn xuồng. Nó nhìn ra. Tôi hét lên, “Này Richard Parker!” và vẫy tay. Nó nhìn tôi. Nó hít hoặc khịt mũi, cả hai động từ này đều không tả chính xác được. Prusten rồi. Thật là một con thú tuyệt vời. Thật quý phái. Đúng là một con hổ hoàng gia Bengal. Tôi may mắn thật đấy chứ. Thử nghĩ xem nếu tôi phải ở với một con vật trông ngốc nghếch hoặc xấu xí, một con tapir hoặc đà điểu, hoặc một bầy già tây chẳng hạn thì sao? Nhất định là quan hệ của chúng tôi sẽ khó khăn hơn nhiều.

Nghe có tiếng quấy nước, tôi nhìn xuống và há mồm vì kinh ngạc. Thế mà tôi cứ tưởng chỉ có một mình. Sự im ắng trong không trung, vẻ huy hoàng của ánh sáng, và cảm giác tương đối an toàn, những cái đó đã khiến tôi tưởng vậy. Bao giờ cũng có một yếu tố im ắng và cô đơn trong cảm giác bình yên. Có phải không nhỉ? Khó lòng tưởng tượng mình có thể thấy bình yên trong một ga tàu điện ngầm đông đúc, có đúng không nào? Vậy thì những nhện nhạo này là cái gì đây?

Chỉ có một cái liếc nhìn tôi đã phát hiện ra rằng biển là cả một thành phố. Ngay phía dưới tôi, khắp xung quanh, tôi bất ngờ nhận ra những đường cao tốc, đại lộ, phố xá và bùng bình chật ních xe cộ ngầm dưới nước. Trong nước, chúng thật đầy đặc, trong như thủy tinh và lăm lăm hàng triệu triệu những li ti rêu tảo, những loài cá như những làn xe tải, xe buýt, xe con, xe đạp và người đi bộ đang chạy như điên, rõ ràng là đang bóp còi inh ỏi và gọi nhau í ới. Màu chủ đạo là xanh lá cây. Dưới các tầng nước sâu khác nhau, nơi mắt tôi có thể dõi đến, tôi thấy những vệt óng ánh của những bong bóng xanh lá cây có dạ quang mà các con cá bơi rất nhanh để lại đằng sau. Vệt này phai đi, lập tức lại xuất hiện. Chúng hiện theo đủ các hướng. Chúng giống như các bức ảnh chụp để mờ ống kính thật lâu của các thành phố ban đêm, với những vệt đỏ kéo dài do đèn hậu của những chiếc xe hơi tạo ra trên phim. Chỉ có khác là ở đây có làn xe phóng đi chòng chẹo lên nhau như thể dọc các mạng lưới đường vượt cao lên hàng chục tầng nhà. Và ở đây xe cộ có những màu sắc điên rồ nhất. Những con cá dorado – có tới hơn năm chục con đang tuần tiễu ngay bên dưới bè – khoe ra màu vàng rờn sáng rỡ, màu xanh lục và xanh lam khi chúng lượn qua lượn lại. Những con cá khác mà tôi không thể nhận diện thì đủ cả vàng, nâu, xanh lơ, đỏ, hồng, xanh lá cây, trắng, kết hợp đủ kiểu, đơn sắc, sọc, vân, chấm. Chỉ có bọn cá mập là nhất định không chịu có màu sắc gì hết. Nhưng cho dù xe cộ màu nào đi nữa thì tất cả chúng đều có chung một đặc tính là phóng như điên. Có nhiều vụ đụng xe – tất cả đều có tử vong, phải nói thế - và một số xe bị hất tung ra khỏi luồng, đàn lung tung và nhào vọt lệ khỏi mặt nước để rồi lại rơi xuống trong một chùm bọt sáng lóa. Tôi ngây người ngắm nhìn cảnh đô thị hỗn độn đó như quan sát một thành phố từ trên kính khí cầu. Đó thật là một cảnh tượng kì vĩ, choáng ngợp. Chắc chắn là Tokyo cũng có cảnh tượng tợ vào giờ cao điểm.

Tôi nhìn mãi cho tới khi các ngọn đèn lần lượt tắt đi trong thành phố đó.

Từ tàu Tsimtsum, tôi chỉ nhìn thấy những con cá heo. Tôi đã đồ rằng Thái Bình Dương, ngoài những đàn cá kéo nhau từng lũ đi qua, chỉ là một vùng nước thừa thớt sự sống và phí phạm. Từ bấy đến nay, tôi đã vỡ ra rằng tàu thủy trở hàng đi quá nhanh so với cá. Khả năng nhìn thấy sự sống dưới biển từ trên tàu thủy cũng chỉ như khả năng nhìn thấy các con thú hoang trong rừng từ trên một chiếc xe chạy ngoài xa lộ. Cá heo, là loài bơi rất nhanh, chơi đùa quanh tàu thuyền cũng như chó hay chạy đuổi theo xe: chúng chạy theo cho đến khi không thể theo kịp nữa. Nếu muốn nhìn thấy các con vật hoang dã, phải đi bộ, rón rén,

và có ý thức thám hiểm khu rừng đó. Ngoài biển cả cũng vậy. Ta phải thả bộ qua Thái Bình Dương với những bước chân từ tốn, là nói vậy, thì mới có thể thấy được kho báu vô biên trong lòng nó. Tôi nằm nghiêng. Lần đầu tiên sau năm ngày, tôi cảm thấy một chút thanh thản. Một tia hy vọng – mà tôi đã xứng đáng được có sau bao công sức – sáng lên trong lòng tôi. Tôi ngủ thiếp đi.

Tôi thức dậy một lần trong đêm đó. Tôi gạt cái dù che sang một bên và nhìn ra ngoài. Vầng trăng lưỡi liềm có đường viền thật sắc nét và bầu trời trong vắt hoàn hảo. Những vì sao tỏa sáng thật mãnh liệt mà cũng rất kiềm chế, đến nỗi thật vô lý nếu gọi đó là đêm tối. Biển nằm yên, tắm trong thứ ánh sáng e ấp và lấp lánh, một màn khiêu vũ của màu đen và màu sáng bạc trải dài vô tận khắp xung quanh tôi. Cái gì cũng như có khối sâu và dày – khối không trung bên trên tôi, khối nước xung quanh và bên dưới tôi. Tôi vừa cảm động vừa sợ hãi. Tôi cảm thấy mình giống như nhà hiền triết Markandeya, từ trong miệng thần Vishnu ngã ra ngoài khi thần đang ngủ và nhìn thấy toàn thể vũ trụ, tất thấy mọi thứ trong vũ trụ. Trước khi nhà hiền triết có thể chết vì sợ hãi, thần Vishnu tỉnh dậy và lại quăng ông vào miệng mình. Lần đầu tiên tôi nhận thấy – và còn sẽ nhận thấy điều đó nhiều lần trong suốt cơn hoạn nạn của mình, giữa những cơn đau đớn và tuyệt vọng – rằng khổ nạn của tôi đang xảy ra trong một cảnh trí thật lớn lao. Tôi nhìn nhận khổ nạn của mình đúng như bản chất của nó, hữu hạn và chẳng có nghĩa lý gì, đến nay vẫn vậy. Sự khổ nạn của tôi chẳng vừa vào đâu cả, tôi biết thế. Và tôi có thể chấp nhận điều này. Chẳng sao cả. (Chỉ có ban ngày là tôi phản đối: “Không! Không! Không! Khổ nạn của tôi có nghĩa lý của nó. Tôi muốn sống! Tôi không thể không hòa trộn cuộc sống của tôi với cuộc sống của vũ trụ. Cuộc sống là một cái lỗ nhìn trộm, một lối duy nhất và bé xíu để đi vào cõi vô cùng – làm sao tôi lại không thể tận hưởng thêm một chút cảnh tượng của muôn vật có thể thấy được qua cái lỗ ấy? Tôi chỉ có cái lỗ bé tí ấy thôi mà!” Tôi lúng búng những lời cầu nguyện của đạo Hồi và nằm xuống ngủ tiếp.

Sáng hôm sau, tôi không đến nỗi ớn lạnh và cảm thấy khỏe khoắn. Tôi nghĩ điều đó rất đáng nói, nếu xét đến những khó khăn lo lắng và tôi đang phải chịu đựng lúc bấy giờ, cũng như việc tôi đã ăn rất ít trong nhiều ngày liền.

Hôm ấy trời đẹp. Tôi quyết định thử câu cá, lần đầu tiên trong đời. Sau bữa điểm tâm ba cái bánh qui và một hộp nước, tôi đọc những gì viết về chủ đề này trong cuốn sách cầm nang sống còn. Vấn đề đầu tiên: mồi câu. Tôi suy tính chuyện đó. Có thịt chết, nhưng lấy chộm đồ ăn ngay dưới mũi hổ thì tôi không dám. Nó không thể hiểu được rằng đó là một khoản đầu tư sẽ đem lại cho nó những món lợi tuyệt hảo. Tôi quyết định dùng da giấy. Tôi chỉ còn một chiếc. Chiếc kia đã tuột mất khi đắm tàu.

Tôi bò lên xuống và lấy từ một thùng đồ lên một bộ đồ câu, con dao và một cái xô để cá câu được. Richard Parker đang nằm nghiêng một bên. Đuôi nó nhảy dựng lên khi tôi leo lên mũi xuống nhưng đầu nó không động đậy. Tôi thả bè ra xa.

Tôi buộc lưỡi vào dây câu qua một đoạn thép dẫn mồi. Thêm mấy hòn chì. Tôi chọn ba hòn có hình giống như thủy lôi. Rồi cởi giấy và cắt nó thành từng mẩu nhỏ. Không phải dễ, vì da giấy rất dai và cứng. Tôi cẩn thận luồn mũi câu vào một mẩu da dẹt, không đâm xuyên qua mà cố gài nó vào trong sao cho đầu nhọn lưỡi câu không lộ ra ngoài. Tôi buông dây xuống thật sâu. Tối hôm trước tôi đã nhìn thấy biết bao nhiêu là cá và nghĩ rằng sẽ rất dễ cắn câu.

Thế mà chẳng được con nào. Cả chiếc giấy biến dần từng mẩu một. Dây cứ thấy động hết cái này đến cái khác, cá cứ thi nhau ăn mà không mắc câu, tôi cứ liên tục thay mồi, cho đến lúc chỉ còn một cái để và dây giấy. Khi thấy đoạn giấy giấy không hấp dẫn như một con giun làm mồi câu, tôi nuốt quá liên tục vào cái lưỡi câu cả cái để giấy to tướng. Thật là một ý tưởng không hay. Tôi thấy cái dây câu bị kéo nhẹ một cái, rồi căng ra rất hồi hộp, sau đột nhiên nhẹ bỗng. Tôi kéo lên, chỉ còn có dây mà thôi. Tôi đã mất cả chì lẫn chài.

Mất mát đó không làm tôi nản lòng nhiều lắm. Trong bộ đồ câu vẫn còn nhiều lưỡi thép dẫn mồi và các hòn chì khác, và ngoài ra còn cả một bộ đồ câu khác còn nguyên. Mà thực ra tôi câu cá đâu phải cho mình ăn. Tôi có rất nhiều đồ dự trữ mà.

Mặc dù vậy, một phần trí khôn của tôi, cái phần thường nói ra những điều ta không muốn nghe, la lối rầm rĩ.

“Ngu ngốc thì phải trả giá. Lần sau thì người nên thận trọng và thông minh hơn.” Gần hết buổi sáng hôm đó thì con rùa thứ hai xuất hiện. Nó bơi thẳng lên bè. Nếu muốn, nó đã có thể đâm lên và cắn vào đít tôi. Khi nó quay người bơi đi, tôi với xuống định tóm lấy hai chân sau của nó, nhưng vừa chạm tay vào nó tôi đã rút ngay tay lại vì sợ. Con rùa bơi đi mất.

Vẫn cái phần trí khôn đã la lối tôi trong vụ câu cá thất bại kia lúc này lại lên tiếng. “Người định nuôi cái con hổ kia bằng gì, nói rõ xem nào? Người nghĩ nó sẽ sống được bao lâu với cái xác mấy con vật kia? Ta có phải nhắc người là hổ không phải là loài ăn thịt chết? Công nhận rằng lúc đói gần chết thì nó cũng sẽ bịt mũi nhắm mắt mà ăn. Nhưng người có nghĩ rằng trước khi phải chén con ngựa vằn đã thối rữa kia, nó sẽ cố gắng ăn thịt thẳng cu Ấn Độ vẫn còn tươi sống nguyên lành và chỉ cách nó vài sải bơi ngắn mà thôi không? Rồi còn tình hình uống nước thì sao? Người biết là hổ không chịu được khát kéo dài. Người có để ý mùi hôi từ mồm miệng nó phả ra không? Dấu hiệu xấu đấy. Chẳng nhẽ người hy vọng nó sẽ uống cạn Thái Bình Dương để thỏa cơn khát và do vậy cho phép người cứ thế đi bộ đến châu Mỹ hay sao? Phải công nhận khả năng uống nước biển đáng kinh ngạc của bảy hổ vùng Sandarbans. Có thể là vì chúng sống nhiều đời rồi trong các khu rừng chằm ngập mặn. Nhưng khả năng đó chỉ có hạn mà thôi. Người ta đã chẳng viết rằng hổ phải uống nhiều nước muối quá sẽ thêm thịt người hay sao? Chao ôi, hãy nhìn kia. Nhắc đến quỷ thì quỷ xuất hiện. Nó kia kia. Nó đang ngáp kia. Kinh chưa, cả một cái hang khổng lồ. Hãy nhìn những cái răng dài như nhũ đá kia của nó. Biết đâu hôm nay người sẽ có dịp vào đó chơi.” Lưỡi của Richard Parker, to và có màu sắc như một cái túi cao su đựng nước nóng để chườm, lè ra rồi thụt vào sau khi nó ngáp. Nó nuốt khan.

Suốt ngày hôm ấy tôi lo lắng đến phát ốm. Tôi không dám đến gần chiếc xuống. Nhưng khác với nỗi lo lắng của tôi, Richard Parker yên lặng cả ngày hôm đó. Nó vẫn còn chỗ nước mưa và chưa lo gì đến chuyện đói. Nhưng nó cũng đánh động theo nhiều cách – gầm, gừ, gầm giong, rên rầm theo kiểu hổ - nghĩa là không muốn làm cho tôi yên lòng. Câu đó có vẻ như không có lời giải: muốn câu thì phải có mồi,

mà muốn có mồi thì tôi phải câu được cá. Làm sao bây giờ. Lấy ngón chân ra làm mồi chẳng? Hay cắt bớt một tai.

Rồi một giải phát tự nó xuất hiện cuối buổi chiều hôm đó một cách bất ngờ. Tôi kéo dây bè và lặn vào cạnh xuống. Hơn nữa: tôi đã treo hẳn lên xuống và đang lục lọi cái tủ xem có tìm thấy ý tưởng gì có thể cứu mình được không. Tôi đã buộc cái bè cách xuống chừng gần hai thước. Tôi tưởng tượng rằng nếu Richard Parker giở trò gì thì mình sẽ có thể thoát thân chỉ bằng một cú nhảy và một cú giật tháo cái nút hờ của giây buộc bè. Tôi đã dám liều như thế chỉ vì chẳng còn cách nào khác.

Không tìm thấy gì, không mồi, không một ý tưởng nào mới, tôi ngồi dậy và lập tức thấy mình đang ở giữa tâm điểm của cái nhìn soi mói của nó. Nó ở đầu kia của xuống, chỗ trước đây con ngựa vằn nằm chết, quay về phía tôi, có vẻ như đã kiên nhẫn đợi để tôi để ý đến nó. Làm sao tôi lại không nghe thấy những chuyển động của nó? Làm sao tôi lại có thể tự huyễn hoặc mình rằng tôi có thể đánh lừa được nó? Bất thành linh, tôi bị tát thẳng vào mặt. Tôi rú lên và nhắm nghiền mắt lại. Với tốc độ của loài mèo nó đã nhảy vọt lên qua chiều dọc của xuống và tát tôi. Mặt tôi sắp bị cào nát, đầu tôi sẽ rụng theo, chết như vậy thật hão hùng. Đau đớn quá nên tôi lại không cảm thấy gì. Bị choáng cũng may. Và may mắn thay cái khả năng tự điều chỉnh đã cứu ta không phải chịu đau đớn và buồn khổ quá lớn. Trung tâm điểm của sự sống là một cái ổ cầu chì. Tôi rên rỉ. “Làm tới đi, Richard Parker, kết thúc tao đi. Nhưng hãy làm ơn làm cho nhanh. Cầu chì đã đứt rồi, đừng thử nó thêm nữa.” Nó chẳng vội gì. Nó ở ngay chân tôi, gầm gừ ầm ĩ. Chắc chắn nó đã phát hiện ra cái tủ và những cửa báu trong đó. Tôi kinh hoàng mở mắt.

Đó là một con cá. Có một con cá ở trong tủ. Nó đang quẫy ầm ĩ như bất kỳ một con cá nào khác khi mắc cạn. Một con cá bay. Nó thon thả và có màu xanh xám đậm, với cặp cánh khô ráo không có lông, và cặp mắt tròn màu vàng không hề chớp. Chính con cá bay này đã đập vào mặt tôi, không phải Richard Parker. Con hồ vẫn ở cách tôi gần năm thước, rõ ràng là nó đang ngạc nhiên không biết tôi đang bận chuyện gì đây. Nhưng nó đã nhìn thấy con cá. Tôi có thể đọc được vẻ tò mò sâu sắc trên mặt nó. Có vẻ nó sắp sửa muốn điều tra việc này.

Tôi cúi xuống nhặt con cá và ném về phía nó. Đó là cách dạy nó phải thuần phục. Hết chuột thì sẽ có cá bay. Chẳng may, con cá bay đi thật. Trên không trung, ngay trước mồn con Richard Parker, con cá lượn vù lên và nhào xuống nước. Nhanh như chớp. Richard Parker quay đầu theo và đón một cái, những lớp da dưới cổ nó rung lên, nhưng con cá nhanh quá. Nó có vẻ rất ngạc nhiên và khó chịu. Nó lại quay về phía tôi. “Miếng ăn của tôi đâu?”, vẻ mặt có vẻ hỏi thế. Tôi vừa sợ vừa buồn. Rồi quay người lại với hy vọng mong manh là có thể nhảy vọt xuống bè trước khi nó nhào đến tôi.

Đúng lúc đó, không khí bỗng rung lên và chúng tôi bị cả một bầy cá bay tấn công. Chúng nhào tới như một bầy châu chấu hung dữ. Không những do chúng đông, mà rõ ràng có cái gì rất giống với cơn trùng trong những âm thanh cạch cạch và vù vù của chúng. Chúng từ dưới nước phóng vọt lên, hàng chục con một lần, có những con vỗ cánh phành phạch trên không và bay được đến hàng trăm thước. Nhiều con nhào xuống nước ngay cạnh xuống. Nhiều con khác bay vù qua. Một số đâm nhào vào mạn xuống, nghe như tiếng pháo tếp nổ. Nhiều con may mắn vùng vẫy trên mũi bạt và quẫy được xuống biển. Các con khác, ít may mắn hơn, rơi thẳng xuống lòng xuống, quẫy ầm ĩ. Và còn nhiều con cứ thế đâm thẳng vào chúng tôi. Đứng trơ trọi không gì che chắn, tôi cảm thấy mình đang trải qua một cảnh tử vì đạo của thánh Sebastian (1). Mỗi con cá đâm vào tôi như một mũi tên xuyên vào da thịt. Tôi ôm chặt lấy một cái chân để tự vệ, đồng thời cố bắt lấy vài con cá. Người tôi đầy những vết tím và sứt sẹo.

Lí do cuộc tấn công ấy lập tức lộ rõ: bọn cá bay bị bầy cá dorados rượt đuổi sát sạt. Bọn dorados to lớn hơn không thể nào lượn như cá bay, nhưng chúng bơi nhanh hơn nhiều và các cú vọt lên nhào xuống bất thần của chúng rất lợi hại. Chúng có thể chop được bọn cá bay nếu cả hai cùng từ một điểm vọt lên không và cùng rơi xuống nước theo một hướng. Và là cá mập, nên bọn dorados có khả năng vọt lên khỏi mặt nước rất mãnh liệt, mặc dù không bén giọt trơn tru như cá bay. Trận chiến trên mặt nước đó diễn ra không lâu, nhưng khi đang tiếp diễn, mặt biển như sôi lên sùng sục, cá nhảy loạn xạ và đón nhau phành phạch.

Richard Parker đối mặt với bọn cá cứng cỏi và có hiệu quả hơn tôi. Nó rướn người, chạy quanh, ngăn chặn, với bắt và đón cắn tất cả những con cá nào nhào về phía nó. Nó nuốt tươi nhiều con, những cặp cánh cá còn quẫy ngay trong miệng. Một màn trình diễn sức mạnh và tốc độ thật đẹp mắt. Thực ra, không phải chỉ có tốc độ của nó, mà ấn tượng mạnh mẽ hơn là ở dáng vẻ tự tin thuần túy sức vật của nó, sự cuốn hút hoàn toàn của nó vào giây phút hành động. Sự hòa trộn của tập trung và thả lỏng, cái tinh thần tự cao đến thế, quả đáng là niềm ghen tị của những tín đồ Yago cao đạo nhất.

Khi trận chiến đó qua đi thì kết quả là, ngoài một thân thể đau như đối với tôi, có sáu con cá bay nằm lại trong tù và rất nhiều con khác dưới sàn xuống. Tôi vội bọc một con cá vào cái chăn, vớ lấy một cái riu và trở lại bè.

Tôi tiếp tục rất thận trọng. Việc để mất cả bộ đồ câu sáng hôm ấy đã có tác dụng làm cho tôi tỉnh táo hơn. Tôi cẩn thận gỡ con cá ra, luôn giữ chặt nó xuống bằng một tay, bởi tôi thừa biết nó sẽ tìm cách nhảy thoát thân. Càng nhìn thấy con cá, tôi càng cảm thấy khó chịu và sợ hãi. Cái đầu nó đã ló ra hết. Trong tư thế tôi giữ nó, con cá trông như một miếng kem cá bắn thiêu lò ra trên một cái vỏ côn bằng chẳng len. Nó đang ngáp ngáp tìm nước, miệng và mang phồng lên đẹp xuống. Có thể cảm thấy cặp cánh nó đang đẩy mạnh vào tay tôi. Tôi lật úp cái xô và đè đầu con cá xuống đáy xô. Tôi cầm lấy cái riu và nhấc riu lên.

Tôi đã bắt đầu hạ riu nhiều lần, mà không thể kết thúc được nhát chặt. Tình trạng tâm lý mềm yếu ấy có vẻ vô lý nếu xét đến những gì tôi đã chứng kiến trong những ngày vừa qua, nhưng đó là hành vi của những kẻ khác, của bọn thú vật ăn thịt lẫn nhau. Có thể coi là tôi có một phần trách nhiệm trong cái chết của con chuột, nhưng tôi chỉ ném nó đi, chứ Richard Parker mới là kẻ giết chết nó. Cả một đời chay tịnh bình yên đang ngăn không cho tôi dám chặt đầu một con cá.

Tôi lấy chăn phủ lên cái đầu cá và xoay cái riu ngược lại. Một lần nữa tôi vung tay. Nhưng tôi không thể chịu nổi ý nghĩ mình đang lấy búa đập xuống một cái đầu mềm mại còn đang sống.

Tôi bỏ riu xuống, quyết định sẽ bẻ cổ con cá mà không nhìn nó. Tôi muốn chặt vào trong chăn rồi dùng cả hai tay bắt đầu bẻ cong nó. Càng bẻ, con cá càng giãy khỏe. Tưởng tượng cảnh chính mình bị quán vào chăn và có ai cố bẻ gãy mình như thế, tôi phát hoảng. Tôi dừng lại nhiều lần. Nhưng tôi vẫn biết rằng phải làm xong việc này, và càng lâu thì con cá càng phải chịu đau đớn nhiều hơn.

Nước mắt rùng rùng, tôi cố mãi cho tới lúc nghe thấy tiếng rắc và không còn thấy động cựa gì trong tay mình nữa. Tôi gỡ chăn ra. Con cá bay đã chết. Nó bị bẻ gãy rời, đâm máu ở một bên mang.

Tôi khóc lóc đắng cay cho linh hồn của một con vật nhỏ đáng thương. Đó là sinh linh đầu tiên đã bị tôi giết chết. Từ nay tôi đã thành kẻ sát sinh. Từ nay tôi đã mắc tội như Canin (2). Tôi mười sáu tuổi, một thằng bé vô hại, sách vở và tín ngưỡng, và giờ thì tay tôi đã vấy máu. Đó thật sự là một gánh nặng phải mang theo cho đến hết đời. Sinh linh nào cũng thiêng liêng cả. Tôi không bao giờ quên con cá đó trong những lời cầu nguyện của mình.

Sau đó thì dễ dàng hơn. Nó đã chết rồi. Con cá bấy giờ chỉ còn như những con cá tôi đã thấy ngoài chợ Pondicherry. Nó thành một cái gì khác rồi, một cái gì đó bên ngoài quá trình sáng tạo của thế giới. Tôi dùng riu chặt nó thành từng miếng nhỏ rồi bỏ cả vào trong xô.

Những giờ còn lại của ngày hôm đó, tôi lại thử câu cá. Lúc đầu cũng chẳng may mắn gì hơn buổi sáng. Nhưng có vẻ như sẽ dễ có kết quả hơn. Rõ ràng là chúng thích. Tôi nhận ra rằng đó là những con cá nhỏ, quá nhỏ đối với lưỡi câu. Tôi quăng dây ra xa hơn và thả cho chum xuống sâu hơn, ra ngoài phạm vi của bọn cá nhỏ lăng quăng sát cạnh bè và xuống.

Chỉ đến khi tôi dùng cả cái đầu con cá bay làm mồi, quăng dây ra xa rồi nhanh chóng kéo về, khiến cho cái đầu lướt nảy trên mặt nước, tôi mới có được cú cắn đầu tiên. Một con dorado nhào lên và lặn xả vào đầu cá. Tôi thả chum dây một chút để đảm bảo cho con cá nuốt chửng được mồi, rồi lập tức giật mạnh. Con dorado vọt hẳn lên mặt nước như một viên đạn, kéo cái dây mạnh đến nỗi tôi tưởng mình sẽ bị kéo ngã xuống biển. Cái dây câu rất chắc. Nó sẽ không đứt. Tôi bắt đầu kéo con dorado vào bè. Nó chống cự với tất cả sức mạnh của nó, nhảy lên, nhào xuống, quẫy mạnh bên này, bên kia. Dây câu cứa vào tay tôi. Tôi phải lót tay bằng cái chăn. Tim tôi đập thình thịch. Con cá khỏe như một con bò đực. Không biết tôi có đủ sức kéo nó vào không.

Tôi để ý thấy tất cả những con cá khác xung quanh bè và xuống đã biến mất. Rõ ràng là chúng đã biết tình trạng tuyệt vọng của con cá mắc câu. Tôi vội vã. Tình trạng này sẽ lôi kéo cá mập đến mất. Nhưng con cá chiến đấu hăng như quỷ. Hai cánh tay tôi đau như. Mỗi lần tôi lôi được nó vào gần bè, nó lại vùng vẫy điên cuồng đến mức tôi đành phải nới dây ra một chút.

Cuối cùng thì tôi cũng kéo được nó lên. Con cá dài đến gần một thước. Cái xô thành vô dụng. Nó sẽ chỉ vừa bằng cái mũ đội đầu cho con cá. Tôi giữ con cá xuống bằng cách quỳ lên nó và dùng cả hai tay. Một khối nguyên những cơ bắp đang quẫy, đập thình thịch lên bè. Cái đuôi thò ra ngoài, bên dưới tôi. Tôi cười lên nó như một cao – bồi cười lên một con ngựa bắt kham đang lồng lộn. Tâm trạng tôi thật đắc thắng và hoang dã. Một con dorado là một con cá lớn, hoành tráng, chắc nạc và thon thả, với một cái trần gỗ biểu lộ một cá tính mạnh mẽ, một cái vây lưng rất dài và ngạo nghễ như cái mào của một con gà trống, và bộ vây mượt mà sáng trưng. Tôi cảm thấy như đang giáng cho số phận một đòn chí tử vì đã khuất phục được một đối thủ đẹp đẽ đến vậy. Với con cá này, tôi đã trả đũa lại biển cả, gió bão, nạn đắm tàu, trả đũa lại tất

cả những nghịch cảnh mà tôi đã phải chịu. Tôi hét lên: “Hỡi thần Vishnu, con xin tạ ơn Người! Xưa kia Người đã cứu thế giới bằng cách hiện hình cá. Nay thì người đã cứu con cũng bằng cách hiện hình thành cá. Xin tạ ơn Người!” Giết nó không khó. Nếu không phải lấy cái lưỡi câu ra thì tôi sẽ dành việc ấy cho Richard Parker, là kẻ có quyền và sẽ ăn sống nuốt tươi ngay con cá. Câu được con dorado khiến cho tôi hỉ hả vô cùng, hơn cả như câu được một con hổ. Tôi tự tay giết nó. Tôi cầm rìu bằng cả hai tay và hết sức liên tiếp bổ đầu búa xuống con cá. Tôi vẫn không dám dùng lưỡi sắc của rìu. Con dorado làm một việc khác thường khi nó chết: nó bắt đầu phát ra đủ các loại ánh sáng màu sắc khác nhau. Xanh da trời, xanh lá cây, đỏ, vàng, lửa và tím thi nhau lấp lánh như đèn neon trên tấm thân đang giãy dụa của nó. Tôi tưởng như mình đang đập chết một dải cầu vồng. Sau này tôi mới biết loài dorado nổi tiếng vì cái chết sặc sỡ rực rỡ của chúng. Cuối cùng, nó nằm im và không còn màu gì nữa, tôi gỡ được cái lưỡi câu. Thậm chí tôi còn gỡ lại được một phần mồi.

Có thể kinh ngạc một điều là chỉ trong một thời gian ngắn ngủi đến thế, tôi đã đi từ chỗ khóc lóc vì cái chết âm thầm của một con cá bay đến chỗ hăng hái đập chết một con dorado. Có thể biện hộ rằng tôi đã thấy e ngại và không nỡ giết một con cá bay chỉ vì trốn chạy và lằm đường rơi vào tay tôi, còn con dorado lớn lao kia thì tôi đã phải cố hết sức để bắt nó và sự phấn khích của chiến công ấy đã khiến tôi hăng máu, tự tin ở việc giết chết nó. Nhưng thực tế mà nói thì lí do không phải như vậy. Mà đơn giản và tàn khốc hơn nhiều: người ta có thể quen với bất kì việc gì, kể cả chết chóc.

Với lòng tự hào của một kẻ đi săn, tôi kéo cái bè vào gần xuống. Tôi cho bè áp vào mạn xuống, cúi người thất thụp, rồi vung tay ném con dorado vào trong xuống. Nó rơi xuống với một tiếng thịch thật nặng, và tôi nghe thấy Richard Parker phát ra một âm thanh bật gió đầy ngạc nhiên. Sau một vài tiếng hít hà, tôi nghe rõ tiếng miệng hổ ngoạm nhai nhòn nhọp. Tôi đẩy bè ra, không quên thôi lên nhiều hồi còi để Richard Parker biết rằng ai đã cho nó suất thức ăn tươi sống đó. Tôi dừng lại nhặt một ít bánh quy và một hộp nước uống. Năm con cá bay rơi vào trong tù đã chết cả. Tôi vặn hết cánh của chúng vút đi, rồi quăng cả vào cái chần nay đã thành thiêu liêng vì mạng cá.

Khi tôi đã rửa sạch các vết máu trên người, lau chùi bộ đồ câu, thu xếp gọn ghẽ mọi thứ và ăn xong bữa tối thì đêm đã buông xuống. Một màn mây mỏng che khuất các vì sao và vàng trắng. Trời rất tối. Tôi thấm mệt, nhưng vẫn còn phấn khích vì những sự kiện của những giờ trước đó. Cảm giác bận rộn khiến tôi thấy vô cùng sảng khoái. Tôi đã không nghĩ một tí gì đến tình trạng hoặc bản thân mình. Câu cá quả là cách dùng thời gian hay hơn kể chuyện hoặc chơi trò Giác điệp rất nhiều. Tôi quyết định sẽ lại câu cá ngay khi rạng ngày sáng hôm sau.

Tôi ngủ thiếp đi, đầu óc còn sáng rõ những lấp lánh sặc sỡ của con dorado đang đi vào cõi chết. Ghi chú: 1- Người La Mã truyền giảng đạo Cơ Đốc, bị chính quyền bắt và giết năm 1887, sau được Giáo hội Cơ Đốc phong thánh. Sebastian bị trói đứng vào cọc, trần trụi, và bị lính dùng cung nỏ bắn tên vào người cho đến chết. (ND) 2 - Nhân vật trong Kinh Thánh Cơ đốc: là kẻ sát nhân đầu tiên trong lịch sử nhân loại, đã giết chết chính anh trai của mình. (ND)

Đêm đó tôi ngủ chập chờn. Sắp sáng thì tôi không cố ngủ nữa mà chống tay nằm lên. Và cặp mắt nhỏ nhoi của tôi nhìn thấy một con hổ. Richard Parker đang không yên. Nó rên rỉ, gầm gào, và đi quanh quần vòng quanh xuồng. Là thật. Tôi thử đánh giá tình hình. Nó không thể đói được. Chỉ ít cũng không đến nỗi đói quá mà trở thành nguy hiểm. Nó khát chăng? Lười nó thè lưỡi thật, nhưng chỉ chốc lát thôi, và nó không hề hồng hển. Bụng và chân nó vẫn ướt, tuy không sưng nước như trước. Có thể là nước mưa đọng trong xuồng đã cạn bớt. Chẳng mấy chốc, nó sẽ khát.

Tôi nhìn lên trời. Màn mây mỏng đã tan đi. Trời trong vắt, chỉ có vài vãn mây nhỏ phía chân trời. Sẽ là một ngày nóng bức không mưa nữa đây. Biến chuyển mình một cách lười nhác, như thể đã thấy một vì cái nóng sắp đến.

Tôi ngồi dựa cột buồm và suy nghĩ về vấn đề của chúng tôi. Bánh quy và bộ đồ câu sẽ đảm bảo phần cứng của khẩu phần hàng ngày của chúng tôi. Phần nước mới là cái lo. Nước thì đầy rẫy quanh chúng tôi, nhưng lại không uống được vì có muối. Tôi có thể trộn một ít nước biển vào nước uống của nó, nhưng đầu tiên là phải kiếm được phần nước uống ấy đã. Các hộp nước không thể đủ cho cả hai chúng tôi về lâu dài – thực sự là tôi không hề muốn chia thứ nước này cho Richard Parker một tí nào – còn trông chờ vào nước mưa không thì thôi thì thật là ngốc.

Chỉ còn có những cái máy cất nước bằng nắng kia mà thôi. Tôi nghi ngờ liếc nhìn chúng. Chúng đã ở dưới nắng được hai ngày rồi. Tôi thấy một cái đã có vẻ xị hơi. Tôi kéo dây buộc nó vào và thổi phồng cái chóp nón trở lại. Không mong chờ gì, tôi thò tay xuống nước xem cái túi chứa bên dưới hộp phao nó ra sao. Những ngón tay tôi thấy cái túi căng tròn một cách bất ngờ. Tôi run hết cả người. Trấn tĩnh lại, nhờ chỉ là nước biển đã lọt vào đó thì sao. Tôi gỡ cái túi ra, rồi theo đúng chỉ dẫn, hạ thấp nó xuống và nghiêng cái máy cất để bắt kì chút nước nào còn đọng quanh đáy chóp nón sẽ chảy hết vào túi. Tôi đóng hai cái nắp nhỏ, tháo hẳn cái túi ra và kéo nó lên. Nó hình khối vuông, làm bằng nhựa dẻo dày, mềm và có màu vàng, với những vạch đo độ in ở một bên sườn. Tôi ném nước chứa trong túi. Tôi ném lại lần nữa. Không hề mặn chút nào.

“Con bò sữa biển ngọt ngào của ta ơi!” Tôi thốt lên với cái máy cất nước. “Mày đã ra sữa rồi, và mới ngon làm sao! Vẫn hơi có mùi cao su, nhưng tao không phàn nàn đâu. Đây này, hãy xem tao uống đây này!” Tôi uống hết túi nước. Nó có dung tích một lít và đã chứa gần đầy. Sau một phút thờ dài nhắm mắt tận hưởng sung sướng, tôi lấp lại cái túi. Tôi kiểm tra các máy cất khác. Cái nào cũng có một túi nặng tương tự. Tôi thu được hơn tám lít nước ngọt, phải nói như là sữa tươi, và chứa cả vào cái xô cá. Lập tức, những cái bẫy kĩ thuật đó trở thành quá quý giá với tôi như bầy gia súc đối với một trại chủ. Quả thật, đập dềnh lười nhác trên mặt nước thế kia, chúng cũng giống một đàn bò đang gặm cỏ trên cánh đồng. Tôi chăm chú vào chúng, đảm bảo để cái nào cũng đầy nước biển và chóp nón với hộp phao nào cũng được thổi căng vừa phải.

Sau khi thêm một ít nước biển vào xô, tôi đặt nó lên mặt ghế bên mạn xuồng ngay sát cạnh mép bạt. Không khí mát mẻ của buổi sáng đã hết. Richard Parker có vẻ đã yên vị ở phía dưới. Tôi buộc cái xô vào chỗ đó bằng dây và dùng thêm các móc của tấm bạt ở phía xuồng. Cẩn thận, tôi ngó trộm qua mạn xuồng. Nó đang nằm nghiêng. Hang ổ nó là một cảnh tượng bản thiêu. Các con thú chết chất thành một đồng các bộ phận cơ thể thối tha rất lạ mắt. Tôi nhận ra một vài cẳng chân, nhiều mảnh da, mảnh đầu, rất nhiều xương. Cánh các con cá bay rải rác khắp nơi.

Tôi chặt một con cá bay và ném một khúc xương lên trên mặt ghế. Sau khi đã thu thập đủ những thứ cần thiết từ trong tủ đủ cho ngày hôm đó và sắp quay về bè, tôi ném thêm một khúc cá lên mũi bạt ngay trước mũi Richard Parker. Nó có tác dụng như ý muốn. Khi bè đang trôi xa khỏi xuồng, tôi thấy nó ra khỏi chỗ ẩn náu để lượm khúc cá với món đồ lạ ngay cạnh. Nó đứng dậy nghiêng cái đầu khổng lồ vào xô nước. Tôi cứ sợ nó sẽ làm đổ cái xô. Nhưng không. Mặt nó biến hẳn vào trong xô, gần khít khít, và nó bắt đầu uống. Chỉ một nhón cái xô bắt đầu lắc và kêu lạch cạch mỗi khi nó liếm xoàm xoạp vào đáy xô. Khi nó ngẩng lên, tôi nhìn chăm chăm một cách dữ tợn vào mắt nó và thổi một vài hồi còi. Nó biến mất vào bên dưới tấm bạt.

Tôi nảy ra ý nghĩ rằng cứ mỗi ngày qua đi, cái xuồng lại càng giống một vườn thú hơn. Richard Parker đã có khi vực nằm nghỉ và ngủ nghe của nó, rồi chỗ chứa thức ăn, chỗ nhìn ngó ra bên ngoài, và bây giờ thì cả một chỗ để uống nước.

Nhiệt độ mỗi lúc một cao. Nóng đến ngột ngạt. Suốt ngày hôm đó, tôi ngồi dưới dù che và câu cá. Có vẻ là tôi đã hết cái may mắn của người mới đi câu với con dorado đầu tiên ấy. Cả ngày hôm đó tôi chả câu được gì, kể cả buổi chiều tà, khi nước biển có vẻ đầy rẫy sự sống bên dưới. Một con rùa xuất hiện, lần này là loài khác, một con rùa biển xanh lá cây, cồng kềnh hơn và nhẵn nhụi hơn, nhưng cũng tò mò như con rùa mỏ diều lần trước. Tôi không phản ứng gì với nó, nhưng bắt đầu nghĩ mình phải làm gì đó với bọn rùa này.

Cái duy nhất có thể gọi là tốt đẹp của một ngày nóng nực như vậy là cảnh tượng dãy phao cất nước. Chóp nón nào cũng đầy những giọt và vệt nước đọng ngoằn ngoèo bên trong.

Cuối ngày hôm đó, tôi tính ra là sáng hôm sau sẽ là trọn một tuần kể từ hôm Tsimtsum chìm xuống đáy đại dương.

Gia đình Robertson sống sót được tám mươi tám ngày trên biển cả. Thuyền trưởng Blight của con tàu Bounty nổi tiếng đã bị thủy thủ nổi loạn và ông cùng những người cộng sự của ông bị ném ra khỏi tàu đã sống được bốn mươi bảy ngày. Steven Callahan sống được bảy mươi sáu ngày. Owen Chase, mà câu chuyện của ông về tàu đánh cá voi Essex đã bị một con cá voi đánh chìm ra sao đã là nguồn cảm hứng của Herman Melville, đã sống được tám mươi ba ngày trên biển cả cùng với hai thủy thủ, trong đó có một tuần lễ trên một hòn đảo thù địch. Gia đình Bailey sống được một trăm mười tám ngày. Tôi nghe một thủy thủ thương gia Triều Tiên tên là Poon gì đó đã sống sót trên Thái Bình Dương trong một trăm bảy mươi ba ngày vào những năm 1950.

Tôi đã sống sót trên biển trong hai trăm hai mươi bảy ngày. Thử thách của tôi kéo dài như vậy đấy, hơn bảy tháng trời.

Tôi giữ cho mình luôn bận rộn. Đó là chìa khoá để sống còn. Trên một chiếc xuồng, thậm chí một cái bè, lúc nào cũng có những việc cần phải làm. Một ngày điển hình của tôi, nếu khái niệm đó có thể áp dụng cho một kẻ đắm tàu, đại khái diễn ra như sau:

Từ lúc mặt trời mọc cho đến giữa buổi sáng:

* thức dậy * cầu nguyện * cho Richard Parker ăn sáng * kiểm tra chung tình trạng của bè, xuồng, đặc biệt chú ý đến tất cả các nút dây buộc * chăm chút các máy cất nước (lau chùi, thổi căng, đổ nước) * ăn sáng và kiểm tra kho đồ ăn * câu cá và làm cá nếu cần câu (mổ, rửa, phơi các rẻo thịt lên dây để phơi nắng cho chín) Từ giữa sáng đến chiều muộn:

* cầu nguyện * ăn nhẹ bữa trưa * nghỉ ngơi và làm những việc nhẹ nhàng (viết nhật kí, xem xét các vết xây xước trên người, sửa soạn các vật dụng, thu xếp tủ chứa cho gọn gàng, quan sát và nghiên cứu Richard Parker, vân vân) Từ cuối chiều đến gần tối:

* cầu nguyện * câu cá và làm cá * chăm các rẻo thịt phơi (lật mặt, cắt bỏ các chỗ ươn) * chuẩn bị bữa ăn tối * ăn bữa tối cùng với Richard Parker Mặt trời lặn:

* kiểm tra tình trạng chung của bè và xuồng (dây với nút buộc) * thu trữ nước ngọt từ các máy cất * cất giấu tất cả thức ăn và vật dụng * sửa soạn cho ban đêm (soạn chỗ nằm, cất pháo sáng vào nơi an toàn trên bè để nhớ có gặp tàu đi qua, và cái hứng mưa để nhớ có mưa ban đêm) * cầu nguyện Đêm:

* ngủ từng giấc ngắn * cầu nguyện Các buổi sáng thường dễ chịu hơn những lúc chiều muộn, khi sự trống rỗng của thời gian có chiều hướng hiện ra trong lòng rõ rệt hơn.

Bất kỳ sự kiện gì cũng có ảnh hưởng đến nếp sống thường ngày đó. Trời mưa, bất cứ lúc nào, cũng dừng mọi việc khác đang làm, và trong lúc mưa, tôi giữ cái hứng nước, hăng hái tập trung vào việc thu trữ nước hứng được. Có cơn rùa xuất hiện cũng là một ngắt quãng lớn. Và tất nhiên, Richard Parker là một nỗi động thường xuyên. Điều gì làm cho nó yên được là tôi ưu tiên không dám lơ là một phút nào. Nó chẳng có một nếp công việc gì ngoài ăn, uống và ngủ, nhưng có những lúc nó bị khuấy đảo khỏi tình trạng ù lì và lờ lững quanh lãnh thổ của mình, đánh động, trở nên khó hiểu. May sao, lần nào như vậy, nó cũng nhanh chóng bị nắng và nước biển bao la làm cho mệt mỏi và chỉ biết quay vào trong mũi bạt, lại nằm nghiêng hoặc ép bụng xuống sàn xuồng, đầu dựa lên hai chân trước bắt chéo nhau.

Nhưng tôi không chỉ để ý đến nó vì cần thiết. Tôi qua hàng nhiều giờ liền chỉ quan sát nó vì đó cũng là một việc thu hút sự chú ý của tôi. Một cơn hồ lúc nào cũng là một cơn thú đầy thú vị, và càng như thế khi ta chỉ có nó là bạn đồng hành.

Lúc đầu, tôi luôn có ý thức nhìn quanh và trông chờ một con tàu xuất hiện, gần như là không nhìn được. Nhưng sau một vài tuần, năm sáu tuần gì đó, tôi hầu như hoàn toàn không có ý thức ấy nữa.

Và tôi đã sống sót bởi vì tôi đã quyết định phải lãng quên. Câu chuyện của tôi bắt đầu vào một ngày có trong lịch – ngày 2 tháng 7 năm 1977 – và kết thúc vào một ngày cũng có trong lịch – ngày 14 tháng 2 năm 1978 – nhưng khoảng thời gian giữa hai ngày đó thì không có lịch nào cả. Tôi không đếm ngày, đếm tuần, đếm tháng. Thời gian là một ảo giác chỉ làm cho ta phải thờ đốc. Tôi đã sống vì tôi đã quên cả ý thức về thời gian.

Những gì tôi nhớ được là các sự kiện và các cuộc gặp gỡ, cùng các nếp quen thuộc hàng ngày, những dấu mốc tự chúng xuất hiện đây kia từ đại dương thời gian và in hằn vào kí ức tôi. Ví dụ như mùi của các vỏ pháo sáng đã phóng lên từ tay tôi, những lời cầu nguyện khi rạng ngày, việc giết rùa, và các đặc tính sinh học của các loài tảo. Và nhiều cái khác nữa. Nhưng tôi không biết có thể kể lại chúng theo trình tự hay không. Ký ức tôi trở lại thành từng mớ hỗn độn.

Quần áo tôi rửa nát, nạn nhân của nắng và muối. Lúc đầu, chúng cứ mỏng dần. Rồi chúng rách toạc ra cho đến lúc chỉ còn lại những đường chỉ. Cuối cùng, cả những đường chỉ đó cũng bục đi. Nhiều tháng trời, tôi sống trần như nhộng, chỉ có cái còi lủng lẳng trên cổ bằng một sợi dây.

Bỏng rộp vì nước muối – những vết rộp khó chịu, đỏ loét và chằng ra hình thù gì – là chứng bệnh cùi của biển khơi, do bị ngâm và sưng nước lâu ngày. Khi các vết rộp ấy vỡ, da tôi trở nên đặc biệt nhạy cảm. Nhỡ chạm phải một vết loét ấy là tôi phát khóc và nghẹt cả thở vì đau. Tất nhiên, các vết rộp này rộ lên tại những chỗ cơ thể tôi hay bị ướt nhất khi ở trên bè, tức là ở hai bên sườn. Biết bao ngày tôi đã không thể tìm được tư thế nào để nằm nghỉ được dễ chịu. Thời gian và ánh nắng làm lành được một vết rộp, nhưng rất lâu, và nếu tôi không giữ được khô người thì các vết rộp mới lại xuất hiện.

Tôi bỏ hàng nhiều giờ để cố tìm hiểu hết các ý nghĩa các dòng viết về kĩ thuật đi biển trong cuốn cẩm nang. Có rất nhiều cách giải thích rõ ràng và dễ hiểu về việc làm sao sống được trên mặt biển, nhưng các tác giả đã giả định rằng người đọc đều đã có những kiến thức cơ bản về hàng hải. Họ cho rằng nạn nhân đắm tàu đều là những thủy thủ có kinh nghiệm, với com-pa, bản đồ và máy ngắm trong tay, và đều biết phải tìm đường tránh nạn ra sao. Kết quả là những lời khuyên như: “Hãy nhớ rằng thời gian là khoảng cách. Đừng quên lên giây đồng hồ,” hoặc “Có thể dùng ngón tay để đo vĩ độ khi cần thiết”. Tôi có một cái đồng hồ, nhưng bây giờ nó đã nằm dưới đáy Thái Bình Dương. Tôi đã mất nó khi chìm tàu Tsimtsum. Còn với kinh độ vĩ độ thì ôi thôi, kiến thức hải dương của tôi chỉ bó hẹp trong những gì cuộc sống trong nước biển và không được mở rộng sang những gì chạy đi chạy lại trên mặt biển. Gió và dòng chảy là một bí hiểm đối với tôi. Các vì sao không có nghĩa lí gì với tôi. Tôi không thể gọi tên được một chòm sao nào hết. Gia đình tôi đã sống với chỉ một ngôi sao: mặt trời. Chúng tôi ngủ sớm và dậy sớm theo mặt trời. Trong đời tôi đã từng ngắm nhìn những đêm sao đẹp để khi thiên nhiên vẽ nên bức những bức tranh vĩ đại nhất chỉ với hai màu và những phong cách giản dị nhất, và tôi cũng cảm được sự diệu kì, nhỏ bé mà tất cả chúng ta đều cảm thấy, và cũng nhận ra cảm giác rõ rệt về hướng đi của cuộc đời từ quang cảnh hùng vĩ đó, hầu như rõ rệt, nhưng là nói với nghĩa tâm linh mà thôi, chứ không phải với nghĩa địa lí. Tôi không có một chút ý niệm gì về việc có thể dùng bầu trời sao ấy làm một bản đồ chỉ đường. Làm sao những ngôi sao ấy, cho dù sáng đến đâu, lại có thể giúp tôi tìm đường cho mình nếu chúng cũng chuyển dịch không ngừng?

Tôi từ bỏ ý định tìm hiểu vấn đề đó. Có biết thêm được gì nữa thì cũng là vô bổ. Tôi chẳng có phương tiện gì để chủ động được hướng đi của mình – không chân vịt, không buồm, không động cơ, chỉ vài mái chèo nhưng không đủ sức điều khiển. Vạch ra một hướng đi chỉ là vô nghĩa nếu tôi không thể làm gì để thi hành việc đó? Ngay cả khi có thể làm được thế, làm sao tôi biết mình nên đi về đâu? Sang phía Đông, đến Mỹ? Lên Bắc, đến Châu Á? Xuống phía Nam, nơi có các luồng tàu? Lựa chọn nào cũng tốt xấu ngang nhau.

Thế nên tôi trôi dạt. Gió và dòng chảy quyết định nơi tôi sẽ đến. Thời gian trở thành khoảng cách đối với tôi cũng như mọi sinh vật có sinh tử khác ở đời – tôi du hành xuôi theo con đường đời – và tôi dùng ngón tay mình làm các việc khác chứ không cố đo vĩ độ với chúng. Sau này, tôi tìm ra rằng tôi đã du hành dọc một con đường nhỏ hẹp, đó là dòng hải lưu ngược xích đạo của Thái Bình Dương.

Tôi câu với các loại lưới câu khác nhau, ở các độ sâu khác nhau và nhằm vào các loại cá khác nhau, từ lối câu cá dưới đáy biển với các lưới rất to cùng nhiều hòn chì nặng thả dây thật sâu đến những lưới nhỏ hơn với chỉ một hai hòn chì để nhử cá ăn nổi trên mặt nước. Lâu lắm mới có cá cắn câu, khiến cho lần nào được cá tôi cũng rất mừng, nhưng kết quả có vẻ không tương xứng tí nào với nỗ lực đã bỏ ra của tôi. Chờ cá cắn câu quá lâu, cá câu được quá nhỏ, và Richard Parker luôn luôn bị đói.

Cuối cùng thì tôi thấy cái lao móc câu lại và vũ khí bắt cá rất lợi hại. Mỗi cây lao gồm có ba phần được vện vào với nhau: hai đoạn gậy tròn tạo thành phần cán lao – một đoạn có tay nắm bằng nhựa ở một đầu và có vòng để nối cây lao vào dây bảo hiểm – và một phần nữa có một cái lưỡi móc câu có đường kính phần uốn cong rộng đến năm phân và một mũi nhọn sắc bén như kiểu dây thép gai. Lắp hết lên, một cái lao dài khoảng một thước rưỡi, cầm thấy nhẹ và chắc như một thanh gươm.

Lúc đầu tôi thường thọc lao xuống sâu độ hơn một thước, có khi móc cả một con cá vào mũi lao làm mồi, và ngồi đợi. Thường phải đợi lâu hàng giờ, thân thể tôi căng thẳng đến đau như. Khi thấy một con cá đã bơi vào đúng chỗ, tôi lấy hết sức lực rút thật nhanh cái lao lên. Đó là một quyết định phải thi hành lập tức chỉ trong một phần giây đồng hồ. Kinh nghiệm dạy tôi rằng chỉ nên rút lao khi tôi thực sự cảm thấy có cơ hội bắt được cá, không nên rút một cách hù dọa, vì cá cũng rút kinh nghiệm rất nhanh, và không bao giờ rơi vào cùng một cái bẫy đến lần thứ hai.

Khi may mắn, lưới lao sẽ móc chắc vào con cá và tôi có thể bình tĩnh đem nó lên bè. Nhưng nếu tôi móc một con cá lớn vào đúng phần bụng hoặc đuôi, nó sẽ vặn người tuột khỏi lao và vượt đi mất với một tốc độ bất ngờ. Bị thương như vậy, con cá dễ dàng trở thành mồi ngon cho các con cá khác, một món quà mà tôi không hề muốn tặng cho chúng. Vì vậy mà khi thấy cá to, tôi luôn cố nhằm vào phần bên dưới mang và vây sườn của nó, vì phản ứng bản năng của cá khi bị tấn công là bơi lên trên để tránh lưới câu, theo đúng hướng tôi sẽ rút lao. Có những lần, mũi lao chỉ gãi chứ không móc được vào người con cá và chúng cứ thế lao thẳng lên khỏi mặt nước, nhào vào tận mặt tôi. Tôi nhanh chóng mất cảm giác sợ hãi khi chạm vào các con vật dưới biển. Không còn những xúc động như lần giết con cá bay trong chần nữa. Một con cá nhảy khỏi mặt nước bây giờ sẽ phải đương đầu với một thằng bé đói khát đang sẵn sàng làm tất cả mọi thứ để bắt nó. Nếu cảm thấy lưới lao móc vào cá có vẻ còn lỏng lẻo, tôi thường buông lao – vì đã buộc nó vào dây bảo hiểm – và dùng cả hai tay bắt lấy con cá. Ngón tay, mặc dù cùn, vẫn nhanh nhẹn và khéo léo hơn một cái móc rất nhiều. Cuộc chiến đấu sẽ rất dữ dội và nhanh chóng. Những con cá thì trơn tuột và tuyệt vọng, còn tôi thì chỉ tuyệt vọng mà thôi. Ước sao tôi có được nhiều tay như nữ thần Durga – hai tay giữ lao, bốn tay bắt cá và hai tay nữa sử dụng rìu. Tôi phải thu xếp mọi việc với hai tay nữa sử dụng rìu. Tôi thọc ngón tay vào mắt, thọc cả bàn tay vào mang, dùng đầu gối ấn nát bụng, dùng răng cắn đuôi – làm đủ mọi thứ cần thiết để giữ được con cá trên bè cho đến lúc có thể với được rìu và chặt đầu nó.

Với thời gian và kinh nghiệm, tôi đã trở thành một thợ săn giỏi hơn. Tôi mạnh bạo hơn và lanh lẹ hơn. Tôi đã phát triển được một bản năng, một cảm giác rõ rệt về việc phải làm.

Tôi thành công lớn hơn khi bắt đầu dùng đến một phần của cái lưới đựng hàng. Với tư cách một cái lưới bắt cá thì nó hoàn toàn vô dụng – quá cứng, quá nặng, và mắt lưới rõ rệt không đủ mau. Nhưng nó là một cái nhử cá hoàn hảo. Buông thả và uốn lượn tự do dưới nước, nó là một hấp dẫn không cưỡng lại được đối với các con cá và càng hấp dẫn hơn khi rong biển bắt đầu mọc bám vào nó. Những con cá kiếm ăn gần bắt đầu quanh quẩn coi cái lưới như hàng xóm của mình, còn bọn ăn xa, trước chỉ hay đảo qua rất nhanh như bọn dorado, nay cũng phải lượn lờ chậm lại để xem xét cái khu phố mới mở ấy. Bọn sò tại cũng như bọn khách ghé qua có biết đâu rằng mắt lưới có cài lưới câu. Có những ngày, chẳng may quá ít, tôi cứ rút lao lên cái nào là có cá cái ấy. Những lúc đó tôi sẵn được thật thừa thãi; trên xuồng không còn đủ chỗ mà dây căng trên bè cũng chật ních những rêu thịt dorado, cá bay, cá ngừ, chim, nụ... chứ đừng nói gì đến cái bụng no kênh của tôi. Tôi trừ tất cả những gì cần cho mình, còn lại thì cho Richard Parker. Trong những ngày no đủ ấy, tôi bắt được nhiều cá đến nỗi thân thể bắt đầu lấp lánh đầy những vảy cá bám chặt vào da thịt. Tôi cứ để nguyên những chấm sáng ngời ánh bạc ấy trên người như một tín đồ Hindu mang trên trán biểu tượng thần linh. Nếu có thủy thủ nào gặp tôi trên biển lúc đó, chắc hẳn họ phải nghĩ tôi là một vị thần cá đang đứng trên vương quốc của mình. Đó thật là những ngày tốt đẹp hiếm hoi.

Rùa quả thật dễ bắt, đúng như viết trong cảm nang. Trong chương về “săn bắt và hái lượm”, rùa được nói đến trong phần “hái lượm”. Mặc dù chúng chắc nịch như xe tăng, rùa không phải là một loài bơi nhanh và khỏe; chỉ cần một tay tóm lấy một cái chân sau là có thể bắt được chúng. Nhưng cuốn cảm nang quên

không nói được rằng tóm được rùa chắc đã là tóm được nó. Còn phải mang nó lên khỏi mặt nước nữa. Mà kéo một con rùa nặng hàng bảy mươi cân đang quẫy đạp lên được xuống không phải dễ. Việc đó cần có sức khoẻ phi thường. Tôi đã phải làm như sau: lôi con rùa vào sát mạn xuống, lấy dây buộc cổ, chân trước và cả chân sau, rồi kéo nó lên cho đến khi tay muốn gãy rời ra và mắt nó đom đóm. Phải ghi dây thật chắc vào cái móc của mui bạt phía bên kia mũi xuống, rồi mỗi khi sợi dây chùng ra một tí là phải kéo thêm lên rồi ghi lại ngay, từng phân một. Con rùa sẽ được kéo lên khỏi mặt nước cũng từng phân một như thế. Không thể sốt ruột được. Tôi còn nhớ một con rùa biển màu xanh lá cây đã bị treo bên cạnh xuống như vậy trong hai ngày, và nó liên tục quẫy đạp như điên cuồng. May sao, vào lúc cuối thì rùa lại thường giúp tôi một tay mà không biết. Tức là khi nó đã bị kéo đến mép xuống, rùa càng điên cuồng càng muốn thoát thân và nó cố rứt bốn chân bị trói vào thật mạnh, đúng lúc ấy, tôi cũng cố sức kéo dây thật mạnh, và hai lực ngược chiều như vậy bỗng hất con rùa bật lên qua mép xuống và rơi trượt vào tấm bạt. Tôi sẽ ngã người ra sau, kiệt sức nhưng thật hỉ hả.

Rùa biển xanh lá cây cho nhiều thịt hơn rùa mỏ diều, và mai phía bụng của chúng cũng mỏng hơn. Nhưng chúng thường to hơn rùa mỏ diều, trong nhiều trường hợp là quá to đối với một kẻ đắm tàu đang ngày càng yếu đi như tôi.

Lạy Chúa, cứ nghĩ rằng tôi vốn là một kẻ ăn chay kiêng khem rất kĩ. Cứ nghĩ lại hồi trước chỉ cần nghe tiếng bẻ một quả chuối là tôi đã rùng mình vì tưởng tượng như tiếng một con vật bị bẻ gãy cổ. Tôi đã rơi vào tình trạng man rợ không thể tưởng tượng nổi mất rồi.

Đáy cái bè đã trở thành nơi trú ngụ của rất nhiều sinh vật biển, cũng giống như cái lưới, nhưng nhỏ hơn. Nó bắt đầu bằng một lớp tảo xanh rờn mềm mại bám vào cái áo phao. Rồi đến các loại tảo cứng hơn và có màu sẫm hơn. Chúng sinh sôi nảy nở và ngày càng dày ra. Các sinh vật khác bắt đầu tới. Đầu tiên là những con tôm nhỏ xíu, trong suốt, dài chỉ độ mười phân. Theo sau đó là những con cá cũng nhỏ như thế và trông như thể suốt đời bị chiếu X quang; ruột gan chúng rõ mồn một dưới làn da thịt trong suốt. Sau đó, tôi để ý thấy những con giun màu đen có dây sống trắng ngần, bọn nhuyễn thể lầy nhầy màu xanh lá cây với đám chân tay chưa tiến hoá thành hình thù gì rõ rệt, những con cá màu sắc sặc sỡ chỉ dài độ ba mươi phân với những cái bụng phệ, và cuối cùng là cua, chỉ bé độ một hai phân và có màu nâu. Tôi đã ăn thử tất cả bọn chúng, kể cả rong tảo, chỉ chừa lũ giun đen. Chỉ có bọn cua là không có vị mặn đắng khó chịu ở trong miệng. Mỗi lần chúng đến, tôi lại ném vào miệng hết con này đến con khác. Tôi không thể kiềm chế được mình. Những đàn cua ngon lành ấy thỉnh thoảng mới kéo đến mà thôi.

Vỏ xuồng cũng trở nên đầy rẫy sự sống, dưới dạng những con hà cổ ngỗng. Tôi mút mát chúng. Thịt chúng làm mỗi câu rất tốt.

Tôi trở nên gần gũi với những kẻ đi ở nhờ bè ngoài biển khơi của tôi, mặc dù chúng có làm cái bè nặng nề hơn đôi chút. Chúng thu hút sự chú ý của tôi làm tôi đỡ lo nghĩ, cũng như Richard Parker. Tôi để hàng giờ không làm gì hết, chỉ nằm nghiêng, đẩy một cái áo phao ra khỏi vị trí độ mười phân, như thể mở một cái rèm cửa sổ, và nhìn qua đó xuống dưới nước. Những gì tôi thấy là cả một thị trấn lộn ngược, nhỏ bé, yên tĩnh và an bình, với những cư dân đi lại trong đó, lịch sự như thiên thần. Cảnh tượng ấy làm cho thần kinh mệt mỏi của tôi có được những giây phút thư giãn nghỉ ngơi.

Nếp ngủ của tôi thay đổi. Mặc dù nghỉ ngơi nhiều, tôi ít khi ngủ được liền một giờ, ngay cả ban đêm cũng vậy. Không phải bị sóng đập dềnh liên miên làm tôi khó ngủ, cũng không phải vì gió; người ta quen với mây chỗ đó như quen với mây chỗ lồi lõm trên đệm nằm của mình. Tôi cứ bị thức dậy như thế là vì sợ hãi và bồn chồn. Nghĩ lại tôi thấy quả thực mình đã ngủ rất ít.

Không như Richard Parker. Nó đã thành quán quân ngủ. Phần lớn thời gian nó nằm dưới tấm bạt. Nhưng trong những ngày dịu trời khi nắng không quá gắt và cả những đêm yên tĩnh, nó thường ra ngoài. Một trong những tư thế ưa thích khi ra ngoài trời của nó là nằm trên cái ghế đuôi xuống, bụng chia cả ra mép ghế, chân trước chân sau gác lên hai ghế bên. Một con hổ mà nằm được vào một chỗ chật hẹp như vậy là vì nó khôn khéo uốn lưng cong cho thật cong. Khi ngủ, nó gác đầu lên hai chân trước. Còn khi trong tâm trạng tương đối hưng phấn và có thể còn muốn nhìn quanh, nó gác hẳn đầu lên mép xuống.

Một tư thế ưa thích nữa của nó là ngồi quay lưng lại phía tôi, nửa người dưới đặt trên sàn xuống, hai chân trước ngay cạnh đầu, trông như thể chúng tôi đang chơi trốn tìm và nó là người đang nhắm mắt đếm. Trong tư thế này nó thường ngồi rất im lặng, chỉ thỉnh thoảng vẫy tai để chứng tỏ rằng nó không nhất thiết đang ngủ.

Với những ai có thể phải rơi vào tình trạng khó xử như tôi lúc ấy, tôi xin được khuyến cáo một chương trình như sau:

1. Chọn một ngày sóng thấp nhưng đều đặn. Ta cần một mặt nước để trình diễn thật tốt khi xuống có thể quay ngang đón sóng mà không bị lật.
2. Thả hết dây neo biển để trên xuống ổn định và thoải mái nhất. Chuẩn bị nơi ẩn náu bên ngoài xuống phòng khi cần đến (rất dễ có khả năng phải như vậy). Nếu có thể, hãy tạo ra phương tiện gì đó để che chắn thân thể. Bất kì thứ gì cũng có thể dùng để che chắn được. Ví dụ như quần chắn hoặc quần áo vào tay chân cũng là một dạng áo giáp tối thiểu.
3. Rồi đến phần khó làm: phải khiêu khích con vật. Nó sẽ có thể tấn công mình. Hổ, tê giác, đà điểu, gấu rừng, gấu nuôi – con gì thì con, vẫn phải khiêu khích được nó. Cách tốt nhất có lẽ là lân la ra mép lãnh thổ của mình rồi làm bộ xâm phạm vào phần ranh giới trung lập một cách âm ỉ. Tôi đã làm như vậy: tôi ra chỗ mép bạt rồi vừa giậm chân xuống mặt cái ghế giữa xuống vừa thổi còi nhẹ nhẹ. Điều quan trọng là tạo ra được một tiếng động nhất quán và dễ nhận ra để báo hiệu việc lấn chiếm của ta. Nhưng phải rất quan trọng. Cần phải khiêu khích con thú, nhưng chỉ đến mức độ như vậy thôi, chứ đừng để nó khùng lên và tấn công ta ngay lập tức. Nếu xảy ra chuyện đó thì lạy Chúa tôi, ta sẽ bị xé thành từng mảnh, giẫm bẹp, lòi gan nát ruột, và chắc là sẽ bị ăn thịt. Ta không muốn thế. Ta muốn con thú bị đánh động, hoang mang, khó chịu, bứt rứt không yên, nhưng không nổi máu giết người. Trong trường hợp nào cũng không được bước chân vào lãnh thổ của con thú. Cuộc xâm phạm của ta chỉ hạn chế ở động tác nhìn thẳng vào mắt nó và thổi còi đánh mõ mà thôi.
4. Khi con thú đã bị kích động, hãy làm sao để gây ra được một hành động xâm phạm biên giới. Một cách hữu hiệu, theo kinh nghiệm của tôi, là từ từ lùi về trong khi liên tục gây ra tiếng động. Nhưng phải đảm bảo là không rời mắt khỏi mắt con thú. Đến khi thấy nó đặt chân vào lãnh thổ của ta, hoặc thậm chí chỉ tiến vào vùng giáp ranh trung lập thôi, là ta đã đạt được mục đích. Đừng so đo kiểu luật sư xem nó đã đặt chân vào đâu, có đúng là đã vào lãnh thổ của ta chưa, mà phải lập tức đối đầu ngay. Vấn đề ở đây là làm cho con thú hiểu rằng người hàng xóm trên gác của nó đặc biệt khó tính trong chuyện ai ở nhà người này.
5. Một khi con thú đã xâm phạm vào lãnh thổ của ta, hãy dồn hết sức để tỏ rõ sự phẫn nộ của mình. Dù đã chạy khỏi xuống hoặc còn đang trên phần lãnh thổ của ta trên xuống, hãy bắt đầu thổi còi thật to và lập tức kéo dây rút các neo biển về. Hai hành động này cực kì quan trọng. Phải tiến hành song song và ngay điều khiển cho xuống quay ngang với chiều sóng, ví dụ như một mái chèo, thì hãy dùng ngay lập tức. Xuống phải quay ngang càng nhanh càng tốt.
6. Với một kẻ đắm tàu kiệt sức, thổi còi liên tục là một việc rất mệt, nhưng ta không được phép ngừng. Con thú phải liên hệ được cảm giác say sóng khó chịu của nó với tiếng còi đinh tai nhức óc của ta. Ta có thể trợ giúp việc này bằng cách đứng ở mũi xuống, hai chân trên mép xuống và đập qua đập lại để xuống lắc mạnh hơn nữa theo chiều bị sóng tạt. Dù ta có nhô người đến đâu và xuống có lớn đến mấy, tác dụng của việc đó thật đáng kinh ngạc. Tôi đảm bảo rằng chẳng mấy chốc chiếc xuống sẽ lắc lư và trông tránh như Elvis Presley (1) vậy. Có điều phải thổi còi liên tục, và chớ làm quá để lật mất xuống.
7. Ta phải làm việc đó liên tục cho tới khi con thú đã thực sự say sóng. Ta phải nghe được nó thở dốc và nôn khan. Ta phải thấy nó nằm bẹp dưới sàn xuống, chân tay run rẩy, mắt trợn ngược, mồm miệng há hốc và lầy bầy. Trong suốt những giây phút đó, ta phải làm ừ tai con thú bằng tiếng còi lạnh lạnh chát chúa của ta. Nếu thấy mình cũng đã say sóng và buồn nôn, đừng phí phạm bãi nôn đó xuống biển. Đánh dấu lãnh thổ không gì tốt hơn một bãi nôn. Hãy nôn ra chỗ ranh giới lãnh thổ của mình.
8. Lúc con thú đã thực sự mệt mỏi và thuần lành, ta có thể dừng. Say sóng nhanh bị nhưng lại lâu tỉnh. Ta không nên làm quá. Không ai chết vì buồn nôn, nhưng nó làm nhụt ý chí sống. Lúc thấy đã đủ rồi, ta lại thả dây neo biển ra. Nếu con thú nằm vật ngay dưới nắng, hãy kiếm cái gì che cho nó, và làm sao để khi nó tỉnh lại sẽ thấy có nước uống ngay cạnh. Tốt hơn hết là khuấy vài viên thuốc chống nôn vào chỗ nước ấy nếu có. Tình trạng mất nước trong hoàn cảnh ấy có thể nguy hiểm đến tính mạng con thú. Còn không thì ta chỉ việc lẳng lặng rút về phần lãnh thổ của mình và để con thú nằm yên ở đó. Nước uống, nghỉ ngơi và thư giãn trên xuống sẽ làm cho nó tỉnh táo trở lại. Nên để cho con thú đã hoàn toàn hồi phục trước khi tiến hành lại các bước từ một đến tám như vừa nói.

9. Phải huấn luyện cho đến khi con thú đã thiết lập được mối liên hệ khăng khít giữa tiếng còi và cảm giác buồn nôn chóng mặt rất mãnh liệt, và mối liên hệ ấy phải rõ ràng dứt khoát. Từ đó về sau, chỉ cần tiếng còi là đủ giải quyết các vụ xâm phạm và mọi hành vi không mong muốn khác của con thú. Chỉ cần một hồi còi chất chứa, ta sẽ thấy con thú run lên sợ hãi và nhanh chóng lui vào nơi kín đáo an toàn nhất trong lãnh thổ của nó. Một khi đã qua được giai đoạn huấn luyện này, việc dùng còi cần phải hạn chế và thận trọng.

Chú thích:

(1) Ngôi sao nhạc rock của Mỹ, thành danh vì động tác lắc người đánh hông của mình. (ND)

Giết rùa là một việc nặng nhọc. Con rùa đầu tiên của tôi là một con nhỏ điều nhỏ. Cái mà tôi háo hức là máu nó, “món đồ uống ngon, bổ và không có muối”, như hứa hẹn trong cuốn cẩm nang. Cái khát của tôi cũng háo hức chẳng kém. Tôi đã giữ được mai nó và đang cố giữ chặt một chân sau. Khi đã chắc tay tôi lật ngửa nó ra dưới nước và định kéo nó lên bờ. Con vật quẫy đạp dữ dội. Không thể trị nó ở trên bờ được. Nếu không muốn thả nó đi thì phải làm sao kéo được nó lên xuống. Tôi nhìn lên. Một ngày nóng bức và không một gợn mây. Richard Parker có vẻ chấp nhận cho tôi hiện diện ở mũi xuống trong những ngày như thế này, khi không khí giống như ở bên trong một cái lò nướng nó sẽ không ra khỏi tấm bạt che cho đến khi mặt trời lặn.

Một tay giữ chắc cái chân rùa, tôi dùng tay kia kéo bờ về phía xuống. Trèo lên xuống không phải dễ. Khi đã trên xuống, tôi kéo mạnh để hất con rùa lên không và cho nó rơi ngửa lưng lên tấm bạt. Đúng như tôi hi vọng, Richard Parker chỉ gầm gừ một hai tiếng rồi thôi. Nó không hề có ý định làm bất cứ việc gì trong cái nóng như ngày hôm đó.

Quyết tâm của tôi nghiêm trọng và mù quáng. Tôi cảm thấy không thể để phí thời gian. Tôi mở cuốn cẩm nang như thể nó là một cuốn sách dạy nấu ăn. Sách nói trước hết phải lật ngửa con rùa. Việc đó đã xong. Rồi “thọc lưỡi dao vào cổ để cắt đứt các mạch máu chạy qua đó”. Tôi nhìn con rùa. Làm gì có cổ. Nó đã rút hết vào trong mai. Chỉ còn thấy hai con mắt với cái mỏ ở giữa những vòng da gấp nếp xung quanh. Nó nhìn tôi nghiêm khắc. Tôi cầm dao chọc chọc vào một cái chân trước xem nó có thò cổ ra không. Nó chỉ rút sâu thêm vào trong mai. Tôi quyết định tiếp cận trực tiếp hơn. Tự tin như thể đã từng làm việc đó hàng nghìn lần, tôi ấn lưỡi dao vào ngay bên phải và phía dưới cái đầu con rùa, nghiêng đi một chút. Tôi thọc lưỡi dao thật sâu qua các nếp da rồi xoay đi xoay lại. Con rùa rút đầu vào sâu hơn nữa, nhất là phía bị đâm, rồi thỉnh thoảng hất đầu ra ngoài và dùng mỏ cắn tôi chí tử. Tôi nhảy lui. Nó thò cả bốn chân và bắt đầu cố thoát thân. Nó lặn lư rất mạnh trong tư thế bị nằm ngửa, tứ chi quẫy loạn xạ và đầu vươn ra tứ phía. Tôi vớ lấy riu bỏ mạnh xuống cổ nó. Máu đỏ vọt ra. Tôi vớ lấy cái bình đựng và hứng được khoảng ba trăm mililit. Tôi đoán mình có thể còn hứng được nhiều hơn, có lẽ tới một lít, nhưng cái mỏ điều của nó sắc quá và hai chân trước vừa dài vừa khỏe, lại có cả móng nhọn. Chỗ máu tôi hứng được không thấy có mùi gì đặc biệt. Tôi nhấp thử. Nếu tôi nhớ đúng thì nó có vị âm ẩm rất súc vật. Khó lòng nhớ được những ấn tượng ban đầu kiểu đó. Tôi đã uống cạn chỗ máu ấy.

Đã tưởng phải dùng riu để gỡ cái yếm bụng, nhưng rồi tôi thấy dùng cái cạnh có răng cưa của con dao dễ hơn. Tôi đè một chân lên giữa cái yếm, chân kia dẹt ra hết cỡ để tránh không bị tứ chi nó cào phải. Phần da phía đầu thì dễ cắt, chỉ trừ những chỗ quanh bốn chân. Tuy nhiên, cưa phần vành đai, nơi mai với yếm gặp nhau thì rất mệt, đặc biệt vì con rùa vẫn không ngừng quẫy. Cưa đứt hết xung quanh nó thì tôi như tằm trong mồ hôi và cảm thấy kiệt sức. Tôi nhắc mãi cái yếm mới chịu rời lên, như thể miễn cưỡng, với một tiếng bụp ướt nhoét. Lục phủ ngũ tạng lộ ra, phập phò phập phồng – thịt mỡ, máu, ruột, gan, xương cốt. Mà con rùa vẫn quẫy. Tôi cắt vào cổ nó cho đến tận xương sống. Chẳng ăn thua gì. Tứ chi nó tiếp tục đập. Tôi chặt phăng đầu nó với hai nhát riu. Tứ chi nó vẫn quẫy. Kinh khủng hơn là cái đầu bị chặt rời ra mà vẫn tiếp tục ngáp lên ngáp xuống với hai cặp mắt hấp háy. Tôi gạt nó xuống biển. Cái phần vẫn còn sống kia của con rùa thì tôi cố nhắc cả lên và thả xuống chỗ Richard Parker. Con hổ đang đánh động và có vẻ như sắp ngồi dậy. Có thể nó đã ngửi thấy mùi máu. Tôi bỏ chạy về bờ.

Có thể nghe tiếng Richard Parker ăn và thưởng thức món rùa một cách âm ỉ. Tôi buồn bã nhìn về phía nó. Tôi đã hoàn toàn kiệt sức. Chỗ máu uống được có vẻ chẳng bổ bèn gì so với bao nhiêu công sức tôi đã bỏ ra để làm thịt con rùa.

Tôi bắt đầu suy nghĩ nghiêm chỉnh về chuyện sẽ phải thu xếp thế nào với Richard Parker. Tình trạng nó chỉ chịu để yên cho tôi lên xuống trong những ngày nóng nực, nếu quả thật đó là lí do chứ không phải đơn thuần là vì nó lười nhác, không thể cứ kéo dài mãi được. Tôi không thể lúc nào cũng phải chạy trốn nó như thế. Tôi cần được tiếp cận an toàn cái tù đồ và phần nóc mũi bạt trên xuống, bất kể lúc nào, bất kể thời tiết ra sao, bất kể cả tình trạng tâm lí của nó thế nào. Cái tôi cần là quyền hạn, thứ quyền hạn đi đôi với quyền hành.

Đã đến lúc phải ra tay chiếm lĩnh phần lãnh thổ của tôi ở trên xuống.

Với những ai có thể phải rơi vào tình trạng khó xử như tôi lúc ấy, tôi xin được khuyến cáo một chương trình như sau:

1. Chọn một ngày sóng thấp nhưng đều đặn. Ta cần một mặt nước để trình diễn thật tốt khi xuống có thể quay ngang đón sóng mà không bị lật.
2. Thả hết dây neo biển để trên xuống ổn định và thoải mái nhất. Chuẩn bị nơi ẩn náu bên ngoài xuống phòng khi cần đến (rất dễ có khả năng phải như vậy). Nếu có thể, hãy tạo ra phương tiện gì đó để che chắn thân thể. Bất kì thứ gì cũng có thể dùng để che chắn được. Ví dụ như quần chắn hoặc quần áo vào tay chân cũng là một dạng áo giáp tối thiểu.
3. Rồi đến phần khó làm: phải khiêu khích con vật. Nó sẽ có thể tấn công mình. Hổ, tê giác, đà điểu, gấu rừng, gấu nuôi – con gì thì con, vẫn phải khiêu khích được nó. Cách tốt nhất có lẽ là lần la ra mép lãnh thổ của mình rồi làm bộ xâm phạm vào phần ranh giới trung lập một cách âm ỉ. Tôi đã làm như vậy: tôi ra chỗ mép bạt rồi vừa giậm chân xuống mặt cái ghế giữa xuống vừa thổi còi nhẹ nhẹ. Điều quan trọng là tạo ra được một tiếng động nhất quán và dễ nhận ra để báo hiệu việc lấn chiếm của ta. Nhưng phải rất quan trọng. Cần phải khiêu khích con thú, nhưng chỉ đến mức độ như vậy thôi, chứ đừng để nó khùng lên và tấn công ta ngay lập tức. Nếu xảy ra chuyện đó thì lạy Chúa tôi, ta sẽ bị xé thành từng mảnh, giẫm bẹp, lòi gan nát ruột, và chắc là sẽ bị ăn thịt. Ta không muốn thế. Ta muốn con thú bị đánh động, hoang mang, khó chịu, bứt rứt không yên, nhưng không nổi máu giết người. Trong trường hợp nào cũng không được bước chân vào lãnh thổ của con thú. Cuộc xâm phạm của ta chỉ hạn chế ở động tác nhìn thẳng vào mắt nó và thổi còi đánh mõ mà thôi.
4. Khi con thú đã bị kích động, hãy làm sao để gây ra được một hành động xâm phạm biên giới. Một cách hữu hiệu, theo kinh nghiệm của tôi, là từ từ lùi về trong khi liên tục gây ra tiếng động. Nhưng phải đảm bảo là không rời mắt khỏi mắt con thú. Đến khi thấy nó đặt chân vào lãnh thổ của ta, hoặc thậm chí chỉ tiến vào vùng giáp ranh trung lập thôi, là ta đã đạt được mục đích. Đừng so đo kiểu luật sư xem nó đã đặt chân vào đâu, có đúng là đã vào lãnh thổ của ta chưa, mà phải lập tức đổi đầu ngay. Vấn đề ở đây là làm cho con thú hiểu rằng người hàng xóm trên gác của nó đặc biệt khó tính trong chuyện ai ở nhà người này.
5. Một khi con thú đã xâm phạm vào lãnh thổ của ta, hãy dồn hết sức để tỏ rõ sự phẫn nộ của mình. Dù đã chạy khỏi xuống hoặc còn đang trên phần lãnh thổ của ta trên xuống, hãy bắt đầu thổi còi thật to và lập tức kéo dây rút các neo biển về. Hai hành động này cực kì quan trọng. Phải tiến hành song song và ngay điều khiển cho xuống quay ngang với chiều sóng, ví dụ như một mái chèo, thì hãy dùng ngay lập tức. Xuống phải quay ngang càng nhanh càng tốt.
6. Với một kẻ đắm tàu kiệt sức, thổi còi liên tục là một việc rất mệt, nhưng ta không được phép ngừng. Con thú phải liên hệ được cảm giác say sóng khó chịu của nó với tiếng còi đình tai nhức óc của ta. Ta có thể trợ giúp việc này bằng cách đứng ở mũi xuống, hai chân trên mép xuống và đập qua đập lại để xuống lắc mạnh hơn nữa theo chiều bị sóng tạt. Dù ta có nhô người đến đâu và xuống có lớn đến mấy, tác dụng của việc đó thật đáng kinh ngạc. Tôi đảm bảo rằng chẳng mấy chốc chiếc xuống sẽ lắc lư và trông tránh như Elvis Presley (1) vậy. Có điều phải thổi còi liên tục, và chớ làm quá để lật mất xuống.
7. Ta phải làm việc đó liên tục cho tới khi con thú đã thực sự say sóng. Ta phải nghe được nó thở dốc và nôn khan. Ta phải thấy nó nằm bẹp dưới sàn xuống, chân tay run rẩy, mắt trợn ngược, mồm miệng há hốc và lầy bầy. Trong suốt những giây phút đó, ta phải làm ù tai con thú bằng tiếng còi lạnh lạnh chát chúa của ta. Nếu thấy mình cũng đã say sóng và buồn nôn, đừng phí phạm bãi nôn đó xuống biển. Đánh dấu lãnh thổ không gì tốt hơn một bãi nôn. Hãy nôn ra chỗ ranh giới lãnh thổ của mình.
8. Lúc con thú đã thực sự mệt mỏi và thuần lành, ta có thể dừng. Say sóng nhanh bị nhưng lại lâu tỉnh. Ta không nên làm quá. Không ai chết vì buồn nôn, nhưng nó làm nhụt ý chí sống. Lúc thấy đã đủ rồi, ta lại thả dây neo biển ra. Nếu con thú nằm vật ngay dưới nắng, hãy kiếm cái gì che cho nó, và làm sao để khi nó tỉnh lại sẽ thấy có nước uống ngay cạnh. Tốt hơn hết là khuấy vài viên thuốc chống nôn vào chỗ nước ấy nếu có. Tình trạng mất nước trong hoàn cảnh ấy có thể nguy hiểm đến tính mạng con thú. Còn không thì ta chỉ việc lẳng lặng rút về phần lãnh thổ của mình và để con thú nằm yên ở đó. Nước uống, nghỉ ngơi và thư giãn trên xuống sẽ làm cho nó tỉnh táo trở lại. Nên để cho con thú đã hoàn toàn hồi phục trước khi tiến hành lại các bước từ một đến tám như vừa nói.
9. Phải huấn luyện cho đến khi con thú đã thiết lập được mối liên hệ khăng khít giữa tiếng còi và cảm giác buồn nôn chóng mặt rất mãnh liệt, và mối liên hệ ấy phải rõ ràng dứt khoát. Từ đó về sau, chỉ cần

tiếng còi là đủ giải quyết các vụ xâm phạm và mọi hành vi không mong muốn khác của con thú. Chỉ cần một hồi còi chất chứa, ta sẽ thấy con thú run lên sợ hãi và nhanh chóng lui vào nơi kín đáo an toàn nhất trong lãnh thổ của nó. Một khi đã qua được giai đoạn huấn luyện này, việc dùng còi cần phải hạn chế và thận trọng.

Chú thích: (1) Ngôi sao nhạc rock của Mỹ, thành danh vì động tác lắc người đánh hông của mình. (ND)

Trong trường hợp của tôi, để tự vệ trong khi huấn luyện Richard Parker, tôi làm một cái khiên bằng mai rùa. Tôi cắt hai cái khác hai bên và buộc một đoạn dây quanh chỗ đó. Cái khiên hơi nặng. Nhưng có người lính nào được lựa chọn vũ khí của mình?

Lần đầu tiên tôi thử làm những chuyện nói trên, Richard Parker nhe nanh, xoay hay tai một vòng, khạc ra một tiếng gầm gừ từ trong cổ họng và nhào vào tôi. Một bàn chân đầy móng vuốt giương ra của nó vung lên rồi tạt vào cái khiên của tôi. Cú tạt đó hất tôi văng ra khỏi xuồng. Tôi rơi xuống nước và lập tức thả cái khiên ra. Nó chìm nhanh, sau khi đập bộp một cái vào ống đồng tôi. Tôi sợ hết hồn – sợ Richard Parker, lại sợ của ở dưới nước. Tôi tưởng tượng một con cá mập đang lao vào tôi ngay lúc ấy. Tôi cuống cuống bơi về bè, chân tay đập loạn xạ, đúng kiểu đánh động nước thường hấp dẫn cá mập. May sao không có con nào lúc đó. Tôi đến bè, thả dây hết cỡ rồi ngồi bó gối, gục đầu, cố gắng dập tắt ngọn lửa hãi hùng vẫn đang cháy bùng bùng trong lòng. Rất lâu sau tôi mới thực sự hết run rẩy. Suốt ngày và đêm hôm đó tôi ở lì trên bè, không ăn uống gì.

Tôi chỉ tiếp tục khi đã bắt được một con rùa khác. Mai con này nhỏ và nhẹ hơn, làm khiên tốt hơn. Lại một lần nữa tôi tiến lên và giậm chân vào cái ghế giữa xuồng.

Không biết mọi người nghe câu chuyện này có hiểu cho tôi rằng hành vi đó của tôi không phải vì điên hoặc muốn tự tử, mà đơn thuần là chỉ vì cần thiết. Hoặc là tôi thuần phục nó, bắt nó phải thấy ai là Số Một, ai là Số Hai – hoặc là tôi sẽ chết vào một ngày xấu trời lúc muốn leo lên xuồng và bị nó phản đối.

Nếu tôi đã sống qua được giai đoạn thực tập huấn luyện thú ngoài biển, đó là vì Richard Parker thực sự không muốn tấn công tôi. Hồ, cũng như các con thú khác, không thích dùng bạo hành để giải quyết các vấn đề. Khi thú vật đánh nhau, chúng đều có ý thức phải giết và hiểu rõ rằng nếu không thế thì mình sẽ bị giết. Mỗi trận đánh nhau như vậy đều phải trả giá đắt. Do vậy mà thú vật có một hệ thống các tín hiệu cảnh báo được đặt ra để tránh phải đánh nhau, và chúng nhanh chóng nhượng bộ, lùi bước nếu thấy có thể được. Rất ít khi một con hồ tấn công một con hồ khác mà không báo trước. Thường thì nó sẽ xông vào đối thủ ngay với những tiếng gầm gừ dữ dội. Nhưng ngay trước khi quá muộn, con hồ dừng lại, tiếng gầm gào đầy mãnh lực đe dọa của nó vẫn rung bần bật trong cổ. Nó đánh giá tình hình. Nếu thấy không có đe dọa gì, nó sẽ quay đi, cảm thấy chính kiến của mình đã được mọi người hiểu rõ.

Richard Parker làm như vậy đối với tôi cả thấy bần lần. Bốn lần, nó dùng chân phải tạt tôi văng xuống biển, và bốn lần tôi mất khiên. Tôi bị hãi hùng trước khi, trong khi và sau khi tấn công như vậy, và tôi run lẩy bẩy rất lâu trên bè. Cuối cùng, tôi học được cách đọc những tín hiệu mà nó gửi đến tôi. Tôi nhận ra rằng với tai, mắt, râu, nanh, đuôi và cổ họng, nó đã nói một thứ ngôn ngữ đơn giản với những dấu ngắt rõ ràng để bảo cho tôi biết nó sẽ sắp làm gì. Tôi học được cách thoái bộ trước khi nó giương vuốt.

Rồi tôi cũng khẳng định được chính kiến của mình, hai chân trên mạn xuồng lắc lư, ngôn ngữ một nốt của tôi lãnh lớt trong tiếng còi, và Richard Parker rên rì, thở dốc dưới sàn xuồng.

Cái khiên thứ năm của tôi tồn tại đến cuối khoá huấn luyện của nó.

Ước mong lớn nhất của tôi – ngoài việc được cứu – là có một cuốn sách. Một cuốn sách dài với một câu chuyện không bao giờ kết thúc. Một cuốn sách tôi có thể đọc đi đọc lại, với những cách nhìn mới, những hiểu biết mới cho mỗi lần. Than ôi, trên xuồng chẳng có cuốn Kinh Thánh nào. Tôi là chàng Arjuna đơn độc trên chiếc chiến xa toi tã mà không được những lời của thần Krishna an ủi. Lần đầu tiên tôi thấy một cuốn kinh thánh trong ngăn kéo chiếc bàn đầu giường tại một phòng khách sạn ở Canada, tôi đã bật khóc. Tôi gửi tiền đóng góp cho Nhà xuất bản Gideons ngay hôm sau, kèm theo một bức thư tha thiết đề nghị họ mở rộng phạm vi hoạt động tới tất cả những đâu có thể có những kẻ lữ hành mệt mỏi và kiệt sức, chứ không phải chỉ đến các khách sạn, và rằng họ nên có cả các kinh của những tín ngưỡng khác nữa chứ không phải chỉ Kinh Thánh Cơ đốc. Tôi cho đó là cách tốt nhất để rao giảng lòng tin. Không phải những đao to búa lớn từ trên bục giảng, không phải những lời lên án của giáo hội, không phải áp lực đồng đẳng, chỉ cần một cuốn sách thiêng lặng lẽ đợi ta để nói lời chào đón, nhẹ nhàng mà cũng mãnh liệt như nụ hôn của cô gái lên má ta.

Chẳng được thế thì có một cuốn tiểu thuyết cũng được! Nhưng chỉ có mỗi cuốn cảm nang sống sót. Chắc hẳn tôi đã đọc nó hàng nghìn hàng vạn lần trong suốt thời gian khổ nạn của tôi.

Tôi có viết nhật kí. Khó lòng đọc được nó. Tôi viết chữ nhỏ hết sức vì sợ sẽ bị hết giấy. Cũng chẳng có chuyện gì nhiều trong đó. Chỉ là một vài chữ vạch lên giấy mong ghi lại một thực tại đã làm tôi choáng ngợp. Tôi bắt đầu viết độ một tuần gì đó sau ngày đắm tàu. Trước đó thì tôi quá bận bịu về quá nhiều thứ khác. Các đoạn nhật kí ấy không có đề ngày hoặc đánh số thứ tự. Điều làm tôi ngạc nhiên khi nhìn lại thời gian đã được ghi lại một cách lạ lùng. Nhiều ngày, nhiều tuần, tất cả chỉ tóm gọn vào một trang giấy. Tôi viết về những thứ mà ai cũng sẽ viết trong hoàn cảnh ấy: những việc xảy ra và cảm giác của tôi, những thứ tôi bắt được và không bắt được, biển cả và thời tiết, các vấn đề gặp phải và các giải pháp, rồi Richard Parker. Toàn những chuyện thực tế cả.

Tôi thực hành các nghi lễ tôn giáo mà tôi thích ứng được với hoàn cảnh của mình – những buổi lễ Mass (1) không có thầy tế, hoặc những buổi nguyện (2) không có thầy cả, những pujas (3) có thịt rùa làm vật tế, những hành động kính lễ Allah mà không biết Mecca ở hướng nào và với những câu kinh tiếng Ả rập sai bét của tôi. Chúng an ủi tôi, điều đó là chắc chắn. Nhưng thật cũng khó làm sao, ôi chao, thật cũng khó làm sao. Lòng tin vào Thượng đế là một hành động hỉ xả, thả lỏng, một niềm tin sâu xa, một cử chỉ yêu thương không phải trả giá – nhưng đôi khi ta thấy yêu được thật là khó khăn biết bao. Đôi khi lòng tôi nặng trĩu giận hờn, tuyệt vọng và mệt mỏi, đến nỗi tưởng chừng tôi sẽ chìm ngấm xuống tận đáy Thái Bình Dương và không thể nào trỗi dậy nổi.

Trong những giờ phút đó tôi đã cố tự nâng đỡ lấy mình. Tôi sẽ chạm tay vào vành khăn Hồi giáo tự quấn lấy bằng những mảnh ảo còn sót lại và nói to, “Đây là chiếc mũ của Thượng đế!” Tôi sẽ vỗ tay vào chiếc quần của mình và nói to, “Đây là áo quần của Thượng đế!” Tôi sẽ chỉ sang Richard Parker và nói to, “Đây là con mèo của Thượng đế!” Tôi sẽ chỉ vào chiếc xuống và nói to, “Đây là chiếc bè cứu nạn của Thượng đế!” Tôi sẽ xoè hai bàn tay thật rộng ra biển và nói to, “Đây là những dải đất mệnh mông của Thượng đế!” Tôi sẽ chỉ lên trời và nói to, “Đây là lỗ nhĩ của Thượng đế!” Và như thế, tôi sẽ nhắc mình nhớ đến công việc sáng tạo thế giới và chỗ đứng của tôi ở trong đó.

Nhưng cái mũ của Thượng đế lúc nào cũng chực tuột ra. Áo quần của Thượng đế cứ rách nát dần. Con mèo của Thượng đế luôn là mối hiểm hoạ. Chiếc bè cứu nạn của Thượng đế là nhà tù. Dải đất mệnh mông của Thượng đế đang giết dần giết mòn chính tôi. Và lỗ nhĩ của Thượng đế dường như không hề lắng nghe tôi.

Tuyệt vọng là một màn tối đen dày đặc không cho ánh sáng lọt vào hoặc thoát ra. Đó là chốn địa ngục không có lời nào tả xiết. Tôi tạ ơn Thượng đế vì những cơn tuyệt vọng ấy bao giờ cũng qua đi. Một đàn cá xuất hiện quanh cái lưới hoặc một cái nút phải buộc lại. Hoặc nghĩ đến gia đình tôi, đến việc mọi người đã không phải chịu cảnh khổ nạn như tôi. Cái tối đen ấy sẽ rung động và cuối cùng tan đi, và Thượng đế còn đó, một điểm sáng ngời trong lòng tôi. Tôi sẽ sống.

Chú thích: (1) Lễ chịu mình Thánh của đạo Cơ đốc, trong đó cha đạo làm lễ rồi phân phát bánh thánh cho các con chiên để nhớ lại bữa ăn cuối cùng của Jesus với các tông đồ. Trong bữa ăn đó, Jesus đã nói “Đây là mình ta, hãy ăn đi; và này là huyết ta, hãy uống đi.” (ND) (2) Lễ cử hành trong các nhà nguyện Do Thái, trong đó các thầy cả giảng dạy những nội dung Aggadah hoặc Halakhah trong kinh sách. (ND) (3) Nghi lễ thờ phụng một vị thần nào đó trong tín ngưỡng Hindu, thường có việc hiến tế con sinh. (ND)

Chương 75

Cái ngày tôi ước chừng là sinh nhật mẹ, tôi hát Happy Birthday rất to để mừng mẹ.

Tôi đã tập được thói quen dọn dẹp sạch sẽ cho Richard Parker. Ngay khi tôi biết nó vừa đi ngoài xong, tôi ra tay ngay, một việc làm nguy hiểm bao gồm động tác kều đóng phân của nó ra bằng cái lao móc cá rồi từ mũi bật hót đóng phân đó đi. Phân thú có thể nhiễm các loại kí sinh trùng. Điều này không sao đối với thú vật sống ngoài hoang dã vì chúng rất ít khi ở gần và không có quan hệ dính líu gì với phân của mình. Các loài sống trên cây hầu như không nhìn thấy phân của chúng. Các loài sống dưới đất thường phóng uế trên đường đi tiếp ngay. Nhưng trong khuôn viên nhỏ hẹp của một vườn thú thì khác. Nếu không dọn phân thú trong chuồng, chúng sẽ bị nhiễm trùng vì thế nào chúng cũng ăn hết số phân đó. Thú vật đói thường ăn tất cả những thứ gì giống thức ăn được. Cho nên chuồng thú được dọn sạch sẽ, không phải chỉ vì chiều mũi ngửi của thức ăn mà thôi. Nhưng trong hoàn cảnh của tôi, việc duy trì danh tiếng sạch sẽ của gia đình Patel trong nghề vườn thú không phải là điều tôi quan tâm. Sau vài tuần Richard Parker táo bón và chỉ thấy nó đi ngoài mỗi tháng một lần, cho nên việc dọn vệ sinh của tôi chẳng đáng gì theo quan điểm vệ sinh. Nhưng có một lí do khác khiến tôi làm việc đó. Lần đầu tiên Richard Parker đi ngoài trên xuống, tôi để ý thấy nó loay hoay cố giấu phân của mình đi. Tôi thấy ngay ý nghĩa quan trọng của hành vi đó. Trung phân của mình ra công khai, bất kể hôi thối, là dấu hiệu của ý thức trên trưởng và áp đảo trong xã hội loài vật. Còn ngược lại, cố giấu giếm phân là dấu hiệu thoái bộ và nhún nhường. Nó đã có thái độ ấy đối với tôi.

Có thể thấy là nó bồn chồn khi thấy tôi lấy phân của nó. Nó nằm, đầu ngửa ra sau và hai tai áp sát vào sọ, phát ra tiếng gầm gừ liên tục và âm trầm. Tôi tiến hành công việc rất công khai mà cũng rất thận trọng, không phải chỉ để phòng thân, mà còn muốn gửi đến nó những tín hiệu rõ ràng. Tín hiệu mạnh mẽ nhất là lúc tôi đã cầm cục phân nó trong tay. Tôi lăn cục phân trong tay mấy lần, đưa lên sát mũi và hít thành tiếng âm ỉ, liếc nhìn nó vài ba lần một cách thách thức, mắt tròn tròn (ôi, giá nó biết là vì sợ) xoáy vào nó cho tới lúc nó đã nhận ra được quyết tâm của tôi, nhưng không quá lâu đến nỗi khích động nó. Và mỗi lần đưa mắt sang nó, tôi lại thổi lên một hồi còi đầy đe dọa. Làm như thế, tấn công nó bằng mắt kiểu ấy (bởi vì thực ra là loài vật cũng như chúng ta, nhìn chăm chăm vào một hành động tấn công) và rúc còi kiểu ấy, tôi đã làm cho Richard Parker thấy rõ ràng tôi có quyền, quyền hành của một đáng tiên chủ, muốn cầm nắm và ngửi hít phân của nó lúc nào cũng được. Cho nên, không phải là tôi định làm nhiệm vụ vệ sinh vườn thú, mà là đe dọa tâm lí. Và việc đó có hiệu quả tốt. Richard Parker không bao giờ dám nhìn lại vào mắt tôi; cái nhìn của nó bập bênh trên không trung, không bao giờ đặt vào tôi hoặc liếc ngang qua tôi. Khi tôi cầm nắm cục phân nó trong tay, tôi cảm thấy như quyền uy của mình đang được hình thành. Việc đó luôn luôn làm tôi kiệt sức vì căng thẳng, nhưng cũng vô cùng phấn khích.

Vì ta đang trong chủ đề này, nên tôi cũng muốn kể luôn rằng bản thân tôi cũng đã táo bón chẳng kém gì Richard Parker. Đó là do thức ăn, có quá ít nước và quá nhiều đạm. Với tôi, việc đi ngoài mỗi tháng một lần thật chẳng dễ chịu chút nào. Đó là một sự kiện đau đớn, khổ sở và kéo dài lê thê cho đến lúc người tôi đầm mồ hôi và mệt đến đứt hơi. Quả thật còn khổ hơn một cơn sốt cao nhiều.

Khi những hộp thức ăn ngày càng ít đi, tôi giảm khẩu phần cho đến lúc theo đúng như hướng dẫn trong cẩm nang: chỉ hai cái bánh quy cho mỗi lần tám tiếng đồng hồ. Tôi thấy đói thường xuyên. Tôi chỉ còn nghĩ đến các món ăn. Càng ăn ít đi thì tôi càng mơ thấy các món ăn nhiều hơn. Cả một dòng sông Hằng dào dạt súp rau. Bánh bột lọc nóng to như núi. Những bát com to bằng cả tiểu bang Uttar Pradesh. Cháo đậu chảy lút hết cả vùng Tamil Nadu. Những cây kem chất cao như núi Himalaya. Những giấc mơ của tôi trở nên rất có chuyên môn: các thành phần dùng để nấu những món ăn của tôi lúc nào cũng tươi tắn và ê hề, lò nướng, chảo rán luôn luôn ở đúng mức nhiệt, mọi thứ đều vừa vặn, không bao giờ cháy hoặc sượng, không bao giờ quá nóng quá lạnh. Bữa ăn nào cũng hoàn hảo – chỉ có điều không với tay được thôi.

Phạm vi khẩu vị của tôi ngày càng rộng ra. Trước đây tôi làm ruột và đánh vảy cá rất kĩ, giờ thì tôi chỉ rửa qua cho đỡ nhột rồi ngoạm ngay vào chúng, sung sướng cảm thấy miếng ăn trong miệng mình. Tôi nhớ là cá bay rất ngon, thịt chúng trắng hồng và mềm mại. Dorado thì thịt chắc hơn và vị mạnh hơn. Tôi bắt đầu nhặt cả đầu cá chứ không ném chúng cho Richard Parker hoặc để làm mồi câu như trước. Một phát kiến lớn là tìm ra thứ nước có vị rất tươi mát mát được từ mắt những con cá lớn và từ xương sống của chúng. Rửa, mà trước đây tôi chỉ biết lấy dao nạy mai và ném sang cho Richard Parker như một bát súp nóng cho nó, đã trở thành món ăn thích khẩu của tôi.

Không thể tưởng tượng rằng đã có lúc tôi nhìn một con rùa biển còn sống như nhìn một bữa tiệc có hàng chục món nấu tuyệt hảo hơn hẳn các món cá. Nhưng là như vậy đây. Trong tĩnh mạch rùa chảy một dòng sinh huyết ngọt ngào phải uống được ngay lập tức khi nó đang phụt ra từ cổ con vật, nếu không thì chỉ vài phút sau là nó đông đặc lại. Không có thứ gì trên đất liền có thể sánh với thịt rùa, dù là phơi, nướng qua cho tới lúc nó có màu nâu hay nướng kĩ cho đến màu đỏ sẫm. Không có gì sánh được với trứng rùa và mỡ rùa. Trộn lẫn tim, phổi, gan, thịt và ruột đã làm sạch, thêm vài miếng lòng cá, rồi khuấy cả vào nước sốt lòng đỏ trứng, ta sẽ có một món thập cẩm rùa tuyệt hảo khiến ta phải vét và mút tay cho thật sạch. Đến lúc kết thúc cuộc hành trình thì tôi đã ăn tất cả những gì mà một con rùa có thể hiến cho ta. Trong đám tảo bám trên mai một số con rùa mỡ điều, đôi khi tôi còn tìm được những con cua nhỏ. Còn thì tôi chén tất cả những gì có trong bụng một con rùa. Đã bao lần tôi khoai trá hàng giờ liền ngồi gặm gạp một khớp chân rùa hoặc đập vỡ những mẫu xương và mút tuỷ trong đó. Những ngón tay tôi đã quen thói lăm lăm nhặt nhanh những mẫu thịt và mỡ khô còn dính dính lại bên trong mai rùa, chẳng khác gì bọn khỉ hay tự động lăm mò thức ăn.

Mai rùa rất tiện dụng. Không có chúng thì tôi cũng chẳng biết sẽ ra sao. Không phải chỉ dùng chúng làm khiên, tôi còn lấy chúng làm thớt chặt cá và bát trộn thức ăn. Và khi mưa gió đã xé nát những cái chắn đến mức không thể vá vúi lại được nữa, tôi dùng mai rùa để che mưa che nắng, xếp chúng lại với nhau và nằm ngủ bên dưới.

Thật đáng sợ khi nhận ra thực tế rằng no bụng sẽ làm cho ta hồ hởi vui vẻ ra sao. Cái này theo sau cái kia từng mức độ một: càng no nê, càng vui vẻ. Tôi thấy chuyện đó thật gớm ghiếc. Muốn cười được, tôi cần có thịt rùa.

Đến lúc đã hết bánh quy, cái gì cũng thành ra ăn được, bất kể mùi vị ra sao. Tôi có thể tổng mọi thứ vào mồm, nhai nhai, nuốt nuốt, ngon lành hay hôi hám hoặc chẳng có mùi vị gì cũng vậy, chỉ cần nó không có vị mặn là được. Cơ thể tôi đã tập nhiệm một phản ứng ghê tởm đối với muối và nó vẫn còn cho đến tận bây giờ.

Có một lần tôi đã định ăn cả phân của Richard Parker. Việc đó xảy ra từ sớm, khi cơ địa tôi còn chưa học được cách sống với cái đói và khi trí tưởng tượng của tôi vẫn còn điên cuồng tìm kiếm các giải pháp. Tôi đã đem cho nó nước ngọt từ cái máy cất nước đó không lâu. Sau khi uống một hơi hết chỗ nước ấy, nó đã biến dạng vào dưới tấm bạt và tôi đã quay ra với mấy việc vặt trong cái tủ. Như lệ thường hồi bấy giờ, cứ một chốc tôi lại liếc xuống bên dưới tấm bạt để xem nó sắp định giờ trò gì không. Thế là, cái lần ấy, quả nhiên nó đang làm cái gì đó thật. Nó ngồi chúi người, lưng cong tròn, hai chân sau dẹt ra. Đuôi nó dựng đứng, chạm lên cả cái bạt. Nhìn là tôi biết. Ngay lập tức tôi nghĩ đến món ăn, chứ không phải vệ sinh thú vật. Tôi quyết định rằng sẽ rất ít nguy hiểm. Nó ngồi quay sang phía khác và cái đầu che khuất hẳn. Nếu tôi tôn trọng sự im lặng của nó, có khi nó còn không để ý đến tôi nữa. Tôi vớ một cái cốc tát nước và với tay ra phía nó. Cái cốc của tôi đến vừa đúng lúc. Khi tôi đưa cái cốc vào đúng dưới khẩu đuôi nó, lỗ đít Richard Parker giãn ra và một cục phân tròn trịa đen sì lòi ngay ra, trông như một quả bóng cao su. Cục

phân rơi vào cái cốc đánh cách một cái, và chắc chắn sẽ có người coi tôi là mất hết nhân tính lẫn nhân phẩm, những người không hiểu được mức độ gian khổ của tôi, khi tôi nói rằng cái tiếng cục phân rơi vào cốc ấy đã vang trong tai tôi như âm nhạc của một đồng năm rupi người ta bỏ vào ống bơ của một kẻ ăn mày vậy. Một nụ cười vỡ rạn trên môi tôi và làm nó chảy máu. Tôi thấy biết ơn Richard Parker vô cùng. Tôi lôi cái cốc lại. Tôi cầm lấy cục phân. Nó thật ấm, nhưng mùi không nặng. Nó to bằng một trái bóng gulab jamun (1), nhưng không mềm như thế. Thực tế là nó cứng như một hòn đá. Nhồi nó vào khẩu súng kíp và ta có thể bắn chết một con tê giác.

Tôi để lại trái bóng đó vào cốc và thêm một ít nước. Tôi đẩy cốc và để nó sang một bên. Mồm miệng tôi ứa nước dãi khi chờ đợi. Khi không thể chờ được nữa, tôi cho trái bóng vào miệng. Tôi không thể ăn được. Nó có vị rất gắt, nhưng không phải là vì thế. Có thể là mồm miệng tôi đã ra một quyết định ngay lúc đó, rất rõ ràng: không có gì ăn được ở trái bóng này. Nó chỉ là một thứ đáng vứt đi, không có một dưỡng chất gì hết. Tôi nhổ nó ra, cảm thấy cay đắng như bị mất một bình nước quý giá. Tôi lấy cây lao rồi đi dọn hết chỗ phân của Richard Parker, quăng xuống cho cá.

Sau chỉ một vài tuần, cơ thể tôi bắt đầu tan rã. Bàn chân, cổ chân bắt đầu sưng tấy và đứng lên rất khó khăn.

Chú thích: (1) Chắc là một môn chơi nào đó của Ấn Độ, chúng tôi chưa tra cứu ra được, xin đọc giả lượng thứ. (ND)

Có nhiều kiểu trời. Trời đầy những những đám mây trắng lớn, phẳng, tròn và nở rộng trên đầu. Trời tĩnh không một gợn mây, xanh ngấn ngắt đến nỗi các giác quan của ta như bị rạn vỡ hết cả. Trời như một tấm chăn dày nghệt thờ đầy chặt mây xám, mà lại không có tí mưa nào. Trời mỏng dính và u ám. Trời phơ phất những vệt mây trắng nho nhỏ như lông cừu. Trời đầy những dải mây mỏng rất cao trông như thể một cục bông lớn bị kéo ra thành sợi. Trời như một đám mù màu sữa không có gì trong đó. Trời dày đặc những đám mây mưa tối đen và cuộn cuộn trôi qua mà không rơi xuống một hạt nào. Trời được vẽ lên một vài đám mây phẳng bẹt trông như những dải cát. Trời như một mảng phong chỉ để làm nổi bật những hiệu quả thị giác trên chân trời: ánh nắng chan hoà đại dương, các mép viền sáng tối thẳng đứng và rõ rệt. Trời như một tấm màn đen của làn mưa rất xa. Trời là các đám mây tầng tầng lớp lớp, có những đám thật dày và đục, có những đám trông như khói toả. Trời là trận mưa đen ngòm và rớt bóng rơi xuống gương mặt đang cố cười của tôi. Trời chỉ là nước đổ xuống, một trận hồng thuỷ không ngừng làm da tôi nhăn nhoe phong rộp và người tôi lạnh cứng.

Có nhiều loại biển. Biển gằm thét như một con hổ. Biển thì thâm vào tai ta như người bạn rủ rì tâm tình. Biển kêu lanh canh như một đồng xu lẻ trong túi quần. Biển sầm sét như những trận đất lở. Biển rít lên như giấy giáp cọ trên mặt gỗ. Biển kêu như người đang nôn mửa. Biển lặng ngắt như chết.

Và ở giữa hai cái đó, giữa trời và biển, là gió và chỉ gió mà thôi.

Rồi còn có đêm, trăng.

Là một kẻ đắm tàu tức là thường trực tại tâm điểm của vòng tròn. Cho dù mọi vật có vẻ như biến động vô cùng – biển từ thì thâm đến gào thét, từ trời xanh ngắt đến trắng xoá rồi đen ngòm – cái hình học kia không bao giờ thay đổi. Cái nhìn ngây dại của ta luôn luôn là đường bán kính mà thôi. Cái vòng tròn đó mãi mãi lớn lao. Mà thực tế là, những vòng tròn còn nhân bản lên nữa. Kẻ bị đắm tàu là kẻ bị mắc cạn trong một màn múa ba lê kì bí của các vòng tròn. Ta là tâm điểm của một vòng tròn, trong khi trên đầu ta, hai vòng tròn đối nghịch cùng đang xoay tít xung quanh. Mặt trời quấy rối ta như một đám đông, một đám đông ồn ào, xô đẩy nhau khiến ta phải bịt tai, nhắm mắt, khiến ta muốn lần trốn. Mặt trăng quấy rối ta bằng cách nhắc cho ta nhớ đến tình cảnh cô quạnh của mình, ta mở to mắt để lần tránh nỗi cô quạnh đó. Khi ta nhìn lên, đôi khi ta tự hỏi không biết ở tâm điểm của trận bão vũ trụ, hay ở tâm điểm của Biển Yên Bình, liệu cũng có ai như ta, cũng đang nhìn lên, cũng đang mắc cạn bởi thứ hình học này, cũng đang đấu tranh với sợ hãi, giận dữ, điên cuồng, vô vọng và vô tính.

Nếu không thế, thì là một kẻ đắm tàu lại là bị mắc kẹt giữa những đối nghịch lạnh lùng và mệt mỏi. Khi có ánh sáng, cái mệnh mang của biển khiến ta mù loà và sợ hãi. Khi không có ánh sáng, bóng tối lại làm cho ta sợ như bị nhốt trong một nơi kín mít. Ban ngày, ta nóng nực và mong được mát mẻ, thêm kem, dội nước biển lên người. Ban đêm, ta rét và quần hai ba cái chăn không đủ ấm. Khi nắng thì ta khô ran và thêm được ướt. Khi mưa thì ta ướt như chuột lột và chỉ thêm được khô ráo. Khi có thức ăn thì có thừa có thối ta phải ăn rõ nhiều. Khi đã không có thì tịnh chẳng còn gì và ta phải chịu đói. Lúc biển lặng, ta mong nó động lên. Lúc nó nổi sóng và cái vòng tròn giam hãm ta bị những núi nước bề gãy, ta lại phải chịu đựng mọi sự thất thường của biển khơi, ngạt thở vì không gian bao la, và chỉ ước gì biển lặng trở lại. Những đối nghịch thường xảy ra vào cùng một lúc. Khi mặt trời thiêu đốt ta đến mức chỉ có thể ngồi im một chỗ, thì cái nắng thiêu đốt đó cũng đang sấy khô những rêu thịt cá phơi trên dây và đang ban phúc lành cho những chiếc máy cất nước của mình. Ngược lại, khi trời mưa như trút và làm đầy những bình chứa nước ngọt của ta, thì sự ướt át như thế sẽ làm thiu thối những thực phẩm mà ta đã mất công phơi phóng và cất giấu. Khi thời tiết dữ dội đã qua đi, và ta biết rằng trời biển đã để ta được sống, thì nỗi vui mừng của ta lại nhanh chóng bị tan đi bởi ý nghĩ tiếc hận rằng biết bao nhiêu nước ngọt như thế đã phí phạm rơi xuống biển và bởi một nỗi lo không biết đó có phải là trận đông mưa cuối cùng hay không, rằng liệu ta có chết khát trước khi trời lại mưa trở lại không.

Cặp đối nghịch tệ hại nhất là buồn chán và sợ hãi. Nhiều khi cuộc đời là một chuỗi những chuyển dịch như quả lắc đồng hồ từ cái này sang cái kia. Biển không một gợn sóng. Trời không một gợn gió. Thời gian như vô tận. Ta thấy buồn chán đến mức chìm hẳn vào một tâm trạng vô tình rất gần với bất tỉnh nhân sự. Rồi biển nổi sóng và quất vào các tình cảm của ta như những làn roi và khiến cho chúng phát cuồng. Nhưng ngay cả hai đối nghịch này cũng không tách biệt với nhau. Trong cơn buồn chán cũng vẫn có những yếu tố hải hùng: ta bật khóc, ta tràn đầy sợ hãi, ta kêu thét, ta cố tình hành hạ bản thân cho đau

đón. Và trong gong kìm của tình trạng hải hùng – ví dụ như trong một cơn bão – ta vẫn cảm thấy buồn chán, một nỗi niềm mỗi mệ sâu thẳm về tất cả mọi chuyện.

Chỉ có cái chết là luôn luôn khích động những cảm xúc của ta, cho dù ta nghĩ về nó lúc đang an toàn và yên ắng, hay đang cảm thấy nó khi cuộc sống đang bị đe dọa và trở nên thật quý giá với ta.

Cuộc sống trên một chiếc xuồng không thật sự là cuộc sống. Nó như một ván cờ đang vào kì chung cục, một ván cờ chỉ còn vài quân. Các toan tính không thể nào đơn giản hơn được nữa, và các rủi ro cũng chẳng thể nào cao hơn được nữa. Nó đặc biệt gian khổ về thể xác, và chết chóc về tinh thần. Ta phải điều chỉnh liên tục nếu muốn sống sót, rất nhiều thứ có thể vứt bỏ đi được. Ta chộp lấy cảm giác hạnh phúc bất cứ lúc nào có thể được. Ta như rơi xuống tận đáy địa ngục, nhưng vẫn đứng khoanh tay với một nụ cười trên môi, và cảm thấy ta là người may mắn nhất trên thế gian này. Vì sao? Vì dưới chân ta vẫn có được một con cá chết bé tí xíu.

Ngày nào cũng có cá mập. Chủ yếu là mako và cá mập xanh, nhưng cũng có những con mập đốm trắng chỉ sống ngoài khơi đại dương, và một lần còn có cả một con mập hổ đốm trắng lên từ chỗ tối tăm nhất của ác mộng. Sáng sớm và chiều tối là thời gian ưa thích nhất của chúng. Chúng không bao giờ thực sự muốn quấy rầy ta. Có lần một con cá mập bơi lên lấy đuôi đập vào vỏ xuồng. Tôi nghĩ không phải là tình cờ. Các con khác cũng làm thế, kể cả rùa và dorado. Chắc hẳn đây là một cách dò xét xem thực chất cái xuồng là gì. Chỉ một cú riu giáng xuống mõm là đủ cho một con mập đó vội vàng biến mất xuống đáy biển. Cái phiền chính của cá mập là chúng làm cho việc xuống nước trở thành liều lĩnh và nguy hiểm, như thể đột nhập vào một nơi có biển đề: “Cẩn thận chó dữ”. Ngoài giả việc ấy, tôi rất mến cá mập. Chúng giống những người bạn cũ khó tính chẳng bao giờ thú nhận là có mến tôi nhưng lúc nào cũng lặng lẽ đến thăm. Cá mập xanh nhỏ người hơn, thường không dài quá thước hai hoặc thước rưỡi, và là giống cá mập hấp dẫn nhất, thon thả và nhanh nhẹn, miệng nhỏ và có những khe mang kín đáo. Lưng chúng có màu xanh nước biển rất đẹp và bụng trắng như tuyết, những màu sắc sẽ chuyển thành xám hoặc đen ở các tầng nước sâu khác nhau, nhưng lại rất rực rỡ và hoành tráng khi lên gần mặt nước. Loài mập mako to hơn với những cái miệng đầy nhóc răng nhọn rất đáng sợ, nhưng cũng có màu rất đẹp, một thứ xanh chàm lấp lánh dưới ánh mặt trời. Loài cá mập đốm trắng thường ngắn hơn loài mako – có những con mako dài tới bốn thước – nhưng chúng chắc mình hơn và có những cái vây lưng khổng lồ gương lên trên mặt nước như những lá cờ xung trận di chuyển rất nhanh và bao giờ cũng là một cảnh tượng khiếp đảm. Ngoài ra, chúng có một màu nâu rất xịn, và những đốm trắng trên vây chúng chẳng có gì hấp dẫn.

Tôi bắt được một số cá mập nhỏ, chủ yếu là mập xanh, nhưng cũng có cả mako. Lần nào cũng là vào buổi chiều tối lúc mặt trời vừa lặn, trong ánh sáng đang lụi tàn, và tôi bắt chúng chỉ bằng tay trần khi chúng vào gần sát chiếc xuồng.

Con đầu tiên cũng là con to nhất, một con mập mako dài hơn một thước hai. Nó đã lần quần ở mũi xuồng nhiều lần. Khi nó vừa quay trở lại lần nữa, tôi đột ngột thò tay xuống nước và tóm được cái chỗ gần đuôi, nơi thon nhỏ nhất của cá. Vì da nó thô nháp nên rất dễ tóm chặt, và không nghĩ ngợi gì nhiều, tôi cứ thế kéo nó lên. Nó quẫy, làm tay tôi bị lắt thật dữ dội. Vừa sợ vừa thích thú, tôi nhìn con cá nhảy vọt lên không trung như nổ tung lên từ mặt nước bắn tung toé. Trong giây lát tôi không biết sẽ phải làm gì tiếp theo. Nó nhỏ hơn tôi, nhưng tôi đâu có phải là khổng lồ gì. Thả nó ra chẳng? Tôi xoay người vung mạnh nó lên ném về phía đuôi xuồng rồi ngã vật xuống tấm bạt. Con cá rơi thẳng xuống lãnh thổ của Richard Parker. Nó rơi âm xuồng và bắt đầu quẫy mạnh đến nỗi tôi sợ nó sẽ phá hỏng mất chiếc xuồng. Richard Parker giật nảy mình. Nó tấn công ngay lập tức.

Một trận hùng chiến bắt đầu. Với những quan tâm của một nhà động vật học, tôi có thể tường thuật như sau: một con hổ lúc đầu sẽ không tấn công một con cá mập vừa lên khỏi mặt nước bằng hàm mà là bằng móng vuốt hai chân trước. Richard Parker bắt đầu tát con cá. Tôi rùng mình theo mỗi cú tát. Thật kinh khủng. Chỉ một tát đó cũng đủ làm nát xương một con người, đập tan bất kì món đồ đạc nào, và biến một căn nhà thành một đồng đồ nát. Con mako quần quai, lặn lội và quẫy đuôi loạn xạ, rướn mõm một cách tuyệt vọng, rõ ràng là đau đớn.

Có thể vì Richard Parker không quen thuộc với cá mập, cả đời chưa từng gặp một con cá ăn thịt nào – dù lí do gì đi nữa, thì việc xảy ra tiếp theo đó cũng là một trong số ít trường hợp đã khiến tôi phải nhớ rằng Richard Parker không phải là toàn bích, rằng mặc dù có những bản năng sắc bén, nó vẫn mắc sai lầm như thường. Tự nhiên, nó dúi bàn chân trái của mình vào miệng con mako. Con cá mập khoá hàm. Richard Parker lập tức nhảy dựng lên trên hai chân sau. Con cá mập bị kéo giật lên trên, nhưng nó không chịu thua. Richard Parker ngã ngửa xuống sàn, ngoác miệng gầm lên một tiếng xé phổi. Tôi cảm thấy một luồng không khí nóng nổ bùng về phía mình. Không khí rung lên trông thấy, giống như lúc nó bốc lên trên mặt đường trong những ngày nóng bỏng. Tôi có thể. Tôi có thể tưởng tượng rõ ràng một nơi nào đó cách xa hàng trăm dặm, có một viên gác tàu thủy nhìn lên, giật mình, và sau này báo cáo một hiện tượng lạ, rằng ông ta nghe thấy có tiếng mèo kêu trên biển đến từ phía đông. Tiếng gầm ấy còn rung hết cả màng nhĩ tôi trong nhiều ngày sau. Nhưng cá mập lại điếc, theo như người ta vẫn tưởng. Cho nên trong lúc tôi, kẻ không bao giờ dám nghĩ đến việc cấu chân một con hổ chứ đừng nói đến việc cố nuốt chửng nó, đang run lẩy bẩy và sợ mất mật vì phải hứng một tiếng gầm như núi lửa phụt thẳng vào mặt mình như thế, thì con cá mập chỉ cảm nhận được một rung động rất nhẹ mà thôi.

Richard Parker quay ra cào cầu đầu con cá bằng cái chân trước còn lại và dùng cả miệng cắn xé bụng và lưng. Con cá mập vẫn ngoạm chặt lấy chân con hổ, cách duy nhất vừa để tự vệ, vừa để tấn công, đồng thời quấy đuôi rất mãnh liệt. Hổ và cá mập quần quai lẫn lộn với nhau. Phải cố hết sức tôi mới làm chủ được cơ thể mình, về được đến bè và thả dây. Chiếc xuồng trôi ra xa. Tôi thấy những nhấp nhòang màu da cam và xanh sẫm, những lông cùng da, khi chiếc xuồng lắc mạnh bên này bên kia, tiếng gầm thét của Richard Parker thật khủng khiếp.

Cuối cùng chiếc xuồng yên tĩnh trở lại. Nhiều phút sau đó, Richard Parker ngồi dậy và liếm bàn chân trái của nó liên hồi.

Những ngày tiếp theo, nó để rất nhiều thời gian chăm sóc bốn bàn chân của mình. Da con cá mập có những gai nhỏ thô và sắc như giấy nháp. Rõ ràng nó đã bị đứt da khi cố cào xé con cá mập. Bàn chân trái bị thương, song không đến nỗi thành tật; không bị mất ngón nào, móng vuốt còn đủ cả. Còn con mako, trừ phần chóp đuôi và quanh miệng vẫn còn nguyên lành một cách khó hiểu, còn lại là một đám bầy nhầy đã bị ăn mất một nửa. Những mảng thịt xám đỏ và hàng đồng ruột gan tung toé khắp xung quanh.

Tôi cũng khều được một ít những gì còn lại của con cá mập, nhưng rồi thất vọng nhận ra rằng dây sống của cá mập không có nước tuỷ. Nhưng ít nhất thì thịt nó cũng ngon và khác hẳn thịt cá khác, sụn giòn tan của nó là một giải lao đầy hứng thú khỏi những đồ ăn mềm nhũn mà tôi vẫn thường phải nuốt.

Sau vụ đó, tôi chỉ nhắm bắt những con cá mập nhỏ hơn thế, gần như là cá con, và tôi tự tay giết chúng. Tôi tìm ra rằng đâm dao vào mắt chúng là cách giết nhanh chóng và nhẹ nhàng hơn nhiều so với dùng rìu bổ vào đỉnh đầu.

Trong tất cả những con dorado, tôi đặc biệt nhớ một con, một con khác thường. Đó là vào sáng sớm một ngày nhiều mây, và chúng tôi đang ở giữa một trận bão cá bay. Richard Parker đang hăng hái bắt cá. Tôi thì đang nấp sau một cái mai rùa. Tôi có một cái lao móc cá với một mảnh lưới treo ở mũi lao, thò ra biển. Tôi đang hi vọng sẽ bắt được cá bằng cách đó. Nhưng vẫn chẳng thấy may mắn cho đến lúc bấy giờ. Một con cá bay vọt qua. Con dorado đang rượt theo nó vọt lên khỏi mặt nước. Một tính toán sai lầm của nó. Con cá bay tí nữa thì mắc vào mảnh lưới của tôi, nhưng vẫn thoát thân, còn con dorado thì đâm vào mạn xuồng như một viên đạn đại bác, ầm một tiếng, rung hết cả xuồng. Một tia máu phun lên tấm bạt. Tôi phản ứng rất lẹ. Tôi rập người tránh đàn cá bay và vói được con dorado trước cả một con cá mập. Tôi kéo nó lên xuồng. Nó đã chết, hoặc gần chết, và đang phát sáng sắc sỡ. Thật là một mẻ lưới ra trò! Hay thật! Tôi cảm thấy rất phấn khởi. Xin cảm ơn các vị thánh thần từ Jesus cho đến Matsya! Con cá béo và nhiều thịt. Nó phải nặng tới hai mươi cân là ít. Đủ nuôi cả một đội quân. Mất với xương sống nó đủ tươi cả một bữa sa mạc.

Nhưng than ôi, cái đầu vĩ đại của Richard Parker đã quay về phía tôi. Tôi cảm thấy thể từ khoé mắt của mình. Những con cá bay vẫn tiếp tục nhào qua, nhưng Richard Parker không còn thích chúng nữa. Nó đang chỉ chú ý đến con cá trong tay tôi mà thôi. Nó cách tôi khoảng hai mét rưỡi. Miệng nó hé mở một cái cánh cá bay thè lè ra ngoài. Lưng nó cong lên. Mông nó ngoáy. Đuôi nó vẩy mạnh bên này bên kia. Rõ ràng là nó đang phục xuồng và chuẩn bị tấn công tôi. Không kịp chạy nữa rồi, không kịp cả thối còi nữa rồi. Giờ tận số của tôi đã đến.

Nhưng thế là đủ. Tôi đã khổ quá rồi. Tôi đói. Ngần ấy ngày không có gì ăn là quá đủ rồi.

Và thế là, trong một giây phút mất trí hoàn toàn do đói – bởi lẽ tôi muốn ăn hơn muốn sống – không một phương tiện tự vệ, trần trụi với tất cả ý nghĩa của từ đó, tôi nhìn thẳng vào mắt Richard Parker. Đột nhiên, sức mạnh tàn bạo của nó chỉ nói lên sự yếu ớt về tinh thần mà thôi. Không gì có thể sánh với sức mạnh tinh thần của tôi lúc bấy giờ. Tôi nhìn xoáy vào mắt nó, trợn trừng và thách thức, và chúng tôi đối địch nhau. Người coi thú nào cũng sẽ nói rằng một con hổ, mà bất cứ loài mèo nào cũng thế, sẽ không tấn công khi bị chiếu tướng bằng mắt và sẽ đợi cho đến khi đối thủ, dù là một con hươu, sơn dương hoặc bò rừng, không dám nhìn nó nữa. Nhưng biết thế là một chuyện còn áp dụng vào thực tế lại là một chuyện khác (và biết thế cũng vô ích thôi vì khi ta đang vận hết nội công để nhìn thẳng vào mắt một con sư tử chẳng hạn thì sẽ có con khác đến từ sau lưng!) Trong hai ba giây đồng hồ, một trận chiến tinh thần khủng khiếp đã diễn ra giữa một thằng bé và một con hổ. Chỉ cần một cú nhảy ngắn là nó vồ được tôi. Nhưng tôi đã giữ được luồng mắt của mình.

Richard Parker liếm mũi, rên lên một tiếng và quay đi. Nó giận dữ quật một con cá bay. Tôi đã thắng. Tôi há hốc mồm vì kinh ngạc, bé con dorado lên rồi chuồn về bè. Một lúc sau, tôi ném cho Richard Parker một miếng thịt hậu hĩnh của con cá.

Từ ngày ấy, tôi cảm thấy vai trò ông chủ của mình không còn phải nghi ngờ gì nữa, và bắt đầu dần dần tăng thời gian ở trên xuồng của mình lên, đầu tiên là ở mũi xuồng, rồi khi tự tin hơn, ở cả trên mũi bạt một cách thoải mái. Tôi vẫn sợ Richard Parker, nhưng chỉ khi nào cần phải sợ mà thôi. Sự có mặt của nó không làm tôi căng thẳng nữa. Người ta có thể quen với mọi thứ trên đời – tôi đã chẳng nói vậy rồi hay sao? Phải chăng kẻ sống sót nào cũng sẽ nói như vậy?

Lúc đầu, tôi nằm trên tấm bạt và gối đầu lên cái mép cuộn lại. Nó hơi cao hơn một chút – vì hai đầu xuồng cao hơn phần giữa xuồng – và tôi có thể để mắt dè chừng Richard Parker.

Về sau tôi nằm quay ngược lại, để đầu ngay phía trên của cái ghế giữa xuồng, lưng quay về phía Richard Parker và lãnh thổ của nó. Trong tư thế ấy, tôi ở xa mép xuồng hơn và tránh được gió với bọt sóng biển nhiều hơn.

Tôi biết chuyện sống sót của tôi rất khó tin. Bây giờ nghĩ lại, chính tôi cũng nghĩ làm lạ. Việc tôi khai thác được tình trạng say sóng mệt mỏi của Richard Parker không phải là cách giải thích duy nhất. Còn lí do khác khiến tôi sống sót: tôi là nguồn thức ăn và nước uống. Richard Parker đã suốt đời sống trong vườn thú, và đã quen với cuộc sống không phải là làm gì mà vẫn có đồ ăn thức uống. Đúng là khi trời mưa và cả cái xuống là một cái hứng nước mưa, nó biết nước đó ở đâu mà ra. Hay như khi chúng tôi gặp cá bay, lúc đó vai trò của tôi không rõ ràng. Nhưng những cái đó không làm thay đổi được thực tế của hoàn cảnh: khi nó nhìn ra khỏi mạn xuống, nó không thấy một khu rừng nào có thể săn mồi, không một con sông nào có thể uống tha hồ khi nó khát. Mà tôi thì mang cho nó đồ ăn và nước uống. Vai trò của tôi là tuyệt đối và đầy phép lạ. Nó làm cho tôi có quyền lực. Bằng chứng ư? Tôi vẫn còn đây để kể chuyện của mình.

Tôi trữ nước mưa và nước thu được từ các máy cất trong tủ trên xuồng, không cho Richard Parker thấy, trong những cái túi nhựa năm mươi lít. Tôi buộc kín chúng bằng dây. Những túi ấy sẽ chẳng quý báu hơn đối với tôi nếu nó chứa đầy vàng, ngọc bích, hồng ngọc hoặc kim cương. Lúc nào tôi cũng lo lắng đến chúng. Con ác mộng ghê gớm nhất của tôi là một sáng tỉnh dậy và nhìn thấy chúng bị rò hoặc bị vỡ. Để tránh thảm họa đó, tôi lấy chần bọc chúng lại để khỏi bị chà xát vào vỏ xuồng kim loại, và tôi tránh dịch chuyển chúng để khỏi bị mòn. Nhưng tôi lo nhất là phần cổ chúng. Liệu dây buộc như thế có làm mòn nhựa đi không? Làm thế nào để gắn kín chúng mà không phải dùng dây?

Khi mọi việc thuận lợi, trời mưa to, các túi chứa đầy nước theo mong muốn, tôi đổ đầy cả các cốc tát nước, hai cái xô nhựa, hai cái bình chứa đa năng, ba cái bình đồng và những cái hộp nước đã uống hết (tôi đã giữ chúng như những của báu). Sau đó, tôi còn đổ nước vào tất cả các túi nôn, gắn kín chúng bằng cách xoắn nút lại. Chưa xong, nếu trời vẫn tiếp tục mưa, tôi lấy ngay chính mình làm bình chứa. Tôi ngâm cái ống thu của cái hứng nước mưa và cứ thế uống.

Tôi luôn luôn cho thêm một ít nước biển vào phần nước uống cho Richard Parker, tỉ lệ cao hơn một chút trong những ngày mưa và ít hơn một chút khi trời khô hạn. Hồi đầu, có lần nó nhúng cả đầu xuống biển và tọt tọt mấy ngụm, nhưng rồi nó thôi ngay và không uống nước biển như vậy nữa.

Đã như thế rồi mà chúng tôi vẫn thiếu nước. Đó là nỗi lo lắng và chịu đựng thường xuyên trong suốt thời gian khổ nạn của chúng tôi.

Kiểm được bất kì món gì ăn được, Richard Parker cũng được chia sẻ phần nhiều hơn. Tôi không có lựa chọn nào khác. Nó biết ngay lập tức mỗi khi tôi bắt được con rùa, một con dorado, hay một con cá mập, và tôi phải nhanh chóng hậu hĩnh với nó. Có lẽ tôi đã lập kỉ lục thế giới về môn cưa yếm và mai rùa. Còn cá thì ngay khi chúng còn đang quẫy cũng đã bị chặt thành từng miếng. Nếu tôi đã thành bất tri kì vị và tạp thực như thế thì cũng chẳng phải là do đói đơn thuần, mà còn do vội. Nhiều khi tôi không có thời gian để xem mình đang sắp đưa cái gì vào miệng, vì nếu không làm thế ngay thì sẽ mất cho Richard Parker đang gặm gừ và giậm chân sốt ruột ngay bên bờ lãnh thổ của nó. Đến ngày đó, tôi chợt đau đớn và xót xa nhận ra rằng tôi đã ăn như một con vật, tôi đã băng hoại nhân tính, những miếng nhai nuốt ầm ỉ và trọn trạo của tôi đã chẳng khác gì của Richard Parker.

Trận bão từ từ tiến đến vào một buổi chiều. Mây giống như đang vội vã chen nhau chạy trốn gió. Biển nhận ra dấu hiệu hành động. Nó bắt đầu dâng lên hạ xuống khiến cho tim tôi thót lại. Tôi kéo tất cả các máy cất nước và cái lưới về xuống. Chao ôi, giá như mọi người đều thấy quang cảnh đó! Cho đến tận giờ tôi vẫn còn nhìn thấy những con sóng cao như núi đỏ. Đúng là những trái núi! Dưới các con sóng ấy, chúng tôi như ở dưới đáy thung lũng tối om. Sườn thung lũng dốc đến mức cái xuống cứ thế tuột xuống như một cái ván lướt sóng. Cái bè là khổ nhất, bị kéo tung lên khỏi mặt nước và lồi xềnh xệch theo đủ mọi hướng, bắn lên hất xuống đủ mọi kiểu. Tôi thả cả hai cái neo biển ra hết cỡ, dài, ngắn khác nhau để không bị vướng.

Khi trào lên các con sóng cao ngất ngưỡng ấy, chiếc xuống bám vào hai cái neo biển như một người leo núi bám vào dây. Chúng tôi bị đánh dồn lên rất nhanh cho đến tận đỉnh sóng trắng như tuyết chói loà và đầy bọt khi chiếc xuống lại bắt đầu chúi xuống. Lúc đó, quang cảnh đột nhiên rõ rệt khắp xung quanh và trải dài hàng nhiều dặm. Nhưng rồi trái núi nước ấy sẽ dịch đi, và chúng tôi sẽ rơi xuống đến quận ruột. Nhoáng một cái chúng tôi đã ở dưới đáy thung lũng tối om, không phải là cái thung lũng trước đây nhưng cũng hết như thế, với hàng ngàn tấn nước lơ lửng trên đầu và chỉ có sự mong manh, nhẹ bồng mới cứu chúng tôi khỏi bị đánh chìm mà thôi. Rồi mọi thứ lại chuyển động, các sợi dây neo lại căng thẳng hết cỡ, và con tàu lộn nhào lại bắt đầu chạy.

Những cái neo biển thả nổi làm nhiệm vụ của chúng rất tốt – hơi quá tốt là đằng khác. Mỗi con sóng dâng chúng tôi lên đến đỉnh đều muốn lật nhào chúng tôi, nhưng hai cái neo, nổi ở bên kia đỉnh sóng, lại dâng lên mạnh mẽ và kéo chúng tôi qua, chỉ phải tội phần trước của xuống luôn bị chúi xuống. Kết quả là bọt sóng và nước biển bắn lên như bom nổ ở phía mũi xuống. Tôi bị ướt sũng hết lần này đến lần khác.

Rồi thì một con sóng dâng lên hình như muốn nhất định phải nhấn chìm hẳn xuống nước. Tôi choáng người, lạnh cóng và sợ đến đờ đẫn. Tôi chỉ còn đủ sức bám chặt. Chiếc xuống chỉ còn đủ sức chìm hẳn xuống nước. Tôi nghe thấy Richard Parker gầm lên hết cỡ. Tôi thấy cái chết đã ở sát cạnh. Lựa chọn duy nhất chỉ là chết bởi nước hay chết bởi con thú kia. Tôi chọn chết vì con thú.

Khi chúng tôi đang tuột theo lưng con sóng, tôi nhảy lên tám bạt và mở nó ra về phía dưới xuống, nhốt Richard Parker hẳn vào trong. Nếu nó có phản đối thì tôi cũng chẳng biết. Nhanh hơn cả một cái máy khâu chạy trên tám vải, tôi móc tám bạt xuống cả hai bên sườn xuống. Rồi chúng tôi lại bị sóng dâng lên. Chiếc xuống nhào lên phai trước rất chắc chắn. Rất khó giữ thăng bằng. Chiếc xuống bấy giờ đã được tám bạt bao phủ hết, chỉ trừ chỗ của tôi. Tôi nép người vào giữa cái ghế bên với tám bạt và kéo đoạn bạt còn lại lên qua đầu. Rất chặt. Giữa mặt ghế và mép xuống chỉ có khoảng ba mươi phân, và cái ghế chỉ rộng chừng bốn mươi lăm phân. Nhưng tôi cũng không ngóc tới mức nhảy xuống sàn xuống, mặc dù đang đối mặt với tử thần. Còn phải mắc thêm bốn cái móc giữ bạt nữa. Tôi luồn tay qua kẽ hở và kéo sợi dây chằng bạt. Móc được một cái đã khó, cái tiếp theo còn khó hơn. Tôi móc được hai cái. Còn hai cái nữa. Chiếc xuống đang bị sóng đẩy ngược lên cao, trơn tru và không ngừng. Phải dốc đến ba mươi độ. Tôi thấy mình đang bị lôi tuột xuống phía dưới đuôi xuống. Điên cuồng xoay tay hết chỗ này chỗ kia, tôi móc được dây chằng bạt vào cái móc thứ ba. Không thể làm hơn được nữa. Việc đó đáng nhẽ chỉ có thể làm từ phía ngoài. Tôi kéo mạnh sợi dây, cũng là thuận chiều vì việc đó giữ cho tôi khỏi bị văng xuống đuôi xuống. Chiếc xuống nhanh chóng vượt qua triển sóng dốc phải đến bốn mươi lăm độ.

Chúng tôi chắc chắn phải dốc đến sáu mươi độ lúc lên đến đỉnh sóng và nhào sang phía bên kia. Một phần nước rất nhỏ của con sóng ập xuống chúng tôi. Tôi cảm thấy như bị một con cá khổng lồ quật ngã. Chiếc xuống đột ngột chúi về phía trước và mọi thứ đảo lộn hết: tôi thành ra ở phần thấp của xuống và nước đang tràn ngập vào đó, cùng với một con hổ ướt sũng đang trôi về phía mình. Tôi không cảm thấy con hổ – tôi không có khái niệm rõ ràng Richard Parker đang ở chỗ nào; dưới tám bạt lúc ấy tôi như hũ nút – nhưng trước khi rơi xuống thung lũng tiếp theo thì tôi đã gần như chết đuối.

Đến tận đêm hôm đó, chúng tôi cứ lên lên xuống xuống như vậy cho đến lúc sợ hãi trở thành nhàm chán và bị thay thế bởi tâm trạng đờ đẫn và hoàn toàn phó mặc. Tôi bám lấy sợi dây chằng bạt bằng một tay, tay kia bám vào mép ghế, người nằm bẹp gí trên mặt ghế. Trong tư thế ấy, nước ào vào rồi lại rút ra liên tục – tám bạt đập tôi như tử, tôi ướt sũng và lạnh cóng, người bầm tím và chảy máu vì bị các mẫu xương và mai rùa cửa phải. Tiếng gào rú của trận bão và gầm thét của Richard Parker không lúc nào ngớt.

Thế rồi đến một lúc trong đêm đó, trí não tôi nhận ra rằng trận bão đã chấm dứt. Chúng tôi dập dềnh trên mặt biển một cách bình thường. Tôi nhìn trời qua một vết bạt rách. Đầy sao và không mây. Tôi chui ra khỏi tấm bạt và nằm lên trên.

Đến rạng ngày hôm sau thì tôi biết mình đã mất cái bè. Mọi thứ còn lại chỉ là hai cái chèo và một cái áo phao chẳng ở giữa. Tôi cảm thấy như mình là một người chủ gia đình đang đứng nhìn cây xà gồ duy nhất còn sót lại của ngôi nhà đã bị thiêu cháy của mình. Tôi nhìn sục sạo khắp chân trời. Chẳng thấy gì hết. Cái thị trấn trên biển nhỏ bé của tôi đã biến mất. Lạ lùng thay, hai cái neo biển vẫn còn đó – chúng vẫn được chằng vào chiếc xuồng một cách thủy chung – nhưng chúng chẳng an ủi được tôi. Mất cái bè có thể không nguy hiểm đến phần xác của tôi, nhưng nó làm tử thương phần tinh thần của tôi.

Chiếc xuồng tôi tả thật đáng buồn. Tấm bạt rách nhiều chỗ, và rõ ràng là cũng do Richard Parker đã cào vào nó. Rất nhiều thực phẩm của chúng tôi đã bị mất, chẳng phải bị đánh trôi thì cũng là bị nước ngập ngay trên xuồng. Người tôi đau khắp nơi và bị một vết cắt tương đối sâu ở bẹn, vết cắt đã sưng tấy và trắng bệch. Tôi đã tưởng mình không dám kiểm tra các thứ trong tủ. Tạ ơn Chúa, không có túi chứa nước nào bị vỡ. Cái lưới và những cái máy cất nước mà tôi đã không xịt hết hơi cho bẹp hăn đã chèn vào các khoảng trống và đệm cho các túi nước kia không bị va đập mạnh.

Tôi kiệt sức và chán nản. Tôi tháo cái bạt ở phần đuôi xuồng. Richard Parker đã im ắng đến mức tôi sợ nó đã chết đuối. Nhưng không phải. Khi tôi cuộn tấm bạt lên đến giữa xuồng và nắn rọi vào nó, nó động đậy, gầm gừ. Nó trèo ra và ngồi lên cái ghế đuôi xuồng. Tôi lấy kim, dây khâu và loay hoay vá các chỗ rách trên tấm bạt.

Sau đó tôi buộc một cái xô vào một sợi dây và tát nước ra khỏi xuồng. Richard Parker nhìn tôi một cách thờ ơ. Có vẻ nó thấy việc gì của tôi cũng nhàm chán. Trời hôm đó thật nóng và tôi làm mọi việc thật chậm chạp. Một cú múc nước làm tôi tìm thấy một thứ đã bị mất. Tôi cảm nó trong tay. Đó là thứ còn lại duy nhất ngăn cách tôi với cái chết: một thứ có màu da cam cuối cùng trên xuồng.

Tôi nằm trên tấm bạt, quần chần, ngủ, mơ, dậy, mộng mị, và nói chung là chẳng có việc gì khác. Một làn gió nhẹ đều đặn thổi. Thịnh thoảng những tia nước từ đỉnh sóng bạc lại bắn lên làm ướt xuống. Richard Parker đã biến dạng dưới tấm bạt. Nó không ưa bị ướt, cũng như chuyển động dập dềnh của chiếc xuống. Trời xanh, không khí ẩm áp, và biển chuyển mình đều đặn bình thường. Tôi tỉnh dậy vì một tiếng nổ. Tôi mở mắt và thấy nước trên trời. Nó đổ ập xuống tôi. Tôi lại ngẩng lên nhìn. Trời xanh không mây. Lại một tiếng nổ nữa, về phía trái, không mạnh mẽ như tiếng trước. Richard Parker gầm gào dữ tợn. Nước lại ào vào tôi. Nó có mùi khó chịu.

Tôi nhìn qua mép xuống. Cái đầu tiên tôi thấy là một vật đen sì to lớn đang nổi trên mặt nước. Mắt vài giây tôi hiểu ra nó là cái gì. Một vết nhẵn hình vòng cung xung quanh mép nó làm cho tôi vỡ nhẽ. Đó là một con mắt. Nó là một con cá voi. Mắt nó to bằng cả đầu tôi, đang nhìn thẳng vào tôi.

Richard Parker từ dưới tấm bạt đi ra. Nó rít lên. Tôi cảm nhận được một sự biến động rất kín đáo trong tia nhìn của con cá voi và biết rằng nó đang nhìn sang Richard Parker. Nó nhìn như thể trong độ ba mươi giây rồi nhẹ nhàng lặn xuống. Tôi đã lo cá voi có thể dùng đuôi quạt xuống, nhưng nó lặn một mạch và biến dạng xuống đáy biển xanh sẫm. Cái đuôi nó là một cái vọt tròn không lồ dần dần mờ đi.

Tôi nghĩ cá voi đang tìm bạn. Chắc nó thấy tôi không cùng cỡ với nó, và ngoài ra, có vẻ tôi đã có bạn rồi. Chúng tôi thấy một số cá voi nhưng không con nào gần như con đầu tiên đó. Tôi thường nghe tiếng chộp miệng và phịt nước trước khi nhìn thấy chúng. Thường chúng nổi lên cách một quãng ngắn, có khi ba bốn con một lúc, như một quần đảo núi lửa. Những con vật khổng lồ này luôn luôn nâng đỡ tinh thần tôi. Tôi tin rằng chúng hiểu tình cảm của tôi lắm, hề nhìn thấy tôi là một con sẽ thốt lên, “Chao ôi! Kia chính là cậu bé đắm tàu với con mèo nhỏ mà Bamphoo đã kể cho tớ nghe. Tội nghiệp chưa kia. Mong sao cho cậu ấy có đủ tôm riu. Tớ phải bảo cho Mumphoo, Tomphoo và Stimphoo biết mới được. Không biết có con tàu nào quanh đây không để tớ đi báo động cho cậu ấy. Mẹ cậu ấy sung sướng phải biết nếu gặp lại được con. Tạm biệt nhé, cậu bé của tớ. Tớ sẽ cô giúp cậu. Tên tớ là Pimphoo”. Và thế là, qua đường thông tin tự nhiên, tất cả cá voi ở Thái Bình Dương đều biết đến tôi, và nhẽ ra tôi đã được cứu rồi nếu Pimphoo không đến kêu cứu với một tàu Nhật Bản và bị họ bắn chết, rồi Lamphoo cũng chịu chung số phận ấy với một con tàu Na Uy. Nghề săn cá là một tội ác tày đình.

Cá heo cũng là những khách thăm tương đối thường xuyên. Một đàn đã ở quanh chúng tôi suốt cả một ngày một đêm. Chúng rất vui vẻ. Chúng lặn, chúng nhảy, chúng rượt đuổi nhau ngay dưới xuống có vẻ như chẳng có việc gì khác ngoài việc nô giỡn. Tôi đã cố thử bắt một con. Nhưng chẳng có con nào đến gần đủ tầm cái lao. Ngay có đủ tầm đi nữa thì chúng cũng quá nhanh và quá lớn. Tôi bỏ ý định đó và chỉ ngắm nhìn chúng mà thôi.

Tôi thấy cả thấy sáu con chim. Con nào tôi cũng nghĩ là một thiên thần báo hiệu có đất liền ở gần. Nhưng chúng là những loài chim đi biển có thể lượn qua Thái Bình Dương với chỉ một sải cánh mà thôi. Tôi nhìn chúng, sợ hãi, ghen tị và tủi thân.

Đã hai lần tôi được nhìn thấy một con hải điều chính công (1). Con nào cũng đang bay rất cao vào không hề lưu ý gì đến chúng tôi. Tôi nhìn chúng, miệng há hốc. Chúng thật sự là cái gì đó siêu nhiên và không thể hiểu được.

Một lần khác, ngay gần xuống, có hai con chim hải âu pêtren (2) bay lướt qua, chân đập đập trên mặt nước. Chúng cũng không hề để ý đến chúng tôi, và cũng làm cho tôi kinh ngạc không kém.

Cuối cùng thì chúng tôi cũng thu hút được sự chú ý của một con hải âu đuôi ngắn khác, gọi là loài shearwater, vì khi bay chúng bay đập đầu cánh xuống mặt nước, nhưng cũng thuộc cùng một họ với chim hải âu pêtren. Con này lượn tròn trên đầu chúng tôi, rồi cuối cùng hạ cánh xuống. Nó thò chân, khép cánh và đậu xuống nước, nhẹ nhàng như cái nút chai. Nó nhìn tôi tò mò. Tôi vội vàng mắc mồi bằng một miếng thịt cá bay và quăng dây ra chỗ nó. Không kịp lấp hồn chi nên tôi loay hoay mãi mới cho mồi đến gần được con chim. Nhữ nó đến lần thứ ba thì con chim dùng cánh bơi như chèo thuyền đến chỗ cái mồi đang chìm và phẫn khích. Tôi để yên thêm vài giây rồi mới giật. Con chim kêu choe choé và khạc ngay miếng mồi ra. Trước khi tôi kịp thử lại lần nữa, nó đang cánh và cất mình lên không trung. Chỉ hai ba cái đập cánh, nó đã rộng đường bay đi mất.

Tôi may mắn hơn với một con chim khoang mặt đen. Nó thành linh hiện ra, lượn về phía chúng tôi, sải cánh dài hàng thước. Nó đậu xuống trên mạn xuống ngay trong tầm tay của tôi. Cặp mắt tròn xoe của nó hút lấy tôi, vừa ngạc nhiên vừa nghiêm nghị. Đó là một con chim to lớn có tấm thân trắng muốt như tuyết

và đôi cánh đen tuyền ở đầu và cạnh. Cái đầu gồ ghề to tướng của nó có một cặp mỏ rất nhọn màu vàng da cam và cặp mắt đỏ giữa khoang mặt đen khiến nó trông hết như một tên trộm vừa thức trắng một đêm dài. Chỉ có cặp chân rộng có màng màu nâu có vẻ như chưa được thiết kế kĩ lắm. Con chim không biết sợ là gì. Nó đứng ra rĩa lông hàng nhiều phút liền. Lớp lông bên trong của nó thật mềm mại. Khi đã xong, nó ngẩng lên và mọi thứ lại đầu vào đấy, nó lộ nguyên hình là một con tàu không gian có hình khí động học trơn tru tuyệt đẹp. Tôi biếu nó một miếng thịt dorado. Nó nhặt miếng thịt ngay trong tay tôi, mổ nó đâm vào lòng bàn tay thật dứt khoát.

Tôi bẻ gãy cổ nó bằng cách ấn đầu nó ngửa ra sau, một tay hất mạnh cặp mỏ, tay kia giữ chặt cổ. Lông nó chắc đến nỗi khi tôi vặt lông, da nó bị kéo theo ra soàn soạt. Không phải à vặt lông nữa, mà là xé xác. Nó nhẹ, đúng là dễ bay lượn, một khối lớn vậy mà không nặng chút nào. Tôi lấy dao lột da nó. Lớn xác nhưng có thật ít thịt, chỉ có một chút ở ngực. Thịt nó nhai sần sật hơn thịt dorado, nhưng vị thì cũng không khác nhiều. Trong bụng nó, ngoài miếng dorado tôi vừa biếu nó, còn thấy có ba con cá nhỏ. Tôi rửa chúng cho hết nhớt rồi chén cả ba. Tôi ăn cả tim, gan, và phổi của con chim. Tôi nuốt cặp mắt và lưỡi nó với một ngụm nước. Tôi đập vỡ sọ nó và nhể những miếng óc nhỏ xíu ra ăn. Tôi ăn cả màng da chân, những gì còn lại của nó chỉ là da, xương và lông. Tôi thả hết xuống cho Richard Parker. Con hổ đã không nhìn thấy con chim lúc nó bay đến. Một bàn chân màu da cam thò ra.

Nhiều ngày sau, lông con chim đã vẫn còn bay lên từ chỗ nằm của Richard Parker và bị gió thổi xuống biển.

Chẳng có con chim nào báo hiệu đất liền.

Chú thích: (1) Nguyên văn: albatross, một loài chim biển khổng lồ, sải cánh dài tới gần bốn thước, chân có màng, thuộc họ Diomedidae, có thể lượn trên không rất lâu (ND) (2) Nguyên văn: petrel, một loài chim biển hay bay là là trên mặt nước, nên được đặt theo tên thánh Peter, là người tương truyền đã đi bộ trên mặt nước như chúa Jesus (ND).

Một lần có chớp. Trời đen kịt, ngày giống như đêm. Mưa rất nặng hạt. Tôi nghe thấy sấm rất xa. Tôi tưởng sẽ chỉ như thế. Nhưng rồi gió nổi lên, thổi mưa bay hết chiều này sang chiều khác. Ngay sau đó, một tia lửa trắng xoá từ trời phóng xuống, chọc thủng mặt nước. Chỗ đó cách chiếc xuồng khá xa, nhưng mọi thứ đều nhìn rõ mồn một. Mặt nước bị chọc thủng bởi cái gì đó như mớ rễ cây trắng xoá; và nhoáng một cái, một cái cây nhà trời vĩ đại mọc ngay lên trên đại dương. Tôi đã không khi nào tưởng tượng được chuyện đó – sét đánh xuống biển. Tiếng sấm nổ thật khủng khiếp. Luồng sáng của chớp thật vô cùng sinh động.

Tôi quay sang Richard Parker và nói, “Nhìn kìa, Richard Parker, một tia chớp đấy”. Tôi thấy rõ nó đang ra sao. Nó nằm bẹp dưới sàn xuồng, tứ chi dang rộng và run lẩy bẩy.

Tia chớp đến với tôi lại hoàn toàn khác. Nó là một cái gì đó kéo tôi ra khỏi các nếp sinh tử tầm thường và ném tôi vào một tâm trạng hưng phấn kì diệu.

Thình lình, một tia sét nữa lại đánh xuống, gần hơn. Chắc là chỉ dành cho chúng tôi. Chúng tôi vừa rơi từ trên đỉnh một ngọn sóng xuống và đang chìm trên lưng con sóng thì ngọn sét đánh thẳng xuống đầu sóng. Một vụ nổ của khí nóng và nước nóng. Trong hai hoặc ba giây gì đó, tấm kính không lồ của một chiếc cửa sổ vũ trụ vỡ vụn ra trên không trung trắng loá đến mù mắt, vô vật thể nhưng mạnh mẽ đến nỗi choáng ngợp. Mười ngàn cái kèn trom-pét và hai chục ngàn bộ trống cũng không thể gây nên được một âm thanh lớn lao đến thế của ngọn sét. Nó thực sự điếc tai. Biển trắng loá và không còn màu sắc gì nữa. Mọi thứ chỉ là thuần trắng chói loà hoặc thuần đen tối mịt. Luồng sáng ấy chiếu sáng thì ít mà xuyên thủng thì nhiều. Thế rồi cũng đột ngột như thế, tia sét biến mất. Nó biến mất ngay khi những tia nước nóng bỏng kia còn đang tiếp tục rơi xuống chúng tôi. Ngọn sóng bị trừng phạt kia lại đen ngòm trở lại và tiếp tục lồng lộn như không có chuyện gì đã xảy ra.

Tôi ngây người, đúng là bị sét đánh, theo gần với nghĩa đen của từ đó. Nhưng tôi không thấy sợ.

“Chúng con xin ca ngợi đức Allah, Chúa tể của mọi thế giới, đáng trị vì từ bi và đầy thương khó của ngày phán xử cuối cùng!” Tôi lầm nhảm. Rồi quay sang Richard Parker, tôi quát lên, “Không được run lẩy bẩy như vậy nữa! Đó là phép lạ. Là sự bùng nổ thiêng liêng. Là... Là...” Tôi không biết nó là gì nữa. Nó quá lớn lao và kì diệu. Tôi đã cạn lời và hết hơi. Tôi nằm vật xuống tấm bạt, chân tay dang rộng. Mưa lạnh thấu xương. Nhưng tôi mỉm cười. Tôi nhớ lại lần chạm trán với thiên điện đó như một trong những dịp hạnh phúc hiếm hoi và đích thực mà tôi đã có trong suốt cuộc hành trình khổ nạn ấy.

Trong những giây phút diệu kì, người ta dễ tránh được những ý nghĩ nhỏ nhen, và chỉ ân hưởng những tư tưởng bao trùm cả vũ trụ, nó thấm tẩm cả sấm sét và những tiếng tích tắc, dày và mỏng, gần và xa.

“Richard Parker, một con tàu!” Tôi đã có niềm khoái cảm được hét lên như vậy một lần. Tôi đã choáng ngợp trong hạnh phúc. Mọi đờn đau, bức dọc tan biến hết và tôi thực sự bốc lửa vì vui mừng.

“Chúng ta thắng rồi! Chúng ta sống rồi! Mày có hiểu không Richard Parker? Chúng ta sống rồi! Ha, ha, ha, ha!” Tôi cố gắng kiềm chế sự phấn khích của mình. Nhờ con tàu đi ngang quá xa và không nhìn thấy chúng tôi thì sao? Có nên phóng một quả pháo sáng thẳng thiên không? Vô lí!

“Nó đang đi thẳng về phía chúng ta kìa, Richard Parker! Chao ôi, con xin tạ ơn ngài, vị chúa tể Ganesha! Phước thiện thay là sự hiện diện của ngài, dù ở hình thức nào cũng vậy, con xin tạ ơn đấng Allah – Brahman!” (1).

Nó không thể không thấy chúng tôi. Có hạnh phúc nào lớn hơn niềm vui được cứu sống? Câu trả lời là, hãy cứ tin tôi đi, không có cái gì như thế cả. Tôi đứng phất dậy. Đã lâu lắm rồi tôi mới đứng hẳn dậy như thế.

“Mày có tin được không hả Richard Parker? Có người, có đồ ăn, một cái giường. Chúng ta lại có cuộc sống rồi. Chao ôi, có gì vui hơn thế nữa?” Con tàu đến gần hơn. Trông nó như một tàu chở dầu. Hình dáng mũi tàu đã thấy rõ. Thân cứu mạng đang đèn trong một chiếc áo choàng màu đen có viền trắng.

“Nhưng nhớ ra...?” Tôi không dám nói tiếp. Nhưng liệu có thể có khả năng là cha, mẹ và Ravi vẫn còn sống hay không? Tàu Tsimtsum có nhiều xuồng cứu nạn. Biết đâu họ đã đến Canada mấy tuần trước rồi và đang nóng lòng chờ tin tức của tôi. Biết đâu tôi là người duy nhất trên chiếc tàu đắm đó còn đang mất tích.

“Lạy Chúa, tàu dầu to thật!” “Biết đâu họ đã đang ở Winnipeg. Ta tự hỏi ngôi nhà của chúng ta trông ra sao. Nay Richard Parker, mày có nghĩ là nhà cửa ở Canada có sân bên trong như truyền thống vùng Tamil của ta không? Có thể không? Có thể vì nếu vậy thì mùa đông tuyết sẽ chất đống ngoài sân. Đáng tiếc thật. Không có bình yên nào giống như một cái sân trong nhà vào một ngày nắng đẹp. Không biết ở Manitoba người ta trồng được các loại hương liệu gì?” Con tàu đã đến rất gần. Họ phải dừng hoặc lái tránh chúng tôi ngay mới phải.

“Phải đấy, không biết có hương liệu gì nhỉ...? Lạy Chúa tôi!” Tôi kinh hoàng nhận ra rằng con tàu dầu không những đang đi về phía chúng tôi – mà nó đang thực sự đâm sầm vào chúng tôi. Mũi tàu là cả một bức tường kim loại cứ to lên trông thấy từng giây một. Một đợt sóng bao quanh nó đang ào về phía chúng tôi không gì ngăn cản nổi. Richard Parker cũng cảm thấy điều gì sắp xảy ra. Nó quay lại sửa nhặng lên, nhưng không như chó sủa, mà là hổ sủa: rất mạnh mẽ, đáng sợ, và hoàn toàn đúng với hoàn cảnh lúc đó.

“Richard Parker, nó sẽ đâm chìm chúng ta mất. Làm gì bây giờ? Mau lên, mau lên, pháo sáng đâu rồi? Không! Phải chèo thôi! Mái chèo ở sẵn đây rồi phải không? Chèo đi! Đô ta! Đô ta! Đô ta! Đô ta!...” Sóng từ mũi con tàu đánh dạt chúng tôi lên cao. Richard Parker chúi người, lông dựng ngược. Cái xuồng trôi tuột khỏi con sóng ấy và trượt khỏi con tàu chỉ khoảng sáu mươi phân.

Con tàu lừ lừ đi qua, như một vách núi đen sì ngất ngư hàng dặm lên trời, hàng dặm tường pháo đài mà không có một trạm gác nào để họ có thể nhìn thấy chúng tôi đang ngắc ngoải dưới hào sâu ngay cạnh. Tôi đốt một quả pháo sáng thẳng thiên, nhưng lại nhắm trượt hướng. Đáng lẽ phải bay ngang qua boong tàu và nổ sáng loà mắt thuyền trưởng, nhưng nó lại đâm bổ ngay vào sườn tàu và rơi tòm xuống Thái Bình Dương rồi xệt ngóm. Tôi lấy hết sức bình sinh rồi thối còi, gào thét, nhưng chẳng có tác dụng gì.

Con tàu cứ thế quạt nước lướt qua chúng tôi, máy nổ rầm rầm và chân vịt xoay như súng liên thanh nổ dưới nước, bỏ mặc chúng tôi bập bỡm, dập dềnh trong đám bọt sóng nó để lại đằng sau. Sau bao nhiêu tuần chỉ nghe âm thanh thiên nhiên, những tiếng động cơ đó thật lạ lùng và đáng sợ đến nỗi tôi cứ đứng chết lặng tại chỗ.

Chưa đầy hai mươi phút sau, con tàu ba trăm ngàn tấn chỉ còn là một cái chấm ở chân trời. Khi tôi quay đi chỗ khác, Richard Parker vẫn còn nhìn theo hướng đó. Vài giây sau, nó cũng quay đi và mất chúng tôi gặp nhau. Trong mắt tôi lúc ấy đầy rẫy mong mỏi, đau đớn, khổ não và cô đơn. Nó chỉ có thể biết rằng một điều gì đó rất buồn và lớn lao đã vừa xảy ra, một điều gì đó mà nó không thể hiểu được. Nó không thể thấy rằng chúng tôi đã vừa lỡ mất cơ hội được cứu sống. Nó chỉ thấy rằng con thú đầu đàn ở đây, cái con hổ lạ lùng và khó đoán biết này, đã vừa rất phấn khích. Nó đi ngủ. Cả một sự kiện như vậy, nó chỉ bình phẩm bằng một tiếng meo tỉnh bơ.

“Ta yêu mày biết bao!” Những lời ấy buột khỏi miệng tôi, tinh khiết, chân thành, vô biên. Cảm giác ấy tràn ngập lồng ngực tôi. “Thực là thế. Ta yêu mày biết bao, Richard Parker. Nếu không có mày lúc này,

không biết ta sẽ làm gì đây. Chắc ta sẽ không sống nổi đâu. Đúng thế. Ta sẽ chết vì tuyệt vọng mất. Đừng bỏ cuộc. Richard Parker, đừng bỏ cuộc. Ta sẽ đưa mày về đất liền, ta thề như vậy đấy!” Chú thích: (1) Độc giả để ý Pi tôn vinh vị thần của đạo Hindu và Hồi giáo, Allah là thánh Jesus của đạo Hồi, Brahman là Thượng Đế của đạo Hindu (ND)

Một trong những phương cách trốn chạy thực tại ưa thích của tôi là tự làm cho mình rơi vào tình trạng yếm khí nhẹ. Tôi dùng một mảnh vải cắt ra từ cái chăn đã rách tả. Tôi gọi nó là miếng giẻ mơ mộng. Tôi nhúng nó xuống biển cho ướt hết nhưng không quá sũng đến mức rõ ràng rỗng. Tôi nằm thật thoải mái lên mui bạt và đắp miếng giẻ ấy lên mặt, sao cho thật khít vào mắt, mũi mồm. Và tôi sẽ rơi vào một trạng thái mê mẩn. Điều này thực ra không khó đối với một người đã thường xuyên ở trạng thái lơ đãng mệt mỏi. Nhưng miếng giẻ mơ mộng rõ ràng đã cho trạng thái mê mẩn của tôi một phẩm chất đặc biệt. Có thể vì cách nó hạn chế lượng không khí tôi thở. Tôi sẽ chìm vào những giấc mơ khác thường, những mê đắm, ảo ảnh, ý nghĩ, cảm xúc và kí ức khác thường. Và thời gian sẽ qua rất nhanh. Khi một cử động hoặc một cái ngáp vì ngạt hơi làm tôi tỉnh giấc và miếng giẻ ấy tuột đi, tôi tỉnh táo và mừng rỡ thấy thời gian đã qua thật nhanh. Thật như vậy, vì miếng giẻ đã khô gần hết. Nhưng hay hơn nữa là cảm giác mọi thứ đã khác đi, rằng cái giây phút hiện tại khác với các giây phút trước đó.

Có một hôm chúng tôi gặp rác. Lúc đầu, nước biển lóng lánh lên vì những mảnh dầu loang. Rồi sau đó là những rác thải công nghiệp và sinh hoạt: chủ yếu là các thứ bằng nhựa đủ mọi hình dạng và màu sắc, nhưng cũng có cả các mảnh gỗ, hộp bia, chai rượu, những mảnh vải, những đoạn dây, và xung quanh chính là những đám bọt vàng vọt. Chúng tôi trôi thẳng vào chúng. Tôi tìm xem có cái gì có thể dùng được chẳng. Tôi nhặt một chai rượu vang đã cạn có nút chai. Cái xuống đầm phải một cái tủ lạnh đã mất động cơ. Tôi với tay nắm cửa và kéo nó mở ra. Cái tủ lạnh phả ra một thứ mùi khẳn và kinh tởm nồng nặc đến mức không khí như biến hẳn màu. Lấy tay bịt mũi, tôi nhìn vào bên trong. Nhem nhuốc những vết bẩn, nước quả đã đen lại, một đồng rau quả đã thối rữa hoàn toàn, sữa đã quánh hết và nhiễm khuẩn đến mức thành ra một thứ nhầy nhựa xanh lè, và cả một phần tư một con vật gì đó đã thối rữa đen đui đến mức không thể nhận ra là thịt con gì. Với kích cỡ ấy thì chỉ có thể là thịt cừu. Bên trong cái tủ đóng kín và ẩm ướt ấy, cái mùi thối rữa kia đã có thời gian lên men, cay đắng và giận dữ. Nó xộc vào các giác quan của tôi như một cơn cuồng, bụng quặn đau và hai chân mềm nhũn ra. May sao, nước biển nhanh chóng tràn vào cái tủ và nhấn chìm nó. Rác rưởi khác lập tức tràn tới lấp kín chỗ trống ấy trên mặt nước.

Chúng tôi đã qua khỏi vùng ngập rác. Rất lâu về sau, khi có gió thổi từ phía đó lại, tôi vẫn còn ngửi thấy mùi hôi thối ấy. Phải mất một ngày, những vết dầu bám vào mạn xuống mới được biển rửa sạch.

Tôi đút một bức thông điệp vào trong cái chai: “Tàu chở hàng Tsimtsum của Nhật Bản, treo cờ Panama, đắm ngày 2 tháng 7 năm 1977 trên Thái Bình Dương, bốn ngày sau khi rời Manila. Tôi đang ở trên xuống cứu nạn. Tên tôi là Pi Patel. Có một ít thức ăn và nước uống, nhưng vấn đề nghiêm trọng là hổ Bengal. Làm ơn báo tin cho gia đình ở Winnipeg, Canada. Xin cảm tạ nếu được giúp đỡ dưới bất kỳ hình thức nào. Cảm ơn.” Tôi đóng cái nút chai, bọc thêm ra ngoài một mảnh vải nhựa. Tôi dùng dây nylon buộc túm chặt cái mảnh vải nhựa ấy vào cổ chai, rồi thả cái chai xuống biển.

Cái gì cũng gian nan hết. Cái gì cũng bị nắng chiếu đốt đến trắng nhợt và mưa gió vùi dập tả tơi. Chiếc xuống, cái bè cho đến khi nó tan rã, tấm bạt mui xuống, những cái máy cất nước, cái hứng mưa, những cái túi nhựa, những sợi dây, những cái chần, cái lưới – tất cả đều sờn rách, hao mòn, căng nhão ra, chùng lỏng xuống, nứt vỡ, khô nẻ, mủn nát, tả tơi, bạc phếch. Cái gì nhăn nhui thì thành thô nhám. Cái gì sắc thì cùn đi. Lạnh lặn thì ra nát bầy. Tôi đã lấy da cá và mỡ rùa xoa xát lên chúng như thể bôi dầu trơn và bảo vệ, nhưng chẳng ăn thua gì. Muối tiếp tục ăn mòn tất cả với hàng triệu triệu cái mồm tham lam của nó. Còn mặt trời thì nướng cháy tất cả mọi thứ. Nó phần nào khuấy phục Richard Parker. Nó cạo sạch xương và đốt chúng đến trắng hếu. Nó đốt hết quần áo tôi và có thể đã đốt trụi da dẻ tôi rồi nếu như tôi không tự vệ bằng cách chui xuống chiếc chần hoặc mai rùa. Khi nóng không chịu nổi, tôi lấy xô múc nước biển dội lên người. Có những lúc nước nóng đến mức cảm thấy nó đặc như siro. Mặt trời cũng tiêu diệt hết các thứ mùi. Tôi không nhớ được một thứ mùi gì. Hình như chỉ nhớ cái mùi của vỏ pháo sáng cầm tay. Chúng có mùi như mùi một thứ hạt cay làm gia vị, tôi đã nhắc đến chuyện này rồi. Đến Richard Parker mà tôi cũng chẳng nhớ được là nó có mùi gì nữa.

Chúng tôi chết dần chết mòn. Nó diễn ra chậm chạp, nên không phải lúc nào tôi cũng để ý thấy. Nhưng hẳn đã để ý là tôi thấy ngay. Chúng tôi là hai con vật thuộc loài có vú gầy xác, khô cháy và đang chết đói. Lông Richard Parker đã mất vẻ bóng mượt, thậm chí đã trụi thui lụi nhiều chỗ ở vai và mông. Nó sụt cân thảm hại, chỉ còn là bộ xương trong một cái túi da thùng thỉnh bạc màu. Tôi cũng đã héo quắt mất rồi, khô kiệt mất rồi, và xương xẩu lòi ra thảm hại qua làn thịt mỏng dính còn lại trên người.

Tôi bắt đầu bắt chước Richard Parker ngủ thật nhiều. Nhưng đâu có ra ngủ, mà chỉ là một trạng thái nửa tỉnh nửa mê, mộng mị và thực tế gần như không thể phân biệt được. Tôi dùng đến miếng giẻ mớ mộng của mình rất nhiều.

Sau đây là những trang nhật ký cuối cùng của tôi:

Hôm nay thấy một con cá mập to hơn tất cả những con đã thấy từ trước đến nay. Một con quái vật cỡ đại dài sáu thước. Có sọc. Một con cá mập hổ – rất nguy hiểm. Cứ bơi quanh mãi. Chỉ sợ nó tấn công. Đã sống sót với một con hổ rồi; chắc sẽ chết vì con hổ khác. Nó không tấn công. Bơi đi rồi. Trời nhiều mây, còn thì chẳng có gì. Không mưa. Chỉ có sáng là sầm sì. Cá heo. Có móc một con. Hoá ra mình không thể chịu đựng được khi thấy R.P. ốm và bần tính. Mình ốm quá. Nếu nó tấn công chắc sẽ không thể tự vệ được. Đến thôi còi thôi mà cũng không còn sức nữa.

Ngày lạnh và nóng như thiêu. Nắng dã man. Thấy óc như sôi lên trong đầu. Thấy chán nản cực độ.

Cả thể xác và linh hồn đều quy rồi. Sắp chết. R.P. còn thở nhưng không động cựa. Cũng sẽ chết thôi. Sẽ không giết mình.

Cứu rồi. Một tiếng liên mưa to, thật ngon, thật đẹp. Đổ nước đầy mồm, đầy các túi và hộp, uống đến khi không thể thêm một giọt nào vào người được nữa. Mặc kệ cho ướt sũng người để rửa sạch muối. Bò ra xem R.P. ra sao. Không phản ứng gì. Nằm cuộn tròn, đuôi duỗi thẳng. Da nổi cục vì ướt. Lúc ướt trông nó nhỏ hơn. Xương xẩu. Sờ vào người nó lần đầu tiên trong đời. Xem đã chết chưa. Chưa. Vẫn thấy ẩm. Sờ nó lạ thật. Thảm hại như vậy rồi mà nó vẫn chắc, đầy cơ bắp, sống động. Chạm vào lập tức thấy da nó rung động, như thể mình là một con nhặng đốt vào nó. Mãi sau mới thấy đầu động đây, vẫn ngập một nửa dưới nước. Thà uống nước còn hơn chết đuối. Dấu hiệu tốt: đuôi dựng lên. Ném một miếng thịt rùa vào trước mũi. Chẳng thấy gì. Mãi mới thấy nó nhòm lên, uống nước. Uống mãi. Ăn. Không nhòm hẳn dậy. Cả tiếng đồng hồ chỉ liềm láp khắp người. Lại ngủ.

Chẳng ích gì. Hôm nay ta chết.

Ta sẽ chết hôm nay.

Ta chết. Đó là đoạn cuối cùng. Từ đó, tôi vẫn sống, chịu đựng, nhưng không biết là như vậy. Có những nét xoáy óc bên lề trang giấy. Tôi cứ tưởng sẽ bị hết giấy. Nhưng lại hết mực.

Vừa hoa hoa tay trước mặt nó, tôi vừa nói, “Richard Parker, mày làm sao thế? Mày bị mù rồi ư?” Một hai ngày vừa qua nó đã dụi mắt liên hồi và rên rầm có vẻ rất khó chịu, nhưng tôi không để ý. Khẩu phần hàng ngày của chúng tôi chỉ có nhiều nhất là ê ẩm và đau đớn. Tôi đã bắt được một con dorado. Chúng tôi đã không ăn gì trong ba ngày rồi. Một con rùa đã đến gần xuống hôm trước, nhưng tôi yếu quá không kéo nó lên được. Tôi đã cắt con cá làm đôi. Richard Parker đang nhìn về phía tôi. Tôi đã ném phần của nó sang. Cứ tưởng nó sẽ ngoạm ngay một cách khôn khéo. Nhưng miếng cá rơi toẹt ngay vào mặt nó. Nó cúi xuống. Sau khi ngửi trái, ngửi phải, nó tìm thấy miếng cá và bắt đầu ăn. Giờ thì chúng tôi đều ăn chậm cả. Tôi nhìn vào mắt nó. Không thấy có gì khác mọi hôm. Có vẻ như có nhiều dử mắt hơn một chút ở khoe trong, nhưng chẳng có gì đáng giật mình, chắc chắn là chẳng có gì đáng giật mình hơn là bộ dạng chung của nó. Gian truân đã làm cho chúng tôi chỉ còn da bọc xương. Tôi nhận ra rằng nó đã trả lời tôi bằng chính cách nhìn của nó. Tôi đang soi mói thẳng vào mắt nó như một bác sĩ nhãn khoa, còn nó thì cứ trân trân nhìn lại tôi một cách trống rỗng. Chỉ có một con hồ mà mới không có phản ứng gì với một tia nhìn như của tôi.

Thương thay cho Richard Parker. Ngày tận số của cả nó và tôi sắp đến rồi.

Hôm sau, tôi bắt đầu thấy ngứa ngứa ở cả hai mắt. Tôi dụi lấy dụi để, nhưng không bớt ngứa chút nào. Ngược hẳn lại, càng thấy ngứa hơn, và không như Richard Parker, hai mắt tôi bắt đầu phát mù. Rồi thì tối đen hết cả, mắt chớp như máy vậy. Lúc đầu nó ở ngay trước mắt tôi, một chấm đen ở giữa tất cả mọi vật. Nó lan thành một vết to bao trùm hết cả nhãn trường. Sáng hôm sau, mặt trời chỉ còn một vết sáng leo lét ở phía trên của mắt trái tôi, như một cái cửa sổ ở quá cao. Đến trưa thì mọi thứ đen ngòm hết.

Tôi bám chặt lấy sự sống. Tôi cuống cuống một cách mỗi mết. Trời nóng như trong lò lửa. Tôi yếu sức đến mức không thể đứng lên được nữa. Môi tôi khô cứng và nứt toác. Mồm miệng khô ran như phải ngâm đầy bột, lót bởi một thứ nước bọt đặc quánh như hồ và hôi hám kinh khủng. Da dẻ bong rộp. Cơ bắp quắt queo đau nhức. Tay chân, đặc biệt hai bàn chân, sưng vù và luôn luôn đau đớn. Tôi đói, và lại một lần nữa không có thức ăn gì. Còn nước thì Richard Parker đã uống nhiều đến mức tôi chỉ còn được năm thìa mỗi ngày. Nhưng cái đau đớn thể xác ấy chẳng là gì so với cuộc tra tấn tinh thần mà tôi sắp phải chịu đựng. Tôi sẽ đánh dấu cái ngày tôi bị mù ấy là khởi đầu của những đau khổ ghê gớm nhất của tôi. Tôi không thể chắc chuyện đó xảy ra lúc nào. Như tôi đã nói, thời gian đã không còn có liên hệ gì nữa. Chắc là vào quãng giữa ngày thứ một trăm và ngày thứ hai trăm gì đó. Lúc ấy tôi đã nghĩ mình sẽ không thể sống thêm được một ngày nào nữa.

Đến sáng hôm sau thì tôi không còn sợ chết một tí gì nữa và tôi quyết định chết.

Tôi đã đi đến một kết luận đáng buồn rằng tôi không thể chăm sóc Richard Parker được lâu hơn nữa. Tôi đã thất bại trong vai trò một người nuôi thú. Tôi lo cho cái chết sắp đến của nó còn hơn của tôi. Nhưng quả thật, kiệt quệ và suy sụp như tôi lúc bấy giờ, tôi chẳng thể làm gì hơn cho nó.

Thiên nhiên nhanh chóng chìm xuống. Tôi có thể cảm thấy cái chết đang bò dần lên. Để được chết một cách thoải mái hơn, tôi quyết định không chịu khát lâu hơn nữa. Tôi uống đã nước thì thôi. Giá mà tôi có một miếng gì đó để ăn lần cuối cùng trước khi ra đi. Nhưng có vẻ sẽ chẳng có gì để ăn cả. Tôi dựa vào chỗ mép cuộn lên của tấm bạt ở giữa xuống. Tôi nhắm mắt lại và chờ cho hơi thở cuối cùng của mình rời khỏi thân thể. Tôi lầm bầm. “Vĩnh biệt nhé, Richard Parker. Xin lỗi vì phải bỏ mày mà đi. Ta đã cố hết sức rồi. Vĩnh biệt cha thân yêu, mẹ thân yêu, Ravi thân yêu. Con xin chào mọi người. Đưa con và đưa em trai yêu dấu đang đến với mọi người đây. Không có giờ phút nào trôi qua mà con không nghĩ đến mọi người. Gặp lại được mọi người sẽ là giờ phút hạnh phúc nhất của con. Còn bây giờ, con xin trao tất cả vào tay Thượng Đế, Ngài là Tình Yêu và là người con yêu dấu.” Tôi nghe thấy tiếng người, “Có ai ở đó không?” Đang một mình trong cõi tăm tối của tâm trạng hấp hối mà nghe thấy như vậy thì thật là hoảng hốt. Âm thanh vô hình và vô sắc nghe rất xa lạ. Nhưng khi mù thì người ta lại thính tai.

Tiếng nói ấy lại vang lên, “Có ai ở đó không?” Tôi kết luận mình đã phát điên. Thảm nhưng mà thật thế rồi. Đau khổ cần có bạn đồng hành, và điên rồ liền chạy đến với nó.

“Có ai ở đó không?” Tiếng nói lại cất lên, khản khản.

Sự mạch lạc trong cơn điên của tôi thật đáng kinh ngạc. Tiếng nói ấy có âm sắc riêng của nó, với một giọng điệu nặng nhọc và mệt mỏi. Đã vậy, tôi cứ chơi theo xem sao.

“Tất nhiên là có,” tôi đáp. “Lúc nào chả có ai đó ở ngoài kia. Nhưng ai mà lại hỏi như vậy nhỉ?” “Ta đang hi vọng sẽ có ai khác kia.” “Người nói thế nghĩa là sao, có ai khác là thế nào? Người có biết người đang ở

đâu không? Nếu người không thích câu chuyện mơ mộng huyền hoặc này của mình thì hãy chọn câu chuyện khác đi. Thiếu gì cách huyền hoặc cơ chứ”.

Hừm. Câu chuyện mơ mộng. Mơ-mộng. Giá mà có một quả mơ thì hay biết bao.

“Vậy là không có ai cả, có phải không?” “Im nào... ta đang ước có một quả mơ.” “Mơ à! Người đang có mơ sao? Cho ta một quả được không? Hãy cho ta đi. Chỉ một quả nhỏ thôi. Ta đang thèm quá.” (1) “Không phải chỉ có một quả mơ! Ta có cả một chùm mơ mộng đấy!” “Cả một chùm mơ ư! Làm ơn hãy cho ta một quả thôi. Ta...” Giọng nói, hoặc chỉ là một huyền hoặc do gió và sóng gây ra, bỗng nhỏ đi và biến mất.

“Mơ của ta mộng, tròn trịa và thơm biết bao”, tôi tiếp tục. “Cành lá của cây ấy trĩu xuống vì quả mới sai làm sao. Trên cây phải có đến ba trăm quả chứ không kém.” Im lặng.

Giọng nói lại cất lên. “Mình nói chuyện ăn uống đi...” “Một ý kiến hay đấy”.

“Người sẽ ăn món gì nếu người có tất cả mọi món ăn người thích?” “Hỏi hay đấy. Ta sẽ có một bữa gồm nhiều món tự ta chọn. Ta sẽ bắt đầu bằng cơm trắng với bột sambar (2). Sẽ có cơm gạo lứt, cơm đậu phụ và...” “Còn ta thì...” “Ta đã nói xong đâu. Ta còn lấy thêm các món rau trộn có me chua tẩm ớt, món trộn với hành củ nhỏ, rồi...” “Rồi món gì nữa?” “Từ từ đã nào. Ta sẽ còn ăn đủ các món rau trộn khác có cả chua, có cải bắp, có thì là tẩm hạt tiêu, rồi thì...” “Ra thế.” “Gượng đã. Còn các món nem cuốn, nước sốt dừa, cơm thập cẩm, đậu phụ chiên chay và...” “Nghe rất là...” “Ta đã nhắc đến món nước sốt chua ngọt chưa nhỉ? Sốt dừa và sốt bạc hà trộn với muối giòn và dứa muối chua, ăn với bánh đa đủ loại, tất nhiên rồi.” “Nghe thật là...” “Các món salad chính hiệu nữa! Salad đậu phụ với xoài, salad đậu phụ ngâm và salad dưa chuột tươi để nguyên không muối tẩm gì hết. Còn tráng miệng thì có bánh hạnh nhân, bánh sữa, bánh tráng, kẹo lạc, kẹo dừa với kem vani ăn cùng với nước sôcôla thật nóng và thật đặc.” “Thế là hết đấy à?” “Ta sẽ kết thúc bữa ăn đó với mười lít nước thật lạnh, thật mát, thật trong lành, và một cốc cà phê.” “Nghe rất là ngon.” “Ngon qua đi chứ lại.” “Hãy nói cho ta hay, nước sốt dừa nấu ra sao ấy nhỉ?” “Đó thực sự là một món tuyệt ngon. Cần có khoai nước này, củi dừa nạo này, hẹ tươi này, ớt bột này, hạt tiêu đen xay rồi này, các thứ hạt cay này, hạt cải nâu này, và một ít dầu dừa. Ta đảo củi dừa trên chảo thật nóng cho đến lúc nó ngả thành màu nâu vàng...” “Ta góp ý một tí có được không?” “Cái gì cơ?” “Thay vì làm món sốt dừa ấy, sao lại không luộc một cái lưỡi bò với sốt mù-tạt?” “Cái đó không phải là món chay rồi.” “Tất nhiên. Xong rồi luộc cả cổ lòng lên nữa.” “Trời đất! Người đã chén cả lưỡi của con vật tội nghiệp rồi, bây giờ lại muốn ăn cả ruột gan nó nữa?” “Thì đã sao? Ta ước được ăn món lòng bò theo kiểu Caen – thật nóng, cùng với bánh ngọt.” “Bánh ngọt ư! Món đó nghe được hơn nhiều. Nhưng là bánh ngọt gì chứ?” “Bánh ngọt làm bằng lá lách bê!” “Lá lách!” “Đun lim rim với nước sốt nấm. Ngon tuyệt!” Những món kinh khủng và vô đạo ấy ở đâu ra? Chẳng nhẽ tôi đã sa đoạ đến mức thèm ăn một con bò và đứa con nhỏ của nó hay sao? Tôi đã trúng phải thứ gió độc gì vậy? Cái xuồng đã trôi trở lại vào giữa đám rác rưởi kia hay sao?

“Món ăn mọi rợ tiếp theo sẽ là gì?” “Món ốc bê dầm trong nước sốt bơ!” “Quay lại cái đầu rồi phải không?” “Món ốc rán nóng!” “Ta phát ốm lên rồi đây. Có cái gì nhà người không ăn không nào?” “Ta sẽ không ăn cái có thể đổi được lấy món súp đuôi bò. Được món lợn con quay nhồi gạo, xúc xích, mơ và nho khô. Được món thận bê nấu bơ, mù-tạt và sốt rau thơm. Được món thỏ hầm với rượu vang. Được món xúc xích gan gà. Được món thịt lợn và patê gan ăn với thịt bê. Được món ếch. A, hãy cho ta món ếch. Cho ta món ếch.” “Ta không thể chịu được nữa.” Giọng nói lại chìm đi. Tôi run lên vì buồn nôn. Chứng điên trong đầu là một chuyện, nhưng để nó lan xuống bụng là không công bằng.

Thình lình, tôi chợt vỡ nhẽ.

“Người sẽ ăn thịt bò sống còn rõ máu chứ?” Tôi hỏi.

“Tất nhiên rồi! Ta ưa món bít-tết kiểu tác-ta” “Người sẽ ăn tiết đã đông của một con lợn chết chứ?”

”Ngày nào cũng được, với nước sốt táo!” “Người có thể chén bất kì cái gì của một con vật chứ? Những mảnh xác cuối cùng của nó chứ?” “Ta sẽ vét sạch! Ta sẽ có cả một mâm đầy!” “Thế người có ăn thịt vẹt không? Người có ăn một con chim vẹt còn tươi sống nguyên lành không?”

Không nghe câu trả lời.

“Người có nghe ta hỏi không? Người sẽ ăn một con vẹt chứ?” “Ta nghe rồi. Nói thực, nếu được lựa chọn, ta sẽ không ăn món đó. Bụng ta không chịu thứ đồ ăn đó. Ta thấy nó rất kinh tởm.” Tôi cười ồm lên. Đã biết mà. Không phải tôi đang nghe thấy những tiếng nói tưởng tượng. Không phải tôi điên. Chính là Richard Parker đang nói chuyện với tôi. Thằng láu cá ăn thịt tôi chứ ai. Sống bên nhau bao nhiêu lâu mà nó đã chọn lúc cả hai cùng sắp chết mới lên tiếng tâm sự. Tôi thấy thật phẫn khởi có thể trò chuyện với

một con hổ. Ngay lập tức, lòng tôi tràn ngập cơn tò mò rẻ tiền, thứ bệnh mà những kẻ hâm mộ thường mắc phải đối với các minh tinh mà họ yêu thích.

“Nào hãy nói cho ta biết – người đã giết người bao giờ chưa?” Tôi nghi ngờ chuyện đó. Thú vật ăn thịt người cũng hiếm như số những kẻ sát nhân trong nhân loại, và Richard Parker bị bắt lúc còn là một chú hổ con. Nhưng ai biết được mẹ nó, trước khi bị Khát bắt, có ăn thịt người nào hay không?

“Hỏi kiểu gì thế?” Richard Parker đáp lại.

“Chẳng nhẽ không có lí do để hỏi thế ư?” “Thế thì có lí hay sao?” “Phải.” “Tại sao?” “Người có tiếng như vậy mà.” “Thật ư?” “Tất nhiên rồi. Chẳng nhẽ người không biết điều đó?” “Ta không biết thật.” “Thế đấy, để ta nói cho người rõ quả thật là người không biết gì. Người nổi tiếng là một kẻ ăn thịt người thật mà. Vậy, người đã giết người bao giờ chưa?” Im lặng.

“Thế nào? Trả lời ta đi chứ.” “Rồi.” “Chao ôi! Người làm ta lạnh hết sống lưng. Bao nhiêu người?”

“Hai.” “Người đã giết hai người đàn ông?” “Không. Một đàn ông và một đàn bà.” “Cùng một lúc à?”

“Không. Đàn ông trước. Đàn bà sau.” “Đồ quỷ sứ! Cam đoan là người đã cho đấy là một trò đùa rất vui vẻ. Người thấy những tiếng kêu khóc và giãy giụa của họ rất hay phải không?” “Cũng chẳng phải thế.”

“Họ tốt chứ?” “Tốt là thế nào?” “Đừng có giả vờ nữa. Thịt họ ăn có ngon không?” “Không, thịt họ không ngon.”

“Ta cũng nghĩ thế. Ta đã nghe nói thịt người phải ăn nhiều mới ngon. Vậy sao người giết người ta?” “Cần phải vậy.” “Cần thiết quỷ sứ vậy à! Người có ân hận gì không?” “Hoặc họ hoặc ta mà thôi.”

“Thực là một khái niệm cần thiết với tất cả sự giản đơn vô đạo đức. Nhưng bây giờ người có thấy ân hận một chút nào chẳng?” “Đó là vì phải thế trong một giây phút mà thôi. Chỉ vì hoàn cảnh.” “Bản năng, đó gọi là bản năng. Dù sao, hãy trả lời câu hỏi của ta đi, người có ân hận chút nào chẳng?” “Ta không nghĩ đến chuyện đó.”

“Đúng là súc vật. Người chỉ là một con vật.” “Vậy còn người?” “Con người, ta nói để người biết vậy.”

“Tự phụ đến thế kia ư?” “Đó là chân lí rõ ràng mà.” “Phải vậy sao? Tức là người sẽ ném hòn đá đầu tiên, ra tay trước?”

“Người đã ăn món oothappam bao giờ chưa?” “Chưa. Nó là cái gì vậy, nói cho ta biết đi.” “Nó thật ngon.”

“Nghe đã thấy thế rồi. Còn gì nữa?” “Oothappam thường được làm bằng chỗ bột làm bánh còn dư, nhưng ít khi sáng kiến tận dụng nguyên liệu trong nghệ thuật nấu ăn lại cho ra được một món đáng nhớ như vậy.”

“Ta đã có thể ném thấy nó rồi đấy.” Tôi chợt buồn ngủ. Hoặc giả đã rơi vào tình trạng mất cân bằng trước khi chết. Nhưng vẫn có cái gì đó khiến tôi bồn chồn. Không thể nói đó là cái gì. Nhưng gì thì gì, nó cũng đang quấy nhiễu sự chết của tôi.

Tôi tỉnh lại. Tôi đã biết đó là cái gì rồi.

“Này! Này!” “Cái gì thế?” giọng Richard Parker yếu ớt.

“Tại sao giọng người cứ trọ trọ thế?” “Ta có trọ trọ gì đâu. Chính người thì có.” “Không phải ta. Người phát âm chữ ẹ thành ra zie.”

“Ta nói zie là zie, đúng như nó phải thế. Người nói năng như ngậm bi ve trong mồm. Người nói trọ trọ đặc kiểu Ấn Độ.” “Người nói năng như thể lưỡi người là một cái lưỡi cua và các từ tiếng Anh cứ như làm bằng gỗ hết cả. Người trọ trọ đặc kiểu Pháp.”

Thật là không đâu vào đâu cả. Richard Parker sinh ra ở Bangladesh và được nuôi dạy ở Tamil Nadu, làm sao nó có giọng Pháp được? Công nhận là Pondicherry đã từng là thuộc địa của Pháp, nhưng không ai có thể làm tôi tin rằng đã có những con vật trong vườn thú được nuôi dạy tại Alliance Francais ở phố Dumas.

Thật là lẫn lộn quá. Tôi lại rơi vào tình trạng mù mịt.

Tôi tỉnh dậy, miệng há hốc. Có ai đó thật! Cái giọng nói vừa lọt vào tai tôi chắc chắn không phải là tiếng gió trọ trọ hoặc một con vật nào đó liu lo. Rõ ràng là có ai đó! Tim tôi đập điên cuồng, gắng sức một lần cuối bơm được một ít máu lên qua cơ thể đã mòn mỏi của tôi. Đầu óc tôi cố sức lần cuối để tỉnh táo.

“Chỉ là một tiếng vọng mà thôi,” tôi lại nghe thấy, rất nhỏ.

:Gượng dậy, ta ở đây mà!” Tôi hét lên.

“Một tiếng vọng ngoài biển khơi...” “Không phải, chính là ta đây!” “Rồi chuyện này sẽ kết thúc!” “Bạn ta ơi!”

“Ta đang tiêu tan...” “Hãy ở lại, ở lại!” Tôi không thể nghe rõ hẳn nói nữa.

Tôi kêu ré lên.

Nó kêu ré trở lại.

Thật quá sức. Tôi sẽ phát điên mất.

Tôi nảy một ý tưởng.

“Tên tôi,” tôi gào vào không gian với những hơi thở cuối cùng của mình, “là Piscine Molitor Patel.”

Làm sao một tiếng vọng có thể tạo ra một cái tên được? “Có nghe tôi nói không? Tôi là Piscine Molitor Patel, mọi người đều gọi tôi là Pi Patel!”

“Cái gì thế? Có ai ở đó không?” “Có. Có đây.” “Cái gì? Thật ư? Xin anh, anh có chút thức ăn nào không? Thức gì cũng được. Tôi không còn tí thức ăn nào. Tôi đã không ăn

gì nhiều ngày rồi. Tôi phải ăn cái gì đó. Xin tạ ơn anh rất nhiều nếu anh chừa cho tôi một ít, cái gì cũng được. Tôi xin anh”.

“Nhưng tôi cũng chẳng còn gì,” tôi đáp, lòng buồn thảm. “Bản thân tôi cũng không có gì ăn nhiều ngày rồi. Tôi đang hi vọng anh sẽ có thức ăn. Anh có nước uống không? Tôi còn rất ít.” “Không, tôi không có. Anh không có tí thức ăn nào thực sao?” “Không có gì hết.” Im lặng, một sự im lặng nặng nề.

“Anh ở đâu?” Tôi hỏi.

“Tôi ở đây.” Hấn đáp, giọng mệt mỏi.

“Đây tức là ở đâu? Tôi không thấy anh ở đâu cả.” “Sao lại thế?” “Tôi đã mù rồi.” “Cái gì kia?” Hấn kêu lên.

“Tôi bị mù. Mắt tôi chỉ thấy tối đen. Tôi chớp mắt nhưng có thấy gì đâu. Đã cách đây hai ngày rồi, nếu như da tôi vẫn cảm thấy được ánh sáng tối thì đúng là đã cách đây hai ngày rồi.

Tôi nghe một tiếng khóc rú lên thật thảm thiết.

“Sao thế? Có chuyện gì thế, hồi người bạn của tôi?” Tôi hỏi.

Hấn tiếp tục khóc than.

“Nào, hãy trả lời đi. Có chuyện gì vậy? Tôi đã mù rồi và chúng ta chẳng còn đồ ăn thức uống gì, nhưng chúng ta vẫn còn có nhau. Thế cũng là đỡ hơn nhiều. Thế là quý lắm chứ. Vậy thì có chuyện gì thế nữa, hồi bạn thân mến của tôi?” “Tôi cũng mù!” “Sao?” “Tôi cũng chớp mắt mà chẳng thấy gì, cũng như anh.” Hấn lại khóc rú lên. Tôi chờ người vì kinh ngạc. Tôi đã gặp một người nữa cũng mù và cũng trên một chiếc xuồng cứu nạn giữa Thái Bình Dương!

“Nhưng làm sao mà anh cũng bị mù?” Tôi lúng búng.

“Có lẽ cũng như anh thôi. Kết quả của tình trạng thiếu vệ sinh ở một cơ thể đang cạn kiệt đến hồi chung cục.” Cả hai chúng tôi đều bật khóc. Hấn rú lên còn tôi thì thổn thức. Thật là quá sức, không thể chịu đựng nổi nữa.

“Tôi có câu chuyện này,” tôi lên tiếng, sau một lúc lâu.

“Một câu chuyện ư?” “Phải” “Một câu chuyện thì có ích gì? Tôi đang đói lắm mà.” “Một câu chuyện về thức ăn.” “Lời nói đâu có cho ta calo.” “Hãy kiếm thức ăn ở nơi có thức ăn.” “Đó là một ý hay.” Im lặng. Một sự im lặng chết chóc.

“Anh ở đâu?” Hấn hỏi.

“Ngay đây. Còn anh?” “Cũng ngay đây.” Tôi nghe tiếng vỗ nước như thể một mái chèo vừa được hạ xuống. Tôi vớ lấy một trong hai cái chèo tôi đã vớt được từ cái bè đã vỡ. Nó mới nặng làm sao. Hai tay lần lần mãi tôi mới rờ được cái vòng mắc chèo. Tôi thả mái chèo vào vòng. Tôi kéo chèo. Tôi mệt lử, nhưng vẫn cố hết sức chèo.

“Cho nghe câu chuyện của anh đi nào,” hấn nói thờ dốc.

“Ngày xưa ngày xưa có một quả chuối và nó cứ to lên dần. Nó to lên, vừa chắc, vừa thơm và vàng rực. Thế rồi nó rụng xuống đất và có người đến nhặt lên ăn.” Hấn dùng chèo. “Câu chuyện thật là đẹp!” “Cảm ơn.” “Tôi chảy cả nước mắt đây này.” “Vẫn còn một chi tiết nữa,” tôi nói.

“Cái gì vậy?” “Quả chuối rụng xuống đất, có người đến nhặt lên, ăn nó – và sau đó thì người ấy cảm thấy dễ chịu hơn.” “Hay quá, nghe mà phải nín thở!” Hấn kêu lên.

“Cảm ơn.” Một lúc im lặng.

“Nhưng anh không có quả chuối nào ư?” “Không. Một con tinh tinh đã làm cho tôi quên mất quả chuối.”

“Một con gì cơ?” “Chuyện dài lắm.” “Có thuốc đánh răng không?” “Không.” “Cá ăn ngon tuyệt. Có điều thuốc lá nào không?” “Tôi ăn chúng mất rồi.” “Anh ăn chúng ư?” “Tôi vẫn còn những cái đầu lọc. Nếu anh thích thì tôi cho.” “Đầu lọc? Đầu lọc thì còn làm gì được nữa? Nhưng làm sao anh lại ăn được thuốc lá?” “Thì còn biết làm gì với chúng? Tôi có hút thuốc đâu.” “Đáng nhẽ anh nên giữ chúng để đổi chác.”

”Đổi chác ư? Với ai mới được chứ?” “Với tôi.” “Người anh em, lúc tôi ăn chúng, tôi chỉ có một mình trên một chiếc xuồng ở giữa Thái Bình Dương.” “Vậy à?” “Cho nên, cơ hội gặp được ai đó giữa Thái Bình Dương để có thể đổi chác thuốc lá với họ không phải là một khả năng thực tế.” “Anh phải hoạch định xa mới được, anh bạn ngọc ngà a. Bây giờ thì anh chẳng có gì để đổi chác cả”.

“Nhưng nếu tôi có cái gì để đổi chác được với anh thì anh có gì nào? Anh có cái gì tôi có thể đổi được không?” “Tôi có một chiếc ủng.” hấn nói.

“Một chiếc ủng?” “Phải một chiếc ủng rất đẹp.” “Tôi sẽ làm gì với một chiếc ủng da giữa Thái Bình Dương? Anh tưởng tôi sẽ đi lang thang với nó trong những lúc rảnh rỗi chác?” “Anh có thể ăn nó!” “Ăn một chiếc ủng! Quả là một ý tưởng.” “Anh ăn được cả thuốc lá, sao lại không ăn được một chiếc ủng?”

“Cái ý tưởng của anh thật kinh quá. Nhưng mà chiếc ủng ấy của ai?” “Làm sao tôi biết được?” “Anh đang

xui tôi ăn một chiếc ủng của một người lạ hoặc ư?” “Thế thì đã sao? Có gì khác đâu nào!” “Tôi thấy kinh lắm. Một chiếc ủng. Ngoài chuyện đó tôi là một người Hindu và người Hindu chúng tôi coi bò là thiêng liêng, ăn một cái ủng da làm tôi nghĩ đến phải ăn tất cả những hôi hám bắn thiu tiết ra từ cái bàn chân đã đi nó, và cả những cứt đái mà nó đã giẫm phải.” “Vậy là anh không thích đôi lầy ủng.” “Cho tôi xem nó cái đã.” “Không được.” “Cái gì? Anh tưởng tôi sẽ đòi chác với anh không cần xem hàng trước ư?” “Cả hai ta đều mù cả, tôi phải nhắc anh thế.” “Thì cứ tả cái ủng cho tôi nghe vậy! Anh bán hàng kiểu gì vậy? Anh đòi khách là phải.” “Đúng thế. Tôi đòi khách thật.” “Thế nào, cái ủng ra sao?” “Một cái ủng da.” “Kiểu gì chứ?” “Kiểu bình thường thôi.” “Nghĩa là sao?” “Một cái ủng có dây buộc, có lỗ khâu dây và một cái lưỡi gà. Bên trong có lót. Kiểu bình thường.” “Màu gì?” “Đen.” “Tình trạng ra sao?” “Mòn rồi. Da mềm và mịn, sờ rất thích tay.” “Có mùi mẽ gì không?” “Mùi da thơm thơm âm âm.” “Tôi phải thú thật – phải thú thật với anh – nghe thật hấp dẫn đấy!” “Anh hãy quên nó đi.” “Sao thế?” Im lặng.

“Người anh em, hãy trả lời tôi đi chứ.” “Không còn ủng đâu.” “Không có ủng ư?” “Đúng thế.” “Tôi buồn quá.” “Tôi đã ăn nó rồi.” “Anh đã ăn nó?” “Vâng.” “Ngon không?” “Không. Anh ăn thuốc lá có ngon không?” “Không. Tôi không thể ăn hết được.” “Tôi cũng không thể ăn hết chiếc ủng đó.” “Ngày xưa ngày xưa có một quả chuối và nó cứ mọc to ra. Nó mọc to ra và thành một quả chuối chắc nịch, thật to, vàng ươm và thơm phức. Rồi nó rụng xuống đất và có người đến nhặt nó lên ăn, sau đó người đó cảm thấy dễ chịu hơn.” “Tôi xin lỗi. Tôi xin lỗi về tất cả những gì tôi đã nói và làm. Tôi là một người vô tích sự,” hắt lại khóc oà lên.

“Anh nói gì vậy? Anh là một người tuyệt vời và quý báu nhất trên trái đất này. Người anh em của tôi, hãy lại đây, chúng ta hãy ở bên nhau và tận hưởng điều đó.” “Đúng như thế!” Thái Bình Dương không phải là nơi dễ chèo thuyền, nhất là khi ta mệt mỏi và mù loà, khi chiếc xuồng của ta vừa to vừa khó điều khiển, và khi gió không chịu theo ý ta một chút nào. Hấn ở ngay gần; hấn lại ở thật xa. Hấn ở phía bên trái tôi; lại ở phía bên phải tôi. Hấn ở trước; hấn ở sau. Nhưng cuối cùng chúng tôi cũng làm được. Xuồng chúng tôi chạm vào nhau với một tiếng động nghe còn ngọt ngào hơn cả khi có con rùa động vào với xuồng tôi. Tôi dang tay ôm lấy hấn và hấn cũng ôm chầm lấy tôi. Mắt tôi rung lệ mà tôi mỉm cười. Hấn ở ngay trước mặt tôi đây, một hiện diện sáng ngời lên qua màn mù loà của tôi.

“Người anh em ngọt ngào của tôi”, tôi thì thầm.

“Tôi đây,” hấn đáp.

Tôi nghe một tiếng gầm gừ thoảng qua.

“Người anh em, có điều này tôi quên chưa nhắc đến.” Hấn nặng nề nhào lên tôi. Chúng tôi cùng ngã, nửa xuống tám bạt, nửa đè lên chiếc xuồng. Tay hấn vớ lấy cổ họng tôi.

“Người anh em,” tôi hỗn hển trong vòng ôm quá trớn của hấn. “Trái tim tôi ở bên anh, nhưng tôi xin khẩn khoản đề xuất rằng chúng ta phải lập tức chuyển sang một địa điểm khác trên con tàu khiêm tốn này của tôi.” “Anh nói thật đúng trái tim anh đang ở bên tôi!” Hấn lên tiếng. “Và cả gan ruột, thịt anh nữa!” Tôi có thể cảm thấy hấn đang rời khỏi tám bạt và trèo sang cái ghế giữa, rồi, số phận xui khiến, hấn đặt một chân xuống sàn xuồng.

“Không! Đừng làm thế! Người anh em! Đừng vào đó! Chúng ta không phải...” Tôi cố kéo hấn lại. Nhưng than ôi, không kịp nữa rồi. Trước khi tôi kịp nói hết câu rằng “chúng ta không phải chỉ có một mình”, thì tôi nghe tiếng móng sắc gõ xuống sàn xuồng cách một cái, chỉ như một cặp kính mắt rơi xuống, rồi ngay sau đó người anh em thân mến của tôi kêu thét lên vào mặt tôi như chưa từng có ai kêu thét lên như vậy. Hấn buông tôi ra.

Đó là cái giá khủng khiếp mà Richard Parker đòi phải trả. Nó cho tôi cuộc sống, chính cuộc sống của tôi, nhưng phải tiêu diệt một cuộc sống khác. Nó xé xác và nhai nát xương của người kia. Mùi máu xộc đầy mũi tôi. Một cái gì đó trong tôi đã chết vào giây phút đó và không bao giờ sống lại được nữa.

Chú thích: (1) Nguyên văn tác giả chơi chữ figment (sự huyền hoặc) và fig (quả chà là), chúng tôi dịch như trên để giữ được kiểu chơi chữ ấy, vốn rất có ý nghĩa trong đoạn mô tả tâm trạng tự huyền hoặc này của Pi (ND) (2) Nguyên văn là sambar, chúng tôi đoán là sambar podi, một loại gia vị truyền thống Ấn Độ, dùng để cho vào món cari.

Tôi trèo qua chiếc xuồng của người anh em tôi. Tôi lần mò thám thính nó. Hắn đã nói dối. Hắn có một ít thịt rùa, một cái đầu cá dorado, và thậm chí một ít vụn bánh quy – thật là đáng mặt một bữa tiệc. Hắn còn có cả nước uống. Tôi ăn sạch, uống sạch. Tôi quay về xuồng mình và thả chiếc xuồng của hắn đi.

Khóc đã làm tôi đỡ hơn. Vùng thị lực mắt trái của tôi nứt ra một khe cửa sổ. Tôi rửa mắt bằng nước biển. Mỗi lần rửa cái khe cửa sổ ấy lại mở thêm ra một ít. Hai ngày sau thì tôi lại nhìn thấy.

Cảnh tượng nhìn thấy làm cho tôi gần như muốn thà cứ bị mù như trước còn hơn. Xác hắn nằm trên sàn xuồng, nát bét, chân tay cụt hết cả. Richard Parker đã ngấu nghiến gần hết, kể cả phần mặt, khiến cho tôi không bao giờ biết được người anh em ấy là ai và ra sao. Phần ngực bị xé toang, những dẻ sườn gãy giương lên như bộ khung một con tàu, trông như một phiên bản thu nhỏ của chiếc xuồng, kể cả tình trạng đầm máu và khủng khiếp của nó.

Tôi sẽ phải thú nhận rằng tôi đã lấy lao móc khều một cánh tay của hắn và dùng thịt ấy làm mồi câu. Tôi cũng phải thú nhận thêm rằng, do hoàn cảnh cực đoan của tôi bắt buộc, tôi đã ăn một ít thịt của hắn. Nghĩa là từng miếng nhỏ một, những rẻo thịt nhỏ mà cái lao móc của tôi róc ra được, khi phơi khô dưới nắng trông cũng như thịt thú bình thường. Những miếng thịt ấy trôi tuột vào miệng tôi mà không gây một sự chú ý nào. Phải hiểu rằng tôi vẫn tiếp tục phải chịu đựng khổ sở mà hắn thì đã chết rồi. Tôi ngừng ăn thịt hắn ngay sau khi tôi bắt được một con cá.

Tôi cầu nguyện cho linh hồn hắn hằng ngày.

Tôi đã có một phát kiến thực vật học đặc biệt. Nhiều người sẽ không tin đoạn sắp kể này. Nhưng tôi vẫn phải kể, vì nó là một phần của cả câu chuyện và nó đã thực sự xảy ra với tôi.

Tôi đã nằm nghiêng một bên. Lúc đó khoảng một hai giờ trưa gì đó vào một ngày im ắng, nắng và gió nhẹ. Tôi vừa ngủ một giấc ngắn, một giấc ngủ lửng toét chẳng yên mà cũng chẳng có mộng mị gì. Tôi xoay người đổi bên, gắng làm nhẹ nhàng để khỏi mất sức. Tôi mở mắt.

Tôi nhìn thấy cây cối ở gần. Tôi không phản ứng gì, tin chắc đó chỉ là ảo giác và chỉ vài cái chớp mắt nó sẽ tan đi.

Những cái cây vẫn còn đó. Và thực tế là chúng đã mọc lên thành cả một khu rừng. Chúng là một phần của một hòn đảo thấp trên mặt biển. Tôi nhồm dấy, tiếp tục không tin vào mắt mình. Nhưng thật phần khích khi có một ảo giác chất lượng như thế, những cái cây thật đẹp. Không giống bất kì thứ cây nào tôi đã từng thấy. Chúng có một thứ vỏ nhạt màu, những nhánh xoè đều đặn và cành lá thật xum xuê. Lá của chúng xanh biếc đến loá mắt, một màu xanh rực rỡ như ngọc đến nỗi cây cỏ nhiệt đới vào mùa ở bên cạnh chúng cũng chỉ thành màu ô lưu xin mà thôi.

Tôi nhìn xuống. Và vừa thoả mãn vừa bất mãn với những gì tôi thấy. Hòn đảo không có đất. Mà đám cây cũng không mọc trên mặt nước. Chúng mọc trên cái gì đó có vẻ như là một khối tảo mọc dày đặc, cũng xanh biếc như cành lá của chúng. Ai đã từng nghe chuyện đảo không có đất? Với cây cối mọc trên thảo mộc thuần túy? Tôi thấy thoả mãn vì hiện tượng địa lí ấy đã khẳng định tôi đúng, rằng hòn đảo chỉ là một huyền hoặc, một trò đùa của trí khôn. Cũng chính hiện tượng đó làm tôi bất mãn bởi một hòn đảo, bất kì hòn đảo nào, dù lạ đến đâu, đáng nhẽ cũng phải cho người ta bước lên mới phải.

Vì đám cây vẫn sừng sững ở đó, nên tôi vẫn tiếp tục nhìn. Màu xanh của lá cây, toàn những xanh da trời và nước biển, giống như một thứ âm nhạc trong mắt tôi. Xanh lá cây là một màu đáng yêu. Đó là màu của đạo Hồi. Đó là màu tôi ưa thích nhất.

Nước rờn nhẹ nhàng đẩy chiếc xuống vào gần ảo ảnh của tôi hơn. Bờ đảo không thể gọi là bờ được. Không cát, không sỏi, không có sóng vỗ dào dạt, vì những con sóng lan vào đó cứ thể tan biến đi trong cái xôm xộp của hòn đảo. Từ một đỉnh gò trong đảo cách mép nước chừng ba trăm thước, hòn đảo thoải dần xuống biển, và chừng bốn mươi thước dưới mặt nước, nó đột ngột hẫng xuống và biến mất vào những tầng sâu của Thái Bình Dương, chắc chắn là một thềm lục địa nhỏ nhất được con người biết đến.

Tôi đã đang quen dần với ảo giác. Để chúng khỏi biến đi, tôi tránh không làm cái gì căng thẳng. Khi chiếc xuống chạm phải hòn đảo, tôi ngồi im không cử động, chỉ tiếp tục mơ. Chắc tạo nên hòn đảo này có vẻ là một khối rong biển hình ống đan dệt chằng chịt rất chặt với nhau. Những cây rong chỉ to không quá hai ngón tay. Thật là kì diệu.

Mấy phút trôi qua, tôi bò lên mép xuống. Cuốn cẩm nang đã viết: “Hãy tìm kiếm cây xanh”. Phải rồi, cây xanh đây chứ đâu. Quả thực, đó là một thiên đàng xanh biếc. Một thứ xanh lá cây chói lọi hơn cả các loại phẩm nhuộm thức ăn và đèn neon. Một thứ xanh lá cây khiến người ta phát say lên được. Cẩm nang cũng viết: “Chỉ có đặt chân lên được rồi mới chắc rằng ta đã lên đất liền.” Phải làm theo mới được. Hòn đảo gần có thể đặt chân lên được rồi. Muốn biết chắc - để rồi thất vọng - hay không cần biết chắc, đó là vấn đề.

Tôi quyết định cần phải biết chắc. Tôi nhìn quanh xem có cá mập không. Không có. Tôi quay người nằm sấp, rồi bám chắc lấy tấm bạt, rồi từ từ thò một chân xuống. Bàn chân tôi thò xuống nước biển. Mát lạnh. Hòn đảo nằm sâu hơn chút nữa, sáng long lanh dưới nước. Tôi duỗi người. Tôi chờ đợi cái bong bóng ảo giác của mình sẽ vỡ tan bất kì lúc nào.

Nó không vỡ. Bàn chân tôi ngập xuống nước trong vắt và bị cản lại bởi cái gì đó vừa mềm dẻo vừa chắc chắn. Tôi dè người xuống tí nữa. Ảo giác vẫn không biến đi. Tôi đứng hẳn lên một cái chân đó. Mà vẫn không chìm. Mà tôi vẫn không tin.

Cuối cùng, tôi biết chắc mình đã ở trên đảo lại nhờ vào thánh giác. Nó xộc vào mũi tôi, tràn đầy và tươi mát, choáng ngợp: mùi cây cỏ. Tôi há hốc mồm. Sau hàng tháng trời chỉ ngửi mùi của những thứ đã bị nước biển tẩy đến thối thác, cái mùi cây cỏ hữu cơ nồng nàn làm tôi say ngất. Đó là lúc tôi tin mình đang đứng trên đảo, và thứ duy nhất bị chìm ngấm là trí khôn của chính tôi; tôi không còn nghĩ ngợi mạch lạc được nữa. Chân tôi bắt đầu run lên.

“Lạy chúa! Lạy chúa!” Tôi rên rỉ.

Tôi ngã ra khỏi xuống.

Cú choáng kết hợp bởi đất rắn chắc dưới chân và nước biển mát lạnh đã cho tôi đủ sức đứng lên và bước vào trong hòn đảo. tôi lú lo những lời cảm tạ Thượng đế không đầu không đuôi và ngã vật xuống. Nhưng tôi không thể nằm im. Lòng tôi quá hưng phấn. Tôi muốn đứng dậy. máu như chạy ào ra khỏi đầu tôi. Mặt đất lắc mạnh. Tôi quáng mắt đến chóng mặt. Tôi tưởng mình sắp ngất. Tôi trấn tĩnh lại. Chỉ còn đủ sức thở dốc. Thế mà tôi vẫn ngồi dậy được.

“Richard Parker! Đất liền! đất liền! đất liền! chúng ta sống rồi!” Tôi hét to.

Mùi cây cỏ nồng nặc khác thường. còn màu xanh, nó tươi mát và mượt mà đến mức mà sức khoẻ và cảm giác thư giãn như đang thực sự tràn vào cơ thể tôi qua hai con mắt.

Thứ rong biển tròn lạ lùng và đan nhau chằng chịt này là loại gì vậy? Nó có ăn được không? Nó có vẻ là một loại tảo biển, nhưng rất chắc, cứng hơn nhiều loại tảo thông thường. cảm giác về nó khi ở trên tay vừa ướt vừa có vẻ giòn giòn. Tôi kéo thử. Những sợi rong đó đứt ra không mấy khó khăn. Nhìn đoạn rong đứt rời, thấy nó cấu tạo bằng hai lớp vỏ tròn đồng tâm: lớp ngoài ướt và hơi nham nhám, xanh rục, còn lớp trong lơ lửng ở quãng giữa lớp ngoài và lõi. Cái ống trong màu trắng. cái ống ngoài có màu xanh lá cây giảm dần từ ngoài vào trong. Tôi đưa một sợi lên mũi. Ngoài hương vị thảo mộc, nó còn có một mùi trung tính. Tôi liếm. Tim tôi rộn lên. Sợi tảo sũng toàn nước ngọt.

Tôi ngọam lấy nó. Răng miệng tôi phát choáng. Cái lõi mặn chát, nhưng lớp ống bên ngoài thì không những ăn được, mà còn ngon tuyệt trần. lưỡi tôi bắt đầu rung lên như thể nó là một ngón tay đang giở từng trang cuốn từ điển để tìm một từ đã bị quên lãng từ lâu. Nó đây rồi. Tôi nhắm nghiền mắt và khoái trá nghe thấy từ đó: ngọt ngào. Không phải theo nghĩa ngon lành mà thôi, mà còn theo nghĩa có chất đường thực sự. Rùa với cá là nhiều thứ, nhưng chúng không bao giờ có đường. Sợi tảo có một vị nhẹ nhẹ còn khoan khoái hơn cả vị siro làm từ nhựa cây thích ở Canada. Cái gần nhất tôi có thể so sánh với nó là vị ngọt của hạt dẻ nước.

Nước ngọt ứa ra ào ạt qua lần khô quánh trong miệng tôi. Khoan khoái quơ tay âm ỉ, tôi dứt những bó tảo xung quanh mình. Lần lõi và lần vỏ của chúng tách ra được dễ dàng. Tôi bắt đầu tọng những đoạn vỏ ngoài vào mồm. Tôi tọng bằng cả hai tay, nhồi nhét và bắt cái miệng làm việc khoẻ và nhanh hơn rất nhiều so với suốt một thời gian dài. Tôi dứt tảo ăn cho đến lúc xung quanh tôi chỉ còn là một cái hào nước.

Một cái cây đứng đơn độc cách tôi chừng sáu mươi thước. nó là cái cây duy nhất mọc bên dưới rặng đồi trông có vẻ còn rất xa. Tôi nói là rặng đồi hoặc gò. Chứ đó có thể gây nhiều hiểu nhầm về độ dốc của đảo. Tôi đã nói rằng đây là hòn đảo thấp trên biển. Nó dốc thoải từ biển lên, cho đến chỗ cao nhất khoảng mười lăm hai mươi thước gì đó. Nhưng trong tình trạng của tôi lúc bấy giờ, độ cao sừng sững như một quả núi. Cái cây kia như có vẻ mời chào tôi, tôi để ý đến khoảng bóng râm của nó. Tôi lại cố đứng dậy. Tôi loay hoay vào được một tư thế ngồi xồm, nhưng khi định đứng lên, đầu tôi quay cuồng và tôi không thể giữ được thăng bằng. Ngay cả nếu không ngã, thì hai chân tôi cũng chẳng còn tí sức lực nào. Nhưng tôi quyết chí phải tiến tới. Tôi bò, lê lét, lồm ngồm về phía cái cây.

Tôi biết mình sẽ không bao giờ biết được một niềm vui nào lớn lao hơn lúc tôi đã bò vào được chỗ bóng mát râm của cái cây và nghe thấy âm thanh khô giòn của gió trong đám lá xào xạc trên đầu. Cái cây không to và cao như những cái cây khác sâu hơn trong đảo, và có thể do phải chịu nhiều mưa gió hơn vì mọc ở phía bên này của rặng đồi, nó hơi tả tơi một chút và cành lá không được tròn trịa đầy đặn như chúng bạn. Nhưng nó là một cái cây và một cái cây là cái gì đó đầy ân điển để cho ta nhìn ngắm sau một thời gian dài lạc lõng cô đơn trên biển cả. tôi hát lời ngợi ca sự vinh hiển của cái cây, ngợi ca sự chắc chắn của nó, sự tinh khiết không vôi vàng và vẻ đẹp từ tốn của nó. Chao ôi, giá mà tôi được như nó, bắt rễ xuống đất nhưng tất cả tay tôi lại dâng lên để ngợi ca Thượng đế! Tôi khóc.

Trong lúc lòng tôi vui mừng ngợi ca đức Allah, tâm trí tôi bắt đầu thu thập thông tin về những việc làm của Người. Cái cây đứng là mọc lên trực tiếp từ đám tảo, như tôi đã nhìn thấy thể từ lúc còn trên xuồng. Không có một dấu vết gì của đất. Hoặc giả có đất ở rất sâu bên dưới, nếu không thì loài cây này là một ví dụ kí sinh khác thường. Thân nó to ngang với thân người. vỏ có màu xanh lá cây xám, mỏng và mượt, mềm đến mức có thể lấy móng tay vạch vào nó dễ dàng. Những cái lá hình tim to và rộng bản, có một đầu nhọn. Ngọn cây có dạng tròn đều đáng yêu của một cây xoài, nhưng nó không phải xoài. Tôi nghĩ nó có mùi giống như sen, nhưng không phải sen. Cũng không phải chà. Không phải bất kì một cây gì mà tôi đã thấy từ trước. Chỉ biết nó thật đẹp, thật xanh, thật xum xuê.

Nghe tiếng gầm gừ, tôi quay lại. Richard Parker đang quan sát tôi từ trên xuồng. Nó cũng đang nhìn hòn đảo. có vẻ như nó muốn lên bờ nhưng còn sợ. cuối cùng, sau nhiều gầm gừ và đi đi lại lại, nó nhảy khỏi xuồng. Tôi đưa cái còi lên miệng nhưng nó không hề có ý định tấn công. Chỉ giữ thăng bằng thôi cũng đã

khó rồi; nó loạng choạng chẳng khác gì tôi. Nó bò sát người xuống đất, tứ chi run rẩy, như một con hổ mới đẻ. Tránh tôi một quãng xa, nó đi lên gò và biến mất vào phía kia của hòn đảo.

Suốt cả ngày hôm đó tôi chỉ ăn, nghỉ, cố đứng dậy, và nói chung là tắm mình trong vui sướng. Tôi thấy buồn nôn mỗi khi cố sức nhiều quá. Và tôi vẫn cảm thấy mặt đất đang chuyển dịch dưới chân và như sắp ngã, ngay khi đứng im tại chỗ.

Đến cuối buổi chiều, tôi bắt đầu lo đến Richard Parker. Hoàn cảnh đã thay đổi, lãnh thổ đã thay đổi, không biết nó sẽ xử với tôi ra sao khi gặp lại.

Miễn cưỡng, và hoàn toàn là vì an toàn, tôi bò trở lại xuống. Cho dù Richard Parker có chiếm lĩnh cả hòn đảo, thì phần mũi và mũi xuống vẫn là lãnh thổ của tôi. Tôi tìm cái gì có thể dùng để neo xuống lại. Rõ ràng chỉ có đám tảo dày ở đảo, không có gì khác. Cuối cùng, tôi giải quyết việc neo xuống bằng cách cắm sâu cán một cái treo vào đám tảo rồi buộc dây xuống vào cái chèo.

Tôi bò lên mũi bạt. Kiệt sức. Cơ thể tôi rã rời vì phải tiếp nhận quá nhiều đồ ăn và vì căng thẳng thần kinh do đột ngột thay đổi hoàn cảnh. Đến cuối ngày, tôi lơ mơ nghe thấy tiếng Richard Parker gầm lên xa xa, rồi ngủ thiếp đi.

Tôi thức dậy trong đêm với một cảm giác khó chịu là lạ ở bụng dưới. Tôi nghĩ đó là chuột rút, hoặc giả đã bị ngộ độc tảo. Tôi nghe tiếng động và nhìn ra. Richard Parker đã ở trên xuống. Nó đã về trong lúc tôi đang ngủ. Nó đang meo meo và liềm láp các bàn chân. Tôi không hiểu sao nó lại quay về, nhưng cũng không nghĩ thêm về chuyện đó, cơn co thắt bụng bắt đầu khó chịu hẳn lên. Tôi đau quặn, gập người, run lẩy bẩy, rồi một quá trình tự nhiên nhưng đã bị quên lãng từ lâu, đột ngột và tự động diễn ra: Tôi phóng uế. Rất đau đớn. nhưng sau đó tôi chìm vào một giấc ngủ sâu và sáng khoái chưa từng có kể từ cái đêm trước khi tàu đắm.

Khi tỉnh dậy buổi sáng hôm sau, tôi thấy khoẻ hơn nhiều. Tôi hăng hái bò đến cái cây đơn độc. Mắt tôi lại một lần nữa ngấu ngiên nó, còn bụng thì ngấu ngiên các sợi tảo. Tôi chén một bữa điểm tâm no nê đến mức đào hẩn một lỗ tương.

Một lần nữa, Richard Parker chần chừ hàng mấy tiếng đồng hồ trước khi nhảy ra khỏi xuống. Đến lúc nó nhảy ra đã gần hết buổi sáng, thì vừa mới vào đến bờ nó lại nhảy trở lại, gần như ngã hẳn xuống nước và có vẻ rất căng thẳng. Nó thờ phỉ phỉ và giương vuốt cáo lên không. Lạ thật. Tôi không thể hiểu nó đang làm thế vì lí do gì. Rồi tình trạng bồn chồn ấy cũng qua đi, có vẻ tự tin hơn hôm trước, nó lại biến mất qua bên kia rặng đồi.

Hôm ấy, dựa vào cái cây, tôi đã đứng được lên. Tôi chóng mặt. Cách duy nhất làm cho mặt đất dưới chân tôi không chuyển động nữa là nhắm tịt hai mắt và bám chặt vào cái cây. Tôi chống tay đẩy người ra và thử bước đi, nhưng lập tức ngã xuống. Chưa nhắc được chân thì mặt đất đã như nhào vào tôi. Nhưng không sao. Hòn đảo được bao phủ bởi một tầng dày đặc cành rong đan dệt với nhau là một chỗ lí tưởng để tập đi. Ngã kiểu gì cũng không đau.

Ngày tiếp theo, sau một đêm ngủ yên trên xuống – Richard Parker cũng quay về xuống đêm đó – tôi đã có thể bước được. Ngã lên ngã xuống hàng chục lần, tôi vẫn bước tới được chỗ cái cây. Tôi cảm thấy sức lực mình tăng lên hàng giờ. Dùng cái lao móc, tôi khều xuống một cành cây và bứt một ít lá. Chúng mềm và không có sáp, nhưng có vị đắng, Richard Parker vẫn ở tịt trong ổ của nó trên xuống – nó đã quen chỗ và vì thế vẫn trở về xuống hằng đêm.

Tối hôm đó, khi mặt trời đang lặn thì tôi thấy nó quay về. Tôi đã buộc xuống vào cọc chèo, và đang ở mũi xuống, kiểm tra mối nối đó. Nó thỉnh thoảng xuất hiện. Lúc đầu tôi không nhận ra. Con thú hoành tráng đang vọt ra từ rặng đồi và chạy hết tốc lực kia không thể là con hổ tôi tả và ù lì vẫn tháp tùng tôi trong suốt thời gian qua. Nhưng đúng là nó. Đúng là Richard Parker và nó đang lao về phía tôi. Trông nó đầy chủ ý. Cái cổ hùng mạnh của nó vươn lên, đầu cúi xuống. Những bắp thịt và cả bộ da của nó rung lên với mỗi bước chân. Nghe rõ tiếng tấm thân nặng trĩu của nó chạy như gỗ trống trên mặt đất.

Tôi đã đọc thấy có hai nỗi sợ mà ta không thể khắc phục được: Cái sợ đến thót người khi thỉnh thoảng nghe thấy tiếng động lạ, là cái sợ của cảm giác chóng mặt lúc mọi thứ quay cuồng xung quanh. Tôi muốn thêm vào một nỗi sợ thứ ba: Phải đột ngột đối mặt với một kẻ sát nhân quen biết.

Tôi lục lọi cuống cuống tìm cái còi. Khi nó chỉ còn cách xuống khoảng chục thước, tôi lấy hết sức bình sinh thổi vào cái còi. Một âm thanh ré lên xuyên thủng không gian.

Nó đã có tác dụng như ý. Richard Parker khựng lại. Nhưng rõ ràng nó vẫn muốn tiếp tục tiến tới. Tôi thổi lần thứ hai. Nó bắt đầu quay cuồng và nhấp nhôm tại chỗ trong một điệu bộ rất giống một con hươu, gầm gào dữ dội. Tôi thổi hồi còi thứ ba, lông trên người nó dựng đứng cả lên. Móng vuốt nó giương ra hết cỡ.

Nó đang hết sức kích động. Tôi đã sợ rằng bức tường phòng thủ của những tiếng còi sẽ sắp sụp đổ và nó sẽ tấn công tôi.

Nhưng Richard Parker lại làm một việc bất ngờ: nó nhảy ào xuống biển. Tôi kinh ngạc lặng người. Chính điều tôi nghĩ nó không bao giờ làm thì nó lại làm, và làm một cách quả quyết đầy sức mạnh. Nó hăng hái đập chân bơi về phía đuôi xuống. Tôi định thối còi nữa nhưng lại thôi, rồi mở nắp tủ lên ngồi xuống, rút về vị trí thánh địa trong lãnh thổ của mình.

Nó vươn người nhảy lên đuôi xuống, nước từ người nó chảy xuống ào ào, và làm đuôi xuống chìm hẳn xuống. Nó lấy thăng bằng đứng trên mạn xuống và mặt ghé đuôi một lúc, dò xét tôi. Tim tôi xiu đi. Tôi tưởng mình sẽ không đủ sức thối thêm một hồi còi nữa. Tôi ngậy người nhìn nó. Nó tuồn người như nước chảy xuống sàn xuống và biến mất dưới tấm bạt. Tôi có thể nhìn thấy vài chỗ trên thân thể nó qua mép cái nắp tủ. Tôi nhảy ào lên trên nóc bạt, khuất mắt nó – nhưng ở ngay trên nó. Tôi cảm thấy một ước muốn mãnh liệt được mọc cánh và bay đi.

Tôi bình tĩnh lại. Cố tự nhắc mình rằng tôi đã ở cùng một con hổ sống ngay bên dưới mình một thời gian rất dài rồi.

Khi hơi thở chậm lại tôi ngủ thiếp đi. Có lúc trong đêm đó, tôi đã thức dậy và quên cả nỗi sợ hãi, nhìn xuống chỗ nó. Nó đang nằm mơ, run rẩy và gặm gù trong giấc ngủ. Nó đã mơ âm ỉ như vậy và làm tôi thức giấc.

Buổi sáng như thường lệ, nó lại đi lên rặng đồi.

Tôi quyết định ngay khi thấy khoẻ sẽ phải đi thám hiểm hòn đảo. Nó có vẻ khá rộng, nếu chỉ nhìn vào đường bờ biển của nó, trải dài sang hai phía trái phải, chỉ hơi vòng vòng một chút, chứng tỏ đảo có bề rộng khá lớn. Suốt ngày, tôi đi bộ – và ngã lên ngã xuống – từ bờ đến cái cây và ngược lại, với ý định tập cho chân khoẻ lại. Lần nào ngã tôi cũng tranh thủ ăn một bữa tảo no nê.

Khi Richard Parker quay về vào cuối ngày, hơi sớm hơn hôm trước một chút, tôi đã đang có ý chờ nó. Tôi ngồi im và không thối còi. Nó đến mép nước, rồi bằng một cú nhảy rất khoẻ vọt lên thẳng mạn xuống. Nó vào luôn chỗ của mình và không xâm phạm gì đến lãnh thổ của tôi, chỉ làm cho xuống nghiêng hẳn sang một bên. Nó đã khoẻ mạnh trở lại một cách đáng sợ.

Sáng hôm sau, tôi đợi cho Richard Parker đi trước một lúc lâu rồi mới bắt đầu đi thám hiểm đảo. Tôi đi lên rặng đồi, đến đỉnh một cách dễ dàng, từng bước một chắc chắn, mặc dù vẫn còn ngượng nghịu. Nếu hai chân tôi yếu hơn, chắc chúng đã khụy xuống trước quan cảnh mà tôi nhìn thấy khi vừa lên tới đỉnh đồi.

Tôi sẽ nói các chi tiết trước. Tôi thấy toàn bộ hòn đảo được bao phủ dưới các lớp tảo chứ không phải chỉ ở mép đảo. Tôi thấy một bình nguyên rộng lớn xanh rì với một khu rừng lá biếc ở giữa. Tôi thấy khắp xung quanh rừng đó hàng trăm hồ nước nhỏ và những cây cối mọc đều đặn ở giữa chúng. Toàn bộ cảnh trí gây một ấn tượng không thể nhầm lẫn được rằng tất cả đều theo một thiết kế mạch lạc.

Nhưng ấn tượng mạnh mẽ nhất là những con chồn biển. Thoạt nhìn, tôi ước tính một cách khiêm tốn phải có đến hàng trăm nghìn con. Chúng phủ đầy mặt đất. Và khi tôi xuất hiện thì dường như tất cả chúng đều quay lại nhìn tôi, kinh ngạc, như bầy gà trong sân trại, và đứng hết cả lên.

Chúng tôi không có con chồn biển nào trong vườn thú. Nhưng tôi đã đọc hết về chúng. Chúng có trong sách vở và văn chương. Chồn biển là một động vật có vú nhỏ bé ở Nam Phi, có huyết thống với loài chồn mongoose ăn chuột, chim, và cả rắn hổ mang ở Ấn Độ. Nói cách khác, chồn biển là một loài động vật ăn thịt, dài ba mươi phân và nặng độ một kí lô khi trưởng thành, thon thả, với một cái mõm nhọn hoắt, cặp mắt phía trước mặt, chân ngắn, bàn chân có bốn ngón với những cái móng dài không rút vào được, và một cái đuôi dài hai mươi phân. lông có màu nâu nhạt hoặc xám và có những dải đen màu nâu sẫm trên lưng, còn chóp đuôi, tai, và hai cái vòng tròn xung quanh mắt thì đen tuyền. Một con vật linh hoạt và rất tinh mắt, có thói quen sống bầy đàn và hoạt động vào ban ngày, săn mồi trong tầm địa phương của mình và ăn được cả bọ cạp. Khi nó quan sát, con chồn biển có đặc điểm đứng thẳng, kiễng trên đầu ngón của hai chân sau dùng chóp đuôi như một cái chân thứ ba để giữ thăng bằng như một kiểu cái chân máy ảnh. Thường một bầy chồn biển hay đứng chụm với nhau và cùng nhìn về một phía, như một đám người đang cùng chờ xe buýt. Về mặt nghiêm trang và kiêu dũng thông hai chân trước ngực làm chúng trông giống một lũ trẻ đang cố tình làm dáng chụp ảnh, hoặc một nhóm bệnh nhân trong phòng khám đã cởi hết quần áo đang kín đáo cố che đậy bộ phận sinh dục của mình.

Đó là quang cảnh đập ngay lập tức vào mắt tôi khi tôi lên đến đỉnh đồi. Hàng trăm nghìn con chồn biển – hơn nữa, phải hàng triệu – cùng lúc đứng lên quay nhìn tôi như thể cùng đồng thanh, “Vâng, có chuyện gì vậy thưa ngài?”. Cũng phải nói ngay rằng loài chồn biển lúc đứng thẳng lên chỉ cao ba bốn mươi phân,

nên cái làm tôi kinh ngạc không phải là chiều cao mà là số lượng bạt ngàn vô biên của chúng. Tôi đứng sững tại chỗ. Nếu tôi làm cho hàng triệu con chồn biển kia hoảng sợ, cảnh tượng sẽ hỗn loạn không thể tả được. Nhưng chúng chỉ chú ý đến tôi một lát mà thôi. Chỉ sau vài giây, chúng đã quay lại công việc mà chúng đang mải mê trước khi tôi xuất hiện, tức là gặm nhấm những sợi tảo hoặc nhìn chăm chăm xuống mặt nước hồ. Nhìn ngẩn áy sinh linh cùng cúi xuống một lúc như thế khiến tôi nhớ lại cảnh cầu nguyện trong thánh đường Hồi giáo.

Những con vật này có vẻ không biết sợ. Khi tôi từ đỉnh đồi đi xuống, không con nào chạy trốn hoặc tỏ vẻ căng thẳng vì sự có mặt của tôi. Nếu muốn tôi đã có thể vuốt ve và bế một con lên. Nhưng tôi không làm gì chúng. Tôi chỉ cứ thế bước vào giữa đám chồn biển đông đúc nhất trên thế giới, một trong những trải nghiệm lạ lùng và kì diệu nhất trong đời tôi. Có một âm thanh không dứt tràn ngập trong không trung. Đó là tiếng chí choé, chiêm chiếp, rin rít và cấn sủa nhặng xị của chúng.

Đồng như vậy và kích động từng bầy lớn như vậy theo từng lúc làm cho âm thanh của chúng giống như tiếng động của một bầy chim, có những lúc rào rào âm ỉ xung quanh tôi, rồi lại đột ngột im ắng, trong khi lại có một có đám khác ồn ỉ lên ở đằng xa.

Liệu có phải chúng không sợ tôi vì tôi phải sợ chúng không? Câu hỏi đó vụt lên trong óc tôi. Nhưng câu trả lời – rằng chúng vô hại – cũng lập tức rõ ràng. Để đi đến cái hồ mà chúng đứng dày đặc xung quanh, tôi phải lấy chân đẩy nhẹ chúng ra hai bên để lấy lối đi. Chúng không lấy thế làm phiền mà ngoan ngoãn nhường đường cho tôi đi như một đám đông tốt bụng. Tôi nhìn xuống hồ, những bộ lông mềm mại và ẩm ướt cọ liên tục vào hai mắt cá chân của tôi.

Cái hồ nào cũng có hình tròn và gần như cùng một cỡ – xấp xỉ mười hai mét đường kính. Tôi tưởng chúng nông nhưng thấy nước trong và rất sâu, dường như vô đáy là khác. Và cho tới hết tầm mắt, tôi vẫn chỉ thấy các sợi tảo xanh sâu tím dưới khắp xung quanh bờ hồ. Rõ ràng lớp tảo bao phủ là rất dày.

Không thấy có gì có thể làm cho bọn chồn biển chăm chú xuống hồ đến thế, tôi đã định thôi không tìm hiểu nữa thì ở một cái hồ bên cạnh bỗng rộ lên tiếng sủa và kêu choe choé của chúng. Những con chồn biển đang nhảy chơi chơi trong một trạng thái như mê dại. Thành linh, hàng trăm con một lúc, chúng nhảy thẳng xuống hồ. Những con trên bờ chen chúc xô đẩy nhau để được ra mép nước. Một con điên tập thể. Ngay cả những con bé tí cũng chen ra mặt hồ, mặc kệ bố mẹ chúng cản lại. Tôi nhìn mà không thể tin vào mắt mình. Đây không phải loài chồn bình thường của sa mạc Kalahari. Chồn Kalahari không hành xử kiểu éch nhái như thế này. Loài chồn biển này chắc chắn là một chi nhánh đặc biệt có lối sống khác hẳn.

Tôi bước ra gần hồ, chân đi chập chững, vừa đúng lúc những con chồn biển đang bơi – đúng là đang bơi thật – và mang vào bờ hàng chục con cá, mà không phải là cá nhỏ. Một số là dorado hằn ngoi. Chúng to hơn hẳn khiến bọn chồn biển như một lũ tí hon. Không biết bọn chúng làm sao có thể bắt được những con cá lớn như thế.

Khi những con chồn biển kéo hẳn những con cá lên bờ, tôi nhận ra một điều lạ: con cá nào cũng đều đã chết, không con nào còn sống. Và vừa mới chết. Những con chồn đang bắt những con cá chết mà không phải chúng giết.

Tôi quỳ xuống ven hồ, đẩy nhiều con chồn biển đang nháo nhào và ướm nhoét sang hai bên, tôi nhúng tay xuống hồ, nước mát lạnh hơn tôi tưởng. Có một dòng chảy đưa nước lạnh từ dưới sâu lên mặt hồ. Tôi chum tay múc nước và đưa lên miệng, tôi nhấp một ít.

Đó là nước ngọt. Thảo nào mà cá chết – vì lẽ tất nhiên là cá nước mặn sẽ chết khi rơi vào vùng nước ngọt. Nhưng bọn cá biển kia làm gì mà rơi vào những hồ nước ngọt này? Và bằng đường nào?

Tôi sang một cái hồ khác, chen chân qua đám chồn biển. Cũng là nước ngọt. Một cái hồ khác nữa. Cũng thế. Và cũng vậy ở một hồ nữa.

Tất cả chúng đều là hồ nước ngọt. Ngẩn áy nước ngọt ở đâu ra? Rõ rồi: chỉ ở loài tảo này mà ra thôi. Chúng đã tự nhiên và liên tục khử muối trong nước biển, vì thế mà lõi chúng mặn và vỏ ngoài ứ đầy nước ngọt. Tôi không hỏi sao cây tảo làm thế, làm thế nào và muối kia biến đi đâu. Đầu óc tôi không thắc mắc những chuyện như vậy nữa. Tôi chỉ cười toáng lên và nhảy tùm xuống hồ. Nổi lên mặt hồ không dễ. Tôi vẫn còn rất yếu, và có quá ít mỡ trên người. Sau một thời gian dài như vậy ngoài biển khơi, da tôi đã như một tấm da bò và tóc tôi dài thượt, rối bù và bóng nhẫy như một túm giẻ đập ruồi. Linh hồn tôi cũng như thể đã bị muối ăn mòn. Cho nên, trước mặt hàng nghìn con chồn biển, tôi ngậm mình thật lâu, để cho nước ngọt làm tan đi mọi tinh thể muối đã đọng lại trên người.

Bọn chồn biển quay lại nhìn ra chỗ khác. Chúng làm động tác đó đều tăm tắp như thể chỉ có một con, tất cả chúng đều quay về một hướng trong cùng một thời điểm, rất chính xác. Tôi lên bờ xem có chuyện gì. Đó là Richard Parker. Nó khẳng định điều tôi đã nghĩ, rằng những con chồn biển này đã qua nhiều thế hệ

không bị săn bắt ăn thịt nên chúng đã mất hết cả bản năng chạy trốn và không biết sợ hãi là gì. Richard Parker đi qua giữa trùng điệp chồn biển, đi đến đâu giết đến đâu, không thương tiếc mảy may, máu rùng rùng trên miệng, còn chúng, kẻ môi áp má với con hổ ấy, thì cứ nhảy chồm chồm lên tại chỗ như thể đang kêu, “Đến lượt tôi! Nào! Đến lượt tôi!”. Tôi sẽ còn thấy cảnh tượng ấy nhiều lần nữa. Không có gì có thể làm cho bọn chồn xao nhãng khỏi cuộc sống nhỏ bé của chúng với công việc rình ngó ven hồ và gặm nhấm tảo. Richard Parker cô rướn người ngạo nghễ trước khi nào xuống chúng với một tiếng gầm như sấm dậy hay nằm ngủ phục một cách bất cần ngay cạnh chúng, thì cũng thế mà thôi. Chúng chẳng bận tâm.

Richard Parker giết nhiều hơn cần thiết. Nó giết những con chồn biển mà nó không ăn. Trong thế giới động vật, nhu cầu giết nhiều hơn nhu cầu ăn. Sau bao nhiêu lâu không bắt mồi rồi đột nhiên có ngần ấy con mồi để bắt – bản năng săn mồi bị kiểm chế của nó đã trỗi dậy mãnh liệt để trả thù.

Nó còn ở xa tôi. Không có gì nguy hiểm, ít nhất là vào lúc này.

Sáng hôm sau, lúc nó đã đi, tôi dọn dẹp cái xuồng. Không thể để thế được nữa. Tôi sẽ không mô tả cảnh tượng hàng đồng xương người và súc vật chất lẫn lộn hàng đồng với xác cá và rùa trông ra sao. Tôi hát toàn bộ những đồng thối tha và bản thu ấy xuống biển. Tôi không dám đặt chân xuống sàn xuồng vì sợ sẽ để lại dấu vết và Richard Parker sẽ phát hiện ra tôi là thủ phạm của sự thay đổi đó. Tôi dùng lao móc khều rác, đứng trên mũi bạt, hoặc đứng dưới nước ở hai bên mạn xuồng. Không thể dùng móc để khều mùi và các vết bẩn, tôi rửa xuồng bằng cách dội từng xô nước vào nó.

Đêm đó, nó chui vào hang ổ mới sạch sẽ của nó không một lời bình luận. Mồm nó ngoạm cả một đám chồn biển, và nó nhai nuốt cả đêm.

Cả ngày hôm sau tôi chỉ ăn, uống, tắm, nhìn bọn chồn biển, đi bộ, chạy, nghỉ ngơi, và cảm thấy khoẻ hơn. Tôi chạy đã êm và không phải cố gắng, thật là sung sướng. Da dẻ tôi lành lại. Cơ thể không còn đau nhức. Nói một cách giản dị, tôi đã hồi sinh.

Tôi thám hiểm hòn đảo. Tôi cố đi vòng quanh nó. Tôi ước lượng có khoảng bốn năm cây số đường kính, tức là chu vi đảo dài chừng mười lăm cây số. Những gì tôi thấy có vẻ chỉ ra rằng đường bờ biển của đảo chỗ nào cũng giống nhau. Cùng một màu xanh biếc, cùng hướng lên một rặng đồi với một độ thoải như nhau, cùng có những cái cây đơn độc chỗ này chỗ kia để phá vỡ cái đơn điệu của phong cảnh. Khám phá bờ đảo cho tôi thấy một điều khác thường: Các đám tảo, tức chính là bản thân hòn đảo, thay đổi chiều cao và mật độ tùy theo thời tiết. Trong những ngày nóng, tảo đan bện vào nhau chặt hơn, dày hơn, và hòn đảo dâng cao hơn; trời lên rặng đồi sẽ dốc hơn và đỉnh đồi cao hơn. Quá trình đó không diễn ra nhanh chóng. Chỉ có những đợt nóng nóng nhiều ngày mới gây ra hiện tượng ấy. Nhưng nó diễn ra rõ ràng, không thể nhầm được. Tôi nghĩ nó liên quan đến cơ chế bảo tồn nước của loài tảo này. Lúc trời nóng nắng chúng phải co cụm lại để hạn chế bề mặt bị phơi ra dưới ánh mặt trời.

Hiện tượng ngược lại – hòn đảo bị nổi lòng ra – diễn ra nhanh hơn, kịch tính hơn, và có lí do dễ thấy hơn. Những thời gian ấy, đỉnh đồi thấp hẳn xuống, thêm lục địa, là nói vậy, duỗi dài ra phía biển, và tảo ven đảo lỏng ra đến mức tôi thường bị mắc chân vào chúng. Hiện tượng lòng đảo này xảy ra khi thời tiết âm u, và rất nhanh khi biển nổi sóng lớn.

Tôi đã qua một trận bão lớn trên đảo, và sau lần đó, tôi tin rằng có thể yên trí ở lại trên đảo ngay cả khi giông tố điên cuồng nhất. Thật đáng sợ khi ngồi trên một cái cây và nhìn những đợt sóng khổng lồ tràn vào đảo, tưởng chừng như khắp trào lên gập hết ngọn đồi và tàn phá mọi thứ – để rồi tan đi như thể chúng đã tràn vào một vùng cát chảy. Về phương diện này thì hòn đảo là đệ tử của thánh Gandhi: Nó chống trả bằng cách không chống trả. Con sóng nào cũng tan biến đi khi tràn lên đảo, không một va chạm, không hề cả sỏi bọt mọc tằm. Dấu hiệu duy nhất của con sóng tràn qua đảo chỉ là một rung động trên mặt đất và lẫn tẩn mặt nước hồ trong đảo. Mà quả thật những con sóng ấy tràn qua bên dưới đảo, và lại nổi lên ở phía bên kia và tiếp tục cuộn cuộn trên đại dương. Một cảnh tượng lạ lùng nhất: những con sóng từ bờ đảo ào ạt tiến ra khơi. Những trận bão như thế không hề làm phiền tí gì bọn chồn biển. Chúng cứ tiếp tục việc mình như chưa có chuyện gì xảy ra, như thể không có thế giới nào quanh chúng.

Khó hiểu hơn nữa là sự biệt lập hoàn toàn của hòn đảo. Chưa bao giờ tôi thấy một môi sinh cô đơn như thế. Không khí trên đảo không có ruồi, không bướm bướm, không ong, không có bất kì một thứ côn trùng nào. Cây không có chim, đất không có chuột, sâu bọ, rắn rết, bọ cạp; và cũng không mọc lên một thứ cây nào khác, không bụi bậm, không cỏ, không hoa. Hồ nước không có cá nước ngọt, bờ biển không rong rêu, cua cáy, không san hô, không sỏi cuội, không đá. Với một ngoại lệ duy nhất có thể thấy được là bọn chồn biển, đảo không có một ngoại vật nào khác, hữu cơ hay vô cơ cũng vậy. Nó chỉ mệnh mang một loài tảo xanh biếc và một loài cây xanh biếc.

Những cái cây đó không phải kí sinh. Tôi phát hiện ra điều đó vào một ngày ăn quá nhiều tảo dưới một gốc cây và nhìn thấy bộ rễ của nó ở dưới nước. Rễ cây không mọc ra một cách độc lập từ đám tảo, mà có vẻ chính là đám tảo đó. Có nghĩa là những cái cây này sống cộng sinh với tảo, cùng nhường nhịn nhau để tồn tại, hoặc là, đơn giản hơn, chúng là một phần không thể tách rời của loài tảo. Tôi đoán có lẽ thế thì đúng hơn, vì cây không thấy ra hoa kết quả gì. Không có một sinh vật độc lập nào, cho dù cộng sinh gần gũi đến mấy với một sinh vật khác, lại nhường nhịn cả quyền sinh sản của riêng mình. Những cái lá thêm ánh sáng trời, như biểu lộ qua sự xum xuê và bản rất rộng của chúng, cũng giống như diệp lục xanh biếc, khiến tôi nghĩ rằng chúng có chức năng thu hút năng lượng cho loài tảo này. Nhưng đó chỉ là suy đoán mà thôi.

Tôi còn muốn nhắc đến một nhận xét nữa của tôi. Nó dựa vào linh tính hơn là có bằng chứng cụ thể. Là thế này: đảo ấy không phải là một hòn đảo theo nghĩa thông thường – tức là một khối đất dâng lên từ đáy đại dương – mà là một cơ thể sống trôi nổi trên mặt nước, một quả bóng nện bằng tảo với kích thước khổng lồ. Và tôi cũng đồ rằng những cái hồ kia có đáy mở liền với đại dương. Điều đó giải thích được tại sao những con dorado và những con cá biển khác đã có thể có mặt trong hồ.

Loài tảo đó xứng đáng được nghiên cứu nhiều, nhưng chẳng may búi tảo tôi đem theo mình về sau lại bị thất lạc.

Tôi đã hồi sinh, và Richard Parker cũng vậy. Nó nê thịt chôn biển, nó lại tăng cân, lông bắt đầu bóng mượt, và trông lại khoẻ mạnh như xưa. Nó vẫn giữ nếp quay về xuống mỗi khi trời tối. Tôi luôn cẩn thận về trước, đánh dấu lãnh thổ của mình bằng nước giải để nó đừng quên ai là ai và cái gì là của ai. Nhưng cứ sáng mờ đất là nó đã rời xuống và lang thang xa hơn tôi trên đảo. Hòn đảo có vẻ chỗ nào cũng giống nhau, nên tôi thường chỉ ở một chỗ. Tôi rất ít thấy nó ban ngày. Và ngày càng lo. Nó cào cào thân cây, để lại những vết móng sâu hoắm. Tôi bắt đầu nghe tiếng gầm khàn khàn của nó, tiếng gầm trầm và giàu âm điệu như thể vàng rờn và mật ong, đồng thời buốt lạnh sống lưng như nỗi sợ sâu thẳm của tôi hoặc tiếng vỗ cánh của hàng ngàn con ong đang cuồng nộ. Việc nó động đực không làm tôi lo lắng bằng việc nó có thể cảm thấy tự tin và thoải mái trên đảo đến mức muốn đẻ con và hơn thế nữa, trong tâm lí ấy nó có thể không chịu nổi sự có mặt của một con đực khác trong lãnh thổ của mình, nhất là vào ban đêm, đặc biệt khi những tiếng gọi lứa đôi của nó không có ai trả lời.

Một hôm, tôi đang làm một cuộc tản bộ trong rừng. Tôi bước hăng hái, suy nghĩ miên man, tôi đi qua một cái cây – và gần như đâm sầm vào Richard Parker. Cả hai chúng tôi đều giật mình. Nó phì ra một hơi và chồm lên hai chân sau, ngất ngưỡng ngay trên đầu tôi, những bàn chân trước to tướng của nó sẵn sàng và xuống tôi. Tôi đứng chôn chân tại chỗ, choáng sợ đến tê liệt. Nó đứng xuống, bốn chân trên đất, rồi chạy đi. Chỉ được ba bốn bước nó đã quay phắt lại và chồm lên lần nữa, gầm gừ trong cổ họng. Tôi vẫn đứng im như tượng. Nó đi thêm ba bốn bước nữa rồi lặp lại động tác dọa nạt lần thứ ba. Khi đã yên trí tôi không có ý định làm hại nó, Richard Parker bỏ đi hẳn. Ngay lúc thở được và đã hết run, tôi ngậm cái còi và đuổi theo nó. Nó đã đi một quãng khá xa nhưng vẫn trong tầm mắt tôi. Tôi chạy thật khoẻ. Nó quay lại, thấy tôi, phủ phục xuống – rồi chạy vụt đi mất. Tôi hết sức thổi vào cái còi, mong nó vang đi thật xa như tiếng một con hổ lẻ loi.

Đêm đó khi nó nằm ngủ chỉ cách tôi sáu mươi phân ở bên dưới, tôi đã đi đến kết luận rằng mình lại phải bước vào sân khấu xiếc một lần nữa.

Khó khăn lớn nhất trong việc dạy thú là chúng chỉ biết làm theo bản năng hoặc thói quen. Không thể hi vọng chúng hiểu được những liên hệ mới bằng trí khôn, nếu những liên hệ đó không có tính bản năng. Vì vậy, việc nhồi một mối liên hệ nhân tạo vào đầu một con thú rằng nếu chúng làm một việc này, ví dụ như lăn một vòng dưới sàn, thì chúng sẽ được thưởng một cái gì đó chẳng hạn, sẽ chỉ đạt được kết quả bằng cách nhắc đi nhắc lại việc đó cho đến khi đầu óc mụ mị hết mà thôi. Đây là một quá trình chậm chạp phụ thuộc vào may mắn cũng như công sức bỏ ra, và càng như vậy khi con thú đã lớn. Tôi đã thổi còi đến đau cả phổi. Tôi đã đâm ngực đến vêu vào tím bầm nhiều chỗ. Tôi đã hét “Ép! Ép! Ép!” – ngôn ngữ của loài hổ nghĩa là “Làm đi!” – hàng ngàn lần. Tôi đã ném hàng trăm miếng thịt chôn biển cho nó mà lẽ ra tôi phải được ăn. Dạy hổ không phải dễ. Chúng ít linh động hơn so với các con thú khác thường được huấn luyện ở rạp xiếc hoặc vườn thú – sư tử biển hoặc khỉ chẳng hạn. Nhưng tôi không muốn kể công quá nhiều trong những công việc mà tôi đã làm được với Richard Parker. Cái phúc của tôi, cái phúc đã phù hộ cho tôi sống sót, là ở chỗ nó không những là một con thú còn non, mà còn là một con thú dễ uốn nắn, một con thú khiêm tốn. Tôi đang lo lắng điều kiện trên đảo có thể sẽ gây nguy hiểm cho tôi, vì với nhiều thức ăn, nước uống và không gian rộng rãi như vậy, nó sẽ trở nên thư giãn và tự tin, và ảnh hưởng của tôi với nó sẽ kém đi. Nhưng nó vẫn căng thẳng. Tôi đã hiểu nó đến mức có thể cảm thấy điều đó. Ban đêm trên

xuồng, nó lục sục và âm ỉ. Tôi nghĩ môi trường mới lạ trên đảo đã gây nên tâm trạng căng thẳng đó. Với một con thú, bất kì thay đổi nào, dù là tích cực cũng làm nó căng thẳng. Dù lí do gì đi nữa, tâm trạng căng thẳng ấy có nghĩa là nó sẽ tiếp tục sẵn sàng nghe lời, và hơn nữa, nó sẽ có nhu cầu nghe lời.

Tôi dạy nó nhảy qua một cái vòng mà tôi tự làm bằng các cành cây nhỏ. Một thủ tục đơn giản gồm bốn bước. Mỗi cú nhảy được thưởng hẳn một góc của con chồn biển. Khi nó khom người chạy lại, tôi thẳng cánh tay trái giơ cái vòng lên, cao cách mặt đất chừng chín mươi phân. Khi nó đã nhảy qua cái vòng và còn đang chạy tiếp, tôi đổi cái vòng sang tay phải, rồi vẫn quay lưng lại phía nó, tôi ra lệnh cho nó quay lại và nhảy qua vòng nữa. Đến cú nhảy thứ ba thì tôi quỳ xuống đất và giơ cái vòng lên trên đầu mình. Nhìn nó chạy thẳng vào mình lần này thật hãi hùng. Lần nào tôi cũng sợ nó sẽ không nhảy qua cái vòng nữa mà sẽ vô lấy mình. Nhưng không hiểu sao lần nào nó cũng nhảy. Sau đó, tôi đứng dậy và tung cái vòng sao cho nó lăn như cái bánh xe. Richard Parker có nhiệm vụ chạy theo và chui vào cái vòng một lần cuối trước khi cái vòng đổ. Nó không bao giờ làm thật tốt được động tác này. Lúc thì do tôi tung cái vòng không được khéo. Lúc thì nó chạy đâm sầm vào cái vòng. Nhưng chỉ ít nó cũng chạy theo cái vòng, tức là chạy xa khỏi tôi. Lần nào nó cũng kinh ngạc nhìn cái vòng đổ kèn xuống đất. Nó nhìn cái vòng rất chăm chú, như thể đó là một con dã thú chạy cùng với nó và thỉnh linh bị ngã. Nó đứng cạnh hít ngửi cái vòng. Tôi sẽ ném cho nó phần thịt thưởng cuối cùng rồi đi chỗ khác.

Rồi thì tôi rời xuồng. Chẳng có lí do nào phải ngủ đêm chật chội như thế với một con thú ngày càng đòi hỏi nhiều hơn, trong khi tôi có cả một hòn đảo. Tôi quyết định an toàn nhất là ngủ trên cây. Trong đầu tôi không bao giờ nghĩ Richard Parker sẽ luôn ngủ trên xuồng theo đúng luật định. Tôi chẳng đại gì ra khỏi lãnh địa của mình rồi ngủ trên đất, không có gì tự vệ, để rồi có lần nó sẽ tự nhiên hứng lên đi dạo một vòng ban đêm trên đảo.

Thế là một hôm tôi rời xuồng, mang theo cái lưới, một sợi dây và mấy cái chần. Tôi tìm được một cái cây to đẹp ở ven rừng rồi quăng sợi dây qua một cái chạc thấp nhất. Tôi đã khoẻ đến mức đu được lên dây và trèo lên cây. Tôi tìm được hai cái cành chắc chắn nằm ngang và ngay cạnh nhau, tôi buộc cái lưới vào chúng. Tôi hôm đó tôi quay lại cái cây.

Vừa mới gập xong mấy cái chần để làm nệm thì tôi nghe tiếng bọn chồn biển lao xao. Tôi nhìn. Tôi rẽ cành lá để thấy rõ hơn. Tôi nhìn ra tứ phía và trông ra mãi đến tận chân trời. Tôi không thể nhìn lắm được. Bọn chồn biển đang chạy khỏi những cái hồ, không những thế, chúng chạy khỏi vùng bình nguyên và lao vào rừng. Toàn bộ dân số chồn biển đang di chuyển, lưng uốn cong và chân thoăn thoắt. Đang không biết những con vật này sẽ còn tiết lộ điều bí ẩn nào khác thì tôi giật mình nhìn thấy rằng bọn chồn biển từ cái hồ gần tôi nhất đang bu kín xung quanh và rào rào trèo lên cái cây của tôi. Thân cây biến mất dưới làn sóng chồn biển đang hăng hái xông lên. Tôi nghĩ chúng sẽ tấn công, và chợt hiểu tại sao Richard Parker đêm nào cũng quay về xuồng: Ban ngày bọn chồn biển hiền lành và vô hại, nhưng đêm đến, chúng kéo nhau thành một khối khổng lồ và có thể nghiền nát kẻ địch. Tôi vừa sợ vừa tức. Sống được lâu đến thế trên xuồng với một con hổ Bengal hàng hơn hai tạ để rồi chết trên cây bởi một lũ chồn biển chỉ nặng có một cân quả là một tấn bi kịch quá bất công và quá nực cười.

Nhưng chúng không hại gì tôi. Chúng trèo lên tôi, khắp xung quanh, và qua tôi. Chúng bu đầy các cành. Cái cây trĩu xuống. Chúng len vào giường tôi, và đầu đầu cũng là cành ấy. Chúng trèo lên kín tất cả cây rừng cho đến tận cùng tầm mắt của tôi. Khu rừng chuyển thành màu nâu, một mùa thu xuống trong vài phút. Tiếng động tập thể của chúng khi ào ạt chiếm lĩnh khu rừng còn âm ỉ hơn cả một đàn voi chạy.

Trong khi đó thì vùng đất bằng trở thành tro bụi hoàn toàn.

Từ một cái giường tầng chung với một con hổ đến một phòng ngủ chung với bọn chồn biển! Liệu có tin được không nhỉ? Cuộc sống có những đoạn bất ngờ như vậy đấy. Tôi phải chen vai thích cánh với lũ chồn biển mới giành được chỗ nằm. Chúng cứ chúi vào tôi. Không còn một centimet nào bị bỏ trống trên cây. Chúng ổn định chỗ ngủ rồi không chí choé lao xao nữa. Cây cối im lặng dần. Chúng tôi cùng ngủ thiếp đi. Tôi thức dậy lúc rạng ngày dưới một lớp chần lông thú vẫn còn sống. Mấy chú chồn biển con đã phát hiện ra những chỗ ấm áp trên người tôi. Xung quanh cổ tôi là một vòng thật chặt rậm rạp mồ hôi. Chắc chính là con chồn biển mẹ đang ngon lành ngủ sát bên đầu tôi. Và một lúc con nữa đang chúi cả vào bẹn tôi.

Chúng bỏ đi nhanh chóng và chẳng có nghi thức gì, hết như lúc chúng xâm lăng cái cây. Và cây nào cũng thế. Đất bằng lại đầy rẫy chồn biển, và tiếng động ban ngày lại tràn ngập không trung. Cây cối có vẻ trống rỗng hẳn. Và tôi cũng thấy trống rỗng, một chút thôi. Tôi đã thích cảm giác được ngủ bên cạnh chúng rồi. Từ đó, đêm nào tôi cũng ngủ trên cây. Tôi đem những thứ hữu dụng ở xuồng ra và làm cho mình một cái phòng ngủ trên cây. Tôi quen dần với việc bị những con chồn biển cào xước một cách vô tình khi chúng

trèo qua người tôi. Chỉ có một điều đáng phàn nàn, đó là những con ngu phía trên thỉnh thoảng lại ỉa vào tôi.

Một đêm, bọn chồn biển làm tôi thức giấc. Chúng chỉ choé và run cầm cập. Tôi ngồi dậy nhìn theo chúng. Trời không mây và trăng tròn. Đất không còn màu gì. Tất cả lung linh kì lạ trong những đậm nhạt khác nhau của đen, xám và trắng. Cái hồ là thủ phạm. Những hình trắng bạc đang di chuyển trên hồ, nổi lên từ dưới đáy và đập vỡ mặt nước đen ngòm.

Cá. Những con cá chết. Chúng nổi lên từ dưới sâu. Cái hồ – ta nhớ là nó rộng chừng mười hai mét đường kính – bị bao phủ dần bởi xác cá đủ loại cho đến khi mặt hồ không còn màu đen nữa mà óng ánh như bạc. Và cứ nhìn mặt hồ tiếp tục động cựa như thế thì biết rằng cá chết vẫn tiếp tục nổi lên.

Đến lúc xác một con cá mập nổi phềnh lên thì bọn chồn biển như phát rồ, tiếng kêu thất thanh của chúng nghe như tiếng của các loài chim nhiệt đới. Con rồi đại đó lan sang các cây xung quanh. Thật điếc tai. Tôi tưởng sắp được xem cảnh chúng lôi cá chết lên cây.

Nhưng không một con chồn biển nào rời khỏi cây để xuống hồ. Thậm chí không con nào rục rịch định trèo xuống. Chúng chỉ to mồm kêu la như vậy mà thôi.

Cảnh ấy có cái gì rất khó hiểu. Những con cá chết kia có cái gì đó làm cho ta cảm thấy bất ổn.

Tôi nằm xuống và cố ngủ lại trong tiếng ầm ĩ của bọn chồn biển. Vừa sáng ra tôi đã giật mình tỉnh dậy vì tiếng ầm ĩ khi chúng ào ạt kéo nhau đi. Vừa ngáp vừa vươn vai, tôi nhìn ngay xuống hồ, nguyên nhân của mọi chuyện náo loạn hôm qua.

Những con cá đã biến mất. Tôi ngạc nhiên quá. Hay là tôi nhìn nhầm cái hồ khác? Không phải, rõ ràng là cái hồ này. Chắc chắn không phải bọn chồn biển đã dọn sạch chỗ xác cá kia. Nhất là con cá mập. Chúng không thể có sức kéo con cá mập ấy lên bờ, chứ đừng nói gì đến chuyện công nó đi đâu. Hay là Richard Parker. Cũng có thể một phần. Nhưng không thể cả một cái hồ đầy nhóc như vậy trong một đêm!

Một bí ẩn hoàn toàn. Có nhìn mãi xuống hồ và mép nước sâu xanh thẫm thẫm của nó đến bao lâu, tôi cũng không tìm thấy gì có thể giải thích được chuyện đã xảy ra với những con cá kia. Đêm hôm sau, tôi nhìn mãi, nhưng chẳng có con cá nào lọt vào hồ.

Điều bí ẩn ấy ít lâu sau tôi mới giải thích được, từ trong rừng sâu.

Cây cối to hơn ở giữa rừng, và mọc sát nhau hơn. Dưới gốc chúng quang quẻ hoàn toàn, không có một thứ bụi rậm nào, nhưng trên ngọn cây thì các tán lá của chúng dày đặc đến mức che hết cả trời, hoặc nói cách khác, chỉ còn một màn trời xanh lá cây đặc sít. Cây mọc sát vào nhau đến mức cành lá chúng đan lẫn vào nhau, xoắn xuýt vào nhau, không còn ranh giới. Tôi để ý đến các thân cây đều nhẵn nhụi và sạch sẽ, không có một dấu vết bị cào xước nào. Tôi đoán ngay rằng bọn chồn biển kia toàn chạy trên các ngọn cây rậm rạp kia và không phải trèo lên đó từ dưới gốc. Bằng chứng tôi tìm được là những vết chân chồn biển cào nát thân cây khác mọc ở quanh khu vực giữa rừng. Rõ ràng đó là cổng ngõ để bọn chồn biển chèo lên cái thành phố trên ngọn cây với những chen chúc còn hơn cả ở Calcutta.

Cũng chính tại đó tôi tìm thấy được cái cây. Nó không phải là cái cây to nhất rừng, hoặc mọc chính giữa rừng, hoặc có một cái gì đặc biệt khác. Nó chỉ có những cành to khoẻ phân nhiều mọc ngang thành những tán bằng phẳng. Chỉ có vậy. Nó là một chỗ tuyệt vời để nhìn trời hoặc quan sát cuộc sống ban đêm của bọn chồn biển.

Tôi có thể nói chính xác ngày nào tôi đã tìm ra cái cây ấy: một ngày trước khi tôi rời bỏ hòn đảo.

Tôi đã chú ý đến cái cây vì nó có vẻ có quả. Trong lúc tất cả tán rừng đều xanh mướt như nhau, những quả của cái cây này nổi bật lên, màu đen trên nền xanh của lá. Những cành có quả vện vẹo một cách khác thường. Tôi nhìn chăm chú. Cả hòn đảo toàn những cây vô sinh, thế mà lại có một cây có quả. Mà cũng chỉ ra quả ở một chỗ nhỏ hẹp trên cây. Tôi tưởng mình đã gặp một cái cây có vai trò như một con ong chúa của khu rừng, và tự hỏi không biết loài tảo này còn có những điều kì lạ nào khác nữa.

Tôi muốn nếm thử quả. Do vậy tôi trở lại với một sợi dây. Tảo ăn ngon, không biết quả có mùi vị thế nào?

Tôi treo sợi dây xung quanh cành thấp nhất của cây, từng cành một, từng nhánh một đưa tôi đến với vườn quả nhỏ và quý giá đó.

Đến gần thì quả có màu xanh lá cây xỉn. Chúng to và có hình dáng như cam. Quả nào cũng nằm giữa một số cánh lá xoắn xuýt và cuộn tròn xung quanh, chắc là để bảo vệ nó. Đến gần hơn, tôi nhận ra một lí do nữa: chính những cành lá xoắn xuýt ấy nâng lấy quả. Mỗi quả có không phải chỉ một mà là rất nhiều cuống. Bề mặt quả chỉ chít những cuống nối nó vào các cành xung quanh. Quả này chắc hẳn rất nặng và nhiều nước đây, tôi nghĩ, và tôi trèo lên gần nữa.

Tôi với tay cầm một quả, và thất vọng thấy nó nhẹ bồng. Hầu như không có tí trọng lượng nào. Tôi kéo tay bứt nó ra khỏi các cuống.

Tôi ngồi lại cho thoải mái trên một cành chắc chắn, dựa lưng vào thân cây. Trên đầu tôi là một mái lá xanh xao để lọt qua những tia nắng thẳng tắp. Khắp xung quanh, đến tận tít tắp, là những con đường xoắn xuýt của một thành phố treo lơ lửng trong không trung. Một làn gió nhẹ luồn qua các ngọn cây. Tôi tò mò lắm, và bắt đầu xem kĩ cái quả trong tay.

Chao ôi, ước gì giây phút ấy không bao giờ đến với tôi! Nếu không có nó thì có lẽ tôi đã sống hàng nhiều năm nữa – có khi còn đến hết cả đời – trên hòn đảo ấy. Không có gì, tôi nghĩ, có thể đẩy tôi về xuống và trở lại những gian truân nhục nhã mà tôi đã từng phải chịu đựng trên đó – không có gì! Tôi có lí do gì để rời bỏ đảo? Các nhu cầu vật chất của tôi chẳng phải đã được đáp ứng chu toàn ở đây sao? Chẳng phải tôi đang có thể uống nước thả cửa cho đến hết đời sao? Có thừa thãi tảo ăn đấy sao? Nếu hòn đảo nổi thật và di chuyển thật, biết đâu nó chẳng trôi theo đúng hướng tôi mong ước? Biết đâu nó chẳng là con tàu cây cỏ đưa tôi vào đến đất liền? Trong khi ấy, chẳng phải tôi đã có bọn chồn biển làm bạn đó sao? Rồi chẳng phải Richard Parker vẫn còn cần phải cải thiện cú nhảy thứ tư ấy của nó hay sao? Từ hôm lên đảo, chưa bao giờ tôi thoáng nghĩ đến chuyện phải rời nó mà đi. Đã nhiều tuần lễ trôi qua – tôi không thể nói chắc bao nhiêu tuần – và sẽ còn kéo dài mãi mãi. Tôi biết chắc như vậy.

Tôi đã nhầm to.

Nếu quả đó có hạt thì đó là cái hạt ra đi của tôi.

Cái quả ấy không phải là quả. Nó là một túm lá cây dày đặc gắn với nhau thành hình một quả bóng. Mỗi cái cuống ấy là một cái cuống lá. Bứt một cái cuống là tôi lôi ra một cái lá.

Sau một vài lớp thì vào đến những cái lá đã mất cuống và được dán sát vào trái bóng. Tôi dùng móng tay gậy rồi bóc chúng ra. Từng lớp lá bong ra, như vỏ hành. Đáng lẽ tôi chỉ việc xé toạc cái vỏ đó ra – tôi vẫn gọi là quả bởi chẳng có từ gì khác hay hơn – nhưng tôi muốn thỏa mãn tính tò mò của mình theo từng liều nhỏ.

Nó nhỏ dần. Từ quả cam thành quả quýt. Những vỏ lá mỏng rơi đầy quanh tôi.

Bây giờ thì nó chỉ còn bằng một quả bồ quân.

Tôi vẫn còn lạnh xương sống khi nghĩ đến nó.

Chỉ còn bằng một quả anh đào.

Rồi nó hiện nguyên hình, một viên ngọc trai trong lòng một con sò xanh lá cây.

Một cái răng người.

Nói chính xác nó là một cái răng hàm trong. Lớp men răng đã sạm xanh và thủng lỗ chỗ.

Cảm giác kinh hoàng đến một cách từ từ. Tôi vẫn có thời gian hái một quả khác.

Quả nào cũng chứa một cái răng.

Một cái răng nanh.

Quả nữa có một cái hàm ngoài.

Đây thì là một cái răng cửa.

Rồi một cái hàm răng nữa.

Ba mươi hai cái răng. Đủ một bộ răng người. Không thiếu cái nào.

Tôi chợt hiểu ra.

Tôi không thét lên. Tôi nghĩ chỉ có trong phim rừng rợn thì sợ hãi mới to mồm mà thôi. Tôi chỉ rùng mình và rời bỏ cái cây ấy.

Cả ngày hôm ấy, đầu óc tôi quay cuồng, suy tính hết các phương án lựa chọn. Cái nào cũng tồi tệ cả.

Đến đó, nằm ở cái giường trên cây quen thuộc, tôi thử lại kết luận của mình xem có đúng không. Tôi tóm một con chồn biển và thả cho nó rơi xuống đất.

Nó kêu choe choé trong khi rơi xuống. Và vừa mới thịch xuống đất nó đã lập tức trèo ngay lên cây.

Với điệu bộ ngây thơ điển hình, nó lại leo về chỗ bên cạnh tôi, rồi bắt đầu cuống quýt liếm các bàn chân.

Có vẻ rất khó chịu, nó nặng nề thở dốc.

Đáng lẽ thế là đủ. Nhưng tôi muốn tự mình thử nghiệm. Tôi trèo xuống và nắm chắc một đầu dây. Tôi đã buộc nút từng đoạn để trèo cho dễ. Khi đã xuống đến gốc cây, tôi thò một cây xuống đất, bàn chân cách mặt đất chừng vài phân. Tôi do dự.

Rồi tôi đặt chân xuống đất.

Đầu tiên chẳng cảm thấy gì. Nhưng rồi thỉnh thoảng tôi thấy đau nhói dữ dội xuyên lên từ dưới lòng bàn chân. Tôi rú lên, tưởng mình sẽ ngã lộn cổ. Nhưng tôi vẫn bám được vào sợi dây và kéo được mình lên khỏi mặt đất. Tôi cuống cuồng đập lòng bàn chân và cọ xát chúng vào thân cây. Nó có đỡ nhưng không

ăn thua. Tôi leo trở lại chỗ mình. Tôi nhúng chân vào xô nước để cạnh giường. Tôi lau chân bằng lá cây. Tôi lấy dao giết hai con chồn biển và thử làm dịu cơn đau bằng máu cùng lòng ruột của chúng. Nhưng hai bàn chân tôi vẫn cháy bỏng. Chúng đau rát suốt đêm đó. Tôi không thể ngủ nổi, vừa đau vừa sợ. Đó là một hòn đảo ăn thịt. Chính vì thế mà những con cá chết biến mất trong hồ. Hòn đảo như các con cá biến vào các đường hầm ngầm của nó, bằng cách nào tôi không biết. Có thể là cá cũng thích ăn tảo như tôi. Và chúng mắc vào bẫy. Vì lạc đường chăng? Vì các lối thông với biển bị đóng lại chăng? Hay là độ mặn của nước thay đổi từ từ đến mức khi chúng biết mình đang bơi trong nước ngọt thì đã quá muộn rồi? Gì đi nữa, những con cá ấy đã mắc trong nước ngọt và chết. Một số dềnh lên mặt hồ. Những con cá nhỏ sẽ bị chồn biển ăn. Trong đêm, một quá trình hoá học nào đó sẽ diễn ra – nó không diễn ra dưới ánh sáng mặt trời – và loài tảo sản sinh ra một loại axit đậm đặc, khiến cho những hồ thành những hồ axit làm tiêu hết xác cá. Đó chính là lí do Richard Parker trở về xuống hàng tối. Đó chính là lí do bọn chồn ngủ trên cây. Đó chính là lí do tôi không thấy loài gì khác trên đảo ngoài tảo.

Chuyện đó cũng giải thích được những cái răng người ở đâu mà ra. Trước tôi, đã có một kẻ khôn khổ nào đó dạt vào đảo, không biết anh ta – hay chị ta? – đã ở trên đảo bao lâu? Nhiều tuần? Nhiều tháng? Nhiều năm? Có bao nhiêu giờ phút cô đơn trên thành phố ngọn cây, chỉ có chồn biển là bạn? Bao nhiêu giấc mơ về một cuộc sống hạnh phúc đã tan vỡ? Bao nhiêu hi vọng đã tiêu tan? Bao nhiêu cuộc trò chuyện chưa nên lời đã im lặng? Bao nhiêu đơn côi đã phải chịu đựng? Bao nhiêu thất vọng đã phải chấp nhận? Và sau tất cả những cái đó là gì? Có cái gì còn lại.

Chẳng có gì cả, ngoài một chút men răng, như một đồng xu lẻ trong túi. Người ấy chắc hẳn đã chết trên cây. Vì ốm chăng? Vì bị thương chăng? Buồn nản quá chăng? Cần có bao lâu để một linh hồn tan nát giết chết một cơ thể có đầy đủ đồ ăn, thức uống và một chôn nương thân? Những cái cây cũng ăn thịt, nhưng ở một mức độ axit thấp hơn, vẫn an toàn qua đêm trong khi cả hòn đảo sôi lên sùng sục. Nhưng khi người ấy đã chết và chỉ còn là một cái xác bất động, cái cây đã từ từ bọc lấy cái xác ấy và tiêu hoá nó. Xương cốt bị bòn rút hết các chất dinh dưỡng cho tới khi chúng tan biến đi. Với thời gian, thì rồi tất cả những cái răng ấy cũng sẽ tan biến đi.

Tôi nhìn khắp xung quanh. Một nỗi đắng cay dâng lên trong lòng. Những hứa hẹn tung bừa của nó lúc ban ngày biến mất, trong lòng tôi chỉ còn lại sự phản trắc của nó vào ban đêm.

Tôi thầm thì, “Chỉ còn lại răng! Những cái răng!” Đến khi rạng sáng thì tôi đã quyết định xong. Tôi thà ra đi và mất mạng trong cuộc sống đồng loại còn hơn sống nửa đời nửa đoạn trong cuộc sống đầy đủ vật chất và chết chóc tinh thần trên hòn đảo giết người này. Tôi đổ đầy các bình nước dự trữ và uống như một con lạc đà. Tôi ăn tảo suốt cả ngày cho đến khi bụng không còn chứa được nữa. Tôi giết và lột da chồn biển cho đến lúc chất đầy tủ và đầy sàn xuống. Tôi thu hoạch cá trên hồ. Với cái riu, tôi chặt lấy một khối tảo lớn và luồn dây qua nó buộc vào xuống.

Tôi không thể bỏ Richard Parker. Bỏ nó lại tức là giết chết nó. Nó sẽ không qua được ngay đêm đầu tiên. Còn một mình trên xuống lúc mặt trời lặn, tôi sẽ biết rằng nó đang bị thiêu chết bằng axit. Hoặc giả sẽ phải nhảy xuống biển và rồi chết đuối. Tôi đợi nó về. Tôi biết nó sẽ không về nữa.

Khi nó đã ở trên xuống, tôi đẩy xuống ra khỏi đảo. Trong vài tiếng đồng hồ, nước ròng giữ chúng tôi quanh quần đảo. Tiếng động của biển khơi khiến tôi khó chịu. Tôi đã hết quen với những lắc lư của xuống. Đêm đó qua đi chậm chạp.

Đến sáng thì không thấy hòn đảo nữa, và cả khối tảo tôi đã buộc vào ở sau xuống. Khi đêm xuống, những sợi tảo đã ăn đứt sợi dây bằng chất axit của nó.

Trời lặng, biển xám.

Tôi đã phát mệt với hoàn cảnh của mình, nó vô nghĩa như thời tiết vậy. Nhưng cuộc sống không rời bỏ tôi. Phần còn lại của câu chuyện này chẳng có gì hết ngoài buồn khổ, đớn đau, và chịu đựng.

Cao gọi thấp và thấp gọi cao. Nếu trong hoàn cảnh bất cực của tôi, chắc ai cũng có những ý nghĩ cao cả. Càng xuống thấp thì tinh thần ta càng muốn bay bổng. Cũng là tự nhiên thôi, khi đau buồn và thất vọng như thế, và phải chịu đựng liên miên như thế, tôi đã hướng về Thượng đế.

Chương 94 Khi chúng tôi tới được đất liền, chính xác là vào tới Mexico, tôi đã kiệt sức đến nỗi không thể vui mừng được nữa. Chúng tôi cập bờ rất khó khăn. Chiếc xuồng tí nữa thì bị sóng lật úp. Tôi thả cho dây neo nổi – những gì còn lại của nó – dài hết cỡ để giữ cho xuồng vuông góc với sóng, rồi rút lại ngay khi chúng tôi trào lên đỉnh sóng. Làm như vậy, hết thả lại rút dây neo, chúng tôi cuời sóng vào bờ. Nguy hiểm lắm. Nhưng chúng tôi đuổi kịp một con sóng ở đúng vị trí tốt nhất và nó đưa chúng tôi vào được một quãng xa, vượt qua được những bức tường nước cao ngất đang đổ xuống. Tôi rút dây một lần cuối và chúng tôi được sóng đánh dạt lên bờ. Cái xuồng kêu rít lên rồi khựng lại trên cát.

Tôi thả người xuống hai bên cạnh xuồng. Tôi sợ không dám buông tay khỏi xuồng, nghĩ rằng mình có thể chết đuối trong sáu mươi phân nước còn lại giữa tôi và cuộc sống ở ngay kia. Tôi nhìn xem mình sẽ phải đi bao xa. Cái nhìn ấy khiến tôi bắt gặp những hình ảnh cuối cùng của Richard Parker, bởi lẽ chính giây phút đó, nó nhảy vọt lên. Tôi thấy thân hình nó, đầy sức sống vô biên, duỗi căng ra trên đầu tôi như một luồng câu vòng. Nó rơi xuống nước, hai chân sau dang ra, đuôi vẫy cao, và từ đó, sau một vài đập chân và lóp ngóp bơi, nó vào đến bờ. Nó đi sang trái, bàn chân khoét lõm dưới cát ướt, nhưng lại đổi ý và quay vòng lại. Nó đi sát qua trước mặt tôi về phía phải. Nó không nhìn tôi. Nó chạy khoảng một trăm mét gì đó dọc bờ biển rồi quay vào trong. Điều bộ nó vụng về và thiếu phối hợp nhịp nhàng. Nó ngã nhiều lần, đến ven rừng thì nó đứng lại. Tôi chắc hẳn nó sẽ quay về phía mình. Nó sẽ nhìn tôi. Nó sẽ cụp tai. Nó sẽ gầm gừ. Kiểu gì cũng được, nó sẽ giã biệt tôi. Nhưng nó chẳng làm gì như thế. Nó chỉ nhìn vào khu rừng. Rồi Richard Parker, bạn đồng hành với nỗi khổ đau của tôi, con vật dữ tợn, đáng sợ, đã giữ cho tôi sống được đến bây giờ, cứ thế bước tiếp và mãi mãi biến mất khỏi cuộc sống của tôi.

Tôi gắng sức bước lên bờ và ngã xuống cát. Tôi nhìn quanh. Tôi chỉ có một mình, mồ côi cả gia đình và cả Richard Parker, và gần như cả với Thượng đế nữa, tôi nghĩ vậy. Tất nhiên, tôi không mồ côi. Bãi biển ấy thật mềm mại, rắn chắc và mệnh mang, giống như một bên má của Thượng đế, và ở đâu đó, hai con mắt sáng long lanh vì sung sướng, với một cái miệng đang mỉm cười vì đã thấy có tôi ở đó.

Sau mấy tiếng đồng hồ, một thành viên đồng loại của tôi đã thấy tôi ở đó. Anh ta bỏ đi rồi quay lại với cả một nhóm. Sáu bảy người gì đấy. Họ đến gần tôi, tay bịt mũi bịt miệng. Tôi hoang mang không biết họ làm sao. Họ nói với tôi bằng một ngôn ngữ lạ. Họ kéo cái xuồng trên cát. Họ khiêng tôi đi. Miếng thịt rùa tôi đem từ xuồng lên bị họ giật ra khỏi tay rồi ném đi.

Tôi khóc như một đứa trẻ. Không phải vì đã qua cơn khổ nạn, mặc dù thế. Cũng không phải vì thấy lại các anh chị ấy, mặc dù điều này cũng thật cảm động. Tôi khóc là vì Richard Parker đã từ bỏ tôi không một cử chỉ nào cho phải phép. Thật khủng khiếp phải chia tay như thế. Tôi là người tin vào hình thức, vào sự hài hòa của trật tự. Khi có thể được, chúng ta nhất thiết phải tạo ra được đáng đáp có ý nghĩa cho mọi vật. Ví dụ – tôi nghĩ – liệu câu chuyện của tôi có thể viết lại với đúng một trăm chương thôi, không hơn, không kém? Phải nói rằng, có một thứ trong cái biệt hiệu Pi của tôi mà tôi rất ghét, ấy là con số đó dài vô tận. Cái quan trọng ở đời là kết thúc mọi thứ cho chẵn chu. Có thể ta mới yên tâm mà đi được. Nếu không thì lúc nào ta cũng đầy những lời muốn nói mà chẳng bao giờ nói, và lòng ta sẽ nặng trĩu ân hận. Cuộc giã biệt không phải phép ấy đến giờ vẫn làm tôi đau đớn. Ước gì tôi đã nhìn nó lần cuối lúc còn ở trên xuồng, đã kích động thế nào đó để hình ảnh tôi còn lưu lại trong đầu nó. Ước gì tôi đã nói với nó lúc ấy – vâng, đúng thế, nói với một con hổ – ước gì tôi đã bảo nó “Richard Parker, xong rồi, chúng ta sống rồi. Mày có tin không? Tao không thể nói hết lòng tao biết ơn mày. Không có mày thì tao đã hỏng rồi. Tao muốn nói một cách chính thức rằng tao cảm ơn mày, Richard Parker ạ. Cảm ơn mày vì đã cứu mạng tao. Và bây giờ mày hãy đi đến một nơi mày phải đến. Mày đã biết đến cái tự do trong khuôn khổ một vườn thú gần hết cả cuộc đời; giờ đây, mày sẽ biết cái khuôn khổ tự do của một khu rừng. Tao chúc mày may mắn. Hãy đề phòng con người. Nó không phải bạn mày. Nhưng tao hi vọng mày sẽ nhớ đến tao như một người bạn. Tao sẽ không bao giờ quên mày, đó là điều chắc chắn. Mày sẽ luôn ở bên tao, trong trái tim tao. Có tiếng gì thế? A, xuồng chúng ta cập bờ rồi. Thôi, xin giã biệt Richard Parker, xin giã biệt. Cầu xin Thượng đế luôn ở bên mày.” Những người tìm thấy tôi đem tôi về làng họ, và ở đó, mấy người đàn bà đã tắm, kì cọ

tôi mạnh đến nỗi tôi sợ có thể họ nghĩ tôi là một thằng bé da trắng bần thủ chứ không phải là một đứa da nâu. Tôi cố giải thích điều ấy. Họ gật đầu, mỉm cười, rồi lại tiếp tục kì cọ tôi như thể tôi là một cái sản phẩm.

Tôi tưởng họ sắp lột sống da tôi. Nhưng họ cho tôi ăn. Ngon lắm. Khi đã bắt đầu ăn, tôi không thể ngừng lại được. Tôi tưởng mình sẽ không bao giờ hết đói.

Hôm sau có một cái xe cảnh sát đến và mang tôi vào một bệnh viện, và câu chuyện của tôi chấm dứt ở đây.

Tôi cảm kích vô cùng vì sự hào phóng của những người đã cứu tôi. Người nghèo cho tôi quần áo và thức ăn. Các bác sĩ và hộ lí chăm sóc tôi như thể tôi mãi mãi là một đứa hài nhi. Các quan chức Mexico và Canada tất cả đều mở rộng cửa cho tôi, đến nỗi từ bờ biển Mexico ấy đến gia đình mẹ nuôi tôi, rồi đến những lớp học trong đại học Toronto, tất cả là một hành lang rộng rãi và dễ dàng mà tôi chỉ việc đi theo. Tôi xin được gửi đến tất cả họ những lời cảm tạ chân thành của tôi.

Chương 95

Ông Tomohiro Okamoto, thuộc biên chế vụ Đường biển trong Bộ vận tải của Nhật Bản, giờ đã về hưu, nói với tôi rằng ông và người đồng sự dưới quyền lúc đó là ông Atsuro Chiba, đang ở Long Beach, California – hải cảng hàng hoá chính trên bờ biển phía tây của nước Mỹ, gần Los Angeles – trong một công vụ khác thì nhận được thông báo rằng một người duy nhất sống sót trên con tàu Nhật Tsimtsum, đã biến mất không một dấu vết trên hải phận quốc tế của Thái Bình Dương nhiều tháng trước, đã được đưa tin vừa mới đạt vào bờ gần thị trấn nhỏ Tomatlan, trên bờ biển Mexico, vụ quản lý họ đã lệnh cho họ phải tìm và tiếp xúc với người sống sót này xem có phát hiện gì thêm về số phận của con tàu. Họ mua một bản đồ Mexico và tìm vị trí thị trấn Tomatlan. Không may cho họ, một nếp gấp của tấm bản đồ chạy ngang qua Baja California và đề lên một thị trấn nhỏ có ven biển có cái tên Tomatlan, in chữ bé xiu, ông Okamoto tin rằng mình đã đọc thấy Tomatlan. Vì thị trấn này chỉ vào khoảng nửa đường xuống Baja California, ông quyết định con đường đến đó nhanh nhất là lái xe.

Họ cùng lên đường trên một chiếc xe đi thuê, khi tới Tomatlan, tám trăm cây số về phía nam Long Beach, thì vỡ nhẽ rằng đó không phải là Tomatlan. Ông Okamoto quyết định họ sẽ đi tiếp đến Santa Rosalia, hai trăm cây số nữa về phía nam, rồi lấy bè đi ngang qua vịnh California để đến Guaymas. Chuyến phà vừa chậm giờ vừa chậm lái, và từ Guaymas đến Tomatlan còn những một nghìn ba trăm cây số nữa. Đường xấu, họ bị bẹp lốp. Xe hỏng máy và người thợ sửa nó đã lấy trộm phụ tùng máy xe và thay các phụ tùng cũ rích khác vào. Sau này họ đã phải đền tiền cho hãng thuê xe vì chuyện đó, chưa kể chiếc xe lại hỏng máy lần thứ hai trên đường. Người thợ sửa xe lần thứ hai này tính tiền quá đắt. Ông Okamoto thú thực với tôi rằng họ đã thám mệc lúc đến được trạm xá Benito Juarez ở Tomatlan, hoàn toàn không phải ở Baja California và cách một trăm cây số về phía nam Puerto Vallarta, trong tiểu bang Jalisco, gần như ngang vị trí với Mexico City. Họ đã đi không ngừng nghỉ trong bốn mươi một giờ liền. “Chúng tôi làm hết sức mình.” Ông Okamoto viết như vậy.

Ông và ông Chiba đã nói chuyện với Piscine MolitorPatel bằng tiếng Anh, trong gần ba giờ, có ghi âm. Tiếp theo đây là những trích đoạn của văn bản chép theo cuộn ghi âm gốc, không sửa đổi gì. Tôi rất biết ơn ông Okamoto vì đã cho tôi sử dụng một bản chép theo cuốn băng ghi âm và bản tường trình cuối cùng của ông. Để rõ ràng hơn, tôi có ghi chú thêm ai là người đang nói khi điều đó không được hiển nhiên lắm trong cuốn băng. Những phần in bằng một kiểu chữ khác là những đoạn nói tiếng Nhật mà tôi đã dịch. Chương 96 “Xin chào ông Patel. Tên tôi là Tomohiro Okamoto. Chúng tôi ở Vụ Đường biển của Bộ giao thông Nhật Bản. Chúng tôi đến thăm ông về vụ đắm tàu Tsimtsum mà ông là một hành khách. Chúng ta có thể nói chuyện giờ được không ạ?” “Được chứ, tất nhiên rồi.” “Cảm ơn ông. Ông nhận lời như vậy thật tốt quá. Nay, trò Atsuro, trò chưa quen việc này, vậy phải chú ý mà học, nghe chưa.” “Vâng, thưa thầy Okamoto.” “Bật máy ghi âm chưa?” “Dạ rồi.” “Được. Chao ôi, ta mệt quá! Nào, bắt đầu vào biên bản chính thức nhé, hôm nay là ngày 19 tháng 2 năm 1978. Hồ sơ số 250663, về vụ mất tàu trở hàng Tsimtsum. Ông có dễ chịu không thưa ông Patel?” “Thưa có, cảm ơn. Còn hai vị thế nào?” “Chúng tôi rất dễ chịu.” “Các vị đi suốt từ Tokyo sang đây ư?” “Chúng tôi ở Long Beach, California. Chúng tôi lái xe xuống.” “Các vị đi đường tốt chứ?” “Chuyến đi của chúng tôi rất tuyệt. Một chuyến lái xe tuyệt đẹp.” “Còn chuyến đi của tôi thật khủng khiếp.” “Chúng tôi biết. Chúng tôi đã nói chuyện với cảnh sát trước khi đến đây và đã thấy chiếc xuồng.” “Tôi thấy hơi đói.” “Ông dùng một cái bánh ngọt nhé?” “Ồ, vâng ạ!” “Xin mời ông.” “Cảm ơn ông.” “Không dám, chỉ là một cái bánh thừa ông. Ông Patel này, liệu ông có thể kể cho chúng tôi những gì đã xảy ra với ông, càng chi tiết càng tốt, được không ạ?” “Được chứ. Tôi xin sẵn lòng hầu chuyện các vị.” Chương 97 Câu chuyện.

Chương 98 Ông Okamoto: “Rất thú vị”.

Ông Chiba: “Chuyện thế mới là chuyện!” “Hắn nghĩ chúng ta đều là đồ ngốc cả. Ông Patel này, chúng ta giải lao một lúc rồi chúng tôi lại quay lại, được không?” “Được chứ ạ. Cho tôi một cái bánh nữa nhé”.

“Vâng, tất nhiên rồi”.

Ông Chiba: “Hắn đã xin bao nhiêu rồi, mà đã ăn mấy đâu. Hắn giấu cả ở bên dưới khăn trải giường kia”.

“Cứ đưa cho nó một cái nữa. Mình phải làm cho nó vui mới được. Mấy phút nữa chúng tôi sẽ quay lại”.

Chương 99 Ông Okamoto: “Ông Patel này, chúng tôi không tin câu chuyện của ông đâu”.

“Xin lỗi - bánh này ngon nhưng hay bị vỡ quá. Tôi lấy làm lạ. Tại sao không?” “Nó chẳng đúng tí nào”.

“Nghĩa là sao?” “Chuối không nổi trên nước được”.

“Xin lỗi, ông bảo gì kia?” “Ông kể rằng con khi độc đến trên một hòn đảo toàn những quả chuối nổi trên biển”.

“Đúng thế”.

“Chuối không nổi”.

“Có chứ”.

“Chúng quá nặng”.

“Không, không nặng đâu. Đây này, ông cứ thử mà xem. Tôi có hai quả chuối đây này”.

Ông Chiba: “Chuối ở đâu ra ấy nhỉ? Nó còn giấu những gì nữa dưới khăn trải giường?” Ông Okamoto:

“Mẹ kiếp. Thôi thôi, không cần phải làm thế”.

“Có cái chậu rửa ngay kia mà”.

“Không sao đâu”.

“Tôi đề nghị đây. Hãy vặn nước đầy chậu, bỏ hai quả chuối này vào, và sẽ thấy ai nói đúng”.

“Chúng tôi muốn tiếp tục công việc”.

“Tôi dứt khoát đề nghị các ông làm thử việc này đã”.

(Im lặng) Ông Chiba: “Mình làm sao bây giờ?” Ông Okamoto: “Ta cảm thấy hôm nay lại là một ngày đặng đặng nữa cho mà xem”.

(Tiếng ghế bị xô đi. Tiếng vòi nước chảy ở đằng xa) Pi Patel: “Thế nào rồi? Từ đây tôi không thấy được gì cả”.

Ông Okamoto (từ xa): “Tôi đang vặn nước cho đầy chậu”.

“Ông đã cho chuối vào chưa?” (Xa xa) “Chưa”.

“Còn bây giờ?” (Xa xa) “Cho vào rồi”.

“Thế sao?” (Im lặng) Ông Chiba: “Chúng có nổi không?” (Xa xa) “Có nổi”. “Thế nào, chúng nổi chứ?”

(Xa xa) “Chúng nổi”.

“Tôi đã nói mà”.

Ông Okamoto: “Thôi được rồi, được rồi. Nhưng phải có nhiều chuối lắm mới có thể chở được một con khi độc”.

“Đúng thế. Chỗ chuối ấy phải hàng tấn là ít. Tôi vẫn còn tiếc đứt cả ruột khi nghĩ đến cả chỗ chuối ấy trôi đi mất thật phí quá mà tôi thì chẳng nhặt được quả nào”.

“Đáng tiếc thật. Bây giờ thì chúng ta hãy sang chuyện...” “Làm ơn cho tôi xin lại hai quả chuối”.

Ông Chiba: “Để tôi đi lấy cho”.

(Tiếng kéo ghế) (Xa xa) “Xem này, chúng nổi thật”.

Ông Okamoto: “Còn cái hòn đảo tảo mà ông dạt vào ấy thì sao?” Ông Chiba: “Chuối của ông đây”.

Pi Patel: “Xin cảm ơn. Ông muốn hỏi gì cơ?” “Tôi xin lỗi phải nói thẳng mặc dù không muốn ông méch lòng chút nào, có lẽ ông cũng không cần chúng tôi phải tin ông, có phải không? Những cái cây ăn thịt ấy? Loài tảo ăn cá và làm ra nước ngọt ấy? Những con chồn nước sống trên cây ấy? Những thứ đó không thể có được”.

“Chỉ là vì các vị chưa từng được nhìn thấy chúng”.

“Đúng vậy. Chúng tôi chỉ tin những gì mình nhìn thấy”.

“Cả Columbus cũng thế. Thế quý vị sẽ làm gì khi ở trong bóng tối?” “Hòn đảo của ông không khả dĩ về phương diện thực vật học”.

“Con ruồi cũng nói thế trước khi dậu vào bẫy”.

“Tại sao lại không có ai khác cũng đã thấy hòn đảo?” “Vì đại dương thì mênh mông mà tàu bè thì bận rộn. Còn tôi thì đi chậm, nhìn kỹ, thấy nhiều”.

“Không một nhà khoa học nào có thể tin ông”.

“Ai không tin thì cũng là đồng bọn với những người đã phủ nhận Copernicus và Darwin. Các nhà khoa học vẫn không ngừng tìm ra những loài cây cỏ mới, phải không nào? Như trong vùng châu thổ sông Amazon chẳng hạn?” “Nhưng không phải các loài cây trái ngược với những quy luật của thiên nhiên”.

“Quý vị đã biết thấu đáo các quy luật ấy ư?” “Đủ để phân biệt cái khả dĩ và cái không khả dĩ”.

Ông Chiba: “Tôi có ông bác hiểu biết rất rộng về thực vật học. Ông ấy sống ở nông thôn gần Hita-Gun. Ông ấy là một bậc thầy về bonsai”.

Pi Patel: “Là gì cơ?” “Một bậc thầy về bonsai. Ông biết không, bonsai là những cái cây bé xíu”.

“Những bụi rậm ư?” “Không, là cây hằn hoi. Bonsai là cây nhỏ. Chúng cao chưa đến sáu mươi phân. Ông có thể ôm chúng trong tay. Chúng có thể rất già. Ông bác tôi có một cây đã được hơn ba trăm năm tuổi”.

“Những cái cây ba trăm năm chỉ cao sáu mươi phân và ta có thể ôm chúng trong tay?” “Đúng thế. Chúng rất nhạy cảm. Chúng cần được chăm sóc rất kỹ”.

“Có ai nghe thấy loại cây như vậy bao giờ? Chúng bất khả dĩ về phương diện thực vật học”.

“Nhưng tôi cam đoan với ông, thưa ông Patel, rằng chúng có thật. Bác tôi...” “Tôi chỉ tin những gì tôi thấy”.

Ông Okamoto: “Gượng đã, tôi xin các ông. Atsuro, chúng ta rất kính trọng ông bác của ông đang sống ở nông thôn gần Hita-Gun, nhưng chúng ta không đến đây hôm nay để nhàn đàm về thực vật học”.

“Tôi chỉ muốn giúp cho công việc mà thôi”.

“Thế bonsai của bác ông có ăn thịt không?” “Tôi không nghĩ thế”.

“Ông đã từng bị cây bonsai nào của bác ông cắn chưa?” “Chưa”. “Nếu vậy thì bonsai của bác ông chẳng giúp gì cho công việc của chúng ta ở đây. Chúng ta đang nói chuyện đến đâu rồi nhỉ?” Pi Patel: “Đến những cái cây to, bám rễ chắc dưới đất”.

“Chúng ta hãy dẹp chúng sang một bên đã nhé”.

“Khó đấy. Tôi chưa bao giờ thử nhổ chúng lên và đem chúng đi đâu cả”.

“Ông hài hước thật đấy, thưa ông Patel. Ha! Ha! Ha!” Pi Patel: “Ha! Ha! Ha!” Ông Chiba: “Ha! Ha! Ha! Có buồn cười mấy đâu cơ chứ”.

Ông Okamoto: “Cứ cười đi đã. Ha! Ha! Ha!” Ông Chiba: “Ha! Ha! Ha!” Ông Okamoto: “Bây giờ đến con hổ, chúng tôi cũng nghi ngờ chuyện đó lắm”.

“Ông muốn nói gì cơ?” “Chúng tôi thấy rất khó tin”.

“Câu chuyện quả thực là không thể tin được”.

“Chính xác là vậy”.

“Tôi không biết mình đã sổng sót như thế nào”.

“Rõ ràng là một khổ nạn”.

“Cho tôi xin một cái bánh nữa”.

“Hết mất rồi”.

“Thế trong túi kia có gì?” “Chẳng có gì”.

“Cho tôi xem được không?” Ông Chiba: “Thế là đi toi bữa trưa của chúng ta”. Ông Okamoto: “Quay lại chuyện con hổ...” Pi Patel: “Việc làm thì chán ngắt. Nhưng bánh kẹp thì ngon tuyệt”.

Ông Okamoto: “Vâng, trông chúng rất ngon thật”.

Ông Chiba: “Tôi đói bụng rồi”. “Không thấy một tí dấu vết gì của nó. Điều đó rất khó tin, phải không nào? Không có hổ ở châu Mỹ. Nếu có một con hổ hoang dã ngoài kia, ông có nghĩ rằng đến giờ này cảnh sát đã phải nghe phong thanh về nó rồi không?” “Tôi phải kể cho các vị nghe về một con báo đen đã trốn khỏi vườn thú Zurich giữa mùa đông mới được”.

“Ông Patel này, hổ là một con thú hoang dã nguy hiểm vô cùng. Làm sao ông có thể sổng sót cùng với nó trên một chiếc xuồng? Chuyện đó...” “Điều quý vị không nhận ra được là đối với các con thú hoang dã, chúng ta là một loài lạ lẫm và cấm kỵ. Chúng ta làm chúng sợ hãi. Chúng hết sức né tránh chúng ta. Phải mất nhiều thế kỷ mới có thể làm dịu nỗi sợ hãi ấy trong một số thú vật có thể huấn luyện được - vẫn gọi là những loài đã được thuần hóa - nhưng phần lớn thú hoang không thể khắc phục được nỗi sợ hãi kia, và tôi chắc là chúng sẽ không bao giờ làm được điều đó. Khi thú vật tấn công chúng ta, đó chỉ là vì chúng tuyệt vọng mà thôi, không vì cái gì khác. Chúng tấn công khi cảm thấy đã không còn con đường nào khác. Đó chỉ là phương sách cuối cùng”.

“Trên một chiếc xuồng ư? Thôi nào, ông Patel, chuyện đó thật khó mà tin được!” “Khó tin ư? Các vị biết gì về chuyện khó tin? Các vị muốn khó tin ư? Tôi sẽ cho quý vị chuyện khó tin. Đó là một bí mật giữa người người chủ vườn thú ở Ấn Độ. Họ biết rằng năm 1971, Bara, con gấu bắc cực, đã trốn khỏi vườn thú Calcutta. Kể từ ngày ấy, không một ai biết tin gì về nó nữa, kể cả cảnh sát, thợ săn, bọn săn trộm. Chúng tôi ngỡ rằng nó đang sống tự do dọc bờ sông Hugli. Hãy cẩn thận nếu các vị đến Calcutta. Quý vị thân mến có thể sẽ phải trả giá đắt nếu trong hơi thở của quý vị có mùi món sushi [1] đấy! Nếu quý vị lấy thành phố Tokyo và lộn ngược nó lên rồi rũ mạnh, quý vị sẽ phải kinh ngạc khi thấy có những thú vật gì rơi ra: chó sói, rắn hổ mang, rồng đất Komodo, cá sấu, đà điểu, khỉ đầu chó, gấu hoang, báo hoa... không thiếu thứ gì. Tôi tin chắc rằng hươu cao cổ và hà mã đã sống ở Tokyo hàng nhiều thế hệ mà không ai nhìn thấy chúng cả. Một ngày nào đó quý vị hãy so sánh những gì đã giẫm phải dưới đế giày của mình khi đi dạo phố với những gì quý vị thấy dưới sàn chuồng trong vườn thú Tokyo - rồi ngẩng lên mà nhìn! Vậy mà quý vị định tìm một con hổ trong rừng rậm Mexico! Buồn cười thật, đúng là buồn cười thật! Ha! Ha! Ha!” “Cũng có thể có hươu cao cổ và hà mã sống ở Tokyo và một con gấu bắc cực sống tự do ở Calcutta. Chúng tôi chỉ không tin có một con hổ sống trên xuồng của ông thôi”.

“Sự ngạo mạn của dân thành phố! Các ông chấp nhận cho tất cả các con thú trong vườn địa đàng đến sống trong thành phố của mình, nhưng không cho phép ngôi làng của tôi được có dù chỉ là một con hổ Bengal!” “Ông Patel, xin ông hãy bình tĩnh”.

“Nếu một cái khó tin đơn thuần đã làm các ông vấp ngã, thì các ông sống vì cái gì? Có phải tình yêu cũng khó tin hay không?” “Ông Patel...” “Đừng có lấy lễ phép để dọa nạt tôi! Tình yêu là một điều khó tin đấy, cứ hỏi bất kỳ một kẻ đang yêu nào sẽ biết. Cuộc sống cũng khó tin lắm, cứ hỏi bất kỳ nhà khoa học nào mà xem. Thượng đế là khó tin, cứ hỏi các tín đồ sẽ biết. Vậy thì sao các ông lại có vấn đề rắc rối thế với những cái khó tin?” “Chúng tôi chỉ muốn là người có lý trí mà thôi”.

“Tôi cũng vậy! Tôi dùng đến lý trí của mình trong từng giây từng phút một. Lý trí là tuyệt vời trong chuyện kiếm thức ăn, áo mặc và một chôn nương thân. Lý trí là thùng đồ dùng tốt nhất. Không có gì hơn được lý trí trong chuyện ngăn chặn hổ. Nhưng lý trí quá trớn sẽ khiến các ông đổ hết cả vũ trụ đi cùng với chỗ nước tắm bồn thiêu của mình cho mà xem!” “Xin ông bình tĩnh lại, ông Patel. Xin ông bình tĩnh lại cho”.

Ông Chiba: “Nước tắm? Sao nó lại nói đến nước tắm ở đây nhỉ?” “Làm sao mà tôi bình tĩnh được? Đáng ra các ông phải được nhìn thấy Richard Parker!” “Đúng thế! Đúng thế!” “To đừng. Răng như thế này này! Vuốt nó như mã tấu vậy!” Ông Chiba: “Mã tấu là gì nhỉ?” Ông Okamoto: “Này trò Chiba, đừng có hỏi những câu ngớ ngẩn về từ vựng như thế nữa, hãy làm cái gì có ích hơn. Thằng bé này khó nhằn đây. Làm cái gì đi chứ!” Ông Chiba: “Nhìn này! Một thỏi socola!” Pi Patel: “Tuyệt vời!” (Im lặng hồi lâu) Ông Okamoto: “May mà nó vẫn chưa lấy hết cả bữa trưa của chúng ta. Chẳng mấy chốc nó sẽ đòi món bánh rau tằm bột rán [2] cho mà xem”.

(Im lặng hồi lâu) Ông Okamoto: “Chúng ta đang đi lạc đề của cuộc điều tra này. Chúng tôi đến đây là vì vụ đắm tàu. Ông là người duy nhất sống sót. Và ông chỉ là một khách đi trên tàu. Ông không phải chịu trách nhiệm gì về việc này. Chúng tôi - ” “Socola ngon quá!” “Chúng tôi không định buộc tội danh gì cho ông cả. Ông là một nạn nhân vô tội của một thảm kịch ngoài biển cả. Chúng tôi chỉ cố tìm xem tàu Tsimtsum tại sao lại đắm và đã đắm như thế nào. Chúng tôi nghĩ ông có thể giúp chúng tôi, thưa ông Patel”.

(Im lặng) “Ông Patel?” (Im lặng) Pi Patel: “Có hổ, có xuồng, có đại dương. Chỉ vì cả ba chưa bao giờ gặp nhau cùng một lúc trong cuộc sống hạn hẹp của các ông nên các ông không chịu tin rằng chúng có thể ở cùng nhau. Thế nhưng thực tế hiển nhiên là tàu Tsimtsum đã đem chúng lại với nhau rồi sau đó chìm ngấm”.

(Im lặng) Ông Okamoto: “Còn người Pháp ấy thì sao?” “Sao là thế nào?” “Hai người mù lòa trên hai cái xuồng cứu nạn lại gặp được nhau giữa Thái Bình Dương - cái ngẫu nhiên ấy có vẻ hơi quá đáng, phải không nào?” “Chắc chắn rồi”.

“Chúng tôi thấy điều ấy rất khó xảy ra”.

“Thì cũng như trúng xổ số, thế mà lúc nào cũng có người trúng đấy thôi”.

“Chúng tôi thấy chuyện ấy là cực kỳ khó tin”.

“Tôi cũng vậy”.

“Ta đã biết mà, đáng nhẽ phải nghỉ cả ngày hôm nay đã. Các ông đã nói chuyện thức ăn à?” “Đúng thế”.

“Ông ta biết rất nhiều về các món ăn”.

“Nếu ta có thể gọi những cái đó là món ăn”.
 “Đầu bếp trên tàu Tsimtsum là một người Pháp”.
 “Trên thế giới này chỗ nào chả có người Pháp”.
 “Có thể người Pháp ông gặp là người đầu bếp ấy”.
 “Có thể lắm. Làm sao tôi biết được? Tôi có nhìn thấy anh ta đâu. Tôi mù mà. Rồi Richard Parker lại ăn thịt mất anh ấy nữa”.
 “Tiện quá nhỉ”.
 “Chẳng tiện chút nào. Kinh khủng và thối tha là đằng khác. Nhưng này, các ông giải thích ra sao về đồng xương chồn biển có ở trên xuồng?” “A, vâng, xương một con thú nhỏ - ” “Hơn một con chứ!” “ - xương một số con thú có được tìm thấy trên xuồng. Chúng nhất định phải từ trên tàu xuống”.
 “Chúng tôi không có chồn biển trong vườn thú”.
 “Chúng tôi không có bằng chứng đó là xương chồn biển”.
 Ông Chiba: “Có thể chúng là xương quả chuối! Ha! Ha! Ha! Ha!” “Atsuro, cảm ơn đi!” “Xin lỗi thầy Okamoto! Chắc vì quá mệt đấy ạ”.
 “Anh đang làm mất danh dự của công vụ chúng ta”.
 “Thầy Okamoto! Xin thầy thứ lỗi”. Ông Okamoto: “Chúng có thể là xương của một loài vật nhỏ nào đó khác”.
 “Chúng là xương chồn biển”.
 “Có thể là xương chồn mongoose”.
 “Vườn thú chúng tôi không bán được chồn mongoose cho ai cả. Chúng ở lại Ấn Độ”.
 “Chúng cũng có thể là những con vật sống lẫn lút trên tàu, như chuột cống chẳng hạn. Chồn mongoose có rất nhiều ở Ấn Độ mà”.
 “Chồn mongoose lẫn lút sống trên tàu như chuột cống ư?” “Sao lại không?” “Chúng bơi qua Thái Bình Dương hung dữ, hàng đàn hàng lũ, và trèo lên xuồng như thế ư? Điều đó khó mà tin được, phải không ạ?”
 “Vẫn còn dễ tin hơn một số điều chúng tôi vừa được nghe trong hai tiếng đồng hồ vừa qua. Có thể bọn chồn mongoose đã sẵn có trên xuồng rồi, như lũ chuột mà ông kê ấy mà”.
 “Số lượng súc vật trên xuồng như vậy chẳng phải là quá sức tưởng tượng sao?” “Đúng thế”.
 “Cả một khu rừng”.
 “Đúng thế thật”.
 “Chỗ xương ấy là xương chồn biển. Hãy gửi chúng cho các chuyên gia xét nghiệm mà xem”.
 “Cũng chẳng còn mấy trên xuồng, hơn nữa, chẳng thấy bộ xương sọ nào cả”.
 “Tôi dùng chúng làm mỗi câu hết rồi”.
 “Chúng tôi nghĩ các chuyên gia cũng khó lòng phân biệt được là xương chồn biển hay là xương chồn mongoose”.
 “Tìm một nhà động vật học pháp y mà hỏi”.
 “Thôi được rồi, ông Patel! Chúng tôi xin chịu ông. Chúng tôi không thể giải thích sự có mặt của xương chồn biển, nếu quả là chúng ở trên xuồng. Nhưng đó không phải là chuyện chúng tôi quan tâm lắm ở đây. Chúng tôi đến đây vì một con tàu chở hàng của Nhật Bản, tài sản của công ty tàu biển Oika, treo cờ Panama, đã bị đắm trên Thái Bình Dương”.
 “Một chuyện tôi sẽ không bao giờ quên được, dù chỉ là trong giây lát. Tôi đã mất hết gia đình trong vụ đắm tàu đó”.
 “Chúng tôi rất lấy làm tiếc”.
 “Không bằng tôi đâu”.
 (Im lặng hồi lâu) Ông Chiba: “Chúng ta làm gì bây giờ?” Ông Okamoto: “Ta không biết”. (Im lặng hồi lâu) Pi Patel: “Các ông có muốn dùng một cái bánh không?” Ông Okamoto: “Được thế thì hay quá. Cảm ơn ông”.
 Ông Chiba: “Cảm ơn”.
 (Im lặng hồi lâu) Ông Okamoto: “Hôm nay đẹp trời quá”.
 Pi Patel: “Vâng. Năng đẹp”.
 (Im lặng hồi lâu) Pi Patel: “Đây là lần đầu các ông đến Mexico à?” Ông Okamoto: “Vâng, đúng thế”.
 “Tôi cũng vậy”.
 (Im lặng hồi lâu) Pi Patel: “Vậy là các ông không thích câu chuyện của tôi?” Ông Okamoto: “Không phải thế. Chúng tôi thích lắm chứ, có phải không nào, ông Chiba? Chúng tôi sẽ nhớ nó rất lâu, rất lâu đấy”.
 Ông Chiba: “Đúng thế”.

(Im lặng) Ông Okamoto: “Nhưng vì mục tiêu điều tra của chúng tôi, chúng tôi muốn biết chuyện đó xảy ra thế nào”.

“Chuyện đó xảy ra như thế nào ư?” “Vâng”.

“Tức là ông muốn nghe thêm một câu chuyện nữa ư?” “O... thưa không phải. Chúng tôi muốn biết những gì đã thực sự xảy ra”.

“Chẳng phải hễ đã kể lại một cái gì là cái đó thành ra một câu chuyện đó sao?” “O... có lẽ trong tiếng Anh là vậy. Trong tiếng Nhật, một câu chuyện sẽ phải có một yếu tố tạo tác ở trong đó. Chúng tôi không muốn bất kỳ một sự tạo tác nào. Chúng tôi cần những sự thực hãn hoi, những “straight facts” trong tiếng Anh”.

“Chẳng phải hễ đã kể một cái gì đó - dùng đến từ ngữ, dù là tiếng Anh hay tiếng Nhật - đã là một tạo tác rồi đó sao? Ngay cả việc chỉ nhìn thế giới này thôi cũng đã là một cái gì đó tạo tác rồi!” “O...” “Thế giới không phải chỉ là nó như thế. Thế giới là cái mà chúng ta hiểu được mà thôi, phải không nào? Và khi tìm hiểu một cái gì đó, chúng ta luôn đem cho chúng một cái gì đó khác, phải không nào? Điều đó khiến cho cuộc sống là một câu chuyện, đúng không nào?” “Ha! Ha! Ha! Ông Patel, ông rất thông minh đấy!” Ông Chiba: “Hắn đang nói cái gì vậy?” “Ta chẳng hiểu tí gì hết”.

Pi Patel: “Các ông muốn từ ngữ phản ánh được thực tại ư?” “Vâng”.

“Từ ngữ mà không mâu thuẫn với thực tại ư?” “Chính xác”.

“Nhưng hồ không mâu thuẫn gì với thực tại”.

“Ôi, xin ông làm ơn đừng nói đến hồ nữa”.

“Tôi biết các ông muốn gì rồi. Các ông muốn một câu chuyện không làm cho các ông ngạc nhiên. Câu chuyện đó sẽ khẳng định những gì các ông đã biết. Nó không làm các ông thấy cao hơn hoặc xa hơn hoặc khác đi. Các ông muốn một câu chuyện phẳng phiu. Một câu chuyện bất động. Các ông muốn có một thực tại khô ráo và không có men nở”.

“O...” “Các ông muốn một câu chuyện không có thú vật”.

“Đúng thế!” “Không có hồ và khi độc”.

“Đúng vậy!” “Không có linh cầu hoặc ngựa vằn”.

“Không có chúng”.

“Không có chồn biển hoặc chồn mongoose”.

“Chúng tôi không muốn chúng tí nào”.

“Không có hươu cao cổ hoặc hà mã”.

“Chúng tôi sẽ lấy ngón tay nút lỗ tai lại”.

“Vây là tôi đúng. Các ông muốn một câu chuyện không có các con vật”.

“Chúng tôi cần một câu chuyện không có các con vật và có thể giải thích được vụ đắm của con tàu Tsimsun”.

“Hãy làm ơn cho tôi một phút”.

“Tất nhiên rồi. Ta nghĩ cuối cùng chúng ta cũng đạt được cái gì đó. Hãy hy vọng hắn sẽ nói những điều có lý một chút”.

(Im lặng hồi lâu) “Đây là một câu chuyện khác cho các ông”.

“Tốt”.

“Con tàu đắm. Nó gây ra một tiếng động giống như một tiếng ợ ma quái đầy kim loại. Mọi thứ sủi sùng sục trên mặt nước rồi biến mất tăm. Tôi thấy mình quẫy chân dưới nước Thái Bình Dg. Tôi bơi về phía chiếc xuồng cứu nạn. Đó là chuyến bơi khó khăn nhất trong đời. Dường như tôi không nhích được tí nào. Tôi sặc nước liên tục. Tôi thấy rất lạnh. Tôi mất sức nhanh chóng. Tôi đã không thể đến được xuồng nếu ông bếp không ném cho tôi một cái phao và kéo tôi lên. Tôi trèo được lên xuồng và ngất xỉu.

Bốn người chúng tôi sống sót. Mẹ tôi bám được vào đám chuối trôi và ra được xuồng. Ông bếp đã ở trên xuồng cùng với một thủy thủ.

Hắn ta ăn ruồi. Ông bếp ấy. Chúng tôi mới ở trên xuồng chưa hết một ngày; chúng tôi có thức ăn và nước uống có thể sống được nhiều tuần; chúng tôi có đồ câu cá và những cái máy cất nước; chúng tôi không có lý do gì để sợ rằng sẽ không có ai đến cứu chúng tôi. Thế mà hắn đã cứ đứng vung tay bắt ruồi và ăn hau háu. Ngay đấy thôi mà hắn đã thấy đói khủng đói khiếp. Hắn gọi chúng tôi là lũ ngốc và ngu xuẩn vì không tham gia bữa tiệc ruồi với hắn. Chúng tôi đều tự ái và kinh tởm, nhưng không biểu lộ ra. Chúng tôi vẫn cư xử rất phải phép. Hắn là một người lạ, một người ngoại quốc. Mẹ mỉm cười, lắc đầu và giơ hai tay lên làm bộ từ chối. Hắn thật kinh tởm. Mồm miệng hắn chỉ biết phân biệt như một cái thùng rác. Hắn còn ăn cả chuột. Hắn cắt con chuột và phơi ra nắng. Tôi - tôi phải thú thật - tôi đã ăn một miếng nhỏ, rất nhỏ, sau lưng mẹ. Tôi đói quá. Hắn thật là một tên cục súc, lão đầu bếp ấy, bẩn tính và đạo đức giả.

Người thủy thủ còn trẻ. Thực ra thì anh ta lớn tuổi hơn tôi, có lẽ đã ngoài hai mươi, nhưng anh ta bị gãy chân lúc nhảy khỏi tàu và đau đớn biến anh ta thành một đứa trẻ. Anh ta đẹp, không có tí lông nào trên mặt và có nước da thật sáng sủa. Nét mặt anh ta - gương mặt rộng rãi, mũi tẹt, cặp mắt dài có mí nhỏ - trông thật thanh lịch. Tôi nghĩ anh ta trông giống một vị hoàng đế Trung Hoa. Anh ta đau khủng khiếp. Anh ta không nói tiếng Anh, một chữ cũng không, không yes, không no, không hello, không thank you. Chỉ nói tiếng Trung Quốc. Chúng tôi chẳng ai hiểu tí gì. Chắc hẳn anh ta phải thấy cô đơn lắm. Khi anh ta khóc, mẹ ôm anh ta vào lòng và tôi thì nắm lấy tay anh. Thật là buồn, rất buồn. Anh đau đớn mà chúng tôi thì chẳng làm được gì.

Chân phải của anh đã gãy thủng ngay đoạn bẹn. Xương lòi ra khỏi thịt. Anh kêu thét lên vì đau. Chúng tôi hết sức nắn lại chân cho anh và mong cho anh ăn được uống được. Nhưng cái chân bị nhiễm trùng. Chúng tôi nặn mủ cho anh hàng ngày, nhưng chẳng đỡ được chút nào. Bàn chân đen xạm lại và phồng rộp lên.

Đó là ý tưởng của lão bếp. Hẳn là một thằng cục súc. Hẳn chế ngự chúng tôi. Hẳn thì thầm rằng chỗ xạm đen ấy sẽ lan rộng ra và chỉ có cắt cái chân ấy đi mới cứu được anh ta. Vì xương đã gãy rời ở bẹn, sẽ chỉ việc cắt qua thịt thôi rồi buộc chặt lại để cầm máu. Tôi vẫn còn nghe thấy tiếng thì thầm nanh ác của hắn. Hắn sẽ thực hiện việc này để cứu mạng anh thủy thủ, chúng tôi sẽ chỉ phải giữ chặt anh ta. Thuốc mê sẽ chỉ là sự bất ngờ. Chúng tôi cùng nhào vào anh. Mẹ và tôi giữ chặt hai cánh tay còn lão bếp thì ngồi đè lên cái chân còn lành lặn. Anh thủy thủ giẫy giụa và kêu thét. Ngực anh ta phập phồng dữ dội. Lão bếp dùng con dao rất nhanh. Cái chân lìa ra. Lập tức, mẹ và tôi buông tay và quay ra chỗ khác. Chúng tôi tưởng không ghì anh xuống nữa thì anh cũng thôi giẫy giụa. Chúng tôi tưởng anh sẽ nằm yên. Nào ngờ, anh ngồi phắt ngay dậy. Những tiếng kêu thét của anh càng kinh khủng hơn vì chẳng biết anh đang kêu gì. Anh ta cứ kêu còn chúng tôi cứ đứng đực ra nhìn. Máu phun ra khắp nơi. Tệ hơn nữa là cảnh tượng trái ngược giữa những cử chỉ điên cuồng của người thủy thủ tội nghiệp và vẻ thanh thản nhẹ nhàng của cái chân anh ta đang nằm dưới đáy xuống. Anh cứ nhìn chăm chăm vào nó, như thể đang cầu khẩn nó hãy trở về. Cuối cùng, anh ngã xuống. Chúng tôi vội vàng vào việc. Lão bếp gập mấy nếp da dầy lên mẩu xương gãy. Chúng tôi buộc cái mồm cụt bằng một miếng vải rồi lấy thun thắt chặt phía trên vết thương để cầm máu. Chúng tôi đặt anh nằm thật thoải mái trên một cái đệm xếp bằng các áo phao và giữ ấm cho anh. Tôi nghĩ tất cả những việc đó chỉ vô ích mà thôi. Tôi không thể tin rằng con người có thể sống qua được những đau đớn đến thế, những bấm chặt dã man đến thế. Suốt tối và đêm đó anh ta rên rỉ, hơi thở nặng nhọc và không đều chút nào. Anh lên nhiều cơn hoảng loạn rất kích động. Tôi tưởng anh sẽ chết trong đêm đó.

Anh vẫn bám lấy sự sống. Sáng hôm sau, anh vẫn còn sống. Anh lúc tỉnh lúc mê. Mẹ cho anh uống nước. Tôi chợt nhìn thấy cái chân. Nó làm tôi ngạt cả thở. Xuống chòng chành trôi đã làm cho nó lặn vào một bên và bị quên lãng trong bóng tối. Nó đã rỉ nước và trông có vẻ teo đi. Tôi lấy một cái áo phao và dùng nó làm găng, tôi nhấc cái chân lên.

“Cậu làm gì thế?” - Lão bếp hỏi.

“Tôi sẽ ném nó xuống biển” - Tôi đáp.

“Đừng có ngốc. Ta sẽ dùng nó làm mồi câu. Đó là lý do chính”.

Hắn có vẻ lúng túng sau khi đã nói xong câu cuối cùng, vì giọng hắn tự nhiên nhỏ hẳn đi. Hắn quay đi chỗ khác.

“Lý do chính?” - Mẹ hỏi - “Ông nói thế là có nghĩa gì?” Hắn giả vờ như đang bận rộn việc gì đấy.

Giọng mẹ to lên - “Có phải ông đang nói rằng chúng ta cắt chân của cậu bé tội nghiệp này không phải để cứu nó, mà chỉ để lấy thịt làm mồi câu có phải không?” Thằng cha cục súc im lặng.

“Hãy trả lời đi!” - Mẹ hét lên.

Như một con thú bị dồn vào bước đường cùng, hắn giương mắt chĩa thẳng vào mẹ. “Đồ ăn dự trữ đang cạn dần” - hắn gầm gừ - “chúng ta cần có thêm thức ăn hoặc là chết”.

Mẹ nhìn trả hắn không kém phần dữ tợn. “Đồ dự trữ của chúng ta không cạn dần. Chúng ta có rất nhiều thức ăn và nước uống. Chúng ta có biết bao nhiêu hộp bích-quy để ăn cho tới khi được giải cứu”. Mẹ cầm lấy cái hộp nhựa trong đó chúng tôi đã cất những khẩu phần bích-quy của mình. Nó nhẹ bồng. Một vài mẩu vụn còn lại trong đó kêu lạch cạch. “Cái gì thế này!” - Mẹ mở hộp - “Bích-quy đâu cả rồi? Đêm qua còn đầy một hộp mà!” Lão bếp ngoảnh mặt đi. Tôi cũng vậy.

“Đồ quý sứ ích kỷ!” - Mẹ kêu lên - “Chúng ta hết thức ăn nhanh như vậy chỉ vì ông đã lén ăn vụng một mình!” “Nó cũng thế đấy” - Hắn nói, gật đầu về phía tôi.

Mắt mẹ nhìn sang tôi. Tim tôi nặng trĩu.

“Piscine, có thật không?” “Mẹ, đang đêm, con ngủ không được vì đói. Ông ta cho con một cái bích-quy. Con đã ăn mà không suy nghĩ...” “Chỉ một cái thôi ư?” - Lão bếp dè bịu.

Đến lượt mẹ quay đi chỗ khác. Hình như giận dữ trong mẹ đã tan đi hết. Không nói một lời nào thêm, mẹ quay lại chăm sóc anh thủy thủ.

Tôi ước gì mẹ giận dữ. Tôi ước mình bị mẹ trừng phạt, chứ không im lặng như thế này. Tôi đến xếp lại mấy cái áo phao cho anh thủy thủ nằm được dễ chịu hơn và để được ở bên cạnh mẹ. Tôi nói thầm - “Mẹ, con xin lỗi mẹ”. Mắt tôi rung rẩy. Khi ngược lên, tôi thấy mẹ cũng vậy. Nhưng mẹ không nhìn tôi. Mắt mẹ nhìn băng khuâng vào một ký ức nào đó giữa không trung.

“Chúng ta đơn độc quá, Piscine ơi, chúng ta đơn độc quá” - Mẹ nói. Giọng mẹ làm tiêu tan mọi hy vọng trong người tôi. Tôi chưa bao giờ thấy đơn độc như vào giây phút ấy. Chúng tôi đã ở trên xuồng hai tuần lễ và bắt đầu ngấm thương đau. Càng ngày càng khó tin rằng cha và Ravi còn sống.

Khi chúng tôi quay lại, lão bếp đang nắm lấy chỗ mắt cá và dốc ngược cái chân trên mặt biển để cho nước chảy đi. Mẹ lấy tay che mắt anh thủy thủ.

Anh chết im lặng, sự sống chảy ra khỏi anh như nước chảy khỏi cái chân anh. Lão bếp lập tức chặt thịt anh. Cái chân làm mỗi không tốt. Thịt chết quá rồi không bám chắc được vào lưỡi câu, cứ bở ra dưới nước. Con quỷ kia không bỏ phí thứ gì. Lão cắt hết thành từng miếng, kể cả da anh thủy thủ và từng đoạn gan ruột của anh. Khi đã làm xong phần thân, lão chuyển sang hai tay, vai và chân. Mẹ và tôi run bắn vì đau đớn và khủng khiếp. Mẹ gào lên với lão bếp - “Đồ quái vật kia, sao người có thể làm thế được? Người mất hết tính người rồi sao? Nhân phẩm của người đâu? Thằng bé tội nghiệp đã làm gì người? Đồ quái vật!” Lão bếp vặc lại mẹ bằng những lời lẽ thô tục không thể tin được.

“Vi Chúa, ít nhất cũng dạy mặt người ta lại đã!” - Mẹ kêu lên. Thật không thể chịu nổi trước cảnh một gương mặt đẹp như thế, cao thượng và bình thản như thế, lại gắn với cảnh tượng như vậy. Lão bếp nhảy ngay lên đầu anh thủy thủ và ngay trước mắt chúng tôi lão cắt da đầu và lột bong mặt anh ra. Mẹ và tôi nôn mửa.

Khi đã xong, lão ném cái xác đã bị băm vằm xuống biển. Chỉ một lúc sau, những rẻo thịt và các mảnh gan ruột đã nằm phơi nắng la liệt khắp xuồng. Chúng tôi rúm người lại vì sợ. Chúng tôi cố không nhìn. Nhưng mùi thì không thể xua đi đâu được.

Sau đó khi lão bếp đến gần, mẹ tát thẳng vào mặt lão, một cái tát thẳng tay khiến không khí vỡ vụn ra trong một tiếng bốp sắc lạnh. Đó thật là một cái gì choáng ngợp đột ngột hiện ra ở mẹ. Và thật anh hùng. Đó là một hành động căm thù, thương cảm, đau buồn và dũng cảm. Nó được cử hành để tưởng nhớ người thủy thủ đáng thương, để cứu vãn nhân phẩm của anh.

Tôi choáng người. Lão bếp cũng vậy. Lão đứng im không nói một lời trong khi mẹ nhìn thẳng vào mặt lão. Tôi để ý thấy lão tránh không nhìn vào mặt mẹ.

Chúng tôi rút lui về chỗ riêng của mình. Tôi ở ngay gần mẹ. Người tôi tràn đầy một cảm giác hỗn độn giữa khâm phục hết lòng và sợ hãi đến ghê rợn.

Mẹ luôn dè chừng lão bếp. Hai ngày sau, mẹ thấy hắn làm điều đó. Hắn đã cố giấu giếm, nhưng mẹ nhìn thấy lão đưa tay lên miệng. Mẹ quát to - “Ta thấy ngươi rồi! Ngươi vừa ăn một miếng! Bảo là để làm mỗi câu! Ta đã biết mà! Đồ quái vật! Sao người có thể thế được? Đó là người! Là đồng loại của người!” Nếu mẹ tưởng hắn sẽ sợ hãi, sẽ nhủ ngay ra, khóc lóc và xin lỗi, thì mẹ đã nhầm. Lão tiếp tục nhai. Sự thực là lão còn ngẩng đầu lên và công khai đưa nốt rẻo thịt vào mồm. “Cũng giống thịt lợn” - Lão lẩm nhẩm. Mẹ biểu lộ sự phẫn nộ và kinh tởm bằng cách quay ngoắt đi một cách dữ dội. Lão ăn một rẻo nữa. “Ta thấy khỏe lên rõ ràng” - Lão lại lẩm nhẩm. Rồi lão tập trung vào câu cá.

Mỗi chúng tôi có góc riêng của mình trên xuồng. Thật lạ lùng khi thấy ý chí có thể dựng lên những bức tường ngăn cách như thế nào. Có nhiều ngày liền chúng tôi như không nhìn thấy lão.

Nhưng chúng tôi không thể hoàn toàn phớt lờ lão. Lão là một kẻ cục súc, song có thực tế. Lão tháo vát chân tay và hiểu biết biển cả. Lão đầy những ý tưởng hay. Lão là người nghĩ ra cách làm một cái bè để giúp cho việc câu cá. Nếu chúng tôi sống sót được, đó cũng là nhờ có lão. Tôi giúp lão hết sức mình. Lão rất hay nổi cáu, lúc nào cũng quát nạt và mắng chửi tôi.

Mẹ và tôi không ăn một tí thịt nào của anh thủy thủ, một miếng nhỏ cũng không, mặc dù có vì vậy mà yếu đi, nhưng chúng tôi bắt đầu ăn những thứ lão bếp bắt được từ biển lên. Mẹ tôi, một người suốt đời ăn chay, đã buộc lòng phải ăn cá sống và rùa sống. Mẹ rất khổ sở vì thế. Mẹ không bao giờ hết cảm giác lợm giọng và buồn nôn. Tôi thì dễ hơn. Tôi thấy cái đói làm cho cái gì cũng ngon cả.

Khi đời ta nhận được một niềm an ủi, dù chỉ là ngắn ngủi, ta khó cảm được cảm giác ấm áp đối với người đã mang cho ta niềm an ủi đó. Thật là phản khởi khi lão bếp kéo lên xuồng một con rùa hay bắt được một

con dorado thật to. Những lúc đó chúng tôi mỉm cười rạng rỡ và trong lòng thấy ấm áp hẳn lên trong nhiều giờ liền. Mẹ và lão bếp đã chuyển trò một cách lịch sự, thậm chí còn nói đùa với nhau. Có những khi hoàng hôn rất đẹp, cuộc sống trên xuồng đã gần như tốt đẹp thực sự. Những lúc ấy tôi đã nhìn lão - đúng thế - tôi đã nhìn lão thật dịu dàng. Còn âu yếm nữa là khác. Tôi tưởng tượng chúng tôi đều là bạn rất thân từ lâu. Lão là một người thô thiển ngay cả khi lão đang vui vẻ, nhưng chúng tôi vờ nhưng không thấy điều đó, và thậm chí không nghĩ là chúng tôi đang vờ. Lão nói chúng tôi rồi sẽ cập được vào một hòn đảo. Đó là hy vọng lớn nhất của chúng tôi. Chúng tôi mỗi mắt dò xét chân trời để tìm một hòn đảo không bao giờ hiện ra. Đó là lúc lão ăn cắp thức ăn và nước uống.

Thái Bình Dương vô biên và bằng phẳng nổi sóng cao như những bức tường vĩ đại xung quanh chúng tôi. Tôi đã nghĩ chúng tôi không bao giờ có thể vượt qua được những bức tường đó.

Lão đã giết mẹ. Lão bếp đã giết mẹ tôi. Chúng tôi đang chết dần vì đói. Tôi yếu lắm. Tôi không còn đủ sức giữ chặt một con rùa. Vì vậy mà nó sống mất. Lão đánh tôi. Mẹ đánh lão. Lão đánh trả mẹ. Mẹ quay sang bảo tôi “Đi đi!”, rồi đẩy tôi về phía cái bè. Tôi nhảy sang bè. Tôi tưởng mẹ sẽ sang cùng. Tôi rơi xuống biển, rồi lóp ngóp trèo lên bè. Hai người đánh nhau. Tôi chẳng làm gì được, chỉ nhìn. Mẹ đang đánh một người lớn. Lão ác và khỏe. Lão tóm lấy cổ tay mẹ và bẻ quặt. Mẹ rú lên rồi ngã xuống. Lão nhảy lên trên và rút dao. Lão giờ dao lên. Con dao hạ xuống. Khi lão giờ nó lên, nó đã đâm máu. Con dao lên xuống liên tiếp. Tôi không thể thấy mẹ. Mẹ nằm dưới sàn xuồng. Tôi chỉ thấy lão. Lão ngừng tay, ngẩng lên và nhìn tôi. Lão ném mạnh cái gì đó sang tôi. Một dòng máu quật mạnh ngang mặt tôi. Không cái roi nào có thể quật đau đến thế. Tôi đã ôm cái đầu mẹ trong tay mình. Tôi buông tay. Nó chìm xuống biển giữa một quãng máu, bím tóc dài của mẹ ngoằn ngoèo như một cái đuôi. Cá lượn tròn và theo nó xuống sâu, cho đến khi bóng xám một con cá mập dài cắt ngang qua và cái đầu biến mất. Tôi ngẩng lên. Tôi không thể nhìn thấy lão. Lão đang giấu mình dưới đáy xuồng. Lão xuất hiện khi quãng thi thể mẹ tôi xuống biển. Mồm lão đỏ lôm. Nước biển sục lên đầy cá.

Suốt ngày và đêm đó tôi ngồi trên bè, nhìn lão. Không ai nói một lời. Lão đã có thể cắt dây bè. Nhưng lão không cắt. Lão giữ cho tôi sống, như một lương tâm xấu xa.

Buổi sáng, ngay trước mắt lão, tôi kéo dây và trèo lên xuồng. Tôi rất đuối sức. Lão không nói gì. Tôi cũng vậy. Lão bắt được một con rùa. Lão cho tôi chỗ máu rùa. Lão làm thịt rùa và để phần ngon nhất cho tôi trên cái ghế giữa xuồng. Tôi ăn.

Rồi chúng tôi đánh nhau và tôi giết lão. Mặt lão không biểu lộ gì, không tuyệt vọng, cũng không giận dữ, không sợ hãi và cũng không đón đau. Lão buông xuôi. Lão để cho mình bị giết, dù vẫn cố chống cự. Lão biết lão đã đi quá xa, ngay cả với những tiêu chuẩn súc vật của lão. Lão đã quá trớn và không còn muốn sống nữa. Nhưng lão không hề nói “Tôi xin lỗi”. Sao con người lại bám chặt lấy điều ác như vậy nhỉ?

Con dao nằm sờ sờ trên mặt ghế ngay từ đầu. Cả hai chúng tôi đều biết thế. Lão đã có thể vớ lấy con dao ngay từ đầu. Chính lão là người đã để nó ở đấy. Tôi nhặt nó lên. Tôi đâm dao vào bụng lão. Lão nhăn mặt nhưng vẫn đứng yên. Tôi rút dao ra và đâm tiếp. Máu phọt ra. Lão vẫn không ngã. Nhìn vào mắt tôi, lão hơi ngẩng đầu lên một chút. Lão muốn nói gì chẳng? Chắc là thế. Tôi đâm dao vào cổ họng lão, ngay sát cục yết hầu, trái táo của Adam. Lão đổ vật xuống như một hòn đá. Và chết. Lão không nói một lời nào. Lão không có lời cuối cùng. Chỉ ho sặc máu. Con dao có một sức mạnh năng động khủng khiếp; một khi đã xung trận, nó khó lòng ngừng lại. Tôi đâm lão liên tiếp. Quả tim lão khó moi quá - có bao nhiêu là ống chằng chịt quanh nó. Tôi vẫn moi được nó ra. Vị nó ngon hơn thịt rùa nhiều. Tôi ăn gan lão. Tôi cắt thịt lão thành từng miếng lớn.

Lão đã là một kẻ ác. Tôi tệ hơn, lão đã gắp cái ác trong tôi - cái ích kỷ, lòng căm giận, sự tàn bạo. Tôi phải sống với điều đó.

Cô đơn lại bắt đầu. Tôi quay về với Chúa. Tôi đã sống sót”.

(Im lặng hồi lâu) “Thế đã tốt hơn chưa? Có đoạn nào các ông thấy khó tin nữa không? Có gì các ông muốn tôi thay đổi nữa không?” Ông Chiba: “Thật là một câu chuyện rùng rợn”.

(Im lặng hồi lâu) Ông Okamoto: “Cả con ngựa vẫn lẫn người thủy thủ Đài Loan đều gãy một chân, anh có để ý điều đó không?” “Không ạ”.

“Và con linh cẩu cắn đứt lia cái chân con ngựa vẫn giống hệt như người đầu bếp cắt chân anh thủy thủ”.

“Ôi, thầy Okamoto, thầy thấy nhiều thứ quá”.

“Người Pháp mù họ gặp trên cái xuồng kia - có phải anh ta thú nhận có giết một người đàn ông và một người đàn bà không?” “Vâng, đúng thế”.

“Lão bếp giết người thủy thủ và mẹ hắn”.

“Rất ấn tượng ạ”.

“Hai câu chuyện của hấn trùng hợp nhau”.

“Có nghĩa là người thủy thủ Đài Loan là con ngựa vằn, mẹ hấn là con khỉ độc, lão bếp là... con linh cầu - vậy thì hấn là con hổ!” “Đúng vậy. Con hổ giết con linh cầu - và người Pháp mù - hết như hấn đã giết người đầu bếp”.

Pi Patel: “Các ông còn thời socola nào không?” Ông Chiba: “Có ngay đây!” “Cảm ơn ông”.

Ông Chiba: “Nhưng thưa thầy Okamoto, thế nghĩa là thế nào?” “Ta không biết”.

“Còn hòn đảo nữa? Ai là bọn chồn biển?” “Ta không biết”.

“Còn những cái răng kia nữa? Răng của ai ở trên cây vậy?” “Ta không biết. Ta không ở trong đầu của thằng bé này”.

(Im lặng hồi lâu) Ông Okamoto: “Xin lỗi được hỏi, người đầu bếp có nói bất kỳ điều gì về việc đắm tàu Tsimtsum không?” “Trong câu chuyện thứ hai ấy à?” “Vâng”.

“Lão không nói gì cả”.

“Ông ta không nhắc đến bất kỳ chuyện gì trước buổi sáng sớm ngày 2 tháng 7, có thể giúp giải thích việc đã xảy ra ư?” “Không”.

“Không có gì mang tính chất cơ khí hoặc cấu trúc ư?” “Không”.

“Không có gì về các tàu khác hoặc các vật lạ khác ngoài biển ư?” “Không”.

“Ông ta không thể giải thích tại sao tàu Tsimtsum lại bị đắm ư?” “Không”.

“Ông ta có thể nói tại sao tàu không gửi đi một tín hiệu báo động nào không?” “Nhưng nếu có gửi thì sao? Trong kinh nghiệm của tôi, khi một cái thùng sắt gì hạng ba bản thiêu bị đắm, nếu nó không may mắn chờ theo dầu, thật nhiều dầu đủ để tàn phá toàn bộ các hệ sinh thái, thì chẳng ai quan tâm và sẽ không có ai biết chuyện hết. Mặc kệ các người”.

“Lúc Oika biết thì đã quá muộn rồi. Các anh ở quá xa để có thể tổ chức cứu hộ bằng máy bay. Công ty đã thông báo cho các tàu bè trong khu vực phải để ý tìm. Họ đều báo cáo là không nhìn thấy gì”.

“Nhân tiện đang nói chuyện này, tôi xin nói rằng chiếc tàu ấy không phải chỉ là hạng ba mà thôi. Thủy thủ đoàn là một bọn lảm lì và chẳng thân thiện chút nào, chỉ làm việc khi có sỹ quan để mắt đến, còn không thì thôi. Họ không nói một chữ tiếng Anh nào và chẳng giúp gì chúng tôi cả. Một số lúc nào cũng sặc mùi rượu kể từ giữa chiều trở đi. Có trời biết bọn họ đã làm gì? Các sỹ quan - ” “Ông nói vậy là có ý gì?” “Nói gì cơ?” “Có trời biết bọn họ đã làm gì?” “Tôi muốn nói có thể trong một cơn say, một vài người trong bọn họ đã thả các con thú ra”.

Ông Chiba: “Ai giữ chìa khóa các chuồng thú?” “Cha tôi”.

Ông Chiba: “Vậy thủy thủ làm sao mở được chuồng nếu họ không có chìa khóa?” “Tôi không biết. Có thể họ dùng xà beng”.

Ông Chiba: “Tại sao họ làm thế? Tại sao lại có người nào đó muốn thả một con thú nguy hiểm ra khỏi chuồng?” “Tôi không biết. Có ai dò được những gì trong đầu một người say? Tôi chỉ có thể nói cho các ông biết cái gì đã xảy ra mà thôi. Các con thú đều ở ngoài chuồng hết”.

Ông Okamoto: “Xin lỗi. Ông nghi ngờ phẩm chất của các thủy thủ ư?” “Đúng vậy”.

“Ông có chứng kiến một sỹ quan nào say rượu không?” “Không”.

“Nhưng ông thấy một số thủy thủ say rượu”.

“Vâng”.

“Theo ý ông, các sỹ quan có tỏ ra là họ có năng lực và chuyên nghiệp không?” “Làm sao tôi biết được? Các ông tưởng chúng tôi đã dùng trà với họ hàng ngày chắc? Họ nói được tiếng Anh, nhưng họ cũng chẳng hơn gì đám thủy thủ. Họ khiến chúng tôi cảm thấy mình không được hoan nghênh trong phòng sinh hoạt chung của tàu và hầu như không nói một lời nào với chúng tôi trong các bữa ăn. Họ nói chuyện với nhau suốt bằng tiếng Nhật, như thể chúng tôi không có mặt ở đó. Chúng tôi chỉ là một gia đình Ấn Độ thấp hèn mang theo một mớ hàng công kênh và khó chịu. Cuối cùng thì chúng tôi ăn với nhau trong cabin của cha và mẹ. Anh Ravi tôi nói: “Phiêu lưu đang vậy gọi kia!” Đó là cái giúp chúng tôi chịu đựng được mọi chuyện, ý thức cuộc phiêu lưu của chúng tôi. Phần lớn thời gian chúng tôi dọn phân, rửa chuồng, cho thú ăn, trong khi cha phải đóng vai bác sỹ thú y. Bầy thú ồn thì chúng tôi ồn. Tôi không biết liệu các sỹ quan ấy có năng lực hay không”.

“Ông có nói tàu bị nghiêng về phía lái?” “Đúng thế”.

“Và bị dốc từ mũi xuống đuôi”.

“Đúng thế”.

“Vậy là tàu chìm đằng lái trước?”

“Đúng thế”.

“Không phải đằng mũi trước?” “Đúng thế”.
 “Ông có chắc không? Nó bị dốc từ trước về phía sau chứ?” “Đúng thế”.
 “Nó có đụng phải một con tàu nào khác không?” “Tôi không thấy tàu nào khác cả”.
 “Nó có đụng phải vật gì khác không?” “Tôi không thấy vật gì khác cả”.
 “Nó có mắc cạn không?” “Không, nó chìm mất tăm mà”.
 “Sau khi rời Manila, ông không biết có trục trặc gì về cơ khí chứ?” “Không”.
 “Ông có thấy tàu có vẻ bị quá tải không?” “Đó là lần đầu tiên tôi đi tàu thủy. Tôi không biết tàu thủy quá tải thì có vẻ như thế nào”.
 “Ông tin rằng đã nghe thấy một tiếng nổ?” “Vâng”.
 “Có tiếng động gì khác không?” “Hàng nghìn”.
 “Tôi muốn nói tiếng gì có thể giải thích tại sao tàu chìm”.
 “VẬY THÌ KHÔNG”.
 “Ông có nói tàu chìm rất nhanh”.
 “Đúng thế”.
 “Ông có thể ước tính là bao lâu?” “Khó nói. Rất nhanh. Tôi đoán chừng chưa đến hai mươi phút”.
 “Và có rất nhiều mảnh vỡ?” “Đúng vậy”.
 “Có phải tàu bị một con sóng lưng đánh vào không?” “Chắc không phải”.
 “Nhưng lúc đó đang bão có phải không?” “Biển có vẻ động mạnh đối với tôi. Có gió và có mưa”.
 “Sóng có cao lắm không?” “Cao. Tám chín thước gì đó”.
 “Thế chưa ăn thua gì, thực vậy”.
 “Nếu ông ở dưới xuống thì không phải thế”.
 “Vâng, tất nhiên rồi. Nhưng với một con tàu hàng chưa ăn thua gì”.
 “Có thể sóng cao hơn. Tôi không biết. Thời tiết xấu đến nỗi tôi sợ mất mặt. Tôi chỉ biết chắc được như vậy mà thôi”.
 “Ông nói thời tiết yên ổn lại rất nhanh. Con tàu chìm và ngay sau đó là một ngày đẹp trời, có phải ông nói vậy không?” “Đúng vậy”.
 “Nghe có vẻ như chỉ là một cơn dông ngắn ngủi”.
 “Nó đã đánh chìm con tàu”.
 “Đó chính là điều chúng tôi còn nghi ngờ”.
 “Cả gia đình tôi đã chết”.
 “Chúng tôi rất lấy làm tiếc”.
 “Không thể bằng tôi được”.
 “Vậy điều gì đã xảy ra, thưa ông Patel? Chúng tôi không hiểu gì hết. Tất cả đều đang bình thường và rồi...?” “Rồi thì cái bình thường ấy chấm”.
 “Tại sao?” “Tôi không biết. Các ông phải nói cho tôi biết mới phải. Các ông là các chuyên gia. Hãy áp dụng khoa học của các ông”.
 “Chúng tôi không hiểu”.
 (Im lặng hồi lâu) Ông Chiba: “Bây giờ thì sao đây?” Ông Okamoto: “Chúng ta bỏ cuộc thôi. Lời giải thích vụ đắm tàu Tsimtsum đang nằm dưới đáy Thái Bình Dương rồi”.
 (Im lặng hồi lâu) Ông Okamoto: “Đúng thế. Chúng ta đi thôi. Thưa ông Patel, tôi nghĩ chúng tôi đã có những gì cần thiết. Chúng tôi cảm ơn ông rất nhiều vì sự hợp tác của ông. Ông đã giúp chúng tôi rất nhiều, rất nhiều”.
 “Không dám. Nhưng trước khi các ông đi, tôi muốn được hỏi các ông một điều”.
 “Xin ông cứ hỏi”.
 “Tàu Tsimtsum đắm ngày 2 tháng 7 năm 1977”.
 “Đúng thế”.
 “Và tôi, người duy nhất trên tàu Tsimtsum còn sống sót, đến bờ biển Mexico ngày 14 tháng 2 năm 1978”.
 “Đúng vậy”.
 “Tôi đã kể cho các ông hai câu chuyện về những gì đã xảy ra trong hai trăm hai mươi bảy ngày giữa hai thời điểm đó”.
 “Vâng, ông đã kể rồi”.
 “Không có câu chuyện nào giải thích được vụ đắm tàu Tsimtsum”.
 “Đúng như vậy”.
 “Chúng chẳng khác gì về mặt thực tại đối với các ông”.

“Điều đó đúng”.

“Các ông không thể chứng tỏ câu chuyện nào là thật và câu chuyện nào là không thật. Các ông phải tin vào lời nói của tôi thôi”.

“Tôi đoán vậy”.

“Trong cả hai câu chuyện, con tàu đều đắm, cả gia đình tôi đều chết, và tôi đều khốn khổ”.

“Vâng, quả có vậy”.

“Thế thì các ông hãy nói cho tôi biết, vì nó chẳng khác gì về mặt thực tại và các ông cũng chẳng chứng minh được vấn đề theo cả cách này hay cách kia, các ông thấy thích câu chuyện nào hơn? Câu chuyện nào hay hơn, chuyện có các con vật hay là chuyện không có các con vật?” Ông Okamoto: “Đó là một câu hỏi thú vị...” Ông Chiba: “Chuyện có các con vật”.

Ông Okamoto: “Đúng vậy. Câu chuyện có các con vật là câu chuyện hay hơn”.

Pi Patel: “Cảm ơn các ông. Thượng đế cũng nghĩ như các ông”.

(Im lặng) Ông Okamoto: “Chúng tôi không dám”.

Ông Chiba: “Hắn vừa nói gì?” Ông Okamoto: “Ta không biết”.

Ông Chiba: “Ôi, nhìn kìa, hắn đang khóc”.

(Im lặng hồi lâu) Ông Okamoto: “Chúng tôi sẽ thận trọng khi lái xe về. Chúng tôi không muốn đâm phải Richard Parker”.

Pi Patel: “Đừng lo, các ông chẳng đâm vào nó đâu. Nó đang ẩn náu ở một nơi mà các ông sẽ không thể tìm thấy được”.

Ông Okamoto: “Cảm ơn ông đã bỏ thì giờ nói chuyện với chúng tôi, thưa ông Patel. Chúng tôi xin biết ơn ông. Và chúng tôi thực lòng lấy làm tiếc về những gì đã xảy ra với ông”.

“Cảm ơn hai ông”.

“Rồi đây ông sẽ làm gì?” “Có lẽ tôi sẽ đi Canada”.

“Không quay về Ấn Độ sao?” “Không. Chẳng còn gì cho tôi ở đó nữa. Chỉ là những ký ức buồn mà thôi”.

“Tất nhiên, ông đã biết ông sẽ được tiền bảo hiểm”.

“Ô!” “Vâng. Oika sẽ liên lạc với ông”.

(Im lặng) Ông Okamoto: “Chúng tôi phải đi rồi. Chúng tôi xin chúc ông mọi điều tốt lành nhất, thưa ông Patel”.

Ông Chiba: “Vâng, mọi điều tốt lành nhất”.

“Cảm ơn hai ông”.

Ông Okamoto: “Tạm biệt”.

Ông Chiba: “Tạm biệt”.

Pi Patel: “Các ông có muốn mấy cái bánh cầm đi đường không?” Ông Okamoto: “Được thế thì tốt quá”.

“Đây, mỗi ông ba cái”.

“Cảm ơn”.

Ông Chiba: “Cảm ơn ông”.

“Không dám. Tạm biệt. Thượng đế sẽ ở bên các ông, những người anh em của tôi ạ”.

“Cảm ơn. Cả với ông nữa, ông Patel”.

Ông Chiba: “Tạm biệt”.

Ông Okamoto: “Ta đang chết đói đây. Đi ăn thôi. Anh có thể tắt cái máy được rồi”. Chú thích [1] Một món cơm lạnh nấu với giấm, nặn thành nhiều hình dạng khác nhau, bày kèm theo những miếng cá hoặc tôm cua sống (ND) [2] Nguyên văn: tempura - món ăn Nhật, tôm cá hoặc rau tẩm bột thành từng cái bánh nhỏ và rán giòn (ND).

Ông Okamoto, trong lá thư viết cho tôi, có gọi cuộc phỏng vấn ấy là “khó khăn và đáng nhớ”. Ông nhớ rằng Piscine Molitor Patel “rất gầy, rất cứng rắn, rất thông minh”.

Bản tường trình của ông, trong phần thiết yếu nhất của nó, viết như sau:

Người sống sót duy nhất không làm sáng tỏ được gì về lý do đắm tàu Tsimtsum. Con tàu có vẻ đã chìm rất nhanh, điều đó có thể chứng tỏ vỏ tàu đã bị vỡ nghiêm trọng. Khối lượng các mảnh vỡ nhiều đến thế có thể củng cố lý thuyết này. Nhưng lý do chính xác của sự cố vỡ vỏ tàu thì không thể xác định được. Không có báo cáo gì về sự cố thời tiết ngày hôm đó. Đánh giá thời tiết của người sống sót có tính ẩn tượng và không đáng tin. Cùng lắm thì thời tiết cũng chỉ là một yếu tố mà thôi. Nguyên nhân có thể là nội tạng của tàu. Người sống sót tin là đã nghe thấy một tiếng nổ, gợi cho ta nghĩ đến một trục trặc nào đó của động cơ, có thể là nổ nồi hơi, nhưng cũng chỉ là một suy đoán. Tàu hai mươi chín tuổi, đóng tại xưởng Erlandson và Skank năm 1948, đã trung tu năm 1970. Thời tiết kết hợp với rệu rã cấu trúc có thể là nguyên nhân, nhưng cũng chỉ là một giả định. Không có sự cố tàu bè nào được báo cáo trong khu vực ngày hôm đó, nên tàu đâm phải tàu là không khả dĩ. Đâm vào một đám mảnh vỡ là một khả năng, nhưng không khẳng định được. Đâm phải mìn có thể giải thích được tiếng nổ, nhưng có vẻ không tưởng và rất khó xảy ra vì tàu chìm đằng lái trước, tức là chỗ thùng phải ở về phía đuôi tàu. Người sống sót có nghi ngờ chất lượng của thủy thủ đoàn nhưng không có ý kiến gì về các sĩ quan. Công ty tàu biển Oika nói rằng tất cả hàng chở trên tàu đều hợp pháp và không biết gì về bất cứ vụ việc bê bối nào của sĩ quan hoặc thủy thủ đoàn nhưng không có ý kiến gì về các sĩ quan. Công ty tàu biển Oika nói rằng tất cả hàng chở trên tàu đều hợp pháp và không biết gì về bất cứ vụ việc bê bối nào của sĩ quan hoặc thủy thủ trên tàu. Nguyên nhân đắm tàu không thể xác định được từ những bằng chứng đã có. Thủ tục bồi hoàn bảo hiểm theo tiêu chuẩn của Oika. Không cần có hành động gì nữa. Khuyến cáo cho kết thúc vụ việc này.

Ngoài ra, câu chuyện của người sống sót, ông Piscine Molitor Patel, công dân Ấn Độ, là một câu chuyện rất kỳ lạ về lòng can đảm và sức chịu đựng trong những hoàn cảnh bi thảm và cực kỳ khó khăn. Trong kinh nghiệm của người điều tra vụ này, câu chuyện của ông ta là có một không hai trong lịch sử các vụ đắm tàu. Rất ít nạn nhân đắm tàu có thể tuyên bố đã sống sót được ngoài biển khơi lâu đến thế, như ông Patel, và không ai có đồng hành là một con hổ Bengal đã trưởng thành.

HẾT